MB

Tăng tốc
Vững chắc
Hiệu quả

2025

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN

MB

Tăng tốc
Vững chắc
Hiệu quả

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN

2025

Mục lục

Thông điệp của Chủ tịch HĐQT 8

Thông điệp của Tổng giám đốc 10

01

Tổng quan về MB năm 2025

Thông tin chung 14

Các con số nổi bật 16

Mô hình quản trị và tổ chức kinh doanh 26

Chiến lược và định hướng phát triển 34

Công tác quản lý rủi ro 40

02

Tình hình hoạt động của MB năm 2026

Tình hình hoạt động kinh doanh 56

Tổ chức và nhân sự 70

Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án 78

Tình hình tài chính của MB năm 2025 85

Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu 94

03

Báo cáo và đánh giá của Ban Điều hành

Tình hình hoạt động kinh doanh 100

Tình hình tài chính 120

Trách nhiệm về môi trường và xã hội 122

04

Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ngân hàng

Tình hình hoạt động của Ngân hàng 126

Hoạt động của Ban Điều hành 132

Kế hoạch và định hướng của HĐQT 134

05

Báo cáo phát triển bền vững

Thông tin báo cáo phát triển bền vững 138

Thông điệp phát triển bền vững của MB 139

Thành tựu nổi bật về phát triển bền vững 142

Báo cáo của Ban Điều hành về trách nhiệm Môi trường – Xã hội 151

Quy trình xác định các chủ đề trọng yếu 152

Các trụ cột chiến lược Quản trị Phát triển bền vững 158

Khách hàng là trung tâm 168

Bảo vệ Môi trường 177

Cộng đồng và Xã hội thịnh vượng 186

Các chủ đề nền tảng Số hóa 208

06

Quản trị công ty

Tổng quan về hoạt động quản trị doanh nghiệp trong năm 2025 214

Hội đồng quản trị 215

Ban Kiểm soát 237

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích 244

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty 252

07

Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán

Thông tin chung 278

Báo cáo của Ban Điều hành 280

Báo cáo kiểm toán độc lập 281

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất 282

Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất 286

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 288

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất 291

Danh mục từ viết tắt

AI	Trí tuệ nhân tạo
AMC	Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng TMCP Quân Đội
API	Giao diện lập trình ứng dụng
APP MB	App dành cho khách hàng cá nhân của MB
ASEAN	Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á
ATM	Máy rút tiền tự động
ATTT	An toàn thông tin
AUM	Tổng tài sản quản lý
BaaS	Banking as a Service
BCTC	Báo cáo tài chính
BCTN	Báo cáo thường niên
BĐH	Ban điều hành
BĐS	Bất động sản
BIZ MB	App dành cho khách hàng doanh nghiệp của MB
BKS	Ban kiểm soát
BLĐ	Ban lãnh đạo
BMFF	Quỹ Đầu tư tăng trưởng Bordier - MB Flagship
CAGR	Mức tăng trưởng bình quân
CAR	Tỷ lệ an toàn vốn
CASA	Tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn
CBNV	Cán bộ nhân viên
CBQL	Cán bộ quản lý
CCTG	Chứng chỉ tiền gửi
CĐ	Cổ đông
CEO/ TGĐ	Tổng giám đốc
CES	Chỉ số nỗ lực/dễ dàng tiếp cận sản phẩm của ngân hàng
CGBB	Chuyển giao bắt buộc
CIB	Khối khách hàng lớn
CIR	Tỷ lệ chi phí hoạt động trên tổng thu nhập hoạt động
CN/PGD	Chi nhánh/ Phòng giao dịch
CNTT	Công nghệ thông tin
COF	Chi phí vốn
COSO	Ủy ban Chống gian lận khi lập Báo cáo tài chính thuộc Hội đồng quốc gia Hoa Kỳ
CPI	Chỉ số giá tiêu dùng

CQ KTT	Cơ quan Kinh tế trưởng
CQQLNN	Cơ quan quản lý nhà nước
CRM	Máy nộp và rút tiền tự động
CSAT	Chỉ số hài lòng của khách hàng
CTTV	Công ty thành viên
ĐGD	Điểm giao dịch
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
DV	Dịch vụ
ĐVKD	Đơn vị kinh doanh
eKYC	Định danh khách hàng điện tử (Electronic Know Your Customer)
EPS	Lãi cơ bản trên cổ phiếu
ESG	Môi trường - xã hội - Quản trị
ESOP	Phát hành cổ phiếu cho CBNV trong ngân hàng (Employment Stock Ownership Plan)
EU	Liên minh Châu Âu EU
FCRM	Quản trị rủi ro phòng chống tội phạm tài chính
FDI	Vốn đầu tư nước ngoài
GĐ	Giám đốc
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
GRI	Tổ chức Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu
GSO	Tổng cục thống kê Việt Nam
GTCG	Giấy tờ có giá
HĐQT	Hội đồng quản trị
IB	Ngân hàng đầu tư
ICAAP	Quy trình đánh giá tính đầy đủ vốn nội bộ
IFRS	Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế
IMF	Quỹ tiền tệ quốc tế
IR	Hoạt động Quan hệ Nhà đầu tư
ISO	Tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế
ISO/IEC	Tiêu chuẩn kỹ thuật điện quốc tế
KDLT	Kinh doanh liên tục
KH	Khách hàng
KHCN	Khách hàng cá nhân
KHDN	Khách hàng doanh nghiệp
KKH BQ	Không kỳ hạn bình quân
KNK	Khí nhà kính
KSV	Kiểm soát viên

KTNB	Kiểm toán nội bộ
KYC	Định danh khách hàng (Know Your Customer)
LCR	Loan coverage ratio (Tỷ lệ bao phủ nợ xấu)
LDR	Tổng dư nợ cho vay/ nguồn vốn huy động
LGD	Tỷ trọng tổn thất ước tính
LLKD	Lực lượng kinh doanh
LNG	Liên ngân hàng
LNTT	Lợi nhuận trước thuế
MB	Ngân hàng TMCP Quân đội
MB1688	Chương trình sức khỏe trí tuệ
MB247	Tổng đài giải đáp hỗ trợ khách hàng 24/7
MTV	Một thành viên
MTXH	Môi trường – xã hội
Net-zero	Phát thải ròng bằng "0"
NFC	Xác thực sinh trắc học
NFI	Thu nhập phí thuần
NH	Ngân hàng
NHNN	Ngân hàng nhà nước
NHTM	Ngân hàng thương mại
NHTMCP	Ngân hàng Thương mại cổ phần
NII	Thu nhập lãi thuần
NIM	Tỷ lệ thu nhập lãi thuần/Biên lãi ròng
NPL	Tỷ lệ nợ xấu
NPS	Chỉ số trung thành của khách hàng
NPTQTCT	Người phụ trách quản trị công ty
NQ	Nghị quyết
NSFR	Tỷ lệ nguồn vốn ổn định ròng
NSNN	Ngân sách nhà nước
OCR	Trích xuất dữ liệu tự động
PCRT	Phòng chống rửa tiền
PCTN, TC&TP	Phòng chống tham nhũng, tiêu cực & tội phạm
PD	Xác suất vỡ nợ
POS	Máy bán hàng cầm tay (Point of sales)
PTBV	Phát triển bền vững

PTGĐ	Phó tổng giám đốc
QĐ	Quyết định
QĐNB	Quy định nội bộ
QĐPL	Quy định pháp luật
QTCT	Quản trị công ty
QTRR	Quản trị rủi ro
QTRRHĐ	Quản trị rủi ro hoạt động
RM	Quan hệ khách hàng
ROA	Tỷ suất lợi nhuận /tổng tài sản
ROE	Tỷ lệ lợi nhuận/ Vốn chủ sở hữu
RPA	Tự động hóa quy trình bằng rô-bốt
RRHĐ	Rủi ro hoạt động
RT	Rửa tiền
SBV	Ngân hàng nhà nước Việt Nam
SCF	Tài chính chuỗi cung ứng
SME	Doanh nghiệp vừa và nhỏ
SPO	Second Party Opinion – Đánh giá độc lập của bên thứ hai
TC&TP	Tiêu cực và tội phạm
TCT	Tổng công ty
TCTD	Tổ chức tín dụng
TMCP	Thương mại cổ phần
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TOI	Tổng thu nhập hoạt động
TP TCKT	Trái phiếu Tổ chức kinh tế
TPDN	Trái phiếu doanh nghiệp
TTKB	Tài trợ khủng bố
TTPBVKHDHL	Tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt
TV	Thành viên
UB	Uỷ ban
UBCKNN	Uỷ ban chứng khoán nhà nước
UBKT	Uỷ ban kiểm toán
UBNS	Ủy ban Nhân sự
UN	Liên hợp quốc
VBMA	Hiệp hội Thị trường Trái phiếu Việt Nam
VĐL	Vốn điều lệ
VPĐD	Văn phòng đại diện
XNK	Xuất nhập khẩu
YEA	Tỷ suất tài sản sinh lời

Năm 2025, giá trị thương hiệu MB đã vượt mốc 2 tỷ USD, nằm trong top 3 ngân hàng và top 10 thương hiệu giá trị nhất cả nước.

Kính gửi Quý cổ đông, Nhà đầu tư, Đối tác và Khách hàng,

Năm 2025, nền kinh tế toàn cầu đối mặt với nhiều thách thức từ biến động địa chính trị. Trong bối cảnh đó, tăng trưởng kinh tế Việt Nam tương đối tích cực so với các quốc gia trong khu vực, với tăng trưởng GDP ở mức cao – đạt 8,02%. Riêng trong ngành tài chính - ngân hàng, chuyển đổi số đang mở ra một không gian phát triển rộng lớn, tạo điều kiện để các ngân hàng mở rộng phạm vi phục vụ, tối ưu hiệu quả vận hành, nâng cao chất lượng trải nghiệm, song cũng đặt ra bài toán về an ninh mạng và năng lực bảo mật.

Với quyết tâm cao cùng sự ủng hộ của các cơ quan quản lý, quý vị cổ đông, nhà đầu tư, đối tác và khách hàng, năm 2025, MB đã biến thách thức thành đòn bẩy để tạo ra những kỷ lục mới: Tổng tài sản vượt 1,6 triệu tỷ đồng, tăng 43% so với đầu năm – mức tăng nhanh nhất trong nhóm ngân hàng tư nhân. Lợi nhuận tăng trưởng gần 19%, đạt 34.268 tỷ đồng. Dư nợ tín dụng vượt mức 1 triệu tỷ đồng, tăng 37% – thể hiện vai trò của MB trong việc đáp ứng nhu cầu phát triển của nền kinh tế, đồng hành cùng doanh nghiệp, người dân và các dự án trọng điểm, đóng góp chung vào sự vận hành thông suốt của thị trường tài chính – ngân hàng.

Tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn (CASA) luôn quanh mức 36%, thuộc top cao nhất hệ thống, cho phép ngân hàng giảm chi phí vốn. Với 35 triệu khách hàng, phần lớn thuộc nhóm trả lương và doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp xây dựng được nguồn vốn giá rẻ ổn định. Đồng thời, tỷ lệ chi phí hoạt động trên thu nhập (CIR) được duy trì ở mức ~29%, thấp hơn bình quân ngành. Nguồn vốn và tín dụng bứt phá, hiệu quả hoạt động được nâng lên, trong khi ROE tiếp tục được giữ vững và chất lượng tài sản được kiểm soát. Tỷ lệ nợ xấu được kiểm soát ở mức dưới 1,3%, hoàn thành kế hoạch đề ra. Đây là kết quả của việc đẩy mạnh chuyển đổi số, tinh gọn vận hành và tối ưu quy trình nội bộ.

Đặc biệt, năm qua ghi nhận những bước tiến rõ nét trong mô hình tập đoàn tài chính MB Group. MB đã và đang xây dựng một hệ sinh thái tài chính số toàn diện gồm 8 công ty thành viên hoạt động hiệu quả trong nhiều lĩnh vực: Ngân hàng (MBCambodia, MBV), chứng khoán (MBS), quản lý quỹ đầu tư (MBCapital), bảo hiểm (MIC), bảo hiểm nhân thọ (MB Life), quản lý nợ và khai thác tài sản (MBAMC), tài chính tiêu dùng (Mcredit). Năm 2025, các công ty thành viên

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

hoàn thành tốt nhiệm vụ, giữ vững vị thế trong ngành. Tỷ lệ đóng góp lợi nhuận từ các công ty thành viên tăng lên 8,9%. Sức mạnh cộng hưởng toàn Tập đoàn ngày càng rõ nét, cùng nhau gia tăng giá trị tổng thể cho khách hàng và đất nước.

Năm 2025, giá trị thương hiệu MB đã vượt mốc 2 tỷ USD, nằm trong top 3 ngân hàng và top 10 thương hiệu giá trị nhất cả nước, tăng 5 lần so với 5 năm trước (theo bảng xếp hạng Brand Finance công bố ngày 15/01/2026). Cũng trong năm qua, MB đã nộp ngân sách ~10 nghìn tỷ đồng, tăng 16% so với năm trước, tạo thành 5 trụ cột lớn nhất của ngành trong đóng góp cho ngân sách nhà nước.

MB cũng là ngân hàng chuyển đổi số mạnh mẽ, hoàn thành toàn diện các mục tiêu về khoa học công nghệ và chuyển đổi số. Thuộc nhóm Big 5 tại Việt Nam, song MB đã đạt nhiều thành tựu khẳng định vị thế số 1 thị trường trong lĩnh vực chuyển đổi số như: MB đang vận hành hai nền tảng số lớn BIZ MBBank phục vụ hơn 358.000 doanh nghiệp và App MBBank phục vụ số lượng người dùng lớn nhất Việt Nam – đạt 35 triệu người. Với nền tảng công nghệ thông tin được đầu tư tiêu chuẩn cùng chiến lược hấp dẫn khách hàng trên hệ sinh thái số đa dạng, MB đã duy trì đà tăng trưởng khách hàng bền vững qua từng năm. Số lượng khách hàng của MB tăng 13 lần chỉ trong vòng 5 năm, đây là minh chứng rõ nhất cho sức bật đến từ chiến lược số của MB.

Vận hội mới của kỷ nguyên vươn mình

Năm 2026, môi trường vĩ mô tiếp tục mở ra nhiều cơ hội tăng trưởng khi nền kinh tế duy trì đà tăng cao với mục tiêu tăng trưởng GDP của Chính phủ ở mức >10% và GDP bình quân đầu người vượt 5.000 USD, tạo nền tảng cho giai đoạn tích lũy tài sản tài chính quan trọng của quốc gia, qua đó tạo dư địa phát triển cho ngành ngân hàng.

Trước vận hội mới của kỷ nguyên vươn mình và những cơ hội tăng trưởng lớn, MB sẽ tập trung củng cố chất lượng các mặt hoạt động, nguồn lực cho tăng trưởng giai đoạn 2026-2028. Theo đó, chúng tôi đặt ra phương châm hành động năm 2026 trên toàn hệ thống là **"Tăng tốc – Vững chắc – Hiệu quả"** – Tăng tốc bằng công nghệ và đổi mới; Vững chắc trong từng quyết định; Hiệu quả bằng năng suất, chất lượng dịch vụ và các giá trị thực sự mang lại cho khách hàng. Chiến lược của MB là tăng trưởng nhanh nhưng bền vững: mở rộng quy mô trên nền tảng quản trị rủi ro chặt chẽ và dữ liệu thời gian thực. Trọng tâm giai đoạn tới là nâng hiệu quả vốn, gia tăng giá trị vòng đời khách hàng và giữ vững vị thế dẫn đầu về chuyển đổi số, hướng tới trở thành một **Doanh nghiệp số, Tập đoàn tài chính dẫn đầu.**

Với sứ mệnh xuyên suốt hơn 30 năm qua là mang lại sự an toàn, thuận tiện và cơ hội làm giàu cho người dân Việt Nam, năm 2026, MB kỳ vọng chào đón thêm 5 triệu khách hàng mới, đưa cộng đồng khách hàng chạm mốc 40 triệu người, với mức độ gắn kết sâu rộng hơn thông qua các nền tảng và dịch vụ mới.

Trong giai đoạn 2026-2028, đồng hành cùng mục tiêu tăng trưởng GDP của Chính phủ, chúng tôi đặt mục tiêu tăng trưởng quy mô dư nợ và huy động của tập đoàn khoảng từ 30-35%/năm và tuân thủ giới hạn cho phép của NHNN, đồng thời thực hiện đồng bộ các giải pháp tăng năng suất và quản trị chất lượng tài sản, kiện toàn cơ chế quản trị tiên tiến để đảm bảo duy trì chỉ số hiệu quả sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) ở mức >20%, tỷ lệ NPL của ngân hàng ở mức <1% năm 2026 và dự kiến ở mức <1,5% cho cả giai đoạn, đồng thời tiếp tục duy trì các chỉ tiêu trọng yếu như NIM, COF, ROA và CIR trong top đầu các ngân hàng Việt Nam.

Năm 2026: tập trung các mục tiêu "Trở thành Doanh nghiệp Số số 1 Việt Nam", "Nguồn vốn giá rẻ và bền vững", "Hiệu quả và An toàn". Thúc đẩy triển khai tổng kết Chiến lược giai đoạn 2022 - 2026, chuẩn bị xây dựng Chiến lược phát triển cho giai đoạn 3 - 5 năm tiếp theo

- Tăng cường chỉ đạo, định hướng các đơn vị trong ngân hàng và công ty thành viên thực hiện thành công các mục tiêu kinh doanh cũng như triển khai các sáng kiến theo chiến lược phát triển của tập đoàn. Tăng cường hiệp lực tập đoàn để khai thác hiệu quả hệ sinh thái giữa MB và các công ty thành viên, nâng cao đóng góp của các công ty thành viên vào doanh thu và lợi nhuận của Tập đoàn MB; định hướng chỉ tiêu hiệu quả (ROE) của các công ty thành viên, phấn đấu Top 3 ngành.

- Quản trị ngân hàng với các tiêu chuẩn cao, tập trung vào chất lượng hoạt động, gắn với hiệu quả điều hành, phát triển nhanh bền vững, tiết kiệm chi phí, quản trị chặt chẽ nợ xấu, đảm bảo thúc đẩy kế hoạch kinh doanh trọng yếu năm; quản trị chặt chẽ hoạt động đầu tư và tối ưu ngân sách đầu tư đảm bảo quản trị rủi ro và đảm bảo hiệu quả về tài chính.

- Ổn định cơ cấu cổ đông và xây dựng giá trị doanh nghiệp, nâng cao chất lượng quản trị điều hành và kiện toàn các quy chế về quản trị, điều hành phù hợp quy định pháp luật hiện hành và thông lệ tiên tiến.

- Quy hoạch đầu tư và nâng cao hiệu quả hệ thống mạng lưới: Tiếp tục việc tìm kiếm và đầu tư trụ sở tại Khu vực phía Nam, miền Trung và/hoặc khu vực khác có tiềm năng; hoàn chỉnh hệ thống mạng lưới tại các địa phương, khu vực, quốc gia tiềm năng phù hợp định hướng kinh doanh, phối hợp chặt chẽ với các đơn vị trong Tập đoàn để gia tăng hình ảnh thương hiệu.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ nâng cao trải nghiệm và tăng năng suất toàn tập đoàn 20% trong năm 2026 và duy trì vào các năm tiếp theo.

Cuối cùng, chúng tôi luôn ý thức rằng thành công của MB hôm nay là kết quả của sự tin tưởng và đồng hành từ Quý cổ đông, nhà đầu tư, đối tác, khách hàng và đội ngũ cán bộ nhân viên tập đoàn. Thay mặt Hội đồng Quản trị và Ban Lãnh đạo ngân hàng, tôi xin trân trọng ghi nhận sự đóng góp của tất cả các bên, tôi cũng xin cam kết kiên định với chiến lược đã đề ra và hướng tới năm 2026 với những thành tựu cao hơn, xa hơn, đưa MB vươn tầm khu vực.

Xin trân trọng cảm ơn!

Ông **Lưu Trung Thái**
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngân hàng TMCP Quân đội

Thông điệp của Tổng Giám đốc

Kính gửi: Quý Cổ đông, Quý Nhà đầu tư, Quý đối tác, Quý Khách hàng và toàn thể cán bộ nhân viên của MB,

Năm 2025 ghi dấu một hành trình đầy kiêu hãnh của MB khi chúng ta không chỉ vượt qua những thách thức chung của thị trường mà còn thiết lập nên những kỷ lục mới trong lịch sử gần ba thập kỷ phát triển. Với thông điệp xuyên suốt: "Tăng tốc - Vững chắc - Hiệu quả", MB đã khép lại năm 2025 bằng tốc độ tăng trưởng quy mô đột phá trên 40%, thu hút thêm gần 5 triệu khách hàng mới. Đây chính là nền tảng quan trọng để chúng ta củng cố toàn diện các mặt hoạt động, tích lũy nguồn lực cho giai đoạn tăng trưởng chiến lược 2025 – 2027.

Hiệu suất dẫn đầu: Tối ưu giá trị, Khẳng định nội lực

Năm 2025, MB tiếp tục khẳng định vị thế dẫn đầu thị trường về tốc độ, không chỉ tăng trưởng, mà là tăng trưởng chất lượng. Tổng tài sản đạt hơn 1,6 triệu tỷ đồng (tăng 43%), dư nợ tín dụng vượt 1,1 triệu tỷ đồng (tăng 37%) và huy động vốn đạt gần 1,1 triệu tỷ đồng (tăng 32%).

Chúng ta tự hào giữ vững vị trí Top đầu các ngân hàng ngoài quốc doanh về quy mô và xác lập vị thế Top 3 về hiệu quả hoạt động toàn ngành. Nhìn lại hành trình 5 năm, MB tự hào xác lập vị trí Số 1 về tốc độ tăng trưởng quy mô bình quân, năng suất lao động và số lượng khách hàng phục vụ. Đặc biệt, với chiến lược tối ưu hóa nguồn vốn (vốn chủ sở hữu thuộc Top 6 nhưng quy mô Top 4), MB đã chứng minh năng lực quản trị hiệu quả trên từng đồng vốn của cổ đông. Với hệ sinh thái toàn diện, MB đang có sức mạnh hiệp lực tập đoàn từ cộng hưởng của công ty thành viên với đóng góp hơn 30.100 tỷ đồng doanh thu, góp phần tích cực vào gia tăng giá trị thương hiệu (hơn 2 tỷ USD) của MB và năng lực cạnh tranh tổng thể của Tập đoàn.

Trong năm 2025, MB đóng góp ~ 10.000 tỷ đồng vào Ngân sách Nhà nước (tăng 16% so với năm trước), đồng hành cùng nhiều sự kiện của dân tộc, vì lợi ích của nhân dân: chủ trì nền tảng Thiện nguyện số tiếp nhận 1,94 triệu lượt ủng hộ với tổng số tiền hơn 390 tỷ đồng ủng hộ nhân dân Cuba, trao 160 tỷ đồng đồng hành cùng Quân chủng Hải Quân trồng 1 triệu cây xanh trong chiến dịch Xanh hóa Trường Sa,...

Chuyển đổi số: Từ "Lựa chọn" đến "Mệnh lệnh thực thi"

Tại MB, chúng tôi không nhìn nhận công nghệ như một công cụ hỗ trợ, mà là xương sống của mọi hoạt động kinh doanh. Năm 2025, danh hiệu "Doanh nghiệp chuyển đổi số xuất sắc" là sự ghi nhận xứng đáng cho những nỗ lực không ngừng nghỉ của hệ thống.

Kết quả thực thi chuyển đổi số quyết liệt đã tạo nên những thành quả biết nói:

- Tỷ trọng doanh thu số: Chiếm 50% tổng doanh thu toàn ngân hàng (đạt 25,6 nghìn tỷ đồng).
- Bùng nổ giao dịch: Số lượng giao dịch BaaS đạt 1,1 tỷ, gấp 4,8 lần so với năm 2023.
- Tín dụng số: Giải ngân kênh số tăng trưởng kỷ lục hơn 9 lần, chiếm 32% tổng dư nợ toàn ngân hàng.

Chúng tôi cam kết sử dụng dữ liệu và các công cụ quản trị hiện đại để dẫn đầu thị trường về tốc độ phản hồi khách hàng (dưới 24 giờ). Tại MB, văn hóa làm việc minh bạch và linh hoạt, đổi mới, sáng tạo là chất xúc tác thúc đẩy hiệu suất. Những nỗ lực xuất sắc sẽ được ghi nhận tương xứng để bảo đảm một đội ngũ tinh nhuệ và sung sức nhất.

Năm 2026: Tăng tốc – Vững chắc – Hiệu quả

Trước vận hội của "Kỷ nguyên vươn mình", MB xác định năm 2026 là giai đoạn bản lề để thực hiện cú nhảy vọt về vị thế. Phương châm hành động **Tăng tốc – Vững chắc – Hiệu quả** sẽ là kim chỉ nam cho mọi hoạt động.

MB tự tin đặt ra những mục tiêu OKRs đầy thách thức để chinh phục đỉnh cao mới:

- Tăng trưởng 35% dư nợ và huy động vốn.
- Phấn đấu lợi nhuận 40.000 tỷ đồng, năng suất lao động cải thiện 20%.
- Chinh phục 40 triệu khách hàng – Một con số khổng lồ khẳng định niềm tin của xã hội.

Trong lộ trình đó, MB kiên định với mục tiêu kiểm soát nợ xấu (NPL) dưới 1%. Chúng tôi trân trọng mọi giá trị thực chất, đảm bảo sự phát triển giữa quy mô và chất lượng luôn song hành. Bên cạnh đó, với vị thế dẫn dắt, MB tích hợp sâu sắc chiến lược ESG vào mọi hoạt động vận hành, hướng tới mục tiêu "Thực hành ESG tiên tiến, hướng tới tương lai Net-Zero, tầm nhìn 2030 trở thành Ngân hàng xanh điển hình.

Năm 2026 cũng là dịp kỷ niệm 32 năm thành lập và 30 năm MB hiện diện tại khu vực phía Nam. Hành trình tự hào này sẽ tiếp thêm quyết tâm để tập thể MB kiến tạo nên những giá trị thực chất nhất cho khách hàng và cổ đông.

Thay mặt Ban Điều hành, tôi xin gửi lời tri ân sâu sắc nhất tới Quý Cổ đông, Đối tác và Khách hàng đã luôn tin tưởng, đồng hành cùng MB. Với tinh thần "Hổng Mã" kiên cường và khát vọng vươn tầm, chúng ta sẽ cùng nhau viết tiếp những chương mới rực rỡ, khẳng định vị thế Doanh nghiệp số dẫn đầu trong kỷ nguyên vươn mình của đất nước.

Xin gửi lời cảm ơn chân thành và kính chúc Quý vị dồi dào sức khỏe, gặt hái nhiều thành công và tràn đầy hạnh phúc!

Trân trọng,

Ông **Phạm Như Ánh**
Tổng Giám đốc
Ngân hàng TMCP Quân đội

"KHÁT VỌNG VƯƠN TẦM KIẾN TẠO VỊ THẾ DOANH NGHIỆP SỐ DẪN ĐẦU

MB

Tổng quan về MB năm 2025

14 Thông tin chung

26 Mô hình quản trị và tổ chức kinh doanh

34 Chiến lược và định hướng phát triển

40 Công tác quản lý rủi ro

1

Thông tin chung

Thông tin khái quát

Thông tin cơ bản

Tên giao dịch bằng tiếng Việt	Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội
Tên giao dịch quốc tế	Military Commercial Joint Stock Bank
Tên viết tắt	Ngân hàng Quân đội (MB)
Mã giao dịch SWIFT	MSCB VNVX
Giấy phép thành lập và hoạt động	Giấy phép thành lập và hoạt động số 03/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 16/01/2026
Vốn điều lệ	80.549.999 triệu đồng
Vốn chủ sở hữu	142.022.525 triệu đồng
Địa chỉ trụ sở chính	Tòa nhà MB, số 18 Lê Văn Lương, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Số điện thoại	024 62661088
Số fax	024 62661080
Website	www.mbbank.com.vn
Email	Info@mbbank.com.vn
Mã cổ phiếu	MBB
Mệnh giá cổ phần	10.000 VNĐ
Tổng số cổ phần	8.054.999.909 cổ phiếu
Danh sách các Hiệp hội mà Ngân hàng tham gia	• Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam (VNBA) • Hiệp hội Thị trường trái phiếu Việt Nam (VBMA) • Hiệp hội Nghiên cứu thị trường liên ngân hàng Việt Nam (VIRA) • Hiệp hội Dữ liệu Quốc gia

Best Banks Ranking 2025
Top 10 Overall do Decision Lab trao tặng

Sao Khuê
Tự động hóa toàn trình sản phẩm tín chấp SME siêu nhỏ do Vinasa trao tặng

Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất
do Forbes trao giải

Vietnam Excellence 2025
Hạng mục Văn hóa con người do Anphabe trao giải

The Best FX Bank in Vietnam
do The Asian Banker trao tặng

Best Bank for ESG Vietnam 2025
do Global Banking & Finance Review trao giải

Top Doanh nghiệp có sản phẩm số thông minh và giải pháp công nghệ Công nghiệp 4.0
Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật VN (Bộ Công thương & Bộ KH&CN) trao giải

Các con số nổi bật

Top ngân hàng dẫn đầu về chuyển đổi số với

12,4 TỶ

Giao dịch tài chính

Tín dụng (Dư nợ & TPDN & Mua nợ) toàn tập đoàn

^36,8%

LNTT tập đoàn đạt

34.268 TỶ ĐỒNG

Hoàn thành 108,3% kế hoạch

LNTT ngân hàng đạt

33.889 TỶ ĐỒNG

^ 22,6%

Huy động vốn

^31,8%

trong đó tỷ lệ CASA Top đầu ngành

Nợ xấu kiểm soát

~1,3%

Thu hút gần

5 TRIỆU

Khách hàng mới

Lũy kế 2025 đạt

~35 TRIỆU

Khách hàng

Các hoạt động nổi bật

Tổ chức thành công Diễn đàn Kinh tế MB Economic Insights lần thứ 11 có sự tham gia của World Bank, Bộ Công Thương, các Chuyên Gia - Thành viên Tổ tư vấn tài chính Tiền tệ Quốc Gia và 400 doanh nghiệp XNK lớn nhất VN, thu hút hơn 05 triệu lượt tương tác trên các trang báo online và nền tảng xã hội.

Ngân hàng giao dịch Ngoại hối tốt nhất Việt Nam 02 năm liên tiếp, được trao bởi Tổ chức Tài chính uy tín The Asian Bankers.

Chiến lược phát triển bền vững tiếp tục ghi nhận những bước tiến mạnh mẽ, MB được trao tặng giải thưởng "Best ESG bank in Vietnam 2025" ghi nhận thành tựu nổi bật ở ba khía cạnh:

Môi trường

Tăng tốc chuyển đổi xanh, tối ưu tài nguyên và đẩy mạnh sản phẩm/dịch vụ hỗ trợ giảm phát thải

Xã hội

Dẫn đầu về tài chính toàn diện, bảo vệ khách hàng, nâng cao phúc lợi cho người lao động và thúc đẩy các sáng kiến cộng đồng

Quản trị

Triển khai mô hình quản trị hiện đại, minh bạch và tuân thủ theo chuẩn quốc tế

10 dấu ấn công nghệ, chuyển đổi số 2025

MB nỗ lực để dẫn đầu về chuyển đổi số, liên tục đầu tư nền tảng công nghệ tiên tiến, xuất sắc nhất…

95%

Tỷ lệ bảo vệ khách hàng

Bộ giải pháp APP Protection 3 vòng bảo vệ: NFC; Zdefend và Bluesheild ngăn chặn mã độc/malware; Rulebase và AI based phân tích hành vi bất thường; kết nối A05 và Simo…

37 TRIỆU

Request/ngày | 99,5% thành công

Xây dựng và hoàn thiện nền tảng thanh toán tập trung

1.400 TỶ ĐỒNG

Doanh số huy động/ngày và 1,6 triệu ví được kích hoạt

Thiết kế và xây dựng nền tảng huy động vốn, CCTG tập trung

16.800 TỶ ĐỒNG

Đầu tư hạ tầng công nghệ từ 2015-2025

121 phần mềm ứng dụng, 574 cơ sở dữ liệu, 7.562 Server vật lý và ảo hóa); 23.700TB hạ tầng lưu trữ; 162 services Public Cloud, 1.300 VM Private Cloud

50% - 80%

Rút ngắn thời gian phát triển sản phẩm Thẻ

Tái thiết kế kiến trúc hệ thống thẻ & tách hệ thống thẻ thành 2 core

App MBBank

Chạy active – active (lớp ứng dụng) toàn thời gian

Tái thiết kế kiến trúc ứng dụng đa trung tâm dữ liệu, áp dụng cho việc chuyển đổi MB App và các hệ thống vệ tinh

↓30%

Rút ngắn thời gian phát hiện sự cố hệ thống

Xây dựng và hoàn thiện bộ công cụ giám sát hệ thống và kiểm soát tác động giúp vận hành thông minh, hiệu quả

1.800

Agentbanking

Thanh toán hóa đơn/Nộp – Rút tiền tại điểm GD đối tác

11,9%

Nhân sự IT và dữ liệu/Số

Tiếp tục giữ chân, liên tục thu hút nhân tài công nghệ, dữ liệu

60%

Tiết kiệm thời gian và chi phí với lập trình truyền thống

Ứng dụng AI toàn trình để phát triển phần mềm Quản lý tòa nhà; tạo tiền đề mở rộng trong thời gian tới

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN · 2025

Tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi

TẦM NHÌN

Trở thành Doanh nghiệp số, Tập đoàn tài chính dẫn đầu

SỨ MỆNH

Vì sự phát triển của đất nước, vì lợi ích của khách hàng

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Tin cậy
Cam kết và thực hiện đúng cam kết, đạt được sự tín nhiệm của Khách hàng, Cổ đông

Kỷ luật
Thượng tôn pháp luật, chấp hành nghiêm các quy định của ngành và các chuẩn mực được MB lựa chọn

Đoàn kết
Thống nhất một ý chí, mọi hoạt động đều hướng về mục tiêu chung của MB

Hiệu quả
Đem lại giá trị lớn nhất cho khách hàng, cổ đông, cộng đồng

Tận tâm
Chủ động, hết lòng phục vụ khách hàng

Thực thi
Nhanh chóng – Chính xác – Sáng tạo

Lịch sử hình thành và phát triển ngân hàng

1994

Ngày thành lập: 04/11/1994

2004

Tròn 10 năm thành lập, tổng vốn huy động của MB tăng gấp trên 500 lần, tổng tài sản trên 7.000 tỷ đồng, lợi nhuận trên 500 tỷ đồng và khai trương trụ sở mới tại số 3 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội

2009

Đánh dấu 15 năm phát triển, MB vinh dự nhận Huân chương Lao động Hạng Ba do Chủ tịch nước trao tặng.

2011

MB đã thực hiện thành công việc niêm yết cổ phiếu MBB trên Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM.

2013

Top 3 Ngân hàng thương mại cổ phần không do nhà nước nắm cổ phần chi phối

2014-2015

MB vinh dự đón nhận Huân chương Lao động Hạng Nhất vào năm 2014 và Danh hiệu Anh Hùng Lao động vào năm 2015.

2019

Thay đổi Nhận diện thương hiệu mới thành công

2022

MB đã xuất sắc về đích với vị trí Top 5 về lợi nhuận, Top đầu về tỷ suất sinh lời trên vốn và nằm trong Top đầu về các chỉ số an toàn, chất lượng tín dụng.

Với hình ảnh một ngân hàng năng động, trẻ trung, Top 2 thương hiệu được yêu thích nhất, giá trị thương hiệu của MB đã tăng gấp đôi, lọt vào Top 300 thương hiệu ngân hàng có giá trị và mạnh nhất thế giới (theo báo cáo Banking 500 năm 2022 của Brand Finance).

2023

MB đạt được các danh hiệu, giải thưởng uy tín: Top 3 về lợi nhuận trong hệ thống các Ngân hàng thương mại và Top 2 thương hiệu mạnh nhất Việt Nam và là một trong số ít các ngân hàng có hệ sinh thái đầy đủ nhất và số hóa đồng bộ nhất Việt Nam.

2024

Được sự tin tưởng của Quân ủy trung ương, Bộ Quốc phòng, MB đã thực hiện chuyển giao nhân sự cấp cao thành công, mở ra một chương mới cho sự phát triển của Ngân hàng.

2025

MB vinh dự đón nhận Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng Nhất và Huân chương Lao động hạng Ba.

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh

MB thực hiện các loại hình của ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật và của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 03/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 16/01/2026, bao gồm các hoạt động chính phục vụ khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp như: Hoạt động huy động vốn, Hoạt động cấp tín dụng, Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ, Các sản phẩm và dịch vụ khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Địa bàn kinh doanh

Đến tháng 12/2025, ngoài Hội sở chính, hệ thống mạng lưới MB có 327 chi nhánh (CN) và phòng giao dịch (PGD) trong nước (tăng 5 CN và 3 PGD so với 2024), 01 CN tại Lào, 01 Ngân hàng đại chúng TNHH MB Campuchia. Tại Việt Nam, hệ thống mạng lưới của MB đã phủ 33/34 tỉnh/thành phố và được đặt tại các khu vực kinh tế trọng điểm, tiềm năng, đông dân cư để đáp ứng tối đa nhu cầu sử dụng dịch vụ ngân hàng của các doanh nghiệp và người dân.

Trụ sở các CN/PGD được thiết kế với không gian mở, hiện đại theo chuẩn mực quốc tế nhằm hướng tới sự thuận tiện cho khách hàng. Cùng với các CN, PGD của MB, khách hàng có thể thực hiện hầu hết các dịch vụ ngân hàng qua các kênh ngân hàng số, giúp khách hàng được phục vụ mọi lúc, mọi nơi. Tại các điểm mạng lưới, cán bộ nhân viên của MB được đào tạo chuyên sâu, tận tâm, mang lại trải nghiệm cá nhân hóa, giúp MB trở thành lựa chọn thuận tiện và đáng tin cậy nhất cho mọi đối tượng khách hàng. Hệ thống mạng lưới của MB luôn được đánh giá là hệ thống hoạt động hiệu quả nhất trong ngành ngân hàng, cung cấp sản phẩm – dịch vụ chất lượng cao, đa dạng và đặc biệt chú trọng an toàn, bảo mật hàng đầu, khiến MB trở thành điểm đến yêu thích tại địa bàn – với hơn 35 triệu khách hàng tin tưởng.

MB khẳng định Top 5 ngân hàng lớn nhất Việt Nam với tăng trưởng thị phần ấn tượng, tốc độ tăng trưởng vượt trội ~40% đồng hành cùng các chiến dịch cộng đồng như HiGreen - Bình Minh Xanh (trồng cây xanh, cải thiện môi trường trên 34 tỉnh); hỗ trợ y tế, giáo dục, ứng phó thiên tai, MB đóng góp tích cực lan tỏa giá trị hạnh phúc đến cộng đồng địa phương. MB hướng tới mục tiêu "Trở thành Doanh nghiệp số, Tập đoàn tài chính dẫn đầu" vào 2026, phục vụ khách hàng chủ yếu qua nền tảng số, đồng thời kết hợp hài hòa với mạng lưới vật lý để mang lại trải nghiệm liền mạch, thông minh và nhanh chóng nhất.

Vùng miền	Điểm giao dịch
Khu vực Miền Bắc	158
Khu vực Miền Trung	47
Khu vực Miền Nam	122
Lào	1
Campuchia	1
Tổng	**329**

Hội sở chính

01

Địa điểm giao dịch tại Lào

01

Ngân hàng đại chúng TNHH MB Campuchia

01

Điểm giao dịch trong nước

327

Dịch vụ tài chính và các sản phẩm cốt lõi

Khách hàng cá nhân

- Tiền gửi
- Ngân hàng số
- Dịch vụ thẻ
- Chuyển tiền, thanh toán
- Bảo hiểm nhân thọ
- Dịch vụ khác

Khách hàng doanh nghiệp

- Tiền gửi & Đầu tư
- Ngân hàng số
- Các dịch vụ thu hộ, trả lương, nộp thuế điện tử
- Tín dụng & bảo lãnh
- Thanh toán quốc tế & tài trợ thương mại
- Tài khoản và gói tài khoản
- Thị trường tiền tệ & vốn
- Sản phẩm ngoại hối và ngân hàng đầu tư (Sản phẩm dành cho doanh nghiệp lớn)
- Sản phẩm và chính sách dành cho khách hàng FDI (Sản phẩm dành cho doanh nghiệp lớn)
- Thư tín dụng, bảo lãnh, nhờ thu, cấp tín dụng, hợp vốn (Sản phẩm dành cho khách hàng định chế)

Mô hình quản trị và tổ chức kinh doanh

Mô hình quản trị

Bộ máy quản lý

Sơ đồ bộ máy quản lý của Ngân hàng

Mô hình quản trị MB áp dụng là mô hình công ty cổ phần tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/06/2020, tại Điều 137, khoản 1a và Luật các tổ chức tín dụng (2024). Mô hình quản trị bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc.

Những cải tiến về mô hình tổ chức:
Năm 2025, MB đã thực hiện tinh chỉnh mô hình tổ chức, quy hoạch bổ sung nhiệm vụ của các đơn vị để phù hợp với thực tiễn triển khai hoạt động kinh doanh và vận hành của Ngân hàng, qua đó tối ưu hiệu quả quản trị và hỗ trợ tăng trưởng bền vững. Theo đó, các Khối Kinh doanh được tổ chức tăng cường quản trị kinh doanh theo phân khúc, tập trung nghiên cứu hành vi, cung cấp dịch vụ KHCN/SME theo hành trình trải nghiệm khách hàng.

Khối Dữ liệu cũng được tái thiết kế nhằm tập trung hóa chức năng cung cấp dữ liệu của toàn hàng, tối ưu SLA cung cấp sản phẩm, giúp tăng trải nghiệm khách hàng, đồng thời gia tăng chất lượng ra quyết định kinh doanh dựa trên dữ liệu của ngân hàng.

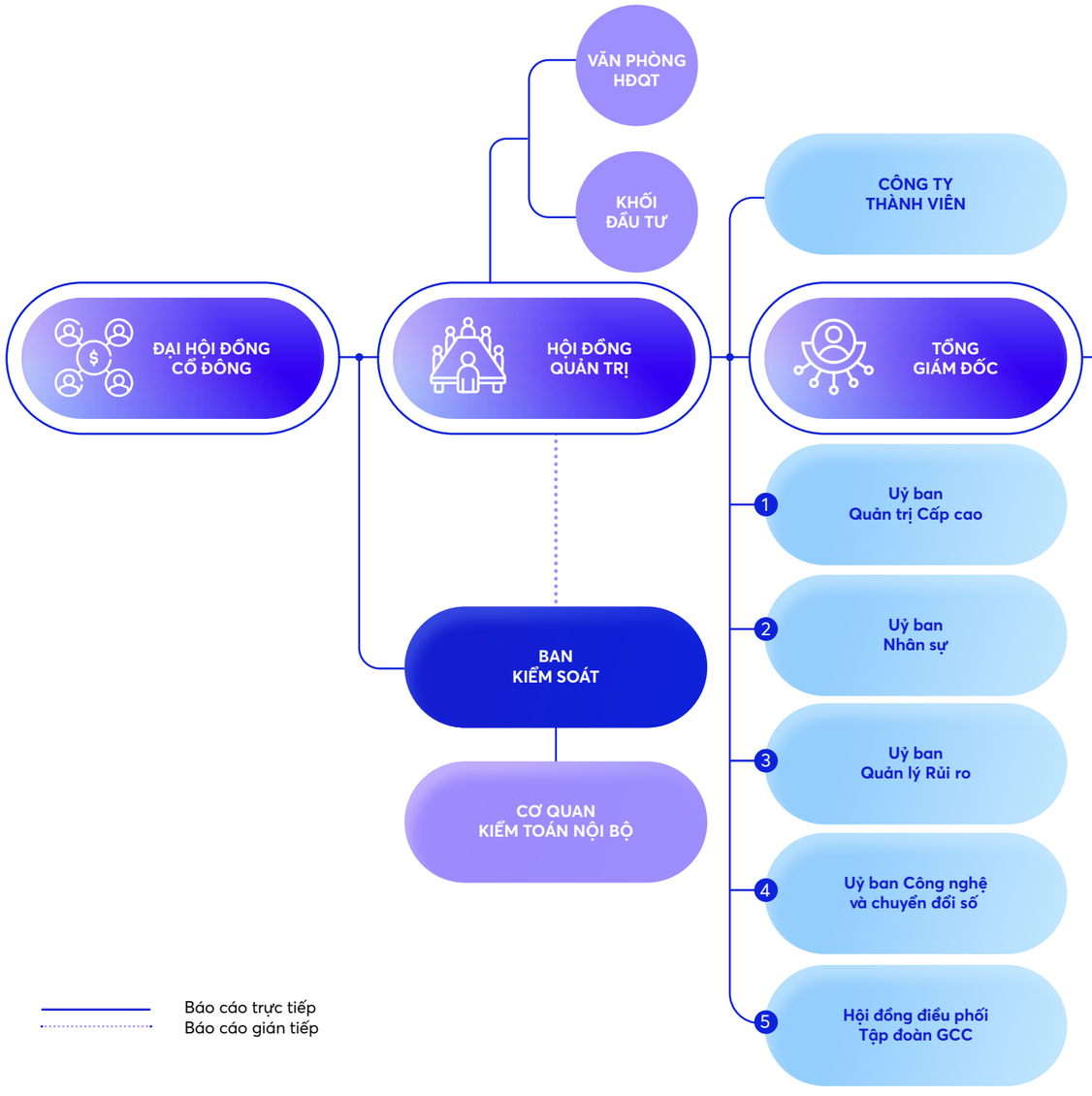

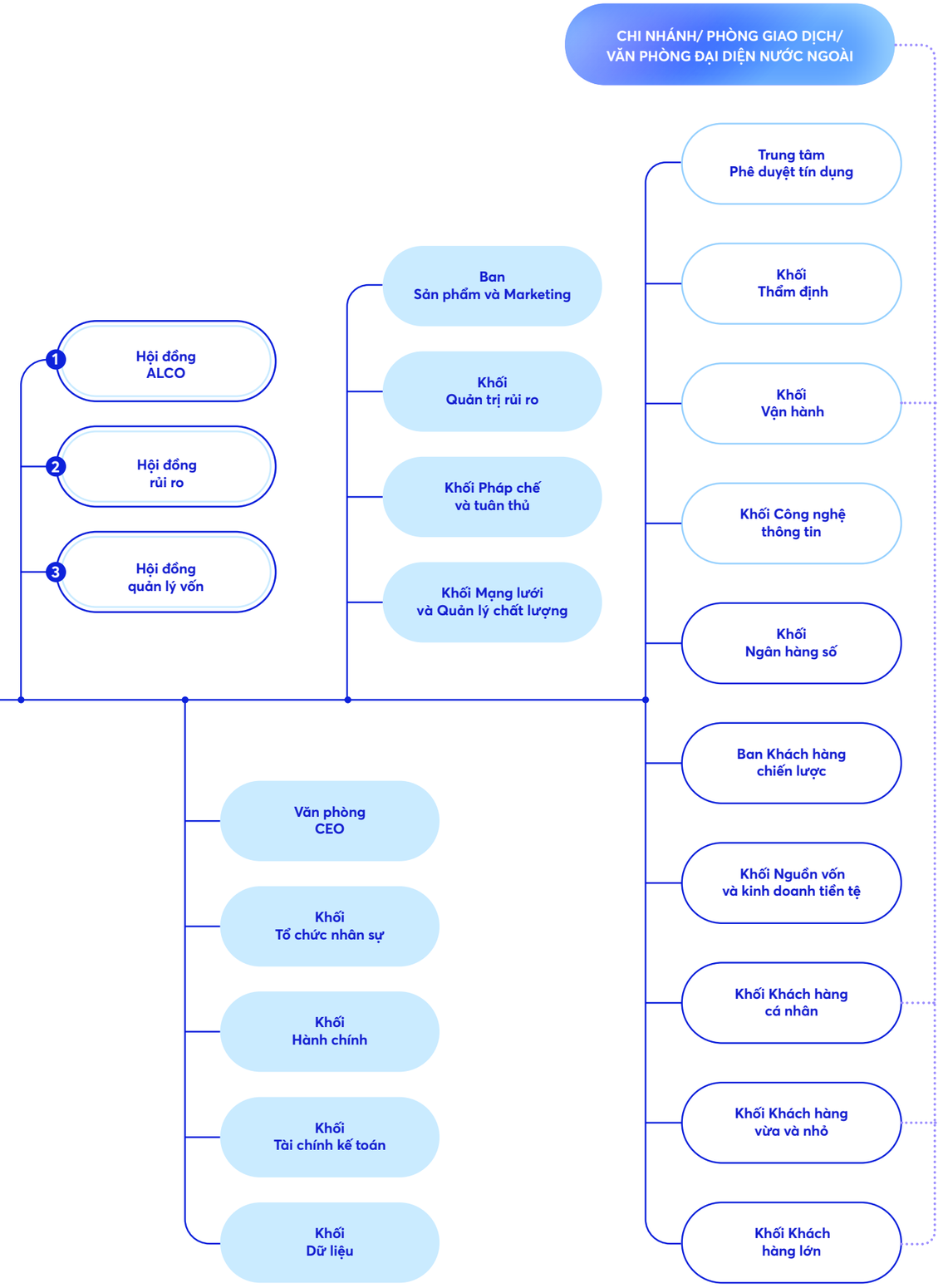

Thành viên và cơ cấu của HĐQT

Ông LƯU TRUNG THÁI · Chủ tịch HĐQT

Thành viên không điều hành

Năm sinh **1975**	Số lượng cổ phần: **10.658.345**	Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh Đại học Hawaii (Hoa Kỳ)
Tỷ lệ cổ phần: **0,132%**	Chức danh quản lý đang nắm giữ tại các tổ chức/doanh nghiệp khác: Không nắm giữ chức danh quản lý tại các đơn vị khác	Cử nhân Tài chính Tín dụng Học viện Ngân hàng Cử nhân Luật Đại học Luật Hà Nội

Ngày bổ nhiệm: 12/04/2023

Ông Lưu Trung Thái đã có gần 31 năm gắn bó với MB và nhiều năm liền nắm giữ các vị trí quan trọng của MB như phụ trách Tín dụng Hội sở, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc Nhân sự, Phó TGĐ. Từ năm 2011 đến 04/2014, Ông được giao trọng trách Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (MBS) và để lại nhiều dấu ấn mạnh mẽ trong quá trình tái cơ cấu công ty. ĐHĐCĐ năm 2013 đã tín nhiệm bầu Ông làm Thành viên HĐQT MB nhiệm kỳ 2009 - 2014 và chính thức được giao nhiệm vụ Phó Chủ tịch HĐQT từ tháng 09/2013. Với những đóng góp của mình, Ông được ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 tiếp tục tín nhiệm bầu tham gia HĐQT nhiệm kỳ 2019 - 2024. Ông được HĐQT tin tưởng giao trọng trách là Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ MB từ năm 2017 đến 12/04/2023. Ông được bầu là Chủ tịch HĐQT MB do Ông Lê Hữu Đức xin từ nhiệm vị trí Chủ tịch MB theo nguyện vọng cá nhân.

Bà VŨ THỊ HẢI PHƯỢNG · Phó Chủ tịch HĐQT

Thành viên không điều hành

Năm sinh **1970**	Số lượng cổ phần: **5.712.076**	Thạc sĩ Kinh tế Học viện Ngân Hàng
Tỷ lệ cổ phần: **0,071%**	Chức danh quản lý đang nắm giữ tại các tổ chức/doanh nghiệp khác: Chủ tịch Hội đồng Thành viên - Công ty Tài chính tín dụng tiêu dùng TNHH MB Shinsei (MCredit)	Cử nhân Tài Chính – Tín dụng Học viện Ngân Hàng

Ngày bổ nhiệm: 27/04/2019

Bà Vũ Thị Hải Phượng đã công tác tại MB được 31 năm. Bà là một trong 25 cán bộ đầu tiên của MB và đã đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng như Giám đốc Chi nhánh Điện Biên Phủ và Phó TGĐ (kiêm Giám đốc Khối Khách hàng lớn và Khối Mạng lưới và Kênh phân phối). Từ năm 2014 - 2019, trên cương vị là Trưởng BKS MB, Bà đã tổ chức, chỉ đạo, xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ tại MB và công ty thành viên theo hướng chuyên nghiệp, hiệu quả, tiệm cận với thông lệ quốc tế. Được HĐQT tín nhiệm giới thiệu, Bà đã trúng cử vị trí Phó Chủ tịch HĐQT MB 2 nhiệm kỳ liên tiếp: 2019 – 2024 & 2024 – 2029. Bà là chủ nhiệm Ủy ban Quản lý rủi ro 2 nhiệm kỳ và là người được ủy quyền công bố thông tin của MB.

Ông VŨ THÀNH TRUNG · Phó Chủ tịch HĐQT

Thành viên không điều hành

Năm sinh **1981**	Số lượng cổ phần: **1.636.711**	Thạc sĩ quản trị kinh doanh Đại học Quốc tế Nhật Bản
Tỷ lệ cổ phần: **0,020%**	Chức danh quản lý đang nắm giữ tại các tổ chức/doanh nghiệp khác: Chủ tịch HĐTV Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam hiện đại	Cử nhân Luật Đại học Luật Hà Nội

Ngày bổ nhiệm: 15/06/2024

Ông Vũ Thành Trung đã có gần 15 năm công tác tại MB Group. Ông từng là Giám đốc Đầu tư, Phó Tổng Giám đốc MBCapital, Phó Giám đốc Khối Đầu tư, Chánh Văn phòng CEO. Năm 2017, Ông Vũ Thành Trung được giao trọng trách tổ chức các hoạt động Ngân hàng số tại MB và là Giám đốc Khối Ngân hàng số. Dưới sự dẫn dắt của Ông, Khối Ngân hàng số đã liên tục phát triển và ra mắt những tính năng mới, xây dựng vị thế hàng đầu của nền tảng số MB trên thị trường, cũng như tạo ra những thành công ban đầu trong việc triển khai các Dự án về chuyển đổi số tại MB. Ông Trung được tín nhiệm, bầu vào vị trí Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị MB nhiệm kì 2024-2029 và là Giám đốc Khối phụ trách hoạt động Khối Ngân hàng số, đồng thời chỉ đạo hoạt động của Ủy ban Công nghệ và Chuyển đổi số.

Ông PHẠM NHƯ ÁNH · Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Thành viên điều hành

Năm sinh **1980**	Số lượng cổ phần: **5.821.131**	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh Viện Quản trị Kinh doanh UBI
Tỷ lệ cổ phần: **0,072%**	Chức danh quản lý đang nắm giữ tại các tổ chức/doanh nghiệp khác: Không nắm giữ chức danh quản lý tại các đơn vị khác	Cử nhân Kinh tế Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Đại học Đà Nẵng

Ngày bổ nhiệm: 15/06/2024

Ông Phạm Như Ánh có gần 21 năm gắn bó và làm việc tại MB. Ông từng giữ vị trí Giám đốc các chi nhánh có quy mô tại MB, Giám đốc Khối Khách hàng lớn (CIB), Thành viên Ban điều hành phụ trách hoạt động kinh doanh toàn bộ các đơn vị tại khu vực phía Nam và Khối Khách hàng lớn, Phó Tổng Giám đốc MB. Ông là một trong những nhân tố đóng vai trò chủ chốt thúc đẩy dự án Smart RM (Quản lý bán hàng thông minh) đem lại nhiều cải tiến cho hoạt động kinh doanh tại MB. Dưới sự dẫn dắt của Ông, các đơn vị luôn hoàn thành vượt mức kế hoạch, mang lại hiệu quả cho MB. Ông Phạm Như Ánh được HĐQT MB bổ nhiệm vị trí Tổng giám đốc MB từ 18/05/2023. Ông đã điều hành MB hoàn thành tốt các nhiệm vụ kinh doanh được ĐHĐCĐ giao trong năm 2023. Ông Ánh được Đại hội đồng cổ đông MB tín nhiệm bầu Thành viên HĐQT MB nhiệm kỳ 2024 - 2029.

Bà NGUYỄN THỊ HẢI LÝ · Phó Chủ tịch HĐQT

Thành viên không điều hành

Năm sinh **1974**	Số lượng cổ phần: **221.346**	Cử nhân quản trị Đại học Kinh tế Quốc dân
Tỷ lệ cổ phần: **0,003%**	Chức danh quản lý đang nắm giữ tại các tổ chức/doanh nghiệp khác: Chủ nhiệm Chính trị – Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông và Quân đội (Viettel)	Cử nhân luật Đại học Luật Hà Nội

Ngày bổ nhiệm: 15/06/2024

Bà Nguyễn Thị Hải Lý đã trải qua hơn 27 năm ở các vị trí cán bộ quản lý chủ chốt tại Viettel như: Phó TGĐ, Phó Chủ tịch, Chủ tịch Tổng Công ty Đầu tư Quốc tế Viettel, Trưởng ban Đầu tư xây dựng của Viettel,... Bà được Đại hội đồng cổ đông MB tín nhiệm bầu vị trí Phó Chủ tịch HĐQT MB với kỳ vọng sẽ thúc đẩy, mở rộng hoạt động hợp tác, kinh doanh của MB và các Công ty thành viên trong lĩnh vực kết hợp với viễn thông, thúc đẩy, nâng cao năng lực Công nghệ thông tin, phát triển sản phẩm liên kết viễn thông.

Các thay đổi trong Hội đồng Quản trị

Bà Vũ Thái Huyền thôi giữ chức vụ thành viên HĐQT MB từ ngày 27/03/2026.

Ông LÊ VIẾT HẢI · Thành viên HĐQT

Thành viên không điều hành

Năm sinh
1975

Số lượng cổ phần:
2.262.802

Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Đại học California Miramar

Tỷ lệ cổ phần:
0,028%

Chức danh quản lý đang nắm giữ tại các tổ chức/doanh nghiệp khác:
Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (MBS)

Từ ngày 13/01/2026: Chủ tịch Hội đồng Thành viên kiêm Tổng Giám đốc - Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ MB Ageas (MB Life)

Cử nhân Tài chính – Tín dụng
Học viện Ngân Hàng

Cử nhân Luật
Đại học Luật Hà Nội

Ngày bổ nhiệm: 27/04/2019
Ông Lê Viết Hải đã công tác tại MB hơn 31 năm. Ông đã trải qua nhiều vị trí lãnh đạo chủ chốt như Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc Khối Doanh nghiệp vừa và nhỏ, Giám đốc Khối Kiểm tra kiểm soát nội bộ, Chánh Văn phòng Hội đồng Quản trị. Ông được ĐHĐCĐ thường niên tín nhiệm bầu làm Thành viên HĐQT chuyên trách 2 nhiệm kỳ liên tiếp: 2019 – 2024 & 2024 – 2029. Từ tháng 01/2026, ông đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng Thành viên MB Life và từ tháng 01/2026, ông đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng Thành viên kiêm Tổng Giám đốc MB Life.

Bà VŨ THÁI HUYỀN · Thành viên HĐQT

Thành viên không điều hành

Năm sinh
1976

Số lượng cổ phần:
807.894

Cử nhân Kế toán
Đại học Kinh tế Quốc dân

Tỷ lệ cổ phần:
0,01%

Chức danh quản lý đang nắm giữ tại các tổ chức/doanh nghiệp khác:
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Tổng Công ty Cổ phần bảo hiểm Quân đội (MIC). Bà Vũ Thái Huyền từ nhiệm thôi giữ vị trí Phó Chủ tịch HĐQT MIC, thôi tham gia HĐQT MIC từ 27/03/2026.

Chứng chỉ Kế toán trưởng
Bộ Tài chính

Ngày bổ nhiệm: 27/04/2019
Bà Vũ Thái Huyền có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, đầu tư và kế toán tổng hợp. Bà Huyền từng giữ vị trí Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh đến 04/2021 và Trưởng Ban Đầu tư 1 - Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) đến 12/2021. Bà là người đại diện vốn của SCIC tại MB và thực hiện nhiệm vụ chuyên trách tại MB từ 01/2022. Bà Vũ Thái Huyền từ nhiệm thôi giữ chức vụ thành viên HĐQT MB từ ngày 27/03/2026.

Ông PHẠM DOÃN CƯƠNG · Thành viên HĐQT

Thành viên không điều hành

Năm sinh
1981

Số lượng cổ phần:
0

Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Đại học University of Sunderland, Anh

Tỷ lệ cổ phần:
0%

Chức danh quản lý đang nắm giữ tại các tổ chức/doanh nghiệp khác:
Giám đốc Trung tâm di động - Tổng Công ty viễn thông Viettel

Cử nhân Quản trị kinh doanh
Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

Ngày bổ nhiệm: 15/06/2024
Ông Phạm Doãn Cương có 21 năm công tác tại Tập đoàn Công nghiệp và viễn thông Quân đội với các vị trí Cán bộ quản lý, là nhân sự có nhiều năm kinh nghiệm tại các thị trường nước ngoài quan trọng của Viettel. Ông là nhân sự chủ chốt trong lĩnh vực mobile-money của Viettel, và được ĐHĐCĐ MB tín nhiệm bầu chọn với sự tin tưởng có thể hỗ trợ MB trong phát triển công nghệ, chuyển đổi số, thực hiện thành công Chiến lược chuyển đổi Số mà Ngân hàng đã đề ra.

Bà HOÀNG THỊ THU HIỀN · Thành viên HĐQT

Thành viên không điều hành

Năm sinh
1976

Số lượng cổ phần:
0

Cử nhân Kinh tế
Đại học Kinh tế Quốc dân

Tỷ lệ cổ phần:
0%

Chức danh quản lý đang nắm giữ tại các tổ chức/doanh nghiệp khác:
Phó trưởng phòng Kế hoạch đầu tư - Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn

Ngày bổ nhiệm: 15/06/2024
Bà Hoàng Thị Thu Hiền có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, kế toán, đầu tư, giữ các chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh; Phó phòng của Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn và các Công ty thành viên. Bà cũng có kinh nghiệm trong lĩnh vực Ngân hàng khi công tác tại Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam. Bà Hiền được tín nhiệm bầu làm Thành viên HĐQT MB nhiệm kỳ 2024 – 2029 với kỳ vọng sẽ thúc đẩy quan hệ hợp tác, kinh doanh giữa Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn và MB Group trong các lĩnh vực: cảng biển, vận tải biển, dịch vụ tàu biển, logistic, đóng tàu…

Ông VŨ XUÂN NAM · Thành viên HĐQT

Thành viên không điều hành

Năm sinh
1987

Số lượng cổ phần:
0

Kỹ sư
Học viện Kỹ thuật quân sự

Tỷ lệ cổ phần:
0%

Chức danh quản lý đang nắm giữ tại các tổ chức/doanh nghiệp khác:
Trưởng phòng đầu tư - Tổng công ty Trực thăng Việt Nam

Thạc sĩ Quản trị Doanh nghiệp
Đại học Kinh tế Quốc dân

Ngày bổ nhiệm: 15/06/2024
Ông Vũ Xuân Nam có 14 năm gắn bó và giữ các vị trí quản lý như Trợ lý, Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban, phụ trách mảng đầu tư của Tổng công ty trực thăng Việt Nam. Ông Nam được tín nhiệm bầu Thành viên HĐQT MB nhiệm kỳ 2024 - 2029, tin tưởng sẽ thúc đẩy hợp tác, kinh doanh giữa MB Group và Tổng Công ty trực thăng Việt Nam trong các lĩnh vực: dịch vụ vận tải/hàng không, dầu khí, cơ khí, bay thương mại/du lịch.

Ông HOÀNG VĂN SÂM · Thành viên Độc lập HĐQT

Thành viên không điều hành

Năm sinh
1960

Số lượng cổ phần:
0

Tiến sĩ Tài chính – tiền tệ
Học viện Tài chính

Tỷ lệ cổ phần:
0%

Chức danh quản lý đang nắm giữ tại các tổ chức/doanh nghiệp khác:
Không nắm giữ chức danh quản lý tại các đơn vị khác

Cử nhân Luật Kinh tế
Đại học Luật Hà Nội

Ngày bổ nhiệm: 15/06/2024
Tiến sĩ Kinh tế Hoàng Văn Sâm là nhân sự có kiến thức sâu về kinh tế, luật kinh tế với 33 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý, giám sát tài chính, tài chính ngân sách, quản lý nhà nước. Ông được ĐHĐCĐ MB tín nhiệm bầu làm Thành viên HĐQT độc lập nhiệm kỳ 2024 – 2029.

Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

Bà LÊ THỊ LỢI · Trưởng Ban Kiểm soát

Năm sinh **1970**	Số lượng cổ phần: **4.448.524**	Tiến sĩ Kinh tế Học viện Tài chính Hà Nội
Tỷ lệ cổ phần: **0,055%**	Chức danh quản lý đang nắm giữ tại các tổ chức/doanh nghiệp khác: Không nắm giữ chức danh quản lý tại các đơn vị khác	Thạc sĩ Kinh tế Học viện Ngân hàng Cử nhân Kinh tế Đại học Tài chính Kế toán Hà Nội

Bà Lê Thị Lợi được ĐHĐCĐ bầu vào Ban Kiểm soát MB nhiệm kỳ 2024 – 2029 ngày 15/06/2024

Bà đã có 32 năm kinh nghiệm và đã làm việc tại MB từ những ngày đầu thành lập năm 1994. Bà Lợi đã từng đảm nhiệm các vị trí quan trọng như: Giám đốc Tài chính MB, Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính MB; lãnh đạo/chỉ đạo các mảng nhiệm vụ trọng yếu như: tham gia hoạt động điều hành, xây dựng triển khai các dự án chiến lược, hoạt động tài chính kế toán, đầu tư, … Từ năm 2019 đến nay, bà Lợi là Trưởng Ban Kiểm soát MB.

Bà NGUYỄN THỊ AN BÌNH · Phó trưởng Ban Kiểm Soát

Năm sinh **1972**	Số lượng cổ phần: **4.705.862**	Tiến sĩ Kinh tế Đại học Kinh tế Quốc dân
Tỷ lệ cổ phần: **0,058%**	Chức danh quản lý đang nắm giữ tại các tổ chức/doanh nghiệp khác: Không nắm giữ chức danh quản lý tại các đơn vị khác	Thạc sĩ Kinh tế Đại học Kinh tế Quốc dân Cử nhân Kinh tế Đại học Kinh tế Quốc dân

Bà Nguyễn Thị An Bình được ĐHĐCĐ bầu vào Ban Kiểm soát MB nhiệm kỳ 2024 - 2029 ngày 15/06/2024

Bà đã có 32 năm kinh nghiệm và đã gắn bó với MB từ ngày đầu thành lập năm 1994. Bà Bình đã từng nắm giữ vị trí Phó Tổng Giám đốc MB, tham gia hoạt động điều hành, lãnh đạo/chỉ đạo các mảng nghiệp vụ quan trọng như: kiểm tra kiểm soát nội bộ, Pháp chế, Xây dựng cơ bản, hành chính, quản lý chất lượng, vận hành. Từ năm 2020 đến nay, bà Bình là Phó Trưởng Ban Kiểm soát MB.

Bà ĐỖ THỊ TUYẾT MAI · Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh **1976**	Số lượng cổ phần: **761.587**	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh Đại học Benedictine
Tỷ lệ cổ phần: **0,009%**	Chức danh quản lý đang nắm giữ tại các tổ chức/doanh nghiệp khác: Không nắm giữ chức danh quản lý tại các đơn vị khác	Chứng chỉ CMA Australia, CPIA Australia Cử nhân Kinh tế Học viện Ngân hàng

Bà Đỗ Thị Tuyết Mai được ĐHĐCĐ bầu vào Ban Kiểm soát MB nhiệm kỳ 2024 – 2029 ngày 15/06/2024

Bà đã có 28 năm kinh nghiệm tại MB. Bà Mai đã từng đảm nhiệm vị trí Trưởng Kiểm toán nội bộ MB giai đoạn từ năm 2007 đến năm 2019 và có kinh nghiệm về lĩnh vực tài chính kế toán, kiểm tra kiểm soát nội bộ. Từ năm 2019 đến nay, bà Mai là Thành viên Ban Kiểm soát MB.

Ông ĐỖ VĂN TIẾN · Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh **1970**	Số lượng cổ phần: **195.488**	Cử nhân Tài chính Học viện Ngân hàng
Tỷ lệ cổ phần: **0,002%**	Chức danh quản lý đang nắm giữ tại các tổ chức/doanh nghiệp khác: Không nắm giữ chức danh quản lý tại các đơn vị khác	

Ông Đỗ Văn Tiến được ĐHĐCĐ bầu vào Ban Kiểm soát MB nhiệm kỳ 2024 – 2029 ngày 15/06/2024

Ông đã có kinh nghiệm 34 năm công tác trong ngành ngân hàng trong đó đã gắn bó 19 năm với MB. Tại MB, ông đã từng đảm nhiệm nhiều vị trí/chức vụ lãnh đạo quan trọng như: Giám đốc một số Chi nhánh, Giám đốc phê duyệt tín dụng (cấp 2). Từ năm 2024 đến nay, ông Tiến là Thành viên Ban Kiểm soát MB.

Bà NGUYỄN THỊ NGUYỆT HÀ · Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh **1976**	Số lượng cổ phần: **373.309**	Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng Đại học Kinh tế Quốc dân
Tỷ lệ cổ phần: **0,005%**	Chức danh quản lý đang nắm giữ tại các tổ chức/doanh nghiệp khác: Không nắm giữ chức danh quản lý tại các đơn vị khác	Chứng chỉ CPIA Australia Cử nhân ngành Kế toán tổng hợp Đại học Kinh tế Quốc dân

Bà Nguyễn Thị Nguyệt Hà được ĐHĐCĐ bầu vào Ban Kiểm soát MB nhiệm kỳ 2024 – 2029 ngày 15/06/2024

Bà đã có 21 năm kinh nghiệm làm việc tại MB. Bà Hà đã từng đảm nhiệm vị trí Trưởng Kiểm toán nội bộ giai đoạn từ 2019 đến năm 2024; các vị trí lãnh đạo về mảng hoạt động kiểm tra kiểm soát nội bộ. Từ năm 2024 đến nay, bà Hà là Thành viên Ban Kiểm soát MB.

Các thay đổi trong Ban Kiểm soát

Trong năm 2025, MB không có sự thay đổi nào về nhân sự trong Ban Kiểm soát.

Chiến lược và định hướng phát triển

Định hướng phát triển của tập đoàn

Chiến lược giai đoạn 2022-2026

Tầm nhìn

Trở thành
Doanh nghiệp số, Tập đoàn tài chính dẫn đầu

Mục tiêu chiến lược

Top 3

thị trường về hiệu quả hướng đến

Top đầu Châu Á

Phương châm

Tăng tốc số
Hấp dẫn khách hàng
Hiệp lực tập đoàn
An toàn bền vững

Định vị giá trị

Cung cấp các sản phẩm tài chính xuất sắc

Giá trị cốt lõi

Đoàn kết – Kỷ luật – Tận tâm; Thực thi – Tin cậy – Hiệu quả

Mục tiêu chiến lược giai đoạn 2022-2026

Số lượng khách hàng

Lợi nhuận trước thuế tăng trưởng bình quân **23%**

Hiệu quả hoạt động ROE đạt ~20 – 23%.

Doanh thu kênh số

50%

được tạo ra từ các nền tảng số

Chiến lược MB được xây dựng trên cơ sở

Tập trung vào trải nghiệm của khách hàng; Sáng tạo ra các giá trị mới phục vụ khách hàng từ đó **gia tăng giá trị cho MB.**

Xuyên suốt theo đó là một văn hóa quản trị thống nhất dựa trên các yếu tố:

Tăng tốc An toàn

Tăng tốc số, đón bắt nhanh, tận dụng triệt để, khai thác hiệu quả công nghệ, nhu cầu khách hàng, đồng thời đảm bảo an toàn bền vững cho hệ thống

Hấp dẫn khách hàng

Xây dựng trải nghiệm xuất sắc - Xuất phát từ nhu cầu và vươn tới kỳ vọng của khách hàng

Hiệp lực tập đoàn

Toàn Tập đoàn kết nối, xây dựng trải nghiệm số One ID; để xuất giá trị tập đoàn xuất sắc

Kết quả thực hiện chiến lược 2025

Kết quả chiến lược nổi bật

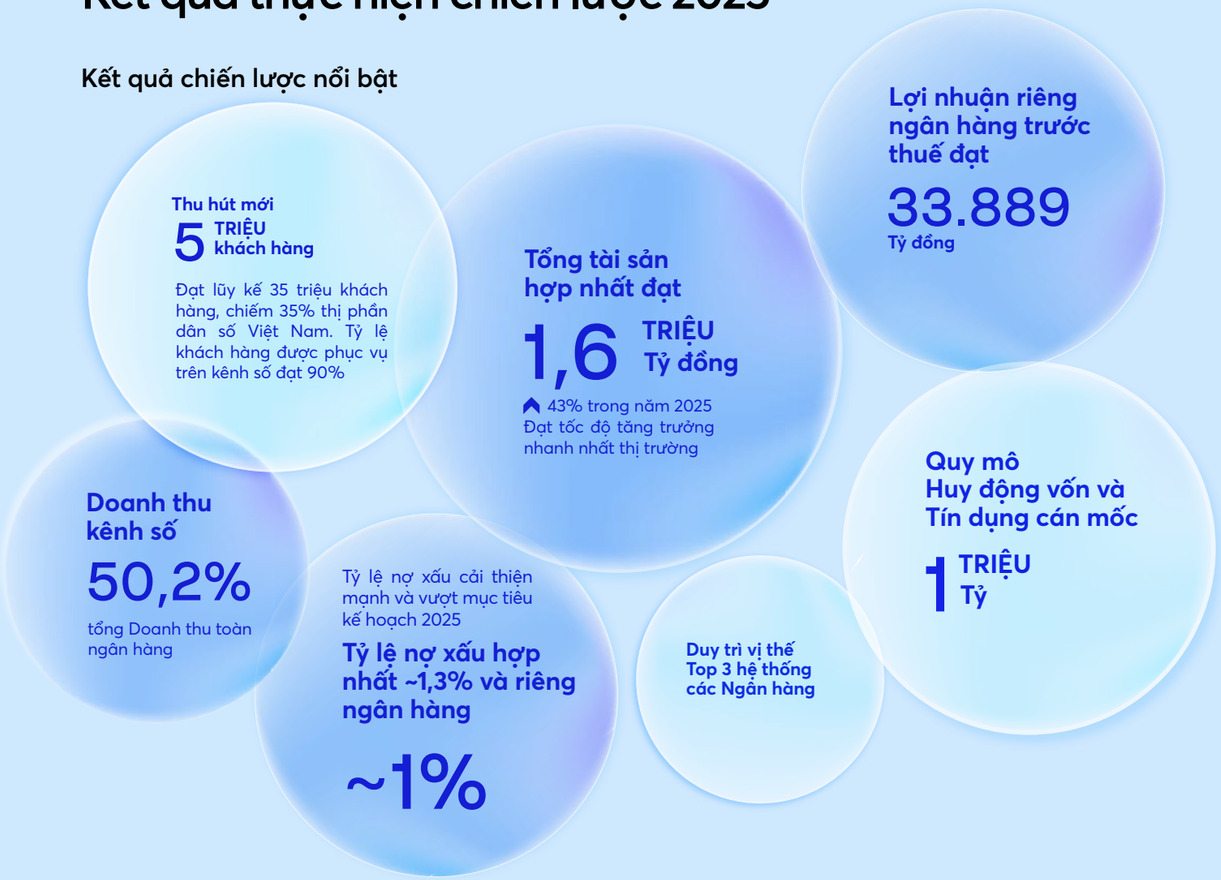

Đổi mới sáng tạo vượt trội, kiến tạo giá trị khách hàng

Kiên định với định hướng lấy khách hàng làm trung tâm, MB tiếp tục thúc đẩy đổi mới sáng tạo như động lực cốt lõi cho tăng trưởng bền vững, từng bước hiện thực hóa tầm nhìn "Trở thành doanh nghiệp số, Tập đoàn tài chính dẫn đầu". Năm 2025 ghi nhận bước tiến mạnh mẽ trong hành trình chuyển dịch mô hình kinh doanh nền tảng. Doanh thu từ kênh số đạt 26.634 tỷ đồng, tăng trưởng 35% so với năm trước và đóng góp 50% tổng doanh thu ngân hàng, khẳng định vai trò kinh doanh nền tảng số trong cấu trúc tăng trưởng của MB. Nền tảng App MBBank dành cho KHCN thu hút hơn 4,7 triệu tài khoản mới MB. Nền tảng Biz MBBank dành cho KHDN thu hút hơn 81.700 khách hàng doanh nghiệp gia nhập nền tảng. Nền tảng BaaS khẳng định vị thế ngân hàng mở (Open Banking) tiên phong với hơn 1.000 kết nối API đứng đầu thị trường và 1.100 đối tác kết nối trên nền tảng. Nền tảng Thiện Nguyện cán mốc 2 triệu tài khoản, gần 8.000 chiến dịch sau 4 năm ra đời. Năm 2025, MB cũng ra mắt Nền tảng BeeRich – nền tảng quản lý tài chính thông minh tích hợp trên App MBBank. Không chỉ đơn giản hóa quản lý tài chính, BeeRich còn mang đến những khuyến nghị đầu tư dựa trên dữ liệu và năng lực tư vấn chuyên sâu của MB, góp phần nâng cao sự an tâm và gia tăng tài sản cho khách hàng.

Hệ sinh thái tài chính số của MB tiếp tục được mở rộng, khẳng định vị thế siêu ứng dụng (super app) đa tiện ích dẫn đầu thị trường, phục vụ toàn diện mọi phân khúc khách hàng. MB trở thành ngân hàng tiên phong mở rộng hệ sinh thái sang thế hệ khách hàng tương lai thông qua App MB Junior – ứng dụng ngân hàng số đầu tiên tại Việt Nam dành riêng cho trẻ em từ 06 đến dưới 15 tuổi, hỗ trợ phụ huynh đồng hành trong hành trình giáo dục và quản lý tài chính cho con trẻ. Đồng hành chuyển đổi số cùng khu vực kinh tế tư nhân, MB phát triển các giải pháp chuyển đổi số toàn diện cho hộ kinh doanh và doanh nghiệp như: MB Seller - hệ sinh thái số tích hợp giúp tiểu thương quản lý dòng tiền đến xuất hóa đơn điện tử và kiểm soát hoạt động kinh doanh; Dẫn đầu thị trường với giải pháp Loa thanh toán MB - công cụ quản lý bán hàng cho tiểu thương với hơn 180.000 thiết bị được triển khai; Phát hành bảo lãnh điện tử thông qua hệ thống mạng đấu thầu quốc gia,…

Năm 2025 cũng ghi nhận thành công trong chiến lược phát triển sản phẩm đổi mới sáng tạo khi MB hoàn thành thiết kế nhiều sản phẩm hấp dẫn khách hàng, đạt quy mô trên 10.000 tỷ đồng ngay trong năm đầu ra mắt thị trường. Giá trị thương hiệu MB đạt mốc 2 tỷ USD, tăng 27% so với năm trước, vươn lên Top 2 thương hiệu ngân hàng mạnh nhất Việt Nam và tiếp tục khẳng định vị thế trong nhóm Big 5 ngân hàng lớn nhất thị trường. Đồng thời, MB mở rộng mô hình Agent Banking thông qua mạng lưới đối tác như Mai Tâm Anh, F88, Viettel…, đưa các dịch vụ ngân hàng đến gần hơn với cộng đồng địa phương, giảm tải cho chi nhánh truyền thống và gia tăng khả năng tiếp cận tài chính. Góp phần thu hút gần 5 triệu khách hàng mới trong năm, nâng tổng số khách hàng phục vụ lên 35,4 triệu vào cuối năm 2025.

Các giải pháp chiến lược nổi bật

Chuyển đổi số toàn diện, nâng tầm trải nghiệm và dịch vụ vượt trội

Lựa chọn con đường làm chủ công nghệ thay vì phụ thuộc, nghiên cứu, phát triển và vận hành hạ tầng số của riêng mình, MB chú trọng đầu tư mạnh nền tảng và hạ tầng công nghệ, đảm bảo tỷ lệ sẵn sang phục vụ và giao dịch thành công lên đến 99,5%. Năm 2025, MB chính thức đưa vào vận hành nền tảng Payment Platform (PMP), hợp nhất toàn bộ kênh giao dịch chuyển tiền trên một kiến trúc thống nhất. Nền tảng mới xử lý khoảng 37 triệu yêu cầu giao dịch mỗi ngày, nâng cao tỷ lệ thành công, giảm thiểu rủi ro vận hành thông qua các cơ chế định tuyến thông minh, tự động chuyển mạch và kiểm soát rủi ro đa nguồn. MB dẫn đầu về chuyển đổi số với 10,5 tỷ giao dịch tài chính tăng gấp 1,4 lần so với năm 2024, tỷ lệ chuyển đổi số ~98,8%. Các nghiệp vụ trọng yếu đều đạt mức số hóa cao: giao dịch tiết kiệm đạt 94,3%, rút tiền tại ATM/CRM đạt 93,2%, giao dịch tại Sàn đạt 99,32%. Việc số hóa toàn trình xử lý điều chuyển tiền mặt giúp cắt giảm 64% thời gian xử lý, tiết kiệm khoảng 20 tỷ đồng chi phí mỗi năm, đồng thời nâng cao tính minh bạch và an toàn vận hành trên toàn hệ thống. MB cũng trở thành một trong những ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam triển khai thành công chuẩn thanh toán quốc tế SWIFT ISO 20022, giúp tốc độ xử lý giao dịch tăng gấp 2–3 lần, nâng cao khả năng phân tích dữ liệu lên tới 50% và mở rộng kết nối sâu hơn với hệ thống tài chính toàn cầu.

Ứng dụng mạnh mẽ và sâu rộng các giải pháp công nghệ mới (AI, Machine learning, Deep learning…) trong mọi hoạt động kinh doanh và vận hành, MB ưu tiên tối ưu chất lượng dịch vụ và trải nghiệm khách hàng xuất sắc trên nền tảng số. Công nghệ OCR tại quầy cho phép xử lý hồ sơ gần như tức thời, ~1s/request. MB đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong nhiều lĩnh vực hoạt động, qua đó hướng tới xây dựng mô hình vận hành bền vững, linh hoạt và có khả năng thích ứng cao trước những biến động của thị trường. Việc triển khai AI góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng tính nhất quán và chuẩn hóa trải nghiệm khách hàng trên mọi nền tảng. Đồng thời, thông qua tự động hóa và tối ưu hóa quy trình, AI giúp rút ngắn thời gian xử lý, nâng cao năng suất lao động và tối ưu đáng kể chi phí hoạt động. Nhờ những nỗ lực này, tỷ lệ chi phí trên tổng doanh thu hoạt động (CIR) của MB đạt khoảng 25,23%, giảm 1,9% so với năm 2024.

Gắn liền với chiến lược đổi mới công nghệ, MB xây dựng nền tảng công nghệ hiện đại, bảo mật đa lớp, tích hợp sâu các mô hình phân tích dữ liệu nâng cao vào hoạt động điều hành và quản trị rủi ro. Qua đó nâng cao năng lực dự báo, chủ động nhận diện sớm rủi ro và duy trì hệ thống vận hành an toàn, bền vững. Tỷ lệ nợ xấu hợp nhất được kiểm soát ở mức 1,33%, trong khi riêng Ngân hàng đạt 1%, cải thiện so với năm 2024 và thấp hơn mặt bằng chung của ngành. Đồng thời, MB triển khai hệ thống phòng chống gian lận đa lớp với nền tảng công nghệ tự động ba tầng, kết nối chia sẻ dữ liệu thời gian thực với Bộ Công an và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, góp phần phát hiện sớm các hành vi.

Xây dựng lợi thế cạnh tranh chiến lược dựa trên năng lực dữ liệu và trí tuệ nhân tạo

MB từng bước chuyển dịch sang mô hình ra quyết định dựa trên dữ liệu và phân tích nâng cao, trong đó dữ liệu trở thành nền tảng xuyên suốt trong kinh doanh và vận hành. MB đang hình thành lợi thế cạnh tranh bền vững trong kỷ nguyên tài chính số dựa trên dữ liệu, từng bước chuyển mình từ ngân hàng số sang ngân hàng vận hành thông minh, nơi dữ liệu dẫn dắt quyết định và AI thúc đẩy tăng trưởng dài hạn. Ngân hàng đã xây dựng hệ sinh thái dữ liệu thống nhất với hơn 2.000 đặc trưng dữ liệu, cho phép ghi nhận toàn diện hành vi khách hàng, dòng tiền, mức độ rủi ro và nhu cầu tài chính theo thời gian thực.

Năng lực dữ liệu được khai thác triệt để để dự báo nhu cầu khách hàng, nhận diện cơ hội bán hàng theo thời gian thực, cá nhân hóa hành trình trải nghiệm và tối ưu hóa phân bổ nguồn lực kinh doanh. MB đẩy mạnh các nền tảng quản trị lead và nhận diện cơ hội bán hàng theo thời gian thực, giúp lực lượng kinh doanh cá nhân hóa kịch bản tiếp cận, rút ngắn thời gian tương tác và nâng cao tỷ lệ chuyển đổi khách hàng. Đến năm 2025, MB đã triển khai hơn 200 mô hình quản trị rủi ro và 135 mô hình kinh doanh, phục vụ trực tiếp các hoạt động cấp tín dụng, quản trị danh mục và phát triển khách hàng. Hơn 7 triệu khách hàng đã được cấp hạn mức tín dụng trước dựa trên các mô hình phân tích dữ liệu, đánh dấu bước chuyển quan trọng từ phương thức thẩm định truyền thống sang mô hình tín dụng dựa trên dữ liệu. Các mô hình được cải tiến với chu kỳ trung bình hai tuần theo phương pháp MLOps hiện đại, cho phép hệ thống liên tục học hỏi từ dữ liệu mới và thích ứng nhanh với biến động thị trường cũng như hành vi khách hàng, đồng thời duy trì mức độ tin cậy cao với chỉ số Gini trên 60%, tiệm cận tiêu chuẩn của các tổ chức tài chính tiên tiến trên thế giới.

Định hướng triển khai chiến lược 2026

Về quy mô

Phát triển thêm 4-5 triệu khách hàng mới, mở rộng quy mô khách hàng lên 40 triệu. Duy trì tốc độ tăng trưởng dư nợ và hluy động vốn khoảng 35%, mở rộng thị phần trên cơ sở tăng trưởng thực chất và bền vững.

Phương châm năm 2026

"Tăng tốc Vững chắc – Hiệu quả"

MB hướng tới mục tiêu

Ngân hàng Top 1 về Khách hàng, giao dịch, Top 3 về hiệu quả các NHTM

Về an toàn

Tối ưu năng suất lao động và duy trì tỷ lệ nợ xấu dưới 1,5%. Tăng cường đầu tư công nghệ thông tin; đảm bảo đáp ứng yêu cầu tăng trưởng, an toàn – bảo mật, ổn định hệ thống, duy trì hoạt động vận hành, kinh doanh liên tục đối với khách hàng, giao dịch và các mô hình kinh doanh mới.

Về hiệu quả

Đảm bảo hoạt động kinh doanh an toàn, hiệu quả, gia tăng thị phần tại các thị trường trọng điểm, hướng tới mục tiêu tăng trưởng lợi nhuận 15-20%.

30 %/năm

Hiệp lực Tập đoàn, khai thác toàn diện và hiệu quả hệ sinh thái, phấn đấu doanh thu bán chéo tăng trưởng tối thiểu 30%/năm

Các trọng tâm chuyển đổi chính 2026:

- Tăng cường gắn kết khách hàng và phát huy sức mạnh hệ sinh thái Tập đoàn: Lấy khách hàng làm trung tâm, MB ứng dụng công nghệ, dữ liệu và AI để thấu hiểu nhu cầu, cá nhân hóa giải pháp tài chính và nâng cao mức độ gắn kết khách hàng. Tăng cường hiệp lực toàn Tập đoàn, khai thác hiệu quả hệ sinh thái để mở rộng khách hàng và gia tăng doanh thu bán chéo, hướng tới mức tăng trưởng tối thiểu 30% mỗi năm. Đồng thời, Ngân hàng mở rộng hợp tác đối tác chiến lược, chủ động nắm bắt cơ hội từ chính sách Nhà nước và nghiên cứu triển khai các lĩnh vực kinh doanh mới như kinh doanh vàng, phân khúc FDI và tài sản số.
- Thúc đẩy chuyển đổi số và nâng cao trải nghiệm khách hàng: MB tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện, phát triển mô hình kinh doanh nền tảng và gia tăng tỷ trọng doanh thu từ kênh số, hướng tới mục tiêu đạt khoảng 60% tổng doanh thu. Ngân hàng tập trung đổi mới sản phẩm dịch vụ số, nâng cấp các nền tảng App MBBank và BIZ MBBank theo hướng đơn giản, nhanh chóng và thuận tiện, đáp ứng hiệu quả nhu cầu đa phân khúc khách hàng. Đồng thời, thúc đẩy đổi mới sáng tạo theo mô hình Agile, kết hợp tự động hóa và ứng dụng AI trong vận hành nhằm rút ngắn thời gian đưa sản phẩm ra thị trường, nâng cao trải nghiệm khách hàng và củng cố vị thế ngân hàng Top 1 về khách hàng, giao dịch; Top 3 về hiệu quả các ngân hàng thương mại.
- Tiên phong công nghệ, bảo đảm an toàn hệ thống làm nền tảng tăng trưởng bền vững: MB tiếp tục theo đuổi chiến lược tiên phong công nghệ nhằm bảo đảm an toàn.

Định hướng đến năm 2029

MB phấn đấu phục vụ

40 TRIỆU khách hàng

Mục tiêu tăng trưởng tổng tài sản bình quân khoảng

14 %/năm

Dư nợ và huy động khoảng

^15 %

Đến năm 2029, MB phấn đấu phục vụ 40 triệu khách hàng và đặt mục tiêu tăng trưởng tổng tài sản bình quân khoảng 14%/năm, dư nợ và huy động tăng khoảng 15%, tùy theo giới hạn của NHNN, lợi nhuận trước thuế tăng ~12% và tỷ lệ nợ xấu ≤ 2%, các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động ROE, ROA, CIR trong Top đầu và tuân thủ các quy định của NHNN và pháp luật.

MB định hướng xây dựng tổ chức dài hạn "Là Tổ chức phát triển bền vững", và mục tiêu là thực hành ESG tiên tiến, hướng tới tương lai Net zero, củng cố chất lượng các mặt hoạt động, đầu tư nguồn lực, các nền tảng cho chiến lược phát triển, bám sát các mục tiêu chiến lược, chú trọng xây dựng văn hoá doanh nghiệp số và bứt phá trên hành trình trở thành ngân hàng xanh. Điều này thể hiện qua việc MB không ngừng đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động, đồng thời thúc đẩy các giải pháp tài chính xanh, duy trì tỷ trọng tín dụng xanh tại MB 8-10%/năm, hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số, và đồng hành cùng khách hàng trong hành trình phát triển bền vững.

Công tác quản lý rủi ro

Tổng quan về Quản lý rủi ro

Trong năm 2025, Ngân hàng Nhà nước ban hành Thông tư số 14/2025/TT-NHNN ngày 30/06/2025 v/v quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (Thông tư 14) thay thế cho Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016, đánh dấu bước tiến quan trọng trong quá trình hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về quản trị vốn dựa trên phương pháp nâng cao hơn, khẳng định định hướng điều hành hoạt động ngân hàng theo các chuẩn mực quốc tế, đặc biệt là Basel III.

Với tầm nhìn chiến lược trở thành tập đoàn tài chính, doanh nghiệp chuyển đổi số toàn diện giai đoạn 2022 – 2026, MB xác định quản trị rủi ro thông minh và vượt trội luôn là nền tảng trọng yếu ở các giai đoạn chiến lược. Là ngân hàng tiên phong ứng dụng các tiêu chuẩn quản trị rủi ro theo thông lệ quốc tế, trong năm 2024, 2025 trong khuôn khổ phạm vi dự án Basel III, PwC đã rà soát độc lập, đánh giá và công nhận MB tuân thủ các quy định của Basel III trong việc đo lường LCR, NSFR. Quá trình triển khai nền tảng quản trị rủi ro được MB thực hiện thống nhất, triệt để, toàn diện, chủ động nghiên cứu, vừa làm vừa thử nghiệm, ứng dụng và tinh chỉnh nhanh vào thực tiễn kinh doanh.

Cơ cấu tổ chức Quản lý rủi ro

Cơ cấu tổ chức quản lý rủi ro được tổ chức và phân định chức năng theo mô hình 03 vòng (tuyến) bảo vệ đảm bảo tính phù hợp, hiệu quả và không phát sinh xung đột về lợi ích, bao gồm: Giám sát của quản lý cấp cao: Hội đồng quản trị (cùng các Ủy ban tham mưu/hỗ trợ), Ban Kiểm soát (với cơ quan giúp việc là Kiểm toán nội bộ) và Tổng Giám đốc (cùng các Hội đồng tham mưu/hỗ trợ).

Hội đồng quản trị (HĐQT)

Chịu trách nhiệm tổng thể về chiến lược kinh doanh, rủi ro cũng như cơ cấu tổ chức, quản trị của ngân hàng (bao gồm cả hệ thống kiểm soát nội bộ), đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và các thông lệ tốt trong hoạt động quản trị ngân hàng; Chỉ đạo kiểm tra, giám sát TGĐ về công tác QLRR; Xây dựng văn hóa QLRR trong ngân hàng; ... với sự tham mưu, giúp việc của Ủy ban Quản lý rủi ro.

Ban Kiểm soát (BKS)

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Pháp luật và MB từng thời kỳ: giám sát theo quy định và kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát về hoạt động Quản lý rủi ro; giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ trong việc tổ chức và triển khai kiểm toán hoạt động quản lý rủi ro,...

Tổng Giám đốc (TGĐ)

Tổ chức triển khai chiến lược, chính sách, quy định,... của HĐQT về công tác QLRR đảm bảo tuân thủ quy định của Pháp luật, phù hợp với định hướng của HĐQT và khẩu vị rủi ro của MB, như: ban hành các quy định, quy trình, hướng dẫn,..; triển khai các yêu cầu quản lý rủi ro; xây dựng, giám sát hạn mức rủi ro; xây dựng, kiểm định hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ; nhận diện, đo lường rủi ro, cảnh báo sớm rủi ro hiệu quả, kịp thời thông qua các công cụ; Triển khai văn hóa QLRR;... với sự tham mưu, giúp việc của Hội đồng rủi ro.

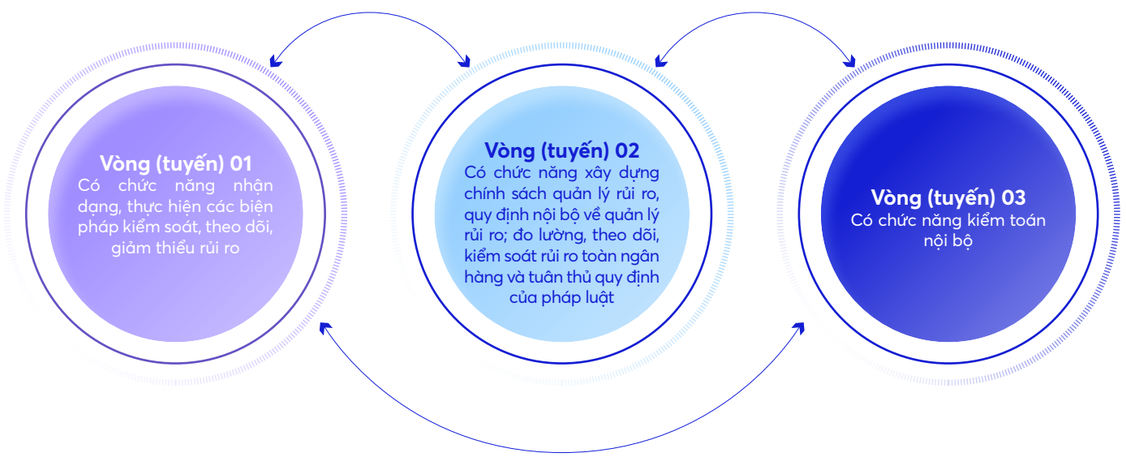

Quy trình Quản lý rủi ro bao gồm các bước chính

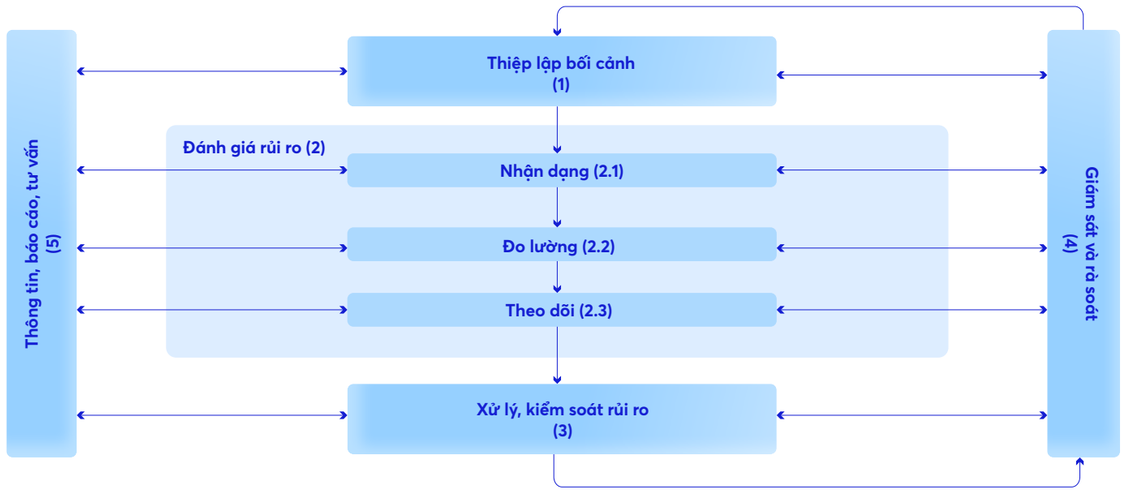

Với việc tuân thủ các nội dung quy định tại Thông tư 13, Thông tư 83 (điều chỉnh, sửa đổi Thông tư 13) của NHNN và áp dụng các thông lệ của Ủy ban Basel, MB tổ chức kiện toàn bộ máy quản lý đảm bảo phân tách rõ ràng chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, tăng ý thức trách nhiệm của toàn Ngân hàng trong việc nhận diện, đánh giá, theo dõi và kiểm soát rủi ro. Trong đó, các khâu tiềm ẩn rủi ro xung đột lợi ích (bán hàng, thẩm định, phê duyệt và vận hành) được thực hiện bởi các đơn vị độc lập nhau, đảm bảo khách quan, minh bạch.

Đồng thời, để kiểm soát tốt rủi ro, hạn chế phát sinh lỗi do sai sót/cố ý vi phạm, MB đã ứng dụng các hệ thống công nghệ tiên tiến, tổ chức tập trung tại Hội sở các chức năng: thẩm định, phê duyệt, vận hành; kế toán – tài chính, nhân sự, công nghệ thông tin. Theo đó, các chi nhánh, đơn vị kinh doanh của MB được giải phóng nguồn lực tối đa để phát triển kinh doanh, nhưng vẫn đảm bảo rủi ro được kiểm soát khi quy mô kinh doanh và khối lượng giao dịch/số lượng khách hàng ngày càng lớn.

Tại MB, các tuyến bảo vệ triển khai công việc đảm bảo tính độc lập nhưng vẫn có sự phối hợp, trao đổi thông tin thường xuyên với nhau, trên cơ sở tư vấn, phản biện và hỗ trợ nhau kiểm soát rủi ro, cùng hướng tới mục tiêu chung của MB.

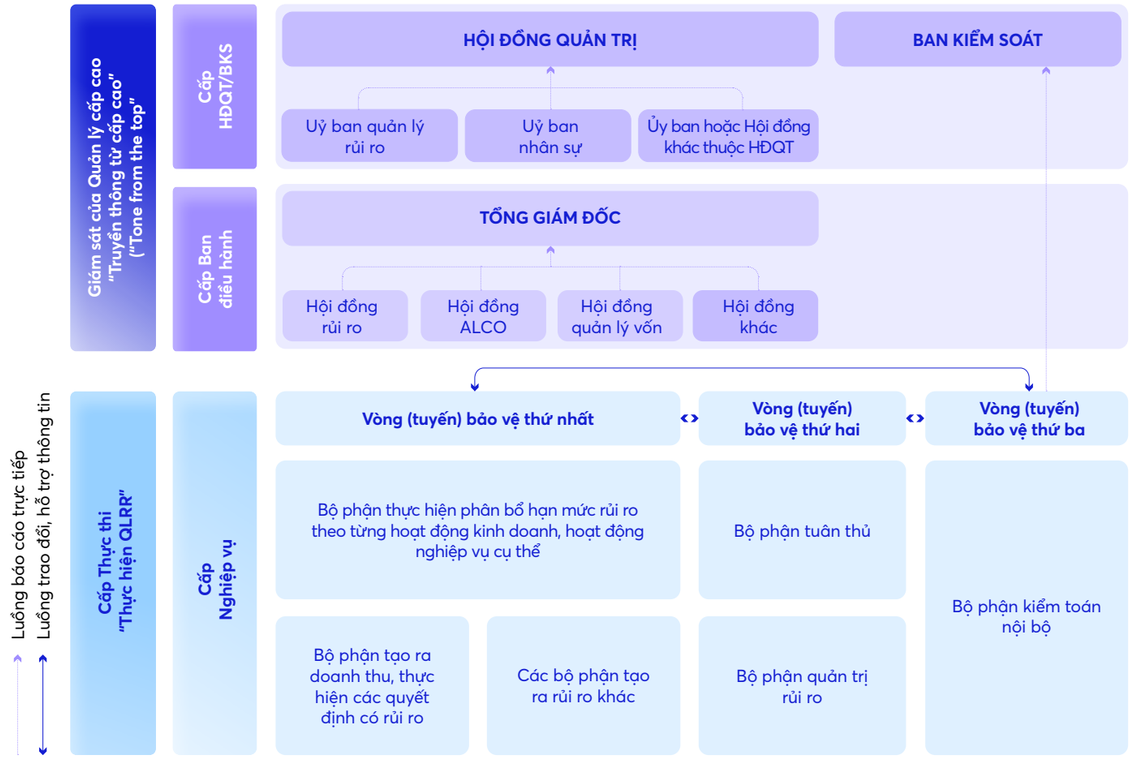

Khung Quản trị rủi ro

Khung Quản trị rủi ro

Khung quản trị rủi ro tại MB được xây dựng phù hợp với chiến lược kinh doanh của ngân hàng, lợi ích của các cổ đông trên cơ sở đánh giá, phân tích các bối cảnh bên ngoài, bối cảnh nội bộ và các nguồn lực sẵn có của MB nhằm đảm bảo quản lý toàn diện các loại rủi ro trọng yếu trong hoạt động của Ngân hàng theo các thông lệ tốt, thông lệ quốc tế của Ủy ban Basel, COSO, ISO và quy định của Ngân hàng nhà nước. Chính sách quản lý rủi ro của MB và khẩu vị rủi ro được văn bản hóa, tuyên ngôn cụ thể để định hướng, nhận diện đầy đủ các rủi ro đối với hoạt động kinh doanh của MB và được cập nhật định kỳ phù hợp với chiến lược kinh doanh và thực tiễn hoạt động của ngân hàng. Nguyên tắc, cơ chế quản lý và các ngưỡng, giới hạn kiểm soát các rủi ro trọng yếu được thiết lập và giám sát định kỳ đảm bảo phù hợp với khẩu vị và tình hình hoạt động kinh doanh.

Tại MB, hoạt động giám sát và báo cáo được triển khai bao gồm các báo cáo rủi ro nội bộ đến HĐQT, Ủy ban Quản lý rủi ro và báo cáo hàng năm về quản lý rủi ro gửi NHNN, trong đó các báo cáo luôn cập nhật kịp thời các tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý rủi ro, nhận diện các rủi ro mới phát sinh tại MB và toàn Tập đoàn, là cơ sở để các cấp thẩm quyền ra quyết định trong toàn ngân hàng.

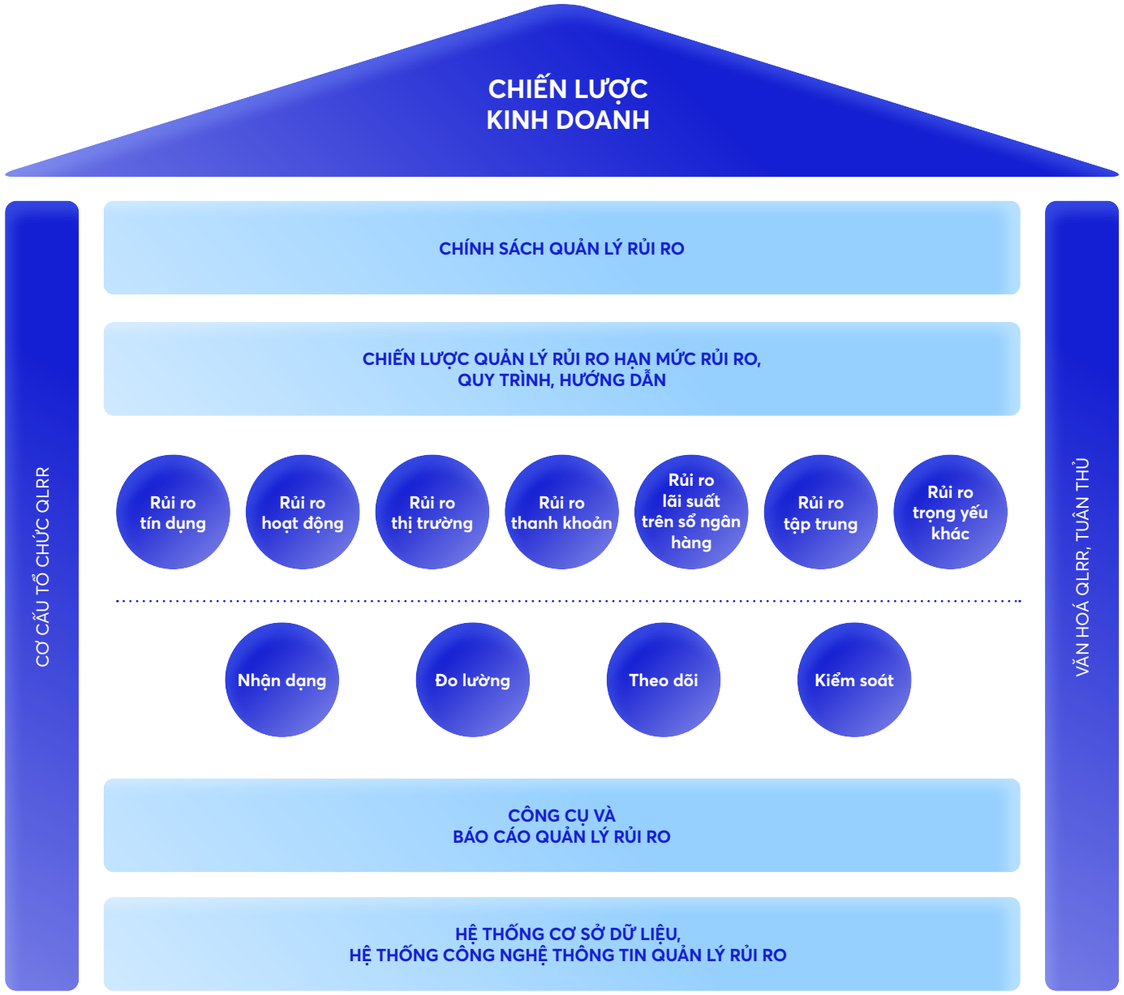

Văn hóa rủi ro

MB luôn đề cao và kiên định xây dựng văn hóa quản trị rủi ro. Tại MB, từng cán bộ nhân viên đều ý thức được trách nhiệm nhận diện, đánh giá, kiểm soát, giảm thiểu và báo cáo rủi ro của bản thân, từ đó xem xét, cân nhắc các yếu tố rủi ro trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao. Năm 2025, hoạt động truyền thông văn hóa rủi ro, các thông tin cảnh báo sớm, các dấu hiệu rủi ro từ thông qua phân tích dữ liệu hành vi khách hàng, các giới hạn rủi ro được cung cấp chính xác, kịp thời đến các đơn vị sở hữu rủi ro (vòng bảo vệ thứ nhất), góp phần nâng cao nhận thức của Đơn vị kinh doanh tại Chi nhánh và các Đơn vị quản lý trục dọc tại Hội sở được đa dạng hóa qua nhiều hình thức khác nhau. Ngoài ra, văn hóa rủi ro của MB còn được truyền thông qua công tác đào tạo nội bộ được thiết kế chuyên biệt cho các đối tượng khác nhau, thường xuyên cập nhật các quy định của Ngân hàng nhà nước và quy định nội bộ; truyền thông các công văn cảnh báo đến toàn hệ thống khi có các tình huống vi phạm; khuyến nghị đối với các rủi ro tiềm ẩn phát sinh có ảnh hưởng toàn hàng.

Hàng năm, MB tổ chức các chương trình dành cho cán bộ nhân viên bao gồm đào tạo cán bộ nguồn và các chương trình luân chuyển trải nghiệm (Hội sở - Chi nhánh và giữa các Chi nhánh) trong đó nội dung đào tạo và chia sẻ liên quan đến Quản trị rủi ro luôn nhận được sự quan tâm của cán bộ nhân viên, khẳng định văn hóa quản trị rủi ro luôn được chú trọng và đồng hành cùng hoạt động kinh doanh tại Đơn vị.

Công tác quản lý các rủi ro trọng yếu

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất, tỷ giá, giá vàng, giá chứng khoán và giá hàng hóa trên thị trường, bao gồm:

- Rủi ro lãi suất là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất trên thị trường đối với giá trị của giấy tờ có giá, công cụ tài chính có lãi suất, sản phẩm phái sinh lãi suất trên sổ kinh doanh của ngân hàng;
- Rủi ro ngoại hối là rủi ro do biến động bất lợi của tỷ giá, giá vàng trên thị trường khi ngân hàng có trạng thái ngoại tệ, trạng thái vàng;
- Rủi ro giá cổ phiếu là rủi ro do biến động bất lợi của giá cổ phiếu trên thị trường đối với giá trị của cổ phiếu, giá trị chứng khoán phái sinh trên sổ kinh doanh của ngân hàng;
- Rủi ro giá hàng hóa là rủi ro do biến động bất lợi của giá hàng hóa trên thị trường đối với giá trị của sản phẩm phái sinh hàng hóa, giá trị của sản phẩm trong giao dịch giao ngay chịu rủi ro giá hàng hóa của ngân hàng.

MB xây dựng khung quản lý rủi ro thị trường là sự kết hợp chặt chẽ giữa cơ cấu tổ chức theo nguyên tắc ba tuyến bảo vệ và hệ thống quy định nội bộ, mô hình, hạn mức…; Rủi ro thị trường được quản lý theo quy trình nhận dạng, đo lường, theo dõi, kiểm soát, và báo cáo, trong điều kiện bình thường và điều kiện biến động mạnh về giá chứng khoán, giá hàng hóa, tỷ giá, lãi suất.

Rủi ro thị trường được đánh giá, nhận dạng toàn diện trong các giao dịch, sản phẩm, trạng thái trên sổ kinh doanh của MB, được đo lường và giám sát trong ngày giao dịch thông qua các hạn mức và ngưỡng cảnh báo.

Các hạn mức rủi ro thị trường đang được MB quản lý bao gồm hạn mức về trạng thái mở, hạn mức dừng lỗ, hạn mức độ nhạy theo hạn mức độ nhạy đối với sự thay đổi của lãi suất (PV01), hạn mức giá trị rủi ro ước tính của một khoản đầu tư trong một khoảng thời gian nhất định (VaR)… để lượng hóa các tác động từ biến động của tỷ giá, lãi suất tới trạng thái rủi ro và lợi nhuận của danh mục. Việc đo lường giám sát hạn mức hàng ngày sẽ giúp MB có các biện pháp kịp thời để giảm thiểu rủi ro từ biến động thị trường và tác động tới lợi nhuận của hoạt động kinh doanh.

Năm 2025, bên cạnh việc rà soát, định kỳ cập nhật chính sách, quy chế, quy trình…, MB triển khai nâng cấp hệ thống Front-to-back , tăng cường tự động hóa, tinh chỉnh đường cong lợi suất chiết khấu tự động của các danh mục trading giúp phản ánh nhanh và kịp thời các biến động của thị trường vào danh mục, góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý rủi ro thị trường.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro do:

Ngân hàng không có khả năng thực hiện nghĩa vụ tài chính khi đến hạn;

Ngân hàng có khả năng thực hiện nghĩa vụ tài chính khi đến hạn nhưng phải trả chi phí cao hơn mức chi phí bình quân của thị trường theo quy định nội bộ của ngân hàng.

MB xây dựng khung quản lý rủi ro thanh khoản: là sự kết hợp chặt chẽ giữa cơ cấu tổ chức theo nguyên tắc ba tuyến bảo vệ và hệ thống quy định nội bộ, mô hình, hạn mức…; Rủi ro thanh khoản được quản lý theo quy trình nhận dạng, đo lường, theo dõi, kiểm soát, và báo cáo, trong điều kiện kinh doanh thông thường, điều kiện kinh doanh có khủng hoảng và điều kiện kinh doanh có triển khai sản phẩm mới cũng như thị trường mới; đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của Ngân hàng Nhà nước về tỷ lệ khả năng chi trả và thanh khoản trong hoạt động ngân hàng.

Năm 2025, ngoài việc theo dõi, kiểm soát rủi ro thanh khoản chặt chẽ hàng ngày, MB chủ động thực hiện kiểm tra sức chịu đựng về thanh khoản. Các kịch bản kiểm tra sức chịu đựng mà Ngân hàng sử dụng được thiết kế ở các cấp độ và quy mô khác nhau. Các tình huống "diễn tập" giúp MB đưa ra khuyến nghị và xây dựng kế hoạch dự phòng thanh khoản trên cơ sở nhận diện, đánh giá khả năng khủng hoảng thanh khoản và đưa ra các biện pháp xử lý kịp thời nhằm đảm bảo thanh khoản cho MB và khả năng ứng phó linh hoạt với các mức độ và kịch bản khủng hoảng thanh khoản.

Bên cạnh việc tuân thủ quy định về quản lý rủi ro thanh khoản theo quy định của NHNN, MB cũng chủ động áp dụng các khung quản lý rủi ro thanh khoản tiên tiến như đo lường tỷ lệ nguồn vốn ổn định ròng (NSFR) và tỷ lệ đảm bảo khả năng thanh khoản (LCR) theo Basel III, ứng dụng mô hình hành vi khách hàng vào phân loại dòng tiền huy động vốn, từ đó thực hiện đo lường dòng tiền phù hợp hơn với đặc tính hành vi của khách hàng tại MB, góp phần củng cố và nâng cao năng lực quản lý rủi ro thanh khoản.

Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng

Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất tác động tới trạng thái sổ ngân hàng, làm ảnh hưởng tới vốn và thu nhập của ngân hàng. Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng bao gồm:

Rủi ro chênh lệch (Gap risk)
Phát sinh từ sự không khớp về thời điểm định giá lại lãi suất hoặc không khớp về kỳ hạn giữa tài sản và nợ phải trả (bao gồm cả các khoản mục ngoại bảng) trên sổ ngân hàng;

Rủi ro cơ sở (Basis risk)
Phát sinh từ sự khác nhau giữa lãi suất được sử dụng để định giá lại tài sản và nợ phải trả (bao gồm cả các khoản mục ngoại bảng) có cùng kỳ hạn;

Rủi ro quyền chọn (Option risk)
Phát sinh từ việc thực hiện quyền chọn tự động hoặc quyền lựa chọn hành vi gắn với tài sản và nợ phải trả (bao gồm cả khoản mục ngoại bảng) trên sổ ngân hàng làm thay đổi giá trị và thời điểm phát sinh dòng tiền, bao gồm:

- Rủi ro quyền chọn tự động (Automatic option risk) phát sinh khi lãi suất thay đổi dẫn đến việc chắc chắn thực hiện quyền chọn theo quy định tại hợp đồng;
- Rủi ro quyền lựa chọn hành vi (Behavioral option risk) phát sinh khi lãi suất thay đổi có thể làm thay đổi hành vi của khách hàng.

MB xây dựng khung quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng là sự kết hợp chặt chẽ giữa cơ cấu tổ chức theo nguyên tắc ba tuyến bảo vệ và hệ thống quy định nội bộ, mô hình, hạn mức…; Triển khai quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng đảm bảo quy trình quản trị với các phương pháp luận vững chắc, giúp đo lường và theo dõi rủi ro lãi suất cơ sở, đáp ứng các thông lệ quốc tế như Basel II và hướng đến đáp ứng Basel III cũng như tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Năm 2025, MB tiếp tục rà soát, định kỳ cập nhật các chính sách, quy trình, phương pháp luận đo lường rủi ro, theo dõi, giám sát các hạn mức rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng như trạng thái chênh lệch kỳ định lại lãi suất (repricing gap profile), Thay đổi thu nhập lãi thuần (Change in net income - ΔNII), Thay đổi giá trị kinh tế vốn chủ sở hữu (Change in economic value of equity - ΔEVE), ứng dụng kết quả mô hình hành vi khách hàng trong việc xác định tiền gửi ổn định (core deposit), là cơ sở MB điều hành công tác kinh doanh linh hoạt phù hợp với biến động lãi suất của thị trường, từ đó giúp MB cân bằng mục tiêu tối ưu lợi nhuận và giảm thiểu rủi ro.

Rủi ro tập trung trong giao dịch tự doanh

Rủi ro tập trung là rủi ro do ngân hàng có hoạt động kinh doanh tập trung vào một khách hàng (bao gồm người có liên quan), đối tác, sản phẩm, giao dịch, ngành, lĩnh vực kinh tế, loại tiền tệ ở mức độ có tác động đáng kể đến thu nhập, trạng thái rủi ro theo quy định nội bộ của ngân hàng. Rủi ro tập trung bao gồm rủi ro tập trung đối với hoạt động cấp tín dụng và rủi ro tập trung đối với hoạt động giao dịch tự doanh.

Đối với rủi ro tập trung trong hoạt động tự doanh, MB đã xây dựng chiến lược quản lý rủi ro tập trung và hạn mức tập trung giao dịch tự doanh theo đối tác giao dịch, sản phẩm giao dịch, loại tiền tệ, đồng thời xây dựng các tiêu chí xác định danh mục giao dịch tự doanh để áp dụng hạn mức tập trung giao dịch tự doanh đảm bảo mức độ đa dạng và mức độ tương tác.

Rủi ro hoạt động

Rủi ro hoạt động là rủi ro do các quy trình nội bộ quy định không đầy đủ hoặc có sai sót, do yếu tố con người, do các lỗi, sự cố của hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài làm tổn thất về tài chính, tác động tiêu cực phi tài chính đối với ngân hàng. Rủi ro hoạt động không bao gồm rủi ro danh tiếng và rủi ro chiến lược.

Mục tiêu của QLRRHĐ trong ngân hàng

- (i) Giảm thiểu tổn thất rủi ro hoạt động để bảo vệ ngân hàng, cổ đông và khách hàng
- (ii) Kiểm soát RRHĐ nằm trong các ngưỡng giới hạn RRHĐ được BLĐ NH phê duyệt
- (iii) Nhận diện sớm các RRHĐ tiềm ẩn, đưa ra các biện pháp kiểm soát phù hợp, hiệu quả, giúp phòng ngừa rủi ro phát sinh
- (iv) Phát hiện kịp thời các RRHĐ phát sinh, triển khai nhanh, hiệu quả các biện pháp xử lý, kế hoạch hành động nhằm hạn chế tối đa tổn thất tài chính, phi tài chính cho ngân hàng
- (v) Đảm bảo nhận diện, đo lường, giám sát, kiểm soát đầy đủ các loại sự kiện rủi ro hoạt động.

MB đã thực hiện các công tác QLRRHĐ bài bản theo thông lệ quốc tế

- Ban hành đầy đủ **hệ thống văn bản chính sách** áp dụng cho rủi ro hoạt động theo yêu cầu của Ngân hàng nhà nước, đảm bảo nguyên tắc quản trị rủi ro và khẩu vị rủi ro của MB, như Chiến lược QLRR hoạt động – được tích hợp trong Chính sách QLRR chung cấp HĐQT, Quy chế xử lý các trường hợp khẩn cấp, Quy chế QLRR hoạt động, Quy trình QLRR hoạt động
- **Cơ cấu tổ chức quản lý rủi ro hoạt động** được tổ chức và phân định chức năng theo mô hình 03 vòng (tuyến) bảo vệ đảm bảo tính phù hợp, hiệu quả và không phát sinh xung đột về lợi ích. Vòng (tuyến) 1 bao gồm nhóm chức năng kinh doanh/vận hành/hỗ trợ, nhân sự, công nghệ thông tin, kiểm soát nội bộ; Vòng (tuyến) 2 bao gồm nhóm chức năng quản lý rủi ro, tuân thủ, thanh tra, tài chính; Vòng (tuyến) 3 là hoạt động kiểm toán nội bộ. Vai trò, trách nhiệm của các cấp trong quản lý rủi ro hoạt động được quy định rõ ràng đảm bảo vai trò giám sát của quản lý cấp cao (HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc) tới mọi mặt của hoạt động quản lý rủi ro hoạt động, với sự tham mưu, giúp việc tích cực của các Ủy ban, Hội đồng
- Công tác QLRRHĐ được triển khai đồng bộ trên toàn hệ thống thông qua các **công cụ QLRRHĐ** bao gồm (i) thu thập dữ liệu tổn thất (LDC), (ii) tự xác định/đánh giá RRHĐ và các biện pháp kiểm soát đang được áp dụng (RCSA), (iii) xây dựng và theo dõi các chỉ số rủi ro chính (KRIs), (iv) phân tích các phát hiện trong quá trình thanh tra, kiểm tra giúp MB chủ động kiểm soát, đầy đủ, kịp thời RRHĐ trong tất cả các hoạt động kinh doanh, sản phẩm, quy trình nghiệp vụ, hệ thống công nghệ thông tin và các hệ thống quản lý khác của ngân hàng

Ngay sau khi ban hành các văn bản quy định liên quan tới quản lý rủi ro hoạt động, MB đã tổ chức triển khai sâu, rộng tới toàn bộ các đơn vị, các CBNV trong Ngân hàng đảm bảo các đơn vị hiểu đúng, hiểu đầy đủ về định hướng quản trị của Ban lãnh đạo Ngân hàng; về chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị, từng cá nhân; về cách thức, công cụ để quản lý rủi ro hoạt động và các chỉ tiêu khẩu vị/hạn mức rủi ro hoạt động cần kiểm soát, tuân thủ.

Bên cạnh đó, hiểu rõ vai trò của bảo hiểm có thể là một trong những công cụ bổ trợ, giúp cho MB có nguồn bù đắp cho tổn thất khi phát sinh rủi ro hoạt động bên cạnh việc triển khai các giải pháp phòng ngừa rủi ro mang tính chủ động (đặc biệt những rủi ro khách quan do nguyên nhân bên ngoài), thời gian qua MB đã tiến hành mua bảo hiểm cho 1 số loại rủi ro như bảo hiểm cho tiền trong kho, bảo hiểm cho tiền trên đường vận chuyển; bảo hiểm cháy nổ; bảo hiểm cho ATM nếu bị phá hoại; bảo hiểm cho các trường hợp thẻ của khách hàng bị skimming (hình thức gian lận), bảo hiểm cho các trường hợp mất tiền trong tài khoản và thẻ liên quan tới liên lạc điện tử giả mạo, bảo hiểm an ninh mạng trong các trường hợp tổn thất tài sản dữ liệu, gián đoạn hoạt động kinh doanh…

Trong bối cảnh nền kinh tế gặp nhiều khó khăn cùng với việc chuyển đổi các sản phẩm/dịch vụ sang kênh Số, khả năng phát sinh rủi ro hoạt động, đặc biệt là rủi ro gian lận có xu hướng tăng lên. Với việc hoàn thành dự án Phòng chống tội phạm tài chính (FCRM) với 02 trụ cột chính là Phòng chống gian lận và Phòng chống rửa tiền, MB đã trở thành một trong những ngân hàng tiên phong trong việc ứng dụng hệ thống công nghệ thông tin toàn diện và hiện đại, cũng như các phương pháp luận tiên tiến trên thế giới về phòng chống gian lận, phòng chống rửa tiền; bảo vệ ngân hàng và khách hàng khỏi các rủi ro phát sinh từ các hoạt động tội phạm tài chính, đặc biệt là các tội phạm sử dụng công nghệ cao và mạng Internet như gian lận trực tuyến, tấn công mạng, và rửa tiền qua các đồng tiền kỹ thuật số… Năm 2025, MB đã ứng dụng triệt để phương pháp luận đã được bàn giao từ Dự án Phòng chống tội phạm tài chính, triển khai mở rộng việc phát hiện sớm rủi ro gian lận trên nhiều mảng hoạt động trọng yếu, kết hợp giữa rule base và mô hình máy học, giữa giám sát realtime, near realtime và batch để tăng tính chính xác, kịp thời, toàn diện của cảnh báo, giúp bảo vệ kết quả hoạt động của Ngân hàng cũng như đảm bảo an toàn cho giao dịch của khách hàng. Bên cạnh ứng dụng cho hoạt động quản lý rủi ro gian lận của Ngân hàng, MB cũng đã đào tạo, chuyển giao phương pháp luận quản lý rủi ro gian lận cho các công ty thành viên toàn tập đoàn, nâng cao năng lực hiệp lực tập đoàn, bảo vệ tối đa cho khách hàng của MB nói riêng và MB Group nói chung. Hệ thống có khả năng phân tích dữ liệu lớn để phát hiện tội phạm gian lận, rửa tiền trên đa dạng các mảng hoạt động của MB và các công ty thành viên; giúp đảm bảo an toàn cho giao dịch của khách hàng và MB Group. Hệ thống kết hợp giữa rule base và mô hình máy học, kết hợp giữa giám sát realtime, near realtime và batch để tăng tính chính xác, kịp thời, toàn diện của cảnh báo. Các mô hình và kịch bản giám sát của hệ thống đều đang đạt chỉ tiêu kiểm soát chất lượng ở mức tốt so với thông lệ thị trường (tỷ lệ phát hiện chủ động cao, tỷ lệ cảnh báo giả thấp).

Thông qua việc triển khai các công cụ quản lý rủi ro hoạt động một cách toàn diện, bám sát thông lệ tiên tiến trên thế giới, năm 2025, các chỉ tiêu khẩu vị, hạn mức rủi ro hoạt động của Ngân hàng được kiểm soát đảm bảo không vượt ngưỡng giới hạn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, kết quả năm 2025 cho thấy các chỉ số đều được cải thiện theo hướng tích cực.

Rủi ro phòng chống rửa tiền và tài trợ khủng bố

Tại MB, HĐQT và BĐH đánh giá cao tầm quan trọng và cần thiết của hoạt động Phòng chống rửa tiền (PCRT)/Tài trợ khủng bố (TTKB)/Tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt (TTPBVKHDHL)/Tuân thủ Cấm vận, do đó, luôn dành sự quan tâm, đầu tư, giám sát chặt chẽ đối với việc xây dựng và triển khai các biện pháp PCRT/TTKB/TTPBVKHDHL/Tuân thủ Cấm vận.

Theo đó, công tác PCRT/TTKB tại MB được triển khai theo nguyên tắc: (1) Thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định MB trên cơ sở bảo đảm chủ quyền, an ninh quốc gia; bảo đảm hoạt động bình thường về kinh tế, đầu tư; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; chống lạm quyền, lợi dụng việc PCRT/TTKB/TTPBVKHDHL/Tuân thủ Cấm vận để xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân có liên quan; (2) Các biện pháp PCRT/TTKB/TTPBVKHDHL/Tuân thủ Cấm vận phải được thực hiện đồng bộ, kịp thời, các hành vi RT & TTKB & TTPBVKHDHL và vi phạm cấm vận phải được xử lý nghiêm minh.

MB xác định rõ mục tiêu của hoạt động PCRT/TTKB trong ngân hàng: (1) Đảm bảo MB tuân thủ quy định của pháp luật và tiệm cận thông lệ quốc tế; (2) Ngăn chặn việc các kênh kinh doanh, các sản phẩm/dịch vụ của MB bị lợi dụng như một kênh/công cụ cho hoạt động RT & TTKB & TTPBVKHDHL và vi phạm cấm vận; (3) Bảo vệ thanh danh, uy tín của MB trước khách hàng, đối tác và ngăn ngừa tổn thất về tài chính có thể xảy ra.

Ngoài ra, với vai trò là công ty mẹ của 8 công ty hoạt động trong mọi phương diện tài chính (bao gồm: Công ty TNHH Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Quân đội – MBAMC, Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư MB – MBCap, Công ty cổ phần Chứng khoán MB – MBS, Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Quân đội – MIC, Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ MB AGEAS – MBAL, Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei – Mcredit, Ngân hàng đại chúng TNHH MB Campuchia và Ngân hàng MBV), MB luôn định hướng các công ty con phải tuân thủ theo nguyên tắc PCRT/TTKB của công ty mẹ, đảm bảo xây dựng một tập đoàn có một ý chí chung, mục tiêu chung trong hoạt động PCRT/TTKB.

Để đạt được những mục tiêu đó, HĐQT và BĐH MB luôn ý thức được việc thực thi PCRT/TTKB tại mỗi tổ chức tài chính sẽ có ảnh hưởng quan trọng đến công cuộc PCRT/TTKB của quốc gia nói riêng và thế giới nói chung. Ý thức này cũng đã được truyền tải đầy đủ đến tập thể CBNV ngân hàng và các công ty con, tạo ra sự lan tỏa về ý thức PCRT/TTKB trong toàn Ngân hàng giúp việc thực thi các biện pháp PCRT/TTKB triệt để, thống nhất và hiệu quả hơn.

Hoạt động PCRT dựa trên 2 trụ cột chính là Nhận biết Khách hàng và Giám sát giao dịch của khách hàng. Quá trình nhận biết khách hàng gồm thu thập, xác minh, cập nhật thông tin khách hàng và phân loại rủi ro được các Chi nhánh quản lý khách hàng của MB triển khai và thực hiện một cách thận trọng, thường xuyên, liên tục. Quá trình giám sát giao dịch khách hàng được thực hiện trước/trong/sau giao dịch nhằm phát hiện, từ chối các giao dịch không thuộc chính sách chấp nhận giao dịch của MB và cảnh báo liên tục các trường hợp đáng ngờ lợi dụng sản phẩm/dịch vụ ngân hàng cho các hoạt động rửa tiền. Việc thực thi hiệu quả không thể thiếu công cụ được trang bị tới các cán bộ nhân viên nhằm hỗ trợ quá trình thực hiện. Theo đó, hệ thống Phòng chống rửa tiền của MB được cung cấp bởi đối tác hàng đầu trên thế giới (Oracle) với đầy đủ các cấu phần giúp Nhận biết Khách hàng trong suốt quá trình quan hệ của KH tại MB và Giám sát giao dịch của khách hàng với các loại danh sách cấm vận/đen/cảnh báo và các kịch bản đáng ngờ về giao dịch giúp quản trị rủi ro RT & TTKB & TTPBVKHDHL và vi phạm cấm vận nhanh chóng, hiệu quả, tiệm cận với thông lệ tiên tiến của quốc tế.

Rủi ro công nghệ và Kinh doanh liên tục (KDLT)

Quản lý rủi ro công nghệ thông tin: Thiết lập một cơ chế quản lý toàn diện các rủi ro khi thực hiện hoạt động liên quan đến hệ thống công nghệ thông tin (CNTT), góp phần bảo đảm đạt được các mục tiêu CNTT của tổ chức:

- Bảo đảm phục vụ đúng chiến lược của tổ chức
- Hoạt động ổn định, chính xác, bảo đảm an ninh an toàn hệ thống và hiệu quả về nguồn lực đầu tư
- Tuân thủ pháp luật và thông lệ ngành (nếu có)

Định hướng trong công tác quản lý rủi ro công nghệ thông tin tại MB:

- Xây dựng bản đồ rủi ro công nghệ làm thước đo phản ánh khách quan và nhanh, cảnh báo sớm các nhóm vấn đề tiềm ẩn rủi ro đang có của CNTT, từ đó chủ động rà soát, ưu tiên xử lý ngay các vấn đề mới nổi
- Tất cả hệ thống CNTT phải xác định chủ sở hữu nghiệp vụ để đảm bảo yêu cầu gắn với chiến lược kinh doanh và vận hành của MB
- Ban hành chính sách, tiêu chuẩn, quy trình hướng dẫn về quản lý dữ liệu trong toàn bộ vòng đời của dữ liệu
- Công tác quản lý chất lượng trong vận hành, cung cấp dịch vụ CNTT phải được các đơn vị triển khai để đảm bảo đo lường được, từ đó cải tiến nâng cao chất lượng dịch vụ CNTT
- Tất cả yêu cầu thay đổi hệ thống CNTT phải được đánh giá đầy đủ về rủi ro và tác động trước khi triển khai
- Kiểm soát chặt chẽ an ninh, bảo mật hệ thống CNTT

Ngoài ra, MB đã và đang đáp ứng các tiêu chuẩn, thông lệ quốc tế về An ninh, an toàn bảo mật

- Tiêu chuẩn PCI DSS (Payment Card Industry Data Security Standard) là tiêu chuẩn bảo mật dữ liệu thẻ thanh toán do Hội đồng Tiêu chuẩn Bảo mật (PCI Security Standards Council) xác lập
- Tiêu chuẩn ISO/IEC 27001:2013 là tiêu chuẩn quốc tế đặc tả cho các hệ thống quản lý An toàn thông tin
- Đánh giá tuân thủ bảo mật cho hệ thống SWIFT theo khung Kiểm soát Bảo mật Khách hàng (CSP – Customer Security Programme) của SWIFT

Rủi ro mô hình

Rủi ro mô hình

Rủi ro mô hình: là rủi ro từ những quyết định dựa trên việc sử dụng không chính xác thông tin đầu ra của mô hình, các lỗi này có thể xuất phát từ quá trình xây dựng, triển khai hệ thống, hoặc ứng dụng mô hình. Trong bối cảnh ngân hàng đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng phân tích dữ liệu nâng cao, rủi ro mô hình có thể ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng quyết định kinh doanh, tuân thủ quy định và uy tín của Ngân hàng.

Rủi ro mô hình có thể dẫn đến tổn thất tài chính, phân bổ nguồn lực kém hiệu quả, ra quyết định kinh doanh thiếu tính chiến lược, hoặc ảnh hưởng tới danh tiếng của ngân hàng.

Quản lý rủi ro mô hình trong ngân hàng góp phần hỗ trợ kiểm soát rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro hoạt động, rủi ro thanh khoản v.v.

Mục tiêu quản lý rủi ro mô hình

Ngân hàng xác định mục tiêu quản lý rủi ro mô hình là:

- Đảm bảo tính chính xác, ổn định và phù hợp của mô hình trong toàn bộ vòng đời
- Nâng cao tính minh bạch và khả năng giải trình của các quyết định dựa trên mô hình
- Tối ưu hóa hiệu quả kinh doanh gắn với khẩu vị rủi ro đã được phê duyệt
- Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của Basel III và IFRS9 cũng như các chuẩn mực quản trị quốc tế

Hệ thống mô hình đang áp dụng tại MB

Tại MB, quản trị rủi ro luôn đồng hành và ứng dụng mạnh mẽ các mô hình, công cụ đo lường rủi ro để kết nối giữa nhu cầu kinh doanh và quản trị, đảm bảo phục vụ đa dạng các nhu cầu của ngân hàng, đặc biệt các hoạt động kinh doanh trọng tâm (ngân hàng số, chuyển dịch bán lẻ).

Trong nhiều năm MB đã xây dựng thành công tập hợp lớn gần 200 mô hình bao phủ toàn bộ vòng đời khách hàng và các hoạt động trọng yếu của Ngân hàng, bao gồm:

- Các mô hình chấm điểm và xếp hạng tín dụng (Application Score, Behaviour Score, Collection Score)
- Các mô hình PD, LGD, EAD phục vụ tính toán tổn thất tín dụng dự kiến theo IFRS9
- Mô hình cảnh báo sớm rủi ro (Early Warning Signal)
- Mô hình định giá, tối ưu danh mục và quản trị hiệu quả vốn
- Mô hình phát hiện gian lận và phòng chống rủi ro hoạt động
- Các mô hình phân tích hành vi và tối ưu hóa trải nghiệm khách hàng

Hệ thống chấm điểm được tích hợp xuyên suốt từ khâu tiếp xúc khách hàng, thẩm định, phê duyệt, giám sát khoản vay đến thu hồi nợ, đồng thời kết nối trực tiếp với hai nền tảng ngân hàng số:

- App MBBank
- BIZ MBBank

Việc ứng dụng đồng bộ các mô hình đã góp phần nâng cao tỷ lệ phê duyệt tự động đối với phân khúc khách hàng cá nhân và SME siêu nhỏ, tối ưu hóa quy trình xử lý, giảm chi phí vận hành và nâng cao trải nghiệm khách hàng. Mục tiêu tỷ lệ phê duyệt tự động lên đến mức 80%.

MB tiên phong áp dụng các thông lệ quốc tế và chuẩn mực hàng đầu để nâng cao quy trình quản trị rủi ro. Các mô hình phục vụ cho công tác quản trị và tuân thủ IFRS9 giúp ngân hàng quản trị được các tình huống về tài chính, kinh tế hoàn thành các yêu cầu về Basel III và IFRS9. Kết quả của mô hình PD, LGD được ứng dụng để tính toán giá trị tổn thất ước tính dự kiến, đo đạc cụ thể lợi ích của từng khách hàng mang lại, cân bằng với rủi ro ước tính của khách hàng. Bên cạnh đó, mô hình cảnh báo sớm rủi ro – Early Warning Signal cho phép nhận diện các khách hàng có dấu hiệu suy giảm tài chính, khả năng trả nợ kịp thời có các giải pháp ứng xử phù hợp để hỗ trợ khách hàng phục hồi và kịp thời xử lý thu hồi nợ. Mô hình Collection scorecard và phương pháp thu hồi nợ mới đáp ứng chiến lược bán lẻ của Tập đoàn giai đoạn 2022-2026, giảm 25% tỷ lệ NPL cho danh mục bán lẻ so với không áp dụng các chiến lược, tối ưu hóa năng suất thu hồi nợ, giảm chi phí vận hành cũng như nâng cao trải nghiệm khách hàng.

Ứng dụng mô hình trong quản trị và tuân thủ: MB tiếp tục hoàn thiện khung mô hình phục vụ quản trị vốn và trích lập dự phòng theo chuẩn mực Basel III và IFRS9. Các mô hình PD, LGD, EAD được sử dụng để tính toán tổn thất tín dụng dự kiến (Expected Credit Loss – ECL), hỗ trợ Ngân hàng đánh giá toàn diện lợi ích – rủi ro của từng phân khúc khách hàng và danh mục.

Ngân hàng thực hiện stress testing đa kịch bản kinh tế, đánh giá độ nhạy danh mục theo biến động vĩ mô và triển khai back-testing định kỳ nhằm đảm bảo độ tin cậy của mô hình. Các kết quả được báo cáo lên Ban Điều hành và Hội đồng Quản trị theo cơ chế giám sát phù hợp.

Các rủi ro mô hình trọng yếu và biện pháp giảm thiểu

Với quy mô hệ sinh thái mô hình ngày càng mở rộng, MB chủ động nhận diện và kiểm soát các rủi ro trọng yếu sau:

Rủi ro dữ liệu đầu vào	Rủi ro giả định và phương pháp luận	Rủi ro biến động môi trường kinh tế và quy định	Rủi ro vận hành trong sử dụng mô hình	Rủi ro liên quan đến ứng dụng AI và phân tích nâng cao
Sai lệch, thiếu đầy đủ hoặc không đại diện có thể làm suy giảm hiệu quả mô hình thanh tra – điều tra nội bộ, tuân thủ – pháp chế	Giả định không còn phù hợp với điều kiện thị trường có thể ảnh hưởng đến độ chính xác của mô hình	Thay đổi vĩ mô hoặc yêu cầu pháp lý có thể làm thay đổi hành vi danh mục	Việc áp dụng mô hình không đúng phạm vi hoặc override thiếu kiểm soát có thể làm gia tăng rủi ro	Các mô hình phức tạp đòi hỏi mức độ minh bạch và giải trình cao hơn
Biện pháp Tăng cường kiểm soát chất lượng dữ liệu, chuẩn hóa quy trình thu thập và làm sạch dữ liệu, giám sát biến động dữ liệu định kỳ	**Biện pháp** Rà soát định kỳ, thực hiện phân tích độ nhạy, so sánh với mô hình thay thế và benchmark độc lập	**Biện pháp** Thực hiện stress testing, cập nhật tham số theo diễn biến thị trường, điều chỉnh mô hình kịp thời	**Biện pháp** Phân quyền rõ ràng, theo dõi tỷ lệ override, đào tạo người sử dụng và giám sát việc tuân thủ	**Biện pháp** Tăng cường khả năng giải thích mô hình, chuẩn hóa tài liệu kỹ thuật, kiểm định độc lập và đánh giá công bằng thuật toán khi cần thiết

Quản lý và kiểm soát rủi ro mô hình

MB áp dụng các biện pháp quản lý tiên tiến, mang lại hiệu quả tối ưu cho mô hình:

Khung quản lý rủi ro mô hình

Ngân hàng thiết lập khung quản trị rủi ro mô hình thống nhất trên toàn hệ thống, bao gồm:

- Chính sách và quy trình quản lý rủi ro mô hình được ban hành và cập nhật định kỳ
- Phân tách rõ ràng chức năng phát triển, sử dụng và kiểm định độc lập theo nguyên tắc ba tuyến phòng thủ
- Cơ chế phê duyệt mô hình và phân loại mức độ trọng yếu để áp dụng mức độ kiểm soát tương ứng

Kiểm định và giám sát mô hình

- Thực hiện kiểm định độc lập trước khi triển khai
- Giám sát hiệu năng định kỳ thông qua các chỉ tiêu back-testing, stress-testing và phân tích ổn định
- Tái hiệu chỉnh hoặc tái phát triển mô hình khi phát hiện suy giảm hiệu quả

Quản trị dữ liệu và công nghệ hỗ trợ

MB tiếp tục nâng cao năng lực quản trị dữ liệu, chuẩn hóa chất lượng dữ liệu đầu vào và ứng dụng công nghệ trong theo dõi hiệu năng mô hình. Các hệ thống hỗ trợ quản lý phiên bản, lưu vết thay đổi và tự động hóa báo cáo giúp tăng cường tính minh bạch và khả năng kiểm soát.

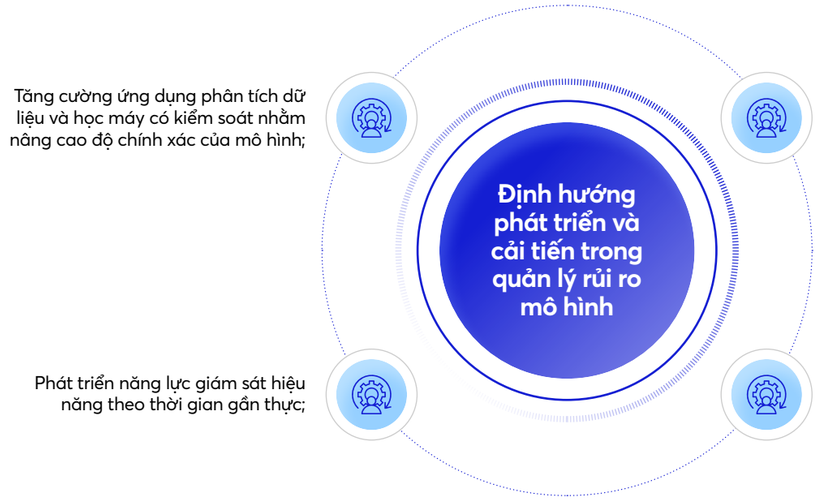

Tăng cường ứng dụng phân tích dữ liệu và học máy có kiểm soát nhằm nâng cao độ chính xác của mô hình;

Hoàn thiện khung quản trị mô hình theo thông lệ quốc tế tiên tiến;

Phát triển năng lực giám sát hiệu năng theo thời gian gần thực;

Tích hợp quản lý rủi ro mô hình vào chiến lược chuyển đổi số toàn diện, bảo đảm cân bằng giữa tăng trưởng, an toàn và tuân thủ.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng bao gồm:

Rủi ro tín dụng khách hàng

Là rủi ro do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng hoặc thỏa thuận với MB. Khách hàng là cá nhân, pháp nhân (bao gồm cả tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) có quan hệ tín dụng, gửi tiền với MB.

Rủi ro tín dụng đối tác

Là rủi ro do đối tác không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ thanh toán trước hoặc khi đến hạn của các giao dịch tự doanh; giao dịch mua lại và giao dịch mua lại đảo ngược; giao dịch sản phẩm phái sinh để phòng ngừa rủi ro; giao dịch mua bán ngoại tệ, vàng, tài sản tài chính với mục đích phục vụ nhu cầu của khách hàng, đối tác và các giao dịch để đối ứng với các giao dịch này.

Đối tác là cá nhân, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, pháp nhân khác có giao dịch với MB bao gồm giao dịch tự doanh; giao dịch mua lại và giao dịch mua lại đảo ngược; giao dịch sản phẩm phái sinh để phòng ngừa rủi ro; giao dịch mua bán ngoại tệ, vàng, tài sản tài chính với mục đích phục vụ nhu cầu của khách hàng, đối tác và các giao dịch để đối ứng với các giao dịch này.

Các hoạt động tín dụng của MB trong năm 2025 tiếp tục bám sát diễn biến thị trường, gắn chặt với chiến lược kinh doanh; đảm bảo an toàn, hiệu quả, lành mạnh, bền vững và theo đúng định hướng của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và NHNN. MB đã chủ động cập nhật và điều chỉnh các chính sách, quy định liên quan đến hoạt động tín dụng và quản lý rủi ro tín dụng phù hợp với thực tiễn hoạt động kinh doanh của MB và các quy định pháp luật, Thông tư dưới Luật liên quan đến hoạt động ngân hàng được Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước ban hành mới, sửa đổi, bổ sung trong năm 2025; nhằm đảm bảo quá trình cấp tín dụng diễn ra thông suốt và hoàn toàn tuân thủ các yêu cầu pháp lý hiện hành.

Hoạt động quản trị rủi ro tín dụng được triển khai đồng bộ từ hệ thống khung chính sách, quy trình quản lý rủi ro tín dụng (theo dõi, đo lường và kiểm soát rủi ro) cũng như các công cụ/mô hình đo lường rủi ro tín dụng; chủ động phân tích, chú trọng đổi mới, nâng cao năng lực nhận diện và cảnh báo sớm rủi ro tín dụng thông qua ứng dụng các mô hình mới, hệ thống công nghệ thông tin nhằm xây dựng phương án xử lý kịp thời và ngăn chặn rủi ro phát sinh; Chức năng nhiệm vụ của cá nhân, bộ phận trong các giao dịch, quy trình cấp tín dụng được xây dựng, cũng như giám sát chặt chẽ thông qua việc thiết lập và vận hành hiệu quả hệ thống kiểm soát nội bộ theo mô hình 03 vòng (tuyến) bảo vệ, không phát sinh các xung đột: Các đơn vị vòng (tuyến) bảo vệ thứ nhất thực hiện triển khai hoạt động cấp tín dụng, tuân thủ theo các nguyên tắc, định hướng theo chiến lược, giới hạn theo hạn mức rủi ro tín dụng đã được phê duyệt; Các đơn vị vòng (tuyến) bảo vệ thứ hai thực hiện thiết lập các hạn mức, công cụ, theo dõi, đo lường, và giám sát hạn mức rủi ro tín dụng định kỳ theo các ngưỡng cảnh báo; đồng thời thực hiện báo cáo định kỳ (tối thiểu hàng quý) hoặc đột xuất tới các cấp quản lý; Tuyến (vòng) bảo vệ thứ ba thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan về tính thích hợp và sự tuân thủ cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ của MB.

Tăng trưởng tín dụng của MB năm 2025 phù hợp với tốc độ tăng trưởng tín dụng của Ngân hàng Nhà nước phân giao (tăng trưởng đạt 37,65%) và định hướng chiến lược giai đoạn 2022 – 2026 của MB. Chất lượng tín dụng được kiểm soát tốt (tỷ lệ nợ xấu trước liên đới CIC 1,02%), trích lập dự phòng đầy đủ đảm bảo nguồn tài chính sẵn sàng bù đắp cho các sự kiện rủi ro phát sinh (tỷ lệ dự phòng/nợ xấu ở mức 99,5%). Công tác thu hồi nợ xấu được đẩy mạnh, quyết liệt các giải pháp xử lý đảm bảo cơ cấu danh mục hợp lý, hiệu quả.

Quản lý rủi ro môi trường và xã hội

Nhằm minh bạch hóa các tiêu chí lựa chọn dự án/khoản vay đáp ứng các tiêu chí xanh, MB đã xây dựng Khung Tín dụng xanh (2025) phù hợp với thông lệ của thị trường vốn quốc tế và các thỏa thuận toàn cầu có liên quan như Mục tiêu Phát triển bền vững của Liên hợp quốc và Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu. Thông qua các quy định này, MB thiết lập danh mục chi tiết và tiêu chí kỹ thuật cụ thể cho các dự án thuộc từng nhóm lĩnh vực xanh để làm căn cứ cho việc đánh giá, thẩm định các tác động tích cực đến môi trường/khí hậu mà dự án/khoản vay đem lại.

Khung tín dụng xanh tại MB đã được đơn vị kiểm toán là KPMG Ấn Độ, một trong các tổ chức kiểm toán độc lập hàng đầu thế giới về kiểm toán và cho ý kiến của Bên thứ hai (SPO), xác nhận tuân theo 04 thành phần cốt lõi phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế về: (i) Mục đích sử dụng vốn; (ii) Quy trình đánh giá và lựa chọn dự án; (iii) Quản lý sử dụng vốn vay: (iv) Báo cáo tác động. Đồng thời, trong năm 2025 MB đã đẩy mạnh tăng trưởng dư nợ tín dụng xanh trong cơ cấu tín dụng theo định hướng của NHNN (quy mô tại thời điểm tháng 12/2025 MB đạt trên 68 nghìn tỷ đồng), trong đó 80% dư nợ xanh đến từ ngành năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, 11% từ các ngành nông lâm nghiệp xanh bền vững và 2% từ ngành quản lý nước bền vững.

Để quản lý danh mục và thúc đẩy tăng trưởng tài chính bền vững, MB đã kiện toàn về con người, hệ thống, nâng cao năng lực và đào tạo nội bộ và sẽ tiếp tục triển khai xây dựng nhiều chương trình sản phẩm chuyên biệt để thúc đẩy tài chính xanh.

Nhận thức được ảnh hưởng sâu sắc tác động của biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường đối với kinh tế toàn cầu và cuộc sống con người. MB đã và đang xây dựng, triển khai công tác quản lý rủi ro môi trường trong hoạt động tín dụng nhằm hạn chế tối đa tác động tiêu cực, hướng tới mục tiêu tăng trưởng tín dụng xanh và bền vững. Hiện tại 100% các đề xuất cấp tín dụng đều được sàng lọc và phân loại theo mức độ rủi ro về môi trường theo quy định thông tư 17/2022/TT-NHNN, đối với các dự án còn tồn tại rủi ro về môi trường, ngân hàng yêu cầu khách hàng xây dựng và cam kết thực hiện kế hoạch hành động về môi trường xã hội và ghi nhận trong hợp đồng tín dụng như là một điều kiện cam kết cấp tín dụng. MB định hướng ứng dụng thẻ điểm đánh giá rủi ro ESG nhằm nhận diện đầy đủ rủi ro và tiệm cận với thông lệ quốc tế.

Áp dụng thông lệ Quốc tế:

Triển khai Basel III

“

MB HOÀN THÀNH XÁC THỰC TRIỂN KHAI BASEL III THEO TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ – KHẲNG ĐỊNH CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG, ĐỒNG HÀNH CÙNG SỨ MỆNH VƯƠN MÌNH CỦA QUỐC GIA

Trong năm 2025, MB đã tiếp nhận kết quả xác thực từ công ty kiểm toán PwC trong việc hoàn thành triển khai tuân thủ các tiêu chuẩn Quốc tế Basel III & ứng dụng vào hoạt động ngân hàng.

Tiếp nối hành trình hơn một thập kỷ kiên định nâng cao năng lực quản trị rủi ro theo chuẩn mực quốc tế, MB đã tiên phong nghiên cứu và triển khai Basel II ngay từ năm 2012, khi khung pháp lý trong nước chưa bắt buộc áp dụng. Trong giai đoạn 2012–2021, MB không ngừng hoàn thiện mô hình quản trị rủi ro, xây dựng hạ tầng dữ liệu và hệ thống đo lường rủi ro toàn diện, trở thành một trong những ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam nhận được **kết quả xác thực độc lập công tác triển khai Basel II** từ đơn vị kiểm toán quốc tế uy tín. Kết quả này không chỉ khẳng định quyết tâm và năng lực thực thi của MB trong việc tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế, mà còn thể hiện tầm nhìn dài hạn của ngân hàng trong chiến lược phát triển bền vững, chủ động thích ứng với các chuẩn mực quản trị tiên tiến, tạo tiền đề vững chắc cho việc tiếp tục nghiên cứu, triển triển khai sớm các kết quả đạt được từ Basel III vào chiến lược phát triển & hoạt động vận hành của Ngân hàng.

Trong bối cảnh hệ thống ngân hàng Việt Nam từng bước hội nhập sâu rộng với chuẩn mực tài chính quốc tế, MB tiếp tục thể hiện vai trò tiên phong khi chính thức hoàn tất **Dự án xác thực triển khai Basel III** theo tiêu chuẩn quốc tế. Dự án được MB phối hợp thực hiện cùng công ty kiểm toán độc lập PwC xác thực toàn diện các kết quả tính toán liên quan đến tỷ lệ an toàn vốn, chỉ số thanh khoản và cơ cấu nguồn vốn ổn định theo khung Basel III.

Dự án bao gồm việc đánh giá và xác thực các cấu phần cốt lõi như: tỷ lệ an toàn vốn (CAR), tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày (LCR – Liquidity Coverage Ratio) và tỷ lệ nguồn vốn ổn định ròng (NSFR – Net Stable Funding Ratio). Đây là ba chỉ tiêu then chốt trong Basel III – bộ tiêu chuẩn vốn và thanh khoản nhằm tăng cường sức đề kháng tài chính và tính ổn định của hệ thống ngân hàng toàn cầu. Việc hoàn tất xác thực bởi một tổ chức quốc tế không chỉ củng cố uy tín của MB về tính minh bạch và tuân thủ mà còn cho thấy mức độ trưởng thành trong hệ thống quản trị rủi ro, mô hình vốn và cơ chế giám sát nội bộ của ngân hàng.

Kết quả xác thực không chỉ phản ánh nội lực tài chính vững vàng mà còn thể hiện sự sẵn sàng của MB trong việc đáp ứng các chuẩn mực toàn cầu, đóng góp vào lộ trình nâng cao khả năng cạnh tranh và hội nhập của ngành ngân hàng Việt Nam. Thành công này cũng là minh chứng cho nỗ lực không ngừng của MB trong việc thực thi chiến lược phát triển bền vững, lấy quản trị rủi ro làm trọng tâm, và công nghệ làm nền tảng hỗ trợ vận hành hiệu quả cho chiến lược phát triển và hoạt động vận hành của ngân hàng.

Công tác quản lý và thu hồi nợ

Năm 2025 đánh dấu mốc hoàn thành Dự án DC 5.0 – khẳng định công tác quản lý nợ và thu hồi nợ của MB đã tiệm cận chuẩn mực quốc tế, thành công đưa dữ liệu và mô hình vào quy trình thu hồi nợ, mang lại giá trị bền vững cho cả Ngân hàng và khách hàng.

Trong năm 2025, MB đã hoàn thiện chiến lược thu hồi nợ theo từng phân khúc xuyên suốt vòng đời quá hạn của khách hàng dựa trên dữ liệu và mô hình. Cơ chế giám sát hiệu quả thực hiện tự động và liên tục, đảm bảo đánh giá và cập nhật chiến lược tối ưu. Song song với đó, dự án liên tục nghiên cứu và triển khai các chính sách tự động hóa, cho phép xử lý các khoản nợ giá trị nhỏ, số lượng lớn với chi phí tối ưu; từ đó tập trung nguồn lực cho các hồ sơ phức tạp, có giá trị cao hơn.

Về tổ chức vận hành, mô tổ chức phân định rõ vai trò giữa MB – Thinker và các đơn vị thu nợ – Doer. Cơ chế phối hợp, trao đổi thông tin thường xuyên giữa “chuyên gia thực địa” và lực lượng phân tích, xây dựng mô hình tại MB được thiết lập chặt chẽ, nhằm khai thác dữ liệu hiệu quả, nâng cao năng lực phân tích và xây dựng chính sách sát với thực tiễn.

Về hệ thống, phần mềm DC đã chính thức go-live toàn diện, bao phủ đầy đủ từ giai đoạn quản lý khách hàng quá hạn sớm đến xử lý các phương án phức tạp ở giai đoạn muộn. Hệ thống được xây dựng trên nền tảng dữ liệu đầu vào đầy đủ, tích hợp đồng bộ với các hệ thống liên quan, bảo đảm khả năng quản lý khách hàng chuyên sâu và cung cấp công cụ hiệu quả cho cán bộ thu hồi nợ. MB tự hào là một trong số ít ngân hàng tại Việt Nam tiên phong tự động hóa toàn diện hệ thống phục vụ end-to-end công tác thu hồi nợ.

Nhờ những nền tảng trên, nguồn lực thu hồi nợ được tối ưu hóa trong khi hiệu quả tiếp tục được nâng cao rõ rệt. 100% khoản nợ bán lẻ hàng ngày được phân giao tự động, hiệu quả liên tục được đo lường chi tiết đến từng cán bộ, từng phân khúc và từng giai đoạn xử lý. Đây là bước tiến quan trọng trong hành trình chuyển đổi số công tác thu hồi nợ, tạo nền tảng vững chắc cho tăng trưởng an toàn và bền vững của MB trong các giai đoạn tiếp theo.

MB

Tình hình hoạt động của MB năm 2025

56 Tình hình hoạt động kinh doanh

70 Tổ chức và nhân sự

78 Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án

85 Tình hình tài chính của MB năm 2025

94 Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

2

Tình hình hoạt động kinh doanh

Kết quả hoạt động nổi bật trong năm 2025

Năm 2025 ghi dấu một bước phát triển vượt bậc của MB với nhiều chỉ tiêu kinh doanh đạt mức kỷ lục. Tổng tài sản vượt đạt 1.615.764 tỷ đồng, tương ứng mức tăng trưởng 43,1% so với năm trước. Cơ cấu tài sản được điều chỉnh theo hướng an toàn và hiệu quả hơn, khi tỷ trọng cho vay khách hàng tăng lên đáng kể và danh mục trái phiếu doanh nghiệp tiếp tục được thu hẹp. Tổng dư nợ cho vay tăng 36,8%, đẩy quy mô tín dụng toàn hệ thống lên hơn 1.109.895 tỷ đồng. Dù tín dụng mở rộng mạnh, MB vẫn kiểm soát tốt chất lượng tài sản và duy trì tỷ lệ nợ xấu ở mức thấp 1,3%, thấp hơn mặt bằng chung toàn ngành.

Tổng tài sản vượt đạt

1.615 NGHÌN Tỷ đồng

tương ứng mức tăng trưởng 43,1% so với năm trước

Tổng dư nợ cho vay tăng 36,8% Đẩy quy mô tín dụng toàn hệ thống lên

1.110 NGHÌN Tỷ đồng

Kiểm soát tốt chất lượng tài sản và duy trì tỷ lệ nợ xấu ở mức thấp

1,3%

thấp hơn mặt bằng chung toàn ngành

Mở rộng tệp khách hàng và nâng cao trải nghiệm người dùng

Song hành với tăng trưởng tài chính, quy mô khách hàng của MB tiếp tục tăng nhanh và bền vững. Từ mốc 5 triệu khách hàng trong 25 năm đầu tiên, số lượng khách hàng đã tăng lên hơn 35 triệu vào năm 2025. MB đồng thời tiếp tục hoàn thiện hệ sinh thái dịch vụ số cho doanh nghiệp thông qua việc bổ sung và nâng cấp các tính năng trên BIZ MBBank, giúp tối ưu hóa trải nghiệm cho khách hàng tổ chức và doanh nghiệp.

35 TRIỆU Khách hàng

trong năm 2025

Nâng cao năng lực công nghệ thông tin & Chuyển đổi số

Năm 2025 tiếp tục chứng kiến sự gia tăng mạnh mẽ về năng lực công nghệ của MB. Ngân hàng tập trung đổi mới nền tảng CNTT, cải thiện hiệu năng hệ thống và tối ưu hóa trải nghiệm khách hàng trên kênh số.

Tỷ lệ giao dịch số đạt khoảng **99%**

Tương đương các ngân hàng hàng đầu khu vực châu Á.

MB dẫn đầu hệ thống ngân hàng Việt Nam về quy mô giao dịch số trong 3 năm liên tiếp.

Ứng dụng App MBBank ghi nhận khoảng **10 TRIỆU giao dịch/ngày**

MB tiếp tục đi đầu trong triển khai xác thực sinh trắc học cho giao dịch tài chính.

Phát triển hệ sinh thái tài chính mở và mô hình BaaS

MB tiếp tục mở rộng hệ sinh thái tài chính mở thông qua mô hình Banking-as-a-Service (BaaS). Dịch vụ BaaS của MB cho phép các đối tác tài chính kết nối linh hoạt thông qua các API được phát triển hoàn toàn nội bộ – số lượng API đa dạng nhất thị trường. Hệ thống giúp đối tác tối ưu quản trị dòng tiền, nâng hiệu quả vận hành và đảm bảo chuẩn bảo mật cao nhất theo thông lệ quốc tế.

Đầu tư mạnh cho nguồn nhân lực công nghệ

MB sở hữu đội ngũ hơn 2.500 chuyên gia và nhân sự công nghệ, chiếm gần 12% tổng nhân sự, quy mô tương đương một công ty công nghệ lớn. Trung bình cứ mỗi 10 ngày, MB lại đưa vào vận hành một dự án công nghệ mới. Năm 2025, ngân hàng hoàn thành nhiều dự án trọng điểm của "nhà máy số" và phát triển các nền tảng cốt lõi theo đúng tiến độ, tạo nền tảng thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện.

Phát triển bền vững và tài chính xanh

MB cũng đạt nhiều bước tiến trong hành trình phát triển bền vững. Dư nợ tín dụng xanh chiếm khoảng 7,0% tổng dư nợ, thể hiện sự cam kết của MB đối với tăng trưởng xanh và tài chính bền vững.

Một số chỉ tiêu kinh doanh chính và mức độ tăng trưởng trong năm

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2023	2024	2025	% +/- 2025 so với 2024
Quy mô vốn						
1	Vốn chủ sở hữu	tỷ đồng	96.711	117.060	142.023	21,3%
2	Vốn điều lệ	tỷ đồng	52.141	53.063	80.550	51,8%
3	Tổng tài sản	tỷ đồng	944.954	1.128.801	1.615.764	43,1%
4	Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)	%	10,8	11,8	11,0	(6,3%)
Một số chỉ tiêu kết quả kinh doanh chính						
1	Tổng dư nợ tín dụng	tỷ đồng	651.346	811.142	1.109.895	36,8%
2	Tổng huy động vốn	tỷ đồng	671.154	805.647	1.062.198	31,8%
3	Tổng thu nhập hoạt động	tỷ đồng	47.306	55.413	67.693	22,2%
4	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	26.306	28.829	34.268	18,9%
5	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	21.054	22.951	27.383	19,3%
6	Tỷ lệ lợi nhuận/Tổng tài sản (ROA)	%	2,5	2,2	2,0	(9,9%)
7	Tỷ lệ lợi nhuận/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	23,9	21,5	21,1	(1,6%)
8	Tỷ lệ chi phí hoạt động/thu nhập hoạt động (CIR)	%	31,5	30,7	29,1	(5,3%)
9	Tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn (CASA)	%	40,2	39,3	37,8	(3,9%)
10	Nợ quá hạn	tỷ đồng	23.723	24.782	24.238	(2,2%)
11	Nợ xấu	tỷ đồng	9.805	12.585	14.027	11,5%
12	Tỷ lệ nợ quá hạn	%	3,9	3,2	2,2	(30%) Tích cực
13	Tỷ lệ nợ xấu	%	1,6	1,6	1,3	(20%) Tích cực
Các chỉ tiêu thanh khoản (*)						
14	Tổng dư nợ cho vay/nguồn vốn huy động (LDR)	%	76,4	81,1	80	(1,3%)
15	Tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn	%	26,1	26,9	25,7	(4,4%)

(*) Các chỉ tiêu thanh khoản đối với riêng Ngân hàng

Nâng cao năng lực huy động và tối ưu hóa cơ cấu nguồn vốn

Trong năm 2025, MB tiếp tục củng cố nền tảng vốn thông qua việc mở rộng quy mô huy động và tối ưu hóa cơ cấu nguồn vốn. Tổng huy động đạt 1.062.198 tỷ đồng, tăng hơn 31,8% so với năm trước. Nhóm tiền gửi khách hàng, đặc biệt là khách hàng cá nhân, chiếm tỷ trọng ngày càng lớn, khẳng định sức hút và sự bền vững của nguồn vốn bán lẻ.

Tỷ lệ CASA tiếp tục giữ vị trí dẫn đầu toàn ngành, đạt 37,8%, đồng thời ghi nhận tăng trưởng mạnh về quy mô tuyệt đối. Bên cạnh đó, hoạt động trên thị trường liên ngân hàng tăng tốc rõ rệt, thể hiện khả năng chủ động, linh hoạt và uy tín của MB trong quản lý vốn và thanh khoản.

Tổng huy động đạt

1.062 NGHÌN Tỷ đồng

▲ 31,8%
so với năm trước

Tỷ lệ CASA tiếp tục giữ vị trí dẫn đầu toàn ngành

37,8%

MB đạt kết quả tích cực trong hoạt động kinh doanh, với tổng thu nhập hoạt động vượt 67.693 tỷ đồng, tăng 22% so với cùng kỳ. Nhiều cấu phần thu nhập tăng trưởng tốt, đặc biệt là mảng dịch vụ và hoạt động đầu tư chứng khoán.

Lợi nhuận trước thuế đạt 34.268 tỷ đồng, tăng 18,9%, tiếp tục duy trì đà tăng trưởng bền vững. Các chỉ số sinh lời vẫn nằm trong nhóm dẫn đầu ngành, khi ROE đạt 21,1% và ROA đạt 2,0%. Chỉ tiêu an toàn vốn CAR hợp nhất đạt 11,0%, tiệm cận mức yêu cầu cao của Basel II, đảm bảo nền tảng vững chắc cho giai đoạn tăng trưởng tiếp theo.

Tổng thu nhập hoạt động vượt

67 NGHÌN Tỷ đồng

▲ hơn 22%
so với cùng kỳ

Chỉ tiêu an toàn vốn CAR hợp nhất đạt

11,0%

tiệm cận mức yêu cầu cao của Basel II

ROE đạt

21,1%

ROA đạt

2,0%

MB đồng thời kiểm soát tốt chi phí, giúp tỷ lệ CIR duy trì trong nhóm tốt nhất của hệ thống ngân hàng Việt Nam.

Bảng chỉ tiêu về kết quả Hoạt động kinh doanh trong năm

Đơn vị: tỷ VND

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	Tăng trưởng so với 2024	Đánh giá vs kế hoạch
1	Tổng tài sản	Tăng ~21,2%	1.615.764	43,1%	Vượt kế hoạch
2	Huy động vốn	Tăng ~21,2%	1.062.198	31,8%	Vượt kế hoạch
3	Tín dụng (Dư nợ & TPDN & Mua nợ)	Tăng ~23,7%	1.109.895	36,8%	Vượt kế hoạch
4	Lợi nhuận trước thuế	Tăng ~10%	34.268	18,9%	Vượt kế hoạch
5	Tỷ lệ nợ xấu	≤1,7%	1,3%		Hoàn thành
6	Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)	Tối thiểu 9%	11,0%		Hoàn thành
7	ROE	20-22%	21,1%		Hoàn thành
8	ROA	~2%	2,0%		Hoàn thành
9	CIR	≤30%	29,1%		Hoàn thành
10	Số lượng khách hàng	35 triệu	35 triệu	16,7%	Hoàn thành
11	Tỷ lệ cổ tức	32% bằng cổ phiếu, 3% bằng tiền mặt	32% bằng cổ phiếu, 3% bằng tiền mặt		Hoàn thành

Hoàn thành và Vượt kế hoạch Kinh doanh năm 2025

Kết quả thực hiện kế hoạch của MB trong năm 2025 vượt kỳ vọng ở nhiều chỉ tiêu quan trọng:

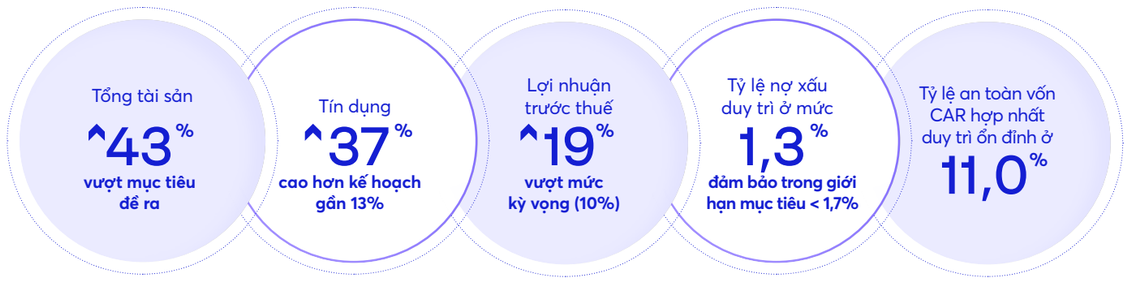

Các chỉ tiêu hiệu quả như ROE, ROA và CIR tiếp tục giữ vị trí top đầu ngành. Đặc biệt, MB cán mốc hơn 35 triệu khách hàng. Đến cuối năm 2025, MB phục vụ 35 triệu khách hàng, khẳng định vị thế ngân hàng có tốc độ mở rộng tệp khách hàng nhanh nhất hệ thống.

Về chính sách phân phối lợi nhuận, MB hoàn thành cam kết với cổ đông khi chi trả cổ tức năm 2025 ở mức 35% (trong đó 32% là cổ tức bằng cổ phiếu và 3% là cổ tức bằng tiền mặt) cho kết quả kinh doanh năm 2024.

Hoạt động trong năm của các Khối

Khối CIB

Các thành tựu, đặc điểm nổi bật của khối trong năm báo cáo

Năm 2025 đã đánh dấu một bước tiến mạnh mẽ và toàn diện của Khối CIB, khẳng định vai trò là một trong những động lực tăng trưởng then chốt, đóng góp quan trọng vào việc hiện thực hóa tầm nhìn trở thành "Doanh nghiệp số, Tập đoàn tài chính dẫn đầu" của MB.

- **Dẫn đầu về tăng trưởng tín dụng:** Trong bối cảnh cạnh tranh mạnh mẽ giữa các TCTD, CIB đã bắt nhịp kịp thời các cơ hội của thị trường, bứt phá ấn tượng về tín dụng, đạt quy mô hơn 362 nghìn tỷ, tăng net 127 nghìn tỷ, đạt tốc độ tăng trưởng 54% so với năm 2024. Quy mô tăng net cao nhất trong các khối kinh doanh và liên tục duy trì tốc độ tăng trưởng dẫn đầu hệ thống trong 3 năm liên tiếp.
- **Tăng trưởng HĐV bền vững:** Quy mô HĐV cũng đạt mức tăng trưởng tốt, đạt 162 nghìn tỷ, tăng net đạt gần 45 nghìn tỷ, tăng trưởng 38% so với năm 2024.
- **Quản trị rủi ro chặt chẽ, đảm bảo an toàn hệ thống:** Trong bối cảnh cạnh tranh mạnh mẽ của thị trường Luôn đặt mục tiêu An toàn bền vững lên hàng đầu, CIB đã triển khai đồng bộ các giải pháp quản trị rủi ro chủ động, duy trì tỷ lệ nợ xấu dưới 0,1%, hoàn thành vượt kế hoạch được giao.
- **Gia tăng chuyển đổi số, nâng tầm trải nghiệm khách hàng:** Tỷ lệ BIZ active đạt 31% tăng 16% so với 2024 tương đương số lượng KH active mới 250, tín dụng kênh số đạt 91 nghìn tỷ đồng 32% tăng 32 lần so với 2024 và doanh thu kênh số đạt 15% tương ứng 1.660 tỷ đồng tăng 2,5 lần so với 2024.
- **Giải pháp tài trợ chuỗi cung ứng SCF:** Số lượng chuỗi triển khai thành công đạt 39 chuỗi, doanh số SCF đạt xấp xỉ 11.000 tỷ tăng 11 lần so với 2024. Bên cạnh đó MB đang triển khai tích hợp hệ thống SCF đa tầng, dự kiến go-live đầu năm 2026 góp phần gia tăng trải nghiệm cho KH.

Tốc độ tăng trưởng tín dụng đạt
54% so với năm 2024

Tốc độ tăng trưởng HĐV đạt
38% so với năm 2024

Tỷ lệ nợ xấu
<0,1%

Doanh thu kênh số tăng
2,5 LẦN so với năm 2024

Doanh số chuỗi cung ứng SCF đạt
11.000 tỷ đồng

Mục tiêu 2026 của khối để hiện thực hóa chiến lược của ngân hàng

Phát triển giải pháp tài trợ chuỗi: chuỗi cung ứng SCF đơn tầng và đa tầng, chuỗi đầu tư công.

Tăng trưởng huy động vốn tương ứng với tốc độ tăng trưởng tín dụng.

Triển khai mô hình IB tập đoàn, tập trung thu xếp vốn cho các dự án quy mô lớn. Tìm kiếm cơ hội tài trợ lĩnh vực mới/tiềm năng như: Công nghệ điện tử, chip bán dẫn, các dự án xanh và điện khí LNG, điện hạt nhân… thu phí IB dự kiến 600 tỷ đồng.

Các chương trình triển khai sáng kiến tiêu biểu năm báo cáo và kế hoạch cho những năm tới

Đa dạng ngành nghề, tập trung vào các ngành đáp ứng tiêu chí:
- Ngành có tăng trưởng doanh thu BQ của ngành tốt
- Ngành MB có khả năng cạnh tranh lãi suất/gia tăng TOI
- Ngành có tiềm năng sử dụng đa dạng dịch vụ

Năm 2026, Khối CIB định hướng với 6 ngành trọng điểm (Sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, hàng tiêu dùng; Hạ tầng khu công nghiệp, hạ tầng sản xuất; Logistics, Cảng biển; Thi công xây dựng dự án nguồn vốn đầu tư công/hạ tầng phục vụ sản xuất; Sản xuất điện; Tiêu dùng bán lẻ;), trong đó 3 ngành định hướng triển khai thu xếp hợp vốn đối với các dự án có quy mô trên 5.000 tỷ; triển khai các sản phẩm có hàm lượng tư vấn tài chính doanh nghiệp chuyên sâu, cải thiện hiệu quả danh mục thông qua khai thác sâu, toàn diện nhu cầu SPDV của KH CIB. Bên cạnh đó, Khối CIB sẽ đầu mối và phối hợp với các đơn vị HO, Chi nhánh để nghiên cứu, tìm kiếm cơ hội tài trợ các lĩnh vực mới tiềm năng như Công nghệ điện tử, Chíp bán dẫn, Điện hạt nhân,...

Tập trung gia tăng thị phần Huy động vốn của nhóm 100 KH trọng điểm
Khai thác sâu nhóm big size (Tập đoàn/TCT lớn); Tăng cường khai thác dòng tiền từ KH tín dụng và bảo lãnh theo hướng quản trị dòng tiền giải ngân luân chuyển trong MB; Tích cực khai thác hệ sinh thái khách hàng như nhóm KH bán lẻ (khai thác thu hộ/chi hộ), Hệ sinh thái nhóm Bất động sản, nhóm Khách hàng SCF có doanh thu lớn,... Phát triển Phát triển HĐV các địa bàn có dư địa lớn.

Tiếp tục dẫn dắt triển khai mở rộng mô hình SCF trên toàn hàng
Phát triển và triển khai nền tảng SCF đa tầng trên toàn hệ thống, song song với việc phát triển nền tảng SCF nhà phân phối tự động toàn trình E2E. Đây sẽ là nền móng để MB từng bước hoàn thành nhiệm vụ, thực thi chiến lược của BLĐ ngân hàng về việc chuyển đổi số chuỗi cung ứng; dịch chuyển, thu hút hệ sinh thái của KHTT về MB.

Tăng năng suất lao động cho hệ thống thông qua việc phát triển luồng giải ngân VLĐ tự động

Khối SME

Các thành tựu, đặc điểm nổi bật của khối trong năm 2025

Tăng trưởng tín dụng cao tập trung chủ yếu vào tăng trưởng trung - dài hạn, các khách hàng có bảo lãnh và TTTM để đa dạng về thu dịch vụ. Cụ thể năm 2025 quy mô tín dụng của Khối SME đạt 315 nghìn tỷ, tăng net gần 87.719 tỷ, tăng trưởng 38,5% so với 2024. Tỷ trọng Upper chiếm 83% tổng tăng net, trong đó phân khúc vừa net 31 nghìn tỷ và phân khúc nhỏ net 35 nghìn tỷ, Dư nợ trung - dài hạn đạt 88.868 tỷ tăng trưởng 50% so với 2024 (vượt mức BQ 17% của 2023 và 2024). Dư nợ tăng net ~ 70% vào **ngành trọng tâm.**

Song song với tăng trưởng tín dụng, quy mô huy động thời điểm tăng trưởng 35% đạt 175.285 tỷ, duy trì tỷ trọng tiền gửi KKH BQ ~ 56% góp phần tạo ra mức tăng trưởng Tiền gửi KKH BQ 30%– **mức tăng trưởng cao nhất trong 3 năm gần nhất.**

Triển khai thúc đẩy doanh số và thị phần TTTM tăng trưởng mạnh mẽ. Doanh số TTTM ~ 29 triệu USD tăng mạnh +22% so với 2024, vượt trội hơn hẳn so với mức tăng trưởng chung của thị trường 16,9%, khẳng định sự đi đầu và khả năng cạnh tranh vượt trội.

Bảo lãnh tăng trưởng tích cực cả về doanh số và phí. Doanh số tăng trưởng ~43% và Phí tăng trưởng 23%. Doanh số từ nhóm khách hàng mới đạt mức tăng trưởng ấn tượng, **gấp gần 2 lần so với năm 2024**, phản ánh sự thành công rõ rệt trong việc mở rộng và phát triển khách hàng.

Song song với tăng trưởng kinh doanh, yếu tố con người – xây dựng **đội ngũ lực lượng kinh doanh chất lượng** cũng là một trong những công tác quan trọng. Công tác quản trị LLKD có nhiều điểm tích cực về giữ chân và phát triển nhân sự, nâng cao chất lượng nhân sự đầu vào. Đã tinh chỉnh và hoàn thiện các quy định, tài liệu hướng dẫn trong quy trình, giúp giảm thiểu tối đa các vướng mắc của đơn vị kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho công việc. Quản trị lực lượng kinh doanh có nhiều điểm tích cực về giữ chân nhân sự. Bên cạnh đó việc tạo động lực được duy trì và lan tỏa tạo hiệu ứng tốt đặc biệt với chuỗi sự kiện chương trình SME Convention 2025 và các hoạt động vinh danh SME ALPHA, ALPHA GATHERING. Các công cụ và báo cáo quản trị hỗ trợ lực lượng kinh doanh trong hành trình bán hàng không ngừng được phát triển và cải tiến, đem lại sự thuận tiện và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Ban hành/tinh chỉnh và hoàn thiện các quy định, tài liệu hướng dẫn trong quy trình, giúp giảm thiểu tối đa các vướng mắc của đơn vị kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho công việc. Hoàn thành go-live các hạng mục trọng điểm theo dự án BPM như **ứng dụng AppGate, Sharefile, luồng thí điểm PK 50-500, điều chỉnh logic chặn cứng/giao diện soạn thảo, Lãi suất theo RW, Khai báo hợp đồng đầu ra với phương án triển khai tín dụng, kết nối BPM tín dụng với các BPM thanh toán quốc tế, L/C, lương...**: tăng tính tự động, giảm các thao tác thủ công cho người dùng. Xây dựng và triển khai các hệ thống kết nối hiệu quả, đồng thời tăng cường tính tự động hóa, nâng cao năng suất và khả năng vận hành mượt mà trong toàn bộ quy trình.

Mục tiêu trọng tâm của khối để hiện thực hóa chiến lược của ngân hàng

Dẫn đầu thị trường về giải pháp cho vay số cho Micro SME: i) Tự động hóa tốc độ dịch vụ; tỷ lệ tự động PD cấp mới đạt 70%; Tỷ lệ tự động PD tái cấp đạt 75%; Tỷ lệ giải ngân tự động đạt 80%; ii) Tăng Tỷ lệ Lead Convert 20%; iii) Tăng trưởng thị phần – Khách hàng vay mới đạt 20 nghìn KH, Dư nợ Micro ngắn hạn tăng gấp đôi đạt 50 nghìn tỷ đồng (tương đương 2 nghìn tỷ/tháng).

Dẫn đầu về mức độ gắn kết khách hàng. Tăng tỷ lệ khách hàng sử dụng đa sản phẩm; Tỷ lệ KTHM Upper tăng từ 48% lên 50% so với năm 2025.

Top 1 thị trường về năng suất lao động trong đó tập trung vào: Tăng năng suất bán mới của đội ngũ RM; RM Micro đạt năng suất cấp mới từ 2 tới 5 hạn mức/RM/tháng; RM thường tăng từ 0,7 tới 1 hạn mức/RM/tháng. Cải thiện hiệu quả chuyển đổi cơ hội bán hàng trên CRM, tỷ lệ chuyển đổi thành hạn mức từ lead HO tạo ra đạt tối thiểu 20%.

Tăng trưởng doanh thu kênh số, cải thiện 10%/năm trong đó Doanh thu kênh số 52%, Tín dụng kênh số 60%, Huy động vốn kênh số 70%.

Các chương trình triển khai sáng kiến tiêu biểu năm báo cáo và kế hoạch cho những năm tới

Các chương trình triển khai sáng kiến tiêu biểu năm báo cáo

Tăng tốc thu hút khách hàng và đề xuất giá trị mới Phân khúc SME	Quy hoạch lại định nghĩa Phân khúc đối với nhóm KH Siêu nhỏ. Tích hợp công cụ phân tích vi mô trên CRM, 100% CN thực hiện thao tác phục vụ xây dựng KHKD 2026
Cải tiến quy trình TD Tái thiết kế KHDN CIB và SME Upper	Hoàn thành phê duyệt và ban hành quy trình tín dụng Tái thiết kế KHDN CIB & SME Upper, Quy hoạch tập trung thành 01 quy trình tín dụng dành cho PK nhỏ trở lên, phân định rõ trách nhiệm các khâu, tránh trùng lặp vai trò trách nhiệm. Hoàn thành điều chỉnh checklist chuyển tiền quốc tế linh hoạt giảm ~40% số case vướng mắc của ĐVKD, hỗ trợ thúc đẩy mạnh doanh số thanh toán quốc tế các ngành dịch vụ: Du lịch, Logicstic,…
CRM APP MOBILE	Cung cấp giải pháp tối ưu và đột phá nhằm quản lý tiềm năng và cơ hội bán hàng ở mọi nơi, mọi lúc và ngay trên thiết bị cá nhân. Tỷ lệ sử dụng của RM **~ 94%**
Biểu lãi suất theo chân dung	Ban hành Biểu tích hợp hệ số rủi ro tín dụng (RW), thiết kế biểu lãi suất riêng đối với KH Micro. Tỷ lệ sử dụng biểu **~ 82%**

KẾ HOẠCH NĂM TỚI

Tổ chức lại lực lượng bán và điều chỉnh KPI tập trung vào các chỉ tiêu năng suất bán chất lượng	Đối với việc Quy hoạch mô hình bán, Khối chủ động thay đổi cơ cấu level LLKD SME 2026, tăng tỷ trọng RM Level 2 trở lên, nâng cao chất lượng và sử dụng hiệu quả RM có kinh nghiệm. Đối với việc điều chỉnh thay đổi KPI và cơ chế lương, Khối thay đổi tiêu chí đánh giá tỷ lệ đạt chuẩn, chất lượng RM theo 03 yếu tố (năng lực bán mới, quy mô dư nợ quản lý/tăng net, doanh thu phát sinh); cơ chế trả lương theo phân khúc khách hàng; tăng cường hiệu quả hoạt động đào tạo, nâng cao năng lực và tạo động lực cho LLKD; đẩy mạnh công cụ bán hàng và hỗ trợ bán với mục tiêu giảm thời gian xử lí thủ công, hạn chế rủi ro.
Tái cấu trúc danh mục Upper, tăng trưởng vào các ngành lựa chọn theo Phân tích vi mô để đạt 60 nghìn tỷ net Upper ngắn hạn trong đó 30 nghìn tỷ từ KH hiện hữu và 30 nghìn tỷ từ KH mới	Khối đồng hành cùng lực lượng bán tại CN và các Khối liên quan khai thác sâu tập KH hiện hữu và triển khai Ngân hàng cộng đồng.
Cấu trúc lại danh mục theo Ngành phù hợp với định hướng của Nhà nước và thị trường, tăng định vị hình ảnh MB lên Top 2 thị trường và lựa chọn các ngành có lãi suất cho vay cao, NIM tốt, tăng trưởng đi kèm hiệu quả	Giữ vững vị trí Top 1 ngành dược y tế. Mục tiêu Top 1 ngành Điện, Top 2 ngành xây lắp, nhựa và vật liệu xây dựng. Lựa chọn 14 ngành trọng tâm (tỷ trọng tăng NET chiếm 70%-75%/tổng tăng NET, có XNK và Bảo lãnh tốt trên thị trường.
Chuyển dịch dòng tiền KH có nghĩa vụ và sử dụng BIZ MBBank thông qua định hướng bán và công cụ Loyalty đối với RM TTTM/aRM	Khai thác tối ưu nhóm KH đặc thù/Trường học/Bệnh viện/FDI; Tối ưu dòng tiền nhóm KH có nghĩa vụ - chú trọng vào combo chính sách nhằm thu hút dòng tiền trong MB; Chuyển dịch KH BIZ active/GDTX/BIZ từ 02 SPDV trở lên tăng chất lượng casa BQ; Triển khai bán đa dạng SP HĐV- Duy trì tỷ lệ Hotline 40%.
Triển khai mô hình kinh doanh cho 02 chuỗi Khu công nghiệp và nhà thầu	Tập trung vào 02 chuỗi để giải quyết bài toán tăng trưởng trung - dài hạn và FDI bao gồm chủ đầu tư – nhà thầu và chủ đầu tư Khu cụm công nghiệp – Nhà đầu tư thứ cấp – Nhà xưởng cho thuê/dự án sản xuất. Khối SME chịu trách nhiệm xây dựng khung chính sách cấp tín dụng cho Chuỗi (Giá, điều kiện tài trợ, mẫu biểu, quy trình thực hiện, hệ thống quản trị,…) Mục tiêu giá trị phê duyệt trung - dài hạn 160 nghìn tỷ/năm, tăng net trung - dài hạn 35 nghìn tỷ trong đó 60 nghìn tỷ là doanh số giải ngân và 25 nghìn tỷ là doanh số thu nợ.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN · 2025

Khối Khách hàng cá nhân

Cho vay phân khúc KHCN

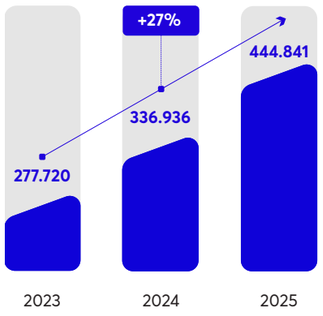

Tiền gửi phân khúc KHCN

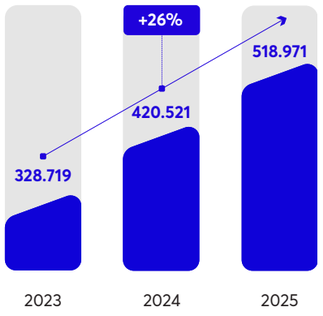

Các thành tựu, đặc điểm nổi bật của khối trong năm báo cáo

Năm 2025, Khối Khách hàng cá nhân đã chào đón gần 5 triệu khách hàng, MB là ngân hàng số 1 Việt Nam phục vụ gần 35 triệu khách hàng. Quy mô huy động vốn đạt gần 519 nghìn tỷ đồng tăng trưởng 23% so với năm 2024.

Hoạt động tín dụng tăng trưởng mạnh mẽ: Dư nợ thời điểm đạt 445 nghìn tỷ đồng; quy mô dư nợ/lực lượng bán khách hàng cá nhân là 160 tỷ đồng/tháng. Tiếp tục đẩy mạnh các sản phẩm trọng điểm Plan, Priland, tiêu dùng hộ sản xuất kinh doanh phù hợp với nhu cầu thị trường. Tập trung thực hiện tinh chỉnh hệ thống quy trình tín dụng khách hàng cá nhân: Cải tiến mẫu biểu hướng tới trải nghiệm khách hàng; trở thành ngân hàng số 1 về chuyển đổi số cho vay trên kênh số, là ngân hàng có tỷ lệ phê duyệt tự động cao nhất: sản phẩm sản xuất kinh doanh cấp mới là 30%, tỷ lệ phê duyệt tự động tái cấp là 72%.

Cải tiến mạnh mẽ theo phân khúc khách hàng: Hoàn thiện dự án Priority với trọng tâm khai thác sâu khách hàng, tăng trưởng doanh thu. Chú trọng gia tăng doanh số giao dịch, chi tiêu thẻ cho phân khúc Priority. Quy mô phân khúc Priority: Dư nợ đạt trên 278 nghìn tỷ, tổng tài sản đạt 311 nghìn tỷ. Phân khúc Private: Tập trung phát triển KH mới chất lượng; chăm sóc & khai thác sâu tệp khách hàng hiện hữu, tăng quy mô tài sản (AUM) của tập khách hàng hiện hữu mang lại cho MB: năm 2025 tăng net AUM so với 2024 gần 32 nghìn tỷ đồng.

Trong năm 2025 Khối KHCN hoàn thiện mô hình tổ chức kinh doanh góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh và tăng lợi nhuận từ mảng bán lẻ. Cơ cấu tổ chức được thiết kế khoa học, chuyên môn hóa theo từng phân khúc khách hàng giúp nâng cao chất lượng phục vụ và gia tăng sự hài lòng của khách hàng, gắn liền với chuyển đổi số, hiệp lực tập đoàn.

Khối Khách hàng cá nhân đã chào đón

5 TRIỆU khách hàng

Quy mô huy động vốn

^23% so với năm 2024

Định hướng mới đối với hoạt động bán lẻ

Phấn đấu nằm trong Top 1 ngân hàng bán lẻ tại Việt Nam

Đột phá tăng trưởng giá trị khai thác tập khách hàng Priority, tăng số lượng khách hàng Priority lên gấp đôi, doanh thu đóng góp chiếm 80% trong tổng doanh thu của khách hàng cá nhân.

Tăng số lượng sản phẩm trên 1 khách hàng: đạt 3 sản phẩm/khách hàng.

Chuyển đổi số mạnh mẽ: Huy động vốn trên kênh số 70%, tín dụng kênh số 60%.

Đối với hoạt động tín dụng: Bám sát thị trường của vùng, địa phương; kết nối API trực tiếp với hệ thống bán hàng của chủ đầu tư, đối tác, tiếp cận với tài khoản chuyên thu của đơn vị từ đó tăng cường khả năng giám sát và tăng huy động vốn không kỳ hạn. Ưu tiên cho vay với phân khúc dưới 5 tỷ, tập trung vào nhóm bất động sản và nhóm có dòng tiền ổn định.

Tăng năng suất lao động, tiến tới số 1 thị trường về năng suất lao động: Số lượng khách hàng khai thác 50 khách cho lực lượng bán/tháng, tỷ lệ thâm nhập thành công 10%. Tăng trưởng thị phần dư nợ 20%. Tăng cường quản lý rủi ro chất lượng tín dụng mục tiêu kiểm soát dưới 10% nợ quá hạn. Tinh chỉnh sản phẩm cho vay nhà đất, sản xuất kinh doanh theo đúng mục đích, tăng cường ứng dụng AI trong nhận diện hình ảnh tài sản bảo đảm.

Nghiên cứu ứng dụng app dành cho người nước ngoài, ứng dụng quản lý tài chính cho người nước ngoài, nhóm khách hàng là chủ doanh nghiệp tập đoàn…

Hoạt động thu phí dịch vụ: tăng cường đổi mới sản phẩm kiều hối, bảo hiểm, thẻ để đảm bảo doanh thu hàng năm đạt 1,2% trên tổng doanh thu NII.

Xây dựng khung năng lực cán bộ quản lý hội sở và đơn vị kinh doanh để phù hợp với chiến lược phát triển 2026 – 2028. Xây dựng mô hình tăng trưởng bán lẻ dựa trên đột phá về dữ liệu thị trường bán lẻ, dẫn đầu trong hoạt động bán lẻ và ngân hàng số.

Khối Nguồn vốn và kinh doanh tiền tệ

Liên ngân hàng

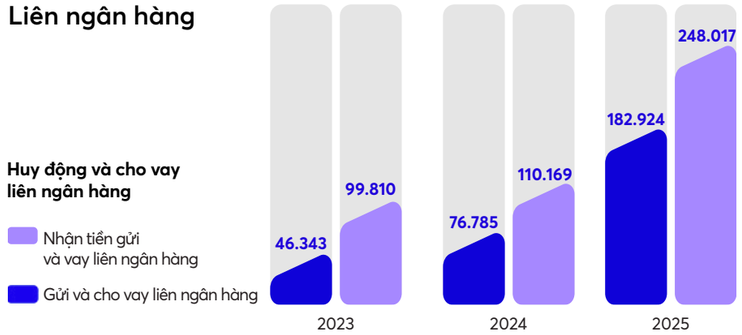

Các thành tựu, đặc điểm nổi bật của khối trong năm báo cáo

Tận dụng cơ hội thị trường

Hiện thực hóa lợi nhuận GTCG, trong đó hoạt động kinh doanh trái phiếu tăng trưởng mạnh, dẫn đầu thị trường về doanh số giao dịch Trái phiếu Chính phủ và Trái phiếu tổ chức tín dụng.

Trong năm 2025, MB Treasury đã vinh dự được nhận các giải thưởng sau:

TOP 1
Nhà tạo lập thị trường trái phiếu TCTD do VBMA trao tặng

TOP 3
Nhà tạo lập thị trường TPCP do VBMA trao tặng

Kinh doanh ngoại hối trục dọc

MB đã vinh dự được trao tặng giải thưởng Best FX Bank in Vietnam - Ngân hàng Ngoại hối tốt nhất Việt Nam với sự vượt trội về kinh doanh ngoại hối trên kênh số và các sản phẩm cấu trúc kết hợp vượt trội cho các khách hàng tập đoàn XNK lớn và FDIs.

Chủ trì triển khai làm việc với các tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế hàng đầu (Fitch và Moody's), tiếp tục duy trì kết quả xếp hạng tích cực trong năm 2025

Fitch: Giữ vững xếp hạng BB với triển vọng Ổn định, đồng thời duy trì mức xếp hạng nội lực (VR) bb-, Moody's: Tiếp tục duy trì xếp hạng Ba3 với triển vọng Ổn định. Kết quả đạt được này phản ánh nền tảng tài chính lành mạnh, năng lực tự chủ cao và khả năng chống chịu bền vững trước các biến động thị trường, khẳng định vị thế tín nhiệm vững chắc, nền tảng hoạt động an toàn, bền vững của MB sau hơn 30 năm phát triển trên thị trường tài chính Việt Nam.

Huy động vốn ngoại tệ phục vụ mục tiêu tăng trưởng

Tính đến cuối năm 2025, số dư huy động vốn ngoại tệ đạt 47.889,9 tỷ đồng, tăng 6,4 lần so với cuối năm 2024. Cũng trong 2025, MB hoàn tất huy động 500 triệu USD từ khoản vay hợp vốn xanh quốc tế, đánh dấu một thương vụ huy động vốn nước ngoài lớn nhất của MB từ trước đến nay. Quy mô đăng ký tham gia của các định chế tài chính vượt hơn 200% so với dự kiến, thể hiện năng lực huy động USD vượt trội và uy tín ngày càng nâng cao của MB trên thị trường, đồng thời củng cố vững chắc nền tảng thanh khoản ngoại tệ phục vụ tài trợ cho các dự án phát triển bền vững.

Mục tiêu của khối để hiện thực hóa

- Trong năm 2026, Khối Nguồn vốn nỗ lực tận dụng các cơ hội thị trường, tối ưu danh mục kinh doanh và đầu tư, nâng cao tỷ suất sinh lời để đảm bảo hoàn thành kế hoạch được giao.
- Nâng cao công tác quản lý nguồn, quản lý thanh khoản theo chuẩn quốc tế và các thông lệ tiên tiến.
- Huy động vốn ngoại tệ để phục vụ nhu cầu tăng trưởng tín dụng, đặc biệt là nguồn vốn xanh ESG phù hợp với chiến lược phát triển bền vững của MB.
- Xây dựng uy tín tín dụng: Duy trì xếp hạng tín nhiệm cao với các tổ chức quốc tế (Moody's, S&P).

Khối Ngân hàng số

Các thành tựu, đặc điểm nổi bật của khối trong năm 2025

Kiến tạo ngân hàng số toàn diện – Tăng trưởng vượt trội dựa trên công nghệ và dữ liệu

Năm 2025 ghi dấu bước tiến mạnh mẽ trong hành trình chuyển đổi số của Ngân hàng, không chỉ ở việc ra mắt các sản phẩm số mới mà còn ở việc tái thiết kế toàn diện kiến trúc công nghệ, quy trình vận hành và mô hình phục vụ khách hàng. Chuyển đổi số không còn là một dự án, mà đã trở thành năng lực cốt lõi, thấm sâu vào mọi hoạt động kinh doanh và quản trị.

Hoàn thiện hệ sinh thái thanh toán số – Mở rộng trải nghiệm "không chạm"

Trong năm 2025, Ngân hàng đã triển khai thành công sản phẩm Tài khoản Chạm, cho phép khách hàng sử dụng trực tiếp tài khoản thanh toán làm nguồn tiền trên Apple Pay và Google Pay.

Giải pháp này tạo nên trải nghiệm thanh toán liền mạch và hiện đại:

- Kích hoạt nhanh chóng chỉ trong 5 bước trên App MBBank
- Thanh toán bảo mật bằng Face ID hoặc vân tay
- Không cần đăng nhập lại ứng dụng
- Không phụ thuộc kết nối mạng di động khi thanh toán
- Áp dụng trong và ngoài nước tại các điểm chấp nhận contactless

Mạng lưới Đại lý thanh toán trên toàn quốc

1.800 ĐIỂM

Doanh số huy động trên kênh số đạt trung bình

1.400 Tỷ đồng/ ngày

Việc số hóa tài khoản thanh toán vào ví kỹ thuật số đã góp phần thúc đẩy thanh toán không tiền mặt, gia tăng tần suất sử dụng tài khoản và mở rộng hiện diện của Ngân hàng trong hệ sinh thái thanh toán toàn cầu.

Song song đó, mạng lưới **1.800 điểm đại lý thanh toán** trên toàn quốc tiếp tục được mở rộng, cho phép khách hàng thực hiện nộp – rút tiền, thanh toán hóa đơn tại các đối tác như Viettel Store, Viettel Post, F88, Mai Tâm Anh. Mô hình kết hợp giữa nền tảng số và mạng lưới vật lý linh hoạt đã giúp Ngân hàng tiếp cận sâu rộng tới nhiều phân khúc khách hàng, đặc biệt tại khu vực ngoài đô thị.

Doanh số huy động trên kênh số đạt trung bình **1.400 tỷ đồng/ngày**, thể hiện mức độ tin tưởng và chuyển dịch mạnh mẽ của khách hàng sang giao dịch số.

Nâng tầm an ninh số – Bảo vệ khách hàng bằng công nghệ AI đa lớp

Trong bối cảnh rủi ro an ninh mạng ngày càng phức tạp, năm 2025 Ngân hàng đã hoàn thiện bộ giải pháp **App Protection** với ba lớp bảo vệ toàn diện, kết hợp công nghệ NFC, ZDefend, GlueShield cùng hệ thống rule-based và AI-based phân tích hành vi.

Giải pháp cho phép:

- Phát hiện và cảnh báo phần mềm độc hại trên thiết bị khách hàng
- Ngăn chặn nguy cơ chiếm quyền kiểm soát tài khoản
- Giám sát hành vi bất thường ngay sau khi đăng nhập
- Chủ động tạm dừng giao dịch nghi ngờ trước khi hoàn tất

Tỷ lệ bảo vệ khách hàng đạt

95 %

Tỷ lệ bảo vệ khách hàng đạt **95%**, khẳng định cam kết đặt an toàn và bảo mật lên hàng đầu trong chiến lược ngân hàng số.

Hạ tầng công nghệ cũng đạt quy mô lớn với:

37 TRIỆU yêu cầu/ngày vào hệ thống App

Tỷ lệ xử lý thành công **99,5%**

Thời gian phát hiện sự cố nhờ hệ thống giám sát thông minh giảm **30%**

Mô hình vận hành active–active toàn thời gian

Những con số này cho thấy nền tảng công nghệ không chỉ đảm bảo tính ổn định mà còn sẵn sàng mở rộng để đáp ứng tăng trưởng quy mô lớn trong tương lai.

Tín dụng số toàn trình cho SME siêu nhỏ – Đột phá về tốc độ và hiệu quả

Một trong những dấu ấn nổi bật năm 2025 là việc triển khai tín dụng số toàn trình cho khách hàng SME siêu nhỏ (doanh thu dưới 100 tỷ đồng).

Khách hàng được phê duyệt trước dựa trên mô hình dữ liệu, sau đó chỉ cần hoàn tất thao tác xác nhận trên nền tảng BIZ MBBank hoặc hệ thống đối tác để nhận kết quả phê duyệt trong 1–2 ngày.

Quy trình được tái thiết kế mạnh mẽ:

Cắt 100% khâu phê duyệt thủ công

Cắt 90% khâu thẩm định

Cắt 90% vai trò chi nhánh

Hợp đồng tín dụng được ký số CA cloud ngay trên nền tảng số, khách hàng chủ động giải ngân 24/7. Toàn bộ quy trình giải ngân được số hóa hoàn toàn, cắt giảm 100% vai trò chi nhánh và vận hành tại khâu giải ngân.

Tính năng **tái cấp hạn mức tự động** tiếp tục nâng cao trải nghiệm:

- Hệ thống tự động sàng lọc và phê duyệt hạn mức mới cho khách hàng đủ điều kiện
- Giảm thiểu sai sót do con người
- Tăng tính minh bạch và tuân thủ
- Tiết kiệm chi phí vận hành
- Dễ dàng mở rộng quy mô

Giải pháp này không chỉ rút ngắn thời gian tiếp cận vốn mà còn tạo điều kiện cho hàng nghìn doanh nghiệp siêu nhỏ phát triển bền vững.

Thư tín dụng nhập khẩu Online – Số hóa toàn bộ chuỗi giá trị L/C

Năm 2025, Ngân hàng đã triển khai sản phẩm "Thư tín dụng nhập khẩu online" với mức độ số hóa 100% trên đa nền tảng (web và app).

Toàn bộ hành trình khách hàng được thực hiện trực tuyến:

- Kiểm tra hợp đồng ngoại thương và soạn draft L/C
- Đề nghị phát hành L/C
- Nhận thông báo bộ chứng từ
- Đề nghị thanh toán
- Theo dõi vòng đời giao dịch

Việc đơn giản hóa một phương thức thanh toán phức tạp như L/C đã giúp doanh nghiệp:

- Tiết kiệm đáng kể thời gian xử lý
- Giảm chi phí lưu trữ và in ấn
- Nâng cao uy tín với đối tác nhờ thời gian phát hành nhanh
- Góp phần thực hiện mục tiêu ESG thông qua giảm sử dụng giấy

Sản phẩm này đánh dấu bước tiến lớn trong số hóa dịch vụ tài trợ thương mại – lĩnh vực thông thường yêu cầu nhiều thủ tục và chứng từ phức tạp.

Đầu tư hạ tầng – Xây nền cho ngân hàng công nghệ

Giai đoạn 2015–2025, tổng mức đầu tư cho hạ tầng công nghệ đạt **16.800 tỷ đồng**, bao gồm:

Cơ sở dữ liệu **574**

Phần mềm ứng dụng **121**

Hạ tầng lưu trữ **23.700 TB**

Services public cloud **162**

Server vật lý và ảo hóa **7.602**

Private cloud **1.300 VM**

Kiến trúc đa trung tâm dữ liệu và mô hình active–active giúp đảm bảo tính sẵn sàng cao, khả năng dự phòng và mở rộng linh hoạt.

Việc tái thiết kế hệ thống thẻ thành hai core độc lập giúp rút ngắn 50–80% thời gian phát triển sản phẩm mới. Ứng dụng AI toàn trình trong phát triển phần mềm giúp tiết kiệm 60% thời gian và chi phí so với phương pháp truyền thống.

Đến cuối năm 2025, nhân sự IT và dữ liệu **chiếm 11,9% tổng nhân sự**, phản ánh chiến lược chuyển dịch từ ngân hàng truyền thống sang mô hình ngân hàng công nghệ.

Tổ chức và nhân sự

Danh sách Ban Điều hành

Ông PHẠM NHƯ ÁNH · Tổng Giám đốc

Năm sinh
1980

Số lượng cổ phần:
5.821.131

Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
Viện Quản trị Kinh doanh UBI, Bỉ

Tỷ lệ cổ phần:
0,072%

Chức danh quản lý đang nắm giữ tại các tổ chức/doanh nghiệp khác:
Không nắm giữ chức danh quản lý tại các đơn vị khác

Cử nhân Quản trị kinh doanh
Đại học Kinh tế Đà Nẵng

Ngày bổ nhiệm: 18/05/2023
Ông Phạm Như Ánh có hơn 20 năm gắn bó và làm việc tại MB.

Ông từng giữ vị trí Giám đốc các chi nhánh có quy mô tại MB, Giám đốc Khối Khách hàng lớn (CIB), Thành viên Ban điều hành phụ trách hoạt động kinh doanh toàn bộ các đơn vị tại khu vực phía Nam và Khối Khách hàng lớn, Phó Tổng Giám đốc MB.

Ông là một trong những nhân tố đóng vai trò chủ chốt thúc đẩy dự án Smart RM (Quản lý bán hàng thông minh) đem lại nhiều cải tiến cho hoạt động kinh doanh tại MB. Dưới sự dẫn dắt của Ông, các đơn vị luôn hoàn thành vượt mức kế hoạch, mang lại hiệu quả cho MB. Ông Phạm Như Ánh được HĐQT MB bổ nhiệm vị trí Tổng Giám đốc MB từ 18/05/2023. Ông đã điều hành MB hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao. Ông Ánh được Đại hội đồng cổ đông MB tín nhiệm bầu Thành viên HĐQT MB nhiệm kỳ 2024 - 2029.

Bà PHẠM THỊ TRUNG HÀ · Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh
1975

Số lượng cổ phần:
4.119.874

Thạc sĩ Kinh tế
Đại học Kinh tế Quốc dân

Tỷ lệ cổ phần:
0,051%

Chức danh quản lý đang nắm giữ tại các tổ chức/doanh nghiệp khác:
Từ tháng 03/2025: Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản (MBAMC)

Cử nhân Kinh tế
Học viện Ngân hàng

Ngày bổ nhiệm: 27/04/2011
Bà Phạm Thị Trung Hà có hơn 28 năm kinh nghiệm làm việc tại MB. Bà Hà từng đảm nhiệm nhiều vị trí chuyên môn và quản lý tại Ngân hàng như: Trưởng phòng Quản lý tín dụng, Giám đốc Khối Quản trị rủi ro. Hiện bà Trung Hà đang phụ trách Khối Quản trị rủi ro và giữ vai trò Giám đốc rủi ro Tập đoàn.

Ông TRẦN MINH ĐẠT · Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh
1968

Số lượng cổ phần:
5.769.717

Thạc sĩ Kinh tế
Đại học Kinh tế Quốc dân

Tỷ lệ cổ phần:
0,072%

Chức danh quản lý đang nắm giữ tại các tổ chức/doanh nghiệp khác:
Từ tháng 03/2025: Chủ tịch Hội đồng quản trị tại Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Quân đội (MIC)

Cử nhân Tín dụng
Học viện Ngân hàng

Ngày bổ nhiệm: 01/11/2014
Ông Trần Minh Đạt có hơn 35 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng. Tại MB, từ năm 2008 ông Đạt từng đảm nhiệm nhiều vị trí chuyên môn và quản lý của Ngân hàng như: Giám đốc Chi nhánh Hai Bà Trưng, Giám đốc Chi nhánh Điện Biên Phủ. Hiện ông Đạt chỉ đạo và quản lý Trung tâm phê duyệt Tín dụng, giữ chức vụ Giám đốc phê duyệt tín dụng cấp 3. Phó Chủ tịch Hội đồng tín dụng cấp cao, Chủ tịch Hội đồng tín dụng.

Ông HÀ TRỌNG KHIÊM · Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh
1973

Số lượng cổ phần:
1.151.443

Thạc sĩ Kinh tế - Quản trị kinh doanh
Trường Đại học KHXH và Nhân Văn

Tỷ lệ cổ phần:
0,014%

Chức danh quản lý đang nắm giữ tại các tổ chức/doanh nghiệp khác:
Từ tháng 12/2024: Thành viên Hội đồng Thành viên của Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại - MBV

Cử nhân Luật
Đại học Luật Hà Nội

Ngày bổ nhiệm: 26/11/2015
Ông Hà Trọng Khiêm có hơn 29 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng. Tại MB ông Khiêm đảm nhiệm nhiều vị trí chuyên môn và quản lý như: Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc phụ trách Kinh doanh Khu vực phía Nam, Phó Tổng Giám đốc.

Bà NGUYỄN MINH CHÂU · Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh
1973

Tỷ lệ cổ phần:
0,031%

Số lượng cổ phần:
2.526.736

Chức danh quản lý đang nắm giữ tại các tổ chức/doanh nghiệp khác:
Không nắm giữ chức danh quản lý tại các đơn vị khác

Thạc sĩ Ngân hàng Tài chính
Trường Đại học Kinh tế Paris Dauphine (Pháp) và Trường cao học quản lý kinh tế Châu Âu ESCP – EAP

Cử nhân Ngoại ngữ
Đại học Tổng hợp Hà Nội

Ngày bổ nhiệm: 23/11/2009
Bà Nguyễn Minh Châu có kinh nghiệm hơn 30 năm trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng. Bà từng đảm nhiệm vị trí chuyên môn và quản lý của MB: Giám đốc Văn phòng triển khai chiến lược. Năm 2025, bà Châu chịu trách nhiệm chỉ đạo và quản lý Khối Nguồn vốn và Kinh doanh tiền tệ.
Năm 2026, Bà Châu chịu trách nhiệm chỉ đạo và quản lý Khối Nguồn vốn và Kinh doanh tiền tệ, Khối FDI và Khách hàng chiến lược.

Ông LÊ QUỐC MINH · Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh
1979

Tỷ lệ cổ phần:
0,04%

Số lượng cổ phần:
3.244.072

Chức danh quản lý đang nắm giữ tại các tổ chức/doanh nghiệp khác:
Từ tháng 06/2024: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB (MBCapital)

Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Hóa dầu Quân đội (MIPEC)

Tiến sĩ Tài chính - Ngân hàng
Học viện Hậu cần

Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Đại học Kinh tế Quốc dân

Cử nhân Kinh tế
Đại học Kinh tế Quốc dân

Ngày bổ nhiệm: 26/11/2015
Ông Lê Quốc Minh có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng. Tại MB, ông Minh giữ nhiều vị trí chuyên môn và quản lý như: Giám đốc Chi nhánh, Phó Giám đốc Khối Doanh nghiệp lớn và các Định chế tài chính, Giám đốc Khối Khách hàng lớn. Hiện ông Minh được giao phụ trách Khối Khách hàng vừa và nhỏ.

Ông NGUYỄN XUÂN HỌC · Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh
1980

Tỷ lệ cổ phần:
0,017%

Số lượng cổ phần:
1.383.687

Chức danh quản lý đang nắm giữ tại các tổ chức/doanh nghiệp khác:
Không nắm giữ chức danh quản lý tại các đơn vị khác

Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
Đại học Bách Khoa HN

Kỹ sư Toán tin ứng dụng
Đại học Bách Khoa HN

Ngày bổ nhiệm: 02/07/2024
Ông Nguyễn Xuân Học có hơn 22 năm gắn bó và làm việc tại MB. Ông Học từng đảm nhiệm nhiều vị trí chuyên môn và quản lý của Ngân hàng như: Trưởng phòng Phát triển CBS, Trưởng phòng Quản trị Công nghệ thông tin, Phó Giám đốc Trung tâm Vận hành và Hỗ trợ, Phó Giám đốc Khối Công nghệ thông tin, Giám đốc Khối Công nghệ thông tin kiêm Giám đốc công nghệ thông tin tập đoàn, Thành viên Ban điều hành. Hiện ông Học là Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Công nghệ thông tin tập đoàn. Hiện ông Học đang phụ trách Khối Công nghệ thông tin, Khối Dữ liệu và Khối Vận hành.

Bà NGUYỄN THỊ NGỌC · Thành viên ban điều hành

Năm sinh
1976

Tỷ lệ cổ phần:
0,028%

Số lượng cổ phần:
2.283.786

Chức danh quản lý đang nắm giữ tại các tổ chức/doanh nghiệp khác:
Không nắm giữ chức danh quản lý tại các đơn vị khác

Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
Đại học California Miramar

Cử nhân Luật
Đại học Luật Hà Nội

Ngày bổ nhiệm: 15/06/2024
Bà Nguyễn Thị Ngọc có hơn 28 năm công tác tại MB, đã đảm nhiệm nhiều vị trí chuyên môn và quản lý như: Chánh Văn phòng HĐQT, Thành viên Hội đồng quản trị MB. Hiện bà Ngọc đang quản lý Khối Pháp chế và Tuân thủ và Chủ tịch Công đoàn cơ sở Ngân hàng TMCP Quân đội.

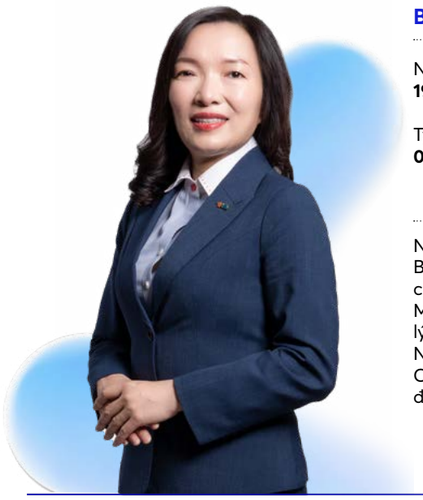

Bà NGUYỄN THỊ THỦY · Thành viên ban điều hành

Năm sinh **1974**	Số lượng cổ phần: **760.002**	Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh Đại học Ứng dụng khoa học Tây Bắc Thụy Sỹ
Tỷ lệ cổ phần: **0,009%**	Chức danh quản lý đang nắm giữ tại các tổ chức/doanh nghiệp khác: Không nắm giữ chức danh quản lý tại các đơn vị khác	Cử nhân Tài chính Ngân hàng Học viên Ngân hàng

Ngày bổ nhiệm: 15/06/2024
Bà Nguyễn Thị Thủy có hơn 28 năm công tác tại MB. Bà Thủy từng đảm nhiệm các vị trí chuyên môn và quản lý của Ngân hàng và Tập đoàn như: Thành viên Hội đồng Quản trị MB, Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas. Năm 2025, Bà Thủy quản lý Ban Khách hàng chiến lược và Chi nhánh Lào.
Năm 2026: Kể từ ngày 24/02/2026, Bà Nguyễn Thị Thủy được giao kiêm nhiệm Giám đốc Chi nhánh Sở giao dịch 3. Theo đó bà Thủy sẽ chịu trách nhiệm quản lý và chỉ đạo hoạt động Chi nhánh Sở giao dịch 3 và Chi nhánh Lào.

Bà TRẦN THỊ BẢO QUẾ · Thành viên ban điều hành

Năm sinh **1977**	Số lượng cổ phần: **3.576.185**	Thạc sĩ Kinh tế Ngoại thương Đại học Ngoại thương
Tỷ lệ cổ phần: **0,044%**	Chức danh quản lý đang nắm giữ tại các tổ chức/doanh nghiệp khác: Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đào tạo và Tư vấn nghiệp vụ ngân hàng	Cử nhân Kinh tế đối ngoại Đại học Ngoại thương

Ngày bổ nhiệm: 14/02/2019
Bà Trần Thị Bảo Quế đã có hơn 25 năm gắn bó với MB và nhiều năm liền đảm nhiệm vị trí chuyên môn và quản lý tại MB như: Giám đốc Nhân sự, Lãnh đạo Dự án đào tạo. Hiện bà Quế được giao phụ trách Khối Mạng lưới và Quản lý chất lượng, Khối Hành chính.

Ông VŨ HỒNG PHÚ · Thành viên ban điều hành

Năm sinh **1983**	Số lượng cổ phần: **952.849**	Thạc sĩ Kinh tế Ngân hàng và Tài chính Trường ĐH Paris Dauphine và ESCP EUROPE
Tỷ lệ cổ phần: **0,012%**	Chức danh quản lý đang nắm giữ tại các tổ chức/doanh nghiệp khác: Từ tháng 01/2026: Phó Chủ tịch Hội đồng Thành viên Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas (MB Life)	Cử nhân Kinh tế Đại học Ngoại thương

Ngày bổ nhiệm: 18/08/2020
Ông Vũ Hồng Phú có hơn 17 năm làm việc trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.
Ông Phú từng đảm nhiệm nhiều vị trí chuyên môn và quản lý của Ngân hàng và Tập đoàn như: Chánh Văn phòng Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas, Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas. Hiện tại ông Phú được giao chỉ đạo và quản lý Khối Khách hàng cá nhân.

Bà NGUYỄN THỊ THANH NGA · Giám đốc Tài chính

Năm sinh **1981**	Số lượng cổ phần: **3.288.336**	Thạc sĩ Quản lý kinh tế Đại học Kinh tế Quốc dân
Tỷ lệ cổ phần: **0,041%**	Chức danh quản lý đang nắm giữ tại các tổ chức/doanh nghiệp khác: Không nắm giữ chức danh quản lý tại các đơn vị khác	Cử nhân Tài chính - Ngân hàng Đại học Kinh tế Quốc dân

Ngày bổ nhiệm: 10/04/2019
Bà Nguyễn Thị Thanh Nga có gần 23 năm kinh nghiệm trong hoạt động Tài chính - Ngân hàng. Bà Nga từng đảm nhiệm nhiều vị trí chuyên môn và quản lý tại MB như: Phó Giám đốc Khối Quản trị rủi ro, Phó Giám đốc Khối Thẩm định và phê duyệt tín dụng, Giám đốc Khối Đầu tư. Hiện bà Nga là Giám đốc Tài chính phụ trách Khối Tài chính Kế toán, thực hiện nhiệm vụ Giám đốc Tài chính Tập Đoàn.

Các thay đổi trong Ban Điều hành

Trong năm 2025, MB không có sự thay đổi nào về nhân sự trong Ban Điều hành

Chức vụ quản lý quan trọng khác của Ngân hàng

Bà ĐẶNG THÚY DUNG · Kế toán trưởng

Năm sinh **1973**	Số lượng cổ phần: **466.230**	Thạc sĩ Kinh tế Học viện Tài chính
Tỷ lệ cổ phần: **0,006%**	Chức danh quản lý đang nắm giữ tại các tổ chức/doanh nghiệp khác: Không nắm giữ chức danh quản lý tại các đơn vị khác	Cử nhân Kế toán doanh nghiệp sản xuất Đại học Tài chính Kế toán

Ngày bổ nhiệm: 02/05/2018
Bà Đặng Thúy Dung sinh năm 1973, tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế tại Học viện Tài chính. Bà Dung có gần 27 năm kinh nghiệm làm việc tại MB. Bà Dung từng đảm nhiệm nhiều vị trí chuyên môn và quản lý của Ngân hàng như: Trưởng phòng Kế toán, Phó Giám đốc Khối Nguồn vốn và Kinh doanh tiền tệ, Phó Giám đốc Khối Tài chính Kế toán. Từ tháng 05/2018, bà Dung được bổ nhiệm giữ chức vụ Kế toán trưởng kiêm Phó Giám đốc Khối Tài chính Kế toán.

Số lượng cán bộ, nhân viên của Ngân hàng

Số lượng lao động - toàn tập đoàn không gồm MBV:

18.836 nhân sự, tăng 1% so với năm 2024.

Số lượng lao động - toàn tập đoàn gồm MBV:

20.674 nhân sự, tăng 11% so với năm 2024.

Đơn vị tính: người

	TOÀN TẬP ĐOÀN	RIÊNG NGÂN HÀNG
2024	18.639	12.155
2025	18.836 ▲1% so với 2024	13.047 ▲7% so với 2024

Phân loại theo giới tính

Đơn vị tính: người

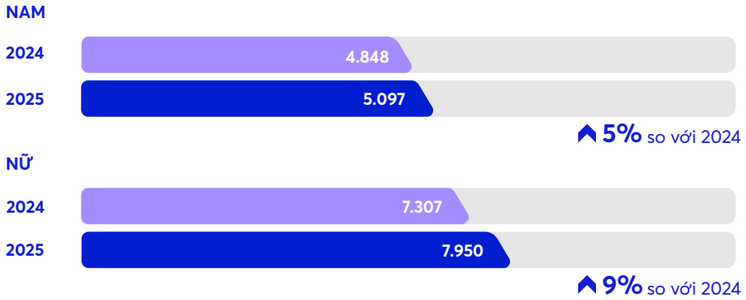

Phân loại theo cấp bậc

Đơn vị tính: người

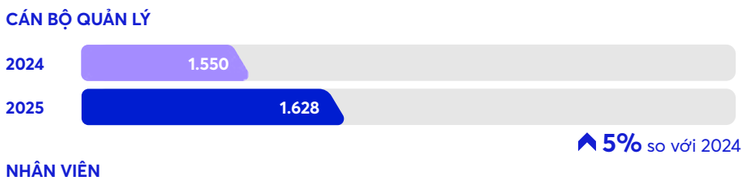

Phân loại theo trình độ

Đơn vị tính: người

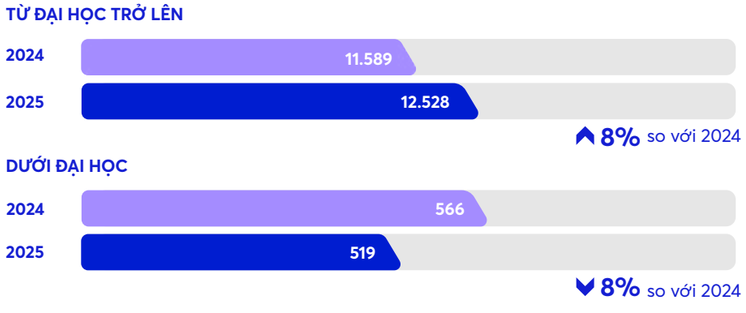

Phân loại theo độ tuổi

Đơn vị tính: người

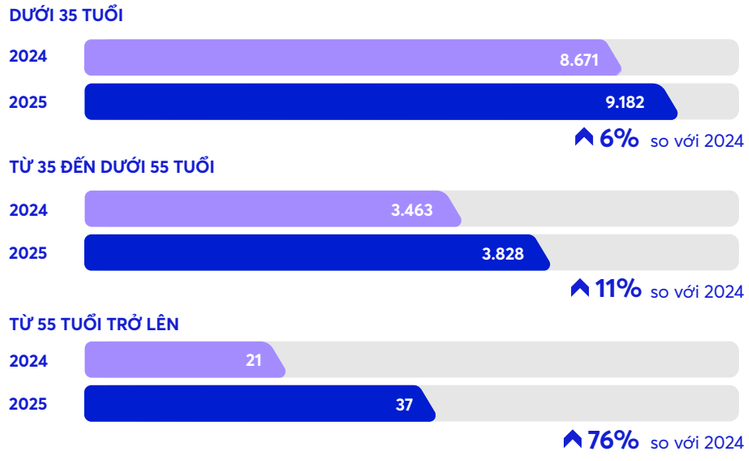

THU NHẬP BÌNH QUÂN THÁNG CỦA CBNV	SỐ GIỜ ĐÀO TẠO TRUNG BÌNH MỖI NĂM
39,4 TRIỆU /người/tháng ▲5,3%	70,73 GIỜ ▲38%

Chính sách nhân sự trong năm 2025

Con người MB được định vị là nhân viên 4.0 về tư duy, kiến thức, phương pháp, công cụ làm việc, có khả năng thích ứng và tận dụng công nghệ, thị trường và chú trọng khách hàng. Chính vì vậy, MB đã định hướng chính sách phát triển nhân tài tại MB theo hướng chuyên sâu về chuyên môn, đa năng đa nhiệm, từ đó xây dựng các cơ chế thu hút, đãi ngộ và quản trị nhân tài theo vòng đời nhân sự nhằm tối đa hóa theo năng lực và lòng trung thành với MB. Năm 2025 MB tiếp tục triển khai chuỗi chương trình đào tạo nguồn nhân lực theo lộ trình công danh, chuẩn hóa theo từng cấp độ quản trị. Các chương trình được thiết kế theo phương pháp học tập gắn với tình huống thực tiễn kinh doanh, kết hợp coaching và giao nhiệm vụ thực tiễn, giúp rút ngắn thời gian trưởng thành của đội ngũ quản lý mới, đồng thời bảo đảm tính liên tục trong vận hành hệ thống. Đối với nhóm Hội sở, năm 2025 MB tập trung đào tạo nhóm nhân sự trẻ tiềm năng, cử tham gia các chương trình đào tạo chuyên môn sâu và/hoặc thi đạt chứng chỉ quốc tế, hình thành lớp kế cận có nền tảng chuyên môn chuẩn hóa và khả năng đảm nhiệm vai trò chuyên gia trong các lĩnh vực trọng tâm.

MB là một tổ chức ham học hỏi và người trẻ chưa có kinh nghiệm vẫn có nhiều cơ hội lớn để phát triển sự nghiệp dài hạn. Với môi trường làm việc đề cao sự sáng tạo và luôn khuyến khích đổi mới, MB có sức hút rất lớn trên thị trường, đặc biệt là nhóm nhân sự trẻ và những nhân sự có khát vọng trưởng thành và tiến bộ nhanh. MB đặc biệt chú trọng vào hành trình thúc đẩy sự phát triển của nhân viên và gọi là Hành trình "Từ Vì sao? thành Vì Sao".

- Số lượng nhân sự tuyển mới trong năm 2025: 2.856 CBNV
- Tổng số nhân sự năm 2025: 13.047 CBNV

MB luôn coi nguồn nhân lực là nền tảng vốn quý quan trọng hàng đầu, cam kết chú trọng chăm sóc toàn diện các khía cạnh các trụ cột về chính sách nhân sự: Sức khỏe thể chất, Sức khỏe tinh thần, Sức khỏe trí tuệ.

- Hệ thống chính sách lương, thưởng, đãi ngộ & phúc lợi của MB cũng luôn được quan tâm đánh giá phân tích liên tục, điều chỉnh đa dạng đổi mới về hình thức và được cá nhân hóa theo nhu cầu. Là một tổ chức chú trọng sâu sắc tới trải nghiệm của CBNV nên MB luôn đổi mới và hoàn thiện hệ thống đãi ngộ đảm bảo hấp dẫn, tập trung tính dài hạn nhằm khuyến khích gắn kết, nâng cao tinh thần, hiệu suất làm việc tối đa của nhân viên. Nguồn nhân lực hạnh phúc, chất lượng chính là yếu tố then chốt để MB đặt được các mục tiêu chiến lược.
- Trong năm qua, MB tiếp tục khẳng định định hướng lấy con người làm trọng tâm thông qua việc chủ động rà soát, cập nhật và linh hoạt hóa toàn diện hệ thống chính sách dành cho người lao động. Các chế độ, phúc lợi được điều chỉnh theo hướng thiết thực, kịp thời và phù hợp với bối cảnh mới, nhằm tăng cường động lực làm việc, củng cố sự gắn kết và đồng hành lâu dài giữa cán bộ nhân viên với Tổ chức .Bên cạnh việc duy trì hiệu quả các chương trình thăm hỏi, động viên đối với cán bộ nhân viên và gia đình trong những hoàn cảnh khó khăn, MB đã triển khai nhiều chính sách đãi ngộ mới và nâng cấp các chế độ hiện hữu. Đáng chú ý, năm 2025 lần đầu tiên MB áp dụng chính sách hỗ trợ chi phí hình ảnh cá nhân cho toàn thể cán bộ nhân viên nam và nữ, qua đó thể hiện định hướng bình đẳng và chuyên nghiệp hóa hình ảnh đội ngũ. Song song đó, MB tiếp tục thực hiện chương trình cam kết gắn bó - thưởng trước cam kết sau nhằm khích lệ tinh thần cống hiến và gắn bó với tổ chức. Trong năm qua, hệ thống đãi ngộ - phúc lợi liên tục được mở rộng: điều chỉnh tăng thêm các hạn mức quà tặng sinh nhật; nâng cao giá trị và quy mô chương trình khuyến học dành cho con em cán bộ nhân viên; mở rộng phạm vi và quyền lợi bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe cho người thân; đồng thời gia tăng mức quà các dịp dành cho trẻ em là con cán bộ nhân viên.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN · 2025

Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án

Các khoản đầu tư lớn

MB tiếp tục đầu tư xây dựng hạ tầng công nghệ hiện đại, ổn định nhằm đáp ứng trải nghiệm vượt trội cho hơn 35 triệu khách hàng. Nguồn lực được tập trung vào ba lĩnh vực chính: phát triển hạ tầng công nghệ, đào tạo đội ngũ nhân lực và triển khai các dự án tự động hóa. Đến năm 2025, MB sở hữu hơn 2.500 nhân sự công nghệ thông tin, chiếm hơn 15% tổng số nhân sự.

Ngân hàng đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng các công nghệ tiên tiến như RPA, Mbot, AI, Machine Learning và Deep Learning nhằm nâng cao hiệu quả vận hành và chất lượng phục vụ khách hàng. Các giải pháp như chatbot, callbot và hệ thống CRM hỗ trợ đội ngũ bán hàng trong chăm sóc và tư vấn khách hàng; trong khi đó, hệ thống OCR Center giúp tự động trích xuất dữ liệu từ hồ sơ, biểu mẫu, góp phần tăng tốc độ xử lý và giảm thiểu sai sót trong quy trình nghiệp vụ.

Trong năm 2025, MB không phát sinh các dự án được tài trợ bằng nguồn vốn lưu động từ việc chào bán chứng khoán.

- Hạ tầng công nghệ và ứng dụng công nghệ số
- Tiếp tục xây dựng công cụ tính toán các tiêu chuẩn theo Basel III như NSFR, LCR, công cụ tính vốn theo yêu cầu cho rủi ro thị trường
- Hoàn tất triển khai dự án tư vấn chuyển đổi hoạt động vận hành
- Dự án tư vấn xây dựng Khung Quản trị và Chính sách ESG

Kết quả kinh doanh của các công ty con, công ty liên kết

Thông tin cơ bản

Tên công ty	Mối quan hệ	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn điều lệ của công ty con	Tỷ lệ sở hữu của MB (%)
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB (MBCapital)	Công ty con	Tầng 12, Tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	Quản lý quỹ đầu tư, quản lý danh mục đầu tư, tư vấn đầu tư	356,17 tỷ đồng	90,77%
Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (MBS)	Công ty con	Tầng 7-8, Tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	Môi giới đầu tư & kinh doanh chứng khoán	6.587,27 tỷ đồng	66,76%
Ngân hàng Đại chúng TNHH MB Campuchia (MBCambodia)	Công ty con	Số 146, Đại lộ Preah Norodom, P. Tonle Basak,Q. Chamkar Mon, Phnom Penh, Campuchia	Ngân hàng thương mại	76.552.197 USD	100%
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội (MIC)	Công ty con	Tầng 5-6, Toà nhà MB, số 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	Kinh doanh bảo hiểm Phi nhân thọ	2.115 tỷ đồng	67,68%
Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng TMCP Quân đội (MBAMC)	Công ty con	175 Giảng Võ, Phường Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội	Quản lý nợ, tư vấn thẩm định và khai thác tài sản	665,9 tỷ đồng	100%
Công ty Tài chính Tín dụng Tiêu dùng TNHH MB Shinsei (MCredit)	Công ty con	Tầng 9, 10, 11, 12, Tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	Tài chính tiêu dùng	1.600 tỷ đồng	50%
Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện đại (MBV)	Công ty con	Tòa nhà số 3 Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Ngân hàng		100%
Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas (MB Life)	Công ty con	Tầng 15, Tòa nhà MB, số 21 Cát linh, Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội	Kinh doanh bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe và đầu tư tài chính	1.500 tỷ đồng	61%

Hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con và công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB

Mối quan hệ	Công ty con
Tình hình hoạt động	MB Capital là một trong số những Công ty quản lý quỹ đầu tiên tại Việt Nam được UBCKNN cấp phép hoạt động tất cả các nghiệp vụ dành cho công ty quản lý quỹ. Giai đoạn 2022 - 2026, MBCapital xác định những mục tiêu chiến lược quan trọng nhất là vươn lên Top 03 Công ty quản lý quỹ về hiệu quả hoạt động, Chuyển dịch số toàn diện trong kinh doanh và tăng cường mở rộng quy mô tài sản quản lý nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu đầu tư, ủy thác của khách hàng. Trong năm 2025, nhất quán với chiến lược kinh doanh, MBCapital đã triển khai thêm sản phẩm mới Sinh lời tự động (SLTĐ) nhằm đa dạng hóa danh mục sản phẩm cho khách hàng, qua đó đã thu hút hơn 75.000 nhà đầu tư, quy mô đạt hơn 3.800 tỷ. Song song đó, các quỹ mở cổ phiếu BMFF và MBVF cũng ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng so với thị trường. Hoạt động phân phối chứng chỉ Quỹ cổ phiếu, Quỹ trái phiếu được đẩy mạnh trên nền tảng trực tuyến, ngoài ra còn được phân phối thông qua các đối tác tin cậy như Digi Invest, Fincorp. Năm 2026, năm cuối cùng trong quá trình triển khai chiến lược giai đoạn 2022-2026, với mục tiêu "Tăng tốc – Vững chắc – Hiệu quả", Công ty sẽ tập trung triển khai huy động vốn và quản trị rủi ro hiệu quả, tăng cường phối hợp bán chéo trong hệ sinh thái MBGroup nhằm gia tăng giá trị tài sản quản lý, xây dựng thương hiệu trên thị trường với hình ảnh hệ sinh thái MB. Bên cạnh đó, Công ty cũng ưu tiên đầu tư nâng cấp hạ tầng, phấn đấu số hóa toàn diện, tăng trải nghiệm khách hàng, tối ưu hóa hoạt động quản trị, đáp ứng tốt hơn nữa kỳ vọng của các nhà đầu tư.
Tình hình tài chính	Tổng tài sản quản lý (AUM) cán mốc 15.000 tỷ đồng – con số cao nhất trong lịch sử hoạt động của Công ty.
Giải thưởng vinh danh	Công ty Quản lý quỹ tiêu biểu 2025 do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) trao tặng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB

Mối quan hệ	Công ty con
Tình hình hoạt động	MBS là một trong sáu công ty chứng khoán đầu tiên được thành lập trên thị trường chứng khoán Việt Nam với hơn 20 năm kinh nghiệm và phát triển. Từ năm 2022, MBS bắt đầu thực hiện Chiến lược phát triển mới giai đoạn 2022-2026 với tầm nhìn trở thành công ty chứng khoán có nền tảng giao dịch và chất lượng tư vấn tốt nhất Việt Nam, mục tiêu TOP 3 thị trường chứng khoán Việt Nam về hiệu quả hoạt động và TOP 5 thị phần môi giới. Năm 2025, MBS tiếp tục duy trì vị trí TOP 7 thị phần môi giới cổ phiếu trên HSX, TOP 5 thị phần môi giới cổ phiếu trên HNX. Với mục tiêu lấy khách hàng là trung tâm, MBS đã nỗ lực triển khai các giải pháp chuyển đổi số, đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng hoạt động kinh doanh, nâng cao trải nghiệm khách hàng, tăng số lượng tài khoản mở mới: Mobile App, webtrading, nâng cao năng lực hệ thống lõi… Bên cạnh đó, công tác bán chéo đa chiều trong MB Group cũng luôn được MBS đẩy mạnh nhằm cung cấp các sản phẩm toàn diện đến khách hàng. Năm 2026, năm cuối cùng trong quá trình triển khai chiến lược giai đoạn 2022-2026, MBS sẽ tiếp tục triển khai giải pháp thúc đẩy hoạt động kinh doanh lõi, đa dạng các nguồn thu song hành với quản trị rủi ro hiệu quả, tăng cường chuyển dịch số, nâng cao chất lượng dịch vụ và tiện ích cho khách hàng, quản trị rủi ro chặt chẽ, tiếp tục khẳng định uy tín, thương hiệu của MBS với đối tác và khách hàng.
Tình hình tài chính	TOP 7 thị phần môi giới cổ phiếu trên HSX. TOP 5 thị phần môi giới cổ phiếu trên HNX. LNTT 2025 đạt 1.415 tỷ đồng, tăng 52% so với 2024, đạt mức cao nhất trong lịch sử.
Giải thưởng vinh danh	TOP 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam 2025 do tạp chí Forbes vinh danh. Giải thưởng Sao Khuê dành cho MBS Mobile App. TOP 10 công ty có đóng góp lớn cho sự phát triển của HNX, doanh nghiệp niêm yết trên HNX thực hiện tốt quản trị công ty 2024-2025. Thành viên tiêu biểu trong hoạt động thanh toán giao dịch CK cơ sở/phái sinh/lưu ký chứng khoán của VSDC trao tặng.

CÔNG TY TÀI CHÍNH TÍN DỤNG TIÊU DÙNG TNHH MB SHINSEI

Mối quan hệ	Công ty con
Tình hình hoạt động	Gia nhập thị trường tài chính tiêu dùng từ năm 2016, Mcredit được thành lập trên cơ sở hợp tác liên doanh giữa Ngân hàng TMCP Quân đội và Ngân hàng SBI Shinsei Bank (Nhật Bản). Giai đoạn 2022 - 2026, Mcredit xác định một trong những mục tiêu chiến lược quan trọng nhất là vươn lên Top 1 về mặt hiệu quả, Top 2 về quy mô trong ngành tài chính tiêu dùng và phục vụ 8 - 10 triệu khách hàng. Với chiến lược kinh doanh "Khách hàng là trung tâm", đồng hành cùng khách hàng trong giai đoạn khó khăn, Mcredit liên tục đổi mới và cải tiến để cung cấp các giải pháp tài chính thuận tiện cho khách hàng bằng ứng dụng công nghệ số thông minh, chiến lược sản phẩm toàn diện và nâng cao trải nghiệm khách hàng. Tháng 11/2025, Mcredit đã được Fitch duy trì xếp hạng nhà phát hành dài hạn (Long-Term IDR) ở mức B+ với triển vọng "Ổn định", minh chứng cho năng lực quản trị rủi ro, chiến lược phát triển bền vững và sức bật chuyển đổi số của Mcredit, góp phần củng cố niềm tin của khách hàng, đối tác và nhà đầu tư trong nước cũng như quốc tế. Năm 2026 là năm cuối trong giai đoạn triển khai chiến lược 2022-2026, Mcredit tiếp tục kiên định các mục tiêu chiến lược với định hướng triển khai 6 chuyển dịch lớn bao gồm: Lấy khách hàng làm trung tâm; Chuyển đổi số, dữ liệu xuất sắc; Quản trị rủi ro và thu hồi nợ thông minh; Hiệp lực tập đoàn và đối tác chiến lược; Quản trị công ty tiên tiến để phát triển an toàn, hiệu quả và bền vững.
Tình hình tài chính	TOP 3 các Công ty tài chính tiêu dùng với dư nợ 29,8 nghìn tỷ, tăng 16% so với 2024.
Giải thưởng vinh danh	Giải thưởng "Đổi mới sáng tạo Kỹ thuật số ngành tài chính tiêu dùng Việt Nam 2025" – Tạp chí The Global Economics bình chọn. Top 100 nơi làm việc tốt nhất Việt Nam năm 2025 – Anphabe bình chọn Fitch Ratings xếp hạng tín nhiệm mức B+ cùng triển vọng "Ổn định". Bằng khen Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cá nhân và tập thể có thành tích xuất sắc giai đoạn 2020 – 2025.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM QUÂN ĐỘI

Mối quan hệ	Công ty con
Tình hình hoạt động	Năm 2025, kỷ niệm 18 năm hình thành và phát triển, MIC ghi nhận bước chuyển mình quan trọng trong mô hình quản trị và vận hành, tạo nền tảng cho bước bứt phá mạnh mẽ trong các năm tiếp theo. Mặc dù chịu ảnh hưởng của biến động thời tiết bất thường với nhiều đợt bão lũ gây thiệt hại nặng nề làm chi phí bồi thường tăng mạnh, MIC vẫn duy trì hiệu quả hoạt động, củng cố vị thế Top 4 thị trường bảo hiểm phi nhân thọ. Trong năm MIC cũng được tổ chức xếp hạng tín nhiệm hàng đầu thế giới AM Best công bố mức xếp hạng năng lực tài chính B++ (Tốt) và xếp hạng tín nhiệm phát hành dài hạn bbb (Tốt). Hệ sinh thái số của MIC tăng trưởng mạnh mẽ với hơn 3 triệu khách hàng giao dịch trên các nền tảng số như APP MIC, MiniApp…, góp phần đáng kể trong việc nâng cao trải nghiệm và gia tăng sự hài lòng của khách hàng. Song song với đó, hoạt động tái cấu trúc nghiệp vụ, tối ưu hóa quy trình và cải thiện năng suất lao động tiếp tục mang lại hiệu quả rõ rệt, củng cố nền tảng vận hành và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Đặc biệt, MIC là đơn vị đầu tiên trên thị trường xây dựng và triển khai thành công mô hình nền tảng công nghệ số chuyên biệt cho lực lượng bán hàng (MICPRO). Bước sang năm 2026, năm cuối cùng trong quá trình triển khai chiến lược giai đoạn 2022-2026, MIC sẽ tiếp tục tập trung vào tăng tốc số thông qua việc đầu tư mạnh mẽ vào hạ tầng công nghệ và giải pháp số hóa. Đồng thời, MIC sẽ đẩy mạnh hiệp lực Tập đoàn để khai thác hiệu quả hệ sinh thái MB. Với định hướng rõ ràng và nền tảng tăng trưởng bền vững, MIC sẵn sàng bước vào năm 2026 với tâm thế chủ động, đổi mới và bứt phá mạnh mẽ.
Tình hình tài chính	Top 4 thị trường Bảo hiểm phi nhân thọ với doanh thu phí bảo hiểm gốc đạt hơn 5.400 tỷ đồng, tăng 8% so với cùng kỳ 2024.
Giải thưởng vinh danh	Giải thưởng Sao Khuê 2025 Top 10 Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ uy tín năm 2025 Top 10 Doanh nghiệp Đổi mới sáng tạo và Kinh doanh hiệu quả năm 2025 ngành Bảo hiểm

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ MB AGEAS

Mối quan hệ	Công ty con
Tình hình hoạt động	Gia nhập thị trường bảo hiểm nhân thọ Việt Nam từ năm 2016, MB Life được thành lập trên cơ sở hợp tác liên doanh giữa Ngân hàng TMCP Quân đội, Tập đoàn bảo hiểm Ageas đến từ Vương quốc Bỉ và Muang Thai Life Assurance (MTL) của Thái Lan. Giai đoạn 2022 - 2026, MB Life xác định tầm nhìn chiến lược trở thành Doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ được tin yêu nhất, TOP 5 thị trường về doanh thu khai thác mới, TOP 3 về hiệu quả hoạt động. Trong năm 2025, MBAL chính thức đổi tên thương hiệu thành MB Life, việc tái định vị này nhằm hội nhập vào hệ sinh thái số của MB, nâng cao trải nghiệm khách hàng và đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực bảo hiểm. Về sản phẩm, MB Life đã ra mắt 04 sản phẩm mới và 04 combo sản phẩm chuyên biệt theo kênh và chân dung khách hàng, đáp ứng nhu cầu kinh doanh và tuân thủ quy định pháp luật thay đổi từ 01/07/2025. Về mặt vận hành và hệ thống, 100% luồng bán hàng mới được MB Life triển khai thực hiện thống nhất trên nền tảng ứng dụng và Core bảo hiểm mới, nâng cao tỷ lệ số hóa và tự động hóa lên gần 80%, ngoài ra MB Life triển khai hoạt động Chăm sóc Khách hàng "9 năm Hành trình hạnh phúc" trên toàn hành trình từ bán mới tới các hoạt động sau bán trong thời gian hiệu lực hợp đồng. Năm 2026, MB Life đặt mục tiêu tăng trưởng nhanh, an toàn trong đó tập trung đẩy mạnh doanh thu khai thác mới, đầu tư năng lực công nghệ thông tin tăng tốc chuyển dịch số có chất lượng, ưu tiên nguồn lực cho các động lực phát triển bền vững, các nền tảng kinh doanh số tập trung vào chất lượng dịch vụ khách hàng, gia tăng trải nghiệm đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng, tăng trưởng quy mô song hành với quản trị hiệu quả hướng đến kỷ niệm 10 năm thành lập MB Life.
Tình hình tài chính	TOP 6 về doanh thu phí bảo hiểm khai thác mới TOP 1 về Bancassurance Tổng quy mô tái đầu tư vào nền kinh tế đạt gần 14.000 tỷ đồng
Giải thưởng vinh danh	Top 100 Nơi làm việc Tốt nhất Việt Nam – Khối Doanh nghiệp vừa, Top 10 Nơi làm việc tốt nhất ngành Bảo hiểm. Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam Top 10 ESG Việt Nam Xanh 2025 - Ngành bảo hiểm. Giải thưởng Rồng vàng năm 2025, Top 30 doanh nghiệp FDI tiêu biểu, đạt giải thưởng 03 năm liên tiếp. Top 10 Doanh nghiệp tạo giá trị hàng đầu Việt Nam 2025 - Ngành Bảo hiểm (Value10).

NGÂN HÀNG ĐẠI CHÚNG TNHH MB CAMPUCHIA

Mối quan hệ	Công ty con
Tình hình hoạt động	Năm 2025 là năm thứ ba đi vào hoạt động của MBCambodia sau khi được chuyển đổi từ Chi nhánh thành Ngân hàng 100% vốn của MB tại Campuchia. Sau ba năm chuyển đổi, Công ty đã từng bước kiện toàn cơ cấu tổ chức và khung pháp lý hoạt động, vận hành ổn định và làm chủ hệ thống công nghệ thông tin lõi, hướng tới cung cấp sản phẩm dịch vụ thuận tiện cho người dùng. Với mục tiêu trở thành Ngân hàng thương mại hoạt động hiệu quả và thuận tiện cho khách hàng, MBCambodia tiếp tục tập trung hoàn thiện và phát triển các tính năng mới trên App Mobile, nâng cao trải nghiệm khách hàng, thu hút được gần 63.000 khách hàng cá nhân trên kênh số đến hết năm 2025. Năm 2026, MBCambodia tiếp tục triển khai các định hướng kinh doanh chính bao gồm: Tăng trưởng tín dụng bền vững, có chọn lọc, tăng cường quản trị rủi ro, kiểm soát chất lượng danh mục; Triển khai các mô hình huy động vốn hiệu quả, các sản phẩm, dịch vụ tài trợ thương mại nhằm gia tăng tỷ trọng thu ngoài lãi; Tiếp tục tập trung nguồn lực triển khai các mô hình bán mới trong đó ưu tiên phát triển kênh số; Nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin, chuẩn hóa quy trình, đảm bảo tính đồng bộ và an toàn của hệ thống, phục vụ tối ưu nhu cầu kinh doanh và quản trị.
Tình hình tài chính	Tăng trưởng vượt trội về quy mô dư nợ và huy động. Tổng dư nợ đạt 338 triệu USD, tăng 28% so với cùng kỳ; Tổng huy động vốn đạt ~345,5 triệu USD, tăng 28% so với cùng kỳ.
Giải thưởng vinh danh	Ngân hàng bán lẻ quy mô vừa của năm do Tạp chí Ngân hàng tài chính Châu Á bình chọn.

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ NỢ VÀ KHAI THÁC TÀI SẢN NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI

MBAMC

Mối quan hệ	Công ty con
Tình hình hoạt động	Với tầm nhìn chiến lược 2022-2026 "Trở thành "Công ty AMC số 1 tại Việt Nam" và là đơn vị cung cấp giải pháp, dịch vụ xuất sắc nhất cho MB Group; năm 2025 AMC tiếp tục giữ vững vai trò là một khâu quan trọng trong quy trình tín dụng của MB, cung cấp các sản phẩm và dịch vụ chuyên nghiệp, góp phần hỗ trợ phát triển kinh doanh và ngăn ngừa rủi ro cho hệ thống MB với doanh số xử lý nợ cho MB năm 2025 tăng trưởng 34% so với cùng kỳ. Ngoài ra, trong năm 2025 AMC cũng đã triển khai nhiều giải pháp kinh doanh đồng bộ, linh hoạt nhằm tối ưu hóa nguồn lực, rút ngắn thời gian xử lý và nâng cao hiệu quả thu hồi nợ. Năm 2026, năm cuối cùng trong quá trình triển khai chiến lược giai đoạn 2022-2026, Công ty đặt mục tiêu tăng trưởng toàn diện và bền vững, tập trung vào hoạt động kinh doanh lõi gồm xử lý nợ và quản lý, khai thác tài sản với 02 nền tảng: Nền tảng số & Quản trị rủi ro tiên tiến; Trọng tâm vào 04 chuyển dịch then chốt: Chuyển dịch số toàn diện, Quản trị rủi ro tiên tiến, Nâng cao năng lực quản trị, Nâng cao chất lượng dịch vụ các hoạt động kinh doanh. Bên cạnh đó, Công ty thực hiện hoàn thành việc tái cơ cấu để đảm bảo tuân thủ thông tư mới của Ngân hàng nhà nước về hoạt động của công ty con, công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản.
Tình hình tài chính	Hoàn thành mục tiêu thu hồi nợ và đảm bảo kiểm soát tỷ lệ NPLs toàn Ngân hàng 1,1%, đảm bảo kế hoạch được ĐHCĐ MB giao 2025.
Giải thưởng vinh danh	MBAMC đạt thành tích xuất sắc góp phần hoàn thành nhiệm vụ ngân hàng năm 2022-2023 do Thống đốc ngân hàng nhà nước trao tặng.

NGÂN HÀNG TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIỆT NAM HIỆN ĐẠI

MBV

Mối quan hệ	Công ty con
Tình hình hoạt động	Ngày 17/10/2024, Ngân hàng Thương mại TNHH một thành viên Đại Dương (nay là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Việt Nam Hiện đại) đã được NHNN phê duyệt quyết định về việc chuyển giao bắt buộc cho MB. Sau khi nhận CGBB, MB đã cử gần 200 nhân sự sang MBV nắm giữ các vị trí chủ chốt, hỗ trợ MBV kiện toàn mô hình tổ chức, hoàn thiện khung pháp lý hoạt động, triển khai các hệ thống CNTT trọng yếu đảm bảo kinh doanh liên tục. Trong năm, MBV cũng đã hoàn thành chuyển trụ sở về Hà Nội và ra mắt thương hiệu mới. Sự ra đời của MBV là cột mốc quan trọng trong hành trình phát triển của MB Group, khẳng định cho tinh thần đổi mới và sứ mệnh mang lại giá trị vượt trội cho khách hàng. MBV - một ngân hàng hiện đại sẽ được phát triển dựa trên nền tảng chiến lược ngân hàng số, thể hiện tầm nhìn dài hạn của MB Group, mang tinh thần đổi mới, sáng tạo, với kỳ vọng kế thừa và mở rộng những giá trị nổi bật mà MB Group đã xây dựng trong hơn 30 năm qua. MBV sẽ tận dụng tối đa nguồn lực từ MB Group để mang đến các sản phẩm và dịch vụ tài chính toàn diện, đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng. Không chỉ dừng lại ở việc kế thừa giá trị, MBV còn hướng đến việc tạo dựng tương lai tài chính bền vững, với trọng tâm là khách hàng trẻ và các doanh nghiệp đổi mới sáng tạo. MBV xác định tầm nhìn là trở thành một ngân hàng hiện đại, ứng dụng công nghệ để mang đến những giải pháp tài chính cá nhân hóa có hàm lượng công nghệ cao, giúp khách hàng không chỉ quản lý tài chính hiệu quả mà còn tự tin chinh phục mọi giới hạn.
Tình hình tài chính	Ngân hàng TNHH Một thành viên Việt Nam Hiện đại hoạt động kinh doanh có lãi ngay từ năm đầu tiên sau CGBB, tuân thủ đúng nội dung phương án CGBB đã được phê duyệt.

Tình hình tài chính của MB năm 2025

Tình hình tài chính của MB trong năm 2025

Đơn vị: tỷ VND

Chỉ tiêu	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	Đánh giá so với thực hiện 2024 % Tăng/(Giảm)	Đánh giá so với kế hoạch
Tổng Tài sản	1.128.801	Tăng ~20-22%	1.615.764	43,1%	Vượt kế hoạch
Vốn điều lệ	53.063	81.368	80.550	51,8%	Thực hiện phù hợp theo các phương án được ĐHĐCĐ thông qua
Tổng thu nhập hoạt động	55.413		67.693	22,2%	
Huy động vốn (Bao gồm CCTG)	805.647	Tăng trưởng ~21,2%	1.062.198	31,8%	Vượt kế hoạch
Dư nợ tín dụng (gồm Dư nợ & TPDN & Mua nợ)	811.142	Tăng trưởng ~23,7%	1.109.895	36,8%	Vượt kế hoạch
Lợi nhuận trước thuế	28.829	Tăng 10%	34.268	18,9%	Vượt kế hoạch
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	5.878		6.885	17,1%	
Lợi nhuận sau thuế	22.951		27.383	19,3%	
ROE (%)	21,5	20-22	21,1		Hoàn thành kế hoạch
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1,6	≤1,7	1,3		Hoàn thành kế hoạch
Tỷ lệ CAR (%)	11,8	Tối thiểu 9% (tuân thủ Basel II)	11,0		Hoàn thành kế hoạch
Tỷ lệ đóng góp CTTV (%)	7,2	9,2			

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của MB trong năm 2025

Đơn vị: tỷ VND

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% Tăng/(Giảm)
1. Quy mô tài sản và nguồn vốn			
- Vốn điều lệ	53.063	80.550	51,8%
- Vốn chủ sở hữu	117.060	142.023	21,3%
- Tổng Tài sản	1.128.801	1.615.764	43,1%
- Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)	11,8%	11,0%	(6,3%)
2. Kết quả hoạt động kinh doanh			
- Huy động vốn (bao gồm CCTG)	805.647	1.062.198	31,8%
- Tổng dư nợ tín dụng (Gồm Dư nợ & TPDN & Mua nợ)	811.142	1.109.895	36,8%
- Nợ quá hạn	24.782	24.238	(2,2%)
- Nợ xấu	12.585	14.027	11,5%
- Tỷ lệ bao phủ nợ xấu	92,2%	93,7%	1,6%
- Tỷ lệ nợ quá hạn / Tổng dư nợ	3,2%	2,2%	(30%) Tích cực
- Tỷ lệ nợ xấu / Tổng dư nợ	1,6%	1,3%	(20%) Tích cực
3. Hiệu quả kinh doanh			
- Doanh thu	55.413	67.693	22,2%
- Thu nhập lãi thuần	41.152	51.610	25,4%
- Tỷ lệ thu nhập lãi thuần (NIM)	4,2%	3,9%	(7,1%)
- Chi phí vốn (COF)	3,2%	3,2%	0%
- Tỷ lệ chi phí hoạt động trên tổng thu nhập hoạt động (CIR)	30,7%	29,1%	(5,3%)
- Chi phí dự phòng/Doanh thu	17,3%	20,3%	17,5%
- Tỷ lệ lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA)	2,2%	2,0%	(9,9%)
- Tỷ lệ lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE)	21,5%	21,1%	(1,6%)
4. Các chỉ tiêu thanh khoản			
- Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	13,5%	15,5%	14,8%
- Tỷ lệ tổng dư nợ cho vay trên nguồn vốn huy động (LDR)	81,1%	80%	(1,3%)
- Tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn	26,9%	25,7%	(4,4%)
5. Cổ phiếu			
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	2.589	3.325	28,4%
- Hệ số giá trên lợi nhuận (P/E)	5,8	7,6	31%
- Giá trị sổ sách của một cổ phiếu (BVPS)	22.060	16.900	(23,3%)
- Hệ số giá/giá trị sổ sách (P/B)	1,1	1,5	36,3%

Đánh giá về tình hình tài chính của MB năm 2025

Tổng tài sản

↑ 43%

Vốn chủ sở hữu

↑ 21%

Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) đạt

11,0%

Kết thúc năm 2025, mặc dù thị trường tài chính gặp nhiều diễn biến khó lường, MB vẫn tiếp tục duy trì được đà tăng trưởng mạnh mẽ ở tất cả các chỉ tiêu quan trọng. Cụ thể:

Đối với các chỉ tiêu quy mô, tổng tài sản năm 2025 tăng hơn 43%, vượt kế hoạch đề ra, chủ yếu nhờ tăng trưởng tín dụng đạt 37%. Vốn chủ sở hữu tăng 21%, trong đó nổi bật là sự tăng trưởng 52% của vốn điều lệ thông qua hoạt động chia cổ tức trong năm. Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) hợp nhất đạt 11,0%, cao hơn mức yêu cầu và bảo đảm tuân thủ tiêu chuẩn Basel II. Các kết quả này cho thấy nền tảng vốn của Ngân hàng tiếp tục được củng cố vững chắc, tạo dư địa cho tăng trưởng bền vững.

Đối với các chỉ tiêu kết quả hoạt động kinh doanh: Huy động vốn tăng trưởng 32%, đạt mức 1.062 nghìn tỷ đồng hoàn toàn đáp ứng được nhu cầu sử dụng vốn và hoàn thành kế hoạch đặt ra với sự tăng trưởng tích cực từ mảng KHCN (+23%) và KHDN (+37%). Tổng tín dụng tăng trưởng mạnh mẽ theo phân bổ của NHNN với mức tăng trưởng 37%, đạt mốc 1.110 nghìn tỷ đồng, nhờ sự bứt tốc mạnh mẽ từ cả 2 phân khúc KHDN (+45%) và phân khúc KHCN (+32%). Trong đó, tỷ lệ nợ xấu được kiểm soát chặt chẽ, ở mức 1,3%, vượt kế hoạch được giao (<1,7%). Ngoài ra, tỷ lệ nợ quá hạn giảm mạnh 1% do chất lượng tài sản của MB đã được cải thiện đáng kể trong năm 2025.

Đối với các chỉ tiêu hiệu quả kinh doanh, năm 2025 MB ghi nhận lợi nhuận trước thuế tăng 19%, vượt mức kế hoạch 10% đã đề ra. Tổng thu nhập hoạt động tăng 22%, trong đó thu nhập lãi thuần tăng 25% và thu phí thuần tăng 51%, phản ánh động lực tăng trưởng đến từ cả hoạt động tín dụng và dịch vụ. Chi phí hoạt động được kiểm soát chặt chẽ, chỉ tăng 16%, qua đó giúp tỷ lệ Chi phí hoạt động/Thu nhập hoạt động (CIR) tiếp tục được tối ưu, duy trì ở mức 29,1%, cải thiện so với năm trước. Chi phí vốn (COF) ổn định quanh mức 3,2%, gần như không thay đổi so với năm 2024, nhờ sự tăng trưởng mạnh mẽ của nguồn vốn CASA trên 24% trong năm. Các chỉ số sinh lời như NIM, ROE và ROA có điều chỉnh giảm nhẹ do xu hướng chung của toàn ngành và việc Ngân hàng chủ động triển khai nhiều chương trình giảm lãi suất hỗ trợ khách hàng. Tuy nhiên, ROE và ROA vẫn hoàn thành kế hoạch được giao và tiếp tục nằm trong nhóm dẫn đầu ngành ngân hàng, khẳng định hiệu quả hoạt động và năng lực quản trị vượt trội của MB.

Đối với các chỉ tiêu an toàn thanh khoản và an toàn vốn: Tỷ lệ Tổng dư nợ cho vay/nguồn vốn huy động (LDR) đạt 80%, ở ngưỡng hoàn hảo cho MB trong việc vừa đảm bảo hoạt động kinh doanh tạo ra lợi nhuận vừa kiểm soát được rủi ro thanh khoản. Tỷ lệ vốn ngắn hạn/cho vay trung và dài hạn được duy trì ở mức 25,7%, tiếp tục cải thiện so với năm ngoái và hoàn toàn tuân thủ các giới hạn mà NHNN đã đề ra.

Cổ phiếu: Các chỉ tiêu tài chính trên mỗi cổ phần tiếp tục duy trì ở mức tích cực. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) duy trì ở mức cao qua các năm, phản ánh hiệu quả kinh doanh bền vững và năng lực tạo lợi nhuận của Ngân hàng. Đồng thời, các hệ số định giá như P/E và P/B hiện đang ở vùng hấp dẫn so với mặt bằng chung của ngành ngân hàng cũng như toàn thị trường.

Nhóm chỉ tiêu chính

Tổng tài sản

Tính đến thời điểm báo cáo, tổng tài sản của MB đạt 1.616 nghìn tỷ đồng, duy trì tốc độ tăng trưởng ấn tượng với CAGR 31% trong giai đoạn ba năm gần đây. Riêng năm 2025, tổng tài sản tăng trưởng 43%, vượt gấp đôi so với kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua (20-22%), tiếp tục khẳng định năng lực mở rộng quy mô và vị thế của Ngân hàng trên thị trường. Cơ cấu tài sản tiếp tục được tái cấu trúc theo hướng an toàn và bền vững. Tỷ trọng tài sản sinh lời được cải thiện rõ rệt, trong đó dư nợ cho vay khách hàng tăng dần và đóng vai trò chủ đạo, trong khi tỷ trọng đầu tư trái phiếu doanh nghiệp và các tài sản khác được điều chỉnh giảm phù hợp với định hướng quản trị rủi ro và tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn.

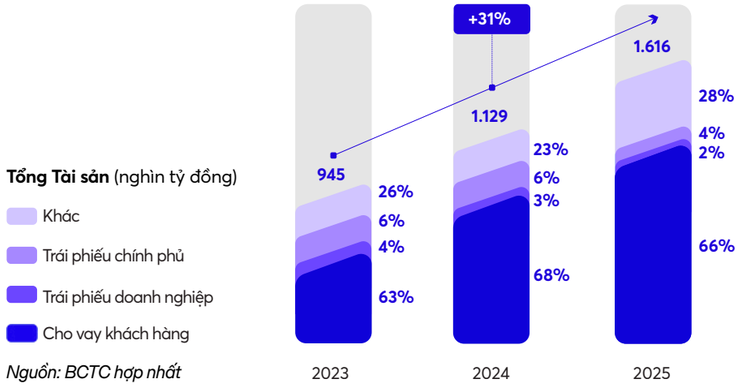

Nguồn: BCTC hợp nhất

Nguồn vốn

Nguồn vốn của MB tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực, đáp ứng kịp thời nhu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh và đảm bảo các chỉ tiêu an toàn theo quy định. Cơ cấu nguồn vốn có sự chuyển dịch theo hướng bền vững, tăng trưởng tốt ở cả hai phân khúc KHDN và KHCN. Kết quả này phản ánh hiệu quả trong chiến lược đa dạng hóa cơ sở khách hàng, đồng thời góp phần tối ưu hóa chi phí vốn của Ngân hàng.

Trong cơ cấu huy động từ khách hàng, tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn (CASA) tiếp tục được duy trì ở mức cao, thuộc nhóm dẫn đầu ngành. Năm 2025, quy mô CASA đạt 348 nghìn tỷ đồng, tăng 67 nghìn tỷ đồng so với cuối năm 2024. Nhờ đó, MB tiếp tục giữ vững vị thế số 1 về tỷ lệ CASA trên tổng huy động khách hàng, qua đó giảm đáng kể chi phí vốn và nâng cao hiệu quả hoạt động. Nền tảng vốn chi phí thấp và ổn định không chỉ củng cố lợi thế cạnh tranh của Ngân hàng mà còn tạo dư địa để triển khai các chương trình giảm lãi suất, phí nhằm hỗ trợ khách hàng theo định hướng của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước.

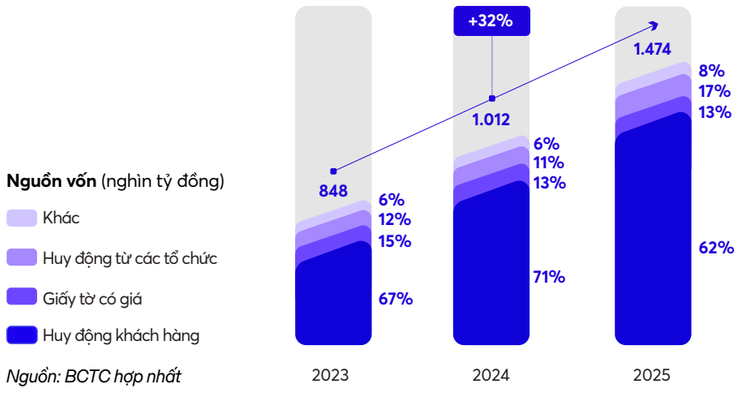

Nguồn: BCTC hợp nhất

Tổng tín dụng

Tính đến cuối năm 2025, dư nợ tín dụng của MB đạt 1.110 nghìn tỷ đồng, duy trì tốc độ tăng trưởng cao với CAGR 35% trong giai đoạn ba năm gần đây. Riêng năm 2025, tín dụng tăng trưởng 37%, phản ánh năng lực mở rộng quy mô hoạt động và khả năng đáp ứng hiệu quả nhu cầu vốn của nền kinh tế, trong đó dư nợ cho vay khách hàng tiếp tục đóng vai trò chủ lực.

Cơ cấu tín dụng ghi nhận sự tăng trưởng nổi bật ở phân khúc khách hàng doanh nghiệp (KHDN), với mức tăng 45% trong năm 2025, chiếm tỷ trọng 55% tổng dư nợ. Kết quả này cho thấy Ngân hàng đã chủ động nắm bắt cơ hội từ các doanh nghiệp có nền tảng tài chính vững mạnh, năng lực cạnh tranh cao và khả năng thích ứng tốt trước bối cảnh kinh tế còn nhiều thách thức.

Đối với phân khúc khách hàng cá nhân (KHCN), tỷ trọng trong cơ cấu cho vay có điều chỉnh giảm nhẹ trong năm 2025. Tuy nhiên, Ban Lãnh đạo Ngân hàng tiếp tục khẳng định KHCN là một trong những ưu tiên chiến lược dài hạn. Việc tập trung gia tăng dư nợ đối với nhóm khách hàng doanh nghiệp lớn, có tiềm lực tài chính tốt, đồng thời đẩy mạnh khai thác khách hàng theo hệ sinh thái, được xem là bước đi chiến lược phù hợp trong bối cảnh kinh tế nhiều biến động. Định hướng này không chỉ góp phần kiểm soát rủi ro mà còn tạo nền tảng để Ngân hàng phát triển bền vững và mở rộng cơ hội kinh doanh trong các giai đoạn tiếp theo.

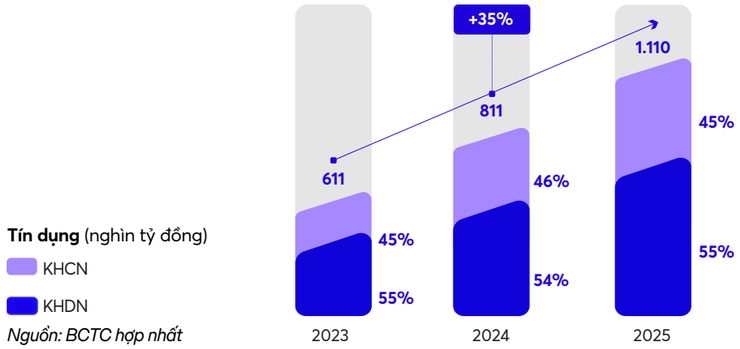

Nguồn: BCTC hợp nhất

Tỷ lệ nợ xấu

Tỷ lệ nợ xấu của MB tiếp tục được kiểm soát chặt chẽ ở mức 1,3% tại thời điểm cuối năm 2025, giảm đáng kể so với mức 1,6% của năm 2024. Kết quả này phản ánh hiệu quả trong công tác quản trị rủi ro, thẩm định tín dụng và giám sát sau cho vay, trong bối cảnh môi trường kinh tế vẫn tiềm ẩn nhiều thách thức.

Với mức thực hiện này, Ngân hàng không chỉ duy trì chất lượng tài sản ở ngưỡng an toàn mà còn hoàn thành vượt kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông giao (kiểm soát dưới 1,7%). Việc cải thiện tỷ lệ nợ xấu đã góp phần củng cố nền tảng tài chính, nâng cao năng lực chống chịu rủi ro và tạo dư địa cho tăng trưởng tín dụng bền vững trong các giai đoạn tiếp theo.

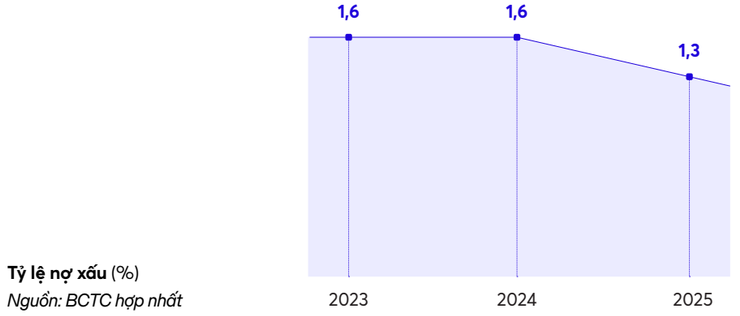

Nguồn: BCTC hợp nhất

Huy động

Tính đến cuối năm 2025, tổng huy động vốn của MB đạt 1.062 nghìn tỷ đồng, duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định với CAGR 26% trong giai đoạn ba năm gần đây. Riêng năm 2025, quy mô huy động tăng 32%, bảo đảm đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng vốn cho hoạt động tín dụng, đầu tư và các mục tiêu tăng trưởng của Ngân hàng.

Cơ cấu huy động tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực, trong đó huy động từ KHDN gia tăng cả về quy mô và tỷ trọng, đạt mức 38% tổng huy động trong năm 2025. Kết quả này cho thấy MB đã khai thác hiệu quả hệ sinh thái khách hàng doanh nghiệp, đồng thời phát huy sự gắn kết giữa hai mảng kinh doanh cốt lõi là huy động và tín dụng. Việc gia tăng tỷ trọng tiền gửi KHDN không chỉ góp phần củng cố nền tảng nguồn vốn ổn định mà còn tạo điều kiện thuận lợi để Ngân hàng mở rộng quan hệ hợp tác toàn diện với khách hàng trong hệ sinh thái.

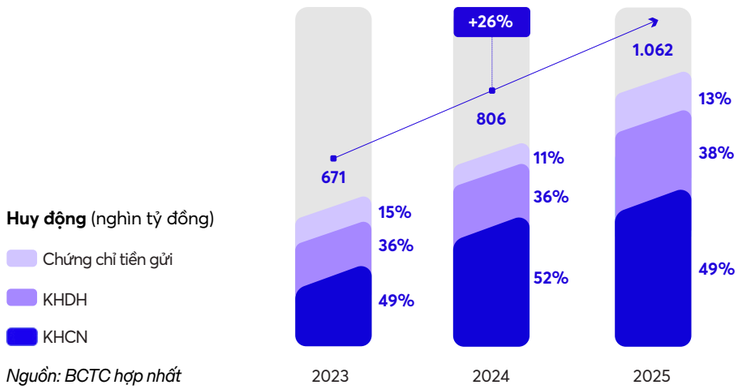

CASA

Tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn (CASA) trên tổng tiền gửi khách hàng của MB tiếp tục duy trì vị thế dẫn đầu trong ngành ngân hàng. Tính đến hết năm 2025, mặc dù tỷ lệ CASA có điều chỉnh giảm nhẹ so với các năm trước theo xu hướng chung của thị trường, Ngân hàng vẫn ghi nhận mức 38%, thuộc nhóm cao nhất toàn ngành. Về quy mô, số dư CASA đạt hơn 348 nghìn tỷ đồng vào cuối năm 2025, với tốc độ tăng trưởng bình quân (CAGR) trong ba năm gần nhất đạt 23%. Nền tảng CASA bền vững đã góp phần quan trọng trong việc tối ưu hóa chi phí vốn, nâng cao hiệu quả hoạt động và củng cố lợi thế cạnh tranh của Ngân hàng.

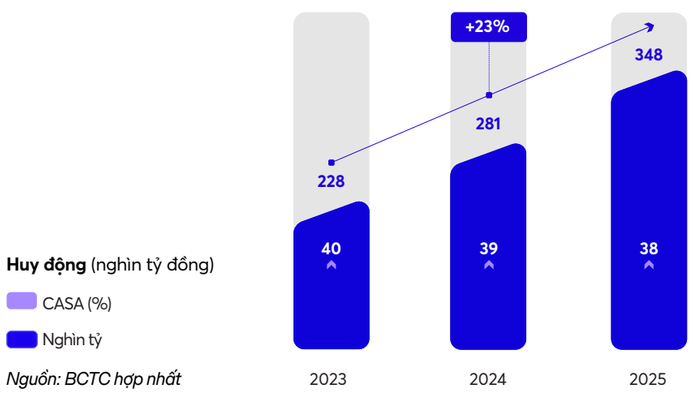

Thu nhập hoạt động

Tổng thu nhập hoạt động của ngân hàng năm 2025 đạt 67,7 nghìn tỷ VNĐ, tăng trưởng 22% so với 2024, phản ánh đà tăng trưởng tích cực và hiệu quả trong việc mở rộng quy mô kinh doanh cũng như tối ưu hóa nguồn thu. Trong đó nguồn thu từ phí dịch vụ đạt 6,6 nghìn tỷ, tương đương tăng trưởng 51% với sự đóng góp lớn của thu nhập từ Bảo hiểm, Thanh toán và Ngân quỹ.

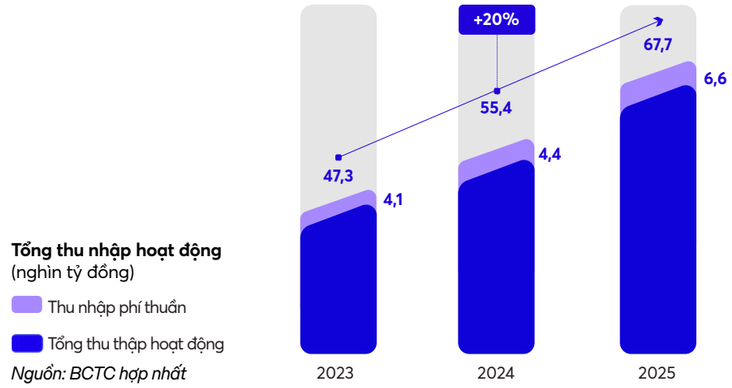

Thu nhập phí dịch vụ

Thu nhập phí dịch vụ thuần 2025 đạt 6,6 nghìn tỷ, bứt tốc mạnh mẽ trong năm 2025, trong đó thanh toán ngân quỹ và bảo hiểm vẫn đóng góp tỷ trọng lớn trong tổng thu phí (gần 80%).

Phân tích chi tiết về doanh thu phí, doanh thu phí Bảo hiểm đạt hơn 9,3 nghìn tỷ, tăng trưởng 11%; thu Thanh toán và ngân quỹ đạt gần 4,6 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng 37%; thu từ Môi giới chứng khoán đạt 923 tỷ ~ tăng trưởng 47%. Thu từ dịch vụ Tư vấn tăng trưởng hơn 257%, đạt hơn 1.000 tỷ đồng. Ngoài ra, thu từ xử lý nợ, thẩm định giá và khai thác tài sản giảm 14%, đạt hơn 427 tỷ đồng; thu phí khác tăng trưởng hơn 30% đạt gần 1,8 nghìn tỷ đồng.

Về phần chi, chi cho Bảo hiểm đạt hơn 6,3 nghìn tỷ đồng, tăng nhẹ 2%; chi cho thanh toán và ngân quỹ đạt hơn 2,7 nghìn tỷ đồng, tăng 19%; chi hoa hồng môi giới đạt hơn 1,6 nghìn tỷ đồng, tăng 61%; chi về xử lý nợ, thẩm định giá và khai thác tài sản ở mức gần 327 tỷ đồng, giảm 26%; chi cho môi giới chứng khoán đạt 226 tỷ đồng, mức tăng 37%; chi cho nghiệp vụ ủy thác và đại lý đạt hơn 22 tỷ đồng, tăng 27%; chi các dịch vụ khác đạt gần 224 tỷ đồng, tăng 82% so với năm 2024.

Cơ cấu doanh thu phí

Nguồn: BCTC hợp nhất

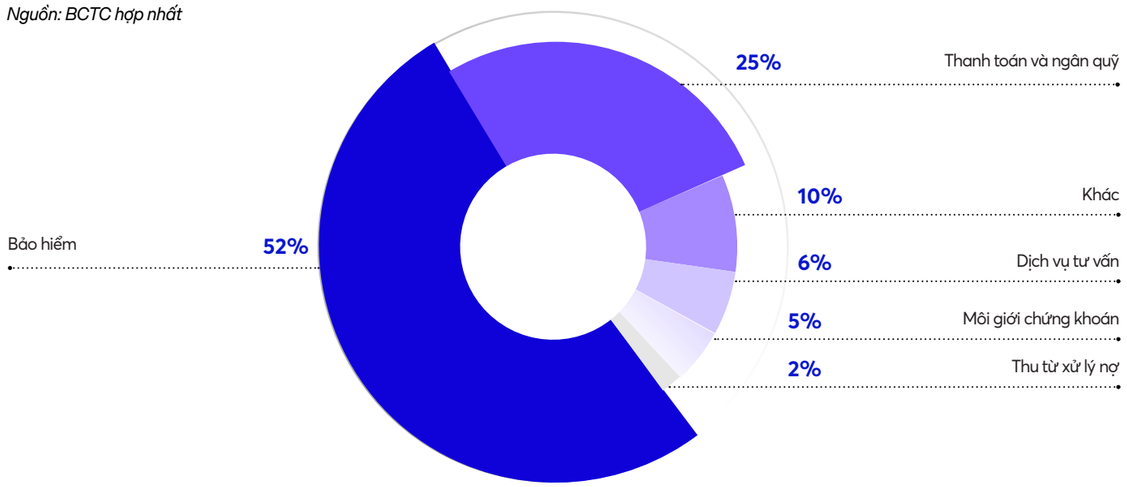

Lợi nhuận trước thuế

Năm 2025, lợi nhuận trước thuế của MB đạt hơn 34,3 nghìn tỷ đồng, tiếp tục duy trì đà tăng trưởng ổn định và bền vững trong bối cảnh môi trường kinh doanh còn nhiều thách thức. Tính chung giai đoạn ba năm gần đây, lợi nhuận trước thuế ghi nhận tốc độ tăng trưởng bình quân (CAGR) đạt 14%, phản ánh năng lực điều hành hiệu quả, chiến lược kinh doanh linh hoạt và nền tảng tài chính vững chắc của Ngân hàng.

Riêng năm 2025, lợi nhuận trước thuế tăng trưởng 19%, vượt gần gấp đôi so với kế hoạch 10% được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

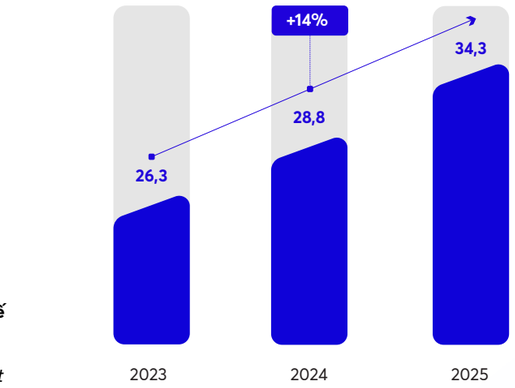

Lợi nhuận trước thuế (nghìn tỷ đồng)

Nguồn: BCTC hợp nhất

Tỷ lệ chi phí hoạt động trên tổng thu nhập hoạt động (CIR)

Tỷ lệ chi phí hoạt động/thu nhập hoạt động (CIR) được cải thiện qua từng năm và luôn đứng trong nhóm dẫn đầu các ngân hàng về quản lý tốt chi phí hoạt động. Đặc biệt CIR của riêng ngân hàng mẹ giảm mạnh trong năm 2025, đạt mức 26%, trở thành một trong những ngân hàng hàng đầu trong việc quản lý chi phí hoạt động.

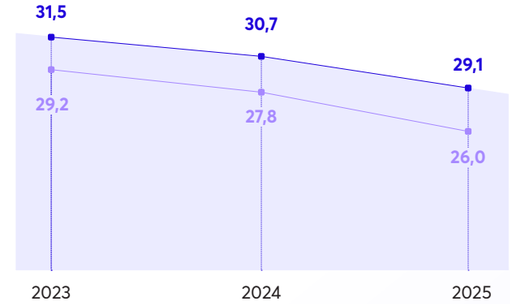

CIR (%)
Riêng lẻ
Hợp nhất
Nguồn: BCTC hợp nhất

Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của ngân hàng cuối năm 2025 đạt 142 nghìn tỷ, tăng 21% so với 2024, trong đó vốn điều lệ đạt 81 nghìn tỷ, tăng 52% so với năm ngoái.

Trong 3 năm qua, nguồn vốn chủ sở hữu của ngân hàng tăng trưởng bình quân (CAGR) đạt 21%, qua đó giúp ngân hàng duy trì tích cực các chỉ số quản trị theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, hoạt động ổn định và an toàn.

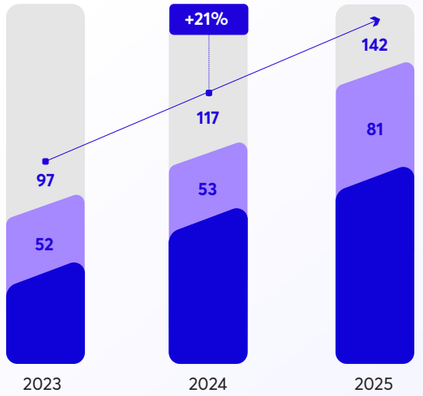

Vốn chủ sở hữu (nghìn tỷ đồng)
Vốn điều lệ
Vốn chủ sở hữu
Nguồn: BCTC hợp nhất

Tỷ lệ an toàn vốn CAR

Tỷ lệ an toàn vốn CAR (Basel II) luôn được kiểm soát ở mức cao hơn so với quy định của Ngân hàng Nhà nước. Năm 2025, CAR hợp nhất đạt 11,0% vượt kế hoạch đề ra. Phần lớn cơ sở vốn là cấp 1 (chiếm 89% vốn tự có), do đó ngân hàng duy trì dư địa lớn để huy động vốn cấp 2 khi cần thiết. Những yếu tố này tạo sự chủ động và hỗ trợ tích cực cho chiến lược vốn của ngân hàng.

Chỉ số ROE và ROA

Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) của MB tiếp tục duy trì trong nhóm dẫn đầu toàn ngành ngân hàng. Năm 2025, ROE đạt 21,1%, hoàn thành kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông giao, khẳng định hiệu quả trong việc sử dụng nguồn vốn của cổ đông và năng lực tạo lợi nhuận bền vững của ngân hàng.

Bên cạnh đó, tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA) đạt 2,0%, hoàn thành kế hoạch đề ra và cũng thuộc nhóm cao nhất trên thị trường. Kết quả này phản ánh khả năng quản trị tài sản hiệu quả, cơ cấu danh mục hợp lý và chất lượng tài sản ở mức cao.

Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ phần

CỔ PHẦN	
Chỉ tiêu	**31/12/2025**
Tổng số cổ phiếu phổ thông	8.054.999.909
Tổng số cổ phần đang lưu hành (Đơn vị tính: cổ phần)	8.054.999.909
Giá cổ phiếu tại thời điểm cuối năm (Đơn vị tính: VND)	25.300
Tổng khối lượng giao dịch trong năm 2025	6.439.445.100
Giá trị vốn hóa thị trường (Đơn vị tính: VND)	203.800.000.000.000

Danh sách các tổ chức/cá nhân sở hữu từ 1% vốn cổ phần trở lên tại ngày 31/12/2025

Tên tổ chức / cá nhân sở hữu từ 1% vốn cổ phần trở lên	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội	1.184.249.466	14,70%
Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước- Công ty TNHH	791.523.642	9,83%
Tổng Công ty trực thăng Việt Nam - Công ty trách nhiệm hữu hạn	679.074.898	8,43%
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	570.727.399	7,09%
Công ty TNHH nhà nước một thành viên Thương Mại và xuất nhập khẩu VIETTEL	346.407.743	4,30%
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	344.586.062	4,28%
UBS AG LONDON BRANCH	308.315.971	3,83%
PYN ELITE FUND (NON-UCITS)	95.789.193	1,19%
Công ty TNHH Manulife (Việt Nam)	85.656.000	1,06%

Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/12/2025

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG			
Đối tượng	**Số lượng cổ phần**	**Tỷ lệ sở hữu**	**Số lượng cổ đông**
Theo tỷ lệ sở hữu			
Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn cổ phần trở lên)	3.225.575.405	40,04%	4
Cổ đông nhỏ	4.829.424.504	59,96%	207.067
Theo loại hình cổ đông			
Cổ đông tổ chức	6.214.680.353	77,15%	646
Cổ đông cá nhân	1.840.319.556	22,85%	206.425
Theo quốc gia và vùng lãnh thổ			
Cổ đông trong nước	6.343.753.444	78,76%	206.022
Cổ đông nước ngoài	1.711.246.465	21,24%	1.049
Theo loại hình sở hữu			
Cổ đông Nhà nước	0	0	0
Cổ đông khác	8.054.999.909	100,00%	207.071
Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa		**30%**	
Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại thời điểm cuối năm	**1.711.246.465**	**21,24%**	**1.049**

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: triệu đồng

Ngày kết thúc đợt phát hành	Ngày giao dịch không hưởng quyền	Phương thức phát hành	Đối tượng mua	Vốn điều lệ trước khi phát hành	Vốn huy động từ đợt phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành
15/02/2012	13/02/2012	Chào bán ra công chúng	Cổ đông hiện hữu	7.300.000	2.700.000	10.000.000
14/01/2013	14/12/2012	Chào bán ra công chúng	Cổ đông hiện hữu và cán bộ nhân viên	10.000.000	625.000	10.625.000
18/10/2013	16/10/2013	Chào bán ra công chúng	Cổ đông hiện hữu và cán bộ nhân viên	10.625.000	631.250	11.256.250
12/09/2014	10/09/2014	Trả cổ tức bằng cổ phiếu (3%)	Cổ đông hiện hữu	11.256.250	337.688	11.593.938
19/08/2015	17/08/2015	Trả cổ tức bằng cổ phiếu (3%)	Cổ đông hiện hữu	11.593.938	347.818	11.941.756
14/09/2015		Chào bán riêng lẻ	Cán bộ nhân viên	11.941.756	152.182	12.093.938
18/09/2015		Chào bán riêng lẻ		12.093.938	3.906.063	16.000.000
11/03/2016	10/03/2016	Sáp nhập công ty		16.000.000	311.818	16.311.818
25/10/2016	24/10/2016	Trả cổ tức bằng cổ phiếu (5%)	Cổ đông hiện hữu	16.311.818	815.591	17.127.409
02/10/2017	29/09/2017	Trả cổ tức bằng cổ phiếu (5%)	Cổ đông hiện hữu	17.127.409	856.370	17.983.780
03/10/2017		Chào bán riêng lẻ	Cán bộ nhân viên	17.983.780	171.274	18.155.054
09/07/2018	06/07/2018	Trả cổ tức bằng cổ phiếu (5%) và tăng vốn từ vốn chủ sở hữu (14%)	Cổ đông hiện hữu	18.155.054	3.449.460	21.604.514
19/09/2019	18/09/2019	Trả cổ tức bằng cổ phiếu (8%)	Cổ đông hiện hữu	21.604.514	1.690.719	23.295.233
14/10/2019		Chào bán riêng lẻ	Cán bộ nhân viên	23.295.233	432.090	23.727.323
26/02/2020		Chào bán riêng lẻ	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	23.727.323	643.106	24.370.429
06/10/2020	05/10/2020	Trả cổ tức bằng cổ phiếu (15%)	Cổ đông hiện hữu	24.370.429	3.617.140	27.987.569
13/07/2021	12/07/2021	Trả cổ tức bằng cổ phiếu (35%)	Cổ đông hiện hữu	27.987.569	9.795.649	37.783.218
23/08/2022	22/08/2022	Trả cổ tức bằng cổ phiếu (20%)	Cổ đông hiện hữu	37.783.218	7.556.644	45.339.861
17/07/2023	14/07/2023	Trả cổ tức bằng cổ phiếu (15%)	Cổ đông hiện hữu	45.339.861	6.800.979	52.140.841
14/03/2024		Phát hành riêng lẻ	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	52.140.841	730.000	52.870.841
11/06/2024		Phát hành riêng lẻ theo chương trình lựa chọn cho người lao động	Người lao động	52.870.841	192.400	53.063.241
8/1/2025	7/1/2025	Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (15%)	Cổ đông hiện hữu	53.063.241	7.959.486	61.022.727
14/8/2025	13/8/2025	Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (32%)	Cổ đông hiện hữu	61.022.727	19.527.273	80.550.000

Lịch sử trả cổ tức bằng tiền mặt

Năm	Tỷ lệ cổ tức	Hình thức trả cổ tức	Ngày giao dịch không hưởng quyền	Ngày thanh toán
2011	12%	Tiền mặt	07/12/2011	23/12/2011
2011	3%	Tiền mặt	28/02/2012	15/03/2012
2012	2%	Tiền mặt	17/05/2012	04/06/2012
2012	10%	Tiền mặt	13/11/2012	29/11/2012
2012	2%	Tiền mặt	14/05/2013	31/05/2013
2013	8%	Tiền mặt	16/10/2013	30/10/2013
2014	7%	Tiền mặt	29/10/2014	17/11/2014
2015	5%	Tiền mặt	15/09/2015	30/09/2015
2016	6%	Tiền mặt	23/02/2017	08/03/2017
2017	6%	Tiền mặt	17/01/2018	31/01/2018
2018	6%	Tiền mặt	05/04/2019	26/04/2019
2022	5%	Tiền mặt	14/06/2023	10/07/2023
2023	5%	Tiền mặt	23/05/2024	14/06/2024
2024	3%	Tiền mặt	13/08/2025	21/08/2025

- MB không có giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm 2025
- MB không có giao dịch chứng khoán khác trong năm 2025

MB

Báo cáo và đánh giá của Ban Điều hành

100 Tình hình hoạt động kinh doanh

120 Tình hình tài chính

122 Trách nhiệm về môi trường và xã hội

3

Tình hình hoạt động kinh doanh

Triển vọng môi trường kinh doanh năm 2026

Kinh tế toàn cầu năm 2026 được dự báo tiếp tục đối mặt với nhiều rủi ro như tăng trưởng chậm, xung đột địa chính trị kéo dài, phân mảnh thương mại và biến động chuỗi cung ứng... Những yếu tố này có thể tác động tiêu cực đến xuất khẩu, đầu tư và dòng vốn quốc tế, qua đó, gây áp lực lên ổn định kinh tế vĩ mô của Việt Nam trong bối cảnh là một nền kinh tế có độ mở lớn. Trong báo cáo tháng 01/2026, IMF dự báo tăng trưởng GDP toàn cầu năm 2026 không thay đổi so với năm 2025 ở mức 3,3% trong đó nhóm các nền kinh tế phát triển tăng 1,8%, nhóm các nền kinh tế mới nổi tăng 4,2%. Lạm phát toàn cầu dự báo giảm từ mức 4,1% năm 2025 về mức 3,8% năm 2026 (Hình 1 và Hình 2).

Hình 1: GDP các nền kinh tế thế giới (%)

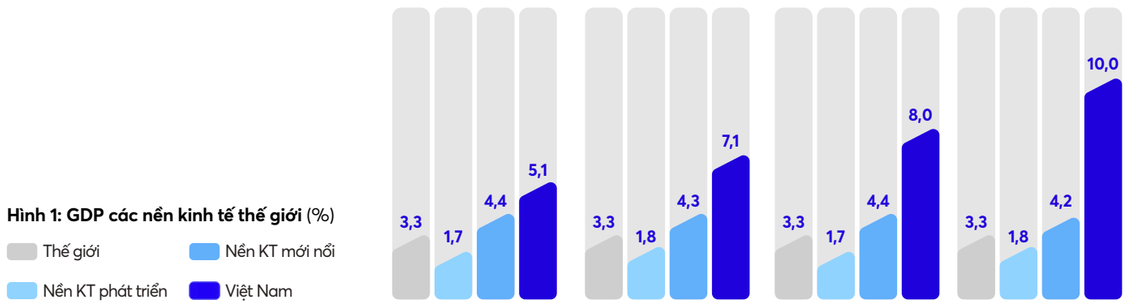

Nguồn: IMF và CQ KTT MB dự báo

Hình 2: CPI các nền kinh tế thế giới (%)

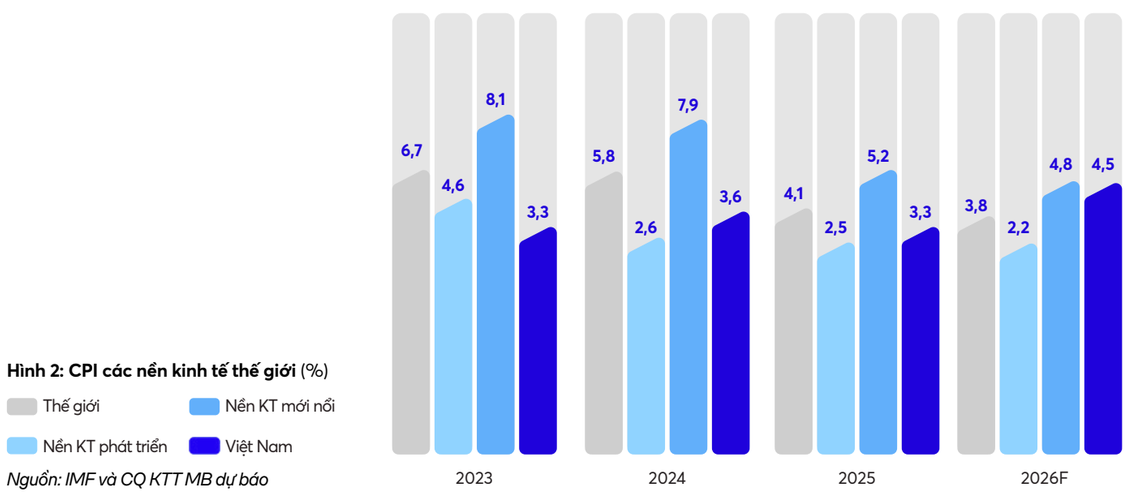

Nguồn: IMF và CQ KTT MB dự báo

Năm 2026 là năm đầu tiên thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2026 - 2030, có ý nghĩa mở đầu và định hình cho cả một chu kỳ phát triển mới. Trên nền tảng những kết quả tích cực của năm 2025, kinh tế Việt Nam bước vào năm 2026 với nhiều cơ hội phát triển, song cũng đối mặt với không ít thách thức từ bối cảnh trong nước và quốc tế. Triển vọng kinh tế năm 2026 vì vậy vừa mang tính tích cực, vừa đòi hỏi sự thận trọng trong điều hành. Trong bối cảnh đó, kinh tế Việt Nam năm 2026 dự báo tăng trưởng cao trên 10%, lạm phát dự kiến ở mức 4,5-5% với động lực đến từ sự tăng trưởng của các ngành trụ cột như sản xuất công nghiệp, bán lẻ, tiêu dùng, cùng với đà tăng trưởng của xuất khẩu và dòng vốn FDI.

Chính phủ triển khai các chính sách thúc đẩy tăng trưởng, cải cách cơ cấu và thu hút đầu tư, đồng thời, nâng cao niềm tin của doanh nghiệp và nhà đầu tư trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, thu nhập người dân dự kiến tiếp tục cải thiện, thị trường lao động ổn định hơn sẽ thúc đẩy tiêu dùng cuối cùng. Ngoài ra, đầu tư công đặc biệt trong lĩnh vực hạ tầng giao thông, năng lượng và chuyển đổi số, tiếp tục đóng vai trò dẫn dắt, tạo hiệu ứng lan tỏa cho khu vực tư nhân và toàn nền kinh tế. Việt Nam vẫn được đánh giá là điểm đến hấp dẫn của dòng vốn đầu tư, nhất là trong bối cảnh tái cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu. Bên cạnh các động lực tăng trưởng kinh tế truyền thống là Đầu tư, Xuất khẩu và Tiêu dùng, những động lực tăng trưởng mới đến từ kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh và việc ban hành hàng loạt các nghị quyết chiến lược của Bộ Chính trị (Nghị quyết 57, Nghị quyết 59, Nghị quyết 66, Nghị quyết 68, Nghị quyết 79) sẽ là những yếu tố mới được kỳ vọng giúp nền kinh tế bứt phá trong năm 2026 tăng trưởng ở mức 2 con số.

FDI Việt Nam (tỷ USD)

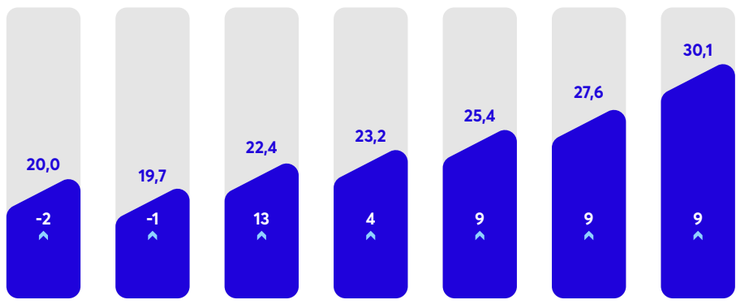

Nguồn: GSO và CQ KTT MB dự báo

Kim ngạch xuất nhập khẩu Việt Nam (tỷ USD)

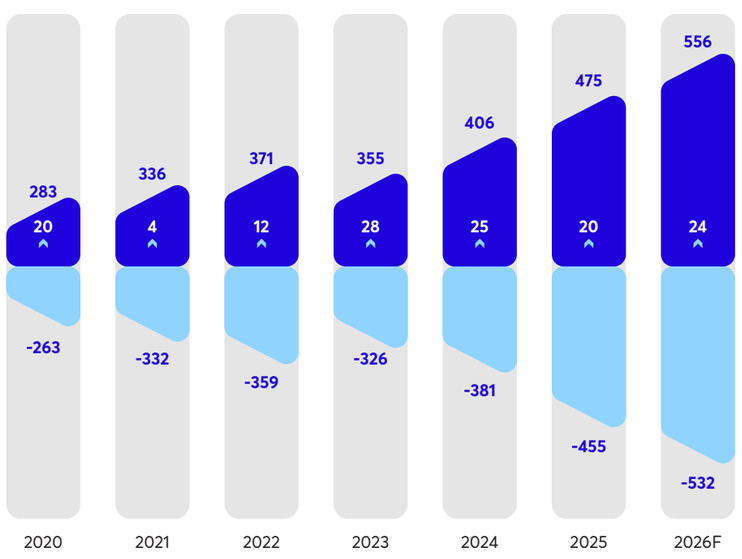

Nguồn: GSO và CQ KTT MB dự báo

Về thu hút đầu tư nước ngoài, Việt Nam tiếp tục là thị trường hấp dẫn nhờ lợi thế chi phí, lực lượng lao động trẻ và mạng lưới hiệp định thương mại tự do. Xuất khẩu vẫn duy trì lợi thế cạnh tranh trong nhiều lĩnh vực, bất chấp bối cảnh thương mại toàn cầu nhiều bất ổn với minh chứng là kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam tăng 17% trong năm 2025. Tiêu dùng nội địa, với tầng lớp trung lưu ngày càng mở rộng, tác động lan tỏa từ các hoạt động đầu tư và thu nhập thực tế của người lao động tăng, sẽ giữ cho thị trường trong nước là động lực ổn định của tăng trưởng.

Tỷ giá USD/VND năm 2026 dự báo tăng trong biên độ 3-4%. Áp lực tỷ giá trong năm 2026 dự báo sẽ thấp hơn so với năm 2025. Nguyên nhân quan trọng nhất đến từ việc chênh lệch lãi suất giữa VND và USD được thu hẹp. Trong giai đoạn cuối năm 2025 đến nay, lãi suất trong nước đã dần tăng lên, trong khi lãi suất USD trên thị trường quốc tế vẫn trong xu hướng giảm. Diễn biến này giúp giảm động cơ nắm giữ USD và chuyển dịch dòng vốn ngắn hạn ra khỏi VND, qua đó làm dịu áp lực lên tỷ giá so với năm 2025. Bên cạnh yếu tố lãi suất, các yếu tố nội tại tiếp tục đóng vai trò hỗ trợ ổn định tỷ giá. Cán cân thương mại dự kiến vẫn duy trì thặng dư, FDI giải ngân ổn định, kiều hối bền vững, khách du lịch quốc tế sẽ cung cấp nguồn ngoại tệ đều đặn cho nền kinh tế, giúp Ngân hàng Nhà nước có dư địa điều tiết thị trường ngoại hối linh hoạt hơn.

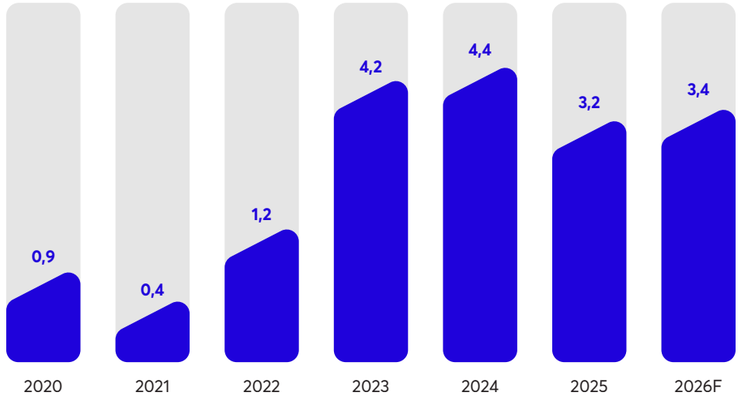

Mức độ biến động tỷ giá USD/VND (%)

Nguồn: GSO và CQ KTT MB dự báo

Bối cảnh vĩ mô với những thuận lợi và khó khăn đan xen nhau đặt ngành ngân hàng vào vị trí trọng tâm, đóng vai trò chiến lược trong sự phát triển kinh tế giai đoạn tới. Năm 2026, Ngân hàng Nhà nước sẽ tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ một cách chủ động, linh hoạt, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách khác, đảm bảo an toàn và thanh khoản của hệ thống, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, đảm bảo các cân đối lớn của nền kinh tế, tạo động lực để phát triển nhanh và bền vững.

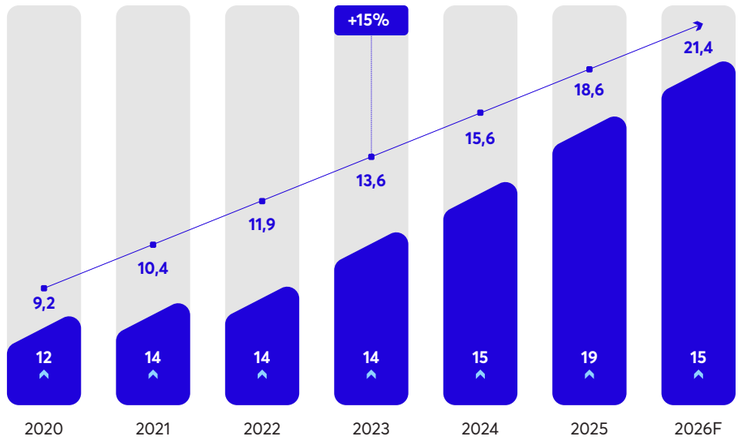

Tín dụng toàn nền kinh tế

Tăng trưởng (%) Tín dụng (triệu tỷ)

Nguồn: GSO và CQ KTT MB dự báo

Tín dụng năm 2026 dự báo tăng trưởng ở mức 15%, nợ xấu được kiểm soát dưới 2%, đồng thời điều hướng tăng trưởng tín dụng sang các hoạt động sản xuất kinh doanh, kiểm soát chặt chẽ cho vay lĩnh vực bất động sản. Trong năm 2026, mặt bằng lãi suất tại Việt Nam có thể nhích tăng nhẹ do nhu cầu tín dụng phục vụ cho đầu tư, nhưng lãi suất vẫn sẽ được Ngân hàng Nhà nước kiểm soát chặt chẽ. Trọng tâm điều hành của chính sách tiền tệ vẫn là giữ cân bằng giữa hỗ trợ tăng trưởng kinh tế và đảm bảo ổn định vĩ mô, đặc biệt là ổn định tỷ giá và hệ thống ngân hàng.

Vị thế MB trên thị trường

Giá cổ phiếu trong năm 2025

Kết thúc năm 2025, giá trị vốn hóa của MB đạt 203,8 nghìn tỷ, đứng thứ 6 trong ngành. Giá cổ phiếu MBB trong giai đoạn từ 01/01/2017 đến 31/12/2025 đã tăng 816%, cao gấp 4,9 lần mức tăng trưởng của VNIndex (168%) và đứng số 1 về mức tăng trưởng vốn hóa tính từ tháng 01/2017 tới 31/12/2025. Riêng trong năm 2025, giá trị vốn hóa của MB tăng 54,4%, vượt trội so với mức tăng trưởng 40,9% của chỉ số VNIndex và giữ vững vị trí số 1 thị trường về tăng trưởng vốn hóa suốt 8 năm qua. Đạt được thành tựu này là nhờ sự tin tưởng, ủng hộ và đóng góp của cộng đồng nhà đầu tư cũng như các chuyên gia phân tích, các công ty chứng khoán và các đối tác. Hoạt động quan hệ nhà đầu tư của MB luôn được các quỹ và các công ty chứng khoán đánh giá cao không chỉ thể hiện ở tăng trưởng của giá cổ phiếu mà còn được thể hiện qua việc tỷ lệ sở hữu nước ngoài của MBB luôn được mua tối đa.

Chỉ số VNINDEX 1W
O 1.876,01 H 1.885,14 L 1.802,85
C 1.827,33 -52,95(-2,82%)

Volume - Khối lượng 2,71B

CTG	HSX	416,46%
BID	HSX	431,86%
VCB	HSX	300,86%
MBB	HSX	910,13%
ACB	HSX	566,24%
STB	HSX	668,79%
TCB	HSX	103,13%
VPB	HSX	266,57%
HDB	HSX	251,27%

Kết thúc năm 2025, MB duy trì vị thế Top 4 về quy mô tổng tài sản, tín dụng, huy động, NFI và lợi nhuận trước thuế so với nhóm đối thủ cạnh tranh, quy mô TOI đứng thứ 5. Về các chỉ tiêu hiệu quả, tỷ lệ CASA duy trì vị thế TOP 1, COF và NIM đứng thứ 2 trong nhóm so sánh. MB thực hiện quản trị chi phí hoạt động tốt với CIR thấp thứ 2 và NPL kiểm soát tốt dưới 2%. Số liệu cụ thể như sau:

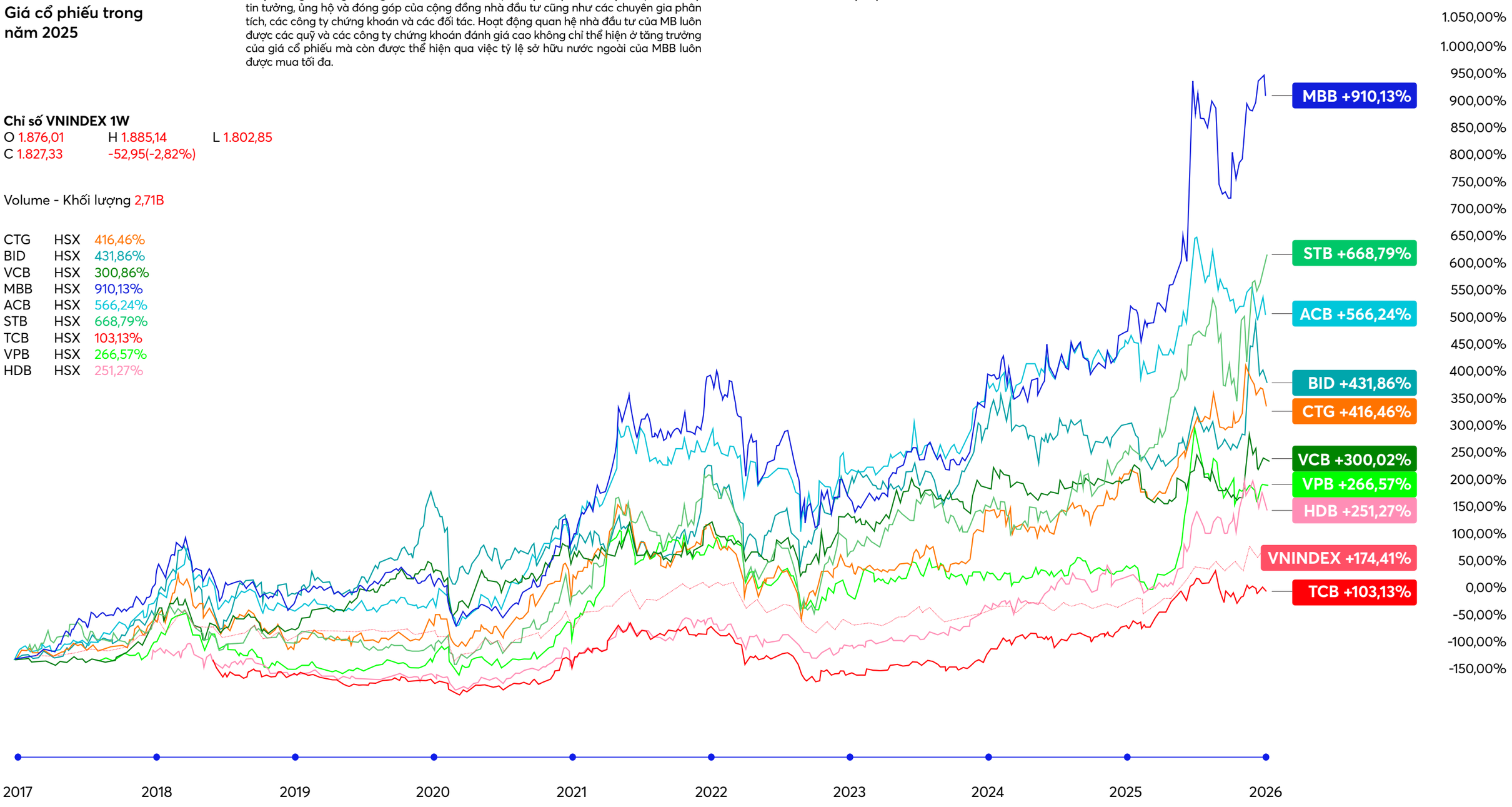

Các chỉ tiêu về quy mô hoạt động

Tổng tài sản

Kết thúc năm 2025, tổng tài sản đạt 1.616 nghìn tỷ đứng thứ 4, chỉ sau 3 Ngân hàng TMCP Quốc doanh là BIDV, VietinBank và Vietcombank, với tăng trưởng 43,1% so với năm 2024. Đây là mức tăng cao nhất trong nhóm so sánh, đứng sau là VPB (36,4%) và STB (22,6%).

Tốc độ tăng trưởng tổng tài sản bình quân (CAGR) giai đoạn 2017-2025 đạt 22,7%, là mức tăng trưởng cao nhất trong nhóm so sánh, giúp MB cải thiện 1 bậc từ vị trí top 5 năm 2017 lên top 4 về quy mô tổng tài sản.

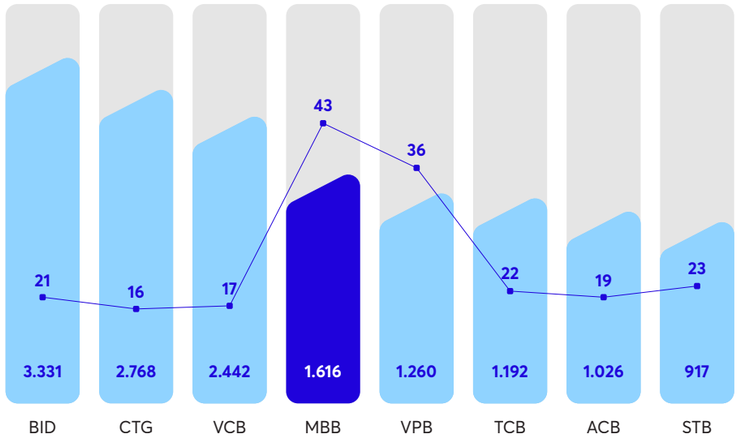

Tổng tài sản (nghìn tỷ)

svck (%) Tài sản

Nguồn: BCTC hợp nhất các ngân hàng

Vốn chủ sở hữu

Kết thúc năm 2025, vốn chủ sở hữu đạt 142 nghìn tỷ, đứng thứ 6, tăng trưởng 21,3% so với năm 2024, là mức tăng cao thứ 2 trong nhóm so sánh, đứng sau VPB (22,4%). Trong đó, vốn điều lệ đứng thứ 2, tăng 3 bậc so với năm 2017.

Tính chung giai đoạn 2017-2025, tốc độ tăng trưởng vốn chủ sở hữu lũy kế đạt 21,7% là mức tăng trưởng cao thứ 4 trong nhóm so sánh. MB giảm 1 bậc từ vị trí top 5 năm 2017 về top 6 về vốn chủ sở hữu.

Với mức vốn chủ sở hữu đứng ở vị trí thứ 6, nhưng MB đều đạt chỉ tiêu tổng tài sản, dư nợ và huy động, lợi nhuận đều ở vị trí số 4, trong khi vẫn đáp ứng các chỉ tiêu theo quy định của NHNN và duy trì một vùng đệm an toàn, ví dụ như hệ số an toàn vốn CAR của Ngân hàng ở mức >11%. Điều đó cho thấy Ban Lãnh đạo Ngân hàng đã điều hành ngân hàng rất thành công trong năm 2025 cũng như giai đoạn vừa qua.

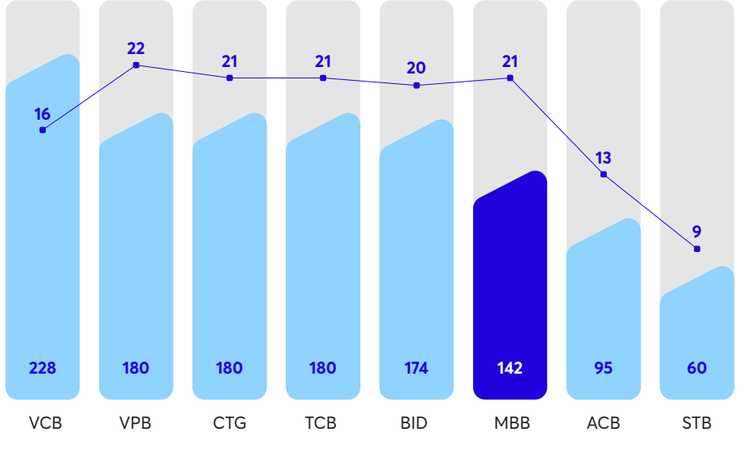

Vốn chủ sở hữu (nghìn tỷ)

svck (%) VCSH

Nguồn: BCTC hợp nhất các ngân hàng

Tín dụng

Tín dụng năm 2025, bao gồm trái phiếu tổ chức kinh tế và mua nợ, đạt 1.110 nghìn tỷ, đứng thứ 4, tăng trưởng 36,8% so với năm 2024, là mức tăng trưởng cao nhất trong nhóm so sánh. Đáng chú ý, tỷ lệ cho vay khách hàng cá nhân/tổng tín dụng tăng từ 32% năm 2017 lên 39% năm 2025 cho thấy xu thế chuyển dịch rõ nét về phía khách hàng cá nhân.

Tính chung giai đoạn 2017-2025, tốc độ tăng trưởng tín dụng lũy kế đạt 24,7%, là mức tăng trưởng cao nhất trong nhóm so sánh, giúp MB tăng 3 bậc từ vị trí top 7 năm 2017 lên top 4 về quy mô tín dụng.

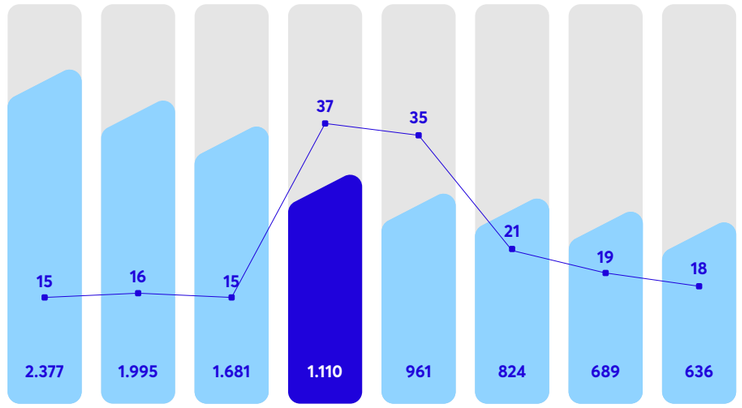

Tín dụng (nghìn tỷ)

svck (%) Tín dụng

Nguồn: BCTC hợp nhất các ngân hàng

Huy động

Huy động năm 2025, bao gồm giấy tờ có giá, đạt 1.109 nghìn tỷ, đứng thứ 4, tăng trưởng 31,5% so với năm 2024, là mức tăng trưởng cao thứ 2 trong nhóm chỉ sau VPB (33%). Tỷ lệ huy động khách hàng cá nhân/tổng huy động tăng từ 41% năm 2017 lên 47% năm 2025 cho thấy xu thế chuyển dịch huy động về phía khách hàng cá nhân.

Tính chung giai đoạn 2017-2025, tốc độ tăng trưởng huy động lũy kế đạt 22,0%, là mức tăng trưởng cao nhất trong nhóm so sánh, giúp MB tăng 2 bậc từ vị trí top 6 năm 2017 lên vị trí top 4 về quy mô huy động.

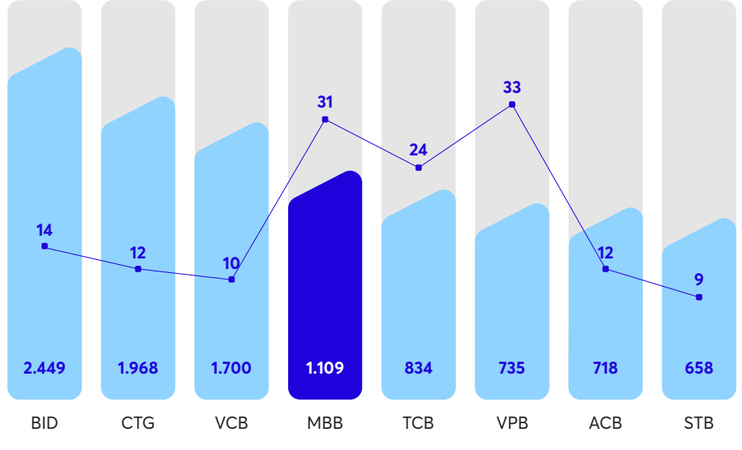

Huy động (nghìn tỷ)

svck (%) Huy động

Nguồn: BCTC hợp nhất các ngân hàng

Tiền gửi không kỳ hạn (CASA)

Tỷ lệ CASA kết thúc năm 2025 đạt 37,8%, đứng thứ nhất trong nhóm so sánh là lợi thế cạnh tranh đặc biệt của MB được duy trì từ năm 2017 đến nay. Tỷ lệ mặc dù giảm 4% so với năm 2024 nhưng vẫn đứng vị trí số 1.

Ngoài tỷ lệ CASA cao nhất trong cơ cấu nguồn vốn, MB còn đạt kết quả rất cao về số tuyệt đối đối với chỉ tiêu này. Kết thúc năm 2025, số dư huy động không kỳ hạn của MB đạt 348 nghìn tỷ, trong khi Techcombank, ACB và Sacombank lần lượt đạt 222, 128 và 195 nghìn tỷ.

Tỷ lệ CASA

svck (%) CASA (%)

Nguồn: BCTC hợp nhất các ngân hàng

Tổng thu nhập hoạt động (TOI)

TOI năm 2025 đạt 67,7 nghìn tỷ, đứng thứ 5, tăng trưởng 22,2% so với năm 2024, là mức tăng trưởng cao nhất trong nhóm, đứng sau là VPB (19,9%), TCB (13,6%). Mặc dù quy mô bé chưa bằng 50% so với các NHTMCP Quốc doanh, nhưng MB đã đạt mức doanh thu gần tiệm cận so với các NHTMCP Quốc doanh.

Giai đoạn 2017-2025, tốc độ tăng trưởng TOI lũy kế đạt 21,9%, là mức tăng trưởng cao nhất trong nhóm so sánh, giúp MB tăng 1 bậc từ vị trí Top 6 năm 2017 lên Top 5 về quy mô TOI.

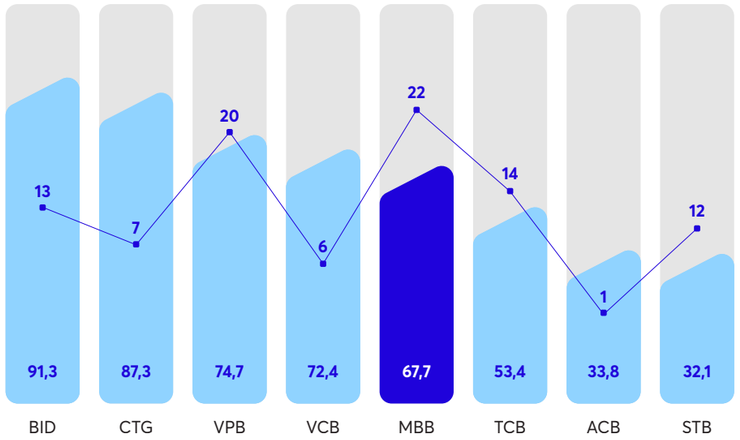

TOI (nghìn tỷ)

svck (%) TOI

Nguồn: BCTC hợp nhất các ngân hàng

Thu nhập phí thuần (NFI)

NFI năm 2025 đạt 6,6 nghìn tỷ, đứng thứ 4, tăng trưởng 51% so với năm 2024, là mức tăng trưởng cao nhất trong nhóm, đứng sau là VPB (20%).

Giai đoạn 2017-2025, tốc độ tăng trưởng NFI lũy kế đạt 24,6%, là mức tăng trưởng cao nhất trong nhóm so sánh, đứng sau là VPB (22,4%), giúp MB tăng 4 bậc từ vị trí Top 8 năm 2017 lên Top 4 về quy mô NFI năm 2025.

Mặc dù trong các năm qua, do bối cảnh chung của thị trường về ngân hàng đầu tư và thị trường bảo hiểm trầm lắng, chỉ tiêu NFI của MB tăng chậm lại, nhưng ngân hàng hoàn toàn tin tưởng sẽ lấy lại đà tăng trưởng đối với chỉ tiêu này trong các năm tới, nhờ củng cố các động cơ thu phí truyền thống và bổ sung thêm các động cơ tăng trưởng phí mới như phí từ ngân hàng số, hay phí từ dịch vụ quản lý gia sản.

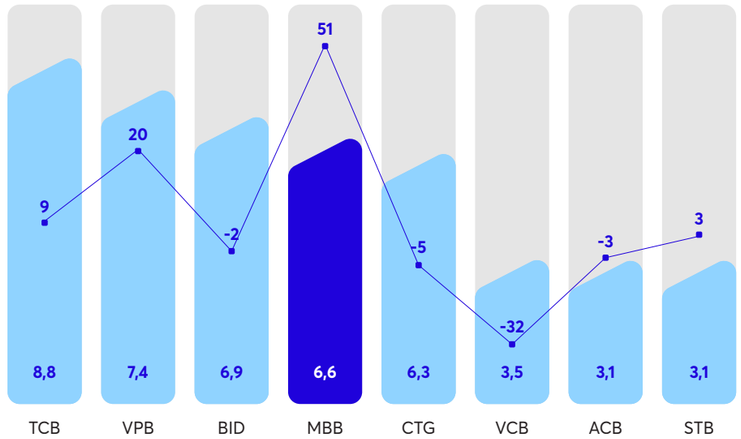

NFI (nghìn tỷ)

svck (%) NFI

Nguồn: BCTC hợp nhất các ngân hàng

Lợi nhuận trước thuế

Lợi nhuận trước thuế năm 2025 đứng thứ 4 đạt 34,3 nghìn tỷ, tăng trưởng 18,9% so với năm 2024, là mức tăng trưởng cao thứ 3 trong nhóm sau VPB (53%), CTG (37%).

Giai đoạn 2017-2025, tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trước thuế lũy kế CAGR đạt 28,5%, là mức tăng trưởng cao nhất trong nhóm so sánh, giúp MB tăng 2 bậc từ vị trí Top 6 năm 2017 lên Top 4 về quy mô lợi nhuận trước thuế.

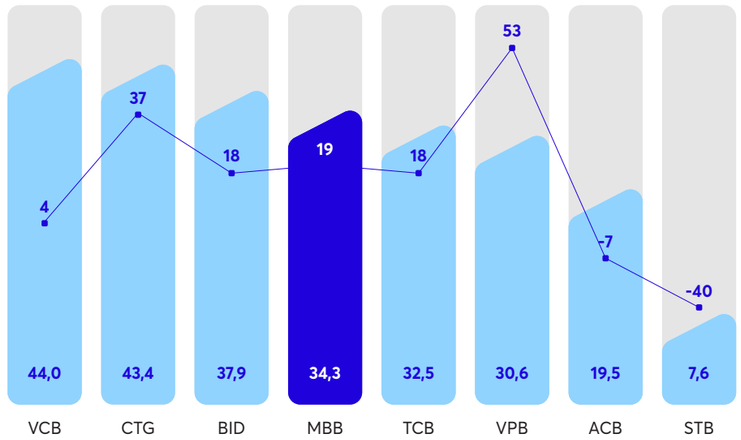

Lợi nhuận trước thuế (nghìn tỷ)

svck (%) LNTT

Nguồn: BCTC hợp nhất các ngân hàng

Các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động

Tỷ suất tài sản sinh lời (YEA)

YEA bình quân năm 2025 đạt 6,7%, đứng thứ 3 trong nhóm so sánh, giảm 2,6% so với năm 2024 do MB chia sẻ khó khăn với khách hàng bằng các chương trình giảm lãi suất.

Chỉ tiêu YEA của MB tăng 2 bậc từ vị trí thứ 5 năm 2017 lên thứ 3 năm 2025. Hiện tại, trong các năm qua MB vẫn luôn duy trì vị trí trong Top 4 đối với chỉ tiêu này, xếp trên ACB (6,4%) và 3 NHTMCP Quốc doanh.

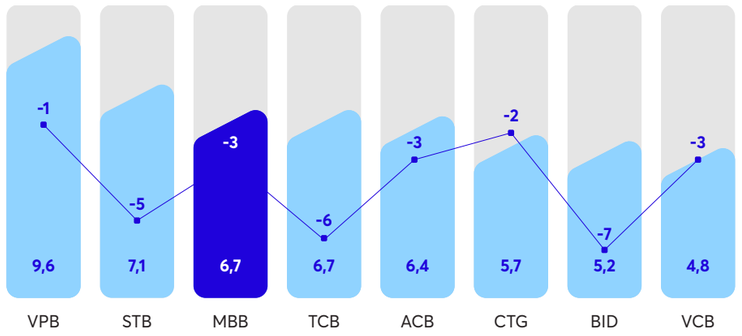

Nguồn: BCTC hợp nhất các ngân hàng

Chi phí vốn (COF)

MB luôn duy trì lợi thế về chi phí vốn trong Top 3 thấp nhất kể từ năm 2017 đến 2025. Ngoài chiến lược huy động, cơ cấu kỳ hạn thì những nỗ lực tăng trưởng CASA của ngân hàng, đã góp phần làm giảm chi phí vốn.

Năm 2025, COF của MB ở mức 3,2%, thấp thứ 2 trong nhóm so sánh, chỉ đứng sau 1 ngân hàng TMCP Quốc doanh là Vietcombank và xếp vị trí cao hơn VietinBank, BIDV.

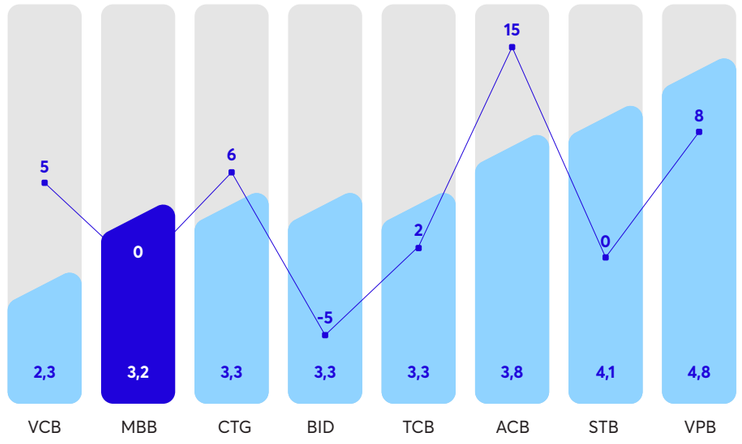

Nguồn: BCTC hợp nhất các ngân hàng

Biên lãi ròng (NIM)

NIM năm 2025 đạt 3,9%, đứng thứ 2 trong nhóm so sánh chỉ sau VPB (5,6%). Từ năm 2017 đến 2025, MB luôn duy trì NIM trong Top 3 cho thấy hiệu quả sinh lời rất ổn định.

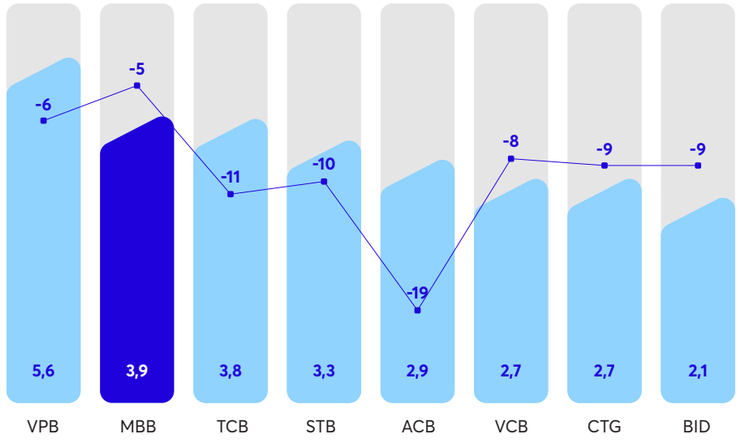

Nguồn: BCTC hợp nhất các ngân hàng

Tỷ lệ chi phí trên thu nhập (CIR)

CIR năm 2025 đạt 29,1%, đứng vị trí thấp thứ 2 trong nhóm so sánh chỉ sau VPB (25%).

Từ năm 2017 đến 2025, MB đã cải thiện 3 bậc vị trí CIR từ vị trí thứ 5 ở mức 43% lên vị trí Top 2 thấp nhất cho thấy ngân hàng kiểm soát chi phí hoạt động khá hiệu quả.

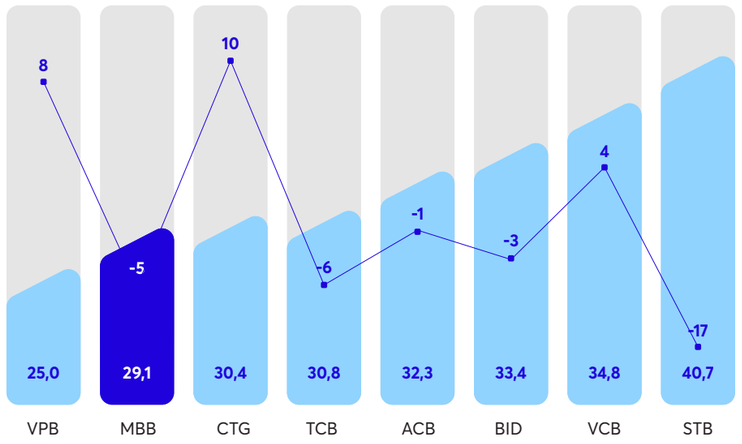

Nguồn: BCTC hợp nhất các ngân hàng

Hiệu quả hoạt động trên tài sản (ROA)

ROA năm 2025 đạt 2,0%, đứng thứ 3 sau TCB (2,4%) và VPB (2,2%). Tính chung giai đoạn 2017-2025, ROA luôn duy trì vị trí trong Top 3.

Cùng với 2 ngân hàng bạn là Techcombank và VPBank, MB luôn là ngân hàng có hiệu quả hoạt động trên tổng tài sản thuộc nhóm cao nhất thị trường. Bên cạnh khả năng sinh lời của tài sản, chỉ tiêu này còn phản ánh MB luôn duy trì chất lượng tài sản ở mức vượt trội so với thị trường.

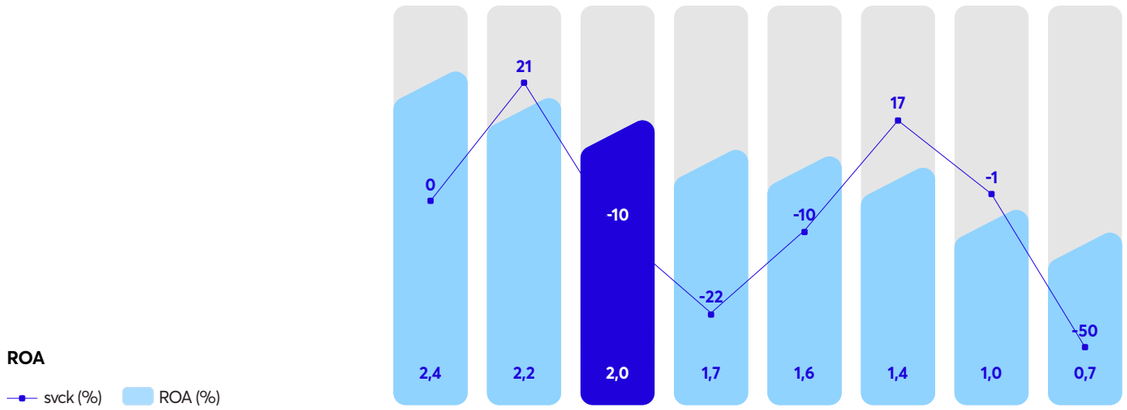

Nguồn: BCTC hợp nhất các ngân hàng

Hiệu quả hoạt động trên vốn chủ sở hữu (ROE)

ROE năm 2025 đạt 21,1%, đứng thứ 2 trong nhóm so sánh sau CTG (21,2%) cho thấy hiệu quả hoạt động của MB duy trì trong Top đầu ngành.

Tính chung giai đoạn 2017-2025, ROE tăng 4 bậc từ vị trí thứ 6 lên thứ 2 năm 2025, đánh dấu bước tiến lớn trong hiệu quả hoạt động và lợi nhuận đem lại cho cổ đông.

Nguồn: BCTC hợp nhất các ngân hàng

Tỷ lệ nợ xấu (NPL)

Tỷ lệ nợ xấu kết thúc năm 2025 (NPL) đạt 1,3%, xếp thấp thứ 5, đạt mục tiêu dưới 2% theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Trong bối cảnh kinh tế năm 2025 còn nhiều biến động khó lường, nợ xấu một số ngân hàng tăng cao thì đây có thể xem là một thành công của ngân hàng.

Trong nhiều năm qua, MB luôn được đánh giá là ngân hàng đi đầu trong duy trì chất lượng tài sản, khi luôn quản lý NPL ở mức nhỏ hơn 2%, qua đó góp phần tăng hiệu quả hoạt động của ngân hàng.

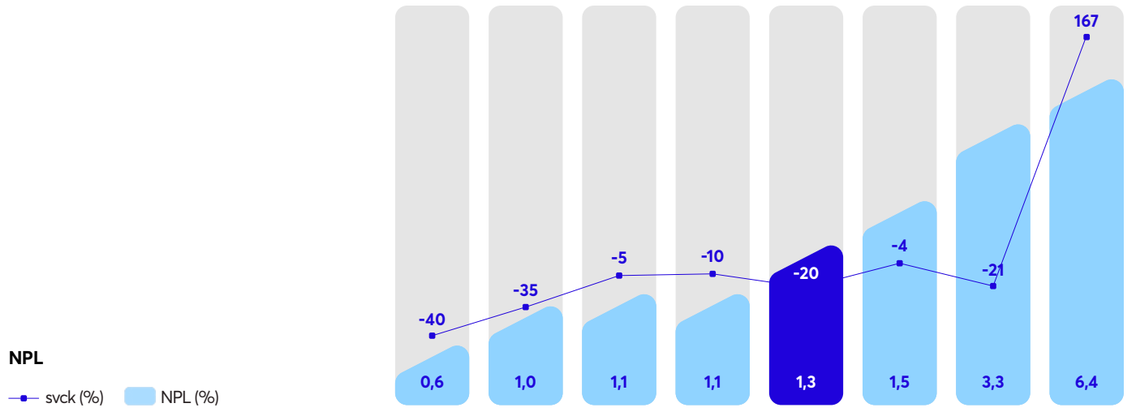

Nguồn: BCTC hợp nhất các ngân hàng

Tỷ lệ bao phủ nợ xấu (LLR)

Tỷ lệ bao phủ nợ xấu năm 2025 (LLR) đạt 94%, cao thứ 6 trong nhóm so sánh. Trong các năm qua, MB luôn tích cực trích lập dự phòng nợ xấu đầy đủ và quản trị tỷ lệ bao phủ nợ xấu cân bằng giữa lợi nhuận và rủi ro để tối ưu hóa hiệu quả kinh doanh.

Trong 5 năm qua, MB luôn duy trì tỷ lệ bao phủ nợ xấu ở mức rủi ro thấp (~100%). Việc tỷ lệ LLR giảm xuống mức dưới 100% không phải là tỷ lệ quá thấp vì mỗi đồng nợ xấu, ngân hàng có 94 đồng dự phòng và trong 100 đồng đó, ngân hàng còn có khả năng thu hồi hay xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi.

Tỷ lệ LLR nhỏ hơn 100 trong năm 2025 có thể chỉ là tạm thời, chúng tôi tin tưởng tỷ lệ này sẽ trở lại mức lớn hơn 100% trong năm 2026, để tạo khả năng phòng vệ chắc chắn theo triết lý lãnh đạo cũng như khẩu vị rủi ro của ngân hàng trong thời gian qua.

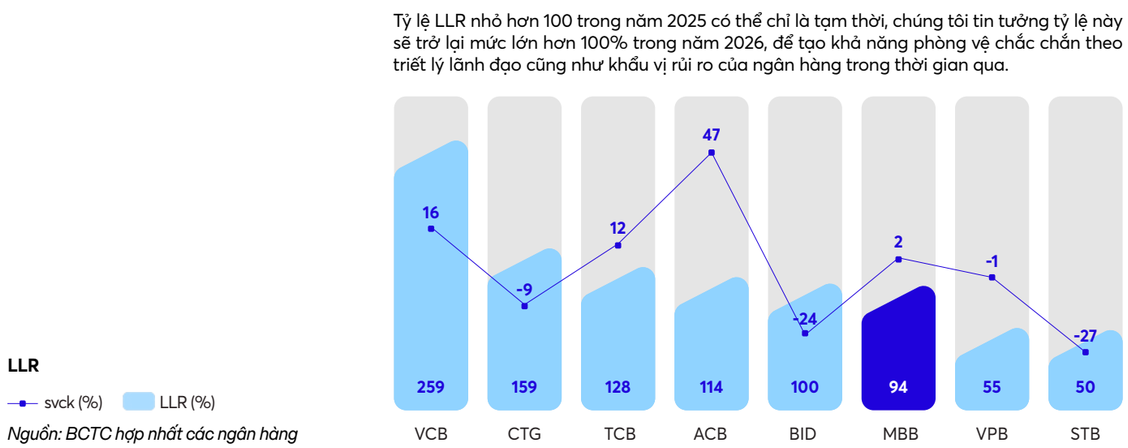

Nguồn: BCTC hợp nhất các ngân hàng

Các tiến bộ MB đã đạt được trong năm 2025

Bám sát mục tiêu chiến lược giai đoạn 2022 – 2026 trong tập đoàn, Phương châm "Tăng tốc – Vững chắc – Hiệu quả", củng cố chất lượng các mặt hoạt động, nguồn lực cho tăng trưởng giai đoạn 2025-2027, trong năm 2025, các chỉ tiêu về quy mô và kinh doanh của ngân hàng đều hoàn thành hoặc vượt kế hoạch đặt ra, đa số các chỉ tiêu đều tăng so với năm 2024. Trong bối cảnh kinh tế gặp nhiều khó khăn thách thức, MB là một trong số các Ngân hàng vẫn ghi nhận mức tăng trưởng cao về lợi nhuận, LNTT tập đoàn đạt 34.268 tỷ, hoàn thành 108,3% kế hoạch, LNTT ngân hàng đạt 33.889 tỷ, tăng 22,6% so với năm 2024.

Mặc dù tỷ lệ CASA có điều chỉnh giảm nhẹ so với các năm trước do xu hướng chung của thị trường, Ngân hàng vẫn ghi nhận mức CASA cao Top đầu toàn ngành. Đặc biệt, trong năm 2025, MB phát triển hệ thống Agent Banking cho phép triển khai dịch vụ thanh toán hóa đơn/nộp rút tiền tại các điểm giao dịch đối tác (Mai Tâm Anh, F88, Viettel,…), tăng cường nhận diện thương hiệu tại địa phương, giảm tải cho các chi nhánh truyền thống. Nhờ đó, MB tiếp tục củng cố vị thế dẫn đầu về khả năng "Hấp dẫn khách hàng", thu hút gần 5 triệu khách hàng mới, lũy kế 2025 đạt 35 triệu khách hàng.

Đồng thời, LNTT tăng trưởng mạnh, đạt 34 nghìn tỷ đồng. Bên cạnh đó, một trong những điểm nổi bật trong hoạt động của MB trong năm là vai trò tiên phong trong chuyển đổi số. Năm 2025, ngân hàng tiếp tục khẳng định vị thế dẫn đầu thị trường khi duy trì hơn 35 triệu người dùng kênh số và tỷ lệ giao dịch trực tuyến chiếm tới 99% tổng giao dịch toàn hệ thống. Những kết quả này không chỉ phản ánh chiến lược số hóa quyết liệt mà còn cho thấy khả năng đáp ứng hiệu quả nhu cầu của thị trường, đặc biệt là nhóm khách hàng trẻ và doanh nghiệp vừa và nhỏ. Nhìn chung, MB đang cho thấy sự tăng trưởng mạnh mẽ nhưng có kiểm soát, hiệu quả tài chính vượt trội và khả năng chuyển đổi số toàn diện không chỉ ở ngân hàng lõi mà còn lan tỏa trong toàn hệ sinh thái.

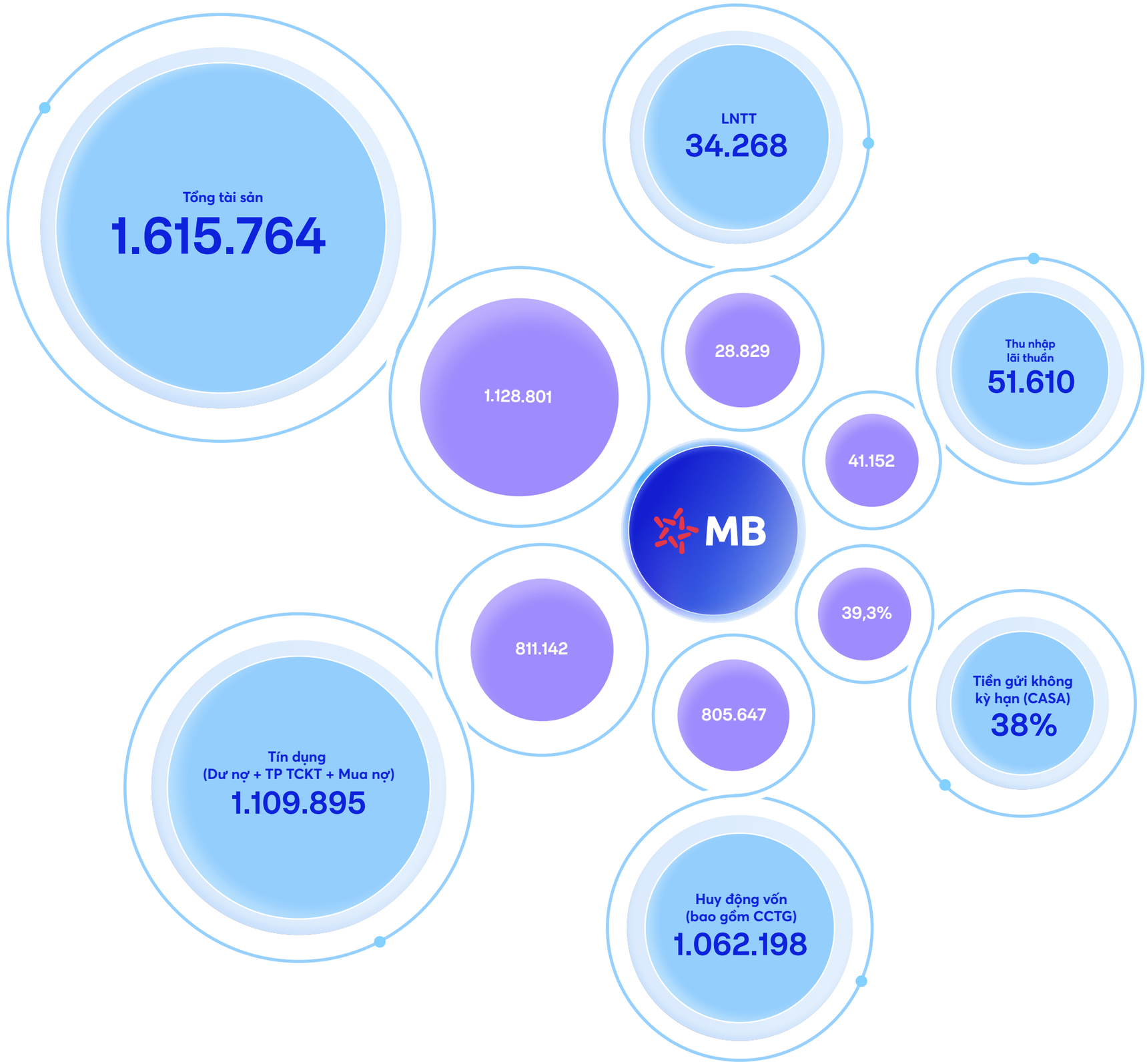

2024 2025

Các cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kiến tạo nền tảng quản trị vững mạnh cho tăng trưởng bền vững

Trong năm 2025, Tổng Giám đốc đã ban hành/điều chỉnh trên 50 văn bản nội bộ là các quy định, quy trình, thủ tục tác nghiệp của MB để triển khai tuân thủ quy định pháp luật, triển khai các quy định của HĐQT, điều hành hoạt động kinh doanh của NH trong các lĩnh vực/ hoạt động như: cấp tín dụng, tài khoản, thẻ, thanh toán, công nghệ thông tin, quản lý rủi ro, phòng chống rửa tiền..., cho thấy nỗ lực mạnh mẽ của Ban Điều hành trong việc hoàn thiện cơ chế, chính sách và nâng cao hiệu lực quản trị điều hành. Các văn bản được ban hành bao phủ đầy đủ các lĩnh vực trọng yếu của hoạt động ngân hàng, qua đó góp phần củng cố nền tảng quản trị và tăng cường tính tuân thủ theo quy định pháp luật cũng như các chỉ đạo của HĐQT.

Về cơ cấu tổ chức và chính sách, việc cập nhật và chuẩn hóa quy chế – quy trình giúp làm rõ chức năng, trách nhiệm và luồng phối hợp giữa các đơn vị, hỗ trợ cải thiện tính minh bạch và hiệu quả vận hành nội bộ. Các hướng dẫn nghiệp vụ chi tiết giúp hạn chế rủi ro phát sinh, tăng cường tính nhất quán trong xử lý tác nghiệp và nâng cao chất lượng dịch vụ đối với khách hàng.

Bên cạnh đó, Nhằm nâng cao mức độ phù hợp với thực tiễn triển khai hoạt động kinh doanh và vận hành của Ngân hàng, qua đó tối ưu hiệu quả quản trị và hỗ trợ tăng trưởng bền vững, năm 2025, MB đã thực hiện điều chỉnh mô hình tổ chức của các Khối Kinh doanh (Khách hàng cá nhân, Khách hàng vừa và nhỏ), Khối Dữ liệu và Khối Hành chính.

Phát triển bền vững trên nền Quản trị rủi ro mạnh mẽ

MB được vinh danh là "Best Bank for ESG Vietnam 2025" nhờ xây dựng và thực thi chiến lược ESG rõ ràng, có chiều sâu, gắn kết chặt chẽ với chiến lược kinh doanh và quản trị rủi ro của ngân hàng. Cụ thể, MB thể hiện sự nổi trội trên cả ba trụ cột: (1) Môi trường (Environmental): Đẩy mạnh chuyển đổi xanh, tối ưu hóa việc sử dụng tài nguyên, phát triển các sản phẩm và dịch vụ tài chính góp phần giảm phát thải; (2) Xã hội (Social): Dẫn đầu trong thúc đẩy tài chính toàn diện, tăng cường bảo vệ quyền lợi khách hàng, nâng cao phúc lợi người lao động và triển khai nhiều sáng kiến vì cộng đồng; (3) Quản trị (Governance): Áp dụng mô hình quản trị hiện đại, minh bạch, tuân thủ các chuẩn mực quốc tế. ESG được MB xác định là chiến lược dài hạn, gắn liền với mục tiêu tăng trưởng bền vững và xây dựng niềm tin vững chắc từ khách hàng, nhà đầu tư.

Sáng tạo đổi mới trong phát triển sản phẩm

Tại Lễ trao giải Vạn Xuân Awards 2025, Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) được vinh danh ở hai hạng mục: "Ngân hàng sáng tạo của năm 2025" và "Chiến dịch quảng cáo ngoài trời xuất sắc, ấn tượng của năm". Giải thưởng ghi nhận hành trình đổi mới sáng tạo bền bỉ của MB, nơi sáng tạo được xem là phương thức cốt lõi để kiến tạo giá trị hạnh phúc cho khách hàng và cộng đồng.

MB lựa chọn đồng hành cùng định hướng phát triển chung của đất nước, đặt con người và chất lượng sống ở trung tâm. Triết lý "lấy khách hàng làm trung tâm" được thể hiện qua tốc độ cải tiến sản phẩm thuộc nhóm nhanh nhất thị trường và khả năng xây dựng hệ sinh thái tài chính toàn diện, thuận tiện, đáp ứng nhu cầu đa dạng của cá nhân, hộ kinh doanh và doanh nghiệp. Từ chi tiêu, tích lũy, đầu tư đến sản xuất – kinh doanh và bảo hiểm, các sản phẩm của MB được phát triển theo hướng đơn giản, dễ tiếp cận, an toàn và bảo mật, tạo nền tảng cho sự an tâm, yếu tố cốt lõi của hạnh phúc tài chính. Song song là sự lắng nghe và chăm sóc tận tâm nhằm kiến tạo những trải nghiệm vượt ngoài giá trị tài chính và hình thành kết nối bền vững với khách hàng.

Hoạt động phát triển sản phẩm & marketing có sự chuyển biến khác biệt sáng tạo - đổi mới và đạt được các kết quả nổi bật, cho thấy hiệu quả khi triển khai mô hình tập trung phát triển sản phẩm & marketing theo định hướng của Ban lãnh đạo. Hoàn thành thiết kế sản phẩm mới sáng tạo/hấp dẫn khách hàng, trong đó 5 sản phẩm đạt quy mô 10.000 tỷ/1 sản phẩm ngay trong năm 2025 (sản phẩm cho vay BĐS đối với KHCN cao cấp - Priland ~16.100 tỷ; sản phẩm cho vay tiêu dùng có TSBĐ đối với KH Sản xuất kinh doanh đạt ~10.400 tỷ đóng góp ~50% tổng quy mô tăng net cho vay BĐS và tiêu dùng; Gói sản phẩm mua hẳn miễn truy đòi BCT LC do MB, TCTD khác phát hành đạt gần 10.400 tỷ doanh số. Giá trị thương hiệu MB cán mốc 2 tỷ USD, tăng 27% so với năm 2024, đạt Top 2 thương hiệu mạnh nhất ngành Ngân hàng Việt Nam, tiếp tục khẳng định vị thế Big 5 ngân hàng lớn nhất.

Hoạt động cộng đồng

Với phương châm "có trách nhiệm với xã hội", MB đã triển khai hơn 137 chương trình an sinh xã hội kinh phí hơn 620 tỷ, đóng góp NSNN hơn 10 nghìn tỷ. Chiến dịch HiGreen với thông điệp "Gửi lòng yêu nước, Góp 1 triệu cây xanh" và "Triệu cột mốc xanh" được lan tỏa mạnh mẽ, sau gần 1 năm triển khai, chương trình đã cán mốc 160 tỷ đồng, với hơn 80.000 lượt ủng hộ để trồng và chăm sóc 1 triệu cây xanh tại đặc khu Trường Sa, tỉnh Khánh Hòa, gấp ~2 lần so với mục tiêu tối thiểu 82 tỷ đồng đăng ký với Bộ Quốc phòng. Trong đó, 50 tỷ đồng từ nguồn do MB đảm bảo, được đối ứng thông qua các hành động tài chính "xanh", phần còn lại được vận động từ hơn 31 triệu khách hàng, đối tác, các tổ chức, cá nhân trong cộng đồng xã hội.

Năng lực vận hành

MB tạo giá trị mới thông qua đẩy mạnh triển khai giải pháp Doc AI cho khâu soạn thảo văn kiện tín dụng đạt tỷ lệ kế thừa hợp đồng tín dụng và hợp đồng bảo đảm ~90%; nhập liệu TSĐB ~70% với mức độ chính xác ~83%/kế hoạch 80%. Tiên phong sáng tạo và cải tiến số hóa toàn luồng quy trình vận hành, tỷ lệ phục vụ khách hàng ngay cuộc gọi đầu tiên ~96,4%/kế hoạch 95%.

Bên cạnh đó, MB cũng thực hiện Chuyển dịch số toàn diện trong hoạt động vận hành. Cụ thể, MB thuộc Top ngân hàng dẫn đầu về chuyển đổi số với 12,4 tỷ giao dịch tài chính tăng gấp 1,4 lần so với năm 2024, tỷ lệ chuyển đổi số ~98,9%, trong đó chuyển đổi số tại Sàn giao dịch đạt 99,32%, giao dịch chuyển khoản đạt 99,4% trên kênh số, giao dịch tiết kiệm đạt 94,3%, rút tiền tại ATM/CRM đạt 93,2%. MB cũng áp dụng giải pháp số hóa chữ ký điện tử cho văn kiện tín dụng, tăng trải nghiệm khách hàng và tối ưu chi phí in ấn/lưu trữ hồ sơ; Tiên phong sáng tạo và cải tiến số hóa toàn luồng quy trình vận hành, tỷ lệ chính xác Doc AI tự động xử lý chứng từ đạt ~83%, tỷ lệ phục vụ bằng ChatBot đạt ~85%.

Hệ thống mạng lưới ATM, CRM

Hệ thống kênh tự phục vụ hoạt động 24/7, tự động thông minh, an toàn, thuận tiện với 120 Smartbank và 607 máy nộp và rút tiền tự động (CRM), tăng 129 máy so với năm 2024.

Một số chỉ tiêu kế hoạch tập đoàn chính

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2026
1	Tổng tài sản	Tăng trưởng ~28%
2	Huy động vốn	Tăng trưởng ~30%
3	Tín dụng (Dư nợ + TP TCKT + Mua nợ)	~30% (Theo giới hạn NHNN)
4	LNTT	Tăng trưởng ~15%
5	Tỷ lệ nợ xấu	≤1,5%
6	Tỷ lệ an toàn vốn CAR	≥ 9%
7	Các chỉ tiêu hiệu quả (ROE, ROA, CIR)	ROE ~20-21%; ROA ~2%; CIR ≤28%

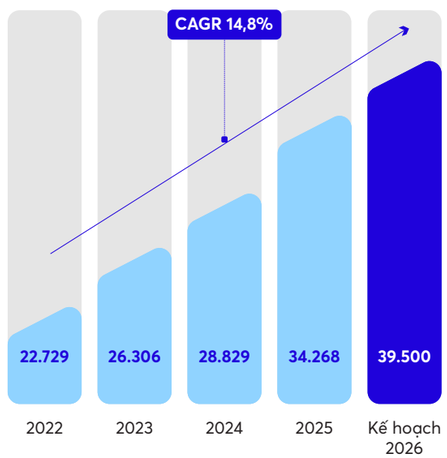

Tăng trưởng LNTT tập đoàn giai đoạn 2022 - 2026

Một số giải pháp chủ đạo triển khai hoạt động kinh doanh trong năm 2026

01 Hiệp lực Tập đoàn - khai thác toàn diện và hiệu quả hệ sinh thái, tệp khách hàng MB, nâng cao năng lực cạnh tranh.

02 Triển khai quyết liệt, thực chất các Sáng kiến chiến lược 2022-2026, bám sát phương châm "Tăng tốc – Vững chắc – Hiệu quả", kiên định mục tiêu MB là Ngân hàng TOP 1 về Khách hàng, giao dịch; TOP 3 về hiệu quả các NHTM.

03 Số hóa toàn diện công ty thành viên, đẩy mạnh chuyển đổi số vào sản phẩm dịch vụ, khách hàng và năng suất lao động. Quản lý chi phí, tối ưu hiệu quả hoạt động, mở rộng khách hàng, mô hình kinh doanh mới và tăng chất lượng nguồn lực.

04 Tăng trưởng tín dụng theo định hướng chiến lược và năng lực tăng trưởng thực tế, trọng tâm chuyển dịch bán lẻ và MicroSME. Kiểm soát chất lượng tín dụng thông qua các mô hình cảnh báo sớm; tập trung thu hồi và xử lý nợ xấu, nợ quá hạn, nợ ngoại bảng; trích lập dự phòng đầy đủ.

05 Đa dạng nguồn huy động vốn đảm bảo thanh khoản và các giới hạn an toàn. Tối ưu chi phí vốn và cơ cấu huy động vốn có kỳ hạn hiệu quả đáp ứng nhu cầu tăng trưởng tín dụng.

06 Quy hoạch hệ thống mạng lưới theo hướng đa kênh, thuận tiện, linh hoạt và hiệu quả, bám sát mục tiêu chiến lược. Ưu tiên mở mới điểm giao dịch hiện đại và SmartBank tại các địa bàn trọng điểm, tiềm năng.

07 Củng cố Văn hóa Tổ chức, triển khai MB1688 sâu rộng, phát huy đoàn kết nội bộ. Chú trọng nâng cao năng lực đội ngũ thông qua luân chuyển học tập trải nghiệm. Quản trị hiệu quả nhân sự tương đương TOP đầu hệ thống, năng suất lao động phấn đấu tăng 20%.

Tình hình tài chính

Đánh giá của Ban Điều hành về kết quả hoạt động kinh doanh của MB năm 2025

Bảng số liệu riêng Ngân hàng

STT	Chỉ tiêu	Kết quả/2025	So với năm 2024
A	**Quy mô**		
1	Tổng tài sản	1.528.579	143,2%
2	Tín dụng (Dư nợ + TP TCKT + Mua nợ)	1.054.330	137,6%
3	Huy động vốn	1.049.871	131,3%
4	CASA	349.533	123,9%
5	Tổng ĐGD đi vào hoạt động	329	+ 8 ĐGD
6	SmartBank	120	+ 20 SmartBank
7	Số lượng khách hàng	35 triệu	30,2 triệu
B	**Thu nhập – chi phí**		
1	**Doanh thu**	**58.765**	**124,3%**
	Thu thuần lãi	42.779	124,7%
	Thu ngoài lãi (*)	15.985	123,0%
2	**LNTT**	**33.889**	**122,6%**

Kết quả kinh doanh năm 2025 cơ bản đã hoàn thành mục tiêu kế hoạch, các chỉ tiêu hiệu quả và quy mô có sự tăng trưởng tốt so với thị trường.

(*) Thu ngoài lãi bao gồm thu từ các khoản nợ đã xử lý.

Chỉ tiêu quy mô

Tổng tài sản

1.528.579 Tỷ đồng

43,2% so với năm 2024,
thuộc TOP 5 ngân hàng thương mại về quy mô tổng tài sản.

Với những nỗ lực không ngừng nghỉ, từ con số 5 triệu khách hàng trong 25 năm đầu tiên, số lượng khách hàng của MB đã tăng vọt lên 30,2 triệu trong năm 2024 và ~35 triệu khách hàng trong năm 2025 tương đương hơn 30% dân số Việt Nam. Bên cạnh đó MB tiếp tục mở rộng và hoàn thiện tính năng trên Biz MB mang lại trải nghiệm cho KHDN.

Số lượng khách hàng 2024

30,2 Triệu

Số lượng khách hàng 2025

35 Triệu

Chỉ tiêu an toàn và hiệu quả

Chất lượng nợ: Kết thúc năm 2025, tỷ lệ nợ xấu (gồm trái phiếu doanh nghiệp) ~1,1%, so với toàn ngành thì MB tiếp tục giữ tỷ lệ nợ xấu thấp nhờ tích cực kiểm soát chất lượng tín dụng và tăng trưởng tín dụng có chất lượng. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu sau khi phân loại nợ liên đới CIC theo quy định ~100%.

Các chỉ tiêu hiệu quả: duy trì nhóm đầu hệ thống về chỉ tiêu hiệu quả ROE ~23% (2024: 22,6%), ROA ~2,1% (2024: 2,25%).

ROE

~23%

(2024: 22,6%)

ROA

~2,1%

(2024: 2,25%)

Tỷ lệ an toàn vốn CAR riêng ngân hàng đáp ứng kế hoạch (CAR đạt 11,1% cao hơn 3,1% so với mức yêu cầu của NHNN là 8%). Trong năm 2025, MB đã phát hành thành công trái phiếu tăng vốn cấp 2 với tổng quy mô 12.174 tỷ đồng, trong đó, chào bán trái phiếu riêng lẻ đạt quy mô 9.976 tỷ đồng và thực hiện chào bán trái phiếu ra công chúng đạt 2.199 tỷ đồng, góp phần cải thiện tỷ lệ an toàn vốn CAR.

CAR

11,1%

cao hơn 3,1% với mức yêu cầu của NHNN là 8%)

Chào bán trái phiếu riêng lẻ đạt quy mô

9.976 Tỷ đồng

Chào bán trái phiếu ra công chúng đạt

2.199 Tỷ đồng

Chỉ tiêu kết quả kinh doanh

Thu thuần lãi năm 2025 đạt 42.779 tỷ đồng, tăng 24,7% so với năm 2024. Kiểm soát và điều hành chi phí ở các đơn vị phù hợp với thực tế kinh doanh. Áp dụng nhiều giải pháp quản trị chi phí chặt chẽ, ưu tiên chi phí thu hút khách hàng, đầu tư công nghệ thông tin và phát triển kinh doanh tạo ra doanh thu trực tiếp. Chỉ số chi phí hoạt động trên doanh thu thuần (CIR) đạt 26,05% tiếp tục tối ưu giảm thêm 1,75% so với năm 2024.

Thu thuần lãi năm 2025

42.779 Tỷ đồng

24,7% so với năm 2024.

CIR

26,05%

tiếp tục tối ưu giảm thêm 1,79% so với năm 2024.

Lợi nhuận trước thuế riêng ngân hàng

33.889 Tỷ đồng

22,6% so với năm 2024.

Ý kiến kiểm toán đối với báo cáo tài chính năm 2025 của Ngân hàng

Năm 2025, Báo cáo Tài chính của MB nhận được ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần. Chi tiết về Báo cáo tài chính tham chiếu tại chương 7 - Báo cáo Tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của MB - Tại mục "Ý kiến của kiểm toán viên".

Trách nhiệm về môi trường và xã hội

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN · 2025

Trong hành trình xây dựng và phát triển của mình, trước bối cảnh tái cấu trúc kinh tế toàn cầu, MB xác định vai trò không chỉ dừng lại ở một tổ chức trung gian tài chính mà còn là nền tảng hỗ trợ quá trình chuyển đổi của nền kinh tế. MB định hướng không chỉ cung cấp nguồn vốn mà còn định hướng dòng tiền, tăng tốc thúc đẩy đổi mới sáng tạo, đồng hành cùng khách hàng trong tiến trình chuyển đổi một cách thực chất và hiệu quả.

Để thực hiện tốt vai trò này, đồng thời thích ứng với sự thay đổi nhanh chóng của môi trường kinh doanh, MB xác định 3 định hướng chiến lược, gồm: (i) tích hợp các yếu tố Môi trường (E) – Xã hội (S) – Quản trị (G) vào hoạt động kinh doanh và quản trị rủi ro; (ii) dẫn dắt chuyển đổi số, khai thác sức mạnh dữ liệu và trí tuệ nhân tạo; và (iii) tăng cường khả năng chống chịu của hệ thống tài chính.

Với tầm nhìn trở thành "Doanh nghiệp số – Tập đoàn Tài chính dẫn đầu", MB cam kết đồng hành cùng sự phát triển bền vững của đất nước, đóng góp tích cực cho sự thịnh vượng chung của xã hội.

Chi tiết nội dung báo cáo đánh giá về trách nhiệm môi trường và xã hội được trình bày tại Chương 5 – Báo cáo Phát triển bền vững.

MB

Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ngân hàng

126 Tình hình hoạt động của Ngân hàng

132 Hoạt động của Ban Điều hành

134 Kế hoạch và định hướng của HĐQT

4

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN · 2025

Tình hình hoạt động của Ngân hàng

Thông qua Kế hoạch năm 2025 của Tập đoàn, MB và các Công ty thành viên bám sát các định hướng Chiến lược Tiếp tục kiên định với phương châm

Trở thành "Doanh nghiệp số - Tập đoàn Tài chính dẫn đầu"

Ưu tiên phát triển bền vững, củng cố chất lượng hoạt động, đầu tư nguồn lực, các nền tảng cho chiến lược phát triển dài hạn) và nghị quyết ĐHĐCĐ 2025; tiếp tục bám sát các mục tiêu Chiến lược giai đoạn 2022-2026, chú trọng xây dựng Văn hóa Doanh nghiệp số, triển khai chuyển đổi số toàn diện.

Đặc điểm, tình hình chung

Năm 2025, kinh tế toàn cầu tiếp tục vận hành trong trạng thái "phục hồi thận trọng". Hoạt động sản xuất – thương mại cải thiện dần theo chu kỳ, song vẫn chịu tác động đan xen từ biến động địa chính trị, điều kiện tài chính toàn cầu và sự phân kỳ trong tăng trưởng giữa các khu vực. Áp lực lạm phát nhìn chung hạ nhiệt so với giai đoạn cao điểm trước đây, tạo dư địa để nhiều nền kinh tế duy trì lập trường chính sách tiền tệ linh hoạt hơn, song vẫn thận trọng nhằm bảo đảm ổn định giá và kỳ vọng lạm phát. Thị trường lao động tiếp tục bền bỉ, trong khi niềm tin người tiêu dùng và doanh nghiệp tăng dần nhưng chưa đồng đều giữa các khu vực.

Nền kinh tế Việt Nam bước sang năm 2025 với nền tảng ổn định vĩ mô được củng cố, động lực tăng trưởng đến từ tiêu dùng nội địa, đầu tư công, xuất khẩu và dòng vốn FDI. Chính sách tài khóa và tiền tệ tiếp tục được điều hành theo hướng chủ động – linh hoạt – phối hợp, vừa hỗ trợ tăng trưởng, vừa giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô và kiểm soát lạm phát. Mặt bằng lãi suất và tỷ giá được theo dõi, điều tiết phù hợp với diễn biến quốc tế và cung – cầu thị trường, góp phần tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Năm 2025 ghi nhận tiến trình hoàn thiện khung khổ pháp lý đối với thị trường vốn và hệ thống ngân hàng tiếp tục được đẩy mạnh. Các văn bản hướng dẫn luật, quy định về an toàn hoạt động, quản trị rủi ro, bảo vệ nhà đầu tư và minh bạch thông tin được triển khai theo lộ trình; đồng thời, cơ quan quản lý điều hành chính sách theo hướng thận trọng, nhất quán, hỗ trợ mục tiêu tăng trưởng bền vững gắn với ổn định hệ thống tài chính – ngân hàng.

Cạnh tranh trong ngành tiếp tục gia tăng, tập trung vào:

Chuyển đổi số và trải nghiệm khách hàng: các ngân hàng đẩy mạnh số hóa quy trình, phát triển hệ sinh thái số và cá nhân hóa dịch vụ.

Quản trị rủi ro và an toàn hệ thống: chú trọng chất lượng tài sản, trích lập dự phòng chủ động, tuân thủ chuẩn mực vốn và thanh khoản.

An ninh mạng và an toàn dữ liệu: đầu tư cho bảo mật, đáp ứng yêu cầu tuân thủ và tiêu chuẩn quốc tế trong bối cảnh giao dịch số tăng trưởng nhanh.

Tối ưu cấu trúc nguồn vốn: tiếp tục nỗ lực nâng cao tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn (CASA), đa dạng hóa kênh huy động, quản trị chi phí vốn hiệu quả.

Phát triển bền vững (ESG): tích hợp các tiêu chí ESG vào chiến lược, sản phẩm và quy trình tín dụng; mở rộng tín dụng xanh, tăng cường công bố thông tin theo thông lệ tốt.

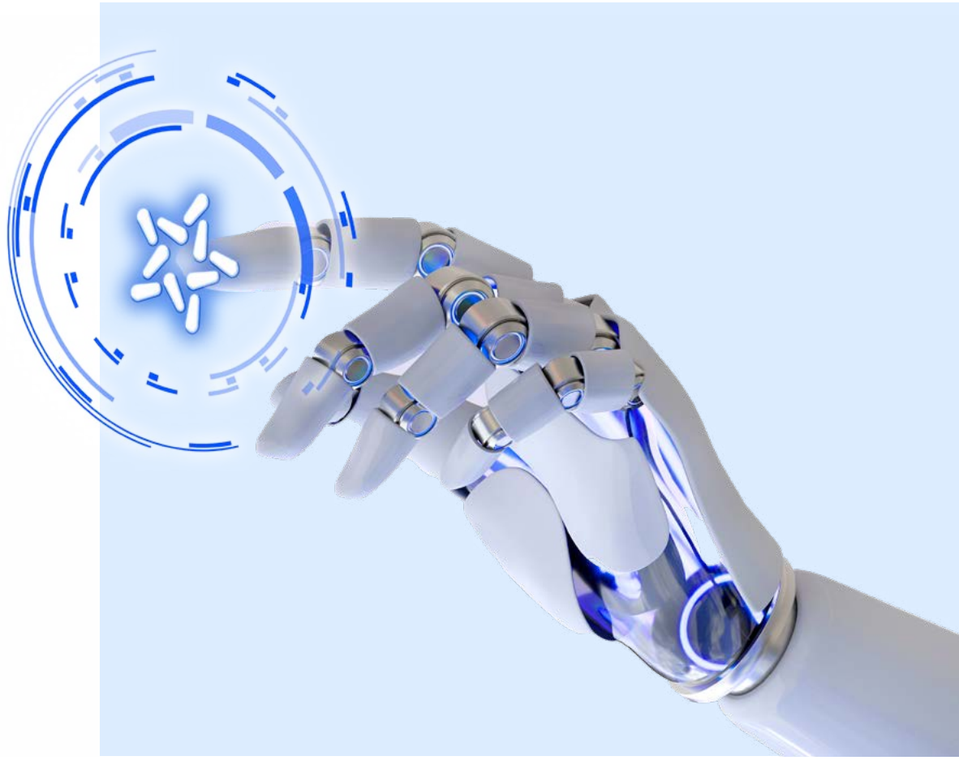

Đánh giá tổng quan hoạt động và một số kết quả nổi bật của Ngân hàng

Hoạt động kinh doanh

Dưới sự chỉ đạo sát sao và định hướng rõ ràng của HĐQT, MB đã có những bước phát triển vững chắc, kiên định với tầm nhìn "Trở thành Doanh nghiệp số - Tập đoàn tài chính dẫn đầu"; bám sát các mục tiêu đã đặt ra. Trong năm 2025, MB đạt được một số kết quả cụ thể:

MB tiếp tục duy trì quỹ đạo tăng trưởng ổn định và an toàn, hoàn thành và vượt nhiều chỉ tiêu quan trọng theo kế hoạch năm 2025 được Đại hội đồng Cổ đông giao. Tổng tài sản vượt mốc 1.600 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng vượt gấp đôi so với kế hoạch được ĐHĐCĐ thông qua năm 2025. Tăng trưởng tín dụng và tỷ lệ CASA đều giữ vị thế dẫn đầu thị trường, phản ánh năng lực cạnh tranh vững chắc của MB trên cả mảng khách hàng cá nhân và doanh nghiệp. Chất lượng tài sản được bảo đảm nhờ kiểm soát chặt chẽ nợ xấu, duy trì trong ngưỡng an toàn theo quy định và thấp hơn bình quân ngành.

Về hiệu quả hoạt động, lợi nhuận trước thuế tiếp tục thuộc top đầu toàn ngành, thể hiện năng lực quản trị chi phí, tối ưu hóa danh mục kinh doanh và tăng cường hiệu quả vận hành.

Bên cạnh kết quả tài chính tích cực, MB ghi dấu ấn là ngân hàng tiên phong triển khai ESG một cách toàn diện. Trong năm, Ngân hàng đã ban hành đồng bộ các chính sách ESG, triển khai khung tín dụng xanh, phát triển danh mục sản phẩm tài chính bền vững, và từng bước tích hợp ESG vào quản trị, điều hành và quản lý rủi ro. Tỷ trọng dư nợ tín dụng xanh trong năm 2025 chiếm gần 7% tổng dư nợ, một trong những tỷ lệ cao trên thị trường, khẳng định định hướng chiến lược của MB trong thúc đẩy tài chính xanh và phát triển bền vững.

Đánh giá tình hình tài chính của Ngân hàng

Đầu tư năng lực số, ngân hàng kinh doanh nền tảng, sáng tạo các giá trị mới phục vụ khách hàng

Năm 2025, MB ra mắt Tài khoản Chạm, cho phép khách hàng sử dụng trực tiếp tài khoản thanh toán trên Apple Pay và Google Pay, kích hoạt chỉ trong 5 bước và thanh toán bằng Face ID hoặc vân tay ngay cả khi không có mạng. Giải pháp thúc đẩy mạnh mẽ thanh toán không tiền mặt, hỗ trợ MB mở rộng hiện diện trong hệ sinh thái thanh toán toàn cầu. Cùng với đó, mạng lưới 1.800 điểm đại lý thanh toán và doanh số huy động số đạt 1.400 tỷ đồng/ngày giúp MB tiếp cận sâu hơn đến các khu vực ngoài đô thị.

MB tăng cường bảo mật với bộ giải pháp App Protection 3 lớp (NFC, ZDefend, GlueShield, AI-based), đạt 95% tỷ lệ bảo vệ khách hàng. Hạ tầng công nghệ xử lý 37 triệu request/ngày với tỷ lệ thành công 99,5%, rút ngắn 30% thời gian phát hiện sự cố nhờ hệ thống giám sát thông minh. Mô hình vận hành active–active đảm bảo tính sẵn sàng cao và khả năng mở rộng đáp ứng nhu cầu tăng trưởng lớn.

MB triển khai tín dụng số toàn trình cho SME siêu nhỏ, rút ngắn thời gian phê duyệt xuống 1–2 ngày và cắt giảm 100% phê duyệt thủ công, 90% thẩm định, 90% vai trò chi nhánh. Hợp đồng được ký số bằng CA Cloud, giải ngân 24/7, kết hợp tự động tái cấp hạn mức, giúp giảm sai sót và tăng hiệu quả vận hành. Bên cạnh đó, MB tiếp tục đầu tư mạnh cho hạ tầng công nghệ với tổng mức 16.800 tỷ đồng giai đoạn 2015–2025, sở hữu 121 ứng dụng, 574 cơ sở dữ liệu, 7.602 server, 23.700 TB lưu trữ, cùng lực lượng IT chiếm 11,9% tổng nhân sự vào cuối năm 2025.

Nâng cao năng lực QTRR, tuân thủ các quy định pháp luật và NHNN

Trong năm 2025, Hội đồng Quản trị cùng Ủy ban Quản lý rủi ro tiếp tục giữ vai trò định hướng và giám sát toàn diện hệ thống quản trị rủi ro của MB, bảo đảm vận hành trong các giới hạn an toàn được thiết lập và từng bước áp dụng các chuẩn mực quản trị rủi ro theo thông lệ quốc tế. MB đẩy mạnh lộ trình đáp ứng Basel III, trở thành một trong những ngân hàng tiên phong triển khai các yêu cầu về vốn, thanh khoản và quản lý rủi ro nâng cao.

Các cấp quản trị và điều hành, bao gồm HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, các khối nghiệp vụ và công ty thành viên, đã tiến hành rà soát toàn bộ quy định nội bộ nhằm bảo đảm sự phù hợp với Luật Các tổ chức tín dụng 2024 và Điều lệ MB. Trên cơ sở đó, MB đã điều chỉnh và ban hành mới nhiều quy chế quản trị nhằm tăng cường tuân thủ và nâng cao tính hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ.

Về các chỉ tiêu an toàn, chỉ số CAR hợp nhất duy trì ở mức 11,0%, đáp ứng yêu cầu của NHNN và bảo đảm nền tảng vốn vững chắc cho tăng trưởng bền vững.

Năm 2025, MB duy trì tăng trưởng mạnh ở nhóm chỉ tiêu quy mô với tổng tài sản tăng hơn 43%, vượt kế hoạch, nhờ tín dụng tăng 37%. Vốn chủ sở hữu tăng 21%, trong đó vốn điều lệ tăng 52% qua chia cổ tức, góp phần nâng cao năng lực tài chính. Tỷ lệ CAR hợp nhất đạt 11,0%, cao hơn yêu cầu quy định và bảo đảm tuân thủ Basel II.

Ở nhóm chỉ tiêu hoạt động, MB ghi nhận huy động vốn tăng 32% lên 1.062 nghìn tỷ đồng, đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng vốn; tín dụng tăng mạnh 37% đạt 1.110 nghìn tỷ đồng, với tăng trưởng nổi bật từ KHDN (+45%) và KHCN (+32%). Tỷ lệ nợ xấu giảm còn 1,3%, thấp hơn kế hoạch (<1,7%), trong khi tỷ lệ nợ quá hạn giảm 1%, phản ánh chất lượng tài sản cải thiện rõ rệt.

Hiệu quả kinh doanh tiếp tục được khẳng định với lợi nhuận trước thuế tăng 19%, vượt kế hoạch 10%; tổng thu nhập hoạt động tăng 22%, trong đó thu lãi thuần tăng 25% và thu phí thuần tăng 51%. MB kiểm soát tốt chi phí khi CIR duy trì ở mức 29,1%, còn COF ổn định quanh 3,2% nhờ CASA tăng hơn 24%. Các chỉ số sinh lời như ROE, ROA dù điều chỉnh nhẹ nhưng vẫn hoàn thành kế hoạch và thuộc nhóm dẫn đầu ngành, hỗ trợ định giá cổ phiếu duy trì mức hấp dẫn (P/E, P/B) và EPS ở mức cao.

Đánh giá trách nhiệm đối với môi trường và xã hội của Ngân hàng

Kiên định với tầm nhìn trở thành "Doanh nghiệp số – Tập đoàn Tài chính dẫn đầu" và định hướng dài hạn trở thành "Tổ chức phát triển bền vững", trong năm 2025, MB đã triển khai các chính sách tín dụng theo hướng xanh và có trách nhiệm. Ngân hàng ưu tiên cấp vốn cho các dự án năng lượng sạch, hạ tầng thân thiện môi trường và các doanh nghiệp hoạt động theo mô hình kinh tế xanh. Song song với đó, MB đẩy mạnh các chương trình trách nhiệm xã hội, chú trọng lan tỏa giá trị tích cực tới cộng đồng, đóng góp cho mục tiêu nâng cao chất lượng cuộc sống và phát triển kinh tế – xã hội.

Trong năm 2025, MB ghi nhận nhiều giải thưởng quốc tế và trong nước liên quan đến phát triển bền vững, minh chứng cho định hướng ESG nhất quán:

Best Bank for ESG Vietnam 2025

Global Banking & Finance Review (GBAF)

Đạt chứng nhận Gold LEED cho Tòa nhà Hội sở MB, 18 Lê Văn Lương, Hà Nội

Hội đồng Công trình Xanh Hoa Kỳ chứng nhận

Nền tảng Thiện nguyện chiến thắng tại World Summit Awards năm 2025 - WSA25 Winner

hạng mục Government & Citizen Engagement

Đội ngũ có 61% là nữ giới

MB triển khai 137 chương trình an sinh xã hội

App Thiện nguyện với 3,7 triệu lượt ủng hộ

MB tiếp tục mở rộng tín dụng bền vững với quy mô tín dụng xanh đạt 68.501 tỷ đồng và dư nợ SME đạt 315.365 tỷ đồng, đáp ứng nhu cầu vốn của doanh nghiệp và các dự án ưu tiên. Ngân hàng triển khai mạnh mẽ tín dụng xanh với 5.148 khoản vay, đồng thời thực hiện đánh giá rủi ro môi trường – xã hội cho 100% dự án theo quy định hiện hành. Tổng 126.361 tỷ đồng dư nợ nằm trong phạm vi được quản lý rủi ro MTXH (chiếm 12,1%), cùng nguồn 500 triệu USD vốn xanh quốc tế, tạo động lực thúc đẩy danh mục tín dụng bền vững.

Ngân hàng triển khai các biện pháp giảm phát thải và sử dụng tài nguyên hiệu quả, với hệ thống theo dõi phát thải KNK phạm vi 1 và 2, cường độ phát thải trên doanh thu và các chỉ số tiêu thụ điện – nước được duy trì ở mức kiểm soát. Các hoạt động vận hành hướng đến tiết kiệm tài nguyên, thể hiện qua lượng mực in bình quân 79,2 g/người, giấy in 6,29 kg/người. MB tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật về môi trường và tiếp tục đóng góp vào đa dạng sinh học thông qua chương trình trồng 1 triệu cây xanh tại Trường Sa thuộc dự án HiGreen.

MB triển khai 137 chương trình an sinh xã hội với tổng kinh phí 620 tỷ đồng, đồng thời mở rộng nền tảng App Thiện nguyện với quy mô 1.696 tỷ đồng đóng góp, 3,7 triệu lượt ủng hộ, 3.675 chiến dịch và 872.000 thành viên. Ngân hàng chú trọng phát triển nguồn nhân lực với 82,91 giờ đào tạo bình quân, 657 khóa học, duy trì mức thu nhập cạnh tranh khoảng 39,4 triệu đồng/tháng và đội ngũ có 61% là nữ giới. Hạ tầng phục vụ khách hàng tiếp tục được tăng cường với 1.134 ATM/CRM và 327 điểm giao dịch trên toàn quốc.

Trong năm, MB đóng góp 8.066 tỷ đồng cho ngân sách Nhà nước và đảm bảo toàn bộ hệ thống thông tin vận hành an toàn, không phát sinh vi phạm về bảo mật. Tính đa dạng giới trong cơ cấu lãnh đạo được duy trì nổi bật với 4/11 thành viên HĐQT, 4/5 thành viên Ban Kiểm soát, và 7/13 thành viên Ban Điều hành là nữ. Những chỉ số này phản ánh cam kết của MB trong minh bạch, quản trị hiệu quả và phát triển bền vững.

Hoạt động của Ban Điều hành

Đánh giá hiệu quả hoạt động của Ban Điều hành MB trong năm 2025

Bám sát các chỉ đạo của HĐQT, Chiến lược MB 2022-2026 và kế hoạch kinh doanh năm 2025, Ban Điều hành đã tích cực chủ động thực thi kế hoạch kinh doanh ngay từ đầu năm:

Đẩy mạnh công tác hiệp lực Tập đoàn

Tổ chức triển khai họp Hội đồng điều phối tập đoàn định kỳ, kịp thời nhận diện các nội dung quan trọng trong Tập đoàn cần tập trung ưu tiên, thúc đẩy doanh thu bán chéo giữa ngân hàng và các công ty thành viên.

Hợp nhất dữ liệu tập đoàn, tổng số lượng khách hàng hợp nhất thành công đạt 36,7 triệu khách hàng. Chỉ cần có tài khoản định danh tại MB, khách hàng có thể kết nối với tài khoản chứng khoán MBS, tài khoản quỹ đầu tư của MB Capital, thực hiện đầu tư và thanh toán tức thì. Ngoài ra, khách hàng vay vốn tại MB, Mcredit có thể được tư vấn gói bảo hiểm phù hợp tại MIC/MB Life; doanh nghiệp vay vốn có thể kết nối với dịch vụ tư vấn phát hành trái phiếu từ MBS...

Tập trung đẩy mạnh triển khai các dự án nền tảng, sáng kiến chiến lược, các chương trình kinh doanh trọng tâm đúng tiến độ

MB đang triển khai chiến lược giai đoạn 2022-2026 với tầm nhìn trở thành "Doanh nghiệp số, Tập đoàn tài chính dẫn đầu" trên cơ sở phương pháp MB1688. Trong đó, MB1688 được hiểu là MB hướng đến 1 tầm nhìn, 6 giá trị văn hóa "Đoàn kết – Kỷ luật – Tận tâm – Thực thi – Tin cậy – Hiệu quả", 8 định hướng chiến lược:

01 Là một tổ chức tạo giá trị cho khách hàng

02 Là tổ chức có năng lực công nghệ vượt trội

03 Là tổ chức ra quyết định dựa trên khách hàng và dữ liệu

04 Là tổ chức đầu tư cho kinh doanh và nền tảng

05 Là tổ chức dám thử nghiệm có kiểm soát

06 Là tổ chức có phương pháp làm việc khoa học

07 Là tổ chức học hỏi và hạnh phúc

08 Là tổ chức phát triển bền vững và 8 phương pháp làm việc trọng yếu

Hoàn thành dự án xây dựng nền tảng quản trị tiên tiến gồm: Khung quản trị rủi ro ESG, Khung quản trị và chính sách ESG, cùng lộ trình chuyển đổi mô hình quản trị tiên tiến, dư nợ tín dụng xanh chiếm ~7% tín dụng toàn hàng.

Triển khai các mô hình kinh doanh chuyên biệt cho từng phân khúc khách hàng, phát triển những gói sản phẩm theo sát nhu cầu từng tệp người dùng. Với khách hàng cá nhân ưu tiên, MB cung cấp sản phẩm MB Priland – giải pháp tài chính cho nhu cầu cấp vốn mua bất động sản, chính sách vay ưu đãi và tư vấn chuyên biệt. Với khách hàng doanh nghiệp lớn, nền tảng số BIZ MBBank giúp số hóa toàn bộ quy trình từ vay vốn đến phát hành L/C, rút ngắn thời gian xử lý gấp 10 lần.

Công tác chuyển đổi số

Chuyển dịch số toàn diện trong hoạt động vận hành, Top ngân hàng dẫn đầu về chuyển đổi số với 12,4 tỷ giao dịch tài chính tăng gấp 1,4 lần so với năm 2024, tỷ lệ chuyển đổi số ~98,9%, trong đó chuyển đổi số tại Sàn giao dịch đạt 99,32%, giao dịch chuyển khoản đạt 99,4% trên kênh số, giao dịch tiết kiệm đạt 94,3%, rút tiền tại ATM/CRM đạt 93,2%. Áp dụng giải pháp số hóa chữ ký điện tử cho văn kiện tín dụng, tăng trải nghiệm khách hàng và tối ưu chi phí in ấn/lưu trữ hồ sơ. Tiên phong sáng tạo và cải tiến số hóa toàn luồng quy trình vận hành, tỷ lệ chính xác Doc AI tự động xử lý chứng từ đạt ~83%, tỷ lệ phục vụ bằng ChatBot đạt ~85%.
Chính thức đưa vào vận hành nền tảng thanh toán tập trung mới Payment Platform (PMP), quy hoạch toàn bộ kênh giao dịch chuyển tiền (quầy/App/Biz/API) vào nền tảng chung. Tổng lưu lượng giao dịch xử lý qua nền tảng mới ~37 triệu request/ngày, tăng tỷ lệ giao dịch thành công và giảm thiểu rủi ro, thông qua các cơ chế kiểm soát thông minh như auto-switching, kiểm tra rủi ro đa nguồn (FRCM, SIMO), định tuyến thông minh…

Chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ các hệ thống nền tảng phục vụ khách hàng, triển khai giải pháp bảo vệ tài chính theo suốt hành trình khách hàng trên App/Biz MB với chiến lược bảo vệ đa lớp giúp phát hiện và cảnh báo rủi ro, tạo sự an tâm khi sử dụng dịch vụ ngân hàng số. Tỷ lệ bảo vệ đạt 80%, mức độ thiệt hại của khách hàng giảm từ 20 tỷ/tháng xuống 2,2 tỷ/tháng.

MB đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong nhiều lĩnh vực hoạt động, qua đó hướng tới xây dựng mô hình vận hành bền vững, linh hoạt và có khả năng thích ứng cao trước những biến động của thị trường. Việc triển khai AI góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng tính nhất quán và chuẩn hóa trải nghiệm khách hàng trên mọi nền tảng. Đồng thời, thông qua tự động hóa và tối ưu hóa quy trình, AI giúp rút ngắn thời gian xử lý, nâng cao năng suất lao động và tối ưu đáng kể chi phí hoạt động. Nhờ những nỗ lực này, tỷ lệ chi phí trên tổng doanh thu hoạt động (CIR) của MB đạt khoảng 25,23%, giảm 1,9% so với năm 2024.

Tăng cường ứng dụng các mô hình dựa trên dữ liệu phục vụ kinh doanh. Thúc đẩy giải pháp quản trị lead tiềm năng và nhận diện cơ hội bán hàng theo thời gian thực giúp lực lượng bán tăng tỷ lệ chuyển đổi, cá nhân hóa kịch bản tiếp cận và rút ngắn thời gian tương tác khách hàng. Ứng dụng nền tảng công nghệ realtime và event-based hỗ trợ cung cấp thông tin kịp thời, tối ưu hóa hoạt động kinh doanh. Triển khai hệ thống quản lý và truy vết luồng xử lý dữ liệu, đảm bảo tính toàn vẹn của dữ liệu trên nền tảng Data Platform khi dữ liệu được lưu trữ và tổng hợp trên đa nền tảng và các layer khác nhau.

Xây dựng nguồn lực linh hoạt trong kỷ nguyên số, MB sở hữu đội ngũ nhân sự và chuyên gia công nghệ hùng hậu nhất hiện nay với ~2.500 người, chiếm ~12% tổng nhân sự toàn hệ thống. MB luôn đặt con người vào trung tâm trong mọi hoạt động, thể hiện qua chính sách phúc lợi toàn diện và sáng tạo. Những chính sách này nằm ở chế độ đãi ngộ tài chính, tạo nên một môi trường làm việc lành mạnh, cơ hội thăng tiến rõ ràng và ghi nhận xứng đáng mọi nỗ lực của từng cá nhân. Một trong những chiến lược nổi bật là cam kết "3 cao" – năng lực cao, tốc độ cao, kết quả cao. Cam kết này thúc đẩy mỗi nhân viên hướng tới hiệu suất làm việc cao nhất và đạt mục tiêu nhanh chóng.

Top ngân hàng dẫn đầu về chuyển đổi số với

12,4 Tỷ giao dịch

Tỷ lệ chuyển đổi số

~98,9 %

Chỉ đạo các khối/đơn vị bám sát mục tiêu kế hoạch, nỗ lực tăng trưởng tín dụng song song với kiểm soát chất lượng tín dụng; huy động vốn phù hợp đảm bảo kinh doanh, thanh khoản và tối ưu chi phí vốn

Hoạt động tín dụng: Ngân hàng đã tổ chức điều hành tăng trưởng tín dụng theo giới hạn được NHNN phê duyệt. Tổng dư tín dụng trong nước đạt 1.053.111 tỷ đồng, tăng ~35% so với 2024, tận dụng tối đa hạn mức tín dụng được cấp.

Hoạt động huy động vốn: điều hành tăng trưởng phù hợp với nhu cầu sử dụng vốn. Huy động vốn thời điểm 31/12/2025 đạt 1.049.871 tỷ đồng, tăng 31,3% so với 31/12/2024. Quy mô tiền gửi không kỳ hạn (CASA) đạt 349.533 tỷ đồng tại 31/12/2025, tỷ lệ CASA thời điểm (gồm sinh lãi ngày) trên tổng tiền gửi khách hàng ~38,5% – giữ vị trí Top đầu trong hệ thống ngân hàng thương mại. Tỷ lệ LDR tại thời điểm cuối năm 2025 ~79,47%, nằm trong giới hạn quy định của NHNN.

Kế hoạch và định hướng của HĐQT

Kế hoạch và định hướng của HĐQT trong năm 2026

Năm 2026, MB tràn đầy khí thế tuổi 32, kỷ niệm 30 năm hình thành và phát triển khu vực phía Nam – một chặng đường đáng tự hào. Với tinh thần đó MB quyết tâm chinh phục những đỉnh cao mới với các mục tiêu trọng yếu:

- TÍN DỤNG (Dư nợ + TPDN + Mua nợ): ↑~30%
- HUY ĐỘNG: ↑~30%
- LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ: ↑15% Phấn đấu 20%
- %NPL: ≤1,5%
- CIR: Top đầu ngành NH
- ROE: Top đầu ngành NH
- ROA: Top đầu ngành NH

Khách hàng (triệu KH)

% Doanh thu kênh số > 50%

%CASA

Top 1

Năng suất lao động

↑~20%

Quản trị an toàn vốn theo thông lệ quốc tế

Đẩy mạnh hợp lực tập đoàn, nâng cao hiệu quả CTTV

MB

Báo cáo phát triển bền vững

138 Thông tin báo cáo phát triển bền vững

139 Thông điệp phát triển bền vững của MB

142 Thành tựu nổi bật về phát triển bền vững

151 Báo cáo của Ban Điều hành về trách nhiệm Môi trường – Xã hội

152 Quy trình xác định các chủ đề trọng yếu

158 Các trụ cột chiến lược Quản trị Phát triển bền vững

168 Khách hàng là trung tâm

177 Bảo vệ Môi trường

186 Cộng đồng và Xã hội thịnh vượng

208 Các chủ đề nền tảng Số hóa

5

Thông tin báo cáo phát triển bền vững

Mục đích	Báo cáo được lập nhằm trình bày và công bố các thông tin chính thức liên quan đến định hướng chiến lược, mục tiêu và kết quả triển khai các chương trình, sáng kiến phát triển bền vững tại MB.
Kỳ báo cáo	Báo cáo phát triển bền vững năm 2025 được tích hợp với Báo cáo thường niên của Ngân hàng theo năm tài chính, bắt đầu từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025. Tần suất báo cáo: thường niên.
Tiêu chuẩn áp dụng/tham chiếu	Nội dung báo cáo được xây dựng trên cơ sở tham chiếu các nguyên tắc, hướng dẫn của Khung tiêu chuẩn chung mới nhất do tổ chức Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI) ban hành (Universal Standards 2021) và 17 mục tiêu PTBV của Liên hợp quốc (17 SDGs).
Phạm vi báo cáo	Thông tin trong báo cáo bao gồm toàn bộ hoạt động Ngân hàng TMCP Quân đội (MBBank) (Hội sở, các đơn vị chi nhánh, phòng giao dịch) và các công ty con của MBBank. Trong một số nội dung, những thay đổi trong phạm vi thu thập dữ liệu sẽ được ghi chú cụ thể.
Thông tin liên hệ/Đầu mối phụ trách hoạt động PTBV	**Phòng Quan hệ Nhà đầu tư** **Email:** ir@mbbank.com.vn **Điện thoại:** 02462661088 – máy lẻ 3600

Thông điệp phát triển bền vững của MB

Bối cảnh phát triển bền vững trên toàn cầu, tại Việt Nam và ngành ngân hàng

Năm 2025 đánh dấu một bước chuyển sâu sắc của kinh tế toàn cầu, thế giới bước vào giai đoạn chuyển đổi cấu trúc toàn diện, nơi các thách thức môi trường – địa chính trị - kinh tế tái định hình nền tảng phát triển toàn cầu. Những biến động về thương mại, chuỗi cung ứng và cạnh tranh chiến lược giữa các quốc gia đã làm thay đổi xu hướng toàn cầu hóa, ưu tiên an ninh kinh tế: chuyển từ mô hình chuỗi cung ứng tập trung sang cấu trúc chuỗi cung ứng đa khu vực (multiple regional hub), từ thương mại tự do thuần túy sang thương mại gắn với lợi ích chiến lược quốc gia, từ vận hành tối ưu chi phí – lợi nhuận sang mô hình dự phòng, tối ưu rủi ro nhằm nâng cao khả năng chống chịu trước các gián đoạn toàn cầu. Đồng thời, các vấn đề môi trường và biến đổi khí hậu ngày càng trở thành rủi ro trọng yếu, mang tính hệ thống đối với nền kinh tế và tài chính. Phát triển bền vững không còn là mục tiêu dài hạn mà đã trở thành điều kiện thiết yếu để bảo đảm ổn định kinh tế và khả năng chống chịu của các quốc gia. Trong bối cảnh đó, dòng vốn toàn cầu đang dịch chuyển mạnh sang các lĩnh vực kinh tế xanh, chuyển đổi năng lượng, đổi mới công nghệ và quản trị dựa trên dữ liệu.

Trong bối cảnh tái cấu trúc kinh tế toàn cầu, Việt Nam nổi lên như một điểm sáng nhờ nền tảng ổn định vĩ mô với mức tăng trưởng GDP đạt 8,02% năm 2025 - vượt xa dự báo của các tổ chức quốc tế, lạm phát bình quân được kiểm soát ở mức 3,31% - tạo đà cho sản xuất, xuất khẩu và đầu tư phát triển, tổng kim ngạch xuất – nhập khẩu ước đạt 930 tỷ USD, tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam năm 2025 ước đạt 27,62 tỷ USD – là mức cao nhất trong 5 năm qua, đầu tư công và tiêu dùng nội địa là động lực dẫn dắt cốt lõi, giúp giảm thiểu sự phụ thuộc quá mức vào các yếu tố ngoại biên, kiến tạo nền tảng hậu cần vững chắc cho lộ trình chuyển đổi xanh và chuyển đổi số; cùng khả năng hội nhập sâu rộng và vị thế ngày càng quan trọng trong chuỗi cung ứng khu vực. Sự dịch chuyển sản xuất và thương mại quốc tế mở ra cơ hội lớn để Việt Nam nâng cấp mô hình tăng trưởng, chuyển từ lợi thế chi phí sang lợi thế về chất lượng, đổi mới sáng tạo và phát triển bền vững. Tuy nhiên, cơ hội đi cùng với thách thức chưa từng có, Việt Nam là một trong những quốc gia chịu tác động lớn của biến đổi khí hậu, đồng thời phải đáp ứng các tiêu chuẩn ngày càng cao về môi trường, quản trị và minh bạch theo yêu cầu thị trường quốc tế. Phát triển bền vững không chỉ là định hướng chính sách mà đã trở thành yếu tố quyết định năng lực cạnh tranh quốc gia trong giai đoạn mới. Giai đoạn phát triển tiếp theo của Việt Nam sẽ được định hình bởi 03 động lực trọng tâm: Kinh tế xanh – Kinh tế số - Kinh tế tri thức nhằm nâng cao khả năng chống chịu và chủ động thích ứng trước các biến động toàn cầu.

Trong bối cảnh đó, vai trò của ngành ngân hàng cũng được tái định nghĩa mạnh mẽ. Ngân hàng không còn chỉ là tổ chức trung gian tài chính mà trở thành nền tảng hỗ trợ quá trình chuyển đổi của nền kinh tế. Trách nhiệm của chúng tôi không chỉ dừng lại ở việc cung cấp vốn mà còn ở việc định hướng dòng vốn hiệu quả, tăng tốc thúc đẩy đổi mới sáng tạo và đồng hành cùng khách hàng trong hành trình chuyển đổi bền vững một cách thực chất và hiệu quả. Trước những thay đổi của môi trường kinh doanh, Ngân hàng xác định 03 định hướng chiến lược:

Thúc đẩy tăng trưởng bền vững: tích hợp các yếu tố Môi trường (E) – Xã hội (S)– Quản trị (G) vào hoạt động kinh doanh và quản trị rủi ro

Dẫn dắt chuyển đổi số và khai thác sức mạnh dữ liệu và trí tuệ nhân tạo, nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ và năng lực ra quyết định

Tăng cường khả năng chống chịu của hệ thống tài chính, hỗ trợ doanh nghiệp và khách hàng thích ứng với môi trường kinh tế toàn cầu ngày càng biến động.

Chúng tôi tin rằng ngân hàng của tương lai không chỉ đo lường thành công bằng quy mô tăng trưởng, mà còn bằng giá trị dài hạn tạo ra cho nền kinh tế, xã hội và các thế hệ tiếp theo. Bước sang năm 2026, Ngân hàng tiếp tục kiên định với cam kết phát triển bền vững, xem đây là nền tảng cho tăng trưởng dài hạn. Chúng tôi sẽ tiếp tục thúc đẩy tài chính xanh, nâng cao tiêu chuẩn quản trị, đầu tư mạnh mẽ vào công nghệ và phát triển nguồn nhân lực nhằm xây dựng một tổ chức linh hoạt, minh bạch, bền vững và có trách nhiệm với cộng đồng. Trong một thế giới nhiều biến động, niềm tin trở thành tài sản quan trọng nhất của Ngân hàng. Niềm tin của khách hàng, cổ đông, đối tác và xã hội là động lực để chúng tôi không ngừng đổi mới và phát triển. Với tầm nhìn dài hạn và tinh thần tiên phong, Ngân hàng cam kết đồng hành cùng sự phát triển của đất nước, đóng góp tích cực vào Kỷ nguyên mới - Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, tập trung đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển kinh tế số và xã hội số.

Chiến lược Phát triển bền vững của MB

Tầm nhìn	"Trở thành Doanh nghiệp Số - Tập đoàn tài chính dẫn đầu"
Sứ mệnh	"Vì sự phát triển của đất nước, lợi ích của khách hàng"
Mục tiêu dài hạn	"Thực hành ESG tiên tiến, hướng tới Net-Zero" Mục tiêu phát triển bền vững MB được xây dựng phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp quốc, phù hợp Chiến lược quốc gia và Kế hoạch hành động ngành Ngân hàng về tăng trưởng xanh và biến đổi khí hậu, hướng tới phát triển mô hình Ngân hàng xanh
Định hướng Phát triển bền vững	"Là tổ chức phát triển bền vững" MB quản trị rủi ro chủ động thông minh bằng cách hiểu biết sâu sắc rủi ro, kết hợp kiểm nghiệm thực tế, sử dụng các mô hình dữ liệu để cải tiến và để tìm ra các giải pháp hướng đến Khách hàng; Là ngân hàng có trách nhiệm xã hội cao; Bảo vệ môi trường, phát triển xanh và bền vững
Các trụ cột chính của Chiến lược Phát triển bền vững	Nội dung phát triển bền vững của MB được thể hiện thông qua 4 trụ cột Khách hàng – Môi trường – Xã hội – Quản trị và nền tảng Số hóa với 12 chủ đề ESG trọng yếu, hướng tới mục tiêu Net-Zero

QUẢN TRỊ

Củng cố nền tảng quản trị vững mạnh, tiên tiến, bền vững và hội nhập theo xu hướng toàn cầu
- Tuân thủ quy định
- Đạo đức kinh doanh

XÃ HỘI

Đẩy mạnh đào tạo, nâng cao kỹ năng đội ngũ nhân sự, tăng cường cam kết trách nhiệm xã hội và đóng góp cho cộng đồng
- Giáo dục & Đào tạo
- Đóng góp cho cộng đồng địa phương

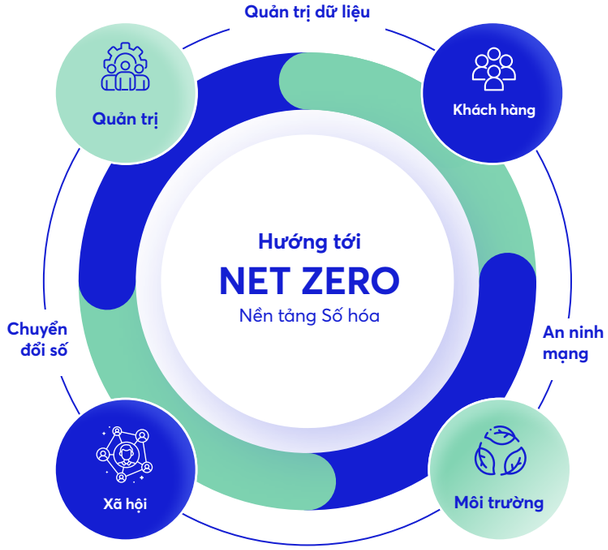

KHÁCH HÀNG

Tích cực đồng hành cùng khách hàng trong hành trình chuyển đổi ESG thông qua hoạt động tài trợ có trách nhiệm và trải nghiệm tài chính vượt trội
- Tài chính xanh
- Trải nghiệm khách hàng
- Tài chính toàn diện

MÔI TRƯỜNG

Chủ động tích cực giảm phát thải trong vận hành và trong danh mục, tăng cường quản lý rủi ro khí hậu
- Giảm phát thải
- Quản lý rủi ro liên quan đến khí hậu

Thành tựu nổi bật về phát triển bền vững tại MB

Dấu ấn phát triển bền vững năm 2025

Top 10 doanh nghiệp niêm yết có VNSI cao nhất

theo đánh giá của Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE)

Best Bank for ESG Vietnam 2025

Bởi Global Banking & Finance Review (GBAF)

Nền tảng Thiện nguyện chiến thắng tại World Summit Awards năm 2025 - WSA25 Winner

Hạng mục Government & Citizen Engagement

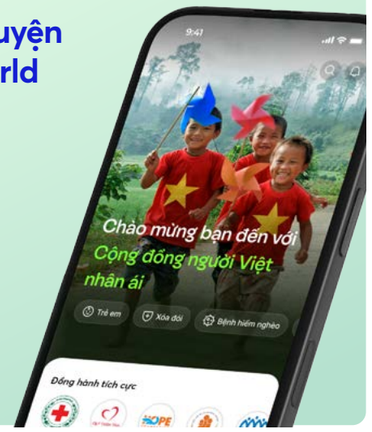

Đạt chứng nhận Gold LEED cho Tòa nhà Hội sở MB, 18 Lê Văn Lương, Hà Nội

Do Hội đồng Công trình Xanh Hoa Kỳ chứng nhận

Khách hàng

Số lượng dự án được đánh giá rủi ro MTXH

100% dự án

theo TT17/2022/TT-NHNN

Tỷ trọng dư nợ được quản lý rủi ro MTXH

12,1%

theo TT17/2022/TT-NHNN

Quy mô tín dụng xanh

68.501 TỶ ĐỒNG

5,3% so với năm 2024

Dư nợ cho SME

315.365 TỶ ĐỒNG

38,5% so với năm 2024

Dư nợ được quản lý rủi ro MTXH

126.361 TỶ ĐỒNG

TT17/2022/TT-NHNN

Vốn xanh quốc tế

500 triệu USD

Số lượng khoản vay xanh

5.148 khoản vay

theo Công văn số 9050/2017/NHNN-TD

Môi trường

Tiêu thụ điện năm 2025 (riêng Hội sở)

4.784.300 kWh

3,3% so với năm 2024 (4.948.100 kWh)

Phát thải KNK (phạm vi 2 - riêng Hội sở)

3.154 tCO2e

3,3% so với năm 2024 (3.261 tCO2e)

Tiêu thụ nước năm 2025 (riêng Hội sở)

28.664 m^3

3,5% so với năm 2024 (29.711 m^3)

Đa dạng sinh học

1 triệu cây xanh được trồng cho Trường Sa năm 2025 thông qua Dự án HiGreen

Lượng giấy in

6,29 kg/người

4% so với năm 2024

Lượng mực in

79,2 g/người

5,4% so với năm 2024

Rác sinh hoạt (riêng Hội sở)

1.080 m^3

không thay đổi so với năm 2024

Tuân thủ pháp luật về môi trường

KHÔNG ghi nhận vi phạm

Xã hội

Đóng góp An sinh xã hội, phát triển cộng đồng: Thực hiện 137 chương trình với tổng kinh phí hơn

620 TỶ ĐỒNG

55% so với năm 2024

Phát triển nguồn lực

82,91 giờ đào tạo bình quân

17,2 % so với năm 2024

657 khoá học

9,32% so với năm 2024

App Thiện nguyện

1.696 TỶ ĐỒNG

gần 2 lần so với năm 2024

3,7 triệu lượt ủng hộ

3.675 chiến dịch

872.000 thành viên

Tỷ lệ nữ giới

61% trong lực lượng CBNV (tính riêng MB)

17,2 % so với năm 2024

Mạng lưới

1.134 điểm giao dịch ATM/CRM

7,5% so với năm 2024

327 điểm giao dịch trên cả nước

2,5% so với năm 2024

Dự án HiGreen – Trường Sa

160 TỶ ĐỒNG

Quản trị

Đóng góp Ngân sách nhà nước toàn Tập đoàn

9.993 TỶ ĐỒNG

15,9% so với năm 2024

An toàn và bảo mật thông tin

KHÔNG phát sinh vi phạm

Đa dạng giới trong HĐQT và cấp quản lý cao nhất

4/11 thành viên HĐQT là nữ

7/13 thành viên Ban Điều hành là nữ

4/5 thành viên Ban Kiểm soát là nữ

Các dự án trọng điểm về phát triển bền vững năm 2025

Dự án xây dựng hệ thống dữ liệu ESG

Trong năm 2025, MB triển khai Dự án xây dựng hệ thống dữ liệu ESG nhằm hiện thực hóa mục tiêu nâng cao mức độ trưởng thành trong quản trị phát triển bền vững. Hệ thống dữ liệu ESG đóng vai trò chuẩn hóa và thống nhất phương pháp ghi nhận, đo lường và theo dõi các chỉ tiêu liên quan đến phát triển bền vững trên toàn hệ thống, qua đó đảm bảo tính nhất quán, minh bạch và khả năng đối soát của dữ liệu. Việc thiết lập nền tảng dữ liệu chuẩn hóa tạo cơ sở cho công tác thu thập, tổng hợp và báo cáo thông tin ESG phục vụ đồng thời hai mục đích: nâng cao hiệu quả quản trị nội bộ và đáp ứng yêu cầu công bố thông tin ngày càng cao của thị trường.

Trên cơ sở khung dữ liệu đã xây dựng, năm 2026 MB tiếp tục hoàn thiện nền tảng dữ liệu ESG, tăng cường khả năng khai thác hướng đến tập trung, chuẩn hóa, bao gồm tăng cường khả năng khai thác, mở rộng phạm vi thu thập thông tin dữ liệu tiệm cận thông lệ quốc tế về công bố thông tin phát triển bền vững và nâng cao năng lực quản trị đáp ứng kỳ vọng của cơ quan quản lý, nhà đầu tư và các tổ chức xếp hạng.

Dự án xây dựng Khung quản trị và chính sách ESG

Là dự án trọng yếu thuộc lộ trình chuyển đổi phát triển bền vững của MB đã được triển khai, hoàn thành trong năm 2025, cung cấp nền tảng về quản trị bền vững theo chuẩn mực và thông lệ quốc tế, giúp củng cố các nguyên tắc, cơ chế quản trị hiện đại, nâng cao mức độ trưởng thành và vị thế trong ngành của MB về thực hành ESG. Trên cơ sở dự án MB đã kiện toàn các vai trò, chức năng phát triển bền vững tối ưu nguồn lực đảm bảo hiệu quả triển khai theo thông lệ quốc tế, phù hợp với thị trường Việt Nam.

Dự án kiểm kê phát thải KNK phạm vi 1, 2 và xây dựng lộ trình giảm phát thải

Là dự án hợp tác giữa Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) và Tập đoàn FPT trong việc ứng dụng công nghệ xanh nhằm tối ưu hóa hoạt động vận hành và giám sát tác động môi trường.

Trong khuôn khổ hợp tác, MB triển khai VertZéro – nền tảng công nghệ tiên tiến do FPT phát triển, hỗ trợ xây dựng cơ sở dữ liệu về phát thải carbon và số hóa quy trình theo dõi, đánh giá các chỉ số môi trường trong hoạt động vận hành. Điều này góp phần giúp MB hiện thực hóa cam kết tạo tác động tích cực đến môi trường, hướng tới mục tiêu Net Zero vào năm 2050 của Chính phủ.

Dự án xây dựng Khung Quản lý rủi ro ESG

Là một trong những sáng kiến trọng tâm năm 2025 nhằm tăng cường năng lực quản trị bền vững tại MB, hướng tới tích hợp toàn diện các yếu tố ESG vào hệ thống quản trị rủi ro Ngân hàng tiệm cận với thông lệ quốc tế tiên tiến. Thông qua dự án, MB xác định lộ trình cải tiến chính sách, quy trình và mô hình tổ chức theo hướng quản trị rủi ro nâng cao, đồng thời làm rõ vai trò trách nhiệm của các đơn vị liên quan trong việc phối hợp để kiểm soát các yếu tố rủi ro ESG trên toàn hệ thống.

Việc triển khai Khung Quản lý rủi ro ESG góp phần: (i) quản trị toàn diện các yếu tố rủi ro ESG có tác động đến các rủi ro trọng yếu hiện hữu như rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động, rủi ro thanh khoản, rủi ro danh tiếng; (ii) tích hợp quản lý rủi ro ESG vào hệ thống quản trị rủi ro hiện hành, bảo đảm sự nhất quán giữa quản trị phát triển bền vững và quản trị rủi ro tổng thể; (iii) nâng cao năng lực giám sát, kiểm soát và ra quyết định dựa trên rủi ro, tăng cường khả năng chống chịu của Ngân hàng trước các biến động liên quan đến khí hậu, môi trường và xã hội.

Hành trình bền vững tại MB qua các năm

2021

- Xây dựng Nền tảng Thiện nguyện

2022

- Chuyển đổi số - Xanh hóa trong vận hành
- Chiến dịch cùng MB phủ xanh Việt Nam

2023

- Hướng dẫn môi trường làm việc xanh
- Chiến dịch HiGreen – Bình Minh xanh

2024

- Xây dựng Chiến lược Phát triển bền vững
- Ban hành Khung Tín dụng xanh theo tiêu chuẩn quốc tế
- Chiến dịch HiGreen – Vì Trường Sa xanh

2025

- Ban hành Chính sách ESG
- Huy động thành công 500 triệu USD vốn xanh quốc tế
- Đạt chứng nhận thẩm định kiểm kê phát thải KNK phạm vi 1,2 năm 2024 bởi SGS
- SPO Khung Tín dụng xanh, hoàn thành tích hợp tiêu chí phân loại xanh quốc gia theo Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg vào Khung Tín dụng xanh MB
- Chiến dịch HiGreen – Trường Sa

Báo cáo của Ban Điều hành về trách nhiệm Môi trường – Xã hội

Kiến tạo môi trường làm việc xanh và ngân hàng vận hành bền vững

MB luôn tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường trong công tác quản lý chất thải, đồng thời bảo đảm các chỉ tiêu về nước thải, khí thải trước khi xả thải ra môi trường đáp ứng các tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành. Công tác quan trắc môi trường được thực hiện định kỳ nhằm kiểm soát chất lượng nước sinh hoạt, chất lượng không khí và điều kiện môi trường làm việc, qua đó bảo đảm các tiêu chuẩn an toàn sức khỏe nghề nghiệp cho cán bộ nhân viên trên toàn hệ thống.

Với tinh thần tăng tốc chuyển đổi xanh, MB đẩy mạnh triển khai các sáng kiến vận hành thân thiện với môi trường, tập trung nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên và giảm phát thải, bao gồm: chuyển đổi hệ thống chiếu sáng sang đèn LED tiết kiệm năng lượng, từng bước chuyển đổi phương tiện vận hành sang xe điện, sử dụng điện năng lượng mặt trời, đẩy mạnh chuyển đổi số trong vận hành nhằm giảm tiêu thụ giấy và vật tư văn phòng. Các giải pháp được triển khai theo nguyên tắc thực chất và đo lường được, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng và tài nguyên năm 2025 so với năm 2024, cụ thể: giảm 3,3% tổng lượng điện tiêu thụ Hội sở, giảm 3,3% tổng lượng phát thải khí nhà kính từ hoạt động vận hành, giảm 3,5% lượng nước sinh hoạt, giảm 10,8% mức tiêu thụ vật tư văn phòng (giấy in, mực in).

Các kết quả này không chỉ giúp giảm tác động môi trường mà còn góp phần nâng cao hiệu quả vận hành, tối ưu chi phí và củng cố nền tảng phát triển bền vững của Ngân hàng.

Xây dựng tổ chức học hỏi và môi trường làm việc hạnh phúc

MB xác định con người là nền tảng cốt lõi cho tăng trưởng bền vững và năng lực cạnh tranh dài hạn của Ngân hàng. Trong năm 2025, MB tiếp tục rà soát, đánh giá toàn diện các vấn đề liên quan đến người lao động trên các khía cạnh thu hút, phát triển, gắn kết và phúc lợi nhằm bảo đảm môi trường làm việc công bằng, an toàn và thúc đẩy phát triển nghề nghiệp. Năm 2025, mức thu nhập bình quân tăng 5,3% so với năm 2024, tỷ lệ nhân sự nữ chiếm 61% và Lãnh đạo nữ cấp cao ngân hàng chiếm 50%.

Ngân hàng tập trung xây dựng tổ chức học hỏi thông qua các chương trình đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn các cấp, năng lực số và kỹ năng quản trị hiện đại cho Lãnh đạo cấp cao MB; đồng thời thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khuyến khích cán bộ nhân viên chủ động đề xuất sáng kiến và cải tiến trong công việc. Các chính sách phát triển nguồn nhân lực được triển khai theo hướng thực chất, gắn phát triển cá nhân với hiệu quả tổ chức và năng suất lao động. Số lượng chương trình đào tạo tăng 9,32% so với năm 2024, tổng số lượt CBNV được đào tạo đạt hơn 190 nghìn lượt, tăng 33,35% so với năm 2024.

Thông qua việc duy trì môi trường làm việc tích cực, MB hướng tới xây dựng một tổ chức hạnh phúc, nơi người lao động được phát huy năng lực, gắn bó lâu dài và cùng đồng hành với sự phát triển bền vững của Ngân hàng.

Đóng góp bền vững cho cộng đồng

MB hiểu rằng phát triển của Ngân hàng gắn liền với sự phát triển của đất nước và cộng đồng. Trong năm 2025, MB đã đóng góp 8.066 tỷ đồng vào ngân sách nhà nước, tăng 11,5% so với năm 2024, đồng thời dành 620 tỷ đồng cho các hoạt động trách nhiệm xã hội và phát triển cộng đồng.

Nền tảng Thiện nguyện MB tiếp tục được vận hành như một công cụ số minh bạch và tin cậy nhằm kết nối nguồn lực xã hội, lan tỏa tinh thần chia sẻ và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhân đạo, an sinh xã hội trên phạm vi toàn quốc. Năm 2025, Nền tảng đã triển khai nhiều chương trình quy mô lớn, tiêu biểu như Chương trình vận động ủng hộ nhân dân Cuba, Chiến dịch HiGreen Trường Sa, các chương trình cứu trợ thiên tai, hỗ trợ người nghèo, an sinh xã hội tại nhiều địa phương với tổng số tiền ủng hộ thông qua Nền tảng đạt khoảng 1.660 tỷ đồng.

Với những đóng góp tích cực trong việc ứng dụng công nghệ nhằm nâng cao tính minh bạch và hiệu quả của hoạt động thiện nguyện, Nền tảng Thiện nguyện MB đã được vinh danh chiến thắng tại Giải thưởng World Summit Awards (WSA) 2025 ở hạng mục Government & Citizent Engagement. Giải thưởng khẳng định vai trò tiên phong của MB trong việc ứng dụng công nghệ số để củng cố niềm tin, thúc đẩy các sáng kiến cộng đồng bền vững.

Quy trình xác định các chủ đề trọng yếu tại MB

Các chủ đề trọng yếu ESG đóng vai trò nền tảng để MB phân bổ nguồn lực và định hướng hành động trong chiến lược phát triển bền vững. Đây là cơ sở giúp Ngân hàng xây dựng các mục tiêu phù hợp với đặc thù hoạt động, đồng thời đáp ứng kỳ vọng của cổ đông, nhà đầu tư và các bên liên quan theo thông lệ quốc tế. Việc xác định trọng yếu cũng hỗ trợ MB công bố thông tin ESG một cách minh bạch, có trọng tâm và nhất quán.

Các chủ đề trọng yếu của MB được lựa chọn dựa trên ba nguyên tắc chính:

Đảm bảo sự cân đối giữa ba trụ cột E – S – G, phản ánh đầy đủ tác động môi trường, xã hội và quản trị.

Kế thừa, bám sát Chiến lược MB, đặc biệt là định hướng phát triển bền vững và các mục tiêu dài hạn.

Tiếp tục phát huy những lĩnh vực MB đã triển khai hiệu quả, qua đó duy trì sự nhất quán và nâng cao giá trị tạo ra cho các bên liên quan.

Bước 1

Phân tích bối cảnh và xác định danh mục các chủ đề trọng yếu

- Đánh giá và phân tích bối cảnh nền kinh tế, các yêu cầu, cam kết PTBV trong khu vực, quốc gia và quốc tế, xu hướng chung của ngành ngân hàng
- Ghi nhận các cơ hội và thách thức liên quan đến PTBV trong ngành và có tác động đến chuỗi giá trị MB, đánh giá định hướng và hoạt động của MB
- Xác định danh mục các chủ đề môi trường – xã hội – kinh tế – quản trị liên quan trong chuỗi giá trị MB

Bước 2

Xác định các bên liên quan trọng yếu trong nội bộ và bên ngoài MB tham gia vào quá trình đánh giá trọng yếu

Bước 3

Đánh giá tác động về môi trường, xã hội và kinh tế của các chủ đề

- Xác định các tác động đáng kể của tổ chức về Môi trường, Xã hội và Kinh tế để xây dựng danh sách các chủ đề bền vững (tính "đáng kể" được xác định thông qua loại hình, mức độ tác động, tần suất, phạm vi, thời lượng, yêu cầu của luật pháp, sự quan tâm của các bên,...)
- Đánh giá mức độ tác động tích cực và tiêu cực của tổ chức đến Môi trường, Xã hội và Kinh tế thông qua từng chủ đề bền vững dựa trên quy mô, phạm vi và tính không thể khắc phục (riêng đối với tác động tiêu cực)
- Tham vấn các bên liên quan về mức độ quan trọng của các chủ đề

Bước 4

Xác định các chủ đề trọng yếu thông qua Ma trận trọng yếu

Ban Lãnh đạo xem xét tính phù hợp của danh sách các chủ đề trọng yếu với thực tiễn hoạt động kinh doanh, chiến lược và các mục tiêu, cam kết PTBV của MB

Ma trận lĩnh vực trọng yếu 2025

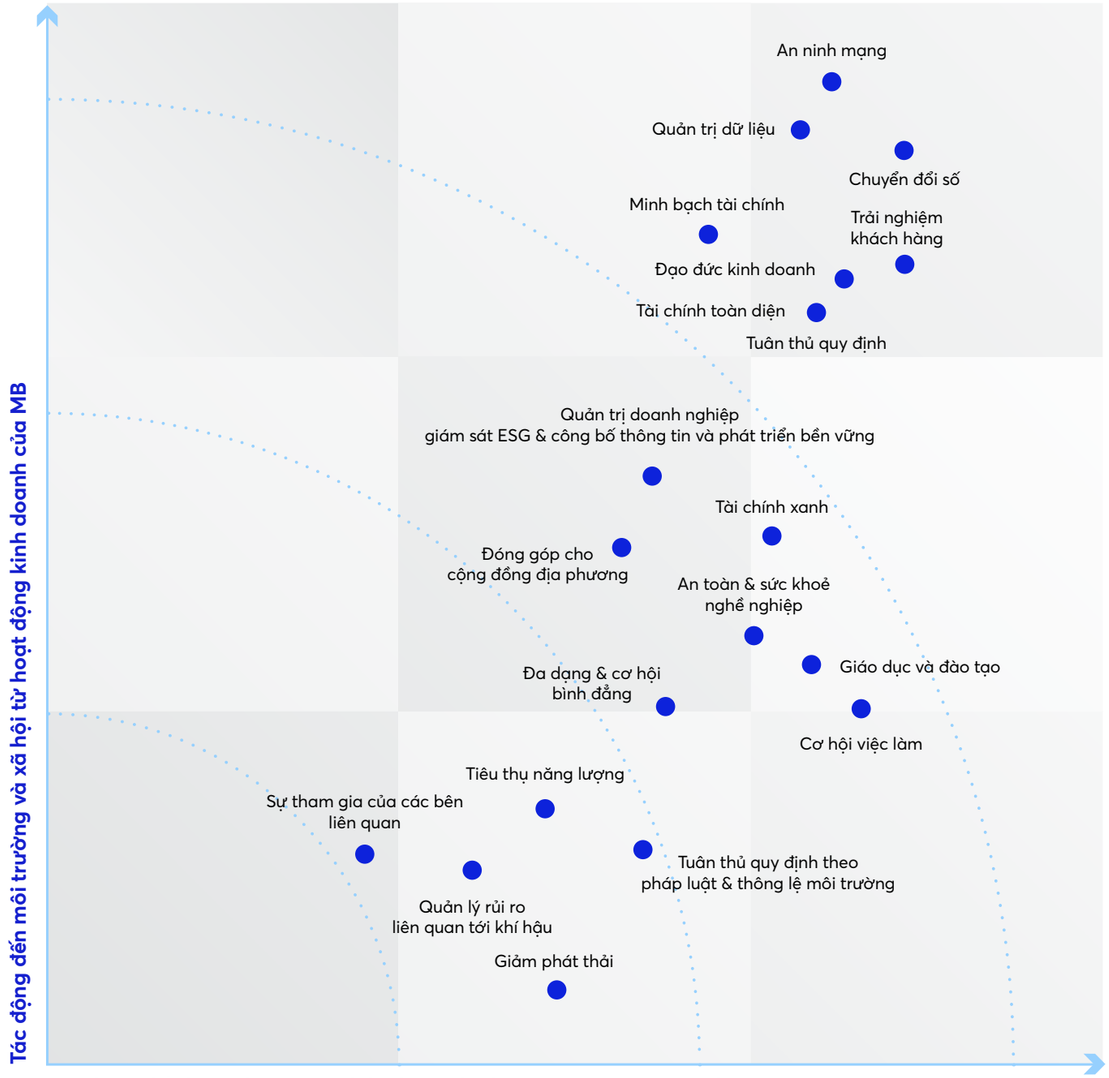

Danh sách Lĩnh vực trọng yếu 2025

TT	Chủ đề	Ý nghĩa	SDGs
Trụ cột 1. Khách hàng			
1	Tài chính xanh	Tài chính xanh tại MB được thể hiện qua các hoạt động tài chính, đầu tư vào các lĩnh vực năng lượng tái tạo, hỗ trợ các ngành nghề/lĩnh vực thân thiện/giảm tác động tiêu cực đến môi trường, đầu tư xanh và trái phiếu xanh.	7, 12, 13
2	Tài chính toàn diện	MB thúc đẩy hoạt động ngân hàng trở nên dễ tiếp cận tới mọi phân khúc khách hàng cá nhân, mọi khu vực địa lý; hỗ trợ doanh nghiệp trong mọi giai đoạn tăng trưởng đi đôi với sự an toàn, hiệu quả và bền vững.	8, 9
3	Trải nghiệm khách hàng	MB hướng đến xây dựng các trải nghiệm xuất sắc - Xuất phát từ nhu cầu và vươn tới kỳ vọng của khách hàng.	9, 17
Trụ cột 2. Môi trường			
4	Giảm phát thải	MB triển khai các sáng kiến giảm tác động đến môi trường, liên quan đến nỗ lực giảm phát thải khí nhà kính theo phạm vi 1 và 2 trong hoạt động của ngân hàng.	7, 12, 13
5	Quản lý rủi ro ESG, bao gồm rủi ro khí hậu	Những nỗ lực nhằm nhận diện, đánh giá và giảm thiểu rủi ro ESG, bao gồm rủi ro liên quan đến biến đổi khí hậu, gồm hiểu biết tác động tiềm ẩn của các yếu tố liên quan đến khí hậu trong hoạt động, tài sản và ổn định tài chính của ngân hàng; thực hiện các biện pháp thích ứng, góp phần chuyển đổi sang nền kinh tế carbon thấp.	13
Trụ cột 3. Xã hội			
6	Giáo dục & Đào tạo	MB thúc đẩy văn hóa học tập liên tục, phát triển năng lực chuyên môn, kỹ năng tương lai và tư duy đổi mới cho cán bộ nhân viên. Hoạt động đào tạo gắn với khung năng lực, quản trị hiệu suất, định hướng nghề nghiệp và các nguyên tắc phát triển bền vững, góp phần xây dựng đội ngũ thích ứng cao, đáp ứng chiến lược dài hạn của MB.	4, 13
7	Đóng góp cho cộng đồng	MB thực hiện đóng góp cho sự phát triển của quốc gia, của cộng đồng, thể hiện qua cam kết và các hoạt động có trách nhiệm với xã hội bên cạnh các hoạt động kinh doanh cốt lõi.	10
Trụ cột 4. Quản trị			
8	Đạo đức kinh doanh	MB hướng tới các chuẩn mực đạo đức kinh doanh như Quy tắc ứng xử, cạnh tranh lành mạnh …, thực hiện và báo cáo minh bạch theo các thông lệ tốt.	16
9	Tuân thủ quy định	Tinh thần "Thượng tôn Pháp luật" tại MB thể hiện ở cam kết tuân thủ quy định luật pháp, gồm các quy định môi trường - xã hội, thực hành quản trị tốt …	16
Nền tảng: Số hóa			
10	Chuyển đổi số	Quá trình MB chuyển đổi số, thúc đẩy số hóa các sản phẩm dịch vụ, cho phép khách hàng trải nghiệm sản phẩm, dịch vụ có ứng dụng công nghệ, mọi lúc mọi nơi, hạn chế đi lại; hỗ trợ ngân hàng điều chỉnh quy trình kinh doanh và thực hành phát triển bền vững một cách hiệu quả hơn.	8, 9
11	An ninh mạng	MB thúc đẩy văn hóa, nhận thức về an ninh mạng, bảo vệ tài sản của ngân hàng khỏi các mối đe dọa và duy trì niềm tin của khách hàng, thông qua đào tạo về an ninh mạng giúp nhân viên nhận biết, ứng phó hiệu quả với các mối đe dọa tiềm ẩn cũng như báo cáo hoạt động/sự cố bất thường.	8, 9
12	Quản trị dữ liệu	MB thực hiện quản trị dữ liệu liên quan tới ESG đảm bảo việc công bố thông tin, sử dụng dữ liệu tuân thủ các quy định về an toàn, bảo mật thông tin và có trách nhiệm.	8, 9

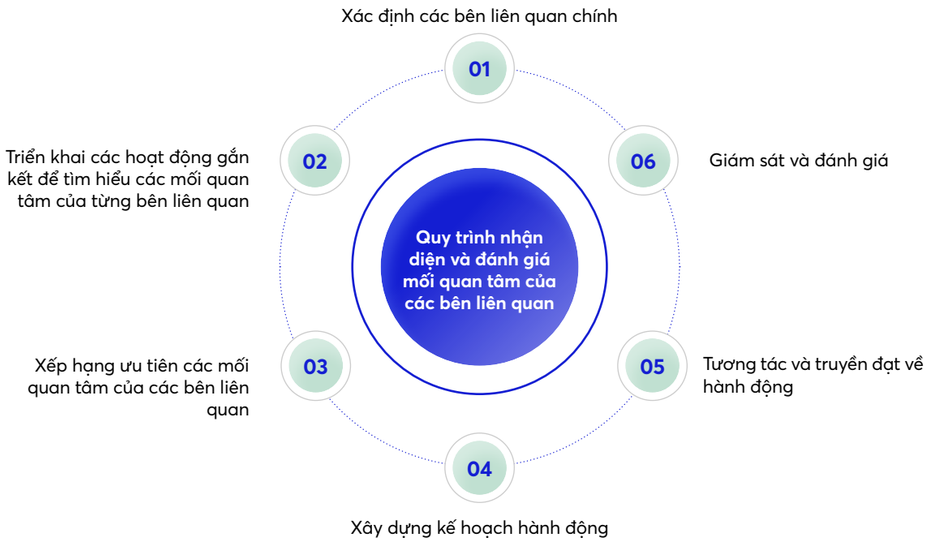

STT	Bên liên quan	Phương pháp tiếp cận	Tần suất tiếp cận	Các mối quan tâm chính	Hành động triển khai
1	Cơ quan quản lý	Thực hiện các báo cáo theo quy định pháp luật, yêu cầu của cơ quan nhà nước, NHNN và các Bộ/Ban/Ngành	Khi phát sinh	• Triển khai và ủng hộ chủ trương, chính sách của Chính phủ, NHNN, các bộ/ban/ngành • Thực hiện trách nhiệm xã hội doanh nghiệp, Đóng góp NSNN	• Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật về tổ chức tín dụng, thuế, bảo vệ môi trường, an toàn lao động, bảo mật thông tin và dữ liệu • Tích cực, chủ động phối hợp cơ quan đoàn thể Hội Chữ thập đỏ, UB Mặt trận tổ quốc và Chính quyền địa phương trong các nhiệm vụ chính trị, công tác đền ơn đáp nghĩa, đóng góp vào NSNN • Đưa ra đề xuất điều chỉnh phù hợp đối với dự thảo chính sách trước khi đi vào triển khai
		Tham gia làm thành viên tổ chuyên trách, đóng góp ý kiến xây dựng các văn bản, dự thảo luật, chính sách	Khi phát sinh		
		Phối hợp các Cơ quan Nhà nước triển khai các hoạt động về tập huấn, đào tạo …	Khi phát sinh		
		Tham gia các tổ chức, hiệp hội, diễn đàn như Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam, VIRA	Khi phát sinh		
2	Cổ đông/ NĐT	Tổ chức họp ĐHĐCĐ	Thường niên/ Bất thường	• Đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn đầu tư • Đảm bảo thông tin công khai, minh bạch và được cung cấp kịp thời • Ổn định và gia tăng giá trị doanh nghiệp • Đối xử bình đẳng, đảm bảo quyền cổ đông, nhà đầu tư • Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp	• Tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 vào ngày 26/04/2025 • Tổ chức 70 Hội nghị Nhà đầu tư nhằm kết nối, duy trì mối quan hệ với các cổ đông lâu năm và phát triển các nhà đầu tư tiềm năng trong tương lai • Thực hiện đầy đủ các thủ tục công bố thông tin theo quy định của Bộ Tài chính • Cập nhật và công bố kịp thời thay đổi về Quy chế Quản trị Công ty theo quy định pháp luật hiện hành đảm bảo quyền lợi và cơ hội tiếp cận công bằng cho mọi cổ đông, nhà đầu tư • Công bố các báo cáo hoạt động quý, báo cáo đánh giá của các chuyên gia phân tích
		Tiếp nhận qua email: IR@mbbank.com.vn Fax: 024.62661088 SĐT: 024.62661088 ext 3600 Website: www.mbbank.com.vn - mục quan hệ nhà đầu tư	Khi phát sinh		
		Tổ chức Hội nghị nhà đầu tư	Hàng quý		
		Công bố thông tin trên website của Ngân hàng	Hàng năm		
		Tham gia diễn đàn, hội thảo nhà đầu tư chia sẻ thông tin, cơ hội đầu tư	Khi phát sinh		

STT	Bên liên quan	Phương pháp tiếp cận	Tần suất tiếp cận	Các mối quan tâm chính	Hành động triển khai
3	Chủ nợ (người mua Trái phiếu MB)	Công bố thông tin liên quan trái phiếu trên website MB	Theo quy định/Khi phát sinh	• Khả năng thanh toán gốc và lãi đúng hạn • Tính an toàn và ổn định tài chính của MB • Công bố thông tin đầy đủ, kịp thời và minh bạch • Xếp hạng tín nhiệm và triển vọng tín dụng của MB • Tính thanh khoản của trái phiếu trên thị trường • Điều khoản tría phiếu và quyền lợi của trái chủ	• Cập nhật đầy đủ báo cáo tài chính quý, bán niên và kiểm toán trên website mục Quan hệ nhà đầu tư. • Công bố kịp thời thông tin liên quan đến trái phiếu: lịch trả lãi – gốc, kết quả trả nợ, thay đổi điều kiện trái phiếu, tình trạng tài sản bảo đảm (nếu có), tình trạng mua lại trước hạn. • Tổ chức các buổi gặp gỡ với trái chủ khi cần thiết (thay đổi điều khoản, cập nhật tình hình tài chính, kế hoạch trả nợ). • Duy trì các kênh tiếp nhận thông tin qua email IR, hotline và qua đơn vị lưu ký để phản hồi nhanh chóng các thắc mắc của trái chủ.
		Gửi thông báo trả lãi, gốc trái phiếu qua email hoặc hệ thống ngân hàng lưu ký	Định kỳ theo kỳ hạn trái phiếu		
		Tiếp nhận yêu cầu, phản hồi của trái chủ qua email chuyên trách: IR@mbbank.com.vn	Khi phát sinh		
4	Khách hàng	Trung tâm/hotline chăm sóc khách hàng	24/7	• Chính sách ưu đãi, tiết giảm chi phí • Ứng dụng công nghệ, phát triển sản phẩm – dịch vụ bền vững • Bảo mật, an toàn thông tin cá nhân • Thương hiệu và chất lượng sản phẩm	• Triển khai AI chatbot, ứng dụng công nghệ vào quy trình, dịch vụ tín dụng nhằm đáp ứng nhanh, kịp thời nhu cầu của khách hàng • Đo lường và liên tục cải tiến chỉ số hiệu suất liên quan tới trải nghiệm khách hàng • Công bố Chính sách bảo mật thông tin, liên tục cải tiến công nghệ bảo mật của MB trên App, Biz MB • Tri ân khách hàng qua các hội nghị khách hàng, chính sách ưi đãi kết hợp với đối tác tin cậy của MB
		Khảo sát chất lượng dịch vụ, mức độ hài lòng khách hàng	Hàng quý		
		Trao đổi, gặp gỡ trực tiếp với khách hàng	Thường xuyên		
5	Người lao động	Khảo sát mức độ hài lòng CBNV về môi trường làm việc	Hàng năm	• Đảm bảo thu nhập, phúc lợi; môi trường làm việc công bằng, an toàn, văn minh • Cơ hội học tập, phát triển nghề nghiệp và được ghi nhận xứng đáng. • Sự đồng hành, hỗ trợ và định hướng từ cán bộ quản lý • Tăng cường gắn kết, phát triển văn hóa doanh nghiệp	• Ban hành, cập nhật Thỏa ước lao động tập thể và chính sách nhân sự nhằm đảm bảo môi trường làm việc công bằng, minh bạch • Duy trì hoạt động của Ủy ban Nhân sự và các tổ chức đoàn thể, tăng cường gắn kết và chăm lo đời sống CBNV • Tổ chức các chương trình gắn kết nội bộ, lan tỏa văn hóa MB: Họp tổng kết, Chương trình về nguồn, Kỷ niệm ngày thành lập Ngân hàng, Team building.... • Khuyến khích CBNV tham gia các hoạt động an sinh xã hội, thiện nguyện, thể hiện trách nhiệm với cộng đồng: Xây dựng nhà tình nghĩa, đóng góp 1 triệu cây xanh cho Trường Sa... • Triển khai các chương trình đào tạo, phát triển năng lực và đội ngũ kế cận (MB 1688, MBLeader, FlexiZ, Digital, Bee Smart…) • Tăng cường truyền thông về Văn hóa MB qua các kênh nội bộ, CBNV có thể tương tác trực tiếp
		Tổ chức Hội nghị Người lao động, tăng cường đối thoại định kỳ	Hàng năm		
		Trao đổi, phối hợp với Công đoàn trong chăm lo quyền lợi và gắn kết CBNV	Hàng năm		
		Triển khai các chương trình đào tạo, phát triển năng lực và hoạt động kết nối (teambuilding)	Hàng năm		
		Duy trì truyền thông nội bộ đa kênh (MOffice, Bee Voice, bản tin nội bộ…) nhằm tăng cường lắng nghe, kết nối với NLĐ	Thường xuyên		

STT	Bên liên quan	Phương pháp tiếp cận	Tần suất tiếp cận	Các mối quan tâm chính	Hành động triển khai
6	Cộng đồng	Phối hợp với chính quyền địa phương trong các công tác an sinh xã hội, truyền thông về tài chính	Hàng năm	• Đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng địa phương nơi MB hoạt động	• Tổ chức các chương trình thực tập, tuyển dụng tại các CN/PGD, Hội sở MB cho sinh viên các trường đại học trên cả nước có cơ hội trải nghiệm, học tập và định hướng việc làm ngay tại nơi sinh sống • Đóng góp và phối hợp với chính quyền địa phương trong các hoạt động vì cộng đồng như đền ơn đáp nghĩa, từ thiện, hiếu học ... • Phát triển mạng lưới CN/PGD và đại lý ngân hàng rộng khắp các tỉnh thành nhằm tạo điều kiện cho mọi người dân có cơ hội tiếp cận với dịch vụ tài chính cơ bản, dễ sử dụng
		Phối hợp với các trường đại học triển khai các diễn đàn, chương trình thực tập và tuyển dụng sớm	Hàng quý		
7	Nhà cung cấp	Gặp gỡ, trao đổi trực tiếp thông qua hoạt động đấu thầu, lựa chọn theo tiêu chí với từng dịch vụ	Khi phát sinh	• Cơ hội bình đẳng, công bằng giữa các nhà cung cấp • Hợp tác cùng phát triển, tăng trưởng bền vững	• Ban hành Chính sách ESG: bổ sung cam kết về Môi trường – Xã hội với Nhà cung cấp • Thực hiện đánh giá, lựa chọn nhà cung cấp theo quy chế, quy trình MB phù hợp quy định pháp luật đảm bảo công bằng, minh bạch
		Đánh giá định kỳ chất lượng, dịch vụ nhà cung cấp	Hàng năm		
8	Báo chí, truyền thông	Gặp gỡ và trả lời phỏng vấn báo chí	Khi phát sinh	• Định hướng phát triển, chiến lược kinh doanh và kết quả hoạt động của MB được cung cấp minh bạch, chính xác, kịp thời • Các thông tin liên quan đến thị trường tài chính – ngân hàng và sản phẩm dịch vụ của MB	• Phát hành thông cáo báo chí về các sự kiện quan trọng của MB (ĐHCĐ, công bố kết quả kinh doanh, Hội nghị nhà đầu tư, sự kiện lớn…) • Tổ chức gặp gỡ báo chí để cung cấp/chia sẻ thông tin chính thống • Chủ động cung cấp thông tin chính thống liên quan đến hoạt động của MB cho báo chí
		Thực hiện thông cáo báo chí, tổ chức Cập nhật thường xuyên các tin tức, sự kiện quan trọng tại website	Khi phát sinh		

Quản trị Phát triển bền vững

Cơ cấu Quản trị Phát triển bền vững

Cấu trúc quản trị phát triển bền vững
năm 2025 của MB không thay đổi so với năm 2024, gồm:

Ông LƯU TRUNG THÁI · Chủ tịch HĐQT

Chủ trì, phụ trách công tác PTBV Tập đoàn

Bà VŨ THỊ HẢI PHƯỢNG · Phó Chủ tịch HĐQT

Hỗ trợ chủ tịch công tác định hướng, chỉ đạo, giám sát về PTBV tại MB

Bà VŨ THÁI HUYỀN · Thành viên HĐQT

Hỗ trợ chủ tịch công tác định hướng, chỉ đạo, giám sát về PTBV tại các công ty thành viên

Ông PHẠM NHƯ ÁNH · Tổng Giám đốc

Chịu trách nhiệm tổ chức triển khai các hoạt động PTBV tại MB

MB cam kết
"Thực hành quản trị ESG tiên tiến"

Năm 2025, MB đã củng cố, kiện toàn chức năng, tổ chức hoạt động về phát triển bền vững cho các đơn vị, đầu mối liên quan theo thông lệ quản trị tiên tiến nhằm đảm bảo thực thi hiệu quả, có trách nhiệm theo các cam kết, mục tiêu phát triển bền vững đã đề ra, bao gồm quản lý rủi ro – cơ hội liên quan đến phát triển bền vững.

MB đã ban hành **Chính sách ESG**, thiết lập khuôn khổ quản trị phát triển bền vững thống nhất trên toàn hệ thống. Chính sách ESG đóng vai trò định hướng các nguyên tắc và hướng dẫn triển khai các hoạt động liên quan đến phát triển bền vững đảm bảo tính chặt chẽ, an toàn và hiệu quả trong quản trị, đồng thời phù hợp với quy định pháp luật, quy định nội bộ của MB và kế hoạch kinh doanh – tài chính hàng năm. Chính sách ESG được triển khai xuyên suốt trên 4 trụ cột Khách hàng – Môi trường – Xã hội – Quản trị. Trong đó, Trụ cột Quản trị định hướng hoạt động theo cam kết "Thực hành quản trị ESG tiên tiến", với các nội dung trọng tâm:

- Quản trị Ngân hàng với các tiêu chuẩn cao gắn với hiệu quả điều hành, phát triển nhanh bền vững. Hệ thống quản trị, điều hành công ty minh bạch, hiệu quả, kinh doanh có trách nhiệm, đảm bảo quyền lợi của các bên liên quan được giám sát chặt chẽ bởi Hội đồng quản trị đáp ứng tiêu chuẩn quản trị ESG hiện đại.
- Tăng cường quản trị dữ liệu, nâng cao chất lượng thông tin ra quyết định và gắn trách nhiệm giải trình trong từng cấp quản lý.
- Chú trọng đảm bảo an ninh mạng, an toàn thông tin và tuân thủ pháp luật.
- Xây dựng văn hóa đạo đức kinh doanh nhất quán trong toàn hệ thống.
- Mở rộng định hướng phát triển bền vững tới chuỗi cung ứng, các nhà cung cấp của MB.

Cơ chế quản trị phát triển bền vững

Cơ chế phản ánh đầy đủ vai trò, trách nhiệm của các cấp, đơn vị trong triển khai hoạt động trọng tâm chiến lược giúp MB hoạt động nhất quán, hướng đến mục tiêu theo cam kết của Hội đồng quản trị, giúp tạo lợi thế cạnh tranh bền vững cho Ngân hàng, tuân thủ quy định pháp luật và chuẩn mực quốc tế, quản lý rủi ro môi trường – xã hội hiệu quả, nâng cao tính minh bạch và uy tín thương hiệu, và khai thác hiệu quả các cơ hội ESG cho tổ chức.

Hội đồng quản trị

Chịu trách nhiệm cao nhất về PTBV Tập đoàn
- Định hướng PTBV
- Chỉ đạo và giám sát cấp cao về PTBV
- Rà soát định kỳ và đột xuất các ưu tiên, mục tiêu PTBV

Ban Điều hành

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lãnh đạo tổ chức triển khai và giám sát triển khai mục tiêu PTBV
- Điều hành, tổ chức triển khai
- Giám sát các đơn vị triển khai
- Rà soát định kỳ và đột xuất các mục tiêu, nội dung chính sách đảm bảo phù hợp với định hướng chiến lược

Các đơn vị liên quan

Chịu trách nhiệm triển khai các mục tiêu về phát triển bền vững
- Phối hợp hoạt động giữa các đơn vị đảm bảo triển khai hiệu quả:
  - Công tác quản lý rủi ro liên quan đến ESG, môi trường và khí hậu: phối hợp vai trò giữa các đơn vị: QTRR - Tài chính kế toán – Thẩm định & Phê duyệt Tín dụng
  - Khai thác, quản lý cơ hội liên quan đến phát triển bền vững: phối hợp vai trò giữa các đơn vị Văn phòng HĐQT – Khối Kinh doanh – Khối Tổ chức nhân sự - Khối Hành chính
  - Quản trị các thông tin, dữ liệu liên quan đến phát triển bền vững: CNTT, Dữ liệu và các đơn vị liên quan khác
- Đo lường, báo cáo định kỳ về kết quả và hiệu quả triển khai các chương trình, kế hoạch ESG

Nguyên tắc quản trị phát triển bền vững

Triển khai nhất quán trên cơ sở 8 nguyên tắc quản trị nội bộ MB, gồm:

01 Tuân thủ các quy định có liên quan của pháp luật và Điều lệ MB.

02 Đảm bảo cơ chế quản trị, điều hành MB minh bạch, hiệu quả, tuân thủ quy định pháp luật và hướng tới thông lệ, chuẩn mực quốc tế.

03 Cơ cấu quản trị hợp lý, hiệu quả.

04 Bảo đảm hiệu quả hoạt động của HĐQT, BKS; nâng cao trách nhiệm của HĐQT đối với MB và cổ đông.

05 Bảo đảm quyền của cổ đông, đối xử bình đẳng giữa các cổ đông.

06 Bảo đảm vai trò của nhà đầu tư, thị trường chứng khoán và các tổ chức trung gian trong việc hỗ trợ hoạt động quản trị MB.

07 Tôn trọng và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan trong quản trị MB.

08 Công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch hoạt động của MB; bảo đảm số đông được tiếp cận thông tin công bằng.

Đảm bảo:

- Phù hợp với định hướng, chính sách của Chính phủ, NHNN về phát triển ngân hàng xanh và thông lệ tốt về quản trị;
- Kiểm soát chất lượng thông qua mục tiêu, chỉ số hiệu suất;
- Triển khai đúng và đầy đủ vai trò trách nhiệm được phân giao

Kết quả hoạt động năm 2025

MB đã hoàn thiện và ban hành Chính sách ESG, thiết lập khuôn khổ quản trị phát triển bền vững thống nhất trên toàn hệ thống. Chính sách ESG đóng vai trò định hướng các nguyên tắc và hướng dẫn triển khai các hoạt động liên quan đến phát triển bền vững đảm bảo tính chặt chẽ, an toàn và hiệu quả trong quản trị, đồng thời phù hợp với quy định pháp luật, quy định nội bộ của MB và kế hoạch kinh doanh – tài chính hàng năm.

Việc triển khai Chính sách ESG tại MB được thực hiện theo 06 nguyên tắc:

Tuân thủ và liêm chính
Bảo đảm tuân thủ pháp luật, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp

Minh bạch và trách nhiệm giải trình
Công bố thông tin đầy đủ, chính xác và nhất quán, hướng tới chuẩn mực cao

Quản trị dựa trên rủi ro, bao gồm rủi ro ESG
Tích hợp rủi ro khí hậu, rủi ro môi trường – xã hội vào hệ thống quản trị rủi ro của ngân hàng

Lấy khách hàng làm trung tâm
Tăng cường tài chính toàn diện, tài chính bền vững, nâng cao trải nghiệm số, an toàn dữ liệu và bảo mật thông tin

Đổi mới để phát triển
Chuyển đổi số toàn diện, sử dụng công nghệ để thúc đẩy phát triển bền vững

Đóng góp bền vững cho cộng đồng và môi trường
Gắn tăng trưởng với trách nhiệm đối với xã hội và tương lai xanh

Bổ sung đầy đủ vai trò và chức năng phát triển bền vững vào mô hình tổ chức hiện hữu theo thông lệ quốc tế, bảo đảm việc triển khai ESG được tích hợp vào hoạt động quản trị và vận hành, giúp tối ưu nguồn lực triển khai, và phù hợp với đặc thù thị trường Việt Nam.

Kế hoạch năm 2026

Nhận diện, đánh giá và quản lý các yếu tố rủi ro liên quan đến môi trường – xã hội, bao gồm yếu tố khí hậu, tác động tới rủi ro trọng yếu của Ngân hàng

Nghiên cứu, khai thác và quản lý các cơ hội kinh doanh liên quan đến phát triển bền vững trên cơ sở phù hợp quy định pháp luật và định hướng chiến lược MB

Hoàn thiện hệ thống dữ liệu ESG, hướng tới tự động hóa thu thập và quản lý thông tin, đáp ứng các chuẩn mực quốc tế về công bố thông tin bền vững

Tăng cường đào tạo, nâng cao năng lực chuyên môn về phát triển bền vững cho các vị trí trọng yếu trong lĩnh vực quản trị rủi ro, kinh doanh, đầu tư và quản trị dữ liệu

Thượng tôn pháp luật

Các hoạt động trách nhiệm đối với cổ đông và nhà đầu tư tại MB

Nguyên tắc bảo vệ quyền lợi và đối xử công bằng với cổ đông

Các quy định liên quan bao gồm:

MB luôn coi việc đảm bảo quyền lợi chính đáng của cổ đông là một trong những nguyên tắc cốt lõi trong quản trị doanh nghiệp. Các cơ chế, quy định nội bộ như Điều lệ, Quy chế Quản trị công ty (QTCT), Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Ban Kiểm soát (BKS) được thiết kế nhằm bảo đảm tính công khai, minh bạch và ngăn ngừa xung đột lợi ích giữa các bên liên quan. Tất cả hoạt động quản trị đều hướng đến mục tiêu duy trì sự minh bạch, củng cố niềm tin và nâng cao trách nhiệm giải trình.

MB tuân thủ đầy đủ các yêu cầu pháp lý liên quan đến giao dịch với cổ đông lớn, thành viên HĐQT, BKS, Ban Điều hành và người có liên quan theo Luật Các Tổ chức tín dụng. Các giao dịch chỉ được thực hiện khi đáp ứng đầy đủ quy định và được phê duyệt bởi cấp có thẩm quyền, cụ thể:

Đối với giao dịch có giá trị trên 20% vốn điều lệ	Đối với giao dịch có giá trị bằng hoặc dưới 20% vốn điều lệ	Thành viên HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc và người điều hành	Giao dịch với Phó Tổng Giám đốc và người quản lý khác, hoặc người có liên quan của họ
Phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua; cổ đông là bên liên quan không được tham gia biểu quyết.	Phải được HĐQT phê duyệt; thành viên HĐQT có liên quan không tham gia biểu quyết.	Không được phép giao dịch cổ phiếu của MB hoặc công ty con khi sở hữu thông tin nội bộ chưa công bố ra thị trường.	chỉ được thực hiện khi có chấp thuận của HĐQT theo đúng quy định.

Các quy trình này bảo đảm mọi giao dịch diễn ra minh bạch, đúng quy định, hạn chế tối đa xung đột lợi ích và bảo vệ quyền lợi của cổ đông.

Cam kết đối xử công bằng và duy trì lợi ích của cổ đông

MB kiên định duy trì cơ cấu cổ đông ổn định, tôn trọng và bảo vệ đầy đủ quyền của tất cả cổ đông, bao gồm cổ đông nhỏ lẻ. Ngân hàng áp dụng nguyên tắc đối xử công bằng, minh bạch trong mọi hoạt động, đồng thời triển khai các giải pháp nhằm củng cố năng lực tài chính dài hạn. Mục tiêu nhất quán của MB là tạo ra giá trị bền vững, mang lại lợi ích ngắn hạn lẫn dài hạn cho cổ đông, khách hàng và đối tác.

Chính sách cổ tức

Chính sách cổ tức của MB được xây dựng theo hướng hài hòa lợi ích cổ đông với nhu cầu vốn cho phát triển dài hạn. MB thực hiện chi trả cổ tức linh hoạt bằng cả tiền mặt và cổ phiếu tùy theo từng năm, tuân thủ quy định của cơ quan quản lý, đồng thời bảo đảm duy trì khả năng tài chính để hỗ trợ chiến lược tăng trưởng.

Trong các năm gần đây, ngân hàng duy trì mức cổ tức tối thiểu 11% gồm cổ tức bằng tiền mặt và cổ phiếu, liên tục cao hơn mặt bằng lãi suất tiết kiệm, thể hiện sự cam kết đối với lợi ích cổ đông.

Tăng cường công khai thông tin và hoạt động quan hệ nhà đầu tư (IR)

MB triển khai nhiều hình thức tương tác nhằm duy trì tính minh bạch và củng cố uy tín đối với cộng đồng nhà đầu tư, bao gồm:

- Tổ chức gặp gỡ nhà đầu tư tại trụ sở MB và công ty thành viên, cũng như các sự kiện dành cho nhà phân tích (analyst meeting).
- Trả lời các khảo sát và bộ câu hỏi của các quỹ đầu tư thông qua email, điện thoại và hệ thống trực tuyến.
- Cung cấp báo cáo phân tích kết quả kinh doanh hàng quý bằng tiếng Việt và tiếng Anh.
- Thường xuyên phối hợp cung cấp dữ liệu cho các tổ chức xếp hạng tín nhiệm uy tín như Fitch Ratings, Moody's và ADB.

Tất cả tài liệu công bố đều được MB dịch song ngữ và đăng tải kịp thời nhằm đáp ứng yêu cầu tiếp cận thông tin của cổ đông và nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Tổ chức Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ)

MB tuân thủ quy trình chuẩn hóa trong công tác triệu tập và tổ chức ĐHĐCĐ. Các tài liệu phục vụ cổ đông được công bố đầy đủ trên website bằng tiếng Việt và tiếng Anh, giúp cổ đông dễ dàng tiếp cận thông tin để thực hiện quyền biểu quyết. MB cũng khuyến khích cổ đông gửi ý kiến, kiến nghị thông qua phiếu góp ý trước kỳ họp.

Ngoài ra, ngân hàng duy trì việc công bố Điều lệ, các quy chế liên quan đến quản trị công ty và các tài liệu quan trọng khác theo đúng quy định.

Hệ thống kênh thông tin dành cho cổ đông

MB đa dạng hóa kênh thông tin với mục tiêu mang lại trải nghiệm tiếp cận thuận tiện nhất cho cổ đông, bao gồm:

Cổng thông tin nhà đầu tư

Tại website: **www.mbbank.com.vn**, mục Nhà đầu tư.

Thông tin liên hệ trực tiếp

Phòng Quản lý cổ đông – Văn phòng HĐQT
Số 18 Lê Văn Lương, Phường Yên Hòa,
TP. Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: 024.6266.1088
Máy lẻ 3687, 3688

Ngân hàng tiếp tục duy trì phương thức gửi thông tin điện tử, đảm bảo cổ đông dễ dàng theo dõi và tiếp cận thông tin chính thống.

Thực hành kinh doanh có đạo đức

CHÚ TRỌNG ĐẢM BẢO AN NINH MẠNG, AN TOÀN THÔNG TIN VÀ TUÂN THỦ PHÁP LUẬT

Duy trì và công bố Chính sách Bảo mật thông tin và Chính sách bảo vệ dữ liệu cá nhân tại website của MB.

Thất thoát dữ liệu khách hàng: Trong năm 2025, MB không xảy ra vấn đề rò rỉ, đánh cắp hoặc thất thoát dữ liệu khách hàng.

Phát triển bền vững tại MB không chỉ được thể hiện trong hoạt động kinh doanh mà còn hiện hữu chân thực trong mối quan hệ với các bên liên quan. Các quy tắc ứng xử của MB được quy định rõ ràng đối với từng đối tượng trong tổ chức và thường xuyên cập nhật phù hợp với tình hình thực tế. Năm 2025, MB cập nhật **Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và quy tắc ứng xử** - bổ sung thêm các chuẩn mực mới gắn với định hướng chiến lược của MB về chuyển đổi số và phát triển bền vững (ESG).

Nội bộ MB

- Chân thành, cởi mở, hợp tác: MB khuyến khích sự giao tiếp thẳng thắn và hợp tác giữa các đồng nghiệp.
- Trung thực, tôn trọng, quan tâm lẫn nhau: Mỗi cá nhân tại MB luôn trung thực, tôn trọng và sẵn sàng quan tâm đến nhau.
- Khuyến khích học tập và sáng tạo: MB tạo môi trường thúc đẩy sự sáng tạo, học hỏi và tương trợ để tất cả cùng phát triển.
- Giao việc và định hướng rõ ràng: Mỗi nhiệm vụ, công việc được giao đi kèm với sự định hướng và chỉ dẫn rõ ràng.

Cổ đông, đối tác

- Bảo vệ lợi ích cổ đông: MB luôn bảo vệ lợi ích lâu dài của các cổ đông.
- Minh bạch và lắng nghe: MB duy trì sự minh bạch trong thông tin thông qua các công bố thông tin định kỳ như: Báo cáo thường niên, Báo cáo tài chính, Báo cáo quản trị, Báo cáo hoạt động hàng quý,... và luôn lắng nghe mọi ý kiến đóng góp để phát triển.
- Hợp tác bền vững: MB xây dựng mối quan hệ hợp tác chặt chẽ với các đối tác để đạt được sự phát triển ổn định và bền vững

Khách hàng

- Hiểu rõ và nắm vững khách hàng: MB luôn chú trọng việc hiểu rõ nhu cầu và mong muốn của khách hàng.
- Mối quan hệ lâu dài: MB không chỉ xây dựng mối quan hệ mà còn cam kết duy trì sự đồng hành lâu dài với khách hàng.
- Tôn trọng và học hỏi: MB tôn trọng khách hàng và luôn học hỏi từ họ để nâng cao chất lượng dịch vụ.
- Cam kết thực hiện: MB coi việc thực hiện cam kết với khách hàng là một yêu cầu bắt buộc.
- Hài hòa lợi ích: MB đảm bảo lợi ích của khách hàng và tổ chức luôn được hài hòa và phát triển song song

Thế hệ đi trước

- Trân trọng truyền thống: MB luôn trân trọng thành quả và kế thừa những giá trị, truyền thống của các thế hệ đi trước.
- Chăm lo đời sống CBNV nghỉ hưu: MB cũng chú trọng đến đời sống của CBNV đã nghỉ hưu và hỗ trợ trong điều kiện, chế độ cho phép

Cơ quan quản lý nhà nước

- Tuân thủ pháp luật: MB tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của các cơ quan quản lý nhà nước như Ngân hàng Nhà nước, Kiểm toán Nhà nước.
- Hợp tác trong kiểm toán và giám sát: MB hợp tác toàn diện trong các quá trình kiểm toán, kiểm tra và khắc phục các kiến nghị của các cơ quan quản lý và giám sát.

Cộng đồng

- Gắn bó với cộng đồng: MB hiểu rõ và gắn bó chặt chẽ với cộng đồng.
- Vì lợi ích cộng đồng: MB luôn hướng đến sự phát triển vì lợi ích chung của cộng đồng.
- Chia sẻ và hỗ trợ: MB sẵn sàng chia sẻ thuận lợi và gánh vác khó khăn cùng cộng đồng, vì một tương lai tốt đẹp.
- Bảo vệ môi trường: MB luôn giữ gìn và bảo vệ môi trường như một mái nhà chung cho toàn xã hội

Đảm bảo quyền lợi của người sở hữu trái phiếu (chủ nợ):
MB ban hành Bộ văn kiện trái phiếu doanh nghiệp là bộ khung quy định cho hoạt động liên quan đến mua - bán trái phiếu tại MB, được kiện toàn dựa trên cơ sở Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024, Luật Chứng khoán năm 2024 và các văn kiện hướng dẫn của Cơ quan nhà nước.

Trước từng đợt phát hành trái phiếu, các điều kiện và điều khoản về: tình hình tài chính của Ngân hàng theo báo cáo tài chính được kiểm toán, các chỉ tiêu an toàn tài chính, kế hoạch bố trí nguồn và phương thức thanh toán lãi, gốc Trái phiếu, quyền và nghĩa vụ của người sở hữu trái phiếu và Tổ chức phát hành cùng trách nhiệm và nghĩa vụ của các bên liên quan được quy định đầy đủ và chi tiết trong bộ tài liệu công bố thông tin.

Các cam kết của MB liên quan đến cơ chế bảo vệ quyền lợi người sở hữu trái phiếu:

- **Cam kết Công bố thông tin:**

MB cam kết thực hiện công bố thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định của pháp luật về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế và chịu trách nhiệm trước Pháp luật về nội dung và tính chính xác của thông tin công bố

- **Cam kết đối với Người sở hữu trái phiếu:**

+) Thanh toán đầy đủ, đúng hạn gốc và lãi trái phiếu khi đến hạn
+) Tuân thủ quy định về mục đích sử dụng tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu
+) Duy trì hiệu lực của các chấp thuận cần thiết cho việc chào bán trái phiếu
+) Thực hiện quy định về công bố thông tin và các quy định khác áp dụng đối với tổ chức phát hành
+) Cung cấp thông tin cần thiết cho người sở hữu trái phiếu theo quy định
+) Đảm bảo các quyền lợi kèm theo trái phiếu của người sở hữu trái phiếu
+) Các nghĩa vụ khác quy định cụ thể tại Bản công bố thông tin của mỗi đợt chào bán

Các quyền lợi khác của Người sở hữu trái phiếu:

- Mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ là chủ sở hữu duy nhất của Trái phiếu và được thanh toán tiền gốc và lãi đầy đủ, đúng hạn; nhận tất cả các khoản thanh toán, thông báo, báo cáo và được hưởng các quyền hợp pháp khác liên quan đến Trái phiếu đó theo quy định pháp luật, và các quy định tại Bản công bố thông tin của mỗi đợt chào bán.
- Được quyền thực hiện các giao dịch Trái Phiếu theo quy định tại Bản Công Bố Thông Tin của mỗi đợt chào bán và quy định pháp luật liên quan.
- Các quyền khác theo quy định tại Bản Công Bố Thông Tin của mỗi đợt chào bán và quy định của pháp luật liên quan. Người Sở Hữu Trái Phiếu có trách nhiệm tiếp cận đầy đủ nội dung công bố thông tin của Tổ Chức Phát Hành; hiểu rõ điều kiện, điều khoản Trái Phiếu, các quy định tại Bản Công Bố Thông Tin của đợt chào bán đó và các cam kết khác của Tổ Chức Phát Hành trước khi quyết định mua và giao dịch.

Công tác quản trị, điều hành liên quan đến phòng chống tham nhũng tại MB

Năm 2025, Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) tiếp tục xác định phòng, chống tham nhũng là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong công tác quản trị điều hành, gắn liền với mục tiêu phát triển bền vững, an toàn và minh bạch. Công tác phòng, chống tham nhũng (PCTN) tại MB được triển khai đồng bộ từ Hội sở đến chi nhánh, trên cơ sở tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, Bộ Quốc phòng và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

MB thành lập và kiện toàn Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và tội phạm và các Tiểu Ban Chỉ đạo tại chi nhánh, đồng thời ban hành Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo, tạo cơ sở cho việc tổ chức thực hiện thống nhất trong toàn hệ thống. Các Tiểu Ban Chỉ đạo chịu trách nhiệm tổ chức triển khai, quán triệt và thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tại Chi nhánh, bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất, xuyên suốt từ Hội sở đến toàn hệ thống MB.

MB đã ban hành Quy định về phòng, chống tham nhũng, Nội quy lao động, Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, quy tắc ứng xử của cán bộ, nhân viên theo hướng công khai, minh bạch; Các quy trình nghiệp vụ trọng yếu được rà soát, chuẩn hóa và số hóa, kết hợp với phân quyền, phân cấp kiểm soát, hạn chế tối đa các kẽ hở có thể phát sinh tiêu cực. Đồng thời, MB đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản trị, điều hành, coi đây là giải pháp quan trọng để phòng ngừa tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

MB chú trọng xây dựng và lan tỏa văn hóa liêm chính, tuân thủ trong toàn hệ thống. Quy tắc đạo đức nghề nghiệp, quy tắc ứng xử của cán bộ, nhân viên được phổ biến, quán triệt thường xuyên. Công tác tuyên truyền về phòng, chống tham nhũng được tổ chức linh hoạt, góp phần nâng cao nhận thức và ý thức tự phòng ngừa của mỗi cán bộ, nhân viên.

Công tác kiểm tra, giám sát, quản lý tuân thủ tiếp tục được tăng cường, tập trung vào các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro cao. Các phát hiện, kiến nghị được theo dõi, đôn đốc khắc phục kịp thời; trường hợp có dấu hiệu vi phạm được xử lý nghiêm theo quy định, bảo đảm tính răn đe và phòng ngừa.

Trong năm 2025, MB không ghi nhận trường hợp tham nhũng xảy ra trong phạm vi quản lý của Ngân hàng. Cán bộ, nhân viên toàn hệ thống nhận thức được vai trò, trách nhiệm của bản thân trong công tác phòng, chống tham nhũng và nghiêm túc chấp hành các quy định, xây dựng môi trường làm việc liêm chính, công khai, minh bạch.

Cơ cấu tổ chức triển khai công tác Phòng, chống tham nhũng tại MB

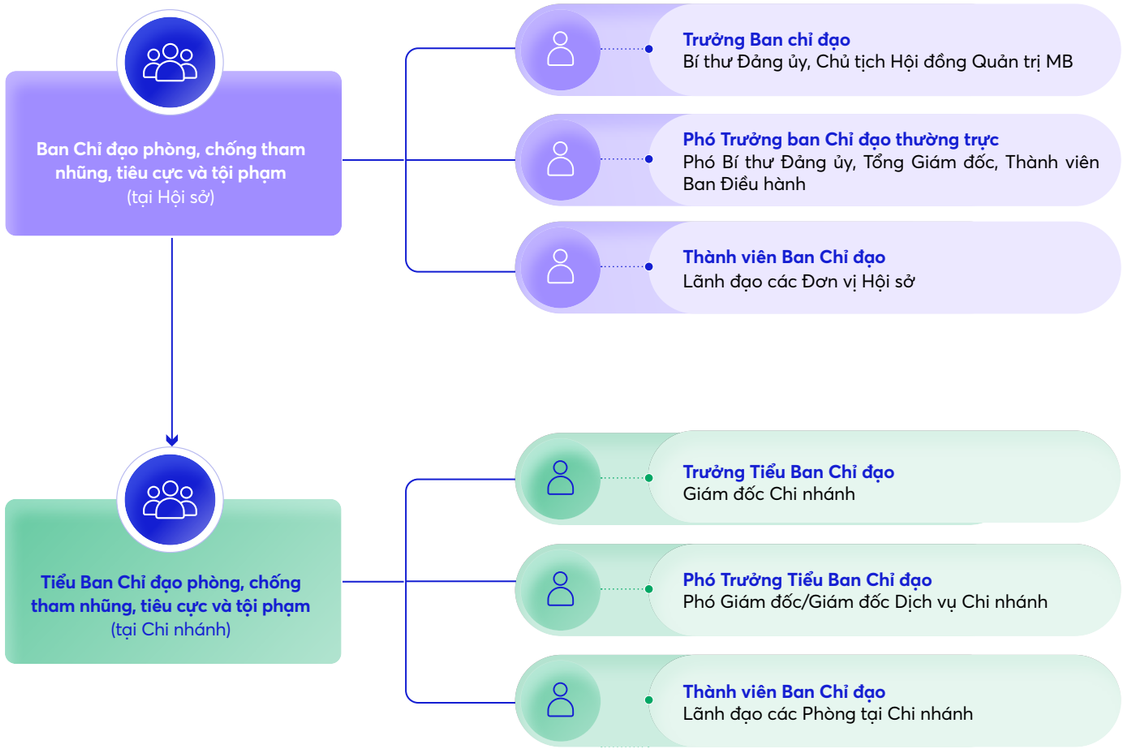

Cơ chế khiếu nại và báo cáo sai phạm

Tại MB đã xây dựng các kênh tiếp nhận khiếu nại, tố cáo (tại các điểm giao dịch, qua đường văn thư, Email…) và Quy chế, Quy trình giải quyết khiếu nại, tố cáo (tiếp nhận thông tin - kiểm tra, xử lý thông tin – giải quyết, phản hồi kết quả) đảm bảo phù hợp và thuận tiện nhất cho KH, đối tác và các bên liên quan, trong đó tại Quy chế giải quyết KNTC, MB đã có quy định chi tiết về việc bảo đảm bí mật danh tính của người tố giác, chống trả thù.

Năm 2025, do chịu tác động tiêu cực từ các biến động của nền kinh tế xã hội, cũng như tính chất phức tạp của các giao dịch kinh tế, tài chính ngân hàng phát sinh, nên số lượng đơn thư MB tiếp nhận và giải quyết tăng. Ban lãnh đạo MB rất chú trọng công tác giải quyết các vấn đề khiếu nại, phản ánh của khách hàng với mục đích nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng độ hài lòng của khách hàng đối với các sản phẩm dịch vụ của ngân hàng. Các ý kiến của khách hàng chủ yếu về yêu cầu giải đáp thắc mắc, tư vấn sản phẩm dịch vụ của MB. Các nguyên nhân dẫn đến tình trạng khiếu nại, tố cáo phát sinh do Khách hàng chưa hiểu rõ về các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước và MB (Quy định/thủ tục nhận và xử lý TSĐB, thanh toán...). MB chấp hành đúng quy trình giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý nhanh và kịp thời các yêu cầu của khách hàng khi có phát sinh, đảm bảo:

+ 100% đơn thư, phản ánh của Khách hàng đều được MB tiếp nhận và giải quyết đầy đủ, kịp thời. MB xử lý các đơn thư đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, đảm bảo lợi ích cho Khách hàng. Kết quả xử lý các đơn thư MB đều thực hiện báo cáo Cơ quan quản lý Nhà nước theo đúng quy định.
+ 100% các vấn đề được phát hiện đều được MB cảnh báo rủi ro kịp thời đến toàn hệ thống và tới khách hàng.

Bảo mật thông tin khách hàng

Các vấn đề về bảo mật thông tin khách hàng thường xuyên được MB tuyên truyền, cảnh báo tới toàn hệ thống đảm bảo thông tin của khách hàng được bảo mật tuyệt đối theo quy định của pháp luật. Các sự cố, khiếu nại, tố cáo liên quan đến bảo mật dữ liệu, rò rỉ thông tin của khách hàng được các đơn vị nghiệp vụ tại MB phối hợp xử lý nhanh chóng, dứt điểm, nghiêm khắc đảm bảo tối đa lợi ích cho khách hàng, đối tác và các bên liên quan.

SĐT đường dây nóng liên hệ

Kênh Call
- KH Mass: 1900 545426/ 024 3767 4050
- KH Priority/Private: 024 2204 8899
- KH SME: 1900 9045/024 6297 6868
- App to call: Kết nối qua Internet từ App MBBank

Kênh khác Call
- Email (Mass, Priority/Private, SME)
- Facebook/Fan page/Group KH thân thiết
- Chợ ứng dụng/Shopee
- eMBee Helper: Chat với TVV qua App MBBank

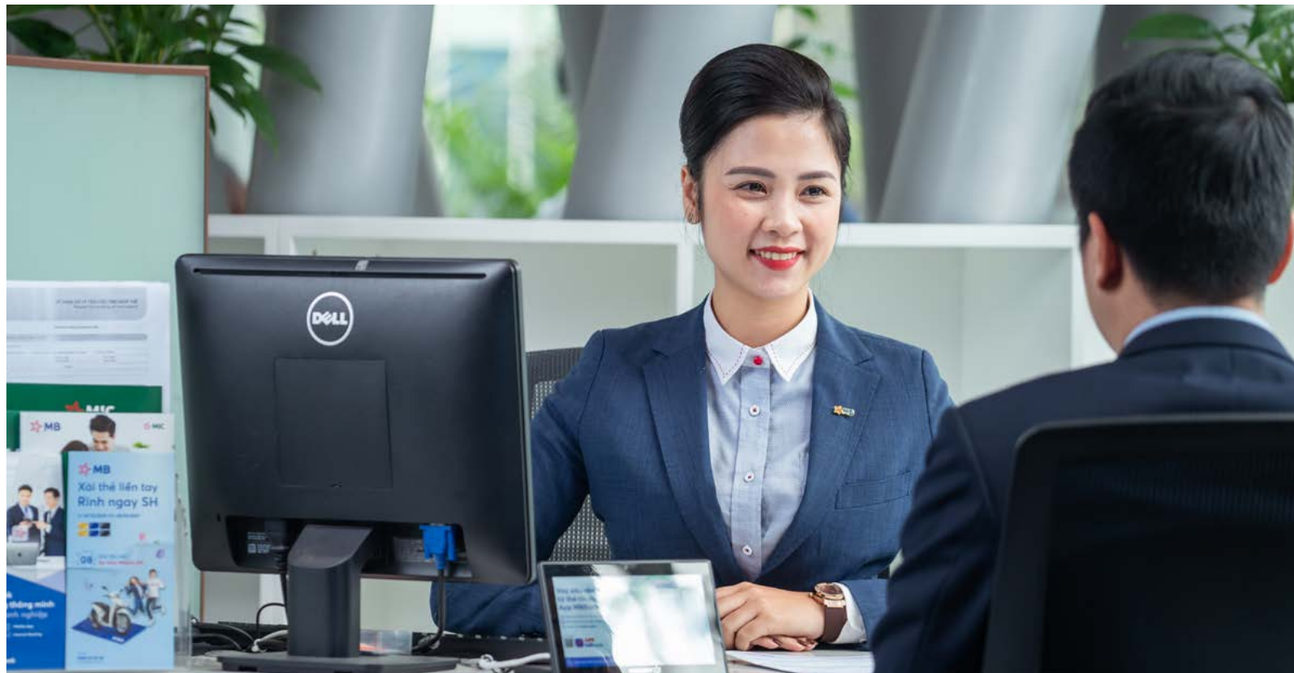

Khách hàng là trung tâm

MB cam kết

"Tạo tác động tích cực thông qua các sản phẩm xanh, bền vững"

An toàn – bảo mật trong môi trường số

Không ngừng đổi mới và chuyển đổi số nhằm đơn giản hóa quy trình, nâng cao hiệu quả phục vụ, đảm bảo an toàn – bảo mật trong môi trường số và tăng cường tiếp cận tài chính, dịch vụ ngân hàng cho khách hàng

Trải nghiệm xuất sắc

Cam kết mang lại trải nghiệm xuất sắc cho khách hàng, nâng cao chất lượng sản phẩm – dịch vụ, đảm bảo minh bạch, an toàn và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số.

Sản phẩm tài chính bền vững

Mở rộng tín dụng xanh, sản phẩm tài chính bền vững tài trợ thân thiện môi trường góp phần hỗ trợ doanh nghiệp và cộng đồng trong quá trình chuyển đổi xanh.

Tài chính xanh

ĐỊNH HƯỚNG TĂNG TRƯỞNG XANH

Trong năm 2025, Khung Tín dụng xanh MB[4] đã được Đơn vị kiểm toán KPMG Ấn Độ thực hiện đánh giá độc lập và phát hành ý kiến của Bên thứ hai (Second Party Opinion – SPO), là cơ sở quan trọng giúp MB nâng cao tính minh bạch, uy tín và khả năng tiếp cận nguồn vốn xanh quốc tế. Khung tín dụng xanh MB được xác nhận tuân thủ theo 04 thành phần cốt lõi theo tiêu chuẩn quốc tế gồm:

- Mục đích sử dụng vốn
- Quy trình đánh giá và lựa chọn dự án
- Quản lý sử dụng vốn vay
- Báo cáo tác động

Ngay sau khi Chính phủ ban hành Quyết định 21/2025/QĐ-TTg (QĐ21) về Danh mục phân loại xanh, MB đã cập nhật và bổ sung danh mục, tiêu chí dự án xanh đủ điều kiện vào Khung Tín dụng xanh MB, bảo đảm tuân thủ quy định luật pháp quốc gia. Đồng thời MB là thành viên tích cực tham gia phối hợp cùng NHNN trong việc xây dựng Dự thảo hỗ trợ lãi suất từ nguồn vốn ngân sách đối với các dự án xanh đủ điều kiện theo QĐ21 – cụ thể hóa định hướng của Quốc hội và Chính phủ về chuyển dịch và tăng trưởng kinh tế xanh.

Kết quả triển khai năm 2025

MB tiếp tục đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng xanh trong cơ cấu danh mục tín dụng, cụ thể:

Huy động thành công

500 triệu USD

vốn xanh quốc tế

Quy mô dư nợ tín dụng xanh N2025 đạt

68.501 tỷ đồng

cho 5.148 khoản vay/dự án xanh

Cơ cấu dư nợ xanh:

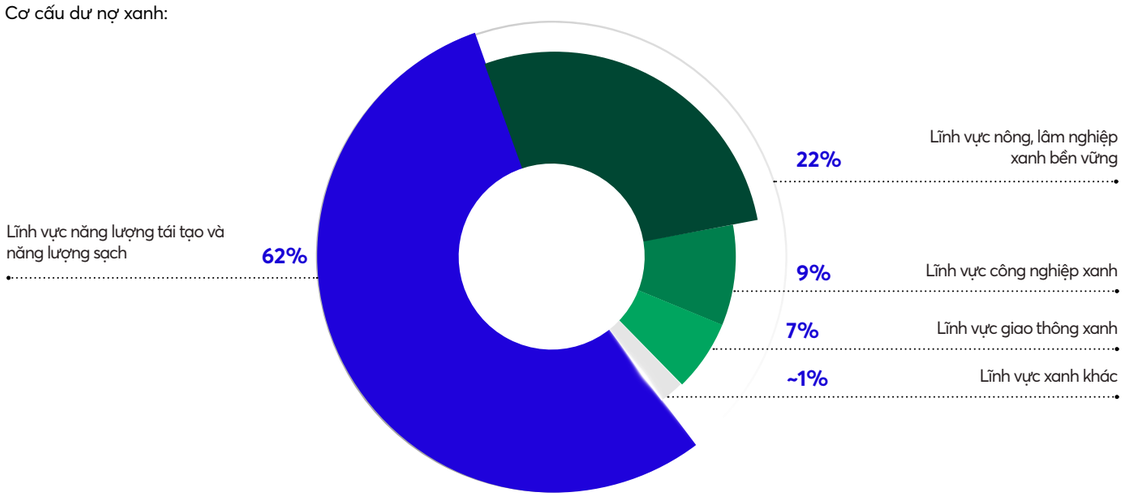

[4] Khung Tín dụng xanh MB đã được ban hành tháng 12/2024: với danh mục lĩnh vực xanh cùng các tiêu chí kỹ thuật chi tiết cho từng nhóm dự án, tạo cơ sở thống nhất trong đánh giá, thẩm định và đo lường các tác động tới môi trường, khí hậu mà dự án, khoản vay mang lại.
https://www.mbbank.com.vn/phat-trien-ben-vung

Bên cạnh đó, MB chú trọng quản lý rủi ro môi trường xã hội theo quy định:

Được đánh giá rủi ro môi trường – xã hội

100% Dự án

Dư nợ được quản lý rủi ro môi trường – xã hội

126.361 tỷ đồng

chiếm 12,1% tổng dư nợ toàn hàng

Kế hoạch năm 2026

Định hướng kinh doanh năm 2026 của MB tiếp tục bám sát các chủ trương của Chính phủ và NHNN về thúc đẩy tăng trưởng kinh tế xanh và phát triển bền vững. Theo đó, Ngân hàng tập trung triển khai các giải pháp nhằm thúc đẩy dòng vốn tín dụng hướng tới các hoạt động sản xuất, kinh doanh thân thiện với môi trường và hỗ trợ quá trình chuyển đổi xanh của nền kinh tế.

MB ưu tiên cấp tín dụng đối với các khách hàng và phương án kinh doanh đáp ứng tiêu chí xanh, đặc biệt là các dự án đổi mới công nghệ, nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng và giảm phát thải. Đồng thời, tích cực triển khai các chương trình hỗ trợ lãi suất theo định hướng của Chính phủ và NHNN, trong đó có chương trình hỗ trợ lãi suất 2%/năm đối với các dự án xanh, kinh tế tuần hoàn và các dự án đáp ứng tiêu chuẩn ESG.

MB khuyến khích và ưu tiên các khách hàng ứng dụng công nghệ hiện đại, tiết kiệm năng lượng và giảm phát thải, qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh và đáp ứng yêu cầu ngày càng khắt khe của thị trường xuất khẩu.

MB tiếp tục nghiên cứu và phát triển các chương trình tín dụng và sản phẩm tài chính đặc thù cho các lĩnh vực gắn với phát triển bền vững như: năng lượng tái tạo, nông nghiệp xanh, giao thông xanh và bất động sản xanh, góp phần thúc đẩy quá trình chuyển đổi sang mô hình tăng trưởng xanh của nền kinh tế.

Hoạt động hỗ trợ khách hàng tiếp cận sản phẩm tín dụng xanh

MB tập trung thực hiện các chương trình, dự án liên quan đến ESG, trong đó trọng tâm là xây dựng các chương trình sản phẩm theo Khung tín dụng xanh của MB và xây dựng nâng cấp mô hình quản trị rủi ro tích hợp yếu tố ESG tiệm cận thông lệ quốc tế. Theo Khung Tín dụng xanh của MB, MB định hướng cho vay xanh các Khách hàng hoạt động trong các lĩnh vực chính: Năng lượng tái tạo - năng lượng hiệu quả, Giao thông sạch, Bất động sản xanh, Nông nghiệp xanh, các lĩnh vực giảm phát thải khí nhà kính. Cùng với 7 lĩnh vực thuộc Danh mục xanh ban hành tại Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg, MB có cơ hội mở rộng nhóm Khách hàng trong lĩnh vực xanh phù hợp với quy định luật pháp Việt Nam. Theo đó, MB có các chính sách, sản phẩm dành cho khách hàng thuộc Danh mục xanh gồm:

Về Chính sách

Áp dụng lãi suất cho vay thấp hơn 0,5 – 1,5%/năm so với mức lãi suất bình quân đối với các dự án ESG triển khai mới đáp ứng các điều kiện cấp tín dụng xanh của NHNN và MB. Ưu tiên room tín dụng trong giai đoạn hạn chế room, áp dụng các hình thức đầu tư, cho vay như vay hạn mức kinh doanh, bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, thư tín dụng… theo từng phân khúc.

Về Sản phẩm

Phân khúc KHCN

Ngân hàng triển khai gói tín dụng xanh nhằm thúc đẩy quá trình chuyển đổi xanh trong lĩnh vực giao thông, tập trung vào Chương trình cho vay mua ô tô điện VinFast với các ưu đãi như sau:

- Tăng thời gian cho vay từ 84 tháng lên 96 tháng
- Thời gian ân hạn gốc tối đa 6 tháng
- Cho vay tối đa 90% nhu cầu vốn và tối đa 85% giá trị tài sản đảm bảo

Chính sách trên góp phần thúc đẩy tiêu dùng xanh, mở rộng khả năng tiếp cận các sản phẩm tín dụng ưu đãi cho khách hàng, đồng thời khuyến khích chuyển dịch sang phương tiện giao thông thân thiện môi trường, phù hợp định hướng phát triển bền vững và tiêu chí ESG của ngân hàng.

Phân khúc Khách hàng doanh nghiệp (KHDN)

Thông qua Gói sản phẩm tài trợ trung dài hạn dành cho KHDN, MB tài trợ các dự án xanh tại các lĩnh vực: Sản xuất xe điện, Taxi xanh, Năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời,...). MB cũng đã tích cực tài trợ quá trình chuyển đổi giao thông xanh với Chương trình tài trợ đại lý phân phối Vinfast.

Các sản phẩm của MB khi ban hành đã lồng ghép các định hướng hướng tới khách hàng có chiến lược chuyển đổi xanh như: khách hàng áp dụng các chứng nhận về quy trình ISO, Nhãn năng lượng… với Gói sản phẩm tài trợ vốn lưu động dành cho các doanh nghiệp sản xuất, cung cấp, lắp đặt thiết bị điện; kế hoạch áp dụng các chứng nhận ISO, GlobalGAP, VietGAP, GMP, Organic, JSC … gồm các chương trình, sản phẩm cụ thể như Chương trình tài trợ ngành gạo vùng Tây Nam Bộ.

Tận dụng lợi thế công nghệ trên 3 nền tảng App MBBank, BIZ MBBank, BaaS MB, MB tích cực truyền thông về các dịch vụ được cung cấp bởi các công ty trong hệ sinh thái MB và các đối tác thông qua các nền tảng số do MB sở hữu. MB cũng hợp tác chặt chẽ với các đối tác chiến lược để mở rộng kênh phân phối các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng trên kênh viễn thông và hoạt động đại lý ngân hàng với các sản phẩm mang hàm lượng công nghệ cao thông qua thiết bị thông minh tới nhóm khách hàng hiện hữu và khách hàng tiềm năng của MB.

Trải nghiệm khách hàng

Cơ chế/chính sách

MB bám sát chính sách về chất lượng dịch vụ hướng tới mục tiêu Xây dựng trải nghiệm khách hàng xuất sắc trên đa nền tảng, và tuân thủ các nguyên tắc trong triển khai, quản lý chất lượng dịch vụ khách hàng trên toàn hệ thống, đảm bảo cung cấp dịch vụ tốt nhất cho khách hàng. Năm 2025 MB đã phối hợp với Qualtrics – Công ty hàng đầu thế giới về trải nghiệm khách hàng, triển khai dự án xây dựng mô hình trải nghiệm khách hàng cho MB, hướng tới mục tiêu Top 5 Châu Á về trải nghiệm khách hàng.

Kết quả hoạt động

(thực hiện trên 1,5 triệu lượt khảo sát năm 2025)

Chỉ số hài lòng của MB (CSAT, NPS, CES) đạt ngưỡng thông lệ cao, đều đạt và vượt so với mục tiêu năm 2025 và kết quả hoạt động năm 2024.

Chỉ số Hài lòng khách hàng CSAT

91,7 điểm

1,4 điểm so với năm 2024

Chỉ số Trung thành của khách hàng NPS

67 điểm

4,6 điểm so với năm 2024

Chỉ số nỗ lực/dễ dàng tiếp cận sản phẩm dịch vụ của MB CES

85,1 điểm

1,8 điểm so với năm 2024

Kênh quản lý chất lượng

CHỈ SỐ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ RIÊNG KÊNH MB247 NĂM 2025			
Chỉ số CLDV	**CSAT**	**CES**	**NPS**
Năm 2024	90,7	75,2	57,7
Năm 2025	91,1	84,3	65,8
% Tăng/(Giảm)	0,44%	12,1%	14,4%

Kênh MB247 tự đánh giá

Kênh	Tỷ lệ Khách hàng đánh giá hài lòng			
	Call		Chat	
	App to Call	AutoCall	Bot	Agent
Năm 2024	-	80,2%	76,3%	82,04%
Năm 2025	85,4%	85,4%	79,3%	84,5%
% Tăng/(Giảm)	**-**	**6,5%**	**3,9%**	**3%**

(App to Call triển khai từ tháng 10.2024)

Hiện tại MB 247 có thể tiếp nhận yêu cầu khách hàng qua nhiều kênh:

- Dịch vụ hỗ trợ khách hàng kênh điện thoại (MB247), kênh email.
- Dịch vụ hỗ trợ khách hàng kênh đa phương tiện (MB247).
- eMB helper/Chat trên App MBBank/BIZ MBBank: Khách hàng chat trực tiếp với nhân viên ngay trên APP hoặc để lại nhu cầu cần hỗ trợ để được nhân viên liên hệ giải đáp.
- App to call: khách hàng có thể đăng nhập App MBBank và thực hiện cuộc gọi miễn phí thông qua mạng Internet.
- Facebook: Tư vấn giải đáp thắc mắc qua comment/inbox.
- Website MB: Tiếp nhận và trả lời các yêu cầu khách hàng để lại qua website của MB.
- Chợ ứng dụng: trả lời, giải đáp vướng mắc các yêu cầu khách hàng để lại trên chợ ứng dụng App Store và CH Play.
- Hotline liên hệ:
  - KH Mass: 1900 545426/ 024 3767 4050
  - KH Priority/Private: 024 2204 8899
  - KH SME: 1900 9045/ 024 6297 6868

Các biện pháp đã và đang triển khai liên quan đến việc phát triển các kênh phân phối hiện đại dựa trên ứng dụng công nghệ số (đặc biệt qua điện thoại di động); các biện pháp phòng ngừa và đảm bảo an ninh công nghệ:

Cá nhân hóa trải nghiệm khách hàng	Sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) phân tích hành vi của khách hàng dựa trên dữ liệu thu thập được từ đó đưa ra trải nghiệm phù hợp cho từng khách hàng
Chatbots và trợ lý ảo	Chatbots sử dụng AI để giao tiếp với khách hàng, trả lời các câu hỏi và xử lý yêu cầu cơ bản của khách hàng. Chatbots hoạt động 24/7, không cần sự can thiệp của con người nên có thể hỗ trợ khách hàng liên tục, giảm thời gian chờ đợi, nâng cao trải nghiệm khách hàng
Cung cấp trải nghiệm đơn giản, thuận tiện	Phát triển nền tảng số cho phép khách hàng có thể thực hiện các giao dịch đơn giản, thuận tiện, có thể sử dụng mọi lúc, mọi nơi qua ứng dụng di động
Trải nghiệm nhanh, tăng khả năng truy cập	Cung cấp dịch vụ trên điện toán đám mây (Cloud Computing) đảm bảo hiệu năng và tính ổn định của dịch vụ cung cấp cho khách hàng
Đẩy mạnh chuyển đổi số	Giúp giảm giấy tờ từ đó giảm rác thải ra môi trường
Phát hành thẻ MB Mastercard Hi Green	Là dòng thẻ ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam được thiết kế để khuyến khích lối sống xanh và phát triển bền vững. Chiếc thẻ này không chỉ là công cụ thanh toán mà còn là sự cam kết bảo vệ môi trường khi được làm hoàn toàn từ nhựa tái chế

MB đã triển khai hệ thống đảm bảo an ninh toàn diện, đặc biệt đối với ứng dụng công nghệ số qua thiết bị di động đã được triển khai các biện pháp bảo vệ ứng dụng theo đúng các yêu cầu của Ngân hàng nhà nước như ngăn chặn các hành vi chạy ứng dụng trên môi trường không an toàn, can thiệp vào ứng dụng, bảo vệ mã nguồn, chống mã độc… Đồng thời MB cũng đang triển khai hệ thống bảo vệ giao dịch của khách hàng như mô hình chấm điểm ngăn chặn rủi ro từ thiết bị và hình ảnh eKYC, mô hình Fraud nội bộ ngăn chặn các giao dịch nghi ngờ rửa tiền, lừa đảo, ...

Tài chính toàn diện

"Phát triển đa dạng các kênh phân phối hỗ trợ cho mọi người dân và doanh nghiệp tiếp cận và sử dụng các sản phẩm, dịch vụ tài chính cơ bản một cách thuận tiện, với chi phí hợp lý"

Các biện pháp đã triển khai

Phát triển mô hình đại lý ngân hàng/đại lý thanh toán

Thông tư số 07/2024/TT-NHNN về hoạt động đại lý thanh toán (đại lý ngân hàng) có hiệu lực ngày 01/07/2024, MB đã nhanh chóng đánh giá tính phù hợp và xây dựng kế hoạch phát triển đại lý thanh toán. Đến hết 2025, MB thực hiện phát triển hệ thống và kết nối với 3 đối tác giao đại lý, gồm: Công ty thương mại và xuất nhập khẩu Viettel, Công ty TNHH một thành viên dịch vụ và thương mại ViettelPost, Công ty cổ phần kinh doanh F88 (thí điểm 15 điểm đại lý). Các dịch vụ giao đại lý gồm:

Nhận hồ sơ mở tài khoản thanh toán, phát hành thẻ ngân hàng, kiểm tra, xác minh thông tin nhận biết khách hàng để gửi cho ngân hàng và hướng dẫn khách hàng sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ngân hàng;	Tiếp nhận yêu cầu cung cấp dịch vụ thanh toán của khách hàng, lập, ký, kiểm soát, xử lý chứng từ giao dịch của khách hàng, chuyển thông tin giao dịch của khách hàng cho bên giao đại lý, nhận tiền mặt từ khách hàng hoặc trả tiền mặt cho khách hàng nhằm thực hiện các giao dịch: • Nộp/rút tiền mặt vào/từ tài khoản thanh toán của khách hàng mở tại bên giao đại lý; • Nộp/rút tiền mặt vào/từ thẻ ghi nợ, thẻ trả trước định danh của khách hàng do bên giao đại lý phát hành; • Nộp tiền mặt để thanh toán dư nợ thẻ tín dụng của khách hàng do bên giao đại lý phát hành; • Thực hiện dịch vụ thanh toán lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, chuyển tiền, thu hộ, chi hộ.
Các nghiệp vụ khác phù hợp theo quy định tại Thông tư số 07/2024/TT-NHNN	

Phát triển các kênh phân phối hiện đại dựa trên ứng dụng công nghệ số

MB là ngân hàng tiên phong chuyển mình từ một ứng dụng mobile banking truyền thống sang một siêu ứng dụng (super app) đa tiện ích, với hơn 200 sản phẩm số được chuyển dịch lên App MBBank cho cá nhân và BIZ MBBank cho doanh nghiệp nhằm đáp ứng đầy đủ nhu cầu "all-in-one", bao gồm tài chính và phi tài chính của khách hàng. Các sản phẩm chuyển đổi số nổi bật như: triển khai phương thức thanh toán mobile payment toàn diện đầu tiên (Apple Pay, Google Pay, Garmin Pay); phần mềm quản lý bán hàng mSeller; gói hội viên MB với các combo tiện ích và ưu đãi dành riêng cho hội viên sử dụng;... MB cũng là ngân hàng đầu tiên đưa các sản phẩm vay lên kênh số, đặc biệt là các sản phẩm phê duyệt trước (pre-approve) và các giải pháp phê duyệt hạn mức tín dụng, giải ngân online trên nền tảng.

Hệ sinh thái số được thiết lập và mở rộng liên tục nhằm phát triển các mô hình kinh doanh số mới, mang tới trải nghiệm thuận tiện cho khách hàng và tối ưu vận hành cho các đối tác: hệ sinh thái Marketplace với 63 Mini App được tích hợp trên App MBBank nhằm đáp ứng các nhu cầu phi tài chính hàng ngày của khách hàng; nền tảng Bất động sản số Landstock đáp ứng nhu cầu giao dịch và cung cấp thông tin cho ~600.000 người dùng; App Thiện nguyện của MB cán mốc hơn 2 triệu người dùng, trở thành Nền tảng xã hội thiện nguyện đầu tiên tại Việt Nam, tận dụng công nghệ và chuyển đổi số nhằm kết nối các chủ thể tham gia từ thiện, hướng tới sự minh bạch và thuận tiện.

MB cũng là ngân hàng mang đến nhiều giải pháp hỗ trợ khách hàng xác thực sinh trắc học (NFC) trực tuyến nhất thị trường như "Sinh trắc có hội", kết nối với tài khoản VNeID,... với kết quả hơn ~95% khách hàng đang hoạt động (khách hàng active) hoàn thành NFC, giúp khách hàng hoàn thành sinh trắc học mà không cần đến quầy giao dịch.

Trong phát triển các kênh phân phối hiện đại: MB xây dựng 3 nền tảng phục vụ khách hàng trên kênh số gồm: **App MBBank (cho KHCN), BIZ MBBank (cho KHDN), BaaS MB** (cung cấp sản phẩm dịch vụ MB trên các nền tảng của đối tác) với đa dạng tiện ích và các giải pháp tiên tiến nhất trên thế giới cho phép khách hàng thực hiện hầu hết các giao dịch mọi lúc, mọi nơi, từ mở tài khoản, chuyển tiền, thanh toán hóa đơn đến vay tiêu dùng.

Triển khai mở rộng độ bao phủ CN, PGD, ATM, POS trên toàn quốc

Với mục tiêu tối ưu hóa hệ thống mạng lưới điểm giao dịch, đa kênh tích hợp, tập trung vào số hóa, MB ưu tiên thực hiện phát triển mạng lưới đa kênh bao gồm hệ thống các Chi nhánh, phòng giao dịch, SmartBank, ATM/CRM, POS và các nền tảng công nghệ (App MBBank, BIZ MBBank, BaaS) trong đó chú trọng cải thiện trải nghiệm khách hàng đa kênh.

Đối với mạng lưới thanh toán ATM/POS trên toàn quốc, ngoài việc bố trí, lắp đặt tại những nơi đông dân cư thì MB còn chú trọng lắp đặt ở những nơi vùng xa, đặc biệt là những nơi công tác, làm việc của lực lượng quân nhân ở vùng xa cho thấy MB chú trọng phục vụ mục tiêu xã hội, an ninh quốc phòng bên cạnh hoạt động kinh doanh của Ngân hàng. Qua đó hỗ trợ người dân ở các điểm vùng sâu, vùng xa tiếp cận với các dịch vụ thanh toán hiện đại, công nghệ tiên tiến, đảm bảo góp phần thực hiện chủ trương của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt.

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% Tăng/(Giảm)
Số lượng chi nhánh/PGD	319	327	2,5%
Số lượng ATM/CRM	1.055	1.134	7,5%
POS	6.352	8.956	41%

Bảo vệ Môi trường

Giảm phát thải

MB là một trong những ngân hàng tại Việt Nam tiên phong chủ động triển khai kiểm kê khí nhà kính đối với Phạm vi 1 và Phạm vi 2. Theo định hướng Chiến lược ESG, trong năm 2025 MB đã hoàn thành kiểm kê khí nhà kính theo tiêu chuẩn ISO 14064-1, nhằm xác định các nguồn phát thải chính và làm cơ sở xây dựng lộ trình giảm phát thải trong hoạt động vận hành.

Quá trình triển khai được thực hiện đồng bộ trên toàn hệ thống, bao gồm các hoạt động chính như: khảo sát và nhận diện nguồn phát thải, xây dựng phương pháp thu thập và đo lường dữ liệu, tổ chức đào tạo, thu thập dữ liệu hoạt động, phát triển phần mềm kiểm kê khí nhà kính, hướng dẫn nhập liệu và rà soát dữ liệu trước khi tổng hợp báo cáo. Phạm vi kiểm kê được triển khai tại Hội sở và các Chi nhánh, Phòng giao dịch trên toàn quốc.

Phạm vi kiểm kê hiện tập trung vào 02 nguồn phát thải chính gồm:

01 **phát thải trực tiếp từ hoạt động ngân hàng**

02 **phát thải gián tiếp từ việc sử dụng năng lượng mua ngoài**

Kết quả kiểm kê phát thải khí nhà kính:

Chỉ tiêu	Hội sở 18 Lê Văn Lương			Toàn hàng (HO, CN/PGD)
	Năm 2024	Năm 2025	% Tăng/ (Giảm)	Năm 2024
Tổng phát thải khí nhà kính trực tiếp - Phạm vi 1	11,3	5,5	(51,3%)	6.154
Tổng phát thải khí nhà kính gián tiếp – Phạm vi 2	3.261,8	3.153,8	(3,3%)	20.265
Tổng phát thải khí nhà kính trực tiếp và gián tiếp	**3.273,1**	**3.159,3**	**(3,5%)**	**26.419**

Kết quả kiểm kê phát thải KNK Toàn hàng năm 2024 (năm cơ sở) đã được thẩm định bởi Tổ chức đánh giá độc lập SGS, là cơ sở quan trọng để MB xây dựng lộ trình giảm phát thải và từng bước hướng tới mục tiêu trung hòa carbon trong hoạt động vận hành tới năm 2030.

Cơ sở tính toán phát thải khí nhà kính

Dữ liệu đầu vào được thu thập từ các hồ sơ như: hóa đơn điện – nước, nhiên liệu, nhật ký vận hành thiết bị tại các đơn vị. Hệ số quy đổi sang tấn CO2 của điện tiêu thụ năm 2024 của MB được xác định theo công văn số 1726/BĐKH-PTCBT về Hệ số phát thải của lưới điện Việt Nam năm 2023 do Cục Biến đổi khí hậu - Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành ngày 03/12/2024 là 0,6592 tCO2/MWh.

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính

Các giải pháp trọng tâm tập trung: nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng, từng bước chuyển đổi sang phương tiện vận hành thân thiện với môi trường, mở rộng sử dụng năng lượng tái tạo và tăng cường quản lý các nguồn phát thải trong vận hành.

Trong năm 2025, MB đã áp dụng một số sáng kiến cụ thể như thuê xe điện phục vụ công tác của cán bộ nhân viên và tăng tỷ lệ sử dụng taxi điện, đồng thời triển khai thí điểm hệ thống điện mặt trời áp mái tại tòa nhà Hội sở, với kế hoạch tiếp tục mở rộng trong giai đoạn từ năm 2026. Bên cạnh đó, Ngân hàng cũng tăng cường quản lý hệ thống làm lạnh và kiểm soát nước thải nhằm tối ưu hiệu quả sử dụng tài nguyên.

MB cũng triển khai **VertZéro** – nền tảng công nghệ tiên tiến do FPT phát triển, hỗ trợ xây dựng cơ sở dữ liệu về phát thải carbon và số hóa quy trình theo dõi, đánh giá các chỉ số môi trường trong hoạt động vận hành.

Việc đo lường phát thải một cách đầy đủ và có hệ thống theo từng phạm vi giúp MB từng bước nâng cao năng lực quản lý phát thải, hướng tới các mục tiêu phát triển bền vững, đồng thời tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm đối với môi trường.

Quản lý rủi ro liên quan đến khí hậu

Quản lý năng lượng tiêu thụ

Bảng thông tin về Năng lượng tiêu thụ

Chỉ tiêu	Hội sở 18 Lê Văn Lương			Toàn hàng (HO, CN/PGD)
	Năm 2024	Năm 2025	% Tăng/ (Giảm)	Năm 2024
Năng lượng tiêu thụ trực tiếp (xăng dầu) - kWh	17.180	8.364	(51,3%)	13.681.800
Năng lượng tiêu thụ gián tiếp (điện) - kWh	4.948.100	4.784.300	(3,3%)	30.741.347
Tổng lượng năng lượng tiêu thụ	**4.965.280**	**4.792.664**	**(3,5%)**	**44.423.147**

Năng lượng tiêu thụ trên mỗi đơn vị diện tích tại Hội sở năm 2025 là 108,8 kWh/m2, giảm 3,3% so với năm 2024.

Cơ sở tính toán năng lượng tiêu thụ

Năng lượng tiêu thụ được tính toán theo tổng khối lượng tiêu thụ thực tế trong năm tính toán từ các hóa đơn, chứng từ hợp lệ. Năng lượng tiết kiệm được tính toán bằng tỷ lệ tiết kiệm tổng khối lượng tiêu thụ năm hiện tại so với tổng khối lượng tiêu thụ năm liền kề trước đó.

Các sáng kiến và biện pháp tiết kiệm năng lượng

Tiếp tục thực hiện các giải pháp tiết kiệm điện năng, mở rộng thay thế đèn Led tiết kiệm điện toàn bộ tòa nhà Hội sở, tiết kiệm 40% điện năng sử dụng cho tổng điện năng tiêu thụ từ hệ thống chiếu sáng tòa nhà. Tối ưu sử dụng hệ thống điều hòa không khí, bảo trì bảo dưỡng định kỳ theo kế hoạch,... Năm 2025 tiết kiệm 3,3% tổng lượng điện sử dụng so với năm 2024 từ các sáng kiến tiết kiệm điện năng.

Triển khai phương án điện mặt trời áp mái tại Tòa nhà Hội sở 18 Lê Văn Lương áp dụng từ 2026, dự kiến chuyển đổi 350.000 kWh điện lưới sang điện mặt trời tương đương giảm 230.000 kg CO2e, tiết kiệm 160trVNĐ/năm.

Quản lý rủi ro liên quan đến khí hậu

Nhận thức rõ tác động ngày càng sâu rộng của biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường đối với kinh tế toàn cầu cũng như hoạt động của hệ thống tài chính, MB đang từng bước nghiên cứu và triển khai công tác quản lý rủi ro môi trường – xã hội nhằm hạn chế các tác động tiêu cực, định hướng tăng trưởng tín dụng xanh và phát triển bền vững.

Các yếu tố rủi ro liên quan đến ESG, đặc biệt là rủi ro liên quan đến khí hậu và môi trường, có khả năng gia tăng mức độ ảnh hưởng trong trung và dài hạn trong quá trình chuyển dịch sang nền kinh tế xanh, tác động trực tiếp tới các rủi ro trọng yếu của Ngân hàng; do đó, MB đang từng bước hoàn thiện công tác quản lý và nâng cao năng nhận diện, đánh giá rủi ro liên quan đến môi trường và khí hậu.

Quản lý rủi ro ESG

Với danh mục khách hàng hoạt động trên nhiều ngành nghề và cung cấp đa dạng sản phẩm tín dụng, MB áp dụng cách tiếp cận bằng khi lồng ghép các yếu tố quản lý rủi ro môi trường – xã hội vào quy trình cấp tín dụng đối với khách hàng doanh nghiệp. Trên cơ sở kết quả triển khai Dự án xây dựng Khung quản lý rủi ro ESG, MB đang từng bước xây dựng đồng bộ hệ thống quản lý rủi ro môi trường – xã hội bao gồm hệ thống quy định, quy trình và hướng dẫn thực thi, cơ chế giám sát phù hợp với quy định pháp luật Việt Nam và các thông lệ tiên tiến quốc tế. Hiện tại, 100% đề xuất cấp tín dụng thuộc phạm vi áp dụng đều được sàng lọc và phân loại theo mức độ rủi ro về môi trường theo quy định tại Thông tư 17/2022/TT-NHNN, từ đó MB xác định các biện pháp quản lý rủi ro môi trường – xã hội phù hợp với từng mức độ rủi ro đã nhận diện. Đối với các dự án còn tồn tại rủi ro về môi trường, Ngân hàng yêu cầu Khách hàng xây dựng và cam kết thực hiện kế hoạch hành động khắc phục, và ghi nhận nội dung này như một điều kiện trong hợp đồng tín dụng.

Quản lý rủi ro môi trường – xã hội trong hoạt động cấp tín dụng luôn được MB xem xét trong định hướng điều hành hàng năm và tích hợp vào hệ thống quản trị rủi ro của Ngân hàng. Căn cứ Thông tư 17/2022/TT-NHNN ngày 23/12/2022 về quản lý rủi ro môi trường trong hoạt động cấp tín dụng của tổ chức tín dụng, MB đã ban hành quy định nội bộ nhằm bảo đảm việc kiểm soát rủi ro được thực hiện theo các nguyên tắc:

- Các dự án đầu tư phải tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật về bảo vệ môi trường
- Thực hiện đánh giá rủi ro môi trường đối với từng dự án/khoản vay trước khi quyết định cấp tín dụng

Nhằm nâng cao năng lực nhận diện và quản lý rủi ro môi trường – xã hội trong hoạt động cấp tín dụng, năm 2026 MB sẽ triển khai thử nghiệm công cụ thẻ điểm ESG – công cụ được xây dựng trên cơ sở tham chiếu tư vấn của các tổ chức quốc tế và được điều chỉnh phù hợp với thông lệ và đặc thù của thị trường Việt Nam. Thẻ điểm ESG sẽ đóng vai trò hỗ trợ RM và các đơn vị nghiệp vụ trong việc nhận diện, đánh giá và giám sát các yếu tố rủi ro môi trường – xã hội liên quan đến rủi ro tín dụng, qua đó nâng cao chất lượng công tác thẩm định và quản lý danh mục tín dụng của Ngân hàng.

Bên cạnh đó, MB đang nghiên cứu các phương pháp đánh giá rủi ro khí hậu theo thông lệ tiên tiến nhằm từng bước đánh giá tác động tiềm tàng của biến đổi khí hậu đối với danh mục tín dụng và hoạt động của Ngân hàng, qua đó nâng cao năng lực quản trị rủi ro trong bối cảnh chuyển dịch sang nền kinh tế carbon thấp.

Việc từng bước áp dụng các công cụ đánh giá rủi ro ESG và rủi ro khí hậu là nền tảng quan trọng để MB tăng cường khả năng chống chịu của danh mục tín dụng trước các rủi ro dài hạn liên quan đến biến đổi khí hậu và chuyển dịch sang nền kinh tế xanh.

Quản lý tác động đối với Môi trường

Chính sách chung về môi trường

Kết quả hoạt động năm 2025

MB đã hoàn thiện và ban hành Chính sách ESG, xác lập khuôn khổ hành động toàn diện nhằm quản lý tác động môi trường và thúc đẩy phát triển bền vững trên cả ba khía cạnh: hoạt động vận hành, hoạt động kinh doanh và chuỗi cung ứng.

Theo đó trụ cột Môi trường được triển khai với các định hướng trọng tâm:

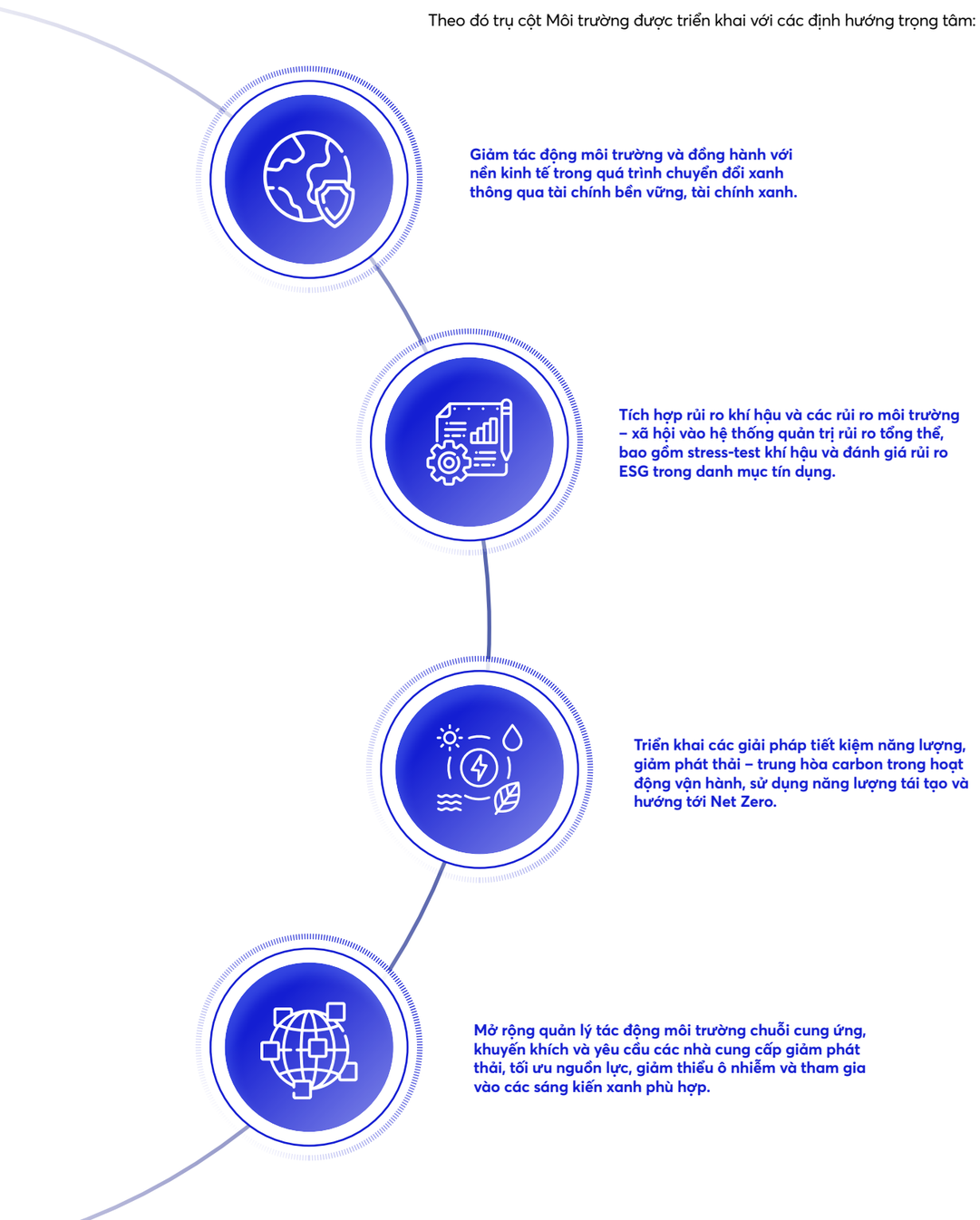

Giảm tác động môi trường và đồng hành với nền kinh tế trong quá trình chuyển đổi xanh thông qua tài chính bền vững, tài chính xanh.

Tích hợp rủi ro khí hậu và các rủi ro môi trường – xã hội vào hệ thống quản trị rủi ro tổng thể, bao gồm stress-test khí hậu và đánh giá rủi ro ESG trong danh mục tín dụng.

Triển khai các giải pháp tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải – trung hòa carbon trong hoạt động vận hành, sử dụng năng lượng tái tạo và hướng tới Net Zero.

Mở rộng quản lý tác động môi trường chuỗi cung ứng, khuyến khích và yêu cầu các nhà cung cấp giảm phát thải, tối ưu nguồn lực, giảm thiểu ô nhiễm và tham gia vào các sáng kiến xanh phù hợp.

Để bảo đảm việc thực thi mang tính thực chất và hiệu quả, MB đã cụ thể hóa Chính sách ESG thông qua hệ thống văn bản hướng dẫn và cơ chế quản trị đồng bộ:

Với hoạt động vận hành	MB ban hành *Hướng dẫn Môi trường làm việc xanh và tiêu chuẩn vận hành* định mức đối với các trang thiết bị, nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng, tiết kiệm tài nguyên và giảm phát thải toàn hệ thống.
Với hoạt động tín dụng	HĐQT định kỳ xem xét và ban hành *Định hướng hoạt động tín dụng* của MB, trong đó tích hợp nội dung tín dụng xanh và ESG, xác định các ngành, lĩnh vực ưu tiên theo định hướng của Chính phủ và NHNN, đồng thời áp dụng các tiêu chí môi trường nhằm kiểm soát và giảm thiểu tác động môi trường từ danh mục cấp tín dụng của Ngân hàng.

Kết quả triển khai các định hướng và hướng dẫn được đo lường và báo cáo định kỳ quý tới Ban Lãnh đạo nhằm theo dõi tiến độ, đánh giá hiệu quả và kịp thời điều chỉnh theo lộ trình phát triển bền vững đã đề ra.

Kế hoạch năm 2026

Bước sang năm 2026, MB tăng tốc triển khai lộ trình thực thi Chính sách, tập trung vào các trọng tâm:

Hoàn thiện thể chế, quy trình quản lý rủi ro môi trường – xã hội trong toàn hệ thống

Kiện toàn quy định, cam kết và tiêu chuẩn về môi trường đối với Nhà cung cấp và đối tác, mở rộng quản lý tác động môi trường trong chuỗi giá trị

Thúc đẩy các sáng kiến vận hành xanh, tối ưu hiệu quả sử dụng năng lượng, bảo đảm triển khai Chiến lược phát triển bền vững mang lại tác động tích cực, giá trị dài hạn cho Ngân hàng và nền kinh tế

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% Tăng/(Giảm)
Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường (Đơn vị tính: lần)	Không có	Không có	-
Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường (Đơn vị tính: VND)	0	0	-

Quản lý nguyên vật liệu

Chỉ tiêu	Hội sở 18 Lê Văn Lương		Toàn hàng (HO, CN/PGD)		% Tăng/ (Giảm)
	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2024	Năm 2025	
Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng					
Giấy (kg)	21.641	19.511	-	-	(9,8%)
Mực in (kg)	247,9	245,5	-	-	(1%)
Túi Nylon (kg)	-	-	25.960	22.781	(12,2%)
Ấn phẩm (kg)	-	-	51.703	66.606	28,8%
Tỷ lệ nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng					
Túi vải tái chế (kg)	-	-	17.995	34.033	89,1%
Cường độ sử dụng (số liệu riêng Hội sở)					
Nhân sự làm việc tại Hội sở	3.300	3.100	-	-	-
Giấy (kg/người)	6,56	6,29	-	-	(4%)
Mực in (g/người)	75,1	79,2	-	-	5,4%

Các sáng kiến và biện pháp giảm lượng nguyên vật liệu được sử dụng

Trang bị 100% máy lọc nước tại HO, CN/PGD thay thế hoàn toàn chai nhựa, bình nhựa, giảm tối đa rác thải nhựa

Thường xuyên cân đối nhu cầu giấy in các Đơn vị, đảm bảo sát với thực tế sử dụng, hạn chế tối đa giấy in đăng ký dư thừa đồng thời truyền thông ý thức sử dụng giấy

Hoàn thành và đưa vào sử dụng danh thiếp điện tử cho toàn bộ CBNV, hạn chế in ấn danh thiếp vật lý

Mua sắm xanh, ưu tiên sử dụng, tiêu dùng các sản phẩm, dịch vụ thân thiện với môi trường:

Tăng tỷ lệ trang bị túi thân thiện môi trường, giảm tỷ lệ túi nilon. Năm 2025 tỷ lệ túi thân thiện môi trường chiếm

61%

/tổng số túi trang bị

Tăng cường sử dụng taxi điện: Năm 2025 tỷ lệ chi phí taxi điện chiếm

65,9%

/tổng chi phí sử dụng taxi

22,9% so với năm 2024

Quản lý nước tiêu thụ

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% Tăng/(Giảm)
Nhân sự làm việc tại Hội sở	**3.300**	**3.100**	**-**
Tổng lượng nước sử dụng	**29.711**	**28.664**	**(4%)**
Nguồn từ các cơ sở cấp nước đô thị hoặc công cộng hoặc tư nhân khác	29.711	28.664	(4%)
Cường độ sử dụng nước (m^3/người)	9	9,25	2,7%
Nguồn nước mặt	Không sử dụng	Không sử dụng	-
Nguồn nước ngầm	Không sử dụng	Không sử dụng	-
Nước tái chế			
Tổng lượng nước tái chế	Không sử dụng	Không sử dụng	-
Tỷ lệ phần trăm nước tái chế trên tổng lượng nước sử dụng	-	-	-
Nước tái sử dụng			
Tổng lượng nước tái sử dụng	Không sử dụng	Không sử dụng	-
Tỷ lệ phần trăm nước tái sử dụng trên tổng lượng nước sử dụng	-	-	-

Cường độ sử dụng nước trên người tại Hội sở năm 2025 là 9,2 m^3/người, tăng 2,7% so với năm 2024. Lý do là trong năm 2025, mặc dù lượng nước sử dụng giảm 1.047 m^3 nước, số lượng nhân sự tại Hội sở cũng giảm 200 người.

Cơ sở tính toán lượng nước tiêu thụ

Tại Hội sở: sử dụng nguồn nước cấp do Đơn vị cung cấp nước sạch Viwaco cung cấp, lưu lượng nước sử dụng được theo dõi, ghi chép hàng tháng qua đồng hồ nước. Nguồn nước được kiểm định định kỳ đáp ứng QCVN 01:2024/BYT về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trước khi được phân phối sử dụng.

Tại các chi nhánh và phòng giao dịch: sử dụng nguồn nước do các cơ sở cung cấp nước được cấp phép, lưu lượng nước sử dụng cũng được theo dõi và ghi chép tổng hợp qua đồng hồ công tơ hàng tháng.

Các sáng kiến và biện pháp tiết kiệm nước

Sử dụng vòi rửa tay cảm ứng và kiểm soát lưu lượng nước sử dụng thông qua phần mềm BPM. Đồng thời, để đảm bảo sức khỏe của CBNV, Ngân hàng định kỳ thay thế hệ thống lọc và kiểm định chất lượng nước định kỳ tại các cây nước uống trực tiếp theo khuyến cáo và tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

Thực hiện truyền thông Hướng dẫn môi trường làm việc xanh, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả tới CBNV và nhân sự tại Hội sở, các CN/PGD MB.

Quản lý nước thải và chất thải

Quản lý nước thải

Nước thải tại các trụ sở, văn phòng của MB chủ yếu là nước thải sinh hoạt thông thường. Các tòa nhà thuộc sở hữu của MB được lắp đặt và vận hành hệ thống xử lý nước thải tiêu chuẩn, xử lý nước thải đáp ứng QCVN 14:2025/BTNMT trước khi đấu nối vào hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố.

Quản lý chất thải

Chất thải sinh hoạt: Có hợp đồng thu gom rác thải với các công ty xử lý rác công cộng.

Duy trì vận chuyển chất thải hàng ngày. Tại các điểm tập kết nhỏ của Tòa nhà có thùng chứa rác và được phân loại rác thải. Điểm thu gom tập trung đủ điều kiện và được duy trì sạch sẽ hàng ngày.

Chất thải nguy hại: Có Hợp đồng thu gom rác nguy hại.

Chấp hành thu gom vận chuyển rác nguy hại hàng năm và có đủ chứng từ thu gom. Khu vực tập kết chất thải nguy hại được quy hoạch riêng biệt đảm bảo chất thải được trữ trong thùng riêng biệt, phân loại và dán mã nguy hại rõ ràng.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN · 2025

Cộng đồng và Xã hội thịnh vượng

MB cam kết

> Có trách nhiệm xã hội và lan truyền tác động tích cực tới cộng đồng

vì mục tiêu Net-zero

Đảm bảo thực hành tuân thủ các chính sách liên quan đến người lao động, môi trường làm việc hạnh phúc, đề cao học tập suốt đời.

Phát triển năng lực, đào tạo chuyên môn và nâng cao trải nghiệm thực tế kiến thức ESG, công nghệ, quản trị cho đội ngũ.

Khuyến khích sự đa dạng và hòa nhập, coi con người là tài sản cốt lõi trong chiến lược phát triển dài hạn.

Tích cực triển khai các chương trình an sinh xã hội, trách nhiệm cộng đồng hướng đến môi trường, giáo dục, tri ân, từ thiện.

Phát triển nguồn nhân lực

Cơ cấu nguồn lực	Năm 2024	Năm 2025	% Tăng/ (Giảm)
Số lượng lao động - toàn tập đoàn (Đơn vị tính: người) gồm MBV	**18.639 nhân sự**	**20.674 nhân sự**	**11%**
Số lượng lao động - toàn tập đoàn (Đơn vị tính: người) không gồm MBV	**18.639 nhân sự**	**18.836 nhân sự**	**1%**
Số lượng lao động - tính riêng MB (Đơn vị tính: người)	**12.155 nhân sự**	**13.047 nhân sự**	**7%**
Phân loại theo giới tính			
Nam	4.848	5.097	5%
Nữ	7.307	7.950	9%
Phân loại theo cấp bậc			
Cán bộ quản lý	1.550	1.628	5%
Nhân viên	10.605	11.419	8%
Phân loại theo độ tuổi			
Dưới 35 tuổi	8.671	9.182	6%
Từ 35 đến dưới 55 tuổi	3.463	3.828	11%
Từ 55 tuổi trở lên	21	37	76%
Phân loại theo trình độ			
Từ Đại học trở lên	11.589	12.528	8%
Dưới Đại học	566	519	(8%)
Mức lương trung bình đối với người lao động (Đơn vị tính: VND/người/tháng)	**37,4 triệu đồng/ tháng**	**39,4 triệu đồng/ tháng**	**5,3%**
Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm (Đơn vị tính: giờ/người/năm)	**70,73 giờ**	**82,91 giờ**	**17%**

Chính sách liên quan đến người lao động

Thu nhập bình quân của cán bộ nhân viên đạt

39,4 triệu đồng/ tháng

5,3% so với năm 2024

MB xây dựng và triển khai hệ thống chính sách nhân sự theo hướng minh bạch, nhất quán và tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành. Các cam kết về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, đảm bảo cơ hội bình đẳng giữa nam và nữ, chế độ thù lao công bằng, cùng các quy định về an toàn và bảo hộ lao động được thể hiện trong Nội quy lao động, Quy chế nhân sự, Quy trình đào tạo nhân sự và hệ thống giá trị cốt lõi của Ngân hàng.

Để nâng cao hiệu quả quản trị nguồn nhân lực, MB áp dụng và liên tục cải tiến các phương pháp đánh giá hiệu quả công việc của cán bộ nhân viên như KPIs, BSC và OKRs, đồng thời tăng cường các hệ thống đo lường tự động nhằm bảo đảm tính minh bạch, khách quan và hiệu quả trong quản lý hiệu suất làm việc.

Năm 2025, thu nhập bình quân của cán bộ nhân viên đạt 39,40 triệu đồng/người/tháng, tăng 5,3% so với năm 2024 (37,4 triệu đồng/người/tháng).

MB tiếp tục khẳng định định hướng lấy con người làm trọng tâm thông qua việc chủ động rà soát, cập nhật và linh hoạt hóa hệ thống chính sách dành cho người lao động. Các chế độ phúc lợi được điều chỉnh theo hướng thiết thực và kịp thời nhằm tăng cường động lực làm việc, củng cố sự gắn kết và khuyến khích sự đồng hành lâu dài của cán bộ nhân viên với tổ chức.

Bên cạnh việc duy trì các chương trình thăm hỏi, hỗ trợ cán bộ nhân viên và gia đình trong những hoàn cảnh khó khăn, MB đã triển khai nhiều chính sách đãi ngộ mới và nâng cấp các chế độ hiện hữu. Các chính sách đãi ngộ được thiết kế theo hướng linh hoạt, đa tầng, nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của đội ngũ nhân sự ở các giai đoạn khác nhau của cuộc sống.

MB thiết lập cơ chế tiếp nhận, xử lý và phản hồi khiếu nại minh bạch nhằm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động. Các phản ánh và kiến nghị được tiếp nhận thông qua nhiều kênh như hệ thống Beevoice, đường dây nóng (hotline) và tổ chức Công đoàn.

Về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, MB duy trì các quy định rõ ràng trong Nội quy lao động, Thỏa ước lao động tập thể và các văn bản liên quan, bảo đảm được phổ biến minh bạch và thống nhất trong toàn hệ thống. MB cam kết bảo đảm các điều kiện an toàn, vệ sinh lao động; ưu tiên các biện pháp phòng ngừa, loại trừ và kiểm soát các yếu tố nguy hiểm trong quá trình làm việc; đồng thời tổ chức đào tạo và diễn tập về an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động theo quy định (Điều 17 – Nội quy lao động).

Hàng năm, người lao động được khám sức khỏe định kỳ, với chi phí do MB chi trả đối với các danh mục tiêu chuẩn theo quy định nội bộ (Điều 19 – Nội quy lao động).

Thông qua việc duy trì và mở rộng hệ sinh thái phúc lợi, MB hướng tới xây dựng môi trường làm việc an toàn, nhân văn và phát triển bền vững, nơi mỗi cán bộ nhân viên được tôn trọng, hỗ trợ và tạo điều kiện phát huy tối đa năng lực.

Kết quả thực hiện trong năm 2025

- **Không phát sinh khiếu nại liên quan đến bất bình đẳng giới**
- **Không có khiếu nại về phân biệt đối xử**
- **Không lao động cưỡng bức, không lao động trẻ em (bao gồm lao động chưa thành niên)**
- **Không xảy ra tai nạn hoặc sự cố lao động nghiêm trọng**

Số lượng nhân sự được tuyển mới trong năm 2025

2.856 CBNV

MB là một tổ chức ham học hỏi, luôn chú trọng phát triển con người và tạo ra nhiều cơ hội lớn để thế hệ trẻ, kể cả những người chưa có nhiều kinh nghiệm, có thể phát triển sự nghiệp lâu dài.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN · 2025

Đội ngũ MB được khuyến khích tinh thần

"dám nghĩ dám làm"

Chương trình đã thu hút

~2.400

nhân sự tham gia

1,5 lần so với lần đầu tổ chức năm 2023

Năm 2025, MB tiếp tục định hướng phát triển nguồn lực dài hạn từ Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành, đồng thời chuyển dịch mạnh sang mô hình quản trị nhân tài dựa trên dữ liệu và trải nghiệm. Công tác quy hoạch cán bộ và rà soát lộ trình công danh được triển khai định kỳ tới từng CBNV, gắn chặt với hiệu quả công việc và nhu cầu phát triển của Tổ chức.

Trong năm, Nhân sự thuộc các nhóm TOP đã được phát triển và giao nhiệm vụ mới, qua đó tạo môi trường thử thách thực tiễn, nâng cao năng lực quản trị và khả năng thích ứng trước biến động thị trường. MB không chỉ chú trọng phát hiện nhân tài ngay từ khi gia nhập mà còn duy trì cơ chế đồng hành xuyên suốt vòng đời nghề nghiệp nhằm phát triển đồng thời chiều sâu chuyên môn và năng lực lãnh đạo.

MB tiếp tục triển khai chuỗi chương trình đào tạo nguồn nhân lực theo lộ trình công danh, chuẩn hóa theo từng cấp độ quản trị. Các chương trình được thiết kế theo phương pháp học tập gắn với tình huống thực tiễn kinh doanh, kết hợp coaching và giao nhiệm vụ thực tiễn, giúp rút ngắn thời gian trưởng thành của đội ngũ quản lý mới, đồng thời bảo đảm tính liên tục trong vận hành hệ thống.

Đối với nhóm Hội sở, năm 2025 MB tập trung đào tạo nhóm nhân sự trẻ tiềm năng, cử tham gia các chương trình đào tạo chuyên môn sâu và/hoặc thi đạt chứng chỉ quốc tế, hình thành lớp kế cận có nền tảng chuyên môn chuẩn hóa và khả năng đảm nhiệm vai trò chuyên gia trong các lĩnh vực trọng tâm.

Bên cạnh đó năm 2025, MB tiếp tục đồng hành và hỗ trợ nguồn lực lớn cho Ngân hàng mới - MBV, từ việc luân chuyển phát triển nhân sự nguồn của MB sang MBV, đến việc tổ chức đào tạo nguồn lực cho nhân sự của MBV, tiếp tục chứng tỏ cam kết đầu tư vào nguồn nhân lực chất lượng của toàn tập đoàn.

MB là nơi đào tạo "Vì sao" nhiệt huyết và khát vọng tiến bộ

Năm 2025 MB tiếp tục triển khai Chương trình FlexiZ, chứng minh hiệu quả của chương trình trong việc giúp Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành phát hiện và phát triển đội ngũ nhân tài kế cận cho các vị trí lãnh đạo cấp cao tập đoàn MB một cách hiệu quả và kịp thời. Chương trình đã thu hút ~ 2.400 nhân sự tham gia (tăng 1,5 lần so với lần đầu tổ chức năm 2023).

Những nỗ lực liên tục này không chỉ giúp MB phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, mà còn củng cố niềm tin của cán bộ nhân viên, hướng đến một tương lai phát triển bền vững và vững mạnh.

Ngôi Sao là biểu tượng của MB, và mỗi MBer là một vì sao tỏa sáng, góp phần hình thành nên một Vũ trụ MB lấp lánh. Hàng triệu vì sao từ khắp nơi hội tụ, lan tỏa ánh sáng và khát vọng, cùng nhau kiến tạo một tương lai tươi sáng.

"Từ Vì sao? Thành Vì Sao": Từ những câu hỏi "Vì sao?", MB trao quyền cho nhân viên chủ động tìm tòi, học hỏi, phát triển không ngừng, trở thành những Vì sao trên bầu trời Nhiệt huyết và Khát vọng tiến bộ, cùng nhau ghi dấu và đóng góp vào thành công chung của MB.

Năm 2025 ghi dấu ấn mạnh mẽ với chuỗi chương trình và chiến dịch quy mô, bài bản, hướng tới thu hút và ươm mầm thế hệ nhân tài trẻ. Không chỉ tạo nên sức hút nổi bật trên thị trường lao động, các chương trình này còn khẳng định cam kết của MB trong việc mở ra cơ hội, trân trọng sự nỗ lực và đồng hành cùng người trẻ trên hành trình phát triển sự nghiệp:

1. Chương trình Thanh niên Địa phương Triển vọng 2025:

Tiếp nối thành công từ Chiến dịch "Về Quê Làm Sao", năm 2025, MB tiếp tục khai thác và lan tỏa những giá trị đặc trưng của từng vùng miền, địa phương trên khắp cả nước thông qua Chuỗi 05 Chiến dịch:

- Ai Yêu Hạt Gạo Đồng Bằng Sông Cửu Long Hơn Anh
- Ai Yêu Mạch Nguồn Giao Thương Đông Bắc Bộ Hơn Anh
- Ai Yêu Cung Đường Tây Bắc Hơn Anh
- Ai Yên Non Nước Đại Ngàn Miền Trung Hơn Anh
- Ai Yêu "Đại Số" Hơn Anh

Đồng hành cùng chiến dịch là 78 Đại sứ Thanh niên Triển vọng, với tinh thần "Tuổi trẻ đi đôi với Sức sống Nghị lực". Các Đại sứ Thanh niên Triển vọng đã giúp truyền tải, lan tỏa tới mọi miền tổ quốc về cơ hội nghề nghiệp dành cho các bạn trẻ mong muốn theo đuổi nghề Ngân hàng ngay tại quê hương mình, để tiếp nối truyền thống và chung tay xây dựng kinh tế địa phương. Kết quả chiến dịch đã thu về 1892 ứng viên ứng tuyển chỉ trong giai đoạn tháng 03/2025.

Không chỉ là một chương trình tuyển dụng, chiến dịch còn là lời khẳng định mạnh mẽ về cam kết phát triển bền vững cùng địa phương.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN · 2025

2. GenZ Recap: Hành trình nhìn lại của các Thanh niên Triển vọng GenZ tại MB

Cuối năm 2025, MB đã đồng hành cùng Vietcetera trong dự án Truyền thông Định vị Thương hiệu Tuyển dụng qua Show phát sóng độc quyền mang tên Từ "Vì sao?" thành Vì Sao: Hành trình nhìn lại của các Thanh niên Triển vọng GenZ tại MB.

Chỉ sau gần 2 tuần phát sóng Show 1 và hơn 1 tuần phát sóng Show 2, kết quả lượt xem trên các nền tảng mạng xã hội (YouTube, LinkedIn, Facebook, Instagram, Tiktok, Spotify) đã đạt 628.479 lượt xem (đối với Show 1) và 499.892 lượt xem (đối với Show 2), cùng hàng nghìn lượt tương tác tích cực, thu hút gấp 4,5 lần lượt quan tâm của người xem thông thường. Những con số này không chỉ phản ánh độ phủ truyền thông mạnh mẽ của dự án, mà còn cho thấy sự quan tâm của cộng đồng dành cho câu chuyện về thế hệ Thanh niên Triển vọng tại MB.

Kết quả lượt xem trên các nền tảng mạng xã hội

628.479

lượt xem (đối với Show 1)

3. Chương trình MB Fast Track - Vào Nghề Siêu Tốc

Giai đoạn cuối năm 2025, MB đã chính thức triển khai Chương trình MB Fast Track, mở ra cánh cửa bước vào ngành Ngân hàng theo một cách hoàn toàn khác biệt. Lần đầu tiên trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, format Hackathon tuyển dụng được áp dụng, kết hợp trực tiếp cùng chương trình học bổng nghề Banker danh giá The Best of MB Chasing, nhằm tìm kiếm và trao cơ hội cho những "Vì Sao" xuất sắc nhất.

Chỉ trong thời gian ngắn mở đơn, chương trình đã thu hút hơn 4,000 hồ sơ trên toàn quốc minh chứng cho sức hút mạnh mẽ của một sân chơi nghề nghiệp đột phá. Các ứng viên không chỉ trải qua những vòng thi đầy thử thách mà còn được tôi luyện bản lĩnh qua 03 buổi huấn luyện chuyên sâu, nơi tư duy chiến lược, năng lực chuyên môn và tinh thần đồng đội được đẩy lên cao nhất.

Khép lại năm 2025, hơn 2,000 "Vì Sao" Nhiệt huyết và Khát vọng tiến bộ đã chính thức ghi tên mình vào vòng Chung kết, sẵn sàng bứt phá và tăng tốc sự nghiệp trong năm 2026 mở ra một thế hệ banker mới bản lĩnh, tốc độ và khác biệt.

Chương trình đã thu hút hơn

4.000

hồ sơ trên toàn quốc

Khép lại năm 2025, hơn

2.000

"Vì Sao" Nhiệt huyết và Khát vọng tiến bộ đã chính thức ghi tên mình vào vòng Chung kết

MB là một tổ chức luôn khuyến khích học hỏi và sáng tạo

MB định hướng xây dựng một tổ chức học tập và sáng tạo; CBNV MB học hỏi nhanh, có chuyên môn vững chắc, liên tục đổi mới nhằm thúc đẩy tổ chức phát triển bền vững.

Các hoạt động học tập tại MB luôn được chú trọng xây dựng trên căn cứ bám sát Định hướng Chiến lược MB; Định hướng và trọng tâm kinh doanh của các mảng hoạt động, Khung năng lực MB và cập nhật các xu thế. CBNV MB được gia tăng cơ hội chủ động học tập mọi lúc mọi nơi, linh hoạt về hình thức, thời gian học trên đa dạng thiết bị học tập: Máy tính, điện thoại, học tập trực tiếp. Ứng dụng AI trong hoạt động học tập để gia tăng trải nghiệm học tập, tối ưu hiệu quả học tập.

Số lượng chương trình đào tạo

657

chương trình

▲ 9,32% so với năm 2024

Số lượt đào tạo 2025

190.872

học viên

▲ 33,35% so với năm 2024

Số giờ đào tạo bình quân năm 2025

82,91 giờ

▲ 17,22% so với năm 2024

Toàn bộ các chương trình đào tạo được thiết kế theo 17 Nhóm công việc và 07 Nhóm nghề nghiệp.

Các Chương trình gắn chặt với lộ trình nghề nghiệp, phát triển năng lực, nhu cầu kinh doanh của tổ chức và tập trung vào các chủ điểm lớn phục vụ các mục tiêu chiến lược của Ngân hàng như:

(1) Nâng cao năng lực chuyên môn, chú trọng học và thi đạt các Chương trình bổ trợ năng lực, cấp chứng chỉ theo chuẩn quốc tế, chuẩn khu vực cho CBNV tại cơ quan Hội sở, Chương trình cấp chứng chỉ nội bộ MB cho CBNV tại Chi nhánh;

(2) Nâng cao năng lực chuyển đổi số, đóng góp cho việc thực hiện hóa Tầm nhìn Trở thành Doanh nghiệp số và tập đoàn tài chính dẫn đầu: Chuỗi chương trình đào tạo về kỹ năng số (Digital Skills) nâng cao năng lực phân tích dữ liệu, trực quan hóa dữ liệu; ứng dụng AI trong công việc nhằm nâng cao khả năng tự động hóa, tinh giảm tác vụ và thúc đẩy NSLĐ được tổ chức liên tục trong các năm gần đây, riêng năm 2025 đã tổ chức được 32 chương trình đào tạo về AI với 9.618 lượt học viên tham gia.

Với Phương châm Phát triển bền vững, MB luôn quan tâm tới việc triển khai và phát triển nền tảng quản trị rủi ro thông minh trong các hoạt động. Vì thế, hàng năm, CBNV MB được chú trọng học tập các chủ điểm nâng cao năng lực nhận diện rủi ro, tuân thủ nhằm thượng tôn pháp luật, đảm bảo hoạt động ngân hàng an toàn hiệu quả. Năm 2025, MB đã tổ chức 14 khóa đào tạo với 27.199 lượt học viên hoàn thành các khóa học như: An ninh – An toàn thông tin, Bảo mật dữ liệu, Tuân thủ pháp lý và quản trị rủi ro.

Để thúc đẩy CBNV gắn kết và xây dựng môi trường làm việc hạnh phúc, đội ngũ Cán bộ các cấp được MB thiết kế may đo riêng các Chương trình đào tạo nâng cao mindset về quản lý con người và năng lực Đồng hành thúc đẩy đội ngũ với các chuyên gia uy tín trong nước và quốc tế. Năm 2025 chuỗi chương trình MB Leaders thu hút CBQL các cấp tích cực tham gia học tập và ứng dụng trong thực tế các kỹ năng như Quản lý sự thay đổi, Lãnh đạo tạo động lực, Lãnh đạo bằng trí tuệ cảm xúc, Huấn luyện và kèm cặp…

Với hoạt động học tập được đầu tư bài bản và gắn chặt với chiến lược phát triển, MB tiếp tục củng cố nền tảng nguồn nhân lực chất lượng cao – am hiểu nghiệp vụ, làm chủ công nghệ và sẵn sàng đổi mới. Đây là yếu tố quan trọng giúp ngân hàng chủ động dẫn dắt quá trình chuyển đổi số và tạo ra giá trị bền vững cho khách hàng, cổ đông và cộng đồng.

MB tạo môi trường phát triển sự nghiệp bền vững gắn liền với yêu cầu kết quả công việc tối ưu và đãi ngộ vững chắc.

Các chương trình đào tạo khi triển khai tới người lao động đều được áp dụng phương pháp làm việc mới MB1688.

MB coi trọng sức khỏe của nguồn lực như một tài sản quý giá và cam kết chăm sóc toàn diện, từ thể chất, tinh thần đến trí tuệ, MB gắn kết nhân viên qua 3 trụ cột :

Sức khỏe thể chất:

Khám sức khỏe định kỳ: Nhân viên được tổ chức khám sức khỏe hàng năm, với danh mục khám được cập nhật liên tục để phù hợp với từng nhóm đối tượng lao động.

Gói khám sức khỏe ưu việt: Các gói khám sức khỏe ưu việt được triển khai trên toàn quốc, giúp nhân viên dễ dàng tiếp cận dịch vụ khám chữa bệnh chất lượng, không phân biệt vùng miền.

Phòng tập gym và yoga miễn phí: MB cung cấp các phòng tập hiện đại với huấn luyện viên chuyên nghiệp, giúp nhân viên duy trì thể lực và sức khỏe.

Giải thể thao nội bộ: Các hoạt động thể thao nội bộ được tổ chức thường xuyên, không chỉ giúp rèn luyện sức khỏe mà còn tạo cơ hội giao lưu, gắn kết giữa các nhân viên.

Phòng y tế hiện đại: Phòng y tế với trang thiết bị hiện đại, sẵn sàng chăm sóc sức khỏe cho nhân viên bất cứ khi nào.

Sức khỏe tinh thần

Chính sách động viên và phát triển nhân viên: MB luôn chủ động xây dựng các chính sách tạo động lực làm việc và củng cố mối quan hệ giữa tổ chức và người lao động. Các cam kết về an toàn nghề nghiệp và sức khỏe tinh thần được thể hiện rõ trong Nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể.

Kênh tiếp nhận ý kiến: MB tạo ra các kênh để nhân viên có thể dễ dàng chia sẻ, đóng góp ý tưởng, giúp xây dựng một môi trường làm việc cởi mở và thân thiện.

Chương trình khảo sát mức độ hài lòng của nhân viên được thực hiện hàng năm bằng các hình thức đa dạng, linh hoạt : Năm 2025 MB thuê đối tác bên ngoài đánh giá độc lập, khách quan.

Chăm sóc gia đình nhân viên: MB quan tâm đến gia đình của nhân viên thông qua các chương trình thăm hỏi, tặng quà và hỗ trợ bảo hiểm sức khỏe cho người thân, tạo ra một môi trường làm việc ấm áp và gắn kết.

Chương trình hoạt động cộng đồng: Các tổ chức quần chúng như Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Công đoàn và các câu lạc bộ nội bộ thường xuyên tổ chức các chương trình động viên tinh thần, tạo sân chơi cho nhân viên và tăng cường tình đoàn kết.

Sức khỏe trí tuệ

MB tạo ra một môi trường làm việc đầy cảm hứng và chuyên nghiệp, nơi mỗi nhân viên có thể phát triển toàn diện cả về trí tuệ và chuyên môn. MB khuyến khích nhân viên học hỏi và sáng tạo không ngừng, nhằm nâng cao hiệu quả công việc thông qua việc xây dựng và duy trì những thói quen tốt.

Một trong những chương trình then chốt giúp củng cố sức khỏe trí tuệ tại MB là Chuỗi MB1688 cùng Phương pháp sáng tạo M1. Các chương trình này không chỉ giúp nhân viên cải thiện kỹ năng giải quyết vấn đề mà còn thúc đẩy khả năng tư duy sáng tạo, tìm ra những giải pháp mới và hiệu quả hơn không chỉ trong công việc mà còn trong cuộc sống cá nhân.

Nguồn lực hạnh phúc được rèn luyện tư duy logic và thỏa sức sáng tạo không ngừng sẽ mang tới những đóng góp không nhỏ cho sự phát triển bền vững của tổ chức.

Nhận thức rõ sự ổn định tài chính là nền tảng quan trọng giúp cán bộ nhân viên an tâm công tác và gắn bó dài lâu, MB đã xây dựng hệ thống chính sách hỗ trợ tài chính toàn diện, hướng tới bảo đảm an sinh hiện tại và củng cố nguồn lực cho tương lai:

- Chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện: MB cung cấp chương trình hưu trí tạo điều kiện để cán bộ nhân viên chủ động tích lũy nguồn tài chính ổn định cho giai đoạn sau khi nghỉ hưu, qua đó gia tăng mức độ bảo đảm an sinh dài hạn.
- Gói vay ưu đãi: Nhân viên có thể vay vốn với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ trong các nhu cầu tài chính cá nhân.
- Cổ phiếu ESOP: MB tạo cơ hội cho nhân viên sở hữu cổ phần của ngân hàng, gắn kết lợi ích cá nhân với sự phát triển chung của MB.
- Bảo hiểm sức khỏe và tai nạn nhóm: Quy trình giải quyết yêu cầu bảo hiểm nhanh chóng, giúp nhân viên nhận được hỗ trợ tài chính kịp thời khi cần thiết.

MB liên tục phát triển thêm mới và triển khai nhiều chương trình nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống cho người lao động: cung cấp các sản phẩm giúp nâng cao sức khỏe, tổ chức các hoạt động thể dục thể thao nhằm nâng cao thể lực và mang tới cuộc sống lành mạnh.

MB là một tổ chức phát triển bền vững, trong đó phát triển bền vững được định hình từ sớm, thể hiện qua tầm nhìn, định hướng phát triển qua mỗi giai đoạn của tổ chức.

Giải thưởng "Vietnam HR Excellence 2025"

Nhờ các chính sách nhân sự toàn diện và chú trọng xây dựng văn hóa doanh nghiệp bền vững, MB đã trở thành một trong những môi trường làm việc lý tưởng nhất trong ngành ngân hàng tại Việt Nam. Minh chứng cho những nỗ lực này, MB đã nhận được giải thưởng "Vietnam HR Excellence 2025" - Hạng mục Văn hóa Doanh nghiệp, do Anphabe chứng nhận và trao tặng.

Với bài dự thi "Hành trình Niềm tin", tập trung vào giá trị cốt lõi Tin cậy, MB đã được vinh danh nhờ những nỗ lực bền bỉ trong việc định hình và phát triển văn hóa doanh nghiệp gắn liền với sứ mệnh chung của tổ chức, khẳng định sự Tin cậy với nhân viên, khách hàng và xã hội, góp phần củng cố cam kết phát triển lâu dài và giá trị bền vững.

Vietnam HR Excellence 2025

Hạng mục Văn hoá Doanh nghiệp, do Anphabe chứng nhận và trao tặng

Giải thưởng "Vietnam Best IT Companies 2025"

Đầu năm 2025, MB tự hào được vinh danh Giải thưởng "Vietnam Best IT Companies 2025", do ITviec – nền tảng tuyển dụng hàng đầu trong lĩnh vực công nghệ tại Việt Nam bình chọn. Đây là minh chứng rõ rệt cho sự nỗ lực không ngừng của MB trong việc hiện thực hóa tầm nhìn "Trở thành Doanh nghiệp số, Tập đoàn tài chính dẫn đầu".

Nằm trong TOP 3 danh sách đề cử, MB nổi bật với đội ngũ hơn 10.000 nhân sự, trong đó có hơn 1.000 MBITers - chiếm 10% tổng nhân sự toàn Ngân hàng - nằm trong top đầu các ngân hàng tại Việt Nam về tỉ lệ nhân sự thuộc nhóm Công nghệ và Đổi mới. Không những vậy, MB đang không ngừng đầu tư mạnh mẽ cho hệ thống, con người và kinh doanh nền tảng nhằm đem đến những trải nghiệm xuất sắc nhất cho khách hàng, xây dựng môi trường làm việc hạnh phúc, bền vững cho người MB.

Giải thưởng "Vietnam Best IT Companies" không chỉ là sự khẳng định vị thế của MB trong lĩnh vực công nghệ, mà còn mở ra cơ hội thu hút những nhân tài xuất sắc trong ngành IT, tiếp tục nâng cao chất lượng và phát triển bền vững trong tương lai.

MB tạo dựng môi trường làm việc đa dạng, công bằng, tôn trọng quyền con người

MB tạo dựng môi trường làm việc đa dạng, công bằng, tôn trọng quyền con người, nơi mọi cán bộ nhân viên, không phân biệt giới tính, độ tuổi hay tôn giáo, đặc biệt chú trọng thúc đẩy bình đẳng giới thông qua việc bảo đảm chế độ đãi ngộ và cơ hội phát triển ngang bằng giữa các cán bộ nhân viên nam và nữ. Những giá trị này góp phần xây dựng một môi trường làm việc tích cực, gắn kết của đội ngũ và tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững của MB trong dài hạn.

MB cam kết tôn trọng và bảo vệ quyền con người trong mọi hoạt động, đồng thời tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về lao động. MB không chấp nhận bất kỳ hình thức cưỡng bức hay ép buộc lao động, không sử dụng lao động trẻ em và chỉ tuyển dụng người lao động từ đủ 18 tuổi trở lên, đáp ứng các yêu cầu về sức khỏe theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ (Điều 19 – Nội quy lao động).

MB bảo đảm quyền đối thoại, tham gia ý kiến và thương lượng của người lao động thông qua các cơ chế được quy định trong Quy chế dân chủ cơ sở. Theo đó, người lao động được tiếp cận thông tin liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình, tham gia đóng góp ý kiến đối với các chính sách liên quan, đồng thời có quyền kiểm tra, giám sát việc thực hiện hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể và các chính sách nội bộ (Điều 5, Điều 7, Điều 9, Điều 11 – Quy chế dân chủ cơ sở).Người lao động được kiểm tra, giám sát: việc thực hiện Hợp đồng lao động, Thỏa ước lao động tập thể, việc thực hiện các chính sách có liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của Người lao động (điều 11 – Quy chế dân chủ cơ sở).

Đóng góp cho cộng đồng

Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra và phân bổ toàn Tập đoàn

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% Tăng/(Giảm)
1	Tổng tài sản	1.128.801	1.615.764	43%
2	Tổng thu nhập hoạt động	55.413	67.693	22%
	Thu nhập lãi thuần	41.152	51.610	25%
	Thu thuần từ hoạt động dịch vụ	4.368	6.579	51%
3	Chi phí dự phòng	9.577	13.744	44%
4	Chi phí hoạt động	17.007	19.681	16%
4.1	Chi cho nhân viên	9.382	11.213	20%
	LNTT	28.829	34.268	19%
5	Số tiền đã nộp vào Ngân sách Nhà nước	8.625	9.993	16%

(Đơn vị: tỷ đồng)

Riêng MB

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% Tăng/(Giảm)
1	Tổng tài sản	1.067.158	1.528.579	43%
2	Tổng thu nhập hoạt động	47.295	58.765	24%
	Thu nhập lãi thuần	34.302	42.779	25%
	Thu thuần từ hoạt động dịch vụ	3.024	4.852	60%
3	Chi phí dự phòng	6.491	9.569	47%
4	Chi phí hoạt động	13.164	15.306	16%
4.1	Chi cho nhân viên	7.018	8.243	17%
	LNTT	27.639	33.889	23%
5	Số tiền đã nộp vào Ngân sách Nhà nước	7.231	8.066	12%

(Đơn vị: tỷ đồng)

Tạo tác động tích cực cho cộng đồng và môi trường

Thực hiện Chiến lược phát triển bền vững gắn với các nguyên tắc ESG, MB kiên định theo đuổi mục tiêu tạo ra các giá trị tích cực và lâu dài cho cộng đồng và môi trường. Các chương trình trách nhiệm xã hội của MB được triển khai theo hướng kết hợp nguồn lực doanh nghiệp, sức mạnh công nghệ số và sự tham gia của cộng đồng, qua đó lan tỏa tinh thần sẻ chia, phát triển bền vững và củng cố niềm tin xã hội.

Năm 2025, MB đã triển khai 137 chương trình an sinh xã hội với tổng kinh phí hơn 620 tỷ đồng. Đồng thời, thông qua Nền tảng Thiện nguyện, MB cùng các đối tác và cộng đồng đã huy động 1.696 tỷ đồng, với 3,75 triệu lượt giao dịch, đạt 150% kế hoạch.

HiGreen Trường Sa: Hành trình xanh vì biển đảo

HiGreen Trường Sa là chương trình trọng điểm trong chiến lược phát triển bền vững của MB, nhằm vận động nguồn lực xã hội hóa trồng mới 1 triệu cây xanh tại đặc khu Trường Sa, góp phần bảo vệ môi trường biển đảo, ứng phó biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế biển gắn với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

Năm 2025, chương trình đã vận động được 160 tỷ đồng với gần 100.000 lượt ủng hộ, đạt 95% kế hoạch. Thông điệp bảo vệ môi trường và chủ quyền biển đảo được lan tỏa rộng rãi tới hơn 35 triệu khách hàng, đối tác và thành viên cộng đồng.

Tại Trường Sa, các đảo đã tổ chức trồng và chăm sóc cây xanh theo quy hoạch; Bộ Tư lệnh Vùng 4 Hải quân đã tiếp nhận hơn 340.000 cây xanh từ các đơn vị, địa phương và doanh nghiệp tài trợ, trong đó hơn 200.000 cây đã được trồng trong năm 2025.

Chương trình không chỉ cải thiện môi trường sinh thái tại Trường Sa mà còn khơi dậy tinh thần trách nhiệm với biển đảo trong cộng đồng.

Nền tảng Thiện nguyện: Hạ tầng số kết nối nguồn lực xã hội

Năm 2025, Nền tảng Thiện nguyện tiếp tục khẳng định vai trò là hạ tầng số kết nối nguồn lực xã hội cho các chương trình cộng đồng, với tổng giá trị ủng hộ đạt khoảng 1.660 tỷ đồng và 3,75 triệu lượt giao dịch.

Nền tảng đã được sử dụng để triển khai nhiều chiến dịch quy mô lớn trong nước và quốc tế, tiêu biểu như:

- Chương trình vận động ủng hộ nhân dân Cuba "65 năm nghĩa tình Việt Nam – Cuba", huy động hơn 657 tỷ đồng với 2,1 triệu lượt ủng hộ, tạo sức lan tỏa mạnh mẽ trong cộng đồng và được ghi nhận tích cực trong nước và quốc tế.
- Các chương trình phối hợp với Hội Người cao tuổi Việt Nam, Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin Việt Nam, Hội Hỗ trợ Gia đình Liệt sĩ Việt Nam nhằm tri ân người có công và hỗ trợ các nhóm yếu thế.
- Các chương trình cứu trợ thiên tai, hỗ trợ khẩn cấp người dân chịu ảnh hưởng tại nhiều địa phương triển khai trên ứng dụng VNeID kết nối nhanh nhất tấm lòng của nhân dân cả nước với các địa phương bị ảnh hưởng, góp phần bảo đảm công tác cứu trợ được triển khai đồng bộ, thiết thực và hiệu quả.

Trong giai đoạn tới, Nền tảng Thiện nguyện sẽ tiếp tục được phát triển như công cụ số tin cậy hỗ trợ Chính phủ, các tổ chức và cộng đồng triển khai các chương trình an sinh xã hội minh bạch, hiệu quả và bền vững, góp phần thực hiện trụ cột xã hội trong chiến lược ESG của MB.

Chăm lo an sinh xã hội

Bên cạnh các chương trình vận động cộng đồng, MB còn trực tiếp triển khai nhiều hoạt động an sinh xã hội trên toàn quốc.

Trong giai đoạn 2021–2025, MB đã xây dựng và sửa chữa gần 6.000 căn nhà tình nghĩa, nhà đồng đội, nhà Đại đoàn kết cho các đối tượng chính sách có hoàn cảnh khó khăn. Riêng năm 2025, các chương trình tiêu biểu gồm:

- Chương trình Nhà Đại đoàn kết nhân dịp kỷ niệm 80 năm Ngày thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam và 35 năm Ngày hội Quốc phòng toàn dân.
- Chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát trên phạm vi cả nước với hơn 3.300 căn nhà, tổng kinh phí hơn 300 tỷ đồng.

Những hoạt động này thể hiện cam kết lâu dài của MB trong việc đồng hành cùng Nhà nước và cộng đồng xây dựng xã hội phát triển bao trùm và bền vững.

Giải thưởng quốc tế World Summit Awards 2025

Năm 2025, Nền tảng Thiện nguyện đã chiến thắng Giải thưởng Thượng đỉnh Thế giới (World Summit Awards – WSA) tại hạng mục Government & Citizen Engagement.

WSA là giải thưởng quốc tế được khởi xướng từ năm 2003 nhằm tôn vinh các giải pháp số góp phần thực hiện Các Mục tiêu Phát triển Bền vững của Liên Hợp Quốc (UN SDGs). Trong mùa giải năm 2025, hơn 400 giải pháp số từ nhiều quốc gia đã được đề cử và 40 giải pháp xuất sắc nhất được lựa chọn vinh danh.

Việc Nền tảng Thiện nguyện được trao giải thể hiện cách tiếp cận phù hợp của MB trong việc ứng dụng công nghệ để kết nối nguồn lực xã hội, tăng cường minh bạch và nâng cao hiệu quả triển khai các chương trình cộng đồng.

Sáng kiến "Cây Yêu Nước"

"Cây Yêu Nước" là sáng kiến cộng đồng nhằm lan tỏa tinh thần của chương trình HiGreen Trường Sa và khuyến khích lối sống xanh trong cộng đồng.

Sáng kiến triển khai hệ thống nước uống trực tiếp ứng dụng công nghệ lọc Nhật Bản tại các điểm giao dịch của MB, cung cấp nguồn nước sạch, an toàn cho khách hàng và người dân. Thiết bị không tạo nước thải, góp phần giảm rác thải nhựa và cắt giảm phát thải khí nhà kính.

Với hơn 300 chi nhánh và phòng giao dịch trên toàn quốc, các điểm giao dịch của MB không chỉ là nơi cung cấp dịch vụ tài chính mà còn trở thành không gian kết nối cộng đồng và lan tỏa các giá trị phát triển bền vững.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN · 2025

Các chủ đề nền tảng Số hóa

An ninh mạng và chuyển đổi số, Quản trị dữ liệu

Các hoạt động trong năm 2025

Với các **dịch vụ cung cấp cho khách hàng** tại sàn giao dịch, được MB sử dụng các ứng dụng công nghệ tiên tiến như OCR, Document Intelligent, App Teller (nhân sự MB thực hiện eKYC/định danh và thu thập thông tin NFC khách hàng) giúp đồng nhất trải nghiệm cho khách hàng, giảm thời gian xử lý, đảm bảo an toàn, bảo mật; áp dụng công nghệ giúp lực lượng bán sử dụng hoàn toàn ứng dụng trên di động để phục vụ khách hàng và bán sản phẩm; Tích hợp các dịch vụ ngân hàng vào các nền tảng số của đối tác (ví điện tử, sàn thương mại điện tử, ứng dụng gọi xe...) để tạo ra một hệ sinh thái tiện ích, mở rộng kênh tiếp cận khách hàng. Đẩy mạnh ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) và Học máy (ML): (i) Chatbot và trợ lý ảo: Hỗ trợ khách hàng 24/7, giải đáp thắc mắc, hướng dẫn giao dịch, giảm tải cho tổng đài viên; (ii) Cá nhân hóa sản phẩm: Phân tích dữ liệu hành vi khách hàng để đưa ra các sản phẩm, dịch vụ tài chính phù hợp, đúng nhu cầu; (iii) Công nghệ sinh trắc học: Ứng dụng nhận diện khuôn mặt, vân tay, mống mắt trong xác thực giao dịch, mở tài khoản điện tử (eKYC), tăng cường bảo mật và tiện lợi; (iv) Dữ liệu lớn (Big Data): Thu thập và phân tích lượng lớn dữ liệu khách hàng để hiểu rõ hơn nhu cầu, hành vi, từ đó tối ưu hóa chiến lược marketing và phát triển sản phẩm.

Trong quản trị điều hành: áp dụng CNTT để tối ưu hóa quy trình nội bộ, nâng cao hiệu quả hoạt động và ra quyết định: (i) Hệ thống quản lý quan hệ khách hàng (CRM): Tự động hóa các quy trình quản lý nội bộ, quản lý thông tin khách hàng, giúp phối hợp giữa các bộ phận hiệu quả hơn, nâng cao chất lượng dịch vụ; (ii) Tự động hóa quy trình bằng robot (RPA): Tự động hóa các tác vụ lặp đi lặp lại như nhập liệu, đối chiếu dữ liệu, giúp tiết kiệm thời gian và giảm thiểu sai sót; (iii) Điện toán đám mây (Cloud Computing): Cung cấp hạ tầng linh hoạt, khả năng mở rộng nhanh chóng và giảm chi phí vận hành cho các hệ thống ngân hàng; (iv) Phân tích dữ liệu và Business Intelligence (BI): Cung cấp các báo cáo và công cụ phân tích trực quan, hỗ trợ ban lãnh đạo ra quyết định chiến lược dựa trên dữ liệu; (v) 100% Cán bộ nhân viên sử dụng chữ ký số cá nhân và có trên 30% văn bản (không mật) phát hành sử dụng chữ ký số cá nhân toàn trình, 70% số cuộc họp thường xuyên tại Ngân hàng được tổ chức trực tuyến, 80% các hội thi, hội thao có nội dung kiểm tra trắc nghiệm được thực hiện trên phần mềm.

Trong quản lý rủi ro: Ứng dụng CNTT trong việc nhận diện, đo lường, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong hoạt động ngân hàng: (i) AI và học máy (Machine Learning – ML): Phân tích các giao dịch theo thời gian thực để phát hiện các mẫu hành vi bất thường, cảnh báo và ngăn chặn kịp thời các hành vi gian lận, rửa tiền (AML), tài trợ khủng bố (CFT). Đánh giá rủi ro tín dụng: Sử dụng các mô hình AI/ML để phân tích điểm tín dụng, lịch sử giao dịch, và các yếu tố phi truyền thống (dữ liệu mạng xã hội, viễn thông...) để đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng một cách chính xác và nhanh chóng hơn; (ii) Bigdata: Tổng hợp và phân tích dữ liệu từ nhiều nguồn khác nhau để xây dựng hồ sơ rủi ro toàn diện của khách hàng và giao dịch; (iii) An toàn thông tin và an ninh mạng: Đầu tư vào các giải pháp bảo mật tiên tiến (hệ thống tường lửa, mã hóa dữ liệu, giải pháp chống tấn công DDoS, Security Operations Center - SOC...) để bảo vệ dữ liệu khách hàng và hệ thống khỏi các mối đe dọa an ninh mạng.

Kết quả hoạt động

Hệ thống giám sát an ninh: phát hiện và xử lý hơn 657.000 cảnh báo nguy cơ mất an ninh trên hệ thống của MB, 133.920 cảnh báo của AMC và 12.960 cảnh báo của MBLife (từ tháng 09/2025). Thông tin tình báo an ninh mạng (MBTI) phát hiện và cảnh báo 86 lỗ hổng an ninh mức nghiêm trọng và cao, 169 chiến dịch tấn công mã độc, …

Kiểm thử và đánh giá ATTT: 1.967 lượt kiểm thử an ninh yêu cầu phát triển trước golive và đánh giá an ninh định kỳ, 7.737 lượt rà soát an ninh, săn tìm nguy cơ, làm sạch mã độc trên hệ thống máy chủ.

Hệ thống vận hành ATTT:

Chặn trung bình

673.000

kết nối độc hại ra internet/1h

Ngăn chặn

8 Triệu

email độc hại, lừa đảo, spam, chứa virus

Chặn trung bình

30 Triệu

host có hành vi bất thường, tấn công vào dịch vụ của MB

Chặn

1,6 Triệu

email quảng cáo/ mạng xã hội/ nghi ngờ không an toàn

Đào tạo ATTT:

- Triển khai đào tạo nhận thức ATTT cơ bản cho 13.348 lượt nhân sự
- Đào tạo chuyên sâu cho gần 1.500 nhân sự CNTT và Dữ liệu
- 06 đợt đào tạo qua hình thức mail phishing với 4.156 nhân sự tham gia

Kế hoạch, chiến lược 2026

Triển khai các cấu phần bổ sung cho hệ thống an ninh như AI Application Security, AI Access Security, Automation Pentest…

Nâng cao năng lực ATTT và chủ động kiểm soát các rủi ro mới nổi

Bảo vệ khách hàng trong bối cảnh đa dạng dịch vụ tài chính số (tài sản số, giao dịch xuyên biên giới…)

Đẩy mạnh việc ứng dụng AI và tự động hóa vào các hoạt động nội bộ ATTT.

MB

Quản trị Công ty

214 Tổng quan về hoạt động quản trị doanh nghiệp trong năm 2025

215 Hội đồng quản trị

237 Ban Kiểm soát

244 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

252 Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

6

Tổng quan về hoạt động quản trị doanh nghiệp trong năm 2025

Đánh giá chung của HĐQT về thực hành Quản trị công ty tại MB trong năm 2025

Trong năm 2025, Hội đồng Quản trị (HĐQT) MB tiếp tục khẳng định định hướng "Quản trị tốt" không chỉ dừng ở việc tuân thủ quy định, mà còn thể hiện năng lực vận hành hiệu quả, tạo nền tảng cho MB hiện thực hóa khát vọng vươn tầm khu vực. Các nỗ lực này góp phần củng cố niềm tin của nhà đầu tư trong và ngoài nước, đồng thời thể hiện quyết tâm hội nhập sâu rộng theo các chuẩn mực quốc tế.

MB kiên định với triết lý quản trị minh bạch, điều hành trách nhiệm và bình đẳng. Trong năm, ngân hàng đã đạt nhiều kết quả nổi bật trong công bố thông tin và bảo đảm quyền lợi cổ đông, qua đó phản ánh sự nhất quán trong thực thi chính sách quản trị minh bạch và phát triển bền vững.

Để chuyển hóa chất lượng quản trị thành lợi thế cạnh tranh, phục vụ mục tiêu mở rộng tầm ảnh hưởng tại khu vực, MB đã triển khai nhiều nhóm giải pháp trọng tâm, cụ thể:

Gia tăng tốc độ ra quyết định của HĐQT

Thông qua việc hoàn thiện cơ cấu quản trị, phân định rõ ràng vai trò, quyền hạn và trách nhiệm của từng cấp.

Củng cố niềm tin nhà đầu tư

Nâng cao hiệu quả huy động vốn và cải thiện đánh giá từ các tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế.

Xây dựng nền tảng phát triển khu vực

Phê duyệt Phương án quy hoạch mạng lưới giai đoạn 2025–2027 và Kế hoạch phát triển mạng lưới năm 2025 nhằm bảo đảm hệ thống đáp ứng mục tiêu tăng trưởng và tối ưu nguồn lực, thống nhất chủ trương đóng cửa Văn phòng đại diện (VPĐD) tại Nga và điều chỉnh kế hoạch mạng lưới năm 2025 (bổ sung 4 VPĐD), định hướng thành lập VPĐD tại Hàn Quốc, Singapore, Đài Loan và Trung Quốc

Công bố Báo cáo thường niên tích hợp Báo cáo Phát triển bền vững

Với đầy đủ các chỉ tiêu ESG, dữ liệu định lượng minh bạch và định hướng chiến lược rõ ràng. Điều này nhấn mạnh vai trò của ESG trong Chiến lược MB giai đoạn 2022–2026, tầm nhìn đến năm 2030, với mục tiêu "Thực hành ESG tiên tiến, hướng tới tương lai Net-Zero" và định hướng trở thành "Tổ chức phát triển bền vững." MB cam kết tạo ra giá trị tích cực cho:

- **Môi trường thông qua chuyển đổi vận hành và giảm phát thải;**
- **Khách hàng với danh mục sản phẩm xanh và bền vững;**
- **Quản trị nhờ thực hành ESG theo chuẩn quốc tế;**
- **Cộng đồng thông qua các chương trình trách nhiệm xã hội hướng đến mục tiêu Net-Zero.**

Hội đồng quản trị

Hội đồng Quản trị (HĐQT) là cơ quan quản lý cao nhất của MB do Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) bầu ra và chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ về việc thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ và quyền hạn được giao. HĐQT thực thi chức năng quản trị Ngân hàng trên cơ sở tuân thủ Điều lệ, Quy chế Quản trị, các quy định nội bộ liên quan của MB, cũng như các quy định pháp luật và thông lệ quản trị tiên tiến phù hợp. HĐQT xem xét và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình, ngoại trừ những nội dung được pháp luật và Điều lệ quy định thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.

Hoạt động của HĐQT

STT	Ngày họp	Phương pháp tiếp cận Tính chất (Định kỳ/Bất thường)	Tỷ lệ thành viên tham dự	Nội dung chính	Kết quả
1	Quý I/2025	Định kỳ	100%	• Tổng kết đánh giá tình hình thực hiện nghị quyết trong kỳ • Báo cáo tình hình hoạt động của ngân hàng trong kỳ và định hướng kế hoạch quý tiếp theo • Xem xét công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên của MB • Kiểm tra/rà soát số liệu, tài liệu gửi báo cáo cơ quan quản lý nhà nước	Nghị quyết được thông qua
2	Quý II/2025	Định kỳ	100%	• Báo cáo tình hình hoạt động của Ngân hàng trong kỳ và định hướng kế hoạch của Quý III và 6 tháng tiếp theo • Thông qua các quy chế: Quy chế tổ chức & hoạt động của HĐQT; Quy chế quản trị nội bộ, Điều lệ…	Nghị quyết được thông qua
3	Quý III/2025	Định kỳ	100%	• Tổng kết đánh giá tình hình thực hiện nghị quyết trong kỳ • Báo cáo tình hình hoạt động của ngân hàng trong kỳ và định hướng kế hoạch Quý tiếp theo • Định hướng xây dựng kế hoạch năm 2025 của ngân hàng và các công ty thành viên	Nghị quyết được thông qua
4	Quý IV/2025	Định kỳ	100%	• Tổng kết đánh giá tình hình thực hiện nghị quyết trong kỳ • Báo cáo tình hình hoạt động của ngân hàng trong kỳ	Nghị quyết được thông qua
5	Quý IV/2025	Định kỳ	100%	• Phê duyệt định hướng kế hoạch năm 2025 của ngân hàng và các thông tin thành viên	Nghị quyết được thông qua

Danh sách các nghị quyết được HĐQT thông qua trong năm 2025

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Ghi chú
1	01/NQ-MB-HĐQT	07/01/2025	Về việc thông qua Hợp đồng, giao dịch giữa MB và MBAMC	- MB thực hiện công bố thông tin: + Văn bản số 17/MB-HĐQT ngày 07/01/2025 v/v Nghị quyết HĐQT thông qua Hợp đồng, giao dịch giữa MB và MBAMC
2	02/NQ-MB-HĐQT	07/01/2025	Về việc thông qua Hợp đồng, giao dịch giữa MB và MBV	- MB thực hiện công bố thông tin: + Văn bản số 16/MB-HĐQT ngày 07/01/2025 v/v Nghị quyết HĐQT thông qua Hợp đồng, giao dịch giữa MB và MBV
3	05/NQ-MB-HĐQT	14/02/2025	Về việc tiếp tục giao thực hiện nhiệm vụ Người phụ trách Quản trị Công ty	
4	06/NQ-MB-HĐQT	12/02/2025	Về việc thông qua hợp đồng, giao dịch đại lý thanh toán với Người có liên quan	- MB thực hiện công bố thông tin: + Văn bản số 139/MB-HĐQT ngày 13/02/2025 v/v Thông qua hợp đồng, giao dịch đại lý thanh toán với Người có liên quan
5	08/NQ-MB-HĐQT	27/02/2025	Về việc Kế hoạch công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông MB thường niên 2025	- MB thực hiện công bố thông tin: + Văn bản số 174/MB-HĐQT ngày 27/02/2025 v/v Thông qua kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2025 của MB
6	11/NQ-MB-HĐQT	06/03/2025	Về việc Phương án đầu tư trụ sở văn phòng của MB tại tỉnh Nghệ An	
7	12/NQ-MB-HĐQT	10/03/2025	Về việc Phương án đóng cửa hoạt động của Văn phòng đại diện MB tại Nga (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)	- MB thực hiện công bố thông tin: + Văn bản số 442/MB-HĐQT ngày 08/05/2025 v/v Đóng cửa Văn phòng đại diện Ngân hàng TMCP Quân đội tại Nga
8	14/NQ-MB-HĐQT	11/03/2025	Về việc thông qua phương án vay vốn nước ngoài trung hạn và kế hoạch kinh doanh sử dụng khoản vay nước ngoài (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)	
9	15/NQ-MB-HĐQT	13/03/2025	Về việc thông qua hợp đồng, giao dịch sử dụng nhãn hiệu với Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Việt Nam Hiện đại	
10	16/NQ-MB-HĐQT	20/03/2025	Về việc Triển khai phương án tăng vốn điều lệ thông qua chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ MB năm 2024 (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)	
11	17/NQ-MB-HĐQT	26/03/2025	Về việc thông qua Hợp đồng, giao dịch giữa MB và MB Campuchia	- MB thực hiện công bố thông tin: + Văn bản số 314/MB-HĐQT ngày 26/03/2025 v/v Thông qua hợp đồng, giao dịch giữa MB và MB Campuchia
12	25/NQ-MB-HĐQT	19/05/2025	Về việc thông qua Hợp đồng, giao dịch giữa MB và Công ty tài chính tín dụng tiêu dùng TNHH MB Shinsei	- MB thực hiện công bố thông tin: + Văn bản số 468/MB-HĐQT ngày 19/05/2025 v/v Thông qua hợp đồng, giao dịch giữa MB và Mcredit
13	26/NQ-MB-HĐQT	22/05/2025	Về việc thông qua phương án phát hành trái phiếu tăng vốn cấp 2 lần 1 do MB phát hành theo hình thức chào bán riêng lẻ	- MB thực hiện công bố thông tin: + Văn bản số 484/MB-HĐQT ngày 23/05/2025 v/v Thông qua phương án phát hành trái phiếu tăng vốn cấp 2 lần 1 do MB phát hành theo hình thức chào bán riêng lẻ + Văn bản số 485/MB-HĐQT ngày 23/05/2025 v/v Thông qua phương án phát hành trái phiếu tăng vốn cấp 2 lần 2 do MB phát hành theo hình thức chào bán riêng lẻ + Văn bản số 486/MB-HĐQT ngày 23/5/2025 v/v Thông qua phương án phát hành trái phiếu thường do MB phát hành theo hình thức chào bán riêng lẻ năm 2025 + Văn bản số 497/MB-HĐQT ngày 29/05/2025 v/v Quyết định chấp thuận niêm yết trái phiếu Ngân hàng TMCP Quân đội + Văn bản số 674/QĐ-SGDHN ngày 29/05/2025 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội v/v Chấp thuận niêm yết trái phiếu Ngân hàng TMCP Quân đội. + Văn bản số 6162/MB-HS ngày 02/06/2025 v/v mua lại Trái phiếu MBBL2426012 trước hạn theo yêu cầu của Tổ chức phát hành + Văn bản số 6163/MB-HS ngày 02/06/2025 v/v mua lại Trái phiếu MBBL2426014 trước hạn theo yêu cầu của Tổ chức phát hành + Văn bản số 527/MB-HĐQT ngày 07/06/2025 v/v Thông báo của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội về ngày giao dịch đầu tiên Trái phiếu niêm yết của ngân hàng TMCP Quân đội. + Văn bản số 6174/MB-HS ngày 10/06/2025 v/v mua lại Trái phiếu MBBL2427020 trước hạn theo yêu cầu của Tổ chức phát hành + Văn bản số 6167/MB-HS ngày 10/06/2025 v/v Công bố thông tin về đợt mua lại trái phiếu trước hạn + Văn bản số 6175/MB-HS ngày 10/06/2025 v/v mua lại Trái phiếu MBBL2427021 trước hạn theo yêu cầu của Tổ chức phát hành + Văn bản số 6168/MB-HS ngày 10/06/2025 v/v Công bố thông tin về đợt mua lại trái phiếu trước hạn + Văn bản số 6171/MB-HS ngày 10/06/2025 v/v mua lại Trái phiếu MBBL242015 trước hạn theo yêu cầu của Tổ chức phát hành + Văn bản số 6176/MB-HS ngày 10/06/2025 v/v Công bố thông tin về đợt mua lại trái phiếu trước hạn + Văn bản số 6172/MB-HS ngày 10/06/2025 v/v mua lại Trái phiếu MBBL2427016 trước hạn theo yêu cầu của Tổ chức phát hành + Văn bản số 6177/MB-HS ngày 10/06/2025 v/v Công bố thông tin về đợt mua lại trái phiếu trước hạn + Văn bản số 6173/MB-HS ngày 10/06/2025 v/v mua lại Trái phiếu MBBL2427017 trước hạn theo yêu cầu của Tổ chức phát hành + Văn bản số 6164/MB-HS ngày 10/06/2025 v/v Công bố thông tin về đợt mua lại trái phiếu trước hạn + Văn bản số 6170/MB-HS ngày 10/06/2025 v/v mua lại Trái phiếu MBBL2426019 trước hạn theo yêu cầu của Tổ chức phát hành

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Ghi chú
13	26/NQ-MB-HĐQT	22/05/2025	Về việc thông qua phương án phát hành trái phiếu tăng vốn cấp 2 lần 1 do MB phát hành theo hình thức chào bán riêng lẻ	+ Văn bản số 6166/MB-HS ngày 10/6/2025 v/v Công bố thông tin về đợt mua lại trái phiếu trước hạn + Văn bản số 6169/MB-HS ngày 10/06/2025 v/v mua lại Trái phiếu MBBL2426018 trước hạn theo yêu cầu của Tổ chức phát hành + Văn bản số 6165/MB-HS ngày 10/06/2025 v/v Công bố thông tin về đợt mua lại trái phiếu trước hạn + Văn bản số 6159/MB-HS ngày 10/06/2025 v/v mua lại Trái phiếu Ngân hàng TMCP Quân đội trước hạn theo yêu cầu của Tổ chức phát hành + Văn bản số 6610/MB-HS ngày 17/06/2025 v/v thông báo ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua lại trái phiếu trước hạn + Văn bản số 2765/TB –SGDHN ngày 23/06/2025 Thông báo v/v trái phiếu MBB124017 có khả năng bị hủy bỏ niêm yết do tổ chức phát hành mua lại toàn bộ trước thời gian đáo hạn + Văn bản số 603/MB-HĐQT ngày 24/06/2025 v/v Thông báo của Sở giao dịch chứng khoán Hà nội về khả năng hủy bỏ niêm yết trái phiếu MBB12017 do Tổ chức phát hàng mua lại toàn bộ trái phiếu trước hạn. + Văn bản số 6165/MB-HS ngày 10/06/2025 v/v Công bố thông tin về đợt mua lại trái phiếu trước hạn + Văn bản 9344/MB-HS ngày 07/08/2025 v/v Công bố thông tin về kết quả mua lại trái phiếu trước hạn +Văn bản số 10080/MB-HS ngày 22/08/2025 v/v Công bố thông tin về đợt mua lại trái phiếu trước hạn + Văn bản số 10032/MB-HS ngày 22/08/2025 v/v Thông báo mua lại Trái phiếu MBBL2330004 trước hạn theo yêu cầu của Tổ chức phát hành + Văn bản số 10033/MB-HS ngày 22/08/2025 v/v Thông báo mua lại Trái phiếu MBBL2330005 trước hạn theo yêu cầu của Tổ chức phát hành + Văn bản số 10034/MB-HS ngày 28/08/2025 v/v Công bố thông tin về đợt mua lại trái phiếu trước hạn + Văn bản số 10934/MB-HS ngày 16/09/2025 v/v Thông báo mua lại Trái phiếu MBBL124022 trước hạn theo yêu cầu của Tổ chức phát hành + Văn bản số 1007/MB-HĐQT ngày 25/09/2025 v/v MB thông báo về Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua lại trái phiếu trước hạn mã MBB124022 do trái phiếu niêm yết được Tổ chức phát hàng mua lại toàn bộ trái phiếu trước hạn + Văn bản số 11558/MB-HS ngày 01/10/2025 v/v Công bố thông tin về đợt mua lại trái phiếu trước hạn + Văn bản số 11559/MB-HS ngày 01/10/2025 v/v Thông báo mua lại Trái phiếu MBBL2330006 trước hạn theo yêu cầu của Tổ chức phát hành + Văn bản số 1035MB-HĐQT ngày 10/10/2025 v/v Thông báo về việc hủy niêm yết trái phiếu MBB124022 do Tổ chức phát hàng mua lại toàn bộ trái phiếu trước hạn + Văn bản 12382/MB-HS ngày 17/10/2025 v/v Công bố thông tin về kết quả mua lại trái phiếu trước hạn + Văn bản số 12401/MB-HS ngày 17/10/2025 v/v Công bố thông tin về đợt mua lại trái phiếu trước hạn + Văn bản 12740/MB-HS ngày 29/10/2025 v/v Công bố thông tin về kết quả mua lại trái phiếu trước hạn + Văn bản 13936/MB-HS ngày 19/11/2025 v/v Công bố thông tin về kết quả mua lại trái phiếu trước hạn + Văn bản 15580/MB-HS ngày 22/12/2025 v/v Công bố thông tin về kết quả mua lại trái phiếu trước hạn

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Ghi chú
14	27/NQ-MB-HĐQT	22/05/2025	Về việc thông qua phương án phá hành trái phiếu tăng vốn cấp 2 lần 2 do MB phát hành theo hình thức chào bán riêng lẻ	
15	28/NQ-MB-HĐQT	22/05/2025	Về việc thông qua phương án phát hành Trái phiếu thường do MB phát hành theo hình thức chào bán riêng lẻ năm 2025	
16	29/NQ-MB-HĐQT	22/05/2025	Về việc thông qua phương án mua lại trái phiếu trước hạn do Ngân hàng TMCP Quân đội phát hành	
17	30/NQ-MB-HĐQT	24/06/2025	Về việc triển khai phương án tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ MB năm 2025 (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)	- MB thực hiện công bố thông tin: + Văn bản số 798/MB-HĐQT ngày 04/08/2025 v.v Văn bản của UBCK về tai liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của MB. + Văn bản số 3981/UBCK-QLCB ngày 01/08/2025 v/v Tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của Ngân hàng TMCP Quân đội + Văn bản số 799/MB-HĐQT ngày 04/08/2025 v.v Thông báo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và Ngày đăng ký cuối cùng cổ đông được nhận cổ tức bằng cổ phiếu và cổ tức bằng tiền mặt năm 2024. + Văn bản số 914/BC-MB-HĐQT ngày 20/08/2025 v/v Báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận lũy kế chưa phân phối của Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) năm 2024. + Văn bản số 915/TB-MB-HĐQT ngày 20/08/2025 v.v Thông báo thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết + Văn bản số 916/MB-HĐQT ngày 20/08/2025 v/v Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và Thông báo thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết + Văn bản số 954/MB-HĐQT ngày 27/08/2025 v/v Văn bản của UBCK về tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của MB. Văn bản số 4691/UBCK-QLCB ngày 26/08/2025 v/v Tài liệu báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của Ngân hàng TMCP Quân đội + Văn bản số 971/MB-HĐQT ngày 08/09/2025 v/v Giấy chứng nhận của VSD về điều chỉnh thông tin số lượng cổ phiếu đăng ký + Văn bản 1012/MB-HĐQT ngày 02/10/2025 v/v MB nhận được Thông báo chấp thuận thay đổi đăng ký niêm yết của Sở GDCK TP HCM. + Văn bản 1019/MB-HĐQT ngày 06/10/2025 v/v sửa đổi Điều lệ Ngân hàng TMCP Quân đội
18	31/NQ-MB-HĐQT	24/06/2024	Về việc triển khai phương án trả cổ tức bằng tiền mặt theo Nghị quyết ĐHĐCĐ MB năm 2025 (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)	- MB thực hiện công bố thông tin: + Văn bản số 799/MB-HĐQT ngày 04/08/2025 v.v Thông báo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và Ngày đăng ký cuối cùng cổ đông được nhận cổ tức bằng cổ phiếu và cổ tức bằng tiền mặt năm 2024

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Ghi chú
19	32/NQ-MB-HĐQT	22/08/2025	Về việc Điều chỉnh Giấy phép và sửa đổi Điều lệ của MB để cập nhật địa chỉ trụ sở chính	- MB thực hiện công bố thông tin: + Văn bản số 1004/MB-HĐQT ngày 24/09/2025 v/v Quyết định của NHNN về sửa đổi nội dung Giấy phép hoạt động của MB Quyết định của NHNN số 3269/QĐ-NHNN ngày 24/09/2025 v/v Quyết định sửa đổi nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng TMCP Quân đội
20	33/NQ-MB-HĐQT	22/08/2025	Về việc sửa đổi Điều lệ Ngân hàng TNHH một thành viên Việt Nam Hiện đại (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)	
21	34/NQ-MB-HĐQT	22/08/2025	Về việc thành lập Chi nhánh Bắc Đan Phượng (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)	
22	35/NQ-MB-HĐQT	22/08/2025	Về việc thành lập Chi nhánh Gia Lâm (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)	
23	36/NQ-MB-HĐQT	22/08/2025	Về việc thành lập Chi nhánh Bắc Hưng Yên (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)	
24	37/NQ-MB-HĐQT	22/08/2025	Về việc thành lập Chi nhánh Nam Tây Ninh (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)	
25	38/NQ-MB-HĐQT	22/8/2025	Về việc thành lập Chi nhánh Đồng Khởi (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)	
26	39/NQ-MB-HĐQT	22/8/2025	Về việc thành lập Chi nhánh Bến Nghé (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)	
27	40/NQ-MB-HĐQT	22/8/2025	Về việc thành lập Chi nhánh Đông Thủ Đức (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)	
28	41/NQ-MB-HĐQT	22/8/2025	Về việc thành lập Chi nhánh Tây Thủ Đức (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)	
29	42/NQ-MB-HĐQT	22/8/2025	Về việc thành lập Chi nhánh Bắc Hồ Chí Minh (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)	
30	43/NQ-MB-HĐQT	22/8/2025	Về việc thành lập Chi nhánh Tây Hồ Chí Minh (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)	
31	44/NQ-MB-HĐQT	22/8/2025	Về việc thành lập Chi nhánh Nam Bình Tân (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)	

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Ghi chú
32	45/NQ-MB-HĐQT	22/8/2025	Về việc thành lập Chi nhánh Đông Bình Thạnh (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)	
33	46/NQ-MB-HĐQT	22/8/2025	Về việc thành lập Chi nhánh Thắng Lợi (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)	
34	47/NQ-MB-HĐQT	22/8/2025	Về việc thành lập Chi nhánh Cách Mạng Tháng Tám (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)	
35	48/NQ-MB-HĐQT	22/8/2025	Về việc thành lập Phòng giao dịch An Khê - Chi nhánh Gia Lai (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)	
36	49/NQ-MB-HĐQT	22/8/2025	Về việc thành lập Phòng giao dịch Ninh Hòa - Chi nhánh Khánh Hòa (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)	
37	50/NQ-MB-HĐQT	22/8/2025	Về việc thành lập Phòng giao dịch Nam Đồng Nai - Chi nhánh Đồng Nai (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)	
38	51/NQ-MB-HĐQT	22/8/2025	Về việc thành lập Phòng giao dịch Đô Lương - Chi nhánh Nghệ An (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)	
39	52/NQ-MB-HĐQT	22/8/2025	Về việc thành lập Phòng giao dịch Kim Bảng - Chi nhánh Hà Nam (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)	
40	53/NQ-MB-HĐQT	22/8/2025	Về việc thành lập Phòng giao dịch Cửu Long - Chi nhánh Thắng Lợi (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)	
41	54/NQ-MB-HĐQT	22/8/2025	Về việc thành lập Phòng giao dịch Bình Tây - Chi nhánh Thắng Lợi (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)	
42	55/NQ-MB-HĐQT	22/8/2025	Về việc thành lập Phòng giao dịch Tân Quý - Chi nhánh Đồng Khởi (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)	
43	56/NQ-MB-HĐQT	22/8/2025	Về việc thành lập Phòng giao dịch Vĩnh Hội - Chi nhánh Đồng Khởi (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)	

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Ghi chú
44	57/NQ-MB-HĐQT	22/8/2025	Về việc thành lập Phòng giao dịch Tân Kỳ - Chi nhánh Bắc Hồ Chí Minh (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)	
45	58/NQ-MB-HĐQT	22/8/2025	Về việc thành lập Phòng giao dịch Chợ Tân Bình - Chi nhánh Bắc Hồ Chí Minh (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)	
46	59/NQ-MB-HĐQT	22/8/2025	Về việc thành lập Phòng giao dịch Chợ Phạm Văn Hai - Chi nhánh Tân Bình (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)	
47	60/NQ-MB-HĐQT	22/8/2025	Về việc thành lập Phòng giao dịch Phan Văn Hớn - Chi nhánh Nam Tân Bình (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)	
48	61/NQ-MB-HĐQT	22/8/2025	Về việc thành lập Phòng giao dịch Huỳnh Tấn Phát - Chi nhánh Tây Hồ Chí Minh (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)	
49	62/NQ-MB-HĐQT	22/8/2025	Về việc thành lập Phòng giao dịch Tân Hưng - Chi nhánh Tây Hồ Chí Minh (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)	
50	63/NQ-MB-HĐQT	22/8/2025	Về việc thành lập Phòng giao dịch Tây Hội – Chi nhánh Cách Mạng Tháng Tám (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)	
51	64/NQ-MB-HĐQT	22/8/2025	Về việc thành lập Phòng giao dịch An Hội - Chi nhánh Cách Mạng Tháng Tám (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)	
52	65/NQ-MB-HĐQT	22/8/2025	Về việc thành lập Phòng giao dịch An Phú - Chi nhánh Đông Thủ Đức (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)	
53	66/NQ-MB-HĐQT	22/8/2025	Về việc thành lập Phòng giao dịch Bàu Bàng - Chi nhánh Đông Thủ Đức (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)	

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Ghi chú
54	67/NQ-MB-HĐQT	22/8/2025	Về việc thành lập Phòng giao dịch Dĩ An - Chi nhánh Tây Thủ Đức (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)	
55	68/NQ-MB-HĐQT	22/8/2025	Về việc thành lập Phòng giao dịch Long Bình - Chi nhánh Tây Thủ Đức (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)	
56	69/NQ-MB-HĐQT	22/8/2025	Về việc thành lập Phòng giao dịch Tân Ba - Chi nhánh Bến Nghé (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)	
57	70/NQ-MB-HĐQT	22/8/2025	Về việc thành lập Phòng giao dịch Phan Xích Long - Chi nhánh Bến Nghé (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)/ (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)	
58	71/NQ-MB-HĐQT	22/8/2025	Về việc thành lập Phòng giao dịch Vĩnh Tân - Chi nhánh Đông Bình Thạnh (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)/ (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)	
59	72/NQ-MB-HĐQT	22/8/2025	Về việc thành lập Phòng giao dịch Chợ Bà Chiểu - Chi nhánh Đông Bình Thạnh (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)	
60	73/NQ-MB-HĐQT	22/8/2025	Về việc thành lập Văn phòng đại diện tại Đài Loan (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)	
61	74/NQ-MB-HĐQT	22/8/2025	Về việc thành lập Văn phòng đại diện tại Singapore (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)	
62	75/NQ-MB-HĐQT	22/8/2025	Về việc thành lập Văn phòng đại diện tại Hàn Quốc (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)	
63	76/NQ-MB-HĐQT	22/8/2025	Về việc thành lập Văn phòng đại diện tại Trung Quốc (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)	
64	77/NQ-MB-HĐQT	03/09/2025	Về việc thông qua Hợp đồng, giao dịch giữa MB và MIC	- MB thực hiện công bố thông tin: + Văn bản số 966/MB-HĐQT ngày 03/09/2025 v/v Thông qua hợp đồng, giao dịch giữa MB và MIC

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Ghi chú
65	78/NQ-MB-HĐQT	23/10/2025	Về việc thông qua việc gia hạn "chấp thuận có thời hạn các hoạt động ngoại hối khác của Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội"	
66	79/NQ-MB-HĐQT	05/11/2025	Về việc thông qua việc đề nghị NHNN cấp giấy phép sản xuất vàng miếng; cấp hạn mức và giấy phép xuất khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng nguyên liệu (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)	
67	80/NQ-MB-HĐQT	07/11/2025	Thông qua tăng quy mô vay vốn nước ngoài trung hạn đối với phương án đã được HĐQT phê duyệt tại Nghị quyết số 14/NQ-MB-HĐQT ngày 11/03/2025 (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)	
68	81/NQ-MB-HĐQT	26/12/2025	Thông qua bổ sung phạm vi, nội dung của Hợp đồng, giao dịch giữa MB và Công ty CP Quản lý quỹ đầu tư MB ("MB Capital") trong hoạt động nguồn vốn và kinh doanh tiền tệ.	- MB thực hiện công bố thông tin: + Văn bản số 1246/MB-HĐQT ngày 26/12/2025 v/v Thông qua bổ sung phạm vi, nội dung của Hợp đồng, giao dịch giữa MB và Công ty CP Quản lý quỹ đầu tư MB (MB Capital) trong hoạt động nguồn vốn và kinh doanh tiền tệ
69	82/NQ-MB-HĐQT	30/12/2025	Về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung PA CGBB (thực hiện thủ tục báo cáo CQQLNN)	

Kết quả thực hiện nhiệm vụ của HĐQT trong năm 2025

Trong năm 2025, Hội đồng Quản trị (HĐQT) MB đã thực thi đầy đủ quyền hạn và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ MB, Quy chế quản trị nội bộ và các quy định điều hành có liên quan. Công tác của HĐQT được triển khai thường xuyên, bám sát định hướng chiến lược đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị và chất lượng hoạt động toàn hệ thống.

Việc theo dõi, đánh giá hiệu quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên được thực hiện định kỳ theo quy chế MB. Hồ sơ, tài liệu đánh giá được lưu trữ đầy đủ, đảm bảo tính minh bạch và tuân thủ theo từng giai đoạn.

Phương thức đánh giá hoạt động

Căn cứ vào các quy định hiện hành, MB áp dụng nhiều hình thức đánh giá để đảm bảo khách quan và toàn diện, bao gồm:

- **Tự đánh giá của từng thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát (BKS), Ban Điều hành (BĐH) và người quản lý theo thẩm quyền.**
- **Các phương thức đánh giá bổ sung theo quy định của MB trong từng thời kỳ**

Hệ thống tiêu chí đánh giá

Công tác đánh giá dựa trên bộ tiêu chí được chuẩn hóa, phản ánh đầy đủ yêu cầu về năng lực, đạo đức và hiệu quả, bao gồm:

- **Kết quả thực thi nhiệm vụ** — Mức độ hoàn thành mục tiêu, chất lượng và hiệu quả công việc; đóng góp vào sự phát triển của đơn vị phụ trách và của MB.
- **Phẩm chất chính trị – đạo đức** — Việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ, quy chế MB; ý thức trách nhiệm và tinh thần gương mẫu trong công tác.
- **Năng lực chuyên môn – tinh thần học hỏi** — Khả năng cập nhật kiến thức, tính chủ động, tinh thần cầu thị và thái độ trong thực thi nhiệm vụ.
- **Kỹ năng quản trị – điều hành** — Phong cách lãnh đạo, phương pháp tổ chức công việc, tinh thần phòng chống tham nhũng, chống lãng phí và thực hành tiết kiệm.
- **Tinh thần đoàn kết – phối hợp** — Mức độ hợp tác với các đơn vị, khả năng gắn kết và tạo động lực cho đội ngũ, cũng như mức độ tín nhiệm từ cán bộ nhân viên.

Trên cơ sở kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025, tình hình triển khai chiến lược, nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và các nhiệm vụ trọng tâm được giao, MB tiến hành tổng hợp và đánh giá toàn diện đối với các thành viên HĐQT. Kết quả cho thấy các thành viên HĐQT đều hoàn thành nhiệm vụ, đóng góp vào việc nâng tầm năng lực quản trị, củng cố nền tảng vận hành và hỗ trợ MB thực hiện mục tiêu tăng trưởng bền vững trong giai đoạn mới.

Định hướng chỉ đạo triển khai chiến lược và kế hoạch kinh doanh năm 2025

Trong năm 2025, HĐQT tiếp tục định hướng triển khai các sáng kiến và dự án trọng tâm theo Chiến lược 2022–2026, nhằm hiện thực hóa mục tiêu **"Trở thành Doanh nghiệp số – Tập đoàn Tài chính dẫn đầu"**. HĐQT thúc đẩy mở rộng hợp tác với các cổ đông và đối tác chiến lược, hỗ trợ MB nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh.

Song song với công tác tái cấu trúc gắn với xử lý nợ xấu, HĐQT định hướng mở rộng hợp tác chiến lược với các cổ đông chủ chốt và đối tác trong và ngoài nước. Các thỏa thuận hợp tác được triển khai theo hướng tăng cường năng lực cạnh tranh, mở rộng hệ sinh thái dịch vụ và tạo ra các giá trị gia tăng cho khách hàng, đối tác và thị trường.

HĐQT cũng tập trung chỉ đạo hoàn thiện các mô hình kinh doanh hiện đại, phát triển các nền tảng số trọng điểm, qua đó mang lại nhiều tiện ích mới cho khách hàng cá nhân, khách hàng doanh nghiệp và các đối tác trong toàn hệ sinh thái. Những định hướng này góp phần tạo nền tảng vững chắc để MB tiếp tục nâng cao năng lực vận hành, gia tăng hiệu quả kinh doanh và thúc đẩy mục tiêu phát triển bền vững trong giai đoạn tiếp theo.

Chỉ đạo triển khai các giải pháp để thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ

Trong năm, HĐQT và Chủ tịch HĐQT đã thực hiện chỉ đạo, giám sát Ban Điều hành triển khai các giải pháp để thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ bao gồm:

Chỉ đạo triển khai Chiến lược Tập đoàn giai đoạn 2022 - 2026	Định hướng triển khai đúng tiến độ, hiệu quả các Sáng kiến - dự án nhà máy số, dự án nền tảng đúng tiến độ; thông qua Chiến lược MB bổ sung nội dung ESG giai đoạn 2022 - 2026, định hướng đến 2030 và định hướng các Công ty thành viên (CTTV) nghiên cứu bổ sung nội dung ESG phù hợp tại Chiến lược Công ty; định hướng tổ chức triển khai, rà soát Chiến lược, hạ tầng/hệ thống CNTT của các CTTV.
Chỉ đạo tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên 2025 của MB ngày 26/04/2025 và ĐHĐCĐ thường niên các CTTV (MBS, MBCapital, MIC)	Theo đó, ĐHĐCĐ của MB và các CTTV đã thông qua các nội dung quan trọng về kế hoạch kinh doanh, phương án tăng vốn, phương án sử dụng vốn chủ sở hữu, việc Nhận chuyển giao bắt buộc và tổ chức triển khai Phương án chuyển giao bắt buộc, Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm, Phương án mua lại cổ phiếu phù hợp quy định pháp luật mới; bầu bổ sung/thay thế Thành viên HĐQT MIC.
Định hướng/chỉ đạo và giám sát triển khai Kế hoạch năm 2025 của Tập đoàn, MB và các CTTV bám sát các định hướng Chiến lược, Nghị quyết ĐHĐCĐ và phê duyệt của HĐQT	Theo đó, BĐH MB đã điều hành theo các kịch bản kế hoạch phù hợp; các CTTV triển khai "Hợp lực Tập đoàn". Kết thúc năm 2025, Tập đoàn, MB đạt được các kết quả tăng trưởng tích cực về một số chỉ tiêu hoạt động chính (chi tiết theo Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ lập tại thời điểm 31/12/2025 của MB).
Thông qua Kế hoạch năm 2026 của Tập đoàn	MB và các CTTV bám sát các định hướng Chiến lược (mục tiêu "Ngân hàng Top 1 về Khách hàng, giao dịch; Top 3 về hiệu quả các NHTM", phương châm năm 2026 "Tăng tốc – Thực chất - Hiệu quả").
Kiện toàn cơ chế quản trị /tổ chức vận hành, quản trị nhân sự cấp cao và nhân sự toàn hệ thống MBGroup của MB để nâng cao hiệu quả quản lý, tiệm cận các thông lệ quản trị tốt	HĐQT tổ chức triển khai công tác quản trị nhân sự cấp cao của MB và CTTV bám sát định hướng ĐHĐCĐ thường niên 2025 v.v Nâng cao năng lực quản trị điều hành từ HĐQT, BKS, BĐH; Quản trị nhân sự toàn Tập đoàn phù hợp Chiến lược thông qua: tìm kiếm, bồi dưỡng phát triển đội ngũ nhân sự chất lượng cao, thích ứng nhanh với chuyển đổi và cam kết gắn bó (qua đào tạo chuyên môn sâu, trải nghiệm thực tế công việc). HĐQT ban hành Điều lệ và các văn bản quy định nội bộ cập nhật/sửa đổi phù hợp với quy định pháp luật mới, đáp ứng yêu cầu thực tiễn hoạt động (Quy chế Quản lý CTTV; Quy chế/chính sách về QTRR và tín dụng; Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp; Quy chế về dấu, quản lý và sử dụng dấu (kèm theo mẫu dấu mới phù hợp tổ chức địa giới hành chính mới); Quy chế quản lý hệ thống mạng lưới; Quy chế tài chính; ...) HĐQT thông qua việc cử Người đại diện vốn, phương án nhân sự Chủ tịch một số CTTV (MIC, MBAMC, MBCambodia…); việc cử Người đại diện và bổ nhiệm Thành viên BĐH của MBAMC (là Người có liên quan của Người nội bộ); bổ nhiệm lại PTGĐ MB đối với Ông Trần Minh Đạt. Chủ tịch HĐQT thông qua phương án cử Người đại diện tại các Công ty và đề cử bổ nhiệm Tổng Giám đốc MCredit, PTGĐ MIC; một số phương án nhân sự tại các vị trí chủ chốt của các CTTV, phù hợp với định hướng kiện toàn tổ chức các CTTV. HĐQT định hướng tăng cường đào tạo chuyên môn nâng cao chất lượng nguồn lực, bồi dưỡng và thu hút nhân tài, áp dụng sâu rộng phương pháp làm việc mới để tạo năng lực cho tổ chức; thông qua chế độ đãi ngộ, khen thưởng phúc lợi cho CBNV năm 2025.

Chỉ đạo triển khai phương án tăng vốn, chi trả cổ tức, phân phối cổ phiếu theo Nghị quyết ĐHĐCĐ	MB hoàn thành phương án chi trả cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 3% theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2025. MB hoàn thành phương án tăng vốn thông qua chi trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 15% theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2024; hoàn thành phương án tăng vốn thông qua chi trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 32% theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2025 - ghi nhận mức vốn điều lệ mới là 80.550 tỷ đồng. MB triển khai các thủ tục pháp lý liên quan phương án chào bán riêng lẻ tối đa 62 triệu cổ phiếu theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2024, 2025.
Định hướng/chỉ đạo triển khai Phương án chuyển giao bắt buộc (CGBB)	HĐQT thông qua Hợp đồng, giao dịch sử dụng nhãn hiệu với MBV; phương án hạn mức liên ngân hàng MBV; xem xét báo cáo về kết quả triển khai MBV sau 1 năm nhận CGBB phù hợp Nghị quyết/định hướng ĐHĐCĐ thường niên 2025; phương án báo cáo, đề xuất trình NHNN và CQNN có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh/sửa đổi/bổ sung PA CGBB để phù hợp quy định pháp luật mới, yêu cầu thực tiễn hoạt động MBV. Năm 2025, MBV đạt một số kết quả tích cực trong hoạt động kinh doanh; thay đổi địa điểm trụ sở chính về số 3 Liễu Giai, quận Ba Đình, Hà Nội và kiện toàn một số quy chế /quy định quản trị trọng yếu; phù hợp quy định pháp luật, Phương án CGBB được phê duyệt và đáp ứng yêu cầu thực tiễn.
HĐQT định hướng triển khai các nội dung để kịp thời nắm bắt cơ hội thị trường mới, phù hợp Nghị quyết ĐHĐCĐ	Định hướng thành lập Trung tâm Khoa học Công nghệ & Chuyển đổi số, thông qua việc trích Quỹ Phát triển Khoa học & Công nghệ; Phương án MB & CTTV tham gia Trung tâm Tài chính Quốc tế (tháng 12, MB được chấp thuận là 1 trong 10 Thành viên tiềm năng của Trung tâm tài chính Quốc tế Việt Nam tại TP.HCM).
Định hướng/chỉ đạo phát triển mạng lưới và đầu tư trụ sở tối ưu, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động; tìm kiếm phương án đầu tư trụ sở của MB tại các địa bàn tiềm năng; chỉ đạo nghiên cứu và bổ sung định hướng hoạt động - kinh doanh cho các CN tại tỉnh để đảm bảo mục tiêu Chiến lược, thị phần của MB	HĐQT thông qua phương án quy hoạch Hệ thống mạng lưới giai đoạn 2025 - 2027 và Kế hoạch phát triển mạng lưới 2025 với định hướng hệ thống mạng lưới của MB đến năm 2027 đáp ứng mục tiêu tăng trưởng, tối ưu nguồn lực. HĐQT thông qua phương án đóng cửa hoạt động VPĐD MB tại Nga (ngày 08/05/2025, MB đã thực hiện CBTT Văn bản của Ngân hàng Trung ương Nga về việc chấp thuận đóng cửa VPĐD tại Nga theo quy định); điều chỉnh Kế hoạch phát triển mạng lưới năm 2025 (bổ sung 4 VPĐD) và chủ trương thành lập VPĐD của MB tại Hàn Quốc, Singapore, Đài Loan và Trung Quốc phù hợp định hướng tổ chức VPĐD tại một số quốc gia tiềm năng tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2025; định hướng tăng vốn MB Lào giai đoạn 2025 - 2035 theo yêu cầu quy định pháp luật Lào. HĐQT thông qua một số phương án đầu tư trụ sở văn phòng MB tại Nghệ An, Huế, Bình Dương - các khu vực có tiềm năng phát triển, nâng cao hình ảnh, thương hiệu và vị thế cho Ngân hàng. HĐQT chỉ đạo việc điều chỉnh Giấy phép và sửa đổi Điều lệ của MB để cập nhật địa chỉ trụ sở chính của MB theo địa giới hành chính mới; định hướng các CTTV sửa đổi Điều lệ các Công ty để cập nhật thông tin địa chỉ trụ sở chính của MB (Ngân hàng mẹ) và chính Công ty.

Tổ chức họp HĐQT hàng quý, họp các Ủy ban định kỳ/đột xuất	Để nghe báo cáo của Ban Điều hành về tình hình hoạt động và chỉ đạo kế hoạch hàng tuần, hàng tháng bên cạnh việc duy trì chế độ giám sát theo phân cấp thẩm quyền.
Chỉ đạo kiểm tra, rà soát, đánh giá định kỳ/đột xuất hoạt động của các đơn vị trong MB và các CTTV làm cơ sở để đánh giá hoạt động của Ban Điều hành, Người đại diện tại các CTTV	Phối hợp với Ban Kiểm soát chỉ đạo Kiểm toán nội bộ tổ chức các đoàn kiểm tra, kiểm toán các đơn vị thành viên định kỳ và đột xuất. Chỉ đạo triển khai các biện pháp khắc phục/chỉnh sửa/báo cáo theo kết luận của các đoàn kiểm tra khác (Kiểm soát nội bộ, Thanh tra, Kiểm toán...) nhằm theo dõi, định hướng, có ý kiến chỉ đạo.
Định kỳ đánh giá Thành viên HĐQT/BĐH	Căn cứ theo mục tiêu và kết quả thực hiện công việc.
Chỉ đạo, định hướng nghiên cứu, tổ chức rà soát và triển khai một số nội dung liên quan đến Hướng dẫn, yêu cầu mới của các Cơ quan quản lý nhà nước, phù hợp quy định pháp luật	HĐQT định hướng/chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc tổ chức triển khai bám sát Chỉ đạo tín dụng, tập trung tăng trưởng kinh doanh đi đôi với QTRR chặt chẽ, nâng cao chất lượng, hoạt động.

Báo cáo của Thành viên độc lập HĐQT

Đánh giá về cơ cấu tổ chức và hoạt động của HĐQT

HĐQT nhiệm kỳ 2024 – 2029 (được ĐHĐCĐ bầu ngày 15/06/2024) gồm 11 thành viên (1 Thành viên độc lập, các thành viên còn lại không phải người điều hành trừ TV HĐQT kiêm Tổng Giám đốc – Phù hợp với quy định pháp luật). Ông Lưu Trung Thái được tín nhiệm bầu làm Chủ tịch HĐQT; 03 Phó Chủ tịch HĐQT bao gồm: Bà Nguyễn Thị Hải Lý, Bà Vũ Thị Hải Phượng và Ông Vũ Thành Trung. Cơ cấu HĐQT có sự đa dạng về độ tuổi, giới tính, kế thừa các thế hệ, với năng lực chuyên môn, kinh nghiệm quản trị đa ngành. HĐQT phân công công tác cho các TV HĐQT phù hợp dựa trên cơ sở năng lực, thế mạnh và kinh nghiệm của mỗi thành viên, trong đó: Chủ tịch HĐQT lập chương trình, kế hoạch, phân công công việc trong HĐQT, chỉ đạo công tác PTBV Tập đoàn; Các Phó chủ tịch, Thành viên HĐQT tham gia Ủy ban/Hội đồng của HĐQT để tham mưu, giúp việc cho HĐQT trong thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn phù hợp quy định pháp luật.

Đánh giá hoạt động của HĐQT và các Ủy ban

HĐQT nhiệm kỳ 2024–2029 đã nhanh chóng kiện toàn tổ chức theo hướng tuân thủ thông lệ tốt, gắn với hiệu quả điều hành và mục tiêu phát triển bền vững. MB đã ban hành, sửa đổi đồng bộ Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ và các quy định quản trị ngân hàng theo nghị quyết ĐHĐCĐ và pháp luật mới.

Các Ủy ban và Hội đồng trực thuộc HĐQT (như UB Quản lý rủi ro, UB Nhân sự, UB Quản trị cấp cao, UB Công nghệ & Chuyển đổi số, HĐ Điều phối Tập đoàn…) được tổ chức hoạt động đúng quy định, đóng vai trò tham mưu và hỗ trợ HĐQT trong công tác giám sát và triển khai chiến lược.

HĐQT thực hiện đầy đủ chế độ họp định kỳ/quý, họp đột xuất và lấy ý kiến để thông qua các nội dung theo thẩm quyền; các Thành viên tuân thủ nguyên tắc tham gia họp, thảo luận và biểu quyết vì lợi ích của MB. Công tác công bố thông tin, báo cáo ĐHĐCĐ được thực hiện minh bạch, đúng quy định.

Đối với giám sát Ban Điều hành, HĐQT phân công các Thành viên phụ trách từng lĩnh vực, đồng thời phối hợp với UB Quản lý rủi ro để đưa ra các định hướng quản trị, nhận diện và xử lý sớm rủi ro. HĐQT cũng phối hợp với Ban Kiểm soát, cơ quan thanh tra/kiểm toán và lựa chọn công ty kiểm toán độc lập Big 4 theo quy định (năm 2024 là KPMG).

Kết quả giám sát cho thấy hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành phù hợp với nghị quyết ĐHĐCĐ, chỉ đạo của HĐQT và pháp luật; HĐQT theo sát tình hình hoạt động, nhận diện kịp thời vấn đề phát sinh và định hướng BĐH triển khai giải pháp phù hợp. Các giao dịch với người nội bộ và người liên quan được thực hiện, công bố đúng quy định pháp luật và quy chế nội bộ.

Kết quả hoạt động của Thành viên độc lập HĐQT

Trong năm 2025, Thành viên độc lập HĐQT tích cực tham gia các chương trình, nội dung làm việc của HĐQT và đảm nhiệm vai trò tại Ủy ban Quản lý rủi ro theo phân công. Thành viên đã phối hợp triển khai các nhiệm vụ giám sát cấp cao trong từng lĩnh vực; đồng thời thúc đẩy hợp tác với các đối tác chiến lược phù hợp với kinh nghiệm và thế mạnh chuyên môn.

Bên cạnh việc tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT định kỳ, đột xuất và họp UB Quản lý rủi ro, Thành viên độc lập cũng đóng góp ý kiến đối với các nội dung quan trọng liên quan tới chiến lược, kế hoạch kinh doanh, tài chính, đầu tư, nhân sự cấp cao. Góc nhìn độc lập và kinh nghiệm chuyên môn đã góp phần nâng cao chất lượng quản trị, tăng cường giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành.

Thành viên, cơ cấu và hoạt động Ủy ban Quản trị Cấp cao

Ủy ban Quản trị cấp cao tiếp tục thực hiện vai trò tham mưu và tư vấn chuyên sâu cho Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Chủ tịch HĐQT trong các vấn đề thuộc phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của HĐQT. Ủy ban đồng thời hỗ trợ HĐQT trong việc xử lý kịp thời các nội dung quản trị trọng yếu và giám sát hoạt động của đội ngũ quản lý cấp cao.

Họ và tên	Chức vụ
Lưu Trung Thái	Chủ nhiệm Ủy ban
Vũ Thành Trung	Thành viên Ủy ban
Vũ Thị Hải Phượng	Thành viên Ủy ban
Nguyễn Thị Hải Lý	Thành viên Ủy ban
Phạm Như Ánh	Thành viên Ủy ban
Lê Viết Hải	Thành viên Ủy ban
Vũ Thái Huyền	Thành viên Ủy ban

Trong năm 2025, Ủy ban đã hoàn thành các nhiệm vụ theo thẩm quyền, gồm:

- Tham vấn cho HĐQT/Chủ tịch HĐQT về công tác tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2025;
- Tư vấn đối với các phương án đầu tư công nghệ, mua sắm và các nội dung khác theo quy định.
- Trong năm 2025, Ủy ban Quản trị cấp cao tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản 23 lần;

Các thành viên tham gia cuộc họp Ủy ban bằng hình thức trực tiếp hoặc ủy quyền tham dự, đảm bảo đủ số lượng các Thành viên trong mỗi cuộc họp.

SỐ CUỘC HỌP CỦA ỦY BAN QUẢN TRỊ CẤP CAO TRONG NĂM

STT	Ngày họp	Nội dung chính	Kết quả
1	Quý I/2025	Họp tham mưu cho HĐQT/CT HĐQT các nội dung về công tác tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2025	Được thông qua
2	Quý II/2025	Thảo luận/cho ý kiến để tham vấn cho HĐQT/ CT HĐQT đối với 10 phương án đầu tư cộng nghệ và mua sắm khác theo quy định	Được thông qua
3	Quý III/2025	Thảo luận/cho ý kiến để tham vấn cho HĐQT/ CT HĐQT đối với 7 phương án đầu tư cộng nghệ và mua sắm khác theo quy định	Được thông qua
4	Quý IV/2025	Họp tham mưu về định hướng KH 2026; thảo luận cho ý kiến đối với 6 phương án đầu tư cộng nghệ và mua sắm khác theo quy định	Được thông qua

Thành viên, cơ cấu và hoạt động Ủy ban Nhân sự

Họ và tên	Chức vụ
Lưu Trung Thái	Chủ nhiệm Ủy ban
Vũ Thị Hải Phượng	Thành viên Ủy ban
Vũ Thành Trung	Thành viên Ủy ban
Nguyễn Thị Hải Lý	Thành viên Ủy ban
Phạm Như Ánh	Thành viên Ủy ban
Lê Viết Hải	Thành viên Ủy ban

Hoạt động của Uỷ ban Nhân sự trong năm 2025: UB Nhân sự đã thực hiện các nhiệm vụ theo quy định và phù hợp với quy chế Uỷ ban Nhân sự hiện tại, tham mưu, tư vấn kịp thời, hiệu quả cho HĐQT về công tác nhân sự tại MB và CTTV, các hoạt động trọng tâm bao gồm: (i) Tham mưu cho HĐQT về quy mô và cơ cấu HĐQT, người điều hành phù hợp với quy mô hoạt động, chiến lược phù hợp theo quy định; Tham mưu các vấn đề về nhân sự liên quan đến chức danh thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT bao gồm nhưng không giới hạn các thủ tục luân chuyển/bổ nhiệm/quy hoạch/đánh giá chất lượng…; (ii) Tham mưu cho HĐQT ban hành các văn bản nội bộ về hoạt động nhân sự tại MB; (iii) Tham mưu cho HĐQT ban hành các văn bản, quy định liên quan đến quản trị nhân sự trọng yếu, các phương án nhân sự thuộc thẩm quyền HĐQT phê duyệt tại CTTV bao gồm nhưng không giới hạn nội dung quản lý nhân sự, bổ sung, luân chuyển, miễn nhiệm, đánh giá chất lượng...; (iv) Định hướng nội dung các Chương trình "Tư duy lại lãnh đạo trong kỷ nguyên mới", "Nâng cao năng lực Quản trị Doanh nghiệp" dành cho nhóm nhân sự chủ chốt.

CÁC CUỘC HỌP CỦA ỦY BAN NHÂN SỰ TRONG NĂM 2025

STT	Ngày họp	Nội dung chính	Kết quả
1	Quý I/2025	• Xem xét Báo cáo tình hình nhân sự năm 2024 & Định hướng Kế hoạch nhân sự 2025 (bao gồm kế hoạch tuyển chọn, đánh giá và bồi dưỡng nhân sự quy hoạch kế cận – FlexiZ) • Đánh giá thi đua khen thưởng năm 2024 và các đề xuất danh hiệu khen thưởng ngoài MB năm 2025 • Tổ chức Hội đồng phỏng vấn các nhân sự định hướng các vị trí thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của CT HĐQT	Được thông qua
2	Quý II/2025	• Tổ chức Hội đồng phỏng vấn các nhân sự định hướng các vị trí thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của CT HĐQT • Xem xét Báo cáo tình hình nhân sự định kỳ Quý I/2025	Được thông qua
3	Quý III/2025	• Xem xét đánh giá thi đua khen thưởng kỳ 1/2025 • Tổ chức Hội đồng phỏng vấn các nhân sự định hướng các vị trí thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của CT HĐQT • Các Thành viên UBNS được phân công phỏng vấn/trao đổi với các nhân sự FlexiZ – tham mưu/tư vấn cho HĐQT/CT HĐQT về định hướng quy hoạch/bồi dưỡng nhân sự tiềm năng • Xem xét Báo cáo tình hình nhân sự 6 tháng đầu năm 2025, các định hướng nhân sự 6 tháng cuối năm	Được thông qua
4	Quý IV/2025	• Tổ chức Hội đồng phỏng vấn các nhân sự định hướng các vị trí thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của CT HĐQT • Các Thành viên UBNS được phân công phỏng vấn/trao đổi với các nhân sự FlexiZ • Xem xét Báo cáo tình hình nhân sự định kỳ Quý III/2025 và Báo cáo tình hình nhân sự dự kiến năm 2025; các định hướng nhân sự năm 2026	Được thông qua

Thành viên, cơ cấu và hoạt động Ủy ban Quản lý Rủi ro

Họ và tên	Chức vụ
Vũ Thị Hải Phượng	Chủ nhiệm Ủy ban
Vũ Thành Trung	Thành viên Ủy ban
Hoàng Văn Sâm	Thành viên Ủy ban
Phạm Như Ánh	Thành viên Ủy ban
Vũ Thái Huyền	Thành viên Ủy ban
Phạm Doãn Cương	Thành viên Ủy ban
Lê Viết Hải	Thành viên Ủy ban
Phạm Thị Trung Hà	Thành viên Ủy ban

Ủy ban Quản lý rủi ro có chức năng tham mưu cho Hội đồng Quản trị các vấn đề về hệ thống QLRR và tuân thủ của tập đoàn, MB, công ty thành viên; giúp việc Hội đồng quản trị thực hiện giám sát của quản lý cấp cao về hệ thống kiểm soát nội bộ, hệ thống QLRR, tuân thủ và đánh giá nội bộ về mức đủ vốn.

Ủy ban Quản lý rủi ro (QLRR) tổ chức họp 10 cuộc; thực hiện các công việc thuộc thẩm quyền của Ủy ban, gồm: xem xét, đánh giá về tình hình rủi ro và tuân thủ năm 2024, Quý I, II, III/2025; nghiên cứu, thảo luận theo các chuyên đề về QTRR (Kế hoạch hoạt động của Ủy ban năm 2025, Basel III, rủi ro ESG, tham mưu HĐQT về một số văn bản cấp HĐQT và định hướng hoàn thiện một số quy định nội bộ liên quan QTRR và tính dụng, Pháp chế Tuân thủ, Trái phiếu, Bộ chỉ tiêu quản trị trọng yếu).

Các thành viên tham gia cuộc họp Ủy ban bằng hình thức trực tiếp hoặc ủy quyền tham dự, đảm bảo đủ số lượng các Thành viên trong mỗi cuộc họp.

CÁC CUỘC HỌP CỦA ỦY BAN QUẢN LÝ RỦI RO TRONG NĂM 2025

STT	Ngày họp	Nội dung chính	Kết quả
1	Quý I/2025	• Báo cáo định kỳ Hồ sơ rủi ro Quý IV/2024 & Kịch bản Stress test thanh khoản • Báo cáo rà soát Khẩu vị rủi ro và CS QLRR cấp HĐQT • Báo cáo Phương án can thiệp sớm theo Luật TCTD • Báo cáo về các văn bản cấp Hội đồng quản trị	Được thông qua
2	Quý II/2025	• Báo cáo định kỳ Hồ sơ rủi ro Quý I/2025 & Kịch bản Stress test thanh khoản • Báo cáo Chuyên đề lộ trình triển khai Basel III • Báo cáo kết quả dự án ESG	Được thông qua
3	Quý III/2025	• Báo cáo định kỳ Hồ sơ rủi ro Quý II/2025 & Kịch bản Stress test thanh khoản • Báo cáo Basel III • Báo cáo bộ chỉ tiêu CTTV	Được thông qua
4	Quý IV/2025	• Báo cáo định kỳ Hồ sơ rủi ro Quý III/2025 & Kịch bản Stress test thanh khoản • Báo cáo rủi ro công nghệ liên quan đến bên thứ 3 • Báo cáo Chuyên đề trái phiếu doanh nghiệp • Báo cáo kiểm toán ECL • Báo cáo quản lý rủi ro của MBV • Báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ Chuyên đề chất lượng tín dụng KHCN và SME	Được thông qua

Thành viên, cơ cấu và hoạt động Ủy ban Công nghệ và chuyển đổi số

Họ và tên	Chức vụ
Vũ Thành Trung	Chủ nhiệm Ủy ban
Vũ Thị Hải Phượng	Thành viên Ủy ban
Phạm Như Ánh	Thành viên Ủy ban
Phạm Doãn Cương	Thành viên Ủy ban
Vũ Xuân Nam	Thành viên Ủy ban
Phạm Thị Trung Hà	Thành viên Ủy ban
Nguyễn Xuân Học	Thành viên Ủy ban
Phạm Thị Quỳnh	Thành viên không có quyền biểu quyết

Nhiệm vụ chính của Ủy ban Công nghệ và Chuyển đổi số bao gồm xem xét các định hướng hoạt động của Ngân hàng, thực hiện đánh giá và rà soát các dự án công nghệ đang triển khai.

Trong năm 2025, Ủy ban Công nghệ và Chuyển đổi số đã tổ chức 02 cuộc họp, xem xét rà soát, đánh giá và định hướng các dự án công nghệ trọng điểm.

Các thành viên tham gia cuộc họp Ủy ban bằng hình thức trực tiếp hoặc ủy quyền tham dự, đảm bảo đủ số lượng các Thành viên trong mỗi cuộc họp.

CÁC CUỘC HỌP CỦA ỦY BAN CÔNG NGHỆ VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG NĂM 2025

STT	Ngày họp	Nội dung chính	Kết quả
1	Quý II/2025	Xem xét các định hướng hoạt động của Ngân hàng, thực hiện đánh giá và rà soát các dự án công nghệ đang triển khai	Được thông qua
2	Quý IV/2025	Xem xét các định hướng hoạt động của Ngân hàng, thực hiện đánh giá và rà soát các dự án công nghệ đang triển khai và định hướng kế hoạch các Dự án trọng điểm năm 2026	Được thông qua

Thành viên, cơ cấu và hoạt động của Hội đồng điều phối Tập đoàn (GCC)

Họ và tên	Chức vụ
Lưu Trung Thái - CT HĐQT	Chủ tịch Hội đồng
Phạm Như Ánh - TV HĐQT, TGĐ	Thành viên Hội đồng
Vũ Thị Hải Phượng - Phó CT HĐQT	Thành viên Hội đồng
Vũ Thành Trung - Phó CT HĐQT	Thành viên Hội đồng
Lê Viết Hải - Thành viên HĐQT	Thành viên Hội đồng
Trần Minh Đạt - PTGĐ	Thành viên Hội đồng
Phạm Thị Trung Hà - PTGĐ	Thành viên Hội đồng
Nguyễn Xuân Học - PTGĐ	Thành viên Hội đồng
Nguyễn Thị Thanh Nga - GĐ Tài chính	Thành viên Hội đồng
Các Công ty thành viên MB: - Chủ tịch HĐQT/HĐTV các Công ty; - Tổng Giám đốc/Chủ tịch Ủy ban Điều hành Công ty	Thành viên Hội đồng
Các cơ quan chuyên môn	

Trong năm 2025, Hội đồng điều phối Tập đoàn (GCC) thúc đẩy triển khai các giải pháp chiến lược, tăng cường Hiệp lực Tập đoàn - khai thác hiệu quả hệ sinh thái, góp phần cải thiện tích cực kết quả hoạt động CTTV (LNTT các công ty đạt 106% kế hoạch, đóng góp ~9% LN Tập đoàn – cơ bản hoàn thành mức kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao).

CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG ĐIỀU PHỐI TẬP ĐOÀN TRONG NĂM 2025

STT	Ngày họp	Nội dung chính	Kết quả
1	Quý I/2025	Họp định kỳ 1 cuộc về kết quả hoạt động tập đoàn, các CTTV năm 2024, tháng 1.2025 – định hướng hoạt động quý I.2025 (tập trung thực hiện các giải pháp giải quyết các vấn đề phát hiện trong năm 2024 và tháng 1.2025)	Được thông qua
2	Quý II/2025	Họp định kỳ 2 cuộc về kết quả hoạt động tập đoàn, các CTTV quý I, II.2025 – định hướng hoạt động quý III.2025 (tập trung thực hiện các giải pháp giải quyết các vấn đề phát hiện trước đó)	Được thông qua
3	Quý III/2025	Họp định kỳ 2 cuộc về kết quả hoạt động tập đoàn, các CTTV 6 tháng và 9 tháng 2025 – định hướng hoạt động quý IV.2025 (tập trung thực hiện các giải pháp giải quyết các vấn đề phát hiện trước đó)	Được thông qua
4	Quý IV/2025	Tổ chức các phiên họp GCC quy mô nhỏ (Chủ tịch HĐQT, các Phó Chủ tịch HĐQT và TGĐ MB với Người đại diện đầu mối từng CTTV và Lãnh đạo các cơ quan quản lý tập đoàn MB) để xem xét, định hướng Kế hoạch 2026 của từng công ty.	Được thông qua

Hội đồng điều phối Tập đoàn (GCC)

Điều phối và thúc đẩy hoạt động quản trị tập đoàn, giám sát và thúc đẩy thực thi Chiến lược, Sáng kiến, Kế hoạch kinh doanh, đảm bảo phát triển nhanh và bền vững MB và các CTTV; phát hiện các vấn đề cần cải thiện và điều phối, thúc đẩy việc triển khai các giải pháp đối với Tập đoàn (MB, MB và các CTTV, giữa các CTTV) để giải quyết các vấn đề được phát hiện.

Định hướng hoạt động của các Ủy ban trong năm 2026

Ủy ban quản trị cấp cao

Tiếp tục thực hiện vai trò tham mưu và tư vấn chuyên sâu cho Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Chủ tịch HĐQT trong các vấn đề thuộc phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của HĐQT. Ủy ban đồng thời hỗ trợ HĐQT trong việc xử lý kịp thời các nội dung quản trị trọng yếu và giám sát hoạt động của đội ngũ quản lý cấp cao.

Ủy ban Quản lý rủi ro

- Đẩy mạnh, nâng cao vai trò tham mưu HĐQT về hệ thống QLRR và hệ thống Quản lý tuân thủ của MB, hướng tới thông lệ Quốc tế về QLRR, Quản lý tuân thủ.
- Giúp việc HĐQT thực hiện giám sát của quản lý cấp cao về hệ thống kiểm soát nội bộ, hệ thống QLRR và hệ thống Quản lý tuân thủ, đảm bảo triển khai hiệu quả các biện pháp phòng ngừa rủi ro, ứng phó kịp thời và duy trì hoạt động kinh doanh an toàn trước những biến động của nền kinh tế.

Ủy ban Nhân sự

- Định hướng mô hình tổ chức, cơ cấu nguồn lực hợp lý, tối đa hóa hiệu suất sử dụng nguồn lực chung của tập đoàn và tăng kết nối giữa nguồn lực MB - các Công ty thành viên.
- Tham mưu, tư vấn về công tác quy hoạch cán bộ?, đánh giá chất lượng nhân sự, luân chuyển/bổ nhiệm cán bộ các chức danh thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của HĐQT. Chủ trì Hội đồng tuyển dụng các chức danh thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của HĐQT, Chủ tịch HĐQT.
- Phát hiện, thu hút và phát triển nguồn lực cấp cao trong nội bộ và bên ngoài. Cố vấn, kèm cặp nhân sự tiềm năng.
- Truyền thông, chia sẻ định hướng chiến lược, năng lực chiến lược và năng lực dẫn dắt tổ chức, văn hóa MB - Tập đoàn, các chương trình tạo động lực, gắn kết đội ngũ cho CBQL cấp trung trở lên.

Ủy ban Công nghệ & Chuyển đổi số

- Tiếp tục tham mưu cho HĐQT trong việc chỉ đạo, giám sát triển khai các sáng kiến dự án chuyển đổi số về công nghệ; định hướng đầu tư, triển khai các dự án công nghệ trọng điểm; tối ưu hóa việc khai thác/sử dụng các công nghệ nhằm nâng cao năng lực công nghệ lõi của MB, hướng tới mục tiêu trở thành "Doanh nghiệp số, Tập đoàn tài chính dẫn đầu".
- Tham mưu cho HĐQT xây dựng, hoàn thiện các cơ chế, chính sách trọng yếu trong hoạt động CNTT và nâng cao năng lực đội ngũ CNTT nhằm đáp ứng với sự thay đổi mạnh mẽ trong môi trường kinh doanh và xu hướng chuyển đổi số.

Hội đồng điều phối Tập đoàn (GCC)

Tiếp tục điều phối và thúc đẩy hoạt động quản trị tập đoàn, giám sát và thúc đẩy thực thi Chiến lược, Sáng kiến, Kế hoạch kinh doanh, đảm bảo phát triển nhanh và bền vững MB và các CTTV; phát hiện các vấn đề cần cải thiện và điều phối, thúc đẩy việc triển khai các giải pháp đối với Tập đoàn (MB, MB và các CTTV, giữa các CTTV) để giải quyết các vấn đề được phát hiện.

Hoạt động của người phụ trách Quản trị công ty

Căn cứ theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ MB, Quy chế Quản trị nội bộ, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT và Văn bản số 632/TB-MB-HĐQT ngày 26/07/2024 Thông báo thay đổi nhân sự v.v Bổ nhiệm Người phụ trách Quản trị Công ty, trong năm 2025, Người phụ trách Quản trị công ty (NPTQTCT) là Ông Nguyễn Ngọc Thành - Chánh văn phòng HĐQT theo quyết định của HĐQT qua từng thời kỳ là người tham mưu, hỗ trợ HĐQT trong các hoạt động của HĐQT và trong công tác quản trị công ty.

Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách Quản trị công ty theo quy định pháp luật và Quy định nội bộ của MB gồm:

- Hỗ trợ HĐQT xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông, việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính
- Hỗ trợ TV HĐQT trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao
- Hỗ trợ HĐQT trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty
- Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, HĐQT, ghi chép các biên bản họp
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quyết định của HĐQT từng thời kì

Hoạt động của Người phụ trách Quản trị công ty trong năm 2025

- Chủ trì tổ chức hoạt động thư ký công ty, công tác trợ lý, tham mưu, giúp việc của văn phòng HĐQT
- Chủ trì công tác chiến lược và hoạt động quan hệ nhà đầu tư, công bố thông tin, chủ trì thiết lập và giám sát triển khai thực hiện chế độ thông tin báo cáo/thực hiện nghị quyết với HĐQT, BKS
- Chủ trì tổ chức truyền thông định hướng và chính sách, hoạt động của HĐQT/BKS trong và ngoài MB
- Chủ trì giám sát công tác truyền thông tập đoàn và quan hệ công chúng theo đúng chủ trương chính sách, định hướng của HĐQT về tập đoàn
- Chỉ đạo và quản lý luồng giải quyết các hồ sơ trình HĐQT

Các chương trình phát triển năng lực của HĐQT

STT	Tên chương trình	Thành phần tham gia	Số lượng nhân sự tham gia	Nội dung chương trình
1	Chương trình Đào tạo Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp	Thành viên HĐQT, Ban điều hành, Ban kiểm soát	23	Tư duy quản trị chiến lược, triển khai chiến lược theo thông lệ tốt.
2	Hội thảo Triển vọng và nhận định kinh tế năm 2026	Thành viên HĐQT, Ban điều hành, Ban kiểm soát	32	Triển vọng kinh tế Châu Á và tác động vào kinh tế Việt Nam 2026; điều hành chính sách tiền tệ, tác động tới lãi suất và tỷ giá.
3	Tư duy lại lãnh đạo trong kỷ nguyên mới	Thành viên HĐQT, Ban điều hành, Ban kiểm soát	23	Nâng tầm quản trị với quản trị bằng văn hóa; Tư duy lãnh đạo kế nhiệm và công tác phát hiện, phát triển lãnh đạo kế nhiệm trong kỷ nguyên mới.

Toàn bộ các Thành viên Hội đồng Quản trị đã được đào tạo về Quản trị Công ty nhằm đảm bảo hoạt động hiệu quả của một Hội đồng Quản trị có năng lực và chuyên nghiệp.

Ban Kiểm soát

Tổ chức hoạt động của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát (BKS) là cơ quan do ĐHĐCĐ bầu ra, thực hiện giám sát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ của MB, Điều lệ, Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.

BKS đã tổ chức 07 phiên họp theo quy định để thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của BKS theo yêu cầu/nhiệm vụ, tập trung vào: (i) Tổ chức, kiện toàn hoạt động và thực hiện nhiệm vụ của BKS theo quy định; (ii) Xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động của BKS năm/quý/tháng; (iii) Kết quả thực hiện nhiệm vụ của các thành viên BKS; (iv) Công tác chỉ đạo/định hướng và giám sát cấp cao đối với KTNB MB; (v) Giám sát cấp cao đối với người đại diện MB là Trưởng BKS/KSV/Chủ tịch UBKT tại các CTTV. Các Thành viên BKS tham gia đầy đủ/phù hợp và hoàn thành tốt các nhiệm vụ theo phân công.

BKS tổ chức lấy ý kiến các nội dung thuộc thẩm quyền theo quy định như: giám sát thực trạng tài chính, thẩm định BCTC định kỳ; công tác nhân sự KTNB; kiện toàn QĐNB cấp BKS; …

BKS tổ chức các chương trình làm việc/thảo luận với đơn vị kiểm toán độc lập về kiểm toán BCTC MB; tổ chức và tham gia các chương trình hội thảo/trao đổi với các đối tác trong và ngoài nước về các thông lệ tốt trong quản trị, điều hành doanh nghiệp/chuyển đổi số/hoạt động kiểm soát/kiểm toán nội bộ.

Phối hợp hiệu quả với HĐQT, Ban Điều hành (BĐH) trong việc tổ chức, triển khai hoạt động/nhiệm vụ của BKS, KTNB.

STT	Ngày họp	Nội dung chính	Kết quả
1	Quý I/2025	Họp thông qua báo cáo kết quả hoạt động BKS năm 2024, đánh giá kết quả thực hiện của Thành viên BKS năm 2024, kế hoạch 2025 và nhiệm vụ quý 1/2025; kết quả hoạt động của CQ KTNB năm 2024, kế hoạch năm 2025; tổ chức hoạt động Bộ phận giúp việc BKS; giám sát cấp cao đối với người đại diện MB là Trưởng BKS/ KSV/ Chủ tịch UBKT tại các CTTV quý 4/2024, kế hoạch quý 1/2025.	Biên bản họp được thông qua
2	Quý I/2025	Họp thông qua kế hoạch về chuyển đổi số trong hoạt động KTNB (Xây dựng hệ thống core KTNB) và BKS	Biên bản họp được thông qua
3	Quý II/2025	Họp thông qua báo cáo kết quả hoạt động BKS quý 1/2025 và nhiệm vụ quý 2/2025; kết quả hoạt động của CQ KTNB quý 1/2025, kế hoạch quý 2/2025; giám sát cấp cao đối với người đại diện MB là Trưởng BKS/ KSV/ Chủ tịch UBKT tại các CTTV quý 1/2025, kế hoạch quý 2/2025.	Biên bản họp được thông qua
4	Quý II/2025	Họp thông qua báo cáo kết quả hoạt động CQ KTNB 06 tháng đầu năm 2025, kế hoạch quý 3/2025.	Biên bản họp được thông qua
5	Quý III/2025	Họp thông qua báo cáo kết quả hoạt động BKS quý 2/2025 và nhiệm vụ quý 3/2025; giám sát cấp cao đối với người đại diện MB là Trưởng BKS/ KSV/ Chủ tịch UBKT tại các CTTV quý 2/2025, kế hoạch quý 3/2025.	Biên bản họp được thông qua
6	Quý IV/2025	Họp thông qua báo cáo kết quả hoạt động BKS quý 3/2025 và nhiệm vụ quý 4/2025; giám sát cấp cao đối với Trưởng BKS/ KSV/ Chủ tịch UBKT các CTTV quý 3/2025, kế hoạch quý 4/2025.	Biên bản họp được thông qua
7	Quý IV/2025	Họp thông qua kết quả hoạt động của CQ KTNB quý 3/2025, kế hoạch quý 4/2025	Biên bản họp được thông qua

Kết quả thực hiện nhiệm vụ của Ban Kiểm soát năm 2025

Ban Kiểm soát (BKS) đã hoàn thành tốt kế hoạch năm 2025, thực hiện nhiệm vụ giám sát hoạt động kinh doanh, quản trị, điều hành, thực thi chiến lược và các nhiệm vụ khác phù hợp quy định của Pháp luật, Điều lệ MB và Nghị quyết của ĐHĐCĐ. Công tác giám sát được triển khai toàn diện, kịp thời, các nội dung giám sát tập trung vào: (i) Giám sát hoạt động của MB và kết quả hoạt động CTTV theo QĐPL/QĐNB/Điều lệ/Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) Hội đồng quản trị (HĐQT); (ii) Giám sát triển khai chiến lược, kế hoạch kinh doanh; (iii) Giám sát tình hình triển khai các dự án trọng điểm, dự án đầu tư mua bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ/HĐQT; (iv) Giám sát thực trạng tài chính, thẩm định báo cáo tài chính (BCTC) năm 2024 và 06 tháng đầu năm 2025 của riêng MB; (v) Giám sát các hoạt động quản lý rủi ro, việc chấp hành quy định của Luật các TCTD về các hạn chế để đảm bảo an toàn trong hoạt động của MB; (vi) Giám sát của quản lý cấp cao (QLCC) đối với Cơ quan Kiểm toán nội bộ (KTNB) trong triển khai chiến lược KTNB giai đoạn 2022-2026 và triển khai kế hoạch hoạt động KTNB năm 2025; … Kết quả giám sát cho thấy: Kết quả kinh doanh năm 2025 hoàn thành tốt/vượt mục tiêu kế hoạch, các chỉ tiêu quy mô và hiệu quả có sự tăng trưởng tốt so với thị trường; xét trên khía cạnh trọng yếu, BCTC của MB phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của ngân hàng; MB tuân thủ các quy định về chỉ tiêu giới hạn đảm bảo an toàn theo quy định của pháp luật; Kiểm toán nội bộ MB hoàn thành kế hoạch KTNB năm 2025; các đơn vị đã tiếp thu, tích cực chỉnh sửa các kiến nghị của Cơ quan quản lý, BKS và KTNB.

BKS tham gia/tổ chức các chương trình làm việc/thảo luận với đơn vị kiểm toán độc lập/các đối tác/chuyên gia trong và ngoài nước để trao đổi/chia sẻ về các thông lệ tốt trong quản trị, điều hành doanh nghiệp/chuyển đổi số/hoạt động kiểm soát/kiểm toán nội bộ.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với HĐQT, Tổng Giám đốc/Ban Điều hành/các đơn vị/cá nhân có liên quan

BKS đã phối hợp tốt với HĐQT/TGĐ/BĐH/các đơn vị/cá nhân có liên quan trong triển khai nhiệm vụ của BKS theo quy định pháp luật và quy định nội bộ với một số nội dung như sau:

- BKS thống nhất cơ chế giám sát/phối hợp với HĐQT/TGĐ/BĐH/các đơn vị/cá nhân liên quan (bao gồm cổ đông) trong triển khai nhiệm vụ theo quy định. Trao đổi và làm việc với HĐQT/TGĐ/BĐH về kế hoạch hoạt động của BKS, KTNB hàng năm; làm việc với Công ty kiểm toán độc lập về công tác kiểm toán BCTC MB. HĐQT/TGĐ/BĐH/các đơn vị liên quan đã phối hợp BKS trong công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, luân chuyển nhân sự và triển khai giải pháp chiến lược của Cơ quan KTNB về chuyển đổi số, tạo điều kiện thuận lợi để BKS thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ khác.

- BKS/Thành viên BKS tham dự các cuộc họp của HĐQT, các Ủy ban thuộc HĐQT, Chủ tịch HĐQT, BĐH và đóng góp ý kiến độc lập khách quan các nội dung/giao dịch thuộc thẩm quyền HĐQT/Chủ tịch HĐQT. Đồng thời, cho ý kiến/tư vấn đối với HĐQT trong phê duyệt các quyết định thuộc thẩm quyền; kiện toàn hệ thống kiểm soát nội bộ, triển khai chiến lược, nâng cao năng lực quản lý rủi ro; quản trị tài chính và hiệu quả hoạt động của MB. Các kiến nghị/tư vấn của BKS được HĐQT/TGĐ/BĐH tiếp thu và chỉ đạo các đơn vị nghiêm túc triển khai.

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, BĐH và cổ đông

Năm 2025, BKS thực hiện nhiệm vụ giám sát hoạt động quản trị, điều hành theo quy định pháp luật (QĐPL), Điều lệ MB và Nghị quyết của ĐHĐCĐ. Kết quả giám sát cho thấy:

➤ HĐQT MB đã triển khai nhiệm vụ và thực hiện giám sát của quản lý cấp cao (QLCC) trên cơ sở QĐPL, Điều lệ, quy định nội bộ (QĐNB), Quyết nghị của ĐHĐCĐ MB về: tình hình thực thi chiến lược 2022 - 2026, kết quả hoạt động và giải pháp kinh doanh của MB và Công ty thành viên (CTTV); chỉ đạo thực hiện quyết liệt các Quyết nghị của ĐHĐCĐ; định hướng chỉ đạo triển khai các dự án trọng điểm/công tác chuyển đổi số; phê duyệt các dự án đầu tư mua bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền HĐQT (bao gồm giao dịch giữa MB và người có liên quan); triển khai hoạt động quản trị doanh nghiệp khác theo chức năng, nhiệm vụ, thông lệ tiên tiến đảm bảo hoạt động Ngân hàng có sự tăng trưởng ổn định, bền vững, hiệu quả. Những nội dung chính như sau:

  - Chỉ đạo chuẩn bị và tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 tại MB và các CTTV (MBS, MBCap, MIC); kiện toàn nhân sự lãnh đạo cấp cao, cơ chế quản trị điều hành của MB với các CTTV; tăng năng lực quản trị điều hành, kết quả kinh doanh tại CTTV.

  - Chỉ đạo triển khai và hoàn thành Nghị quyết ĐHĐCĐ MB năm 2025, tập trung vào: (i) các phương án tăng vốn điều lệ/chi trả cổ tức; (ii) tiếp tục triển khai đề án nhận chuyển giao bắt buộc 01 TCTD theo phê duyệt; (iii) thông qua chủ trương đầu tư xây dựng trụ sở/mở rộng nhận diện thương hiệu tại một số thị trường quốc tế tiềm năng/định hướng triển khai các lĩnh vực kinh doanh mới; định hướng quy hoạch, phát triển mạng lưới theo hướng chuyển đổi số, quản lý và tăng hiệu quả hoạt động hệ thống mạng lưới;…

  - Chỉ đạo, định hướng thực hiện hoàn thành kế hoạch năm 2025, tiếp tục đẩy mạnh triển khai chiến lược 2022 - 2026 của MB và các CTTV bám sát kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua: thông qua chiến lược MB bổ sung ESG giai đoạn 2022 - 2026, định hướng đến 2030; thông qua phương án tăng vốn điều lệ của CTTV; Phê duyệt ban hành mới/sửa đổi một số quy chế quản trị nội bộ quan trọng của MB phù hợp QĐPL và yêu cầu quản trị nội bộ về các hoạt động: tín dụng, quản lý rủi ro, quản lý hệ thống mạng lưới, quản lý tài chính,… Ban hành/cập nhật quy chế tổ chức và hoạt động một số Ủy ban trực thuộc HĐQT; Phê duyệt các phương án kinh doanh/giao dịch thuộc thẩm quyền của HĐQT.

  - Chỉ đạo và giám sát cấp cao với Tổng Giám đốc (TGĐ) trong việc: thực hiện các chỉ đạo của Cơ quan quản lý (CQQL) Nhà nước, nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết/chỉ đạo của HĐQT về thực hiện các giải pháp an toàn hoạt động, triển khai chiến lược, kế hoạch (bao gồm kế hoạch tài chính) đảm bảo kinh doanh liên tục/phát triển bền vững.

➤ Bám sát các chỉ đạo của HĐQT, chiến lược MB 2022 - 2026 và kế hoạch năm 2025, BĐH đã tích cực chủ động thực thi kế hoạch kinh doanh, tập trung vào:

  - Chỉ đạo triển khai các dự án trọng điểm nhằm tối ưu nguồn lực toàn hệ thống, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động; thúc đẩy tăng trưởng tín dụng, chú trọng chất lượng danh mục; tăng cường thu hồi nợ xấu; triển khai các giải pháp thúc đẩy huy động vốn phù hợp với tăng trưởng tín dụng, đẩy mạnh nguồn vốn Casa và tối ưu chi phí vốn; tăng cường chuyển đổi số toàn diện, tối ưu trải nghiệm khách hàng, đẩy mạnh giao dịch/tăng doanh thu trên kênh số; rà soát, quy hoạch hệ thống mạng lưới theo định hướng chiến lược kinh doanh và phù hợp với việc sắp xếp lại địa giới hành chính tại các địa phương; thực hiện các kiến nghị/lưu ý của CQQL Nhà nước/BKS; triển khai các chương trình an sinh xã hội;… Kết quả kinh doanh năm 2025, MB hoàn thành tốt/vượt mục tiêu kế hoạch, các chỉ tiêu quy mô và hiệu quả có sự tăng trưởng tốt so với thị trường.

  - Bên cạnh nỗ lực triển khai thực thi chiến lược và kế hoạch năm 2025, đẩy mạnh triển khai/ứng dụng kết quả các dự án chiến lược, các hoạt động vận hành/quản lý, công tác quản trị rủi ro, kiểm tra/kiểm soát/kiểm toán nội bộ (KTNB), an ninh an toàn hệ thống được chú trọng và tăng cường nhằm giúp MB hoạt động an toàn, ổn định, hiệu quả.

➤ Hoạt động liên quan đến cổ đông và ĐHĐCĐ được thực hiện phù hợp quy định đảm bảo tính minh bạch và quyền lợi cổ đông như: việc cung cấp thông tin và công bố thông tin đầy đủ, đúng hạn; việc tiến hành ĐHĐCĐ đảm bảo điều kiện, quy trình biểu quyết/kiểm phiếu đảm bảo minh bạch; HĐQT và BĐH triển khai nghị quyết ĐHĐCĐ theo đúng định hướng; giao dịch với cổ đông lớn và bên liên quan được kiểm soát thông qua QĐNB; cơ cấu và giới hạn sở hữu của cổ đông được thực hiện theo QĐPL và Điều lệ MB.

➤ Năm 2025, MB vinh dự nhận được nhiều giải thưởng cao quý như: Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng Nhất; Huân chương Lao động hạng Ba; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; Cờ thi đua của Bộ Quốc phòng; Giải "Doanh nghiệp chuyển đổi số xuất sắc" tại Vietnam Digital Awards 2025; Giải Sao Khuê 2025; Giải "Best Bank for ESG Vietnam 2025" từ Global Banking & Finance Review; Lần thứ 4 nhận giải thưởng "Nhà đầu tư yêu thích nhất" tại IR Awards 2025;…

Định hướng hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2026

Năm 2026, định hướng hoạt động của BKS MB tiếp tục kiện toàn, nâng cao vai trò của BKS, Kiểm toán nội bộ (KTNB) tại MB và Công ty thành viên (CTTV), góp phần vào sự phát triển bền vững của MB; Tăng cường chuyển đổi số và ứng dụng các chuẩn mực/thông lệ tiên tiến trong hoạt động kiểm soát, kiểm toán tại MB và CTTV.

Kế hoạch hoạt động của BKS năm 2026 tập trung vào các nhiệm vụ chính gồm: (i) Kiện toàn hoạt động giám sát, KTNB tại MB và CTTV; (ii) Giám sát hoạt động quản trị, điều hành trong việc thực hiện QĐPL, QĐNB, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT; (iii) Giám sát triển khai và kết quả triển khai Chiến lược MB giai đoạn 2022-2026, định hướng giai đoạn mới; giám sát thực hiện kế hoạch tài chính, kinh doanh trong hoạt động ngân hàng, trong đó chú trọng vào: hoạt động chuyển đổi số, xây dựng/triển khai sản phẩm mới/ lĩnh vực/ mô hình kinh doanh mới; giám sát kết quả kinh doanh các CTTV; (iv) Giám sát thực trạng tài chính, thẩm định BCTC 6 tháng đầu năm, hàng năm của MB theo quy định; (v) Giám sát việc chấp hành về các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của MB theo quy định; … và thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định.

Hoạt động Kiểm soát nội bộ và Tuân thủ

Tại MB, việc kiểm tra, giám sát tuân thủ được thực hiện bởi các đơn vị thuộc ba vòng bảo vệ, phạm vi kiểm tra giám sát được thống nhất đảm bảo không chồng chéo. MB tiếp tục bám sát định hướng giám sát diện rộng, kiểm tra trọng tâm, trọng điểm, thực hiện giám sát tuân thủ thông qua hệ thống, áp dụng công nghệ mô hình, kịch bản nhằm cảnh báo sớm, phát hiện kịp thời rủi ro phù hợp chuyển dịch số của MB.

Năm 2025, hoạt động kiểm tra, giám sát được tổ chức và triển khai theo đúng kế hoạch phê duyệt. Kiểm tra, giám sát thực hiện dựa theo rủi ro và đảm bảo tính toàn diện đến các đơn vị, hoạt động, quy trình. Kết quả kiểm tra, giám sát cho thấy về cơ bản MB tuân thủ quy định của Pháp luật, Ngân hàng Nhà nước và quy định nội bộ. 100% các phát hiện được chuyển đến đơn vị có liên quan để khắc phục tối đa các vi phạm. Toàn bộ CBNV vi phạm sẽ được xử lý theo quy định (nếu có).

Bên cạnh đó, để tăng cường hiệu quả hoạt động quản lý tuân thủ, năm 2025 MB tăng cường ban hành các bản tin, cảnh báo rủi ro tuân thủ tới các đơn vị.

Trong năm 2026, ngoài việc tiếp tục bám sát định hướng mở rộng phạm vi và áp dụng công nghệ trong kiểm tra, giám sát, MB triển khai các chương trình đào tạo tuân thủ theo chức danh, đưa chương trình đào tạo tuân thủ thành chương trình đào tạo bắt buộc với một số chức danh nhằm nâng cao văn hóa tuân thủ chủ động.

Hoạt động của Kiểm toán nội bộ

Vị trí, chức năng

Tại MB, Cơ quan Kiểm toán nội bộ được tổ chức là đơn vị ngang Khối tại Hội sở, trực thuộc và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Kiểm soát, thực hiện chế độ báo cáo trực tiếp lên Ban Kiểm soát theo đúng quy định của pháp luật và quy định nội bộ của MB. Với vai trò là tuyến bảo vệ thứ ba trong mô hình ba tuyến bảo vệ, Cơ quan Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát và đánh giá độc lập, khách quan về tính thích hợp và mức độ tuân thủ các cơ chế, chính sách, quy trình và quy định nội bộ; trên cơ sở đó đưa ra các kiến nghị và khuyến nghị tư vấn nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hệ thống quản trị, quy trình và quy định, góp phần bảo đảm MB hoạt động an toàn, hiệu quả và đúng pháp luật.

Bên cạnh chức năng kiểm toán và tư vấn, Cơ quan Kiểm toán nội bộ còn thực hiện chức năng tham mưu và giúp việc cho Ban Kiểm soát, đồng thời hỗ trợ công tác quản lý kiểm toán nội bộ trong phạm vi Tập đoàn theo quy định.

Nguyên tắc hoạt động

Hoạt động của Kiểm toán nội bộ được triển khai trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc độc lập, khách quan, chuyên nghiệp và kiểm soát xung đột lợi ích theo quy định của pháp luật. Kiểm toán nội bộ bảo đảm tính độc lập trong tổ chức và hoạt động; không chịu bất kỳ sự can thiệp, chi phối nào trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, đưa ra đánh giá và lập báo cáo kiểm toán.

Kiểm toán viên nội bộ không đồng thời đảm nhận các công việc thuộc tuyến bảo vệ thứ nhất hoặc tuyến bảo vệ thứ hai, qua đó bảo đảm sự tách bạch chức năng và phòng ngừa xung đột lợi ích. Mọi ghi nhận, kết luận trong báo cáo kiểm toán nội bộ đều được phân tích thận trọng, dựa trên dữ liệu và thông tin thu thập được trong quá trình kiểm toán, bảo đảm tính trung thực, khách quan và có cơ sở.

Bên cạnh đó, kiểm toán viên nội bộ phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn chuyên môn và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp theo quy định; tuân thủ pháp luật và quy định nội bộ của MB, đồng thời chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thực hiện nhiệm vụ trong phạm vi được phân công.

Phương pháp kiểm toán

Phương pháp kiểm toán nội bộ tại MB được triển khai theo cách tiếp cận dựa trên rủi ro, tập trung ưu tiên nguồn lực đối với các lĩnh vực, hoạt động và đơn vị có mức độ rủi ro và tính trọng yếu cao, bảo đảm phù hợp với khẩu vị rủi ro và yêu cầu quản trị của Ngân hàng. Song song với đó, Kiểm toán nội bộ từng bước áp dụng các phương pháp và công cụ kiểm toán hiện đại như kiểm toán theo phương pháp Agile, kiểm toán/giám sát liên tục dựa trên dữ liệu, qua đó nâng cao tính linh hoạt, kịp thời và hiệu quả trong việc nhận diện, cảnh báo và xử lý rủi ro, phù hợp với định hướng chuyển đổi số và nâng cao năng lực quản trị của MB.

Hoạt động Kiểm toán nội bộ năm 2025

Trong năm 2025, Cơ quan Kiểm toán nội bộ triển khai kế hoạch kiểm toán trên cơ sở kết quả đánh giá rủi ro, bảo đảm bao phủ toàn diện các lĩnh vực hoạt động trọng yếu, rủi ro cao tại Ngân hàng và các công ty thành viên, đồng thời thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo yêu cầu của Ban Kiểm soát. Nội dung và phạm vi kiểm toán, kiểm tra, rà soát tập trung vào đánh giá tính hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ; kết quả/hiệu quả trong hoạt động/đơn vị/danh mục khách hàng/sản phẩm được chọn mẫu kiểm toán; kiểm toán tài chính/thẩm định báo cáo tài chính; tình hình tuân thủ quy định pháp luật, quy định nội bộ tại đơn vị/hoạt động được kiểm toán. Ngoài ra, Cơ quan Kiểm toán nội bộ còn thực hiện các chương trình tham mưu/tư vấn theo yêu cầu của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, đồng thời triển khai kịp thời các yêu cầu kiểm tra, rà soát của các cơ quan quản lý.

Chất lượng tham mưu, tư vấn tiếp tục được duy trì và phát huy, kết quả kiểm toán giúp MB kiện toàn hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro, các kiến nghị tư vấn được Ban lãnh đạo, các đơn vị ghi nhận, đánh giá cao và tích cực chỉnh sửa, qua đó góp phần tăng doanh thu, tối ưu chi phí, nâng cao hiệu quả hoạt động quản trị điều hành tại MB.

Định hướng hoạt động kiểm toán nội bộ năm 2026

Bước sang năm 2026, Cơ quan Kiểm toán nội bộ tiếp tục cung cấp dịch vụ đảm bảo và tư vấn độc lập theo định hướng rủi ro, tăng cường kiểm toán, giám sát liên tục dựa trên dữ liệu, nâng cao vai trò tư vấn và cảnh báo sớm đối với Ban Lãnh đạo và Ban Kiểm soát, đồng thời bảo đảm hoạt động kiểm toán nội bộ tuân thủ pháp luật và áp dụng các thông lệ tốt. Cơ quan Kiểm toán nội bộ tiếp tục triển khai và hoàn thành các sáng kiến, giải pháp của Chiến lược kiểm toán nội bộ giai đoạn 2022–2026, tập trung kiện toàn hệ thống kiểm toán nội bộ, quy hoạch và phát triển nền tảng dữ liệu Kiểm toán nội bộ, đẩy mạnh chuyển đổi số và tự động hóa trong hoạt động kiểm toán nội bộ; đồng thời hoàn thiện phương pháp luận đánh giá rủi ro kiểm toán, nâng cao chất lượng lập kế hoạch kiểm toán năm dựa trên rủi ro. Kết quả Chiến lược kiểm toán nội bộ giai đoạn 2022–2026 sẽ được đánh giá tổng thể trong năm 2026, làm cơ sở xây dựng Chiến lược kiểm toán nội bộ cho giai đoạn tiếp theo phù hợp với định hướng phát triển của MB và yêu cầu quản trị trong bối cảnh mới.

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

Các Thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban kiểm soát (BKS) được hưởng thù lao, lương, thưởng và các quyền lợi khác trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ và kết quả kinh doanh của Ngân hàng. Việc chi trả thù lao dựa trên kết quả kinh doanh đã được trình xin ý kiến ĐHĐCĐ và được ĐHĐCĐ hàng năm thông qua, đảm bảo tuân thủ Điều lệ MB, quy định nội bộ về chế độ đãi ngộ, các quy định pháp luật liên quan và nằm trong hạn mức quỹ thù lao, ngân sách hoạt động đã được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt hàng năm.

Thù lao của từng Thành viên HĐQT, BKS, TGĐ và người quản lý chủ chốt được công bố minh bạch trong Báo cáo tài chính năm đã kiểm toán của MB. Năm 2025, MB thực hiện chi trả thù lao HĐQT và BKS theo Nghị quyết số 24/NQ-MB-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2025, với tỷ lệ 1,2% lợi nhuận sau thuế. Tiền lương của Ban Điều hành và các chức danh quản lý khác được thực hiện theo Quy chế lương hiện hành của MB.

Thông tin chi tiết được trình bày tại Chương 7 – Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán, Thuyết minh số 46: Giao dịch với các bên liên quan.

Thay đổi về số lượng cổ phiếu của Người nội bộ và Người liên quan trong năm 2025

STT	Họ và tên	Chức vụ tại MB/ Quan hệ với người nội bộ	Số lượng cổ phiếu đầu kỳ (31/12/2024)		Số lượng cổ phiếu cuối kỳ (31/12/2025)		Lý do tăng/giảm (mua, bán, chuyển đổi, trả cổ tức, thưởng, ...)
			Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ/VĐL (%)	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ/VĐL (%)	
1	Lưu Trung Thái	Chủ tịch HĐQT	7.021.308	0,13	10.658.345	0,13	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
2	Lưu Thiều Thu	Người liên quan của người nội bộ	31.891	0,00	48.409	0,00	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
3	Phạm Văn Lời	Người liên quan của người nội bộ	6	0,00	7	0,00	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
4	Lưu Thị Thúy	Người liên quan của người nội bộ	0	0,00	7.000	0,00	Giao dịch cổ phiếu
5	Tống Anh Văn	Người liên quan của người nội bộ	155.256	0,00	235.678	0,00	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
6	Vũ Thị Hải Phượng	Phó Chủ tịch HĐQT, người UQ CBTT	3.762.897	0,07	5.712.076	0,07	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
7	Trần Minh Tuấn	Người liên quan của người nội bộ	43.562	0,00	66.126	0,00	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
8	Trần Vũ Hà Duy	Người liên quan của người nội bộ	18.696	0,00	28.380	0,00	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
9	Trần Hà Linh	Người liên quan của người nội bộ	25.000	0,00	5.022	0,00	• Nhận cổ tức bằng cổ phiếu • Giao dịch cổ phiếu
10	Nguyễn Thị Hải Lý	Phó chủ tịch HĐQT	145.815	0,00	221.346	0,00	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
11	Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel)	Người liên quan của người nội bộ	780.137.989	14,70	1.184.249.466	14,70	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
12	Công ty TNHH nhà nước một thành viên Thương Mại và xuất nhập khẩu VIETTEL (Viettel-Commerce)	Người liên quan của người nội bộ	228.200.095	4,30	346.407.743	4,30	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
13	Vũ Thành Trung	Phó chủ tịch HĐQT	1.078.203	0,02	1.636.711	0,02	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
14	Vũ Văn Quế	Người liên quan của người nội bộ	23.473	0,00	35.630	0,00	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
15	Phạm Như Ánh	TV HĐQT -TGĐ	3.834.738	0,07	5.821.131	0,07	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
16	Lê Thị Hồng Phấn	Người liên quan của người nội bộ	1.431.754	0,03	2.173.401	0,03	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
17	Phạm Như Vân	Người liên quan của người nội bộ	10	0,00	14	0,00	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
18	Ngô Thị Kim Loan	Người liên quan của người nội bộ	1.380	0,00	1.587	0,00	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
19	Nguyễn Thị Thanh Hiền	Người liên quan của người nội bộ	0	0,00	33.260	0,00	• Nhận cổ tức bằng cổ phiếu • Giao dịch cổ phiếu
20	Lê Thị Quỳnh	Người liên quan của người nội bộ	160	0,00	242	0,00	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
21	Lê Viết Hải	Thành viên HĐQT	1.490.647	0,03	2.262.802	0,03	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
22	Vũ Hoàng Yến	Người liên quan của người nội bộ	1	0,00	1	0,00	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
23	Lê Công Sòa	Người liên quan của người nội bộ	47.976	0,00	72.827	0,00	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
24	Hoàng Lan Hương	Người liên quan của người nội bộ	10	0,00	14	0,00	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
25	Lê Thị Hải Yến	Người liên quan của người nội bộ	3.079	0,00	4.672	0,00	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
26	Trần Văn Đức	Người liên quan của người nội bộ	70.479	0,00	81.642	0,00	• Nhận cổ tức bằng cổ phiếu • Giao dịch cổ phiếu

STT	Họ và tên	Chức vụ tại MB/ Quan hệ với người nội bộ	Số lượng cổ phiếu đầu kỳ (31/12/2024)		Số lượng cổ phiếu cuối kỳ (31/12/2025)		Lý do tăng/giảm (mua, bán, chuyển đổi, trả cổ tức, thưởng, ...)
			Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ/VĐL (%)	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ/VĐL (%)	
27	Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Người liên quan của người nội bộ	375.973.254	7,09	570.727.399	7,09	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
28	Vũ Thái Huyền	Thành viên HĐQT	532.210	0,01	807.894	0,01	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
29	Phạm Việt Quân	Người liên quan của người nội bộ	0	0,00	9.500	0,00	Giao dịch cổ phiếu
30	Đào Thu Trang	Người liên quan của người nội bộ	15.176	0,00	14.375	0,00	• Nhận cổ tức bằng cổ phiếu • Giao dịch cổ phiếu
31	Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước- Công ty TNHH (SCIC)	Người liên quan của người nội bộ	521.425.325	9,83	791.523.642	9,83	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
32	Tổng công ty trực thăng Việt Nam-Công ty TNHH	Người liên quan của người nội bộ	427.159.650	8,05	648.428.348	8,05	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
33	Chi nhánh Tổng công ty Trực thăng Việt nam-Công ty TNHH-Cty Trực thăng Miền Nam	Người liên quan của người nội bộ	20.188.769	0,38	30.646.550	0,38	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
34	Nguyễn Lan Thái	Người liên quan của người nội bộ	1	0,00	1	0,00	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
35	Lê Thị Lợi	Trưởng BKS	2.930.517	0,06	4.448.524	0,06	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
36	Hoàng Hà My	Người liên quan của người nội bộ	2.000	0,00	6.000	0,00	• Nhận cổ tức bằng cổ phiếu • Giao dịch cổ phiếu
37	Hoàng Lê Minh	Người liên quan của người nội bộ	2.500	0,00	2.323	0,00	• Nhận cổ tức bằng cổ phiếu • Giao dịch cổ phiếu
38	Lê Xuân Toàn	Người liên quan của người nội bộ	0	0,00	1.000	0,00	• Nhận cổ tức bằng cổ phiếu • Giao dịch cổ phiếu
39	Lê Xuân Linh	Người liên quan của người nội bộ	9.802	0,00	2	0,00	• Nhận cổ tức bằng cổ phiếu • Giao dịch cổ phiếu

STT	Họ và tên	Chức vụ tại MB/ Quan hệ với người nội bộ	Số lượng cổ phiếu đầu kỳ (31/12/2024)		Số lượng cổ phiếu cuối kỳ (31/12/2025)		Lý do tăng/giảm (mua, bán, chuyển đổi, trả cổ tức, thưởng, ...)
			Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ/VĐL (%)	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ/VĐL (%)	
40	Lê Thị Lai	Người liên quan của người nội bộ	1	0,00	1	0,00	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
41	Nguyễn Thị An Bình	Phó trưởng BKS	3.100.041	0,06	4.705.862	0,06	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
42	Tô Thùy Linh	Người liên quan của người nội bộ	3.000	0,00	5.140	0,00	• Nhận cổ tức bằng cổ phiếu • Giao dịch cổ phiếu
43	Nguyễn Thị Nguyệt Hà	Thành viên Ban kiểm soát	245.922	0,00	373.309	0,00	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
44	Trịnh Hữu Thọ	Người liên quan của người nội bộ	221	0,00	10.335	0,00	• Nhận cổ tức bằng cổ phiếu • Giao dịch cổ phiếu
45	Trịnh Hoàng Vũ	Người liên quan của người nội bộ	0	0,00	500	0,00	Giao dịch cổ phiếu
46	Nguyễn Thị Đức	Người liên quan của người nội bộ	22.888	0,00	29.541	0,00	• Nhận cổ tức bằng cổ phiếu • Giao dịch cổ phiếu
47	Đỗ Thị Tuyết Mai	Thành viên Ban kiểm soát	501.705	0,01	761.587	0,01	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
48	Nguyễn Hải	Người liên quan của người nội bộ	331.707	0,01	503.531	0,01	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
49	Đỗ Thị Mai Hương	Người liên quan của người nội bộ	8.075	0,00	75	0,00	• Nhận cổ tức bằng cổ phiếu • Giao dịch cổ phiếu
50	Đỗ Văn Tiến	Thành viên Ban kiểm soát	128.780	0,00	195.488	0,00	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
51	Trần Thị Hiền	Người liên quan của người nội bộ	4	0,00	5	0,00	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
52	Nguyễn Minh Châu	Phó TGĐ	1.664.517	0,03	2.526.736	0,03	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
53	Bùi Thu Hằng	Người liên quan của người nội bộ	4	0,00	5	0,00	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
54	Phạm Thị Trung Hà	Phó TGĐ	2.750.449	0,05	4.119.874	0,05	• Nhận cổ tức bằng cổ phiếu • Giao dịch cổ phiếu
55	Phạm Trần Minh Hằng	Người liên quan của người nội bộ	0	0,00	9.000	0,00	Giao dịch cổ phiếu

STT	Họ và tên	Chức vụ tại MB/ Quan hệ với người nội bộ	Số lượng cổ phiếu đầu kỳ (31/12/2024)		Số lượng cổ phiếu cuối kỳ (31/12/2025)		Lý do tăng/giảm (mua, bán, chuyển đổi, trả cổ tức, thưởng, ...)
			Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ/VĐL (%)	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ/VĐL (%)	
56	Trần Minh Đạt	Phó TGĐ	3.800.868	0,07	5.769.717	0,07	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
57	Lê Quốc Minh	Phó TGĐ	2.137.071	0,04	3.244.072	0,04	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
58	Lê Quốc Bình	Người liên quan của người nội bộ	6.749	0,00	10.244	0,00	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
59	Vũ Thu Thủy	Người liên quan của người nội bộ	690	0,00	1.046	0,00	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
60	Lê Quốc Dũng	Người liên quan của người nội bộ	81.684	0,00	123.995	0,00	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
61	Hà Trọng Khiêm	Phó TGĐ	758.527	0,01	1.151.443	0,01	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
62	Nguyễn Quỳnh Mai	Người liên quan của người nội bộ	996.670	0,02	1.512.944	0,02	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
63	Hà Trọng Khoa	Người liên quan của người nội bộ	32.818	0,00	49.816	0,00	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
64	Nguyễn Như Quỳnh	Người liên quan của người nội bộ	118.026	0,00	179.162	0,00	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
65	Nguyễn Xuân Học	Phó TGĐ	911.520	0,02	1.383.687	0,02	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
66	Nguyễn Thị Ngọc	Thành viên BĐH	1.504.471	0,03	2.283.786	0,03	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
67	Nguyễn Hữu Doanh	Người liên quan của người nội bộ	80.723	0,00	122.536	0,00	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
68	Đỗ Thị Ngọc Bảo	Người liên quan của người nội bộ	206.410	0,00	313.329	0,00	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
69	Nguyễn Hữu Bảo Khánh	Người liên quan của người nội bộ	7.350	0,00	2	0,00	• Nhận cổ tức bằng cổ phiếu • Giao dịch cổ phiếu
70	Công đoàn cơ sở Ngân hàng TMCP Quân đội	Người liên quan của người nội bộ	2.683.719	0,05	4.355.178	0,05	• Nhận cổ tức bằng cổ phiếu • Thu hồi cổ phiếu của CBNV nghỉ việc trước hạn theo quy định
71	Vũ Hồng Phú	Thành viên BĐH	627.702	0,01	952.849	0,01	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
72	Lê Hồng Thanh	Người liên quan của người nội bộ	500	0,00	193	0,00	• Nhận cổ tức bằng cổ phiếu • Giao dịch cổ phiếu

STT	Họ và tên	Chức vụ tại MB/ Quan hệ với người nội bộ	Số lượng cổ phiếu đầu kỳ (31/12/2024)		Số lượng cổ phiếu cuối kỳ (31/12/2025)		Lý do tăng/giảm (mua, bán, chuyển đổi, trả cổ tức, thưởng, ...)
			Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ/VĐL (%)	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ/VĐL (%)	
73	Lê Phương Thảo	Người liên quan của người nội bộ	38	0,00	56	0,00	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
74	Trần Thị Bảo Quế	Thành viên BĐH	2.327.843	0,04	3.576.185	0,04	• Nhận cổ tức bằng cổ phiếu • Giao dịch cổ phiếu
75	Doãn Thị Thịnh	Người liên quan của người nội bộ	419.848	0,01	637.329	0,01	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
76	Trần Đức Việt	Người liên quan của người nội bộ	85.116	0,00	129.205	0,00	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
77	Nguyễn Thị Thủy	Thành viên BĐH	753.902	0,01	760.002	0,01	• Nhận cổ tức bằng cổ phiếu • Giao dịch cổ phiếu
78	Trần Trọng Hương	Người liên quan của người nội bộ	0	0,00	240.000	0,00	Giao dịch cổ phiếu
79	Trần Ngọc Minh	Người liên quan của người nội bộ	50.000	0,00	0	0,00	• Nhận cổ tức bằng cổ phiếu • Giao dịch cổ phiếu
80	Nguyễn Thị Hà	Người liên quan của người nội bộ	49	0,00	73	0,00	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
81	Đặng Thúy Dung	Kế toán trưởng	307.135	0,01	466.230	0,01	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
82	Vũ Thị Tuất	Người liên quan của người nội bộ	230.959	0,00	350.594	0,00	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
83	Đặng Thị Thủy	Người liên quan của người nội bộ	156.316	0,00	237.285	0,00	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
84	Đinh Thành Lê	Người liên quan của người nội bộ	0	0,00	1.000	0,00	Giao dịch cổ phiếu
85	Phạm Văn Giang	Người liên quan của người nội bộ	693.686	0,01	1.053.014	0,01	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
86	Nguyễn Thị Thanh Nga	Giám đốc tài chính	2.166.230	0,04	3.288.336	0,04	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
87	Nguyễn Ngọc Thành	Người phụ trách Quản trị công ty, thư ký công ty	85.874	0,00	130.356	0,00	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
88	Lê Thu Trang	Người liên quan của người nội bộ	37	0,00	55	0,00	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
89	Trần Thủy Triều	Người liên quan của người nội bộ	1.994	0,00	3.026	0,00	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu

Hợp đồng – Giao dịch với Các bên liên quan

STT	Thời điểm ký kết hợp đồng/ thực hiện giao dịch	Đối tượng giao dịch	Mối quan hệ với MB	Nội dung chính của hợp đồng hoặc giao dịch	Giá trị hợp đồng/ giao dịch (đơn vị: Trđ)	Ghi chú (Số Nghị quyết/ Quyết định / ...)
1	03.2025	Công ty TNHH Hantekom.	Người liên quan của người nội bộ		15,27	
2	05.2025	Công ty tài chính tín dụng tiêu dùng TNHH MB Shinsei	Công ty thành viên	Hợp đồng cấp hạn mức giao dịch liên ngân hàng	Theo giá trị hợp đồng	468/MB-HĐQT
3	09.2025	Công ty cổ phần Tân cảng cái mép	Người liên quan của người nội bộ		5.699,48	
4	09.2025	Công ty CP Hoá dầu Quân đội (MIPEC)	Người liên quan của người nội bộ		936.532	
	10.2025	Công ty thành viên: • Công ty cổ phần Chứng khoán MB (MBS) • Công ty cổ phần Quản lý QUỹ đầu tư MB (MB Capital) • Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Quân đội (MIC) • Công ty TNHH Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Quân đội (MBAMC)	Công ty thành viên	Hợp đồng Giao dịch trong hoạt động quản lý và sử dụng Vốn chủ sở hữu	Theo giá trị hợp đồng	1075/MB-HĐQT
5	11.2025	Tổng công ty trực thăng Việt Nam-Công ty TNHH	Người liên quan của người nội bộ		28	
6	12.2025	Tổng CTCP Bảo hiểm Quân Đội (MIC)	Công ty con của MB		29.860	
7	12.2025	Công ty CP quản lý quỹ đầu tư MB (MB Capital)	Công ty thành viên	Hợp đồng giao dịch giữa MB và các công ty thành viên, cổ đông lớn, người có liên quan cổ đông lớn trong hoạt động nguồn vốn và kinh doanh tiền tệ	Theo giá trị hợp đồng	1246/MB-HĐQT

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN · 2025

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Hội đồng Quản trị của MB nhiệm kỳ 2024-2029

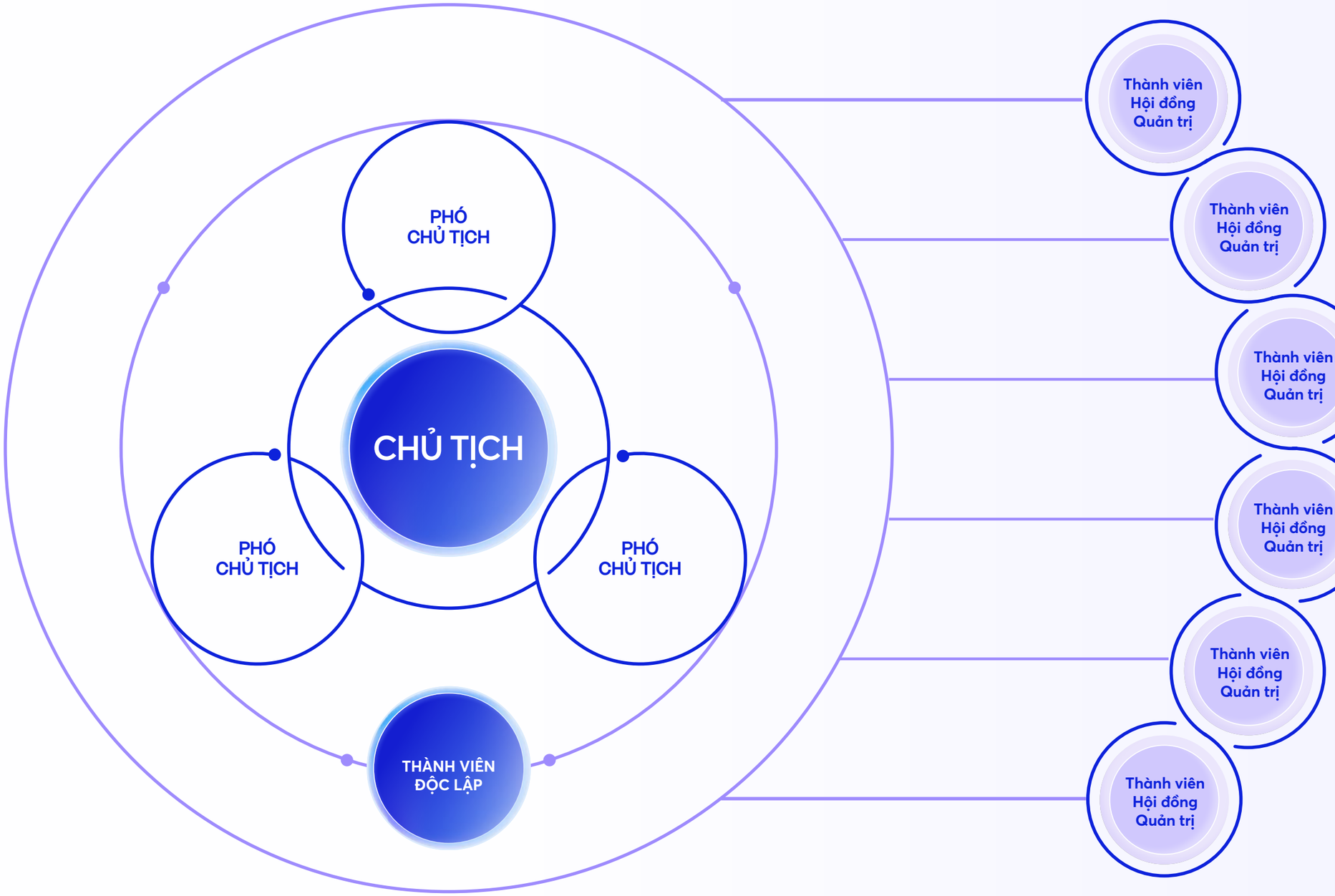

Hội đồng Quản trị của MB nhiệm kỳ 2024-2029 (tới thời điểm 31/12/2025) gồm 11 thành viên: 01 Chủ tịch, 03 Phó Chủ tịch, 06 Thành viên HĐQT và 01 Thành viên độc lập.

Hội đồng Quản trị có 4/11 thành viên là nữ, chiếm tỷ lệ ~ 36,4%; 7/11 thành viên chuyên trách, chiếm tỷ lệ ~63,6%).

Hội đồng Quản trị (HĐQT) MB trong nhiệm kỳ hiện tại bao gồm các thành viên tiếp tục đảm nhiệm từ nhiệm kỳ trước, đồng thời được bổ sung thêm các đại diện đến từ các cổ đông chiến lược, bao gồm: Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội (Viettel), Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn, Tổng Công ty Trực thăng Việt Nam và Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC). Sự tham gia của các tổ chức lớn với năng lực tài chính và kinh nghiệm quản trị vững mạnh góp phần củng cố nền tảng quản trị của MB.

Cơ cấu nhân sự HĐQT được đánh giá là có chất lượng cao, nhờ sự kết hợp giữa đội ngũ thành viên chuyên trách giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng và các thành viên là lãnh đạo cấp cao của những tập đoàn, doanh nghiệp hàng đầu – đồng thời là cổ đông chiến lược của MB. Thành phần đa dạng về chuyên môn và kinh nghiệm giúp HĐQT có góc nhìn toàn diện, tăng cường năng lực hoạch định chiến lược, giám sát và điều hành theo chuẩn mực cao của quản trị doanh nghiệp hiện đại.

Áp dụng các nguyên tắc và thông lệ quản trị công ty tiên tiến

MB hiện đang triển khai hệ thống Quản trị Công ty (QTCT) theo các chuẩn mực tiến bộ được khuyến nghị bởi những tổ chức uy tín trong nước và quốc tế. Ngân hàng tuân thủ các nguyên tắc trong "Bộ Nguyên tắc QTCT theo Thông lệ Tốt nhất" do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) phối hợp cùng Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC) ban hành năm 2019 dành cho công ty đại chúng tại Việt Nam. Đồng thời, MB tham chiếu các chuẩn mực quản trị của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), Thẻ điểm Quản trị Công ty ASEAN, cùng những thông lệ quản trị tiên tiến của các tập đoàn tài chính hàng đầu trong khu vực.

Nhằm đánh giá khách quan mức độ hiệu quả của hệ thống quản trị, MB áp dụng bộ tiêu chí của Thẻ điểm Quản trị Công ty ASEAN, tập trung vào 5 nhóm tiêu chí trọng tâm, bao gồm:

Quyền của cổ đông

MB luôn tuân thủ nguyên tắc bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông thông qua hệ thống quy định được nêu rõ trong Điều lệ Ngân hàng và các văn bản quản trị liên quan. Những nội dung này được công bố đầy đủ trong tài liệu họp Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên, đăng tải công khai trên website MB, cũng như tại các biên bản họp và tài liệu công bố thông tin theo quy định.

Ngân hàng bảo đảm cổ đông được tiếp cận kịp thời, đầy đủ các quyền cơ bản, bao gồm: quyền tham dự và thực hiện biểu quyết tại ĐHĐCĐ; quyền tiếp nhận thông tin minh bạch về hoạt động của Ngân hàng; quyền giám sát các giao dịch của người nội bộ và giao dịch có liên quan đến thành viên HĐQT, Ban Điều hành. MB đồng thời chú trọng bảo vệ quyền lợi của cổ đông thiểu số thông qua việc công bố rõ ràng các nội dung liên quan đến giao dịch bên liên quan và các thông tin quản trị quan trọng khác.

Tính bền vững và khả năng phục hồi

MB duy trì công bố đầy đủ các nội dung liên quan đến phát triển bền vững và khả năng phục hồi trong Báo cáo tích hợp hàng năm, trong đó dành một chương riêng cho Báo cáo Phát triển bền vững (PTBV). Các thông tin này được cập nhật, lưu trữ và công bố công khai trên website của Ngân hàng, đảm bảo cổ đông, nhà đầu tư và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận. Nội dung công bố phản ánh rõ định hướng chiến lược PTBV của MB, cấu trúc bộ máy quản trị và cơ chế vận hành gắn với các mục tiêu phát triển bền vững.

MB chủ động thúc đẩy các hoạt động liên quan đến quản trị rủi ro ESG (QTRR ESG). Ngân hàng tiến hành nhận diện các rủi ro và cơ hội liên quan đến PTBV, đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi khí hậu và xu hướng tài chính xanh. Kết quả đánh giá được tích hợp vào hệ thống giám sát và khung quản trị, hỗ trợ MB nâng cao chất lượng công tác quản trị rủi ro, tuân thủ thông lệ quản trị tốt và tăng cường hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ.

Công bố thông tin và minh bạch

MB công bố công khai, minh bạch và định kỳ các thông tin liên quan đến tài chính và quản trị công ty tại website của ngân hàng cũng như các kênh truyền thông khác.

MB duy trì cách tiếp cận chủ động trong việc nhận diện và đánh giá các mối quan tâm của các bên liên quan, đồng thời triển khai hiệu quả các hoạt động gắn kết trong năm 2024. Ngân hàng coi việc xây dựng mối quan hệ hợp tác bền vững với các bên liên quan là nền tảng quan trọng đối với chiến lược phát triển dài hạn, trong đó trọng tâm là tăng cường sự thấu hiểu, minh bạch và chia sẻ giá trị chung.

Đối với MB, lắng nghe và nắm bắt kỳ vọng của các nhóm liên quan là yếu tố then chốt giúp ngân hàng điều chỉnh chiến lược, sản phẩm và hoạt động vận hành theo hướng bền vững hơn. Các đơn vị chuyên môn được giao nhiệm vụ theo dõi, tổng hợp và triển khai những hoạt động tương tác phù hợp thông qua nhiều kênh giao tiếp như hội nghị, khảo sát, nền tảng số, tiếp xúc trực tiếp và các chương trình đối thoại chuyên biệt.

Trong năm 2025, MB đã thực hiện nhiều chương trình kết nối với từng nhóm đối tượng, từ cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng đến cán bộ nhân viên và cộng đồng. Các hoạt động này được thiết kế theo nhu cầu, đặc thù của từng nhóm, qua đó tăng cường sự gắn bó, củng cố niềm tin và tạo ra những giá trị chung hướng đến mục tiêu phát triển bền vững.

Vai trò, trách nhiệm của HĐQT

MB thực hiện công bố đầy đủ cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị (HĐQT), Quy chế Quản trị Công ty và các văn bản quản trị liên quan trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng nhằm bảo đảm tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin của cổ đông và các bên liên quan.

Mô hình quản trị của MB được xây dựng theo mô hình công ty cổ phần, tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 (Điều 137, khoản 1a) và Luật Các tổ chức tín dụng (2024). Cơ cấu quản trị bao gồm bốn cấp chính: Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc.

Bên cạnh đó, MB thành lập các ủy ban chuyên trách nhằm tư vấn và hỗ trợ HĐQT trong công tác quản trị và giám sát, bao gồm:

- Ủy ban Quản lý rủi ro,
- Ủy ban Nhân sự,
- Ủy ban Công nghệ và Chuyển đổi số, cùng một số hội đồng và ban chức năng khác tùy theo yêu cầu quản trị từng thời kỳ.

Việc vận hành các ủy ban hỗ trợ giúp HĐQT tăng cường hiệu quả giám sát, đảm bảo các quyết định quản trị được xem xét thấu đáo từ đa chiều, phù hợp với thông lệ tốt về quản trị ngân hàng.

Song song với việc tuân thủ pháp luật, MB tiếp tục nghiên cứu và cập nhật các thực hành quản trị công ty tiên tiến, kinh nghiệm từ các tổ chức tài chính trong nước và quốc tế. Những hoạt động này góp phần hoàn thiện và nâng cao năng lực quản trị, đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững của Ngân hàng.

Đánh giá việc thực hành Quản trị công ty theo các tiêu chuẩn và thông lệ tốt

Thẻ điểm Quản trị Công ty theo thông lệ tốt (ACGS)

V: Tuân thủ
X: Tuân thủ 1 phần hoặc có thể cải thiện tốt hơn

Mã số	Tiêu chí	Mức độ đáp ứng tại MB	Ghi chú/dẫn chứng
A.	**Quyền và đối xử công bằng với cổ đông**		
A.1	**Quyền cơ bản của cổ đông**		
A.1.1	Công ty có trả cổ tức (tạm thời và cuối cùng/hàng năm) một cách công bằng và kịp thời không; Nghĩa là, tất cả các cổ đông được đối xử bình đẳng và được trả trong vòng 30 ngày sau khi được (i) tuyên bố chia cổ tức tạm thời và (ii) được cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ tức cuối cùng? Trong trường hợp công ty đã chia cổ tức bằng cổ phiếu (Scrip dividend), công ty có trả cổ tức trong vòng 60 ngày không.	**X**	Sau khi được ĐHĐCĐ thường niên thông quan phương án chi trả cổ tức. MB luôn triển khai việc chi trả cổ tức theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ đảm bảo tuân thủ pháp luật Việt Nam
A.2	**Quyền tham gia một cách hiệu quả và biểu quyết trong các cuộc họp đại hội đồng cổ đông và phải được thông báo về các quy tắc, bao gồm cả thủ tục biểu quyết, chi phối các cuộc họp đại hội đồng cổ đông.**		
A.2.1	Cổ đông có cơ hội, thể hiện bởi nội dung trên chương trình nghị sự, thông qua thù lao (phí, thù lao, các hình thức quyền lợi hiện vật hoặc các bổng lộc khác) hoặc mọi khoản tăng thù lao cho thành viên/uỷ viên Hội đồng Quản trị không điều hành?	**V**	Thể hiện trên Biên bản ĐHĐCĐ đã đăng tải trên website MB
A.2.2	Công ty có cho phép cổ đông không có quyền kiểm soát quyền đề cử thành viên/ủy viên Hội đồng Quản trị?	**V**	• Quy định tại Điều lệ MB được CBTT trên website MB - Mục Quan hệ Nhà đầu tư • Căn cứ theo Luật TCTD 2024: Cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ của MB được quyền đề cử người tham gia ứng viên HĐQT
A.2.3	Công ty có cho phép cổ đông bầu chọn từng thành viên/ủy viên Hội đồng Quản trị?	**V**	Tại ĐHĐCĐ của MB, mỗi cổ đông được nhận phiếu bầu cử để bầu chọn cho từng thành viên HĐQT
A.2.4	Công ty có công bố thủ tục biểu quyết được sử dụng trước khi đại hội tiến hành?	**V**	Tại ĐHĐCĐ của MB, Ban kiểm tra tư cách cổ đông sẽ đọc thể lệ bầu cử trước khi đại hội tiến hành
A.2.5	Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên mới nhất có ghi nhận rằng cổ đông có cơ hội đặt câu hỏi và câu hỏi cùng câu trả lời có được ghi nhận?	**V**	Biên bản ĐHĐCĐ luôn ghi nhận các câu hỏi của cổ đông đã đặt cho Chủ tọa tại đại hội và ghi nhận câu trả lời, giải đáp từ phía Đoàn Chủ tịch
A.2.6	Công ty có công bố kết quả bầu chọn bao gồm số phiếu thông qua, phản đối, và phiếu trống cho mọi nghị quyết /mỗi nội dung dự thảo lấy ý kiến của ĐHĐCĐ thường niên gần nhất?	**V**	Biên bản kiểm phiếu luôn được công bố đầy đủ trước đại hội bao gồm số phiếu thông qua, phản đối, và phiếu trống cho mọi nghị quyết/ mỗi nội dung dự thảo lấy ý kiến của ĐHĐCĐ
A.2.7	Công ty có công bố danh sách thành viên HĐQT tham dự ĐHĐCĐ thường niên gần nhất?	**V**	Thể hiện tại biên bản họp ĐHĐCĐ và CBTT trên website MB mục Nhà đầu tư
A.2.8	Công ty có công bố rằng tất cả thành viên HĐQT và TGĐ/Giám đốc Điều hành (nếu TGĐ/Giám đốc Điều hành không phải là thành viên HĐQT) có tham dự ĐHĐCĐ thường niên gần nhất?	**V**	Thể hiện tại biên bản họp ĐHĐCĐ và CBTT trên website MB mục Nhà đầu tư
A.2.9	Công ty có cho phép biểu quyết vắng mặt?	**X**	MB cho phép gửi văn bản ủy quyền biểu quyết cho 1 trong những lãnh đạo của MB trong trường hợp cổ đông không thể tham dự trực tiếp ĐHĐCĐ

Mã số	Tiêu chí	Mức độ đáp ứng tại MB	Ghi chú/dẫn chứng
A.2.10	Công ty sử dụng hình thức biểu quyết căn cứ theo số phiếu biểu quyết của cổ đông (không phải bằng cách giơ tay) đối với mọi nghị quyết tại ĐHĐCĐ thường niên mới nhất?	**X**	Hiện tại do số lượng cổ đông khá lớn nên MB vẫn áp dụng hình thức biểu quyết công đông bằng cách giơ phiếu biểu quyết. Trong tương lai, MB sẽ nghiên cứu các hình thức e-voting, kết hợp hình thức trực tuyến/trực tiếp
A.2.11	Công ty có công bố việc đã bổ nhiệm một bên độc lập (kiểm tra, giám sát viên) tham gia ban kiểm phiếu để đếm và/hoặc thẩm định phiếu bầu tại ĐHĐCĐ thường niên?	**X**	Thể hiện tại biên bản họp ĐHĐCĐ và CBTT trên website MB mục Nhà đầu tư
A.2.12	Công ty có công bố công khai vào ngày làm việc tiếp theo kết quả biểu quyết đối với tất cả nghị quyết trong ĐHĐCĐ thường niên/bất thường gần nhất?	**V**	Thực hiện CBTT trong vòng 24h sau khi ban hành biên bản, Nghị quyết ĐHĐCĐ
A.2.13	Công ty có thông báo ĐHĐCĐ thường niên/bất thường trước tối thiểu 21 ngày?	**V**	Các CBTT đều thể hiện ngày, giờ trên website MB - Mục Nhà đầu tư tuân thủ theo quy định pháp luật
A.2.14	Công ty có cung cấp cơ sở, thông tin và giải trình cho mỗi mục trong dự thảo nghị quyết cần được cổ đông thông qua trong thông báo về ĐHĐCĐ thường niên/tài liệu ĐHĐCĐ/Dự thảo và/hoặc các báo cáo đính kèm?	**V**	Thể hiện tại tài liệu họp ĐHĐCĐ và CBTT trên website MB mục Nhà đầu tư. Các cổ đông có thể nghiên cứu và đặt câu hỏi trực tiếp tại Đại hội với những vấn đề cổ đông quan tâm
A.2.15	Cổ đông có được cho cơ hội để đóng góp (các) vấn đề thảo luận vào trong chương trình nghị sự của ĐHĐCĐ thường niên?	**V**	Thể hiện tại thông báo mời họp ĐHĐCĐ, MB gửi Phiếu lấy ý kiến cổ đông
A.3	**Thị trường cho các giao dịch kiểm soát doanh nghiệp nên được phép hoạt động một cách hiệu quả và minh bạch.**		
A.3.1	Trong các trường hợp sáp nhập, mua lại và/hoặc thâu tóm cần được cổ đông thông qua, thành viên/ủy viên HĐQT của công ty được đề nghị có bổ nhiệm một bên độc lập đánh giá sự hợp lý của giá giao dịch sáp nhập, mua lại?	**V**	MB đã trình ĐHĐCĐ và xin ý kiến thông qua việc nhận chuyển giao bắt buộc ngân hàng 0 đồng Oceanbank trở thành công ty thành viên của MB
A.4	Việc thực hiện quyền sở hữu của tất cả các cổ đông, bao gồm cả các nhà đầu tư tổ chức, cần được tạo điều kiện.		
A.4.1	Công ty có công bố công khai chính sách/thực hành nhằm khuyến khích sự tham gia của cổ đông bên ngoài khuôn khổ ĐHĐCĐ thường niên?	**V**	Thể hiện bằng các kênh cổ đông có thể liên hệ trên website MB và thông qua các Hội nghị Nhà đầu tư MB tổ chức
A.5	**Cổ phiếu và quyền biểu quyết**		
A.5.1	Trong trường hợp công ty có nhiều hơn một loại cổ phiếu, công ty có công bố số phiếu biểu quyết gắn với mỗi loại cổ phiếu (vd: thông qua trang thông tin điện tử/ báo cáo/sở giao dịch chứng khoán/trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý)?	**V**	MB chỉ có cổ phiếu phổ thông
A.6	**Thông báo ĐHĐCĐ**		
A.6.1	Mỗi nghị quyết trong ĐHĐCĐ thường niên gần nhất chỉ liên quan đến một nội dung, ví dụ như không gộp nhiều nội dung vào trong cùng một nghị quyết?	**V**	Thể hiện trên Biên bản ĐHĐCĐ đã đăng tải trên website MB

Mã số	Tiêu chí	Mức độ đáp ứng tại MB	Ghi chú/dẫn chứng
A.6.2	Thông báo và tài liệu báo cáo tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên gần nhất có được dịch đầy đủ sang tiếng Anh và công bố vào cùng ngày với tài liệu theo ngôn ngữ địa phương?	V	Đăng tải đầy đủ đồng thời trên Hệ thống công bố thông tin của Cơ quan quản lý nhà nước và website MB
	Thông báo và tài liệu báo cáo tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên có bao gồm những thông tin chi tiết sau hay không:		
A.6.3	Có cung cấp tiểu sử của thành viên/ủy viên HĐQT sẽ được bầu chọn/bầu chọn lại (tối thiểu là tuổi, trình độ đào tạo/bằng cấp hoặc chứng chỉ chuyên môn, ngày bổ nhiệm, kinh nghiệm, và vị trí thành viên HĐQT đang tại vị trong các công ty niêm yết khác)?	V	MB thực hiện đầy đủ trong tờ trình nhân sự tại bộ tài liệu ĐHĐCĐ đã đăng tải trên website MB
A.6.4	Công ty kiểm toán chuẩn bị được bổ nhiệm/bổ nhiệm lại có được xác định rõ ràng?	V	MB trình ĐHĐCĐ thông qua và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn
A.6.5	Giấy ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ được cung cấp dễ dàng?	V	Thể hiện tại tài liệu ĐHĐCĐ và CBTT trên website MB - Mục quan hệ Nhà đầu tư
A.7	**Giao dịch nội gián và tự giao dịch lạm dụng nên bị cấm.**		
A.7.1	Thành viên/Ủy viên HĐQT có được yêu cầu phải báo cáo các giao dịch cổ phiếu công ty của mình trong vòng 3 ngày làm việc?	V	Tuân thủ theo quy định về CBTT trên thị trường chứng khoán(Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020) và Quy chế CBTT trên thị trường chứng khoán do MB ban hành được CBTT trên website MB - Mục Quan hệ Nhà đầu tư
A.8	**Các giao dịch bên liên quan của thành viên và thành viên điều hành chủ chốt.**		
A.8.1	Công ty có chính sách yêu cầu một ủy ban bao gồm các thành viên/ủy viên HĐQT độc lập rà soát các giao dịch với người có liên quan trọng yếu để xác định liệu những giao dịch đó có phục vụ lợi ích tốt nhất của công ty và cổ đông hay không?	V	Việc thông qua các giao dịch với bên liên quan được MB thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ MB, CBTT trên website MB mục nhà đầu tư
A.8.2	Công ty có chính sách yêu cầu thành viên/ủy viên HĐQT không tham gia vào cuộc thảo luận của HĐQT trong chương trình họp cụ thể về giao dịch mà thành viên đó có xung đột lợi ích?	V	Thể hiện quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT, Quy chế quản trị nội bộ đã công bố trên Website MB
A.8.3	Công ty có các chính sách về các khoản cho vay thành viên/ủy viên HĐQT, trong đó quy định cấm hoạt động này hoặc đảm bảo rằng các khoản vay được thực hiện theo nguyên tắc giá thị trường và áp dụng mức lãi suất thị trường?	V	Tuân theo điều lệ của MB và các quy định pháp luật hiện hành
A.9	**Bảo vệ cổ đông thiểu số khỏi các hành động lạm dụng**		
A.9.1	Công ty có công bố về việc các giao dịch với người có liên quan được thực hiện theo phương thức đảm bảo rằng những giao dịch đó là hợp lý và theo nguyên tắc giá thị trường?	V	Quy định tại Điều lệ của MB và được CBTT trên website MB - Mục nhà đầu tư
A.9.2	Trong trường hợp các giao dịch với người có liên quan cần có phê duyệt của cổ đông, quyết định có được biểu quyết thông qua bởi các cổ đông không liên quan lợi ích?	V	Nội dung này đã được ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT thực hiện theo Quy định pháp luật
B.	**Phát triển bền vững và khả năng chống chịu**		
B.1	**Công bố liên quan đến tính bền vững phải nhất quán, có thể so sánh và đáng tin cậy, và bao gồm thông tin quan trọng hồi tố và hướng tới tương lai mà một nhà đầu tư hợp lý sẽ coi là quan trọng trong việc đầu tư hoặc bỏ phiếu quyết định**		
Thông tin liên quan đến tính bền vững trọng yếu cần được chỉ định			

Mã số	Tiêu chí	Mức độ đáp ứng tại MB	Ghi chú/dẫn chứng
B.1.1	Công ty có xác định/báo cáo các chủ đề ESG quan trọng đối với Chiến lược của tổ chức không ?	V	• Công bố tại mục Báo cáo PTBV - BCTN đăng tải trên website MB - mục Quan hệ NĐT
B.1.2	Công ty có xác định biến đổi khí hậu là một vấn đề không?	V	• Công bố tại mục Báo cáo PTBV - BCTN đăng tải trên website MB - mục Quan hệ NĐT
B.1.3	Công ty có áp dụng khung báo cáo hoặc tiêu chuẩn được quốc tế công nhận về tính bền vững (ví dụ: GRI, Báo cáo tích hợp, SASB, Tiêu chuẩn công bố bền vững IFRS) không?	V	• BCTN tham chiếu đến tiêu chuẩn GRI và 17 mục tiêu PTBV của Liên hợp quốc - Công bố tại Phụ lục - BCTN đăng tải trên website MB
	Nếu một công ty công khai đặt mục tiêu hoặc chỉ tiêu liên quan đến tính bền vững, khung công bố thông tin phải cung cấp rằng các số liệu đáng tin cậy thường xuyên được công bố dưới dạng dễ tiếp cận		
B.1.4	Công ty có công bố mục tiêu bền vững định lượng không?	V	• Công bố tại mục Báo cáo PTBV - BCTN đăng tải trên website MB - mục Quan hệ NĐT
B.1.5	Công ty có công bố tiến độ hoạt động liên quan đến tính bền vững liên quan đến các mục tiêu đã đặt ra trước đó không?	V	• Công bố tại mục Báo cáo PTBV - BCTN đăng tải trên website MB - mục Quan hệ NĐT
B.1.6	Công ty có xác nhận rằng Báo cáo/Quá trình báo cáo Phát triển Bền vững của mình được Hội đồng quản trị hoặc Ủy ban Hội đồng quản trị xem xét và/hoặc phê duyệt không?	V	• Báo cáo bền vững được tích hợp cùng Báo cáo thường niên MB được HĐQT xem xét và phê duyệt trước khi công bố theo quy định
B.2	**Khung quản trị doanh nghiệp nên cho phép đối thoại giữa công ty, các cổ đông và các bên liên quan để trao đổi quan điểm về các vấn đề bền vững**		
B.2.1	Công ty có thu hút các bên liên quan nội bộ để trao đổi quan điểm và thu thập phản hồi về các vấn đề bền vững quan trọng đối với hoạt động kinh doanh của công ty không?	V	• MB thực hiện khảo sát, đánh giá chủ đề trọng yếu trong xây dựng chiến lược PTBV từ bên liên quan nội bộ • Thực hiện đào tạo và khảo sát sau đào tạo về phát triển bền vững để thu thập phản hồi về các vấn đề bền vững
B.2.2	Công ty có thu hút các bên liên quan bên ngoài để trao đổi quan điểm và thu thập phản hồi về các vấn đề bền vững quan trọng đối với hoạt động kinh doanh của công ty không?	V	• MB thực hiện khảo sát, đánh giá sự quan tâm tới các chủ đề bền vững từ bên liên quan bên ngoài (Khách hàng, Cổ đông/ NĐT, Cộng đồng) để xây dựng chiến lược PTBV
B.3	**Khung quản trị công ty cần đảm bảo rằng Hội đồng Quản trị xem xét đầy đủ các rủi ro và cơ hội bền vững trọng yếu khi thực hiện các chức năng chính của mình trong việc xem xét, giám sát và hướng dẫn các hoạt động quản trị, công bố thông tin, chiến lược, quản lý rủi ro và hệ thống kiểm soát nội bộ, bao gồm cả đối với các rủi ro vật lý và chuyển đổi liên quan đến khí hậu**		
	Hội đồng quản trị nên đánh giá xem cấu trúc vốn của công ty có tương thích với các mục tiêu chiến lược và khẩu vị rủi ro liên quan hay không để đảm bảo nó có khả năng phục hồi trước các kịch bản khác nhau		
B.3.1	Công ty có công bố rằng hội đồng quản trị xem xét hàng năm rằng cơ cấu vốn và nợ của công ty tương thích với các mục tiêu chiến lược và khẩu vị rủi ro liên quan của nó không?	V	• MB đã ban hành Hướng dẫn triển khai Chiến lược PTBV của MB đã phân công vai trò, chức năng về PTBV trong xem xét, đánh giá về chi phí vốn liên quan đến rủi ro khí hậu • Thể hiện tại BCTN, phần Báo cáo PTBV - Quản trị PTBV
B.4	**Khung quản trị công ty cần công nhận quyền của các bên liên quan được thiết lập bởi pháp luật hoặc thông qua các thỏa thuận chung và khuyến khích hợp tác tích cực giữa các tập đoàn và các bên liên quan trong việc tạo ra sự giàu có, việc làm và tính bền vững của các doanh nghiệp lành mạnh về tài chính.**		
Công ty có công bố chính sách và thực tiễn giải quyết:			

Mã số	Tiêu chí	Mức độ đáp ứng tại MB	Ghi chú/dẫn chứng
B.4.1	Sự tồn tại và phạm vi nỗ lực của công ty trong việc bảo vệ quyền lợi khách hàng?	V	• Chính sách ESG của MB • Thể hiện tại BCTN, phần Báo cáo PTBV - Trụ cột Khách hàng
B.4.2	Quy trình lựa chọn nhà cung cấp/nhà thầu?	V	• Chính sách ESG của MB • Quy trình mua sắm của MB
B.4.3	Nỗ lực của công ty trong việc đảm bảo chuỗi cung ứng của công ty thân thiện với môi trường hoặc phù hợp với sự thúc đẩy phát triển bền vững?	V	• Chính sách ESG của MB • Thể hiện tại BCTN, phần Báo cáo PTBV - Trụ cột Quản trị
B.4.4	Nỗ lực của công ty trong việc tương tác với cộng đồng nơi công ty hoạt động?	V	• Chính sách ESG của MB • Thể hiện tại BCTN, phần Báo cáo PTBV - Trụ cột Xã hội
B.4.5	Các chương trình và quy trình chống tham nhũng của công ty?	V	• Quy định chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và Quy tắc ứng xử MB • MB thành lập Ban chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và tội phạm - Công bố trên BCTN
B.4.6	Quyền lợi của các chủ nợ được bảo vệ như thế nào?	V	MB tuân thủ theo các quy định của nhà nước, Điều lệ và quy định nội bộ của MB đối với việc đảm bảo quyền lợi của các chủ nợ
B.4.7	Công ty có báo cáo/phần báo cáo riêng mô tả những nỗ lực của mình về các vấn đề liên quan đến môi trường/ kinh tế và xã hội?	V	• Mục Báo cáo PTBV - BCTN công bố trên website MB
B.5	**Khi lợi ích của các bên liên quan được pháp luật bảo vệ, các bên liên quan nên có cơ hội để có được biện pháp khắc phục hiệu quả đối với hành vi vi phạm quyền của họ.**		
B.5.1	Công ty có cung cấp thông tin liên hệ trên website của công ty hay Báo cáo Thường niên để các bên có quyền lợi liên quan (Ví dụ: khách hàng, nhà cung cấp, công chúng, v.v.) có thể sử dụng để lên tiếng về những lo ngại và/hoặc khiếu nại về những vi phạm có thể xảy ra đối với quyền lợi của họ?	V	• Công bố trên website MB
B.6	**Các cơ chế cho sự tham gia của nhân viên nên được phép phát triển.**		
B.6.1	Công ty có công bố rõ ràng các chính sách và thực hành về sức khỏe, an toàn và phúc lợi cho nhân viên của mình?	V	• Chính sách nhân sự MB • Thỏa ước lao động tập thể MB • Công bố tại mục Báo cáo PTBV - BCTN đăng tải trên website MB
B.6.2	Công ty có công bố rõ ràng các chính sách và thực hành về các chương trình đào tạo và phát triển cho nhân viên của mình?	V	• Chính sách quản trị nhân sự MB • Công bố tại mục Báo cáo PTBV - BCTN đăng tải trên website MB
B.6.3	Công ty có chính sách khen thưởng/thưởng dựa trên kết quả hoạt động của công ty ngoài các chỉ tiêu tài chính ngắn hạn?	V	• Chính sách quản trị nhân sự MB • Công bố tại mục Báo cáo PTBV - BCTN đăng tải trên website MB
B.7	**Các bên liên quan bao gồm từng nhân viên và các cơ quan đại diện của họ, sẽ có thể tự do truyền đạt mối quan tâm của họ về các hành vi bất hợp pháp hoặc phi đạo đức để Hội đồng quản trị và quyền của họ không nên bị xâm phạm khi làm điều này.**		
B.7.1	Công ty có chính sách báo cáo sai phạm trong đó bao gồm các quy trình khiếu nại dành cho nhân viên và các bên có quyền lợi liên quan khác về hành vi không hợp pháp hoặc không phù hợp tiêu chuẩn đạo đức và cung cấp thông tin liên hệ chi tiết được đề cập trên website của công ty hoặc báo cáo thường niên?	V	• Chính sách tuân thủ MB • Quy chế giải quyết khiếu nại tố cáo MB • Công bố tại mục Báo cáo PTBV - BCTN đăng tải trên website MB
B.7.2	Công ty có chính sách hay thủ tục để bảo vệ nhân viên/ cá nhân khỏi bị trả đũa vì đã công bố hành vi không hợp pháp/không phù hợp đạo đức ?	V	• Chính sách quản trị nhân sự MB • Thỏa ước lao động tập thể MB • Quy chế giải quyết khiếu nại tố cáo MB Công bố tại mục Báo cáo PTBV - BCTN đăng tải trên website MB

Mã số	Tiêu chí	Mức độ đáp ứng tại MB	Ghi chú/dẫn chứng
C.	**Công bố thông tin và Minh bạch**		
C.1	**Cấu trúc sở hữu minh bạch**		
C.1.1	Thông tin về cổ đông có tiết lộ danh tính của các chủ sở hữu nắm giữ 5% cổ phần trở lên?	V	MB thể hiện tại BCTN, Báo cáo tình hình quản trị công ty được CBTT trên website MB - Mục Quan hệ nhà đầu tư.Theo luật TCTD 2024, từ ngày 01/07/2024, MB cũng CBTT cổ đông sở hữu trên 1% vốn điều lệ của MB
C.1.2	Công ty có công bố việc sở hữu cổ phần trực tiếp và (được cho là) gián tiếp của cổ đông/nhóm cổ đông lớn?	V	MB thể hiện tại Báo cáo tình hình quản trị công ty được CBTT trên website MB - Mục Quan hệ nhà đầu tư
C.1.3	Công ty có công bố việc sở hữu cổ phần trực tiếp và (được cho là) gián tiếp của các thành viên/ủy viên HĐQT?	V	MB thể hiện tại BCTN, Báo cáo tình hình quản trị công ty được CBTT trên website MB - Mục Quan hệ nhà đầu tư
C.1.4	Công ty có công bố việc sở hữu cổ phần trực tiếp và (được cho là) gián tiếp của các thành viên Ban Điều hành?	V	MB thể hiện tại BCTN, Báo cáo tình hình quản trị công ty được CBTT trên website MB - Mục Quan hệ nhà đầu tư
C.1.5	Công ty có công bố chi tiết về công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và doanh nghiệp/ công ty có mục đích đặc biệt (SPEs)/(SPVs)?	V	MB thể hiện tại BCTN, Báo cáo tình hình quản trị công ty được CBTT trên website MB - Mục Quan hệ nhà đầu tư
C.2	**Chất lượng của báo cáo thường niên**		
Báo cáo thường niên của công ty có công bố những nội dung sau:			
C.2.1	Mục tiêu của công ty	V	MB thể hiện tại BCTN phần Giới thiệu MB và CBTT trên website MB - Mục Quan hệ nhà đầu tư
C.2.2	Chỉ số hiệu quả tài chính	V	MB thể hiện tại BCTN phần Đánh giá hoạt động năm 2025 MB
C.2.3	Chỉ số hiệu quả phi tài chính	V	MB thể hiện tại BCTN phần Đánh giá hoạt động năm 2025 MB
C.2.4	Chính sách cổ tức	V	MB đang thể hiện tại phần Báo cáo Phát triển bền vững. Trong các năm qua, MB luôn duy trì tỷ lệ chi trả cổ tức tối thiểu là 11%, bao gồm cả cổ tức bằng tiền mặt và cổ phiếu
C.2.5	Chi tiết tiểu sử (tối thiểu tuổi, trình độ đào tạo/chứng chỉ chuyên môn, ngày đầu bổ nhiệm, kinh nghiệm liên quan, và bất kỳ vị trí thành viên HĐQT nào khác đang nắm giữ tại các công ty niêm yết) của các thành viên/ủy viên HĐQT	V	Thể hiện tại tài liệu ĐHĐCĐ đăng tải trên website MB
Báo cáo xác nhận quản trị công ty			
C.2.6	Báo cáo thường niên có công bố phát biểu, tuyên bố khẳng định sự tuân thủ đầy đủ của công ty với bộ quy tắc quản trị công ty và trong trường hợp có tình trạng không tuân thủ, có xác định rõ và giải thích lý do cho mỗi vấn đề đó không?	V	MB thể hiện tại BCTN phần Quản trị công ty
C.3	Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và thành viên điều hành chủ chốt		
C.3.1	Cơ cấu thù lao cho thành viên/ủy viên HĐQT không điều hành có được công bố công khai?	V	MB thể hiện tại BCTN và trong phần thuyết minh BCTC và CBTT trên website MB - Mục Quan hệ nhà đầu tư
C.3.2	Công ty có công bố công khai [tức là báo cáo thường niên hoặc các tài liệu được công bố công khai khác] chi tiết về thù lao của mỗi thành viên/ủy viên không điều hành không?	V	MB thể hiện tại BCTN và trong phần thuyết minh BCTC và CBTT trên website MB - Mục Quan hệ nhà đầu tư

Mã số	Tiêu chí	Mức độ đáp ứng tại MB	Ghi chú/dẫn chứng
C.3.3	Công ty có công bố chính sách/thực hành về thù lao (phí, thù lao, các hình thức quyền lợi hiện vật hoặc các bổng lộc khác) (nghĩa là việc sử dụng các chính sách khích lệ và các chỉ tiêu hiệu quả ngắn và dài hạn) đối với thành viên HĐQT điều hành và TGĐ?	V	MB thể hiện tại BCTN và trong phần thuyết minh BCTC và CBTT trên website MB - Mục Quan hệ nhà đầu tư
C.3.4	Công ty có công bố công khai [tức là báo cáo thường niên hoặc các tài liệu được công bố công khai khác] chi tiết về thù lao của từng thành viên điều hành và CEO [nếu anh ấy/cô ấy không phải là thành viên của Hội đồng quản trị] không?	V	MB thể hiện tại BCTN và trong phần thuyết minh BCTC và CBTT trên website MB - Mục Quan hệ nhà đầu tư
C.4	**Công bố giao dịch của bên liên kết (RPT)**		
C.4.1	Công ty có công bố chính sách về rà soát và phê duyệt GDBLQ trọng yếu/quan trọng?	V	MB thể hiện tại Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ và được CBTT website MB - Mục Quan hệ nhà đầu tư
C.4.2	Công ty có công bố tên của bên liên quan, mối quan hệ, bản chất và giá trị cho mỗi GDBLQ trọng yếu/quan trọng?	V	MB thể hiện tại các văn bản CBTT giao dịch với bên liên quan trên website và báo cáo tình hình quản trị MB và được CBTT website MB - Mục Quan hệ nhà đầu tư
C.5	**Thành viên và ủy viên giao dịch cổ phiếu của công ty**		
C.5.1	Công ty có công bố giao dịch cổ phiếu của công ty do người người nội bộ của công ty thực hiện?	V	MB thể hiện tại các văn bản CBTT giao dịch với bên liên quan trên website và báo cáo tình hình quản trị MB và được CBTT website MB - Mục Quan hệ nhà đầu tư
C.6	**Kiểm toán độc lập và báo cáo kiểm toán**		
Trường hợp cùng công ty kiểm toán cung cấp cả dịch vụ kiểm toán và phi kiểm toán			
C.6.1	Phí dịch vụ kiểm toán và phi kiểm toán có được công bố?	X	MB thực hiện CBTT về ký kết hợp đồng với công ty kiểm toán nhưng chưa công bố mức phí dịch vụ do chính sách bảo mật thông tin của đơn vị kiểm toán
C.6.2	Phí phi kiểm toán có vượt quá phí kiểm toán không?	X	MB thực hiện CBTT về ký kết hợp đồng với công ty kiểm toán nhưng chưa công bố mức phí dịch vụ do chính sách bảo mật thông tin của đơn vị kiểm toán
C.7	**Phương tiện truyền thông**		
Công ty có sử dụng các phương thức liên lạc sau đây không?			
C.7.1	Báo cáo quý	V	MB CBTT trên website Mục Nhà đầu tư. Ngoài ra có bản trình bày Tài liệu Nhà đầu tư phân tích kết quả kinh doanh hàng quý
C.7.2	Trang thông tin điện tử của công ty	V	Thông tin của MB được đăng tải thường xuyên đầy đủ trên website, các CBTT đều ở dạng văn bản song ngữ Việt - Anh
C.7.3	Đánh giá của chuyên gia phân tích	V	MB đã thực hiện 70 cuộc gặp các Quỹ đầu tư, Nhà phân tích trong và ngoài nước cập nhật kết quả kinh doanh, triển vọng phát triển của ngân hàng
C.7.4	Thông tin trên phương tiện truyền thông/họp báo	V	MB thực hiện các hoạt động tiếp xúc Nhà đầu tư, cung cấp thông tin tới cơ quan truyền thông, tổ chức Hội nghị Nhà đầu tư mời các phóng viên báo chí đến dự đưa tin
C.8	**Nộp/phát hành kịp thời các báo cáo tài chính/hàng năm**		

Mã số	Tiêu chí	Mức độ đáp ứng tại MB	Ghi chú/dẫn chứng
C.8.1	Báo cáo tài chính năm đã kiểm toán có được công bố công khai trong vòng 120 ngày kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính?	V	MB tuân thủ đảm bảo theo quy định pháp luật
C.8.2	Báo cáo thường niên có được công bố công khai trong vòng 120 ngày kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính?	V	MB tuân thủ đảm bảo theo quy định pháp luật
C.8.3	Sự trung thực và hợp lý của báo cáo tài chính năm có được HĐQT và/hoặc thành viên điều hành có thẩm quyền của công ty khẳng định?	V	MB tuân thủ đảm bảo theo quy định pháp luật
C.9	**Trang web công ty**		
Công ty có trang web công bố thông tin cập nhật về những điều sau đây không:			
C.9.1	Báo cáo Tài chính (quý gần nhất)	V	MB tuân thủ đảm bảo theo quy định pháp luật và CBTT đầy đủ trên website
C.9.2	Tài liệu của chuyên gia phân tích và cơ quan truyền thông	V	Thông tin về hoạt động các sản phẩm dịch vụ, phân tích biến động cổ phiếu MBB và các tài liệu dành cho các nhà đầu tư đều được phân tích và đăng tải trên website
C.9.3	Báo cáo thường niên có thể được tải về	V	MB tuân thủ đảm bảo theo quy định pháp luật và CBTT đầy đủ trên website và có thể tải về
C.9.4	Thông báo và tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên và/hoặc ĐHĐCĐ bất thường	V	MB tuân thủ đảm bảo theo quy định pháp luật và CBTT đầy đủ trên website
C.9.5	Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên và/hoặc ĐHĐCĐ bất thường	V	MB tuân thủ đảm bảo theo quy định pháp luật và CBTT đầy đủ trên website
C.9.6	Tài liệu pháp lý của công ty (Điều lệ công ty, bản ghi nhớ và các điều khoản của hiệp hội)	V	MB tuân thủ đảm bảo theo quy định pháp luật và CBTT đầy đủ trên website
C.10	**Quan hệ nhà đầu tư**		
C.10.1	Công ty có công bố thông tin liên hệ (vd: số điện thoại, fax, và email) của cán bộ/bộ phận chịu trách nhiệm về quan hệ nhà đầu tư?	V	Thể hiện đầy đủ tại website MB - Mục Quan hệ NĐT và BCTN chương 5 phần Báo cáo PTBV - Trách nhiệm với cổ đông và NĐT
D.	**Trách nhiệm của HĐQT**		
D.1	**Nhiệm vụ và trách nhiệm của Hội đồng quản trị**		
D.1.1	Công ty có công bố qui chế quản trị công ty/điều lệ hoạt động của HĐQT?	V	Thể hiện tại BCTN, tại chương 6, phần Quản trị công ty và được CBTT trên website MB
D.1.2	Các loại quyết định phải có phê duyệt của thành viên/ủy viên HĐQT có được công bố công khai?	V	CBTT đầy đủ trên website MB - Mục Quan hệ NĐT
D.1.3	Vai trò và trách nhiệm của thành viên/ủy viên HĐQT có được quy định và công bố rõ ràng?	V	Thể hiện tại Điều lệ MB và BCTN, tại chương 6, phần Quản trị công ty và được CBTT trên website MB - Mục Quan hệ NĐT
Tầm nhìn/Sứ mệnh doanh nghiệp			
D.1.4	Công ty có công bố về tầm nhìn, sứ mệnh sau khi đã được xem xét, cập nhật?	V	CBTT đầy đủ trên website MB - Mục Giới thiệu MB
D.1.5	Thành viên HĐQT có đóng vai trò lãnh đạo trong quá trình phát triển và đánh giá chiến lược của doanh nghiệp tối thiểu một năm một lần	V	Thể hiện tại Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT tại Tài liệu họp ĐHĐCĐ, BCTN, Báo cáo quản trị của MB và CBTT đầy đủ trên website MB - Mục Quan hệ NĐT

Mã số	Tiêu chí	Mức độ đáp ứng tại MB	Ghi chú/dẫn chứng
D.1.6	Thành viên HĐQT có quy trình xem xét, giám sát, theo dõi việc thực hiện chiến lược của công ty?	V	Thể hiện tại Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT tại Tài liệu họp ĐHĐCĐ, BCTN, Báo cáo quản trị của MB và CBTT đầy đủ trên website MB - Mục Quan hệ NĐT
D.2	**Cơ cấu hội đồng quản trị**		
Bộ Quy tắc Đạo đức hoặc Ứng xử			
D.2.1	Chi tiết của Bộ Quy tắc Đạo đức hoặc Ứng xử có được công bố công khai	V	MB đã ban hành trong hệ thống và có thể hiện nội dung này trên BCTN của MB
D.2.2	Công ty có công bố về việc tất cả thành viên/ủy viên HĐQT, lãnh đạo cấp cao và nhân viên phải tuân thủ bộ quy tắc?	V	MB đã ban hành trong hệ thống và có thể hiện nội dung này trên BCTN của MB
D.2.3	Công ty có quy trình thực hiện và giám sát việc tuân thủ Bộ Quy tắc Đạo đức/Ứng xử?	V	MB đã ban hành trong hệ thống và có thể hiện nội dung này trên BCTN của MB
Cấu trúc & Thành phần Hội đồng quản trị			
D.2.4	Các thành viên/ủy viên độc lập có chiếm ít nhất 50% hội đồng quản trị/ủy viên không?	X	HĐQT MB hiện có 01 TV HĐQT độc lập chưa đảm bảo theo Điều 69, Luật các TCTD năm 2024 (tối thiểu 2 TV độc lập HĐQT) nhưng được áp dụng theo Quy định chuyển tiếp tại Khoản 8, Điều 210 tại Luật các TCTD năm 2024, cụ thể là: HĐQT của TCTD được bầu trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 69 của Luật này được tiếp tục hoạt động đến hết nhiệm kỳ HĐQT.
D.2.5	Công ty có giới hạn về nhiệm kỳ tối đa 9 năm hoặc ít hơn hoặc tối đa 2 nhiệm kỳ 5 năm[1] đối với mỗi thành viên HĐQT độc lập? [1] Nhiệm kỳ 5 năm phải được yêu cầu bởi các đạo luật đã có từ trước khi đưa ra Thẻ Điểm Quản trị Công ty ASEAN vào năm 2011	V	Quy định tại Điều lệ MB, Quy chế quản trị nội bộ và Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT MB được CBTT trên website MB - Mục Quan hệ NĐT
D.2.6	Công ty có đặt ra giới hạn tối đa năm vị trí HĐQT mà một thành viên/ủy viên HĐQT độc lập/không điều hành có thể nắm giữ đồng thời tại những công ty khác không?	V	Quy định tại Điều lệ MB, Quy chế quản trị nội bộ và Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT MB được CBTT trên website MB Quan hệ NĐT
D.2.7	Công ty có thành viên HĐQT điều hành nào phục vụ tại hơn 2 HĐQT của các công ty niêm yết ngoài tập đoàn?	V	MB không phát sinh trường hợp này
Ủy ban Nhân sự/Đề cử			
D.2.8	Công ty có Ủy ban Nhân sự hay không?	V	MB có UBNS trực thuộc HĐQT
D.2.9	Ủy ban Nhân sự có bao gồm đa số là thành viên/ủy viên HĐQT độc lập?	X	UBNS không bao gồm TV độc lập HĐQT
D.2.10	Chủ tịch của Ủy ban Nhân sự có phải là thành viên/ủy viên HĐQT độc lập?	X	Chủ tịch UBNS không phải là TV HĐQT độc lập
D.2.11	Công ty có công bố quy chế hoạt động cơ cấu quản trị/ điều lệ của Ủy ban Nhân sự?	V	Thể hiện tại BCTN, phần Quản trị công ty và Báo cáo tình hình quản trị MB và được CBTT trên website MB - Mục Quan hệ NĐT
D.2.12	Sự tham gia của thành viên trong các cuộc họp của Ủy ban Nhân sự có được công bố công khai, nếu có, Ủy ban Nhân sự có họp tối thiểu hai lần trong năm ?	V	Thể hiện tại BCTN, phần Quản trị công ty và Báo cáo tình hình quản trị MB được CBTT trên website MB - Mục Quan hệ NĐT
Ủy ban Thù lao/ Lương thưởng			

Mã số	Tiêu chí	Mức độ đáp ứng tại MB	Ghi chú/dẫn chứng
D.2.13	Công ty có Ủy ban Thù lao không?	V	MB có UBNS trực thuộc HĐQT có nhiệm vụ tham mưu cho HĐQT các vấn đề liên quan đến chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng.
D.2.14	Ủy ban Thù lao có bao gồm đa số là thành viên/ủy viên HĐQT độc lập?	X	UBNS không bao gồm TV độc lập HĐQT
D.2.15	Chủ tịch của Ủy ban Thù lao có phải là thành viên/ủy viên HĐQT độc lập?	X	Chủ tịch UBNS không phải là TV HĐQT độc lập
D.2.16	Công ty có công bố quy chế hoạt động/cơ cấu quản trị/ điều lệ của Ủy ban Thù lao?	V	Thể hiện tại BCTN, phần Quản trị công ty và Báo cáo tình hình quản trị MB được CBTT trên website MB - Mục Quan hệ NĐT
D.2.17	Sự tham gia của thành viên trong các cuộc họp của Ủy ban Thù lao có được công bố công khai, nếu có, Ủy ban Thù lao có họp tối thiểu hai lần trong năm ?	V	UBNS tại MB đảm bảo họp tối thiểu hai lần trong năm. Các cuộc họp có ghi lại biên bản họp với thời gian, địa điểm, nội dung họp công khai
Ủy ban kiểm toán			
D.2.18	Công ty có Ủy ban Kiểm toán không?	V	Mô hình quản trị của MB có BKS, trong đó có Cơ quan KTNB thuộc BKS
D.2.19	Ủy ban Kiểm toán có bao gồm toàn bộ thành viên/ủy viên HĐQT không điều hành với đa số thành viên/ủy viên HĐQT độc lập?	V	BKS hoạt động độc lập với HĐQT và BĐH và chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao
D.2.20	Chủ tịch của Ủy ban Kiểm toán có phải là thành viên HĐQT độc lập?	V	Trưởng BKS hoạt động độc lập với HĐQT
D.2.21	Công ty có công bố quy chế hoạt động/cơ cấu quản trị/ điều lệ của Ủy ban Kiểm toán?	V	MB thực hiện công bố Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS MB trên website MB Mục Quan hệ NĐT và tại BCTN, phần Quản trị công ty
D.2.22	Tối thiểu một thành viên/ủy viên HĐQT độc lập của Ủy ban Kiểm toán có chuyên môn về kế toán không (trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm kế toán)?	V	5/5 TV BKS MB có kinh nghiệm/chuyên môn về kế toán
D.2.23	Sự tham gia của thành viên trong các cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán có được công bố công khai, nếu có, Ủy ban Kiểm toán có họp tối thiểu bốn lần trong năm?	V	Thể hiện tại BCTN, phần Quản trị công ty và Báo cáo tình hình quản trị công ty được CBTT trên website MB Mục Quan hệ NĐT
D.2.24	Ủy ban Kiểm toán có trách nhiệm chính trong việc đưa ra khuyến nghị về bổ nhiệm, và miễn nhiệm kiểm toán độc lập?	V	BKS trình ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập trên cơ sở 04 công ty kiểm toán Big4 trên thị trường
D.3	**Quy trình hội đồng quản trị**		
Các cuộc họp hội đồng quản trị và tham dự			
D.3.1	Họp HĐQT có được lập kế hoạch trước khi bắt đầu năm tài chính?	V	Lịch họp HĐQT được lập kế hoạch trước khi bắt đầu năm tài chính
D.3.2	Thành viên/Ủy viên HĐQT có họp tối thiểu sáu lần trong năm?	V	Thể hiện tại BCTN và BC tình hình quản trị MB được CBTT trên website Quan hệ NĐT MB
D.3.3	Mỗi thành viên/Ủy viên HĐQT có tham dự tối thiểu 75% số cuộc họp HĐQT trong năm?	V	Thể hiện tại BCTN và BC tình hình quản trị MB được CBTT trên website Quan hệ NĐT MB
D.3.4	Công ty có yêu cầu về số đại biểu tham dự tối thiểu phải đạt 2/3 số thành viên HĐQT đối với các cuộc họp cần ra quyết định của HĐQT?	V	Thể hiện tại Điều lệ và Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT MB được CBTT trên website Quan hệ NĐT MB
D.3.5	Thành viên/Ủy viên HĐQT không điều hành của công ty có họp riêng tối thiểu một lần trong năm mà không có mặt các thành viên điều hành?	X	MB sẽ nghiên cứu triển khai trong tương lai

Mã số	Tiêu chí	Mức độ đáp ứng tại MB	Ghi chú/dẫn chứng
Tiếp cận thông tin			
D.3.6	Văn bản cho các cuộc họp HĐQT có được cung cấp cho HĐQT tối thiểu năm ngày làm việc trước khi diễn ra cuộc họp HĐQT?	X	MB hiện tại đang quy định Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 3 ngày làm việc trước họp (phù hợp với khoản 6, Điều 157 Luật Doanh nghiệp 2020 là 3 ngày làm việc)
D.3.7	Thư ký công ty có đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ HĐQT thực hiện trách nhiệm của mình?	V	Quy định tại Quy chế Quản trị nội bộ MB được CBTT trên website - Mục Quan hệ NĐT
D.3.8	Thư ký công ty có được đào tạo về pháp lý, kế toán hay thực hành công tác thư ký công ty và được cập nhật các vấn đề mới có liên quan các nội dung trên?	V	Người phụ trách quản trị công ty đồng thời Thư ký công ty (quy định tại Quy chế quản trị nội bộ MB) hiện là Chánh Văn phòng HĐQT MB
Bổ nhiệm Hội đồng quản trị và bầu cử lại			
D.3.9	Công ty có công bố các tiêu chí sử dụng để lựa chọn thành viên/Ủy viên HĐQT mới?	V	Thể hiện tại Điều lệ MB, tài liệu họp ĐHĐCĐ được công bố trên website MB để cổ đông có thể nghiên cứu trước khi tham dự cuộc họp
D.3.10	Công ty có mô tả quy trình được áp dụng trong việc bổ nhiệm thành viên/ủy viên HĐQT mới?	V	Thể hiện tại Điều lệ MB và các quy chế để cử, ứng cử TV HĐQT được công bố trên website Quan hệ NĐT MB
D.3.11	Tất cả các thành viên/ủy viên có được bầu lại 3 năm một lần không; hoặc 5 năm đối với công ty niêm yết ở các nước có pháp luật quy định thời hạn 5 năm[2] mỗi năm? [2]Nhiệm kỳ 5 năm phải được yêu cầu bởi các đạo luật đã có từ trước khi có Thẻ Điểm Quản trị Công ty ASEAN vào năm 2011	V	Thể hiện tại Điều lệ MB được công bố trên website Quan hệ NĐT MB
Vấn đề thù lao			
D.3.12	Cổ đông hay HĐQT có thông qua thù lao của thành viên HĐQT điều hành và/hoặc lãnh đạo cấp cao?	V	Thể hiện trên Biên bản ĐHĐCĐ đăng tải trên website MB
D.3.13	Công ty có các chính sách, tiêu chuẩn có thể đo lường để gắn mức thù lao chi trả dựa trên thành tích của các thành viên HĐQT điều hành hoặc ban điều hành với lợi ích lâu dài của công ty, chẳng hạn như áp dụng điều khoản thu hồi, chính sách khoản thưởng hoãn lại (Clawback provision, deffered bonus)?	V	Thể hiện trên Biên bản ĐHĐCĐ đăng tải trên website MB
Kiểm toán nội bộ			
D.3.14	Công ty có bộ phận kiểm toán nội bộ riêng biệt?	V	MB có Cơ quan KTNB trực thuộc BKS
D.3.15	Trưởng bộ phận kiểm toán nội bộ có được công bố, hoặc nếu được thuê ngoài, tên của công ty thuê ngoài có được công bố công khai?	V	MB thực hiện công bố trên BCTN, phần Giới thiệu nhân sự được công bố trên website Quan hệ NĐT MB
D.3.16	Việc bổ nhiệm và miễn nhiệm kiểm toán nội bộ có phải được Ủy ban Kiểm toán thông qua?	V	Việc bổ nhiệm và miễn nhiệm KTNB phải được BKS thông qua
Giám sát rủi ro			
D.3.17	Công ty có công bố quy trình kiểm soát nội bộ/hệ thống quản lý rủi ro và định kỳ xem xét tính hiệu quả của hệ thống mà công ty đang thực hiện?	V	Thể hiện tại BCTN, phần Quản trị công ty được CBTT trên website Quan hệ NĐT MB
D.3.18	Báo cáo thường niên/Báo cáo quản trị công ty thường niên có công bố rằng thành viên/ủy viên HĐQT đã rà soát các chốt kiểm soát trọng yếu của công ty (bao gồm các chốt kiểm soát về hoạt động, tài chính và tuân thủ) và các hệ thống quản lý rủi ro?	V	Thể hiện tại BCTN, phần Quản trị công ty được CBTT trên website Quan hệ NĐT MB

Mã số	Tiêu chí	Mức độ đáp ứng tại MB	Ghi chú/dẫn chứng
D.3.19	Công ty có công bố cách thức quản lý các rủi ro quan trọng (như tài chính, vận hành bao gồm công nghệ thông tin, môi trường, xã hội và kinh tế)?	V	Thể hiện tại BCTN, phần Quản trị công ty được CBTT trên website Quan hệ NĐT MB
D.3.20	Báo cáo thường niên/Báo cáo quản trị công ty có trình bày tuyên bố của thành viên HĐQT hay Ủy ban Kiểm toán về sự đầy đủ của các chốt kiểm soát nội bộ/hệ thống quản lý rủi ro của công ty?	V	Thể hiện tại BCTN, phần Quản trị công ty được CBTT trên website Quan hệ NĐT MB
D.4	**Những người trong Hội đồng quản trị**		
Chủ tịch Hội đồng quản trị			
D.4.1	Hai người khác nhau đảm nhiệm vị trí chủ tịch HĐQT và TGĐ?	V	MB có chức danh Chủ tịch HĐQT hiện không kiêm nhiệm TGĐ
D.4.2	Chủ tịch có phải là thành viên/Ủy viên HĐQT độc lập?	X	Chủ tịch HĐQT MB không phải là TV độc lập HĐQT
D.4.3	Có bất kỳ thành viên HĐQT là nguyên Tổng Giám đốc/ Giám đốc điều hành của công ty trong 2 năm trước?	V	MB không phát sinh trường hợp này
D.4.4	Vai trò và trách nhiệm của chủ tịch có được công bố công khai?	V	Thể hiện tại Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ và Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT MB được CBTT trên website Quan hệ NĐT MB
Thành viên độc lập chính			
D.4.5	Nếu chủ tịch không phải là thành viên HĐQT độc lập, HĐQT có bầu chọn Trưởng thành viên/thành viên độc lập và vai trò của vị trí này có được xác định rõ ràng?	X	MB có 1 TV độc lập HĐQT
Kỹ năng và năng lực			
D.4.6	Công ty có tối thiểu một thành viên/ủy viên HĐQT không điều hành có kinh nghiệm làm việc trước đó trong lĩnh vực chính mà công ty đang hoạt động?	V	Các TV HĐQT đều có kinh nghiệm trongl ĩnh vực tài chính – ngân hàng
D.5	**Hiệu suất hội đồng quản trị**		
Phát triển thành viên HĐQT			
D.5.1	Công ty có chương trình định hướng cho thành viên/ủy viên HĐQT mới?	V	Các TV HĐQT đều được phổ biến đầy đủ về các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và hoạt động của HĐQT
D.5.2	Công ty có chính sách khuyến khích thành viên HĐQT tham gia các chương trình đào tạo liên tục hay đào tạo chuyên môn?	V	Hàng năm, các TV HĐQT đều tham gia các chương trình đào tạo nâng cao nâng lực chuyên môn để cập nhật các kiến thức mới, chi tiết trong mục các khóa hoạc đào tạo trong Báo cáo quản trị của MB và được CBTT trên website MB - Mục quan hệ NĐT
Các bổ nhiệm và hiệu suất quản lý CEO/điều hành			
D.5.3	Công ty có công bố cách thức thành viên/ủy viên HĐQT xây dựng kế hoạch kế nhiệm cho vị trí TGĐ/Giám đốc Điều hành/Quản lý chủ chốt?	V	Các chức danh quản lý cấp cao của MB như: Chủ tịch, Thành viên HĐQT, TGĐ, Phó TGĐ đều thực hiện đáp ứng các tiêu chuẩn của pháp luật
D.5.4	Thành viên/ủy viên HĐQT có thực hiện đánh giá hiệu quả hàng năm đối với TGĐ/Giám đốc Điều hành/Quản lý chủ chốt?	V	Thể hiện tại BCTN, phần Đánh giá của HĐQT về hoạt động của MB và Báo cáo tình hình quản trị công ty, được CBTT trên website Quan hệ NĐT MB
Đánh giá HĐQT			
D.5.5	Công ty có tiến hành đánh giá năng lực hằng năm đối với Ban thành viên/ủy viên HĐQT và công bố quy trình đánh giá cũng như các tiêu chí dùng trong đánh giá?	V	Thể hiện tại BCTN, phần Quản trị công ty được CBTT trên website Quan hệ NĐT MB

Mã số	Tiêu chí	Mức độ đáp ứng tại MB	Ghi chú/dẫn chứng
Đánh giá thành viên			
D.5.6	Công ty có tiến hành đánh giá năng lực hằng năm đối với từng Thành viên HĐQT và BKS và công bố quy trình đánh giá cũng như các tiêu chí dùng trong đánh giá?	V	Thể hiện tại BCTN, phần Quản trị công ty được CBTT trên website Quan hệ NĐT MB
Đánh giá Ủy ban			
D.5.7	Công ty có tiến hành đánh giá năng lực hằng năm đối với các Ủy ban của HĐQT và công bố quy trình đánh giá cũng như các tiêu chí dùng trong đánh giá	V	Thể hiện tại BCTN, phần Quản trị công ty được CBTT trên website Quan hệ NĐT MB
Cấp độ 2	**Thẻ điểm thưởng**		
(B)A.	**Quyền và đối xử công bằng với cổ đông**		
(B)A.1	Quyền tham gia và biểu quyết có hiệu quả trong cuộc họp đại hội đồng cổ đông và phải được thông báo về các quy tắc, bao gồm cả thủ tục biểu quyết, chi phối cuộc họp đại hội đồng cổ đông.	V	Nêu tại BCTN phần Thượng tôn pháp luật được công bố trên website Quan hệ NĐT MB
(B)A.1.1	Công ty có cho phép sử dụng biểu quyết vắng mặt bằng phương thức điện tử theo thời gian thực có đảm bảo tại đại hội cổ đông?	X	Không phát sinh tại MB
(B)A.2	Thông báo ĐHĐCĐ		
(B)A.2.1	Công ty có ra thông báo về ĐHĐCĐ thường niên (có chương trình chi tiết và thông báo giải thích), như thông báo cho Sở Giao dịch, tối thiểu 28 ngày trước ngày họp?	X	MB thực hiện quy định theo Luật hiện hành
(B)B.	**Tính bền vững và khả năng phục hồi**		
(B)B.1			
(B)B.1.1	Công ty có công bố cách quản lý rủi ro và cơ hội liên quan đến khí hậu không?	V	Nêu tại BCTN phần Quản trị phát triển bền vững được công bố trên website Quan hệ NĐT MB
(B)B.1.2	Công ty có công bố rằng Báo cáo bền vững / Báo cáo bền vững của mình được đảm bảo bên ngoài không?	X	Không phát sinh tại MB
(B)B.1.3	Công ty có công bố kênh tương tác với các nhóm bên liên quan không và cách công ty phản ứng với các mối quan tâm ESG của các bên liên quan?	V	Nêu tại BCTN phần Quản trị phát triển bền vững được công bố trên website Quan hệ NĐT MB
(B)B.1.4	Công ty có một bộ phận/Ủy ban chuyên trách về các vấn đề ESG không?	V	Nêu tại BCTN phần Quản trị phát triển bền vững được công bố trên website Quan hệ NĐT MB
(B)B.1.5	Công ty có công bố sự giám sát của hội đồng quản trị/ủy viên đối với các rủi ro và cơ hội liên quan đến tính bền vững không?	V	Nêu tại BCTN phần Quản trị phát triển bền vững được công bố trên website Quan hệ NĐT MB
(B)B.1.6	Công ty có công bố mối liên hệ giữa thành viên điều hành và thù lao quản lý cấp cao và hiệu suất bền vững cho năm trước không?	X	Không phát sinh tại MB
(B)B.1.7	Hệ thống Whistle Blowing của công ty có được quản lý bởi các bên/tổ chức độc lập không?	X	Không phát sinh tại MB
(B)C.	**Công bố thông tin và minh bạch**		
(B)C.1	Chất lượng báo cáo thường niên	V	Được rà soát và đảm bảo chất lượng. Năm 2024, MB được giải BCTN tốt trong số các DN nhóm ngành tài chính
(B)C.1.1	Báo cáo/Công bố tài chính hàng năm được kiểm toán có được công bố công khai trong vòng 60 ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính?	V	Nêu tại BCTN phần Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán được công bố trên website Quan hệ NĐT MB

Mã số	Tiêu chí	Mức độ đáp ứng tại MB	Ghi chú/dẫn chứng
(B)D.	**Trách nhiệm của HĐQT**		
(B)D.1	Năng lực và sự đa dạng của hội đồng quản trị	V	Nêu tại BCTN phần Quản trị công ty được công bố trên website Quan hệ NĐT MB
(B)D.1.1	Công ty có tối thiểu một thành viên/ủy viên HĐQT độc lập là nữ?	X	Không phát sinh tại MB
(B)D.1.2	Công ty có chính sách và công bố các mục tiêu có thể đo lường để thực thi sự đa dạng của HĐQT và báo cáo tiến độ đạt được?	X	Không phát sinh tại MB
(B)D.2	Cơ cấu hội đồng quản trị	V	Nêu tại BCTN phần Quản trị công ty được công bố trên website Quan hệ NĐT MB
(B)D.2.1	Ủy ban Nhân sự có bao gồm toàn bộ thành viên HĐQT là thành viên/ủy viên độc lập?	X	Không phát sinh tại MB
(B)D.2.2	Ủy ban Nhân sự có thực hiện quy trình xây dựng tiêu chí chất lượng các thành viên HĐQT phù hợp với định hướng chiến lược của công ty?	X	Không phát sinh tại MB
(B)D.3	Bổ nhiệm Hội đồng quản trị và bầu cử lại	V	Nêu tại BCTN phần Quản trị công ty được công bố trên website Quan hệ NĐT MB
(B)D.3.1	Công ty có sử dụng các công ty tìm kiếm hay nguồn ứng cử viên độc lập bên ngoài (như cơ sở dữ liệu thành viên HĐQT do các viện thành viên HĐQT hay hiệp hội cổ đông thiết lập) khi tìm kiếm ứng cử viên cho thành viên/ủy viên HĐQT?	X	Không phát sinh tại MB
(B)D.4	Cấu trúc & Thành phần Hội đồng quản trị	V	Nêu tại BCTN phần Quản trị công ty được công bố trên website Quan hệ NĐT MB
(B)D.4.1	Công ty có số thành viên/ủy viên HĐQT độc lập không điều hành chiếm trên 50% số thành viên/ủy viên HĐQT với chủ tịch là thành viên độc lập?	X	Không phát sinh tại MB
(B)D.5	Giám sát rủi ro		
(B)D.5.1	Công ty có công bố rằng Hội đồng quản trị của mình đã xác định rủi ro chính liên quan đến công nghệ thông tin bao gồm gián đoạn, an ninh mạng và khắc phục thảm họa, để đảm bảo rằng các rủi ro đó được quản lý và tích hợp vào khuôn khổ quản lý rủi ro tổng thể không?	V	Nêu tại BCTN phần Công tác quản lý rủi ro trọng yếu được công bố trên website Quan hệ NĐT MB
(B)D.6	Hiệu suất hội đồng quản trị		
(B)D.6.1	Công ty có Ủy ban quản lý Rủi ro riêng biệt?	V	Nêu tại BCTN phần Công tác quản lý rủi ro được công bố trên website Quan hệ NĐT MB
Cấp độ 2	**Thẻ điểm phạt**		
(P)A.	**Quyền và đối xử công bằng với cổ đông**		
(P)A.1	Quyền cổ đông cơ bản	V	Nêu tại BCTN phần các bên liên quan được công bố trên website Quan hệ NĐT MB
(P)A.1.1	Công ty thất bại hoặc sơ suất trong việc đối xử bình đẳng đối với việc mua lại cổ phần đối với tất cả các cổ đông?	X	Không phát sinh tại MB
(P)A.2	Các cổ đông, bao gồm cả các cổ đông tổ chức, nên được phép tham khảo ý kiến lẫn nhau về các vấn đề liên quan đến quyền cổ đông cơ bản của họ như được định nghĩa trong Nguyên tắc, tùy thuộc vào các trường hợp ngoại lệ để ngăn chặn lạm dụng.	X	Không phát sinh tại MB
(P)A.2.1	Có bằng chứng gì về rào cản đối với việc cổ đông bị ngăn chặn không được trao đổi thông tin hoặc tham khảo ý kiến các cổ đông khác?	X	Không phát sinh tại MB
(P)A.3	Quyền tham gia và biểu quyết có hiệu quả trong cuộc họp đại hội đồng cổ đông và phải được thông báo về các quy tắc, bao gồm cả thủ tục biểu quyết, chi phối cuộc họp đại hội đồng cổ đông.	V	Nêu tại BCTN phần Thượng tôn pháp luật và các bên liên quan được công bố trên website Quan hệ NĐT MB

Mã số	Tiêu chí	Mức độ đáp ứng tại MB	Ghi chú/dẫn chứng
(P)A.3.1	Công ty có đưa nội dung bổ sung và không được thông báo trước trong chương trình nghị sự vào thông báo ĐHĐCĐ thường niên/ĐHĐCĐ bất thường?	X	Không phát sinh tại MB
(P)A.3.2	Là Chủ tịch Hội đồng quản trị và Chủ tịch của tất cả các Ủy ban Hội đồng quản trị và Tổng thành viên vắng mặt trong Đại hội đồng cổ đông gần đây nhất?	X	Không phát sinh tại MB
(P)A.4	Cấu trúc vốn và thỏa thuận cho phép một số cổ đông nhất định có được mức độ kiểm soát không tương xứng với quyền sở hữu vốn chủ sở hữu của họ nên được công bố.		
Công ty đã không công bố sự tồn tại của:			
(P)A.4.1	Thỏa thuận cổ đông?	X	Không phát sinh tại MB
(P)A.4.2	Giới hạn biểu quyết?	X	Không phát sinh tại MB
(P)A.4.3	Cổ phiếu có nhiều quyền biểu quyết?	X	Không phát sinh tại MB
(P)A.5	Cấu trúc vốn và thỏa thuận cho phép một số cổ đông nhất định có được mức độ kiểm soát không tương xứng với quyền sở hữu vốn chủ sở hữu của họ nên được công bố.		
(P)A.5.1	Cấu trúc sở hữu kim tự tháp và/hoặc cấu trúc sở hữu sở hữu chéo có tồn tại không?	X	Không phát sinh tại MB
(P)A.6	Giao dịch nội gián và tự giao dịch lạm dụng nên bị cấm.		
(P)A.6.1	Công ty bị kết luận vi phạm về giao dịch nội gián liên quan đến thành viên/ủy viên HĐQT, ban điều hành và nhân viên công ty trong 3 năm qua?	X	Không phát sinh tại MB
(P)A.7	Bảo vệ cổ đông thiểu số khỏi hành động lạm dụng		
(P)A.7.1	Có trường hợp nào không tuân thủ luật pháp,quy tắc và quy định liên quan đến giao dịch trọng yếu với bên liên quan trong ba năm vừa qua không?	X	Không phát sinh tại MB
(P)A.7.2	Có bất kỳ giao dịch bên liên quan nào có thể được phân loại là hỗ trợ tài chính (nghĩa là không được thực hiện hợp trên cơ sở thị trường) cho các đơn vị không phải công ty con?	X	Không phát sinh tại MB
(P)B.1	**Quyền của các bên liên quan được thiết lập bởi pháp luật hoặc thông qua các thỏa thuận chung phải được tôn trọng.**		
(P)B.1.1	Có vi phạm luật pháp nào về các vấn đề lao động/việc làm/người tiêu dùng/phá sản/thương mại/cạnh tranh hay môi trường?	X	Không phát sinh tại MB
(P)B.2	Khi các bên liên quan tham gia vào quá trình quản trị công ty, họ cần được tiếp cận với thông tin phù hợp, đầy đủ và đáng tin cậy một cách kịp thời và thường xuyên.		
(P)B.2.1	Công ty có phải chịu bất kỳ hình phạt nào của cơ quan quản lý vì đã không công bố thông tin trong khoảng thời gian được yêu cầu đối với các sự kiện trọng yếu?	X	Không phát sinh tại MB
(P)B.2.2	Có bằng chứng nào cho thấy công ty đang tham gia vào các hoạt động "tẩy xanh" không?	X	Không phát sinh tại MB

Mã số	Tiêu chí	Mức độ đáp ứng tại MB	Ghi chú/dẫn chứng
(P)C.	**Công bố thông tin và minh bạch**		
(P)C.1	Chế tài từ cơ quan quản lý đối với báo cáo tài chính		
(P)C.1.1	Công ty có nhận được "ý kiến loại trừ" trong báo cáo kiểm toán độc lập?	X	Không phát sinh tại MB
(P)C.1.2	Công ty có nhận được "ý kiến trái ngược" trong báo cáo kiểm toán độc lập?	X	Không phát sinh tại MB
(P)C.1.3	Công ty có nhận được "từ chối đưa ra ý kiến" trong báo cáo kiểm toán độc lập?	X	Không phát sinh tại MB
(P)C.1.4	Công ty có sửa đổi Báo cáo Tài chính trong năm vừa qua vì những lý do khác với lý do thay đổi trong chính sách kế toán?	X	Không phát sinh tại MB
(P)D.	**Trách nhiệm của Hội đồng quản trị**		
(P)D.1	Tuân thủ các quy tắc, quy định niêm yết và luật hiện hành		
(P)D.1.1	Có bằng chứng nào cho thấy công ty đã không tuân thủ bất kỳ quy tắc và quy định niêm yết nào ngoài các quy tắc công bố thông tin trong năm qua không?	X	Không phát sinh tại MB
(P)D.1.2	Có trường hợp nào mà thành viên/ủy viên HĐQT không điều hành đã từ nhiệm và nêu ra bất kỳ lo ngại nào liên quan đến quản trị?	X	Không phát sinh tại MB
(P)D.2	Cơ cấu hội đồng quản trị		
(P)D.2.1	"Công ty có thành viên HĐQT độc lập nào đã phục vụ hơn 9 năm hay hai nhiệm kỳ 5 năm (chọn trường hợp nào cao hơn) với cùng chức trách? Nhiệm kỳ 5 năm phải được yêu cầu bởi các đạo luật đã có từ trước khi có Thẻ Điểm Quản trị Công ty ASEAN vào năm 2011"	X	Không phát sinh tại MB
(P)D.2.2	Có phải công ty đã không xác định chính xác mô tả của tất cả các thành viên là độc lập, không điều hành và điều hành?	X	Không phát sinh tại MB
(P)D.2.3	Công ty có bất kỳ thành viên/ủy viên HĐQT độc lập/ không điều hành nào giữ vài trò quản trị ở tổng cộng hơn 5 HĐQT của các công ty đại chúng?	X	Không phát sinh tại MB
(P)D.3	Kiểm toán bên ngoài		
(P)D.3.1	(Trong hai năm trước) Có thành viên HĐQT hay lãnh đạo điều hành cấp cao nào từng là nhân viên hoặc thành viên hợp danh của công ty kiểm toán độc lập hiện tại?	X	Không phát sinh tại MB
(P)D.4	Cấu trúc và thành phần hội đồng quản trị		
(P)D.4.1	Chủ tịch HĐQT có phải là TGĐ của công ty trong 3 năm qua không?	X	Không phát sinh tại MB
(P)D.4.2	Các thành viên/ủy viên độc lập không điều hành có được nhận các quyền chọn mua cổ phiếu, cổ phiếu thưởng không?	X	Không phát sinh tại MB

Hoạt động quan hệ với nhà đầu tư

Là một doanh nghiệp có niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán quốc gia, MB luôn kiên định với việc quản trị điều hành minh bạch, kinh doanh có trách nhiệm, đảm bảo quyền lợi của các cổ đông, nhà đầu tư. MB thể hiện nguyên tắc đảm bảo lợi ích và đối xử công bằng với cổ đông, nhà đầu tư; các hoạt động tăng cường tính công khai, cung cấp thông tin cho cổ đông, nhà đầu tư.

MB cam kết và nỗ lực ổn định cơ cấu cổ đông trong tập đoàn bền vững qua các năm và thực hiện đầy đủ các quyền của cổ đông (bao gồm nhà đầu tư cá nhân và khách hàng đại chúng), gắn bó và hợp tác chặt chẽ vì sự phát triển ổn định và bền vững; đối xử công bằng giữa các cổ đông, đảm bảo công khai, minh bạch; đồng thời tiếp tục triển khai các giải pháp duy trì năng lực tài chính dài hạn, nỗ lực không ngừng tạo ra giá trị, đảm bảo lợi ích trước mắt cũng như lâu dài cho đối tác, cổ đông và khách hàng.

Chính sách cổ tức của MB được xây dựng trên cơ sở hài hòa giữa tăng lợi ích cho cổ đông và cân đối, đảm bảo nguồn lực phát triển bền vững cho MB. MB áp dụng chính sách chi trả cổ tức linh hoạt, hợp lý giữa việc đảm bảo cổ tức tiền mặt và cổ tức bằng cổ phiếu hàng năm cho các cổ đông theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước, đồng thời tính đến đảm bảo khả năng tài chính để MB phát triển trong tương lai.

Bên cạnh đó, MB thường xuyên tổ chức hoạt động trong năm để tăng cường sự kết nối, tính công khai và uy tín đối với cộng đồng nhà đầu tư. MB đã xây dựng các kênh thông tin đa dạng và dễ tiếp cận nhất đến nhà đầu tư. MB duy trì mối quan hệ hợp tác chặt chẽ với các đối tác để đạt được sự phát triển ổn định và bền vững. Không chỉ xây dựng mối quan hệ mà MB còn cam kết tiếp tục sự đồng hành lâu dài với khách hàng là cá nhân hoặc tổ chức trong và ngoài nước.

Với những nỗ lực kể trên, trong năm 2025 MB đã đạt được rất nhiều giải thưởng; là minh chứng cho nỗ lực không ngừng của MB trong việc nâng cao hình ảnh với cộng đồng đầu tư, trong đó phải kể đến giải Top 10 Báo cáo thường niên tốt nhất – ngành tài chính Cuộc bình chọn Doanh nghiệp niêm yết 2025 – Giải Báo cáo thường niên do Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh tổ chức, Top 3 Doanh nghiệp niêm yết có vốn hóa lớn (Large Cap) được nhà đầu tư yêu thích nhất tại IR Awards 2025 do Hiệp hội các Nhà quản trị Tài chính Việt Nam, Tạp chí điện tử Tài chính và Cuộc sống và Vietstock đồng tổ chức.

Với tầm nhìn

Trở thành "Doanh nghiệp số, Tập đoàn tài chính dẫn đầu"

MB đã, đang và sẽ tiếp tục tiên phong trong chuyển đổi số, đổi mới sản phẩm và nâng cao trải nghiệm khách hàng. Do vậy, trong năm 2025 MB thành công chinh phục 35 triệu khách hàng, cột mốc này không chỉ thể hiện sự tin tưởng của khách hàng mà còn đánh dấu một bước đột phá mới, đưa MB bước vào giai đoạn tăng trưởng mạnh mẽ hơn, hướng tới mục tiêu cao hơn trong hành trình phát triển bền vững.

TOP 10
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN TỐT NHẤT
Ngành tài chính Cuộc bình chọn Doanh nghiệp niêm yết 2025

TOP 3
DOANH NGHIỆP NIÊM YẾT CÓ VỐN HOÁ LỚN (LARGE CAP)
Được nhà đầu tư yêu thích nhất tại IR Awards 2025

Hoạt động Quan hệ nhà đầu tư (IR) bắt buộc

Theo đó, đối với hoạt động IR bắt buộc, Bộ phận Quan hệ nhà đầu tư đã nghiêm túc thực hiện kịp thời và chính xác các yêu cầu về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo Thông tư 96/2020-BTC của Bộ Tài chính.

Trong năm 2025, Bộ phận Quan hệ nhà đầu tư đã thực hiện công bố 214 văn bản thuộc dạng bắt buộc, không phát sinh trường hợp nào vi phạm quy định CBTT của cơ quan chức năng. Các văn bản CBTT bất thường, định kỳ như Báo cáo Tài chính Quý, Báo cáo Hoạt động Quý, Báo cáo Thường niên, Điều lệ, các tài liệu Đại hội Cổ đông,…đều được thực hiện đồng thời bằng tiếng Việt và tiếng Anh đảm bảo các cổ đông nước ngoài kịp thời nắm bắt thông tin nhằm tạo ra sự công bằng quyền lợi giữa các cổ đông.

Hoạt động IR chủ động

Đối với hoạt động IR chủ động, trong năm 2025, chúng tôi không ngừng cải tiến nội dung, các kênh truyền thông, và thường xuyên tổ chức, tổ chức nhằm cung cấp cho quý nhà đầu tư, cổ đông những thông tin chính xác và kịp thời về hoạt động ngân hàng.

Chúng tôi đã cải tiến mục Nhà đầu tư chuyên nghiệp trên website của MB, tạo thuận lợi cho Nhà đầu tư dễ dàng tìm kiếm thông tin, hình ảnh một cách nhanh chóng, thuận tiện. Đồng thời cải tiến và xây dựng các Báo cáo cập nhật phân tích kết quả kinh doanh của MB để gửi Nhà đầu tư ngay sau khi báo cáo tài chính được công bố định kỳ hàng quý bằng tiếng Anh và tiếng Việt.

IR MBBank cũng tích cực tham gia các sự kiện, hội thảo trong nước và ngoài nước như Sự kiện Vietnam Access Day 2025 do Vietcapital tổ chức, Hội nghị Nhà đầu tư "Emerging Vietnam 2025" do HSC tổ chức, Sự kiện tiếp xúc nhà đầu tư của UBS, Sự kiện Asean Corporate Day do Maybank tổ chức,...

Chúng tôi cũng tổ chức thành công các Hội nghị Nhà đầu tư định kỳ trong năm 2025 (định kỳ 6 tháng/lần) dưới hình thức trực tiếp và trực tuyến do Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc chủ trì. Sự kiện được nhà đầu tư đánh giá cao và truyền thông rộng rãi qua các kênh báo giới và mạng xã hội.

Ngoài ra, IR MBBank cũng tích cực phối hợp các công ty chứng khoán hàng đầu bao gồm Vietcapital, SSI, HSC, VnDirect, MBS, UBS, MayBank KimEng… tiếp xúc với các nhà đầu tư trực tiếp, tổ chức các sự kiện tiếp xúc nhà đầu tư theo nhóm lớn tại Trụ sở MBBank với sự tham gia của đại diện các khối chức năng trong ngân hàng như Khối Quản trị rủi ro, Khối đầu tư, Khối Tài chính Kế toán,… nhằm cung cấp đến cổ đông, cộng đồng nhà đầu tư và các chuyên gia phân tích thông tin sâu về các chương trình hành động và hiệu quả hoạt động ngân hàng.

Trong năm 2025, IR MBBank cũng đã tổ chức gặp gỡ hàng trăm lượt đại diện của các quỹ đầu tư dưới hình thức trực tiếp và trực tuyến và kịp thời giải đáp các giải đáp thắc mắc của nhà đầu tư trong và ngoài nước qua các hình thức email, điện thoại và trực tuyến qua các nền tảng như Teams, Zoom,...

Trong thời gian tới, chúng tôi sẽ tiếp tục nâng cấp các hoạt động IR bắt buộc và chủ động.

01 **Tăng cường chủ động, minh bạch trong công bố thông tin.**

02 **Tiếp tục tăng cường độ tin cậy của dữ liệu.**

03 **Tăng cường các kênh, tài liệu trao đổi thông tin với nhà đầu tư. Theo đó, bên cạnh việc thường xuyên tổ chức, tham gia các sự kiện, tăng cường các kênh thông tin, chúng tôi sẽ cải tiến và phát triển thêm các tài liệu cung cấp thông tin cho nhà đầu tư. Trong năm 2025, chúng tôi đã cải tiến Báo cáo thường niên của Ngân hàng nhằm cung cấp các thông tin chi tiết và bao quát tới cổ đông và cộng đồng nhà đầu tư, quý đối tác.**

STT	Sự kiện	Đơn vị tổ chức	Thời gian	Địa điểm	Kết quả thu được
1	Vietnam Access Day 2025	Vietcapital	Q1/ 2025	Hồ Chí Minh	MB tham dự hội nghị đầu tư lớn nhất Việt Nam, kết nối các doanh nghiệp hàng đầu trong nước và các nhà đầu tư toàn cầu để thảo luận về các xu hướng thị trường mới nhất và các cơ hội đầu tư tiềm năng. MB đã thuyết trình nhóm lớn và các cuộc họp nhóm nhỏ với các cổ đông cập nhật kết quả kinh doanh và triển vọng 2025
2	Hội nghị Nhà đầu tư	MB	Q1/ 2025	Online	Nhà đầu tư được cập nhật kết quả kinh doanh và triển vọng của MB đồng thời tương tác đặt câu hỏi với Chủ Tịch HĐQT và các lãnh đạo cấp cao của ngân hàng
3	Đại hội Cổ đông Thường niên	MB	Q2/ 2025	Hà Nội	Các cổ đông tham dự có quyền biểu quyết về các vấn đề của ngân hàng như thông qua BCTC, phương án về vốn điều lệ… đảm bảo quyền cổ đông
4	Vietnam Emerging Day 2025	HSC	Q2/2025	Hồ Chí Minh	MB tham dự sự kiến với cộng đồng đầu tư trong và ngoài nước nhằm nâng cao vị thế, hình ảnh của MB trên thị trường
5	Asean Corporate Day	Maybank	Q2/ 2025	Malaysia	Tham dự hội nghị có quy mô trong khu vực, MB đã gặp gỡ các nhà đầu tư cập nhật về các chiến lược của MB và những mục tiêu mới trong ngắn hạn và trung hạn mở rộng với các nhà đầu tư tiềm năng.
6	Hội nghị Nhà đầu tư	MB	Q3/2025	Online	Nhà đầu tư được cập nhật kết quả kinh doanh và triển vọng của MB đồng thời có thể tương tác đặt câu hỏi với Tổng giám đốc và các lãnh đạo cấp cao của MB

Số lượng cổ đông MBB năm 2025

200 NGHÌN Cổ đông

▲ gần gấp đôi so với năm trước

Số lượng cổ đông MBB tăng lên gần gấp đôi trong năm 2025 (từ khoảng 120 nghìn cổ đông lên trên 200 nghìn cổ đông). Sự gia tăng mạnh mẽ tỷ lệ sở hữu cá nhân là minh chứng thép cho sức hút mãnh liệt và niềm tin tuyệt đối của thị trường vào một định chế tài chính vững vàng. Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu MBB của cổ đông cá nhân tăng thêm trong năm, cho thấy MB đang nhận được thêm sự quan tâm, chú ý, tin tưởng của cổ đông nhỏ, nhà đầu tư cá nhân, cũng như coi cổ phiếu MBB là lựa chọn đầu tư đáng tin cậy của cộng đồng.

Đối với việc quản lý tỷ lệ sở hữu cổ phiếu MBB và thực hiện các thủ tục pháp lý về việc chi trả cổ tức của các cổ đông, hiện tại Bộ phận Quản lý cổ đông MBBank đang thực hiện một số chức năng chính như:

Cảnh báo khi chạm ngưỡng giới hạn quy định, đảm bảo tuân thủ tỷ lệ sở hữu cũng như tuân thủ về CBTT giao dịch của các nhóm cổ đông lớn, người nội bộ, CBNV...; thực hiện báo cáo các cổ đông sở hữu cổ phiếu MBB với tỷ lệ trên 1%;

Phối hợp với Công ty chứng khoán MB (MBS) quản lý giám sát các tài khoản mở tại MBS đối với các cổ đông lớn, người nội bộ và người liên quan.

Thực hiện các thủ tục pháp lý với cơ quan quản lý nhà nước về việc chi trả cổ tức hàng năm; gửi thông tin và thông báo đến các cổ đông về ngày chốt, ngày chi trả cổ tức;

Ngoài ra, MB có ban hành Quy chế quản lý cổ đông, cổ phần, cổ phiếu để đảm bảo việc tuân thủ nội bộ của MB theo các quy định pháp luật.

MB

Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán

278 Thông tin chung

280 Báo cáo của Ban Điều hành

281 Báo cáo kiểm toán độc lập

282 Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất

286 Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất

288 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

291 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

07

Thông tin chung

Thông tin về ngân hàng

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (sau đây gọi tắt là "Ngân hàng") là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập và đăng ký tại Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 03/GP-NHNN ngày 16 tháng 1 năm 2026 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNNVN") cấp, thay thế Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 100/GP-NHNN ngày 16 tháng 10 năm 2018 và các văn bản sửa đổi, bổ sung liên quan. Thời gian hoạt động theo giấy phép là 99 năm từ ngày 14 tháng 9 năm 1994. Ngân hàng đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100283873 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 30 tháng 9 năm 1994, thay đổi lần thứ 54 ngày 16 tháng 5 năm 2024.

Hoạt động chính hiện tại của Ngân hàng là thực hiện các giao dịch ngân hàng, bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác; cung cấp dịch vụ thanh toán và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNNVN cho phép.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 80.549.999 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 53.063.241 triệu đồng).

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
Ông Lưu Trung Thái	Chủ tịch
Bà Vũ Thị Hải Phượng	Phó Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Hải Lý	Phó Chủ tịch
Ông Vũ Thành Trung	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Như Ánh	Thành viên
Ông Lê Viết Hải	Thành viên
Bà Vũ Thái Huyền	Thành viên
Ông Phạm Doãn Cương	Thành viên
Bà Hoàng Thị Thu Hiền	Thành viên
Ông Vũ Xuân Nam	Thành viên
Ông Hoàng Văn Sâm	Thành viên HĐQT độc lập

BAN KIỂM SOÁT	
Bà Lê Thị Lợi	Trưởng Ban
Bà Nguyễn Thị An Bình	Phó Trưởng Ban
Bà Đỗ Thị Tuyết Mai	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Nguyệt Hà	Thành viên
Ông Đỗ Văn Tiến	Thành viên

BAN ĐIỀU HÀNH	
Ông Phạm Như Ánh	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Minh Châu	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thị Trung Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Minh Đạt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hà Trọng Khiêm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Quốc Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Học	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Bảo Quế	Thành viên
Ông Vũ Hồng Phú	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Ngọc	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Nga	Giám đốc Tài chính

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lưu Trung Thái - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Phạm Như Ánh - Tổng Giám đốc được ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 theo Giấy Ủy quyền số 367/UQ-MB-HĐQT của Chủ tịch Hội đồng Quản trị ngày 18 tháng 5 năm 2023.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH KPMG là công ty kiểm toán cho Ngân hàng.

Báo cáo của Ban điều hành

Ban Điều hành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội ("Ngân hàng") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Trách nhiệm của ban điều hành đối với báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con trong năm kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Ngân hàng và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Ngân hàng và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Công bố của Ban điều hành

Ban Điều hành cam kết rằng Ngân hàng đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 kèm theo.

Theo ý kiến của Ban Điều hành, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ông Phạm Như Ánh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 07 tháng 03 năm 2026

Báo cáo Kiểm toán Độc lập

Kính gửi các Cổ đông
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội ("Ngân hàng") và các công ty con (gọi chung là "MB"), bao gồm báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Điều hành Ngân hàng phê duyệt phát hành ngày 7 tháng 3 năm 2026, được trình bày từ trang 6 đến trang 99.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành Ngân hàng cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 25-02-00061-26-7

Đàm Xuân Lâm
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0861-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Lê Nhật Vương
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0861-2023-007-1

Hà Nội, ngày 07 tháng 03 năm 2026

Báo cáo tình hình Tài chính hợp nhất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 **B02/TCTD-HN**

	Thuyết minh	31/12/2025 triệu đồng	31/12/2024 triệu đồng
TÀI SẢN			
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	**5**	**4.965.786**	**3.349.166**
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	**6**	**68.494.426**	**29.825.253**
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	**7**	**182.923.726**	**76.785.622**
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác		165.819.028	63.887.837
Cho vay các tổ chức tín dụng khác		17.113.794	12.903.651
Dự phòng rủi ro		(9.096)	(5.866)
Chứng khoán kinh doanh	**8**	**4.653.229**	**7.931.655**
Chứng khoán kinh doanh		4.692.622	7.931.834
Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		(39.393)	(179)
Cho vay khách hàng		**1.070.868.777**	**765.047.985**
Cho vay khách hàng	9	1.084.019.370	776.657.846
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	10	(13.150.593)	(11.609.861)
Hoạt động mua nợ	**11**	**2.443.895**	**951.509**
Mua nợ		2.465.314	1.041.362
Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ		(21.419)	(89.853)
Chứng khoán đầu tư		**225.574.850**	**209.637.377**
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	12.1	221.512.464	205.507.956
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	12.2	4.295.125	4.612.504
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	12.3	(232.739)	(483.083)

	Thuyết minh	31/12/2025 triệu đồng	31/12/2024 triệu đồng
Góp vốn, đầu tư dài hạn	**13**	**468.396**	**609.477**
Đầu tư dài hạn khác	13.1	559.624	775.670
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	13.2	(91.228)	(166.193)
Tài sản cố định		**5.616.547**	**5.430.416**
Tài sản cố định hữu hình	14	3.805.533	3.750.696
Nguyên giá		*9.423.236*	*9.014.672*
Hao mòn lũy kế		*(5.617.703)*	*(5.263.976)*
Tài sản cố định vô hình	15	1.811.014	1.679.720
Nguyên giá		*5.684.904*	*4.976.669*
Hao mòn lũy kế		*(3.873.890)*	*(3.296.949)*
Bất động sản đầu tư	**16**	**222.813**	**234.115**
Nguyên giá		*255.126*	260.415
Hao mòn lũy kế		*(32.313)*	(26.300)
Tài sản Có khác		**49.531.482**	**28.998.487**
Các khoản phải thu	17.1	28.125.764	14.360.628
Các khoản lãi, phí phải thu	17.2	13.549.018	8.918.622
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		34.339	38.912
Tài sản Có khác	17.3	7.894.091	5.873.749
Trong đó: Lợi thế thương mại		-	*9.523*
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	17.4	(71.730)	(193.424)
TỔNG TÀI SẢN		**1.615.763.927**	**1.128.801.062**

Báo cáo tình hình Tài chính hợp nhất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo) **B02/TCTD-HN**

	Thuyết minh	31/12/2025 triệu đồng	31/12/2024 triệu đồng
NỢ PHẢI TRẢ			
Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	**18**	**47.474.800**	**8.156.285**
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác		**248.017.489**	**110.169.585**
Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác	19.1	183.635.325	79.515.610
Vay các tổ chức tín dụng khác	19.2	64.382.164	30.653.975
Tiền gửi của khách hàng	**20**	**921.368.132**	**714.154.479**
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	**21**	**698.507**	**191.545**
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	**22**	**3.912.833**	**2.793.453**
Phát hành giấy tờ có giá	**23**	**187.236.104**	**128.964.033**
Các khoản nợ khác		**65.033.537**	**47.312.101**
Các khoản lãi, phí phải trả	24.1	13.245.868	9.899.902
Các khoản phải trả và công nợ khác	24.2	51.785.481	37.411.147
Dự phòng các khoản nợ khác		2.188	1.052
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		**1.473.741.402**	**1.011.741.481**
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Vốn của tổ chức tín dụng	26	83.965.544	56.295.833
Vốn điều lệ	*26.2*	*80.549.999*	*53.063.241*
Thặng dư vốn cổ phần		*1.304.334*	*1.304.334*
Vốn khác		*2.111.211*	*1.928.258*
Các quỹ của tổ chức tín dụng	26	19.390.884	14.996.847
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	26	202.211	137.797
Lợi nhuận chưa phân phối	26	32.577.391	40.718.224
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	26	5.886.495	4.910.880
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		**142.022.525**	**117.059.581**
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		**1.615.763.927**	**1.128.801.062**

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính hợp nhất

	Thuyết minh	31/12/2025 triệu đồng	31/12/2024 triệu đồng
Bảo lãnh vay vốn	41	1.684.717	238.395
Cam kết giao dịch hối đoái	41	618.888.427	263.133.210
Cam kết mua ngoại tệ		*9.738.358*	*4.416.403*
Cam kết bán ngoại tệ		*8.752.345*	*4.492.239*
Cam kết mua giao dịch hoán đổi ngoại tệ		*299.830.234*	*127.747.604*
Cam kết bán giao dịch hoán đổi ngoại tệ		*300.567.490*	*126.476.964*
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	41	59.728.018	29.138.440
Bảo lãnh khác	41	190.317.517	135.649.614
Các cam kết khác	41	127.878.633	72.142.229
Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được	42	9.434.385	9.244.457
Nợ khó đòi đã xử lý	43	62.640.525	43.977.154
Tài sản và chứng từ khác	44	330.298.007	302.861.111

Người lập: **Người kiểm soát:** **Người phê duyệt:**

Bà Lê Thị Huyền Trang
Giám đốc Trung tâm Kế toán

Bà Đặng Thúy Dung
Kế toán Trưởng

Bà Nguyễn Thị Thanh Nga
Giám đốc Tài chính

Ông Phạm Như Ánh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 07 tháng 03 năm 2026

Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 **B03/TCTD-HN**

	Thuyết minh	Năm 2025 triệu đồng	Năm 2024 triệu đồng
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự		89.088.116	69.061.893
Chi phí lãi và các chi phí tương tự		(37.477.999)	(27.909.674)
Thu nhập lãi thuần	**27**	**51.610.117**	**41.152.219**
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		18.062.236	14.602.602
Chi phí hoạt động dịch vụ		(11.483.555)	(10.234.353)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	**28**	**6.578.681**	**4.368.249**
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	**29**	**1.756.922**	**2.000.164**
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	**30**	**668.384**	**1.756.022**
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư và đầu tư dài hạn	**31**	**1.590.093**	**2.803.105**
Thu nhập từ hoạt động khác		6.479.624	4.658.444
Chi phí cho hoạt động khác		(1.165.150)	(1.377.624)
Lãi thuần từ hoạt động khác	**32**	**5.314.474**	**3.280.820**
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	**33**	**174.344**	**52.643**
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG		**67.693.015**	**55.413.222**
CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	**34**	**(19.681.153)**	**(17.007.250)**
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		**48.011.862**	**38.405.972**
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	35	(13.743.504)	(9.576.644)
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		**34.268.358**	**28.829.328**
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	36	(6.876.871)	(5.888.266)
(Chi phí)/lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		(8.509)	10.202
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		**(6.885.380)**	**(5.878.064)**
LỢI NHUẬN SAU THUẾ		**27.382.978**	**22.951.264**
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		**604.039**	**317.507**
Lợi nhuận sau thuế thuộc về Ngân hàng mẹ		**26.778.939**	**22.633.757**
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	**37**	**3.325**	**2.589**

Người lập: **Người kiểm soát:** **Người phê duyệt:**

Bà Lê Thị Huyền Trang
Giám đốc Trung tâm Kế toán

Bà Đặng Thúy Dung
Kế toán Trưởng

Bà Nguyễn Thị Thanh Nga
Giám đốc Tài chính

Ông Phạm Như Ánh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 07 tháng 03 năm 2026

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Phương pháp trực tiếp) **B04/TCTD-HN**

	Năm 2025 triệu đồng	Năm 2024 triệu đồng
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	85.076.748	68.529.262
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(34.607.938)	(30.835.949)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	6.566.430	4.368.249
Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán) nhận được	3.645.303	6.277.842
Thu nhập khác nhận được	941.493	822.333
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro	4.141.692	2.451.560
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(19.532.328)	(15.627.426)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm	(6.517.907)	(6.021.975)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và nợ phải trả hoạt động	**39.713.493**	**29.963.896**
Những thay đổi về tài sản hoạt động	***(353.156.236)***	***(204.555.002)***
Tăng các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	(4.207.414)	(5.674.464)
Tăng các khoản về kinh doanh chứng khoán	(12.447.917)	(25.402.231)
Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	141.294
Tăng các khoản cho vay khách hàng và các khoản mua nợ	(308.785.476)	(164.801.515)
Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản tín dụng, chứng khoán, đầu tư dài hạn, phải thu khác	(12.320.520)	(9.431.151)
(Tăng)/giảm khác về tài sản hoạt động	(15.394.909)	613.065

	Năm 2025 triệu đồng	Năm 2024 triệu đồng
Những thay đổi về nợ phải trả hoạt động	***450.800.142***	***156.014.722***
Tăng các khoản nợ chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	39.318.515	8.147.547
Tăng các khoản tiền gửi, tiền vay các tổ chức tín dụng	137.847.904	10.359.119
Tiền gửi của khách hàng	207.213.653	146.621.902
Tăng/(giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)	52.242.062	(6.904.631)
Tăng/(giảm) vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro	1.119.380	(6.410)
Tăng công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	506.962	191.545
Tăng/(giảm) khác về công nợ hoạt động	13.171.979	(2.046.061)
Chi từ quỹ của tổ chức tín dụng	(620.313)	(348.289)
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng từ hoạt động kinh doanh	**137.357.399**	**(18.576.384)**

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Phương pháp trực tiếp - tiếp theo) **B04/TCTD-HN**

	Năm 2025 triệu đồng	Năm 2024 triệu đồng
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
Mua sắm tài sản cố định	(1.780.261)	(2.301.696)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	231.289	6.927
Mua sắm bất động sản đầu tư	(4.971)	-
Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư	12.251	-
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	(22.024)	(37.651)
Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác thu bán, thanh lý công ty con, góp vốn liên doanh, các khoản đầu tư dài hạn khác	2.409.280	41.568
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	59.336	52.643
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng từ hoạt động đầu tư	**904.900**	**(2.238.209)**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Tăng vốn cổ phần từ phát hành cổ phiếu	-	2.160.445
Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác	12.173.563	9.405.554
Tiền chi thanh toán giấy tờ có giá dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác	(6.143.554)	-
Cổ tức trả cho cổ đông	(2.072.592)	(2.806.251)
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng từ hoạt động tài chính	**3.957.417**	**8.759.748**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**142.219.716**	**(12.054.845)**
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	**97.040.273**	**109.095.118**
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (Thuyết minh 38)	**239.259.989**	**97.040.273**

Người lập:

Bà Lê Thị Huyền Trang
Giám đốc Trung tâm
Kế toán

Người kiểm soát:

Bà Đặng Thúy Dung
Kế toán Trưởng

Bà Nguyễn Thị Thanh Nga
Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt:

Ông Phạm Như Ánh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 07 tháng 03 năm 2025

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 **B05/TCTD-HN**

1. Thông tin về ngân hàng

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (sau đây gọi tắt là "Ngân hàng"), là một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập và đăng ký tại Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 03/GP-NHNN ngày 16 tháng 1 năm 2026 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNNVN") cấp, thay thế Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 100/GP-NHNN ngày 16 tháng 10 năm 2018 và các văn bản sửa đổi, bổ sung liên quan. Thời gian hoạt động theo giấy phép là 99 năm từ ngày 14 tháng 9 năm 1994. Ngân hàng đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100283873 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 30 tháng 9 năm 1994, thay đổi lần thứ 54 ngày 16 tháng 5 năm 2024.

Hoạt động chính hiện tại của Ngân hàng là thực hiện các giao dịch ngân hàng, bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác; cung cấp dịch vụ thanh toán và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNNVN cho phép.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 80.549.999 triệu đồng (31/12/2024: 53.063.241 triệu đồng).

Mạng lưới hoạt động

Hội sở chính của Ngân hàng đặt tại Số 18 Lê Văn Lương, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, một trăm mười lăm (115) chi nhánh (bao gồm Chi nhánh Ngân hàng TMCP Quân đội tại Lào), hai trăm mười ba (213) phòng giao dịch (31/12/2024: Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, một trăm mười (110) chi nhánh (bao gồm Chi nhánh Ngân hàng TMCP Quân đội tại Lào), hai trăm mười (210) phòng giao dịch, và một (1) văn phòng đại diện tại Nga).

Nhân viên

Số lượng nhân viên của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 18.836 người (31/12/2024: 18.639 người).

Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Ngân hàng có các công ty con như sau:

Tên công ty	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực hoạt động	31/12/2025 % sở hữu	31/12/2024 % sở hữu
Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội ("MB AMC")	0105281799 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 11 tháng 9 năm 2002, thay đổi lần thứ 20 ngày 25 tháng 12 năm 2018	Quản lý nợ và khai thác tài sản	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Chứng khoán MB ("MBS")	116/GP-UBCK ngày 9 tháng 12 năm 2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp	Chứng khoán	66,76%	76,35%
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB ("MB Cap")	21/UBCK-GPĐCQLQ ngày 15 tháng 11 năm 2007 và Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 06/GPĐC-UBCK ngày 8 tháng 2 năm 2021 do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp	Quản lý quỹ đầu tư	90,77%	90,77%
Công ty Tài chính Tín dụng Tiêu dùng Trách nhiệm hữu hạn MB Shinsei ("Mcredit") (*)	32/GP-NHNN ngày 13 tháng 3 năm 2020 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp	Tài chính tiêu dùng	50,00%	50,00%
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội ("MIC")	43/GP/KDBH ngày 8 tháng 10 năm 2007 và Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 43/GPDC37/KDBH ngày 18 tháng 6 năm 2021 do Bộ Tài Chính cấp	Bảo hiểm phi nhân thọ	67,68%	68,37%
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ MB Ageas ("MBLife")	74/GP/KDBH ngày 21 tháng 7 năm 2016 do Bộ Tài chính cấp	Bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe và đầu tư tài chính	61,00%	61,00%
Ngân hàng Đại chúng TNHH MB Campuchia ("MB Cambodia")	MOC-00021616 do Bộ thương mại Vương quốc Campuchia cấp ngày 2 tháng 1 năm 2023	Ngân hàng Thương mại	100,00%	100,00%
Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại ("MBV") (**)	0048/QĐ – NH ngày 30 tháng 12 năm 1993 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNNVN") cấp	Ngân hàng Thương mại	100,00%	100,00%

(*) Theo hợp đồng liên doanh giữa Ngân hàng và Ngân hàng Shinsei (Nhật Bản), Ngân hàng được quyền bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng Thành viên, Tổng Giám đốc và một số quản lý chủ chốt tại Mcredit.

(**) Ngày 17 tháng 10 năm 2024, NHNNVN đã công bố quyết định chuyển giao bắt buộc Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương cho Ngân hàng theo phương án chuyển giao bắt buộc được NHNNVN phê duyệt ngày 17 tháng 10 năm 2024. Sau khi được chuyển giao bắt buộc, Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương tiếp tục hoạt động dưới hình thức là một ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ngân hàng sở hữu 100% vốn điều lệ.

Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương sau đó được đổi tên thành Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại ("MBV") theo Quyết định số 741/QĐ-TTGSNH1 ngày 5 tháng 12 năm 2024 của Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Ngân hàng chưa có khoản góp vốn nào vào MBV.

Ngoài ra, theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 185 của Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18 tháng 1 năm 2024, Ngân hàng không phải hợp nhất báo cáo tài chính của ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc. Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 bao gồm Ngân hàng và các công ty con nhưng không bao gồm MBV (được gọi chung là "MB").

2. Kỳ kế toán và đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của MB bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công tác lập báo cáo tài chính của MB là đồng Việt Nam ("VND"). Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, trừ khi được thuyết minh khác, các số liệu được làm tròn đến hàng triệu và trình bày theo đơn vị triệu đồng Việt Nam ("triệu đồng"). Việc trình bày này không ảnh hưởng đến nhìn nhận của người đọc báo cáo tài chính về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất cũng như lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của MB.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1 Tuyên bố tuân thủ

Ban Điều hành Ngân hàng khẳng định báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do NHNNVN ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3.2 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của MB được lập phù hợp với Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004 ("Quyết định 479") về việc ban hành hệ thống tài khoản kế toán các Tổ chức tín dụng; Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN của Thống đốc NHNNVN về việc ban hành chế độ báo cáo tài chính đối với các Tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 4 năm 2007 ("Quyết định 16"); Thông tư số 10/2014/TT-NHNN ngày 20 tháng 3 năm 2014 ("Thông tư 10") về việc sửa đổi, bổ sung một số tài khoản trong hệ thống tài khoản kế toán các Tổ chức tín dụng ban hành theo Quyết định 479; Thông tư số 49/2014/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 49") về việc sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của chế độ báo cáo tài chính đối với các Tổ chức tín dụng ban hành kèm Quyết định 16 và hệ thống tài khoản kế toán các Tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định 479; Thông tư số 22/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2017 ("Thông tư 22") về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của hệ thống tài khoản kế toán các Tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định 479 và chế độ báo cáo tài chính đối với các Tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định 16 và Thông tư số 27/2021/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định 479 và chế độ báo cáo tài chính đối với tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định 16 và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa, báo cáo này không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo những nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

3.3 Các cơ sở đánh giá và các ước tính kế toán áp dụng

Việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Điều hành phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả số liệu dự phòng. Các ước tính này được lập dựa trên các giả định về một số yếu tố với các mức độ khác nhau về chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể khác với các ước tính dẫn đến việc điều chỉnh các khoản mục có liên quan sau này.

3.4 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Như được trình bày tại Thuyết minh 1, theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 185 của Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18 tháng 1 năm 2024, Ngân hàng không phải hợp nhất báo cáo tài chính của ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc. Do đó, Ngân hàng không hợp nhất báo cáo tài chính của Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại, là ngân hàng thương mại được Ngân hàng nhận chuyển giao bắt buộc từ ngày 17 tháng 10 năm 2024.

Trừ trường hợp của MBV, các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Ngân hàng nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục hợp nhất cho đến ngày Ngân hàng chấm dứt quyền kiểm soát công ty con.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi nhuận, và giá trị tài sản thuần của công ty con được xác định tương ứng cho phần lợi ích không được nắm giữ bởi Ngân hàng và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính của Ngân hàng mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán.

Số dư các tài khoản trên báo cáo tình hình tài chính giữa Ngân hàng mẹ và các công ty con, giữa các công ty có cùng Ngân hàng mẹ, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được MB áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi tại NHNNVN, tín phiếu Chính phủ và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác đủ điều kiện tái chiết khấu với NHNNVN, chứng khoán, các khoản tiền gửi thanh toán và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác với kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày phát sinh, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền nhất định và không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được nắm giữ với mục đích đáp ứng các cam kết thanh toán ngắn hạn hơn là để đầu tư hay cho mục đích khác.

4.2 Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng ("TCTD") khác

Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác bao gồm tiền gửi thanh toán và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác có kỳ hạn gốc không quá ba tháng.

Cho vay các tổ chức tín dụng khác là các khoản cho vay có kỳ hạn gốc không quá mười hai tháng.

Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác, trừ tiền gửi thanh toán, và cho vay các tổ chức tín dụng khác được phản ánh theo số dư gốc trừ đi dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể.

Tiền gửi thanh toán tại các tổ chức tín dụng khác được phản ánh theo giá gốc.

Việc phân loại rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng khác và trích lập dự phòng tương ứng được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 31/2024/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2024 ("Thông tư 31") do NHNNVN ban hành quy định về phân loại tài sản có trong hoạt động của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Nghị định số 86/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2024 ("Nghị định 86") do Chính phủ ban hành quy định về mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro, việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và trường hợp tổ chức tín dụng phân bổ lãi phải thu phải thoái. Theo đó, MB thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng cụ thể cho các khoản tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng khác theo phương pháp được trình bày tại *Thuyết minh 4.4*.

Theo Nghị định 86, MB không phải trích lập dự phòng chung đối với các khoản tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng khác.

4.3 Cho vay khách hàng

Các khoản cho vay khách hàng được trình bày theo số dư nợ gốc trừ đi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng.

Các khoản cho vay ngắn hạn là các khoản có thời hạn cho vay dưới 1 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay trung hạn có thời hạn cho vay từ 1 năm đến 5 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay dài hạn có thời hạn cho vay trên 5 năm tính từ ngày giải ngân.

Việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng cho vay khách hàng được thực hiện theo phương pháp được trình bày trong *Thuyết minh 4.4*.

4.4 Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro

Phân loại nợ

Việc phân loại nợ cho các khoản tiền gửi tại các TCTD khác (trừ tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi tại ngân hàng chính sách xã hội theo quy định của NHNNVN về việc các TCTD nhà nước duy trì số dư tiền gửi tại ngân hàng chính sách xã hội); mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp (bao gồm cả trái phiếu do TCTD khác phát hành) chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom (gọi chung là "trái phiếu chưa niêm yết"), không bao gồm mua trái phiếu chưa niêm yết bằng nguồn vốn ủy thác mà bên ủy thác chịu rủi ro; cho vay khách hàng và cho vay các TCTD khác (bao gồm các khoản cho vay, cho thuê tài chính, chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác, bao thanh toán, cấp tín dụng dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng và trả thay cam kết ngoại bảng); ủy thác cấp tín dụng; các khoản nợ đã bán nhưng chưa thu được đầy đủ tiền bán nợ; các khoản nợ mua lại; mua bán lại trái phiếu Chính phủ trên thị trường chứng khoán; mua chứng chỉ tiền gửi do TCTD khác phát hành; các khoản nợ phát sinh từ nghiệp vụ phát hành thư tín dụng trả chậm có điều khoản thỏa thuận bên thụ hưởng được thanh toán trả ngay hoặc trả trước ngày đến hạn thanh toán thư tín dụng và nghiệp vụ hoàn trả thư tín dụng theo hình thức thỏa thuận với khách hàng thanh toán bằng nguồn tiền của ngân hàng hoàn trả kể từ ngày ngân hàng hoàn trả thanh toán cho bên thụ hưởng; nghiệp vụ thương lượng thanh toán thư tín dụng và mua hẳn miễn truy đòi bộ chứng từ xuất trình theo thư tín dụng, trừ trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua hẳn miễn truy đòi bộ chứng từ theo thư tín dụng do chính tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đó phát hành (gọi chung là "các khoản nợ") được thực hiện theo phương pháp dựa trên yếu tố định lượng theo quy định tại Điều 10 của Thông tư 31.

4.4 Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro

(tiếp theo)

MB thực hiện phân loại nợ hàng tháng dựa trên số dư nợ gốc tại ngày cuối cùng của tháng theo Thông tư 31 với tỷ lệ trích lập dự phòng được quy định tại Nghị định 86 như sau:

	Nhóm nợ	Phân loại nợ theo phương pháp định lượng	Tỷ lệ dự phòng
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	(a) Nợ trong hạn và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn; hoặc (b) Nợ quá hạn dưới 10 ngày và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn và thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn. (c) Nợ được phân loại vào nhóm 1 theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 Thông tư 31.	0%
2	Nợ cần chú ý	(a) Nợ quá hạn từ 10 ngày đến 90 ngày; hoặc (b) Nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu. (c) Nợ được phân loại vào nhóm 2 theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 10 Thông tư 31.	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	(a) Nợ quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày; hoặc (b) Nợ gia hạn nợ lần đầu; hoặc (c) Nợ được miễn hoặc giảm lãi do khách hàng không đủ khả năng trả lãi đầy đủ theo hợp đồng tín dụng; hoặc (d) Nợ thuộc một trong các trường hợp sau đây chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi: • Khoản nợ vi phạm quy định tại các Khoản 1, 3, 4, 5, 6 Điều 134 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc • Khoản nợ vi phạm quy định tại các Khoản 1, 2, 3, 4 Điều 135 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc • Khoản nợ vi phạm quy định tại các Khoản 1, 2, 5, 9 Điều 136 Luật các tổ chức tín dụng. (e) Khoản nợ trong thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra; hoặc (f) Nợ được phân loại vào nhóm 3 theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 10 Thông tư 31; hoặc (g) Khoản nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn của ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng do khách hàng vi phạm thỏa thuận với ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (h) Khoản nợ phải phân loại vào nhóm 3 theo quy định tại Khoản 4 Điều 8 Thông tư 31.	20%
4	Nợ nghi ngờ	(a) Nợ quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày; hoặc (b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn đến 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc (c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai; hoặc (d) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của nợ Nhóm 3 chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (e) Khoản nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra đến 60 ngày mà chưa thu hồi được; hoặc (f) Nợ được phân loại vào nhóm 4 theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 10 Thông tư 31; hoặc (g) Khoản nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn của ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng do khách hàng vi phạm thỏa thuận với ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi (h) Khoản nợ được phân loại vào nhóm 4 theo quy định tại Khoản 4 Điều 8 Thông tư 31.	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	(a) Nợ quá hạn trên 360 ngày; hoặc (b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 91 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc (c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai và quá hạn theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần thứ hai; hoặc (d) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên, kể cả chưa bị quá hạn hoặc đã quá hạn; hoặc (e) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của Nợ dưới tiêu chuẩn chưa thu hồi được trong thời gian trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (f) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra trên 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được; hoặc (g) Nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn do khách hàng vi phạm thỏa thuận chưa thu hồi được trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (h) Nợ của khách hàng là tổ chức tín dụng được NHNNVN công bố đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa vốn và tài sản.	100%

4.4 Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro

(tiếp theo)

Đối với các khoản trả thay cam kết ngoại bảng, MB phân loại nợ dựa trên số ngày quá hạn tính từ ngày MB thực hiện nghĩa vụ theo cam kết:

Nhóm 3	Nợ dưới tiêu chuẩn: nếu quá hạn dưới 30 ngày;
Nhóm 4	Nợ nghi ngờ: nếu quá hạn từ 30 ngày đến dưới 90 ngày;
Nhóm 5	Nợ có khả năng mất vốn: nếu quá hạn 90 ngày trở lên.

Nợ xấu là các khoản nợ thuộc các Nhóm 3, 4, 5.

Việc phân loại các khoản cam kết tín dụng ngoại bảng được thực hiện chỉ nhằm mục đích quản lý, giám sát chất lượng hoạt động cấp tín dụng. MB không trích lập dự phòng cho các khoản cam kết ngoại bảng, trừ khi MB được yêu cầu phải thực hiện nghĩa vụ trả thay theo cam kết ngoại bảng, trong trường hợp đó, khoản trả thay này được phân loại và trích lập dự phòng theo chính sách kế toán được trình bày như trên.

Trường hợp một khách hàng có nhiều hơn một khoản nợ với MB mà có bất kỳ khoản nợ nào bị chuyển sang nhóm nợ rủi ro cao hơn thì MB phân loại các khoản nợ còn lại của khách hàng đó vào nhóm nợ rủi ro cao hơn tương ứng với mức độ rủi ro.

MB phải sử dụng kết quả phân loại nhóm nợ đối với khách hàng do Trung tâm Thông tin Tín dụng ("CIC") cung cấp tại thời điểm phân loại để điều chỉnh kết quả tự phân loại nợ, cam kết ngoại bảng. Trường hợp nợ của khách hàng được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro thấp hơn nhóm nợ theo danh sách khách hàng do CIC cung cấp, MB điều chỉnh kết quả phân loại nợ theo danh sách được CIC cung cấp.

Khi MB tham gia cho vay hợp vốn, MB thực hiện phân loại các khoản nợ (bao gồm cả khoản vay hợp vốn) của khách hàng đó vào nhóm rủi ro cao hơn giữa đánh giá của các Ngân hàng tham gia cho vay hợp vốn và đánh giá của MB.

MB đồng thời áp dụng các quy định sau:

- Các quy định về cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ đối với các khoản nợ đáp ứng được yêu cầu của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ("Nghị định 55") ngày 9 tháng 6 năm 2015 về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; Thông tư số 10/2015/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 22 tháng 7 năm 2015 ("Thông tư 10") hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định 55, Thông tư số 25/2018/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2018, sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 10, hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 55; Nghị định 116/2018/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 7 tháng 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 55, và Nghị định 156/2025/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 16 tháng 6 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 55;

- Thông tư số 53/2024/TT-NHNN ("Thông tư 53") do NHNNVN ban hành ngày 4 tháng 12 năm 2024 quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với khách hàng gặp khó khăn do ảnh hưởng, thiệt hại của bão số 3 năm 2024, ngập lụt, sạt lở đất sau bão số 3 năm 2024; và

- Quyết định số 1510/QĐ-TTg ("Quyết định 1510") của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 4 tháng 12 năm 2024 về việc phân loại tài sản có, mức trích lập rủi ro, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro đối với khoản nợ của khách hàng gặp khó khăn do ảnh hưởng, thiệt hại của bão số 3.

Dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể

Theo quy định của Nghị định 86, dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể cho các khoản nợ tại cuối mỗi tháng được trích lập dựa trên tỷ lệ dự phòng tương ứng với kết quả phân loại nợ và số dư nợ gốc trừ đi giá trị khấu trừ của tài sản bảo đảm tại ngày cuối cùng của tháng. Dự phòng cụ thể tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 được xác định bằng dư nợ sau khi trừ đi giá trị tài sản đảm bảo đã được khấu trừ nhân với tỷ lệ dự phòng theo kết quả phân loại nhóm nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Giá trị và tỷ lệ khấu trừ tối đa của tài sản bảo đảm được xác định theo các quy định của Nghị định 86, theo đó từng loại tài sản bảo đảm có tỷ lệ khấu trừ tối đa nhất định cho mục đích tính toán dự phòng rủi ro.

Tài sản bảo đảm để khấu trừ khi tính số tiền dự phòng cụ thể phải đáp ứng các điều kiện sau:

a. MB có quyền xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng bảo đảm và theo quy định của pháp luật khi khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình theo thỏa thuận;

b. Thời gian xử lý tài sản bảo đảm theo dự kiến không quá 01 (một) năm đối với tài sản bảo đảm không phải là bất động sản và không quá 02 (hai) năm đối với tài sản bảo đảm là bất động sản, kể từ khi MB có quyền thực hiện xử lý tài sản bảo đảm;

c. Tài sản bảo đảm phải tuân thủ quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm và pháp luật khác có liên quan; và

d. Trường hợp tài sản bảo đảm không đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm a, b, c nêu trên thì giá trị khấu trừ của tài sản bảo đảm đó phải coi bằng 0 (không).

Dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể bổ sung

MB thực hiện trích lập dự phòng cụ thể bổ sung đối với các các khoản nợ của khách hàng được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn giảm lãi và giữ nguyên nhóm nợ theo các quy định tại Thông tư 53 và Quyết định 1510 như sau:

- Xác định số tiền dự phòng cụ thể phải trích đối với toàn bộ dư nợ của khách hàng theo kết quả phân loại nợ theo quy định của Thông tư 31 và Nghị định 86: (A)

- Xác định số tiền dự phòng cụ thể đối với phần dư nợ được giữ nguyên nhóm nợ theo; Thông tư 53 và Quyết định 1510. Phần dư nợ còn lại của khách hàng được xác định theo quy định của Thông tư 31 và Nghị định 86: (B)

- Dự phòng cụ thể trích bổ sung (C) bằng chênh lệch (A) – (B) được thực hiện trích bổ sung như sau:
  - Đến thời điểm 31/12/2024: Tối thiểu 35% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung.
  - Đến thời điểm 31/12/2025: Tối thiểu 70% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung.
  - Đến thời điểm 31/12/2026: 100% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung.

Dự phòng rủi ro tín dụng chung

Theo Nghị định 86, dự phòng chung được trích lập với mức bằng 0,75% tổng số dư nợ gốc tại ngày cuối cùng của mỗi tháng của các khoản nợ từ Nhóm 1 đến Nhóm 4 trừ các khoản tiền gửi, cho vay, phải thu, hoạt động cấp tín dụng khác giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Dự phòng chung tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 được tính dựa trên kết quả phân loại nợ và số dư nợ gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Xử lý nợ xấu

Dự phòng được ghi nhận như một khoản chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất và được sử dụng để xử lý các khoản nợ xấu. MB thành lập Hội đồng Xử lý Rủi ro để xử lý các khoản nợ xấu nếu như chúng được phân loại vào nhóm 5, hoặc nếu khách hàng vay là tổ chức bị giải thể, phá sản, hoặc là cá nhân bị chết hoặc mất tích.

Các khoản nợ đã được xử lý rủi ro bằng nguồn dự phòng được ghi nhận vào tài khoản ngoại bảng phù hợp để theo dõi và thu nợ. Số tiền thu hồi được từ nợ đã xử lý rủi ro được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi thu được.

4.5 Hoạt động mua, bán nợ

Hoạt động mua, bán nợ của Ngân hàng được ghi nhận theo Thông tư số 09/2015/TT-NHNN ngày 17 tháng 7 năm 2015 ("Thông tư 09") do NHNNVN ban hành quy định về hoạt động mua, bán nợ của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Thông tư số 18/2022/TT-NHNN ngày 26 tháng 12 năm 2022 ("Thông tư 18") của NHNNVN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 09. Theo đó:

- Giá trị ghi sổ khoản nợ được mua, bán gồm giá trị ghi sổ số dư nợ gốc, dư nợ lãi của khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác liên quan đến khoản nợ (nếu có) đến thời điểm mua, bán nợ đối với các khoản nợ đang được hạch toán nội bảng, ngoại bảng; hoặc trên sổ sách tại thời điểm xuất toán ngoại bảng hoặc tại thời điểm mua, bán nợ đối với khoản nợ đã xuất toán ra khỏi báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

- Giá mua, bán nợ là số tiền bên mua nợ phải thanh toán cho bên bán nợ theo hợp đồng mua, bán nợ.

4.5 Hoạt động mua, bán nợ

(tiếp theo)

Hoạt động mua nợ

Nợ đã mua được Ngân hàng hạch toán nội bảng tương ứng với giá mua theo hợp đồng mua nợ và thực hiện theo dõi gốc và lãi của các khoản nợ được mua tại tài khoản ngoại bảng. Trong trường hợp Ngân hàng thu được tiền lãi của khoản nợ bao gồm cả tiền lãi trước khi Ngân hàng mua khoản nợ đó, Ngân hàng thực hiện phân bổ số tiền lãi theo nguyên tắc: (i) ghi giảm giá trị của khoản mua nợ số tiền lãi trước khi mua; (ii) ghi nhận là thu nhập số tiền lãi của kỳ sau khi Ngân hàng mua nợ.

Ngân hàng phân loại số tiền đã thanh toán để mua nợ vào nhóm có mức độ rủi ro không thấp hơn nhóm mà khoản nợ đó đã được phân loại trước khi mua. Việc phân loại nợ và trích lập dự phòng cho các khoản mua nợ được thực hiện tương tự như các khoản cho vay khách hàng khác theo phương pháp được trình bày tại *Thuyết minh 4.4.*

Hoạt động bán nợ

Doanh thu và chi phí bán nợ được ghi nhận theo Thông tư 09 và Thông tư 18. Theo hướng dẫn tại Thông tư 09, phần chênh lệch giữa giá mua, bán nợ và giá trị ghi sổ khoản nợ của bên bán nợ được xử lý như sau:

- Đối với các khoản nợ đang được hạch toán nội bảng:
  - Trường hợp giá bán cao hơn giá trị ghi sổ khoản nợ thì phần chênh lệch cao hơn được hạch toán vào thu nhập trong năm của MB.
  - Trường hợp giá bán nợ thấp hơn giá trị khoản nợ thì phần chênh lệch thấp hơn được bù đắp từ tiền bồi thường của cá nhân, tập thể (trong trường hợp tổn thất đã được xác định do cá nhân, tập thể gây ra và phải bồi thường theo quy định), tiền bảo hiểm của tổ chức bảo hiểm và quỹ dự phòng rủi ro đã được trích lập chi phí trong năm, phần còn thiếu được hạch toán vào chi phí kinh doanh của MB trong năm.
- Đối với các khoản nợ đang theo dõi ngoại bảng, khoản nợ đã xuất toán ra khỏi báo cáo tình hình tài chính, thì số tiền bán khoản nợ được hạch toán vào thu nhập khác của MB.

Đối với khoản nợ đã bán nhưng chưa thu được đầy đủ tiền bán nợ, Ngân hàng phân loại số tiền chưa thu được đối với bên mua nợ vào nhóm nợ mà khoản nợ đó đã được phân loại tại thời điểm phân loại nợ gần nhất trước khi bán và căn cứ vào các thông tin về thời hạn, kỳ hạn và thông tin khác tại hợp đồng tín dụng đã ký với khách hàng có khoản nợ được bán để tiếp tục phân loại số tiền chưa thu được từ bán nợ để tính dự phòng theo phương pháp được trình bày tại *Thuyết minh 4.4*.

4.6 Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh bao gồm chứng khoán nợ và chứng khoán vốn được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn hạn hoặc có bằng chứng về việc kinh doanh các chứng khoán đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào ngày MB trở thành một bên đối tác của hợp đồng mua các chứng khoán này (kế toán theo ngày giao dịch).

Chứng khoán nợ kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (nếu có). Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh bao gồm dự phòng rủi ro tín dụng trái phiếu chưa niêm yết và dự phòng giảm giá chứng khoán. Dự phòng giảm giá chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh". Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết thì MB tiến hành trích lập dự phòng rủi ro theo phương pháp như được trình bày tại Thuyết minh 4.4.

Dự phòng giảm giá chứng khoán khác được trích lập khi có bằng chứng là giá thị trường của chứng khoán kinh doanh thấp hơn giá đang ghi nhận trên sổ sách kế toán:

- Đối với các loại chứng khoán nợ kinh doanh đã niêm yết, giá thị trường được xác định theo giá giao dịch năm gần nhất tại Sở giao dịch chứng khoán trong vòng 10 ngày tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 10 ngày tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm, MB không trích lập dự phòng cho các chứng khoán này.
- Đối với các loại chứng khoán vốn kinh doanh đã niêm yết, giá thị trường được xác định theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.
- Đối với các loại chứng khoán vốn kinh doanh chưa niêm yết nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("sàn UPCOM "), giá thị trường được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

- Đối với các loại chứng khoán vốn kinh doanh chưa niêm yết nhưng được tự do mua bán trên thị trường phi tập trung ("OTC"), giá thị trường được xác định theo giá bình quân của các giá giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán có vốn điều lệ trên 300 tỷ VND.
- Đối với chứng khoán kinh doanh chưa niêm yết khác, trong trường hợp giá thị trường của chứng khoán không có hoặc không thể được xác định một cách đáng tin cậy, các chứng khoán này được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng rủi ro tín dụng của chứng khoán kinh doanh là trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh khác được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi giá trị có thể thu hồi của chứng khoán tăng trở lại sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản chứng khoán này khi giả định không có khoản dự phòng nào được ghi nhận.

Thu nhập từ lãi của chứng khoán nợ kinh doanh trong thời gian nắm giữ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi nhận được. Chứng khoán kinh doanh được dừng ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc Ngân hàng đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

4.7 Chứng khoán đầu tư

4.7.1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán bao gồm các chứng khoán nợ được MB nắm giữ trong thời hạn không ấn định trước và có thể được bán ra vào bất cứ thời điểm nào. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán được ghi nhận vào ngày MB trở thành một bên tham gia vào các điều khoản hợp đồng của các chứng khoán này.

Chứng khoán nợ được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua, cộng với các chi phí có liên quan trực tiếp như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin... (nếu có). Lãi dự thu của chứng khoán trước khi mua (đối với chứng khoán nợ trả lãi sau) hoặc lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán nợ trả lãi trước) được hạch toán ở một tài khoản riêng. Phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (nếu có) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (nếu có), cũng được hạch toán ở một tài khoản riêng.

Trong khoảng thời gian nắm giữ tiếp theo, các chứng khoán nợ này được ghi nhận theo giá gốc được phân bổ chịu tác động của việc phân bổ giá trị chiết khấu và giá trị phụ trội trừ đi dự phòng rủi ro chứng khoán bao gồm dự phòng rủi ro tín dụng và dự phòng giảm giá chứng khoán. Số tiền lãi nhận được trong thời gian nắm giữ chứng khoán được ghi nhận theo nguyên tắc: Số tiền lãi dồn tích trước khi mua được ghi giảm giá trị của tài khoản lãi dự thu, và số tiền lãi dồn tích sau thời điểm mua được ghi nhận vào thu nhập của MB theo phương pháp cộng dồn. Số tiền lãi nhận trước được phân bổ vào thu lãi đầu tư chứng khoán theo phương pháp đường thẳng cho khoảng thời gian đầu tư chứng khoán.

Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán đã niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán bằng cách tham khảo giao dịch gần nhất tại Sở Giao dịch chứng khoán trong vòng 10 ngày tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 10 ngày tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm, MB không trích lập dự phòng cho các chứng khoán này. MB cũng không thực hiện trích lập dự phòng cho trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương được phân loại là chứng khoán đầu tư. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục *"Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư và đầu tư dài hạn"*.

Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán của doanh nghiệp (bao gồm cả trái phiếu do TCTD khác phát hành) chưa niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng rủi ro tín dụng theo phương pháp được trình bày tại *Thuyết minh 4.4*.

4.7.2 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán nợ có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được mà MB có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Trong trường hợp chứng khoán được bán hẳn trước thời điểm đáo hạn, các chứng khoán này sẽ được phân loại lại sang tài khoản phù hợp trước thời điểm bán.

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận và đo lường tương tự như chứng khoán nợ đầu tư sẵn sàng để bán được trình bày tại *Thuyết minh 4.7.1.*

4.8 Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư vốn vào các đơn vị khác mà MB có tối đa 11% quyền biểu quyết và chứng khoán của các đơn vị này không được niêm yết trên thị trường khoán. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được lập trong trường hợp các đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến MB có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá được tính bằng tổng vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu ở tổ chức kinh tế nhận vốn góp trừ (-) vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh tế nhận vốn góp nhân (x) với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của MB tại tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dự phòng được hoàn nhập khi các giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng trở lại sau khi lập dự phòng. Khoản dự phòng được ghi nhận hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Tăng hoặc giảm dự phòng đầu tư dài hạn được ghi nhận vào khoản mục *"Lãi/(Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư và đầu tư dài hạn"* trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

4.9 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao hay hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định là toàn bộ các chi phí mà MB phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định nếu các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu; chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động hợp nhất.

4.10 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình và hao mòn của tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của tài sản cố định như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 8 năm
Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	6 - 10 năm
Tài sản hữu hình khác	3 - 8 năm
Quyền sử dụng đất (*)	30 - 50 năm
Phần mềm máy vi tính	3 - 8 năm
Tài sản cố định vô hình khác	3 năm

(*) Quyền sử dụng đất lâu dài có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng lâu dài không được trích khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn và quyền sử dụng đất thuê được khấu hao theo thời gian thuê hoặc thời gian sử dụng.

4.11 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính của quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là 39 năm và tài sản gắn liền trên đất là 20 năm.

4.12 Tài sản Có khác

4.12.1 Các khoản nợ phải thu được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng

Các khoản phải thu được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro tín dụng. MB thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của các khoản phải thu này theo phương pháp được trình bày tại *Thuyết minh 4.4*.

4.12.2 Tài sản Có khác

Các tài sản Có khác không được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro cho tài sản Có nội bảng khác.

Các tài sản Có khác được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn gốc của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Chi phí dự phòng được ghi nhận vào khoản mục *"Chi phí hoạt động"* trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Đối với các tài sản Có khác quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ sáu tháng đến dưới một năm	30%
Từ một năm đến dưới hai năm	50%
Từ hai năm đến dưới ba năm	70%
Từ ba năm trở lên	100%

Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng chưa đến hạn thanh toán được xác định bởi MB sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản nợ đó.

4.13 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

4.14 Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm.

4.15 Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những chứng khoán và giấy tờ có giá được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản đi vay trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Những chứng khoán được mua đồng thời được cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản cho vay trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

4.16 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp MB là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp MB là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê

4.17 Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước

Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước được phản ánh theo giá gốc.

4.18 Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác, tiền gửi của khách hàng, phát hành giấy tờ có giá và vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro

Các khoản tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác, của khách hàng, phát hành giấy tờ có giá và vốn tài trợ, ủy thác tài trợ, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm. Chi phí phát hành trái phiếu được ghi giảm số dư gốc của trái phiếu tại thời điểm ban đầu. MB thực hiện phân bổ dần các chi phí này vào khoản mục "Chi phí lãi và các chi phí tương tự" theo phương pháp đường thẳng phù hợp với kỳ hạn của giấy tờ có giá.

4.19 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Theo chính sách kế toán của MB, tất cả các nghiệp vụ phát sinh của MB được hạch toán theo nguyên tệ. Tại thời điểm cuối kỳ kế toán năm, tài sản và công nợ tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá quy định vào ngày lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất (Thuyết minh 55). Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của MB được quy đổi ra VND theo tỷ giá vào ngày phát sinh giao dịch. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ sang VND được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Hoạt động ở nước ngoài

Các tài sản và nợ phải trả của công ty con ở nước ngoài được hạch toán theo đồng tiền báo cáo khác được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm để hợp nhất. Doanh thu và chi phí của công ty con ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá bình quân kỳ kế toán năm.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi để hợp nhất công ty con ở nước ngoài nêu trên được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

4.20 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc MB đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.21 Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm

Việc trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm tại Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội và Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ MB Ageas, hai công ty con, được thực hiện theo các phương pháp được quy định tại Thông tư số 67/2023/TT-BTC ngày 2 tháng 11 năm 2023 ("Thông tư 67") của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm, Nghị định số 46/2023/NĐ-CP ngày 1 tháng 7 năm 2023 ("Nghị định 46") của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm. Phương pháp trích lập dự phòng như sau:

(i) Dự phòng phí chưa được hưởng

Dự phòng phí chưa được hưởng cho các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm có thời hạn từ 1 năm trở xuống và còn hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo tỷ lệ cụ thể như sau:

- Đối với nghiệp vụ bảo hiểm hàng hóa vận chuyển bằng đường bộ, đường biển, đường thủy nội địa, đường sắt và đường hàng không: bằng 25% tổng phí bảo hiểm thuộc năm của nghiệp vụ bảo hiểm này.
- Đối với các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ khác: bằng 50% tổng phí bảo hiểm thuộc năm của nghiệp vụ bảo hiểm này.
- Đối với nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ: dự phòng cho các khoản phí chưa được hưởng được thực hiện theo phương pháp 1/8 hoặc 1/24 được quy định trong Cơ sở kỹ thuật của từng sản phẩm đã được phê duyệt.

Đối với các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm phi nhân thọ có thời hạn từ trên 1 năm, dự phòng phí chưa được hưởng sẽ được tính theo công thức sau:

$$\text{Dự phòng phí chưa được hưởng} = \frac{\text{Phí bảo hiểm x Số ngày bảo hiểm còn lại của hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm}}{\text{Tổng số ngày bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm}}$$

(ii) Dự phòng toán học

Đối với hợp đồng bảo hiểm nhân thọ: Dự phòng toán học là khoản mục dự phòng của nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ được tính là phần chênh lệch giữa giá trị hiện tại của các khoản bảo hiểm phải trả trong tương lai và giá trị hiện tại của phí bảo hiểm thuần được điều chỉnh theo phương pháp Zillmer đối với các khoản phải thu phí bảo hiểm trong tương lai. Dự phòng toán học được tính toán cho các đơn bảo hiểm có thời hạn trên một (1) năm với các công thức tính toán bảo hiểm cụ thể và những nhân tố cho mỗi loại sản phẩm đã được đăng ký và chấp nhận bởi Bộ Tài chính. Lãi suất định giá tối đa được tính theo lãi suất bình quân của trái phiếu Chính phủ theo công thức quy định tại Thông tư 67.

4.21 Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm

(tiếp theo)

Đối với hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm sức khỏe có thời hạn trên 1 năm, trừ các hợp đồng chỉ bảo hiểm cho trường hợp chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn: Dự phòng toán học được trích lập như sau:

$$\text{Dự phòng toán học} = \frac{\text{Phí bảo hiểm x Số ngày bảo hiểm còn lại của hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm}}{\text{Tổng số ngày bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm}}$$

Trừ các hợp đồng chỉ bảo hiểm cho trường hợp chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn, trong mọi trường hợp MB đảm bảo kết quả trích lập dự phòng không thấp hơn kết quả trích lập theo phương pháp 1/8.

(iii) Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã thông báo nhưng chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm.

- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã thông báo nhưng chưa giải quyết được xác định dựa trên cơ sở ước tính của từng vụ bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo cho công ty bảo hiểm hoặc khách hàng khiếu nại bồi thường tuy nhiên chưa giải quyết tại thời điểm cuối năm;
- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu bồi thường ("IBNR"): Đối với các hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ và các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ có thời hạn từ một năm trở xuống, MB trích lập theo tỷ lệ 3% phí bảo hiểm. Đối với các sản phẩm bảo hiểm bổ trợ tai nạn, sản phẩm bổ trợ bệnh hiểm nghèo và sản phẩm bổ trợ hỗ trợ viện phí và chi phí phẫu thuật ký bởi Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ MB Ageas, công ty con, dự phòng bồi thường cho các tổn thất được phát sinh được tính theo kết quả cao hơn giữa phương pháp 3% phí bảo hiểm quy năm của các hợp đồng bảo hiểm còn hiệu lực tại thời điểm trích lập dự phòng và phương pháp 3% doanh thu phí bảo hiểm trong kỳ của các sản phẩm đó.

(iv) Dự phòng dao động lớn

Dự phòng dao động lớn được trích lập mỗi năm cho đến khi dự phòng đạt được mức 100% mức phí giữ lại trong kỳ kế toán năm và được trích lập trên tỷ lệ phí bảo hiểm giữ lại theo quy định tại Thông tư 67.

Vào ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán ("CMKT") mới, bao gồm CMKT số 19 về Hợp đồng bảo hiểm. Theo đó, kể từ tháng 1 năm 2006, việc trích lập dự phòng dao động lớn là không cần thiết do dự phòng này phản ánh "các yêu cầu đòi bồi thường không tồn tại tại thời điểm lập báo cáo tài chính". Tuy nhiên, do Bộ Tài chính chưa có hướng dẫn cụ thể việc áp dụng CMKT số 19 và theo Nghị định 46, MB hiện vẫn trích lập dự phòng dao động lớn trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

(v) Dự phòng đảm bảo cân đối

Là khoản dự phòng được trích lập bằng một phần trăm (1%) của lợi nhuận trước thuế, được trích lập hàng năm cho đến khi dự phòng này bằng năm phần trăm (5%) của phí bảo hiểm thu được trong năm của các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ và bảo hiểm sức khỏe.

4.22 Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi không do pháp luật quy định và được phép phân phối hết, chủ yếu được dùng để chi trả cho cán bộ, công nhân viên của MB. Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và được ghi nhận trong nợ phải trả của MB. Tỷ lệ trích lập do Đại hội đồng Cổ đông của MB quyết định tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

4.23 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được sử dụng cho hoạt động đầu tư nghiên cứu, phát triển khoa học và công nghệ của Ngân hàng. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập hàng năm theo phê duyệt của Hội đồng Quản trị Ngân hàng, tối đa không quá 10% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ tính thuế. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được ghi nhận vào khoản mục "Chi phí hoạt động" trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất và khoản mục "Các khoản nợ khác" trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

4.24 Vốn và các quỹ

4.24.1 Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu và được ghi nhận theo mệnh giá. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp tới việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ vào thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

4.24.2 Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được vốn từ các cổ đông, phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá của cổ phiếu được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

4.24.3 Vốn khác

Vốn khác trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất được ghi nhận khi công ty con sử dụng thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển hoặc lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày mua để tăng vốn của công ty con. Khi hợp nhất báo cáo tài chính, MB loại trừ khoản đầu tư của Ngân hàng mẹ vào công ty con và ghi nhận giá trị phần vốn tăng thêm của công ty con thuộc sở hữu của Ngân hàng mẹ vào chỉ tiêu vốn khác của chủ sở hữu trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

4.24.4 Các quỹ dự trữ của Tổ chức tín dụng

MB thực hiện trích lập các quỹ dự trữ sau khi có quyết định của Đại hội đồng Cổ đông hoặc chủ sở hữu tương ứng.

(i) Các quỹ dự trữ của Ngân hàng

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ

Theo Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 18 tháng 1 năm 2024 ("Luật các tổ chức tín dụng") và Nghị định số 135/2025/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 12 tháng 6 năm 2025 về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng có vốn nhà nước ("Nghị định 135") áp dụng từ ngày 1 tháng 8 năm 2025 và Nghị định số 93/2017/NĐ-CP ngày 7 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ áp dụng cho các giai đoạn trước ngày 1 tháng 8 năm 2025, Ngân hàng phải trích lập các quỹ sau trước khi phân phối lợi nhuận:

	Tỷ lệ trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	10% lợi nhuận sau thuế	100% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	Không quy định

Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi đã được bù đắp bằng tiền bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất, của tổ chức bảo hiểm và sử dụng dự phòng trích lập trong chi phí; sử dụng cho các mục đích khác theo quy định của pháp luật.

Các quỹ dự trữ bắt buộc này không được phép phân phối và được ghi nhận như một phần của vốn chủ sở hữu.

Các quỹ khác

Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế. Việc phân bổ từ lợi nhuận sau thuế cho các quỹ này phải được Đại hội đồng Cổ đông của Ngân hàng phê duyệt.

(ii) Các quỹ dự trữ của các công ty con

Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội ("MB AMC")

MB AMC thực hiện trích lập các quỹ dự trữ bắt buộc và quỹ khen thưởng phúc lợi theo quyết định của Ngân hàng mẹ

4.24.4 Các quỹ dự trữ của Tổ chức tín dụng (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB ("MBS") và Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB ("MB Capital")

Các quỹ của MBS và MB Capital được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

Công ty Tài chính tín dụng tiêu dùng Trách nhiệm hữu hạn MB Shinsei ("MCredit")

MCredit phải trích lập các quỹ dự trữ bắt buộc trước khi phân phối lợi nhuận tương tự như Ngân hàng mẹ.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội ("MIC") và Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas ("MBLife")

MIC và MBLife phải trích lập quỹ dự trữ bắt buộc từ lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ là 5% cho tới khi bằng 10% mức vốn điều lệ.

4.25 Ghi nhận doanh thu và chi phí

4.25.1 Thu nhập lãi và chi phí lãi

Thu nhập lãi và chi phí lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên cơ sở dự thu, dự chi. Lãi dự thu phát sinh từ các khoản nợ được phân loại từ nhóm 2 đến nhóm 5 theo Thông tư 31 và khoản nợ được cơ cấu thời hạn trả nợ theo Nghị định 55 và Thông tư 53 thì không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất. Lãi phải thu của các khoản nợ này được chuyển ra theo dõi ở tài khoản ngoại bảng và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi MB thực thu.

4.25.2 Thu nhập từ hoạt động dịch vụ

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm

Doanh thu phí bảo hiểm được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi:

- Khi hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm.
- Có bằng chứng về việc hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm;
- Khi hợp đồng bảo hiểm đã giao kết và doanh nghiệp bảo hiểm có thỏa thuận với bên mua bảo hiểm về thời hạn thanh toán phí bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm hạch toán doanh thu khoản phí bảo hiểm bên mua bảo hiểm phải đóng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm khi bắt đầu thời hạn bảo hiểm; và
- Khi hợp đồng bảo hiểm đã giao kết và có thỏa thuận cho bên mua bảo hiểm về việc đóng phí bảo hiểm theo kỳ tại hợp đồng bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm hạch toán doanh thu số phí bảo hiểm tương ứng với kỳ hoặc các kỳ phí bảo hiểm đã phát sinh, không hạch toán doanh thu số phí bảo hiểm chưa đến kỳ bên mua bảo hiểm phải đóng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm.

Phí nhượng tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận là một khoản giảm trừ vào doanh thu từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm và được ghi nhận khi doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi các thỏa thuận này đã được ghi nhận.

Thu nhập từ phí dịch vụ ngân hàng

Các khoản phí dịch vụ ngân hàng được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện.

Doanh thu môi giới chứng khoán

Doanh thu từ dịch vụ môi giới chứng khoán được ghi nhận khi giao dịch chứng khoán đã hoàn thành.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Đối với các khoản doanh thu khác, khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

4.25.3 Thu nhập từ hoạt động đầu tư

Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn của chứng khoán.

Cổ tức bằng tiền được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi quyền nhận cổ tức bằng tiền của MB được xác lập.

Cổ tức được nhận dưới dạng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng và quyền mua cổ phiếu cho các cổ đông hiện tại, cổ phiếu được chia từ lợi nhuận chưa phân phối không được ghi nhận là một khoản tăng giá trị khoản đầu tư và không được ghi nhận là một khoản thu nhập của MB mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu.

4.25.4 Hạch toán doanh thu phải thu nhưng không thu được

Theo Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18 tháng 1 năm 2024 do Quốc hội ban hành, đối với các khoản phải thu đã hạch toán vào thu nhập nhưng sau đó được đánh giá không thu được hoặc đến kỳ hạn thu không thu được thì MB hạch toán giảm doanh thu nếu cùng kỳ kế toán năm hoặc hạch toán vào chi phí nếu khác kỳ kế toán năm và theo dõi ngoại bảng để đôn đốc thu. Khi thu được các khoản này, MB sẽ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

4.25.5 Chi phí hoạt động dịch vụ

Chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm

Chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm bao gồm chi phí bồi thường và các chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm khác. Chi phí bồi thường bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở phát sinh khi các công ty bảo hiểm chấp nhận bồi thường theo thông báo bồi thường. Các chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh.

Chi phí hoa hồng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội và Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ MB Ageas, hai công ty con, tính toán hoa hồng phải chi trả của mỗi loại sản phẩm bảo hiểm theo tỷ lệ phần trăm nhất định trên doanh thu phí bảo hiểm gốc phù hợp với các tỷ lệ quy định tại Thông tư 67 và chỉ ghi nhận vào báo cáo kết quả hợp nhất cho phần chi phí hoa hồng được phân bổ trong năm theo tỷ lệ phù hợp với phần doanh thu phí được hưởng. Phần hoa hồng chưa được phân bổ sẽ được ghi nhận như là một khoản chi phí trả trước và sẽ được phân bổ vào chi phí kinh doanh bảo hiểm cho các năm tiếp theo.

Chi phí hoạt động dịch vụ khác

Chi phí hoạt động dịch vụ khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi phát sinh.

Chi phí khởi tạo khoản cho vay khách hàng tại công ty tài chính tiêu dùng

Chi phí khởi tạo khoản cho vay khách hàng bao gồm chi phí hoa hồng cho đại lý, các bên thứ ba và cộng tác viên kinh doanh được hạch toán phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 10 đến 31 tháng theo thời hạn trung bình của các sản phẩm cho vay.

4.26 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến được thu hồi từ (hoặc phải nộp cho) cơ quan thuế, áp dụng mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

MB chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi MB có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và MB dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

4.26 Thuế thu nhập doanh nghiệp
(tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi trước đây sẽ được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay công nợ được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

4.27 Các cam kết và nợ tiềm ẩn

Tại bất cứ thời điểm nào Ngân hàng cũng có các cam kết cấp tín dụng chưa thực hiện. Các cam kết này ở dưới dạng các khoản cho vay và thấu chi đã được phê duyệt. Ngân hàng cũng cung cấp các bảo lãnh tài chính và thư tín dụng để bảo lãnh việc thực hiện hợp đồng của khách hàng đối với bên thứ ba. Nhiều khoản cam kết và nợ tiềm ẩn sẽ đáo hạn mà không phát sinh bất kỳ một phần hay toàn bộ một khoản tạm ứng nào. Do đó các khoản cam kết và nợ tiềm ẩn này không nhất thiết phản ánh luồng lưu chuyển tiền tệ dự kiến trong tương lai.

Thư tín dụng trả chậm có điều khoản thỏa thuận bên thụ hưởng được thanh toán trả ngay hoặc trả trước ngày đến hạn thanh toán thư tín dụng ("UPAS LC")

Khi ngân hàng hoàn trả thực hiện thanh toán cho bên thụ hưởng, Ngân hàng phải nhận nợ với ngân hàng hoàn trả, đồng thời khách hàng phải nhận nợ với Ngân hàng số tiền ngân hàng hoàn trả đã thanh toán cho bên thụ hưởng theo cam kết tại thư tín dụng. Khi nhận được thông báo của ngân hàng hoàn trả là đã thực hiện thanh toán cho bên thụ hưởng, Ngân hàng hàng ghi nhận khoản tiền đã nhận nợ với ngân hàng hoàn trả là một khoản vay tổ chức tín dụng khác, đồng thời ghi nhận khoản tiền mà khách hàng đã nhận nợ là một khoản cho vay khách hàng.

Ngân hàng cũng cung cấp các bảo lãnh tài chính và thư tín dụng để bảo lãnh việc thực hiện hợp đồng của khách hàng đối với bên thứ ba. Nhiều khoản cam kết và nợ tiềm ẩn sẽ đáo hạn mà không phát sinh bất kỳ một phần hay toàn bộ một khoản tạm ứng nào. Do đó các khoản cam kết và nợ tiềm ẩn này không nhất thiết phản ánh luồng lưu chuyển tiền tệ dự kiến trong tương lai.

4.28 Các công cụ tài chính phái sinh

MB ký kết các hợp đồng kỳ hạn và hoán đổi nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyển, điều chỉnh hoặc giảm rủi ro hối đoái hoặc các rủi ro thị trường khác, đồng thời phục vụ mục đích kinh doanh của MB.

Các hợp đồng kỳ hạn tiền tệ

Các hợp đồng kỳ hạn tiền tệ được ghi nhận theo giá trị cam kết trên hợp đồng tại ngày giao dịch, được định kỳ đánh giá lại theo tỷ giá giao ngay tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm và được trình bày theo giá trị thuần quy đổi trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Chênh lệch từ việc đánh giá lại tỷ giá được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất vào thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm hoặc khi đáo hạn hợp đồng nếu ngày đáo hạn hợp đồng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Chênh lệch giữa giá trị VND của số lượng ngoại tệ cam kết mua/bán theo tỷ giá kỳ hạn và tỷ giá giao ngay được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hiệu lực của các hợp đồng này.

Các hợp đồng hoán đổi tiền tệ

Các hợp đồng hoán đổi tiền tệ là các cam kết mua và bán cùng một lượng ngoại tệ (chỉ có hai đồng tiền được sử dụng trong giao dịch) với cùng một đối tác, trong đó một giao dịch có thời hạn thanh toán giao ngay và một giao dịch có thời hạn thanh toán xác định trong tương lai và tỷ giá của hai giao dịch được xác định đồng thời tại thời điểm xác nhận giao dịch giao ngay. Số tiền phụ trội hoặc chiết khấu do chênh lệch tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng và tỷ giá kỳ hạn này sẽ được ghi nhận ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng như một khoản mục tài sản nếu dương hoặc khoản mục nợ phải trả nếu âm trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Chênh lệch này sẽ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong suốt thời hạn của hợp đồng hoán đổi.

Các hợp đồng hoán đổi lãi suất

Các hợp đồng hoán đổi lãi suất là các cam kết để thanh toán khoản tiền lãi tính theo lãi suất thả nổi hay lãi suất cố định được tính trên cùng một khoản tiền gốc danh nghĩa, trong cùng một khoảng thời gian. Giá trị khoản vốn danh nghĩa trong các hợp đồng hoán đổi lãi suất một đồng tiền được ghi nhận trên các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Các khoản thu nhập và chi phí phát sinh lãi phát sinh trên giá trị khoản vốn danh nghĩa được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

4.29 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

MB trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của MB (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ kế toán năm.

Nếu cổ phiếu phát hành trong năm chỉ làm thay đổi về số lượng cổ phiếu mà không dẫn đến sự thay đổi về nguồn vốn, MB sẽ thực hiện điều chỉnh số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong các kỳ kế toán năm được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất, dẫn đến điều chỉnh tương ứng của chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu.

4.30 Lợi ích của nhân viên

4.30.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên MB tại Việt Nam khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. MB sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm tai nạn và bệnh nghề nghiệp cho mỗi nhân viên lần lượt bằng 17% và 0,5% lương hàng tháng của họ trong thời gian làm việc. Ngoài ra, MB không có một nghĩa vụ nào khác. Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm tai nạn và bệnh nghề nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi phát sinh.

4.30.2 Trợ cấp thôi việc

Theo Điều 46 Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 có hiệu lực ngày 1 tháng 1 năm 2021, MB có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc và đáp ứng đầy đủ các yếu tố theo quy định của pháp luật. Mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc. Trợ cấp thôi việc được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi có khoản chi trả.

4.30.3 Trợ cấp thất nghiệp

Theo Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, MB có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp. Bảo hiểm thất nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi phát sinh.

4.31 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của MB tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của MB là dựa theo bộ phận chia theo lĩnh vực kinh doanh.

4.32 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của MB nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi MB và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4.33 Bù trừ

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cấn trừ và thể hiện giá trị ròng trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất chỉ khi MB có quyền hợp pháp để thực hiện việc cấn trừ và MB dự định thanh toán tài sản và nợ phải trả theo giá trị ròng hoặc việc tất toán tài sản và nợ phải trả xảy ra đồng thời.

4.34 Số dư bằng không

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất này theo Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng do NHNN ban hành tại Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung là các khoản mục không có số dư.

4.35 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của MB trong năm trước.

5. Tiền mặt, vàng bạc, đá quý

	31/12/2025 triệu đồng	31/12/2024 triệu đồng
Tiền mặt bằng VND	4.543.336	2.985.508
Tiền mặt bằng ngoại tệ	413.281	358.551
Vàng tiền tệ	9.169	5.107
	4.965.786	**3.349.166**

6. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước

	31/12/2025 triệu đồng	31/12/2024 triệu đồng
Tiền gửi tại NHNNVN (i)	66.235.893	27.776.974
Bằng VND	55.806.369	27.209.475
Bằng ngoại tệ	10.429.524	567.499
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Lào (ii)	667.675	568.032
Tiền gửi tại Ngân hàng Quốc gia Campuchia (iii)	1.590.858	1.480.247
	68.494.426	**29.825.253**

(i) Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNNVN") bao gồm quỹ dự trữ bắt buộc và tài khoản tiền gửi thanh toán.

Theo quy định của NHNNVN về dự trữ bắt buộc, các ngân hàng được phép duy trì một số dư thả nổi tại tài khoản dự trữ bắt buộc ("DTBB"). Số dư bình quân dự trữ bắt buộc hàng tháng phải không được thấp hơn bình quân số dư tiền gửi của tháng trước nhân với tỷ lệ dự trữ bắt buộc tương ứng.

Tỷ lệ DTBB tại ngày cuối năm như sau:

	31/12/2025	31/12/2024
Số dư tiền gửi bình quân tháng trước của:		
Khách hàng		
Tiền gửi bằng ngoại tệ có thời hạn dưới 12 tháng	8,00%	8,00%
Tiền gửi bằng ngoại tệ có thời hạn từ 12 tháng trở lên	6,00%	6,00%
Tiền gửi bằng VND có thời hạn dưới 12 tháng	3,00%	3,00%
Tiền gửi bằng VND có thời hạn từ 12 tháng trở lên	1,00%	1,00%
Tổ chức tín dụng nước ngoài		
Tiền gửi bằng ngoại tệ	1,00%	1,00%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tiền gửi dự trữ bắt buộc bằng VND được hưởng lãi suất 0,50%/năm và tiền gửi bằng ngoại tệ vượt dự trữ bắt buộc được hưởng lãi suất 0,00%/năm (31/12/2024: 0,50%/năm và 0,00%/năm).

(ii) Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Lào bao gồm khoản tiền gửi dự trữ bắt buộc bằng Kíp Lào ("LAK") và ngoại tệ khác liên quan đến việc thành lập chi nhánh của Ngân hàng tại Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và dự trữ bắt buộc theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Lào.

Tỷ lệ tiền gửi dự trữ bắt buộc tại ngày cuối năm như sau:

	31/12/2025	31/12/2024
Tiền gửi bằng ngoại tệ có thời hạn dưới 12 tháng	11,00%	11,00%
Tiền gửi bằng LAK có thời hạn dưới 12 tháng	8,00%	8,00%

Các khoản tiền gửi dự trữ bắt buộc tại Ngân hàng Nhà nước Lào không được hưởng lãi suất.

(iii) Tiền gửi tại Ngân hàng Quốc gia Campuchia bao gồm khoản tiền gửi ký quỹ bằng Khmer Riels ("KHR") và ngoại tệ khác liên quan đến việc thành lập ngân hàng con của Ngân hàng tại Nước Cộng hòa Nhân dân Campuchia và dự trữ bắt buộc theo quy định của Ngân hàng Quốc gia Campuchia. Tiền gửi dự trữ bắt buộc được tính dựa trên số dư tiền gửi bình quân ngày nhân với tỷ lệ dự trữ bắt buộc tương ứng.

Tỷ lệ tiền gửi dự trữ bắt buộc tại ngày cuối năm như sau:

	31/12/2025	31/12/2024
Tiền gửi bằng ngoại tệ khác KHR	12,50%	12,50%
Tiền gửi bằng KHR	7,00%	7,00%

Các khoản tiền gửi dự trữ bắt buộc tại Ngân hàng Quốc gia Campuchia không được hưởng lãi suất.

7. Tiền gửi và cho vay các TCTD khác

	31/12/2025 triệu đồng	31/12/2024 triệu đồng
Tiền gửi tại các TCTD khác	**165.819.028**	**63.887.837**
Tiền gửi không kỳ hạn	14.315.078	11.260.009
Bằng VND	*4.492.129*	*6.102.802*
Bằng ngoại tệ	*9.822.949*	*5.157.207*
Tiền gửi có kỳ hạn	151.503.950	52.627.828
Bằng VND	*148.618.970*	*50.971.254*
Bằng ngoại tệ	*2.884.980*	*1.656.574*
Cho vay các TCTD khác	**17.113.794**	**12.903.651**
Bằng VND	*15.025.322*	*12.523.482*
Bằng ngoại tệ	*2.088.472*	*380.169*
Dự phòng rủi ro	**(9.096)**	**(5.866)**
	182.923.726	**76.785.622**

Phân tích chất lượng tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng khác tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2025 triệu đồng	31/12/2024 triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	168.617.744	65.531.479

Mức lãi suất năm của các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác tại ngày cuối năm như sau:

	31/12/2025 %/năm	31/12/2024 %/năm
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	4,11 - 9,50	3,70 - 6,00
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	3,75 - 4,50	4,43 - 4,50
Cho vay bằng VND	5,80	2,90 - 5,50
Cho vay bằng ngoại tệ	4,39	-

Biến động dự phòng rủi ro tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác trong trong năm như sau:

	Năm 2025 triệu đồng	Năm 2024 triệu đồng
Số dư đầu năm	**5.866**	**5.427**
Trích lập trong năm *(Thuyết minh 35)*	2.992	150
Chênh lệch tỷ giá	238	289
Số dư cuối năm	**9.096**	**5.866**

8. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2025 triệu đồng	31/12/2024 triệu đồng
Chứng khoán nợ	**4.375.694**	**7.719.682**
Chứng khoán do Chính phủ, chính quyền địa phương phát hành (i)	1.029.213	999.786
Chứng khoán do các TCTD khác trong nước phát hành (ii)	3.142.925	6.621.719
Chứng khoán do các tổ chức kinh tế ("TCKT") trong nước phát hành (iii)	203.556	98.177
Chứng khoán vốn	**316.928**	**212.152**
Chứng khoán vốn do các TCTD khác trong nước phát hành	182.283	128.830
Chứng khoán vốn do các TCKT khác trong nước phát hành	134.645	83.322
	4.692.622	**7.931.834**
Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		
Dự phòng chung	(39.393)	(179)
	4.653.229	**7.931.655**

(i) Trái phiếu Chính phủ phát hành có kỳ hạn 10 năm (31/12/2024: 3 đến 20 năm), được hưởng lãi suất 2,60% - 4,20%/năm (31/12/2024: 2,00% - 8,10%/năm).

(ii) Trái phiếu do các TCTD khác trong nước phát hành có kỳ hạn từ 8 tháng đến 14 tháng (31/12/2024: 6 tháng đến 2 năm), được hưởng lãi suất từ 4,90% - 6,40%/năm (31/12/2024: 5% - 7,58%/năm).

(iii) Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành có kỳ hạn 4 tháng (31/12/2024: 1 đến 5 năm), được hưởng lãi suất 9,5%/năm (31/12/2024: 5,00% - 12,20%/năm).

Tình trạng niêm yết của chứng khoán kinh doanh:

	31/12/2025 triệu đồng	31/12/2024 triệu đồng
Chứng khoán nợ	**4.375.694**	**7.719.682**
Đã niêm yết	1.214.514	999.786
Chưa niêm yết	3.161.180	6.719.896
Chứng khoán vốn	**316.928**	**212.152**
Đã niêm yết	290.593	212.027
Chưa niêm yết	26.335	125
	4.692.622	**7.931.834**

Biến động dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh trong năm như sau:

	31/12/2025 triệu đồng	31/12/2024 triệu đồng
Số dư đầu kỳ	**179**	**612**
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng trong năm *(Thuyết minh 30)*	39.214	(433)
Số dư cuối năm	**39.393**	**179**

9. Cho vay khách hàng

	31/12/2025 triệu đồng	31/12/2024 triệu đồng
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân	1.054.801.750	756.463.013
Cho vay chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá	3.007.877	2.500.151
Các khoản trả thay khách hàng	115.795	62.439
Cho vay bằng vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư	21.314	44.166
Cho vay các tổ chức, cá nhân nước ngoài	11.032.049	7.294.348
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước cho khách hàng giao dịch đầu tư chứng khoán	15.040.585	10.293.729
	1.084.019.370	**776.657.846**

Mức lãi suất bình quân cho vay khách hàng trong năm như sau:

	31/12/2025 %/năm	31/12/2024 %/năm
Cho vay bằng VND	3,50 - 13,00	3,50 - 13,00
Cho vay bằng ngoại tệ	3,50 - 8,00	3,50 - 8,00
Cho vay tiêu dùng cá nhân	4,85 - 76,00	4,85 - 76,00

9.1 Phân tích chất lượng nợ cho vay

	31/12/2025 triệu đồng	31/12/2024 triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	1.044.741.249	741.581.903
Nợ cần chú ý	10.210.040	12.196.782
Nợ dưới tiêu chuẩn	3.276.216	3.379.646
Nợ nghi ngờ	4.330.016	4.599.274
Nợ có khả năng mất vốn	6.421.264	4.606.512
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước cho khách hàng giao dịch đầu tư chứng khoán – Nợ đủ tiêu chuẩn	15.040.585	10.293.729
	1.084.019.370	**776.657.846**

9.2 Phân tích dư nợ theo thời gian

	31/12/2025 triệu đồng	31/12/2024 triệu đồng
Nợ ngắn hạn	587.136.924	413.956.564
Nợ trung hạn	127.883.727	88.454.207
Nợ dài hạn	353.958.134	263.953.346
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước cho khách hàng giao dịch đầu tư chứng khoán - ngắn hạn	15.040.585	10.293.729
	1.084.019.370	**776.657.846**

9.3 Phân tích dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp

	31/12/2025		31/12/2024	
	triệu đồng	%	triệu đồng	%
Công ty Nhà nước	39.709.933	3,66	30.754.076	3,96
Công ty TNHH MTV vốn Nhà nước 100%	17.369.546	1,60	10.458.752	1,35
Công ty TNHH MTV trở lên có vốn Nhà nước trên 50%	4.337.893	0,40	2.731.618	0,35
Công ty TNHH khác	185.950.879	17,15	130.491.477	16,80
Công ty cổ phần vốn Nhà nước trên 50%	4.188.248	0,39	3.480.485	0,45
Công ty cổ phần khác	334.141.022	30,82	228.839.706	29,46
Công ty hợp danh	319	0,00	-	-
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	35.103.879	3,24	18.816.306	2,42
Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	254.534	0,02	174.314	0,02
Hộ kinh doanh, cá nhân	437.686.958	40,38	331.346.264	42,66
Dịch vụ hành chính sự nghiệp, đoàn thể và hiệp hội	296.577	0,03	170.815	0,02
Thành phần kinh tế khác	608.368	0,06	1.805.956	0,23
Dư nợ tại tại chi nhánh và ngân hàng con nước ngoài	9.330.629	0,86	7.294.348	0,95
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước cho khách hàng	15.040.585	1,39	10.293.729	1,33
	1.084.019.370	**100,00**	**776.657.846**	**100,00**

9.4 Phân tích dư nợ cho vay theo ngành

	31/12/2025		31/12/2024	
	triệu đồng	%	triệu đồng	%
Nông, lâm nghiệp và thủy sản	10.777.589	0,99	8.724.854	1,12
Khai khoáng	6.775.371	0,63	3.975.824	0,51
Công nghiệp chế biến, chế tạo	178.930.964	16,51	124.040.940	15,97
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	50.676.721	4,67	46.125.259	5,94
Cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải	1.585.206	0,15	1.267.073	0,16
Xây dựng	45.398.649	4,19	31.917.958	4,11
Bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, xe máy	297.131.413	27,41	222.846.289	28,69
Vận tải kho bãi	29.961.714	2,76	25.762.468	3,32
Dịch vụ lưu trú, ăn uống	20.003.667	1,85	16.057.822	2,07
Thông tin và truyền thông	9.807.942	0,90	7.100.447	0,91
Hoạt động tài chính, ngân hàng, bảo hiểm	30.446.431	2,81	7.697.847	0,99
Hoạt động kinh doanh bất động sản	121.188.714	11,18	64.141.215	8,26
Chuyên môn, khoa học và công nghệ	1.381.276	0,13	668.318	0,09
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	3.409.076	0,31	1.905.606	0,25
Giáo dục và đào tạo	2.583.338	0,24	1.791.148	0,23
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	7.888.432	0,73	5.535.906	0,71
Nghệ thuật, vui chơi, giải trí	1.708.707	0,16	2.395.960	0,31
Hoạt động dịch vụ khác	820.530	0,08	533.019	0,07
Hoạt động làm thuê hộ gia đình	239.172.416	22,05	186.581.816	24,01
Dư nợ tại tại chi nhánh và ngân hàng con nước Ngoài	9.330.629	0,86	7.294.348	0,95
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước cho khách hàng giao dịch đầu tư chứng khoán	15.040.585	1,39	10.293.729	1,33
	1.084.019.370	**100,00**	**776.657.846**	**100,00**

10. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng

	31/12/2025 triệu đồng	31/12/2024 triệu đồng
Dự phòng chung	8.098.145	5.795.573
Dự phòng cụ thể	5.052.448	5.814.288
	13.150.593	**11.609.861**

Biến động dự phòng rủi ro cho vay khách hàng trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

	Dự phòng chung triệu đồng	Dự phòng cụ thể triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	**5.795.573**	**5.814.288**	**11.609.861**
Trích lập trong năm (Thuyết minh 35)	2.301.538	11.388.818	13.690.356
Sử dụng dự phòng trong năm	-	(12.185.137)	(12.185.137)
Điều chỉnh theo Kiểm toán Nhà nước	(1.444)	33.942	32.498
Chênh lệch tỷ giá	2.478	537	3.015
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	**8.098.145**	**5.052.448**	**13.150.593**

Biến động dự phòng rủi ro cho vay khách hàng trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

	Dự phòng chung triệu đồng	Dự phòng cụ thể triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	**4.551.746**	**6.917.817**	**11.469.563**
Trích lập trong năm (Thuyết minh 35)	1.241.877	8.292.891	9.534.768
Sử dụng dự phòng trong năm	-	(9.396.915)	(9.396.915)
Chênh lệch tỷ giá	1.950	495	2.445
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	**5.795.573**	**5.814.288**	**11.609.861**

11. Hoạt động mua nợ

	31/12/2025 triệu đồng	31/12/2024 triệu đồng
Mua nợ bằng VND	2.465.314	1.041.362
Dự phòng rủi ro	(21.419)	(89.853)
	2.443.895	**951.509**

Chi tiết giá trị nợ gốc, lãi của các khoản nợ đã mua của Ngân hàng tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2025 triệu đồng	31/12/2024 triệu đồng
Nợ gốc đã mua	2.465.314	1.041.069
Lãi của khoản nợ đã mua	-	293
	2.465.314	**1.041.362**

12. Chứng khoán đầu tư

12.1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

	31/12/2025 triệu đồng	31/12/2024 triệu đồng
Chứng khoán nợ		
Trái phiếu Chính phủ và trái phiếu Chính phủ bảo lãnh	63.880.125	70.456.485
Chứng khoán nợ do các TCTD trong nước phát hành	135.852.313	103.565.847
Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành	21.780.026	31.485.624
	221.512.464	**205.507.956**

Trái phiếu Chính phủ và trái phiếu Chính phủ bảo lãnh có kỳ hạn từ 5 năm đến 20 năm (31/12/2024: từ 3 năm đến 20 năm), được hưởng lãi suất 2,00% - 8,10%/năm (31/12/2024: 2,00% - 8,10%/năm).

Chứng khoán nợ do các TCTD trong nước phát hành có kỳ hạn từ 9 tháng đến 5 năm (31/12/2024: từ 6 tháng đến 7 năm), được hưởng lãi suất 4,80% - 7,60%/năm (31/12/2024: 4,10% - 10,79%/năm).

Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành có kỳ hạn từ 3 năm đến 16 năm (31/12/2024: từ 3 năm đến 16 năm), được hưởng lãi suất 4,00% - 11,80%/năm (31/12/2024: 5,00% - 12,20%/năm).

12.2 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025 triệu đồng	31/12/2024 triệu đồng
Chứng khoán nợ		
Trái phiếu Chính phủ	269.099	269.654
Chứng khoán nợ do các TCTD trong nước phát hành	2.395.896	2.385.376
Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành	1.630.130	1.957.474
	4.295.125	**4.612.504**

Chứng khoán nợ do các TCTD trong nước phát hành có kỳ hạn từ 6 tháng đến 30 năm (31/12/2024: 5 năm) và có lãi suất từ 4,60 đến 9,00%/năm (31/12/2024: 9,00%/năm).

Chứng khoán nợ do các TCKT trong nước phát hành có kỳ hạn từ 3 năm đến 20 năm (31/12/2024: từ 2 năm đến 15 năm) và có lãi suất từ 5,50% đến 11,50%/năm (31/12/2024: từ 6,5% đến 12%/năm).

12.3 Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư

	31/12/2025 triệu đồng	31/12/2024 triệu đồng
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	**163.351**	**242.638**
Dự phòng chung chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	163.351	232.291
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	-	10.347
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	**69.388**	**240.445**
Dự phòng chung	19.388	13.810
Dự phòng cụ thể	50.000	226.635
	232.739	**483.083**

12.3 Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư

(tiếp theo)

Biến động dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán triệu đồng	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Số dư đầu năm	**242.638**	**240.445**	**483.083**
Hoàn nhập trong năm *(Thuyết minh 31)*	(79.287)	(171.057)	(250.344)
Số dư cuối năm	**163.351**	**69.388**	**232.739**

Biến động dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán triệu đồng	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Số dư đầu năm	**370.013**	**105.445**	**475.458**
(Hoàn nhập)/trích lập trong năm *(Thuyết minh 31)*	(127.375)	135.000	7.625
Số dư cuối năm	**242.638**	**240.445**	**483.083**

13. Góp vốn, đầu tư dài hạn

	31/12/2025 triệu đồng	31/12/2024 triệu đồng
Đầu tư dài hạn khác	559.624	775.670
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(91.228)	(166.193)
	468.396	**609.477**

13.1 Đầu tư dài hạn

	31/12/2025 triệu đồng	31/12/2024 triệu đồng
Đầu tư vào các tổ chức kinh tế, đầu tư vào các dự án dài hạn	493.184	687.266
Đầu tư vào các quỹ đầu tư	66.440	88.404
	559.624	**775.670**

13.2 Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn trong năm như sau:

	Năm 2025 triệu đồng	Năm 2024 triệu đồng
Số dư đầu năm	**166.193**	**163.802**
(Hoàn nhập)/trích lập trong năm	(64.858)	28.807
Điều chỉnh theo Kiểm toán Nhà nước	(10.107)	-
Biến động khác	-	(26.416)
Số dư cuối năm	**91.228**	**166.193**

14. Tài sản cố định hữu hình

Biến động của tài sản cố định hữu hình trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

	Nhà cửa, vật kiến trúc triệu đồng	Máy móc, thiết bị triệu đồng	Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn triệu đồng	Tài sản cố định hữu hình khác triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	2.602.069	3.972.594	1.496.507	943.502	9.014.672
Tăng trong năm	23.381	534.230	181.278	15.205	754.094
Thanh lý	(5.879)	(258.343)	(87.642)	(2.228)	(354.092)
Phân loại lại trong năm	-	1.018.939	(75.484)	(943.499)	(44)
Chênh lệch tỷ giá	1.167	6.895	360	184	8.606
Số dư cuối năm	**2.620.738**	**5.274.315**	**1.515.019**	**13.164**	**9.423.236**
Giá trị hao mòn luỹ kế					
Số dư đầu năm	728.157	2.886.232	1.152.135	497.452	5.263.976
Khấu hao trong năm	46.639	370.601	85.794	48.732	551.766
Thanh lý	(4.499)	(128.763)	(66.354)	(1.838)	(201.454)
Điều chỉnh theo Kiểm toán Nhà nước	-	1.221	-	-	1.221
Phân loại lại trong năm	-	605.221	(68.774)	(536.478)	(31)
Chênh lệch tỷ giá	467	1.445	178	135	2.225
Số dư cuối năm	**770.764**	**3.735.957**	**1.102.979**	**8.003**	**5.617.703**
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	**1.873.912**	**1.086.362**	**344.372**	**446.050**	**3.750.696**
Số dư cuối năm	**1.849.974**	**1.538.358**	**412.040**	**5.161**	**3.805.533**

Biến động của tài sản cố định hữu hình trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

	Nhà cửa, vật kiến trúc triệu đồng	Máy móc, thiết bị triệu đồng	Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn triệu đồng	Tài sản cố định hữu hình khác triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	2.585.504	3.281.185	1.305.572	560.347	7.732.608
Tăng trong năm	16.222	793.162	258.812	409.694	1.477.890
Thanh lý	(700)	(102.869)	(68.250)	(26.761)	(198.580)
Tăng khác	-	126	-	-	126
Chênh lệch tỷ giá	1.043	990	373	222	2.628
Số dư cuối năm	**2.602.069**	**3.972.594**	**1.496.507**	**943.502**	**9.014.672**
Giá trị hao mòn luỹ kế					
Số dư đầu năm	631.015	2.450.058	1.074.312	382.819	4.538.204
Khấu hao trong năm	96.639	512.027	121.813	121.645	852.124
Thanh lý	-	(102.772)	(64.679)	(26.736)	(194.187)
Tăng khác	-	26.296	20.162	19.580	66.038
Chênh lệch tỷ giá	503	623	527	144	1.797
Số dư cuối năm	**728.157**	**2.886.232**	**1.152.135**	**497.452**	**5.263.976**
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	**1.954.489**	**831.127**	**231.260**	**177.528**	**3.194.404**
Số dư cuối năm	**1.873.912**	**1.086.362**	**344.372**	**446.050**	**3.750.696**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, nguyên giá các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng là 3.108.971 triệu VND (31/12/2024: 3.083.535 triệu VND).

15. Tài sản cố định vô hình

Biến động của tài sản cố định vô hình trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

	Quyền sử dụng đất triệu đồng	Phần mềm máy vi tính triệu đồng	TSCĐ vô hình khác triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	1.153.177	3.798.646	24.846	4.976.669
Tăng trong năm	32.212	789.835	1.025	823.072
Thanh lý	-	(105.478)	-	(105.478)
Giảm khác	-	(10.622)	-	(10.622)
Chênh lệch tỷ giá	-	1.263	-	1.263
Số dư cuối năm	**1.185.389**	**4.473.644**	**25.871**	**5.684.904**
Giá trị hao mòn luỹ kế				
Số dư đầu năm	259.380	3.020.166	17.403	3.296.949
Khấu hao trong năm	20.870	578.813	1.621	601.304
Thanh lý	-	(21.406)	-	(21.406)
Giảm khác	-	(3.348)	-	(3.348)
Chênh lệch tỷ giá	-	391	-	391
Số dư cuối năm	**280.250**	**3.574.616**	**19.024**	**3.873.890**
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	**893.797**	**778.480**	**7.443**	**1.679.720**
Số dư cuối năm	**905.139**	**899.028**	**6.847**	**1.811.014**

Biến động của tài sản cố định vô hình trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

	Quyền sử dụng đất triệu đồng	Phần mềm máy vi tính triệu đồng	TSCĐ vô hình khác triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	1.153.177	3.020.072	22.895	4.196.144
Tăng trong năm	-	793.347	1.951	795.298
Thanh lý	-	(10.737)	-	(10.737)
Giảm khác	-	(4.332)	-	(4.332)
Chênh lệch tỷ giá	-	296	-	296
Số dư cuối năm	**1.153.177**	**3.798.646**	**24.846**	**4.976.669**
Giá trị hao mòn luỹ kế				
Số dư đầu năm	238.703	2.282.318	15.341	2.536.362
Khấu hao trong năm	20.677	742.947	2.062	765.686
Thanh lý	-	(10.710)	-	(10.710)
Giảm khác	-	5.329	-	5.329
Chênh lệch tỷ giá	-	282	-	282
Số dư cuối năm	**259.380**	**3.020.166**	**17.403**	**3.296.949**
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	**914.474**	**737.754**	**7.554**	**1.659.782**
Số dư cuối năm	**893.797**	**778.480**	**7.443**	**1.679.720**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, nguyên giá các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng là 2.667.798 triệu VND (31/12/2024: 1.855.349 triệu VND).

16. Bất động sản đầu tư

Biến động của bất động sản đầu tư trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

	Nhà cửa, vật kiến trúc triệu đồng	Quyền sử dụng đất có thời hạn triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	51.835	208.580	260.415
Tăng trong năm	4.971	-	4.971
Giảm trong năm	(1.000)	(9.260)	(10.260)
Số dư cuối năm	**55.806**	**199.320**	**255.126**
Giá trị hao mòn luỹ kế			
Số dư đầu năm	6.923	19.377	26.300
Khấu hao trong năm	1.034	5.111	6.145
Giảm trong năm	(132)	-	(132)
Số dư cuối năm	**7.825**	**24.488**	**32.313**
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	**44.912**	**189.203**	**234.115**
Số dư cuối năm	**47.981**	**174.832**	**222.813**

Biến động của bất động sản đầu tư trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

	Nhà cửa, vật kiến trúc triệu đồng	Quyền sử dụng đất có thời hạn triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm và cuối năm	**51.835**	**208.580**	**260.415**
Giá trị hao mòn luỹ kế			
Số dư đầu năm	5.854	14.267	20.121
Khấu hao trong năm	1.069	5.110	6.179
Số dư cuối năm	**6.923**	**19.377**	**26.300**
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	**45.981**	**194.313**	**240.294**
Số dư cuối năm	**44.912**	**189.203**	**234.115**

17. Tài sản có khác

17.1 Các khoản phải thu

	31/12/2025 triệu đồng	31/12/2024 triệu đồng
Các khoản phải thu nội bộ	359.532	444.741
Các khoản phải thu bên ngoài (i)	26.726.578	13.079.328
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang, mua sắm TSCĐ	1.039.654	836.559
	28.125.764	**14.360.628**

(i) Các khoản phải thu bên ngoài:

	31/12/2025 triệu đồng	31/12/2024 triệu đồng
Ký quỹ, thế chấp, cầm cố	891.504	626.507
Phải thu liên quan đến tài trợ thương mại	-	1.412.951
Các khoản phải thu miễn truy đòi theo bộ chứng từ	8.046.079	-
Phải thu liên quan đến dịch vụ thanh toán	1.525.624	241.946
Các khoản tạm ứng và đặt cọc hợp đồng	129.559	131.858
Phải thu trong hoạt động bảo hiểm của công ty con	446.093	368.414
Dự phòng phí và dự phòng bồi thường nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm	2.697.375	2.688.759
Các khoản phải thu từ bán nợ	11.248.396	5.852.543
Các khoản phải thu bên ngoài khác	1.741.948	1.756.350
	26.726.578	**13.079.328**

17.2 Các khoản lãi, phí phải thu

	31/12/2025 triệu đồng	31/12/2024 triệu đồng
Lãi phải thu từ tiền gửi	275.884	30.863
Lãi phải thu từ đầu tư chứng khoán	5.277.148	4.009.194
Lãi phải thu hoạt động tín dụng và phí phải thu	7.182.731	4.684.338
Lãi phải thu từ công cụ tài chính phái sinh	813.255	194.227
	13.549.018	**8.918.622**

17.3 Tài sản Có khác

	31/12/2025 triệu đồng	31/12/2024 triệu đồng
Lợi thế thương mại	-	9.523
Chi phí trả trước chờ phân bổ khác	3.478.007	3.066.449
Hàng hóa bất động sản	246.495	158.912
Tài sản Có khác	4.169.589	2.638.865
	7.894.091	**5.873.749**

17.4 Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác

Biến động dự phòng rủi ro cho các tài sản Có khác trong năm như sau:

	Năm 2025 triệu đồng	Năm 2024 triệu đồng
Số dư đầu năm	193.424	174.926
(Hoàn nhập)/trích lập trong năm	(121.694)	18.498
Số dư cuối năm	**71.730**	**193.424**

18. Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước

	31/12/2025 triệu đồng	31/12/2024 triệu đồng
Tiền gửi của Kho bạc Nhà nước	41.233	77.462
Các khoản nợ NHNNVN	47.433.567	8.078.823
	47.474.800	**8.156.285**

19. Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác

19.1 Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác

	31/12/2025 triệu đồng	31/12/2024 triệu đồng
Tiền gửi không kỳ hạn	4.446.570	4.705.145
Bằng VND	*4.396.618*	*4.643.038*
Bằng ngoại tệ	*49.952*	*62.107*
Tiền gửi có kỳ hạn	179.188.755	74.810.465
Bằng VND	*164.580.000*	*65.290.000*
Bằng ngoại tệ	*14.608.755*	*9.520.465*
	183.635.325	**79.515.610**

19.2 Vay các tổ chức tín dụng khác

	31/12/2025 triệu đồng	31/12/2024 triệu đồng
Bằng VND	14.074.208	21.220.438
Bằng ngoại tệ	50.307.956	9.433.537
	64.382.164	**30.653.975**

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2025 %	31/12/2024 %
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	4,80 - 9,20	2,60 – 6,00
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	3,75 - 4,25	4,40 – 4,60
Tiền vay các tổ chức tín dụng khác bằng VND	6,30	4,10 – 7,60
Tiền vay các tổ chức tín dụng khác bằng ngoại tệ	2,52 - 5,04	3,50 – 6,56

20. Tiền gửi của khách hàng

	31/12/2025 triệu đồng	31/12/2024 triệu đồng
Tiền gửi không kỳ hạn	339.352.789	271.579.760
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	*304.453.535*	*248.892.601*
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	*34.899.254*	*22.687.159*
Tiền gửi có kỳ hạn	573.482.507	433.476.766
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	*563.989.870*	*424.703.281*
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	*9.492.637*	*8.773.485*
Tiền gửi vốn chuyên dùng	1.226.310	1.790.955
Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng VND	*557.357*	*269.198*
Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng ngoại tệ	*668.953*	*1.521.757*
Tiền gửi ký quỹ	7.306.526	7.306.998
Tiền gửi ký quỹ bằng VND	*4.544.143*	*4.045.662*
Tiền gửi ký quỹ bằng ngoại tệ	*2.762.383*	*3.261.336*
	921.368.132	**714.154.479**

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2025 %	31/12/2025 %
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	0,00 - 0,50	0,10 – 0,50
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00 - 1,00	0,00 – 1,00
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	0,10 - 6,40	0,10 – 6,00
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00 - 2,00	0,00 – 2,00

Tiền gửi của khách hàng theo đối tượng như sau:

	31/12/2025		31/12/2025	
	triệu đồng	%	triệu đồng	%
Tổ chức kinh tế	402.397.512	43,67	293.633.827	41,12
Cá nhân	518.970.620	56,33	420.520.652	58,88
Tổng cộng	**921.368.132**	**100,00**	**714.154.479**	**100,00**

21. Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác

	Tổng giá trị của hợp đồng theo tỷ giá ngày hiệu lực hợp đồng triệu đồng	Tổng giá trị ghi sổ kế toán (theo tỷ giá tại ngày báo cáo)		
		Tài sản triệu đồng	Nợ phải trả triệu đồng	Giá trị thuần triệu đồng
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025				
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	29.867.112	29.934.146	(29.953.439)	(19.293)
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	298.419.232	297.861.282	(298.540.496)	(679.214)
	328.286.344	**327.795.428**	**(328.493.935)**	**(698.507)**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024				
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	29.002.492	29.129.292	(29.494.262)	(364.970)
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	135.536.141	136.362.265	(136.188.840)	173.425
	164.538.633	**165.491.557**	**(165.683.102)**	**(191.545)**

22. Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro

	31/12/2025 triệu đồng	31/12/2024 triệu đồng
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay bằng VND	3.912.833	2.793.453

23. Phát hành giấy tờ có giá

	31/12/2025 triệu đồng	31/12/2024 triệu đồng
Trái phiếu bằng VND	46.405.954	37.471.472
Dưới 5 năm	*23.039.165*	*20.836.457*
Trên 5 năm	*23.366.789*	*16.635.015*
Chứng chỉ tiền gửi bằng VND	140.830.150	91.492.561
Dưới 12 tháng	*76.253.073*	*66.520.415*
Trên 12 tháng	*64.577.077*	*24.972.146*
	187.236.104	**128.964.033**

Trái phiếu chịu mức lãi suất từ 5,00%/năm đến 8,80%/năm (31/12/2024: từ 3,80%/năm đến 8,80%/năm) và chứng chỉ tiền gửi chịu lãi suất từ 4,40%/năm đến 11,18%/năm (31/12/2024: từ 3,60%/năm đến 11,18%/năm).

24. Các khoản nợ khác

24.1 Các khoản lãi, phí phải trả

	31/12/2025 triệu đồng	31/12/2024 triệu đồng
Lãi phải trả tiền gửi có kỳ hạn	3.074.184	2.750.668
Lãi phải trả tiền gửi tiết kiệm	4.988.196	3.749.625
Lãi phải trả phát hành giấy tờ có giá	3.882.897	3.048.876
Lãi phải trả vay các tổ chức tín dụng khác và vốn nhận ủy thác từ các tổ chức khác	657.485	183.532
Lãi phải trả cho các hợp đồng công cụ tài chính phái sinh	643.106	167.201
	13.245.868	**9.899.902**

24.2 Các khoản phải trả và công nợ khác

	31/12/2025 triệu đồng	31/12/2024 triệu đồng
Các khoản phải trả nội bộ	2.837.912	2.033.835
Các khoản phải trả bên ngoài (i)	46.371.539	33.536.723
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	500.000	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.076.030	1.840.589
	51.785.481	**37.411.147**

(i) Chi tiết các khoản phải trả bên ngoài:

	31/12/2025 triệu đồng	31/12/2024 triệu đồng
Các khoản thuế phải nộp Nhà nước *(Thuyết minh 25)*	4.218.259	3.574.209
Chuyển tiền phải trả	1.650.895	552.701
Doanh thu chờ phân bổ	2.438.785	2.011.525
Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm	18.870.565	15.767.153
Phải trả về dịch vụ thanh toán	12.413.243	7.268.673
Phải trả liên quan đến dịch vụ liên kết cho các giao dịch chuyển khoản, thanh toán	184.193	316.900
Phải trả và ứng trước người bán	393.813	384.550
Các khoản ứng trước tiền mua giấy tờ có giá của khách hàng tại Công ty Cổ phần Chứng khoán MB	2.871.166	680.981
Các khoản chờ thanh toán khác	3.330.620	2.980.031
	46.371.539	**33.536.723**

25. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà Nước

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025:

	Số đầu năm	Phát sinh trong năm		Số cuối năm
	Phải trả triệu đồng	Phát sinh tăng triệu đồng	Phát sinh giảm triệu đồng	Phải trả triệu đồng
Thuế giá trị gia tăng	118.529	1.161.323	(1.104.805)	175.047
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.200.018	7.215.707	(6.517.907)	3.897.818
Các loại thuế khác	255.662	2.260.097	(2.370.365)	145.394
	3.574.209	**10.637.127**	**(9.993.077)**	**4.218.259**

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024:

	Số đầu năm	Phát sinh trong năm		Số cuối năm
	Phải trả triệu đồng	Phát sinh tăng triệu đồng	Phát sinh giảm triệu đồng	Phải trả triệu đồng
Thuế giá trị gia tăng	111.864	894.446	(887.781)	118.529
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.322.906	5.899.087	(6.021.975)	3.200.018
Các loại thuế khác	104.691	1.866.604	(1.715.633)	255.662
	3.539.461	**8.660.137**	**(8.625.389)**	**3.574.209**

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN · 2025

26. Vốn và các quỹ

26.1 Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu của MB và lợi ích của cổ đông không kiểm soát cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ khác	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	**53.063.241**	**1.304.334**	**1.928.258**	**9.294.156**	**4.735.002**	**967.689**	**137.797**	**40.718.224**	**4.910.880**	**117.059.581**
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	26.778.939	604.039	27.382.978
Trích lập các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu trong năm	-	-	-	2.222.109	2.238.175	556.625	-	(5.016.909)	-	-
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(1.866.219)	(21.316)	(1.887.535)
Sử dụng các quỹ trong năm	-	-	-	-	-	(620.313)	-	-	-	(620.313)
Tăng vốn từ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức trong năm (i)	27.486.758	-	-	-	-	-	-	(27.486.758)	-	-
Chia cổ tức trong năm bằng tiền	-	-	-	-	-	-	-	(1.830.682)	(241.910)	(2.072.592)
Thoái vốn tại công ty con	-	-	-	-	-	-	-	1.367.420	408.871	1.776.291
Tăng vốn tại công ty con từ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	-	-	182.847	-	-	-	-	(68.154)	(114.693)	-
Tăng vốn tại công ty con bằng tiền	-	-	-	-	-	-	-	-	322.770	322.770
Điều chỉnh theo Kiểm toán Nhà nước	-	-	-	-	-	-	-	(4.336)	-	(4.336)
Biến động khác	-	-	106	(2.351)	(589)	(156)	-	(14.843)	17.854	21
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	-	537	64.414	709	-	65.660
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	**80.549.999**	**1.304.334**	**2.111.211**	**11.513.914**	**6.972.588**	**904.382**	**202.211**	**32.577.391**	**5.886.495**	**142.022.525**

26.1 Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

(tiếp theo)

Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu của MB và lợi ích của cổ đông không kiểm soát cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ khác	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	**52.140.841**	**869.327**	**1.928.258**	**7.299.936**	**4.076.438**	**817.557**	**45.939**	**25.559.753**	**3.973.110**	**96.711.159**
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	22.633.757	317.507	22.951.264
Tăng vốn từ phát hành cổ phiếu trong năm	922.400	435.007	-	-	-	-	-	-	-	1.357.407
Trích lập các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu trong năm	-	-	-	1.995.048	1.008.564	498.558	-	(3.502.170)	-	-
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(1.663.858)	(20.960)	(1.684.818)
Sử dụng các quỹ trong năm	-	-	-	-	-	(348.289)	-	-	-	(348.289)
Chia cổ tức trong năm bằng tiền	-	-	-	-	-	-	-	(2.643.542)	(162.709)	(2.806.251)
Điều chỉnh do thay đổi tỷ lệ sở hữu tại Công ty con	-	-	-	(828)	-	(55)	-	(3.708)	807.629	803.038
Điều chỉnh quỹ trong năm theo nghị quyết HĐTV tại Công ty con	-	-	-	-	(350.000)	-	-	350.000	-	-
Biến động khác	-	-	-	-	-	-	-	(8.986)	(3.697)	(12.683)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	-	(82)	91.858	(3.022)	-	88.754
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	**53.063.241**	**1.304.334**	**1.928.258**	**9.294.156**	**4.735.002**	**967.689**	**137.797**	**40.718.224**	**4.910.880**	**117.059.581**

(i) Trong năm 2025, Ngân hàng đã thực hiện 2 đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, bao gồm:

- Đợt 1: Theo Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức số 33/BC-MB-HĐQT ngày 13 tháng 1 năm 2025 của Ngân hàng và Công văn số 371/UBCK-QLCB ngày 17 tháng 1 năm 2025 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của Ngân hàng, số lượng cổ phiếu đã phân phối là 795.948.607 cổ phiếu, tương ứng tỷ lệ thực hiện quyền là 15% (cứ 100 cổ phiếu phổ thông đang lưu hành thì cổ đông nhận được 15 cổ phiếu phổ thông) tại thời điểm thực hiện quyền. Theo đó, tổng số cổ phiếu sau đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức là 6.102.272.659 cổ phiếu và vốn điều lệ mới của Ngân hàng là 61.022.726.590.000 VND.
- Đợt 2: Theo Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức số 914/BC-MB-HĐQT ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Ngân hàng và Công văn số 4691/UBCK-QLCB ngày 26 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của Ngân hàng, số lượng cổ phiếu đã phân phối là 1.952.727.250 cổ phiếu, tương ứng tỷ lệ thực hiện quyền là 32% (cứ 100 cổ phiếu phổ thông đang lưu hành thì cổ đông nhận được 32 cổ phiếu phổ thông) tại thời điểm thực hiện quyền. Theo đó, tổng số cổ phiếu sau đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức là 8.054.999.909 cổ phiếu và vốn điều lệ mới của Ngân hàng là 80.549.999.090.000 VND.

26.2 Vốn cổ phần

Chi tiết vốn cổ phần đã được duyệt và đã phát hành của Ngân hàng là:

	31/12/2025		31/12/2024	
	Cổ phiếu	triệu đồng	Cổ phiếu	triệu đồng
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.054.999.909	80.549.999	5.306.324.052	53.063.241
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng				
Cổ phiếu phổ thông	*8.054.999.909*	*80.549.999*	*5.306.324.052*	*53.063.241*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	*8.054.999.909*	*80.549.999*	*5.306.324.052*	*53.063.241*

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Ngân hàng. Các cổ đông có quyền nhận cổ tức mà Ngân hàng công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Ngân hàng.

27. Thu nhập lãi thuần

	Năm 2025 triệu đồng	Năm 2024 triệu đồng
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	**89.088.116**	**69.061.893**
Thu nhập lãi tiền gửi	3.211.718	1.942.451
Thu nhập lãi cho vay khách hàng và các TCTD khác	70.324.550	54.446.408
Thu nhập lãi từ chứng khoán nợ	12.242.063	10.116.084
Thu nhập lãi từ nghiệp vụ mua bán nợ	192.822	119.924
Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	2.026.771	1.511.556
Thu khác từ hoạt động tín dụng	1.090.192	925.470
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	**(37.477.999)**	**(27.909.674)**
Chi phí lãi tiền gửi	(25.799.919)	(18.432.473)
Chi phí lãi tiền vay	(2.637.325)	(1.988.997)
Chi phí lãi phát hành giấy tờ có giá	(8.708.408)	(6.559.439)
Chi phí hoạt động tín dụng khác	(332.347)	(928.765)
Thu nhập lãi thuần	**51.610.117**	**41.152.219**

28. Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ

	Năm 2025 triệu đồng	Năm 2024 triệu đồng
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	**18.062.236**	**14.602.602**
Thu từ dịch vụ thanh toán	4.577.142	3.350.501
Thu từ hoạt động môi giới chứng khoán	923.466	628.155
Thu từ xử lý nợ, thẩm định giá và khai thác tài sản	427.267	494.094
Thu từ kinh doanh, dịch vụ bảo hiểm và doanh thu phí bảo hiểm gốc	9.331.198	8.443.178
Thu từ dịch vụ tư vấn	1.000.100	280.325
Thu từ dịch vụ đại lý nhận ủy thác	15.708	27.002
Thu từ dịch vụ ngân quỹ	8.452	8.520
Thu phí khác	1.778.903	1.370.827
Chi phí hoạt động dịch vụ	**(11.483.555)**	**(10.234.353)**
Chi về dịch vụ thanh toán	(2.684.406)	(2.253.715)
Chi phí hoa hồng môi giới	(1.682.627)	(1.046.664)
Chi về xử lý nợ, thẩm định giá và khai thác tài sản	(326.970)	(440.761)
Chi về hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(6.276.805)	(6.174.019)
Chi về hoạt động môi giới chứng khoán	(225.951)	(146.539)
Chi về nghiệp vụ ủy thác và đại lý	(22.894)	(18.063)
Chi về hoạt động ngân quỹ	(40.374)	(31.790)
Chi khác	(223.528)	(122.802)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	**6.578.681**	**4.368.249**

29. Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối

	Năm 2025 triệu đồng	Năm 2024 triệu đồng
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	**5.077.663**	**7.057.250**
Thu về kinh doanh ngoại tệ và vàng	3.607.161	3.996.204
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	1.470.502	3.061.046
Chi phí về hoạt động kinh doanh ngoại hối	**(3.320.741)**	**(5.057.086)**
Chi về kinh doanh ngoại tệ và vàng	(964.614)	(1.309.588)
Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(2.356.127)	(3.747.498)
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	**1.756.922**	**2.000.164**

30. Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh

	Năm 2025 triệu đồng	Năm 2024 triệu đồng
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	1.048.998	2.553.518
Chi phí về mua bán chứng khoán kinh doanh	(341.400)	(797.929)
(Trích lập)/hoàn nhập dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh trong năm *(Thuyết minh 8)*	(39.214)	433
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	**668.384**	**1.756.022**

31. Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư

	Năm 2025 triệu đồng	Năm 2024 triệu đồng
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	1.658.738	3.136.652
Chi phí về mua bán chứng khoán đầu tư	(334.832)	(297.115)
Hoàn nhập/(trích lập) dự phòng rủi ro đầu tư dài hạn	15.843	(28.807)
Hoàn nhập/(trích lập) dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư *(Thuyết minh 12.3)*	250.344	(7.625)
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư và đầu tư dài hạn	**1.590.093**	**2.803.105**

32. Lãi thuần từ hoạt động khác

	Năm 2025 triệu đồng	Năm 2024 triệu đồng
Thu nhập từ hoạt động khác	**6.479.624**	**4.658.444**
Thu từ nợ xấu đã được xử lý	4.141.692	2.451.560
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh khác	1.321.173	1.331.187
Thu nhập khác	1.016.759	875.697
Chi phí cho hoạt động khác	**(1.165.150)**	**(1.377.624)**
Chi từ các công cụ phái sinh khác	(1.026.496)	(1.233.581)
Chi về hoạt động kinh doanh khác	(138.654)	(144.043)
Lãi thuần từ hoạt động khác	**5.314.474**	**3.280.820**

33. Thu nhập từ góp vốn mua cổ phần

	Năm 2025 triệu đồng	Năm 2024 triệu đồng
Thu từ cổ tức, lợi tức	59.336	52.643
Lãi từ việc bán các khoản góp vốn, mua cổ phần	115.008	-
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	**174.344**	**52.643**

34. Chi phí hoạt động

	Năm 2025 triệu đồng	Năm 2024 triệu đồng
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	**187.529**	**156.767**
Chi phí cho nhân viên	**11.212.709**	**9.381.603**
Trong đó:		
Chi lương và phụ cấp	*8.851.768*	*7.677.049*
Chi về tài sản	**3.029.987**	**3.156.134**
Trong đó:		
Khấu hao tài sản cố định	*1.159.215*	*1.623.989*
Chi khác về tài sản	*1.870.772*	*1.532.145*
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	**4.652.027**	**3.691.898**
Trong đó:		
Công tác phí	*219.439*	*194.239*
Chi về các hoạt động đoàn thể của TCTD	*29.645*	*35.448*
Chi khác cho hoạt động quản lý	*4.402.943*	*3.462.211*
(Hoàn nhập)/trích lập các khoản dự phòng	**(126.311)**	**41.874**
Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng	**725.212**	**578.974**
	19.681.153	**17.007.250**

35. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng

	Năm 2025 triệu đồng	Năm 2024 triệu đồng
Trích lập dự phòng rủi ro cho vay khách hàng trong năm *(Thuyết minh 10)*	13.690.356	9.534.768
Trích lập dự phòng rủi ro cho vay TCTD trong năm *(Thuyết minh 7)*	2.992	150
Trích lập dự phòng mua nợ	66.949	65.093
Trích lập dự phòng với các cam kết đưa ra	1.088	9
Hoàn nhập dự phòng rủi ro cho các khoản rủi ro khác	(17.881)	(23.376)
	13.743.504	**9.576.644**

36. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Ngân hàng mẹ và các công ty con ở Việt Nam có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") là 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế tại Việt Nam theo quy định của Thông tư số 78/2014/TT-BTC có hiệu lực ngày 2 tháng 8 năm 2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Đối với ngân hàng con tại Campuchia, MB thực hiện tính và xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo các quy định về thuế thu nhập tại Campuchia. Theo Luật Thuế ngày 8 tháng 1 năm 1997, số thuế thu nhập doanh nghiệp của Ngân hàng Đại chúng TNHH MB Campuchia được xác định là số lớn hơn giữa giá trị thuế phải nộp tối thiểu, được xác định bằng 1% tổng doanh thu (có bao gồm thuế giá trị gia tăng) hoặc 20% lợi nhuận thu được.

Đối với chi nhánh Ngân hàng tại Lào, Ngân hàng thực hiện tính và xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo các quy định về thuế thu nhập tại Lào. Theo Luật Thuế số 67 do Quốc hội Lào ban hành ngày 18 tháng 6 năm 2019 và có hiệu lực từ 17 tháng 2 năm 2020, số thuế TNDN của chi nhánh Ngân hàng tại Lào được xác định bằng 20% lợi nhuận thu được.

Các báo cáo thuế của MB sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ và tại từng quốc gia khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế nước sở tại.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập được tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các kỳ khác do có sự khác biệt giữa việc ghi nhận theo chính sách kế toán của MB và các quy định thuế hiện hành, và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của MB được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được ước tính như sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	triệu đồng	triệu đồng
Lợi nhuận kế toán hợp nhất trước thuế	**34.268.358**	**28.829.328**
Điều chỉnh cho các khoản:		
Lợi nhuận kế toán của các công ty con	*(3.297.760)*	*(2.134.540)*
Chi phí không được khấu trừ khi tính thuế của Ngân hàng mẹ	*32.555*	*446.806*
Lợi nhuận của các chi nhánh nước ngoài	*(23.268)*	*(20.865)*
Thu nhập từ cổ tức không chịu thuế của Ngân hàng mẹ	*(19.084)*	*(19.149)*
Thu nhập từ thoái vốn tại công ty con	*1.709.275*	-
Các bút toán điều chỉnh hợp nhất	*31.058*	*22.778*
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm của Ngân hàng tại Việt Nam	**32.701.134**	**27.124.358**
Thuế TNDN của Ngân hàng tại Việt Nam	6.540.227	5.424.872
Cộng:		
Thuế TNDN của chi nhánh nước ngoài	4.654	4.172
Thuế TNDN của công ty con	659.246	444.314
Điều chỉnh theo quyết toán thuế	14.599	14.908
Thuế TNDN do thoái vốn tại công ty con	(341.855)	-
Chi phí thuế TNDN trong năm	**6.876.871**	**5.888.266**
Thuế TNDN phải trả đầu năm	3.200.018	3.322.906
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(6.517.907)	(6.021.975)
Thuế TNDN do thoái vốn tại công ty con	341.855	-
Điều chỉnh theo quyết toán thuế	-	10.852
Điều chỉnh theo Kiểm toán Nhà nước	(1.920)	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(1.099)	(31)
Thuế TNDN hợp nhất phải trả cuối năm	**3.897.818**	**3.200.018**

37. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được dựa trên số lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông của Ngân hàng.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2025	Năm 2024 (Trình bày lại)	Năm 2024 (Theo báo cáo trước đây)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (triệu đồng)	26.778.939	22.633.757	22.633.757
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	(1.866.219)	-
Lợi nhuận thuần để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	26.778.939	20.767.538	22.633.757
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm (**)	8.054.999.909	8.022.806.625	6.077.883.807
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	**3.325**	**2.589**	**3.724**

Ban Điều hành Ngân hàng chưa thực hiện ước tính số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận của năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.
(*) Thay đổi về số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm như sau:

	Năm 2025	Năm 2024	Năm 2024
	Số cổ phiếu	Số cổ phiếu (Trình bày lại)	Số cổ phiếu (Theo báo cáo trước đây)
Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	**5.306.324.052**	**5.214.084.052**	**5.214.084.052**
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ trong năm 2024	-	57.442.623	57.442.623
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong năm 2024	-	10.408.525	10.408.525
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức đợt 1 trong năm 2025	795.948.607	795.948.607	795.948.607
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức đợt 2 trong năm 2025	1.952.727.250	1.944.922.818	-
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm	**8.054.999.909**	**8.022.806.625**	**6.077.883.807**

Theo Chuẩn mực Kế toán số 30 – Lãi trên cổ phiếu, số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm hiện tại và tất cả các kỳ trình bày phải được điều chỉnh cho các sự kiện tạo ra sự thay đổi về số lượng cổ phiếu phổ thông mà không dẫn đến thay đổi về nguồn. Ngân hàng thực hiện điều chỉnh số lượng cổ phiếu bình quân gia quyền từ ảnh hưởng của sự kiện trên.

38. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền thể hiện trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm các khoản trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất sau đây:

	31/12/2025	31/12/2024
	triệu đồng	triệu đồng
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	4.965.786	3.349.166
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	68.475.175	29.803.270
Tiền gửi không kỳ hạn tại các TCTD	14.315.078	11.260.009
Tiền gửi tại các TCTD khác có kỳ hạn không quá ba tháng	151.503.950	52.627.828
	239.259.989	**97.040.273**

39. Tài sản, giấy tờ có giá thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu

39.1 Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu

	31/12/2025	31/12/2024
	triệu đồng	triệu đồng
Bất động sản	1.025.680.684	772.485.557
Động sản	129.919.685	115.532.050
Giấy tờ có giá	156.153.841	83.407.616
Các khoản phải thu	119.451.646	153.599.499
Tài sản đảm bảo khác	599.157.397	356.603.539
	2.030.363.253	**1.481.628.261**

39.2 Tài sản, giấy tờ có giá đưa đi thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu

	31/12/2025	31/12/2024
	triệu đồng	triệu đồng
Giấy tờ có giá	4.508.464	12.260.320

40. Tình hình thu nhập của cán bộ, công nhân viên

	Năm 2025	Năm 2024
	triệu đồng	triệu đồng
Số lượng cán bộ, công nhân viên bình quân trong năm (người)	18.721	17.108
Tổng thu nhập của cán bộ, công nhân viên	8.851.768	7.677.049
Thu nhập bình quân tháng (triệu đồng/người/tháng)	**39,40**	**37,40**

41. Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và các cam kết đưa ra

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, MB thực hiện các công cụ tài chính liên quan đến các khoản mục ngoài báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Các công cụ tài chính này chủ yếu bao gồm các cam kết bảo lãnh và thư tín dụng. Các công cụ này cũng tạo ra những rủi ro tín dụng cho MB ngoài các rủi ro tín dụng đã được ghi nhận trong nội bảng.

Rủi ro tín dụng của các công cụ tài chính ngoại bảng được định nghĩa là khả năng mang đến rủi ro tín dụng cho MB khi một trong các bên liên quan đến công cụ tài chính đó không thực hiện các điều khoản của hợp đồng.

Bảo lãnh tài chính là các cam kết có điều kiện mà MB cấp cho khách hàng để giao dịch với một bên thứ ba trong các hoạt động về bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh dự thầu. Rủi ro tín dụng liên quan đến việc cấp bảo lãnh về cơ bản giống rủi ro cho vay khách hàng.

Giao dịch thư tín dụng thương mại trả ngay là loại giao dịch trong đó MB cung cấp tài chính cho khách hàng của mình, thông thường người mua/nhà nhập khẩu hàng hoá và bên thụ hưởng là người bán/nhà xuất khẩu. Rủi ro tín dụng trong thư tín dụng trả ngay thường thấp do hàng hoá nhập khẩu được dùng để thế chấp cho loại giao dịch này.

Giao dịch thư tín dụng trả chậm sẽ phát sinh rủi ro khi hợp đồng đã được thực hiện mà khách hàng không thanh toán cho bên thụ hưởng. Các thư tín dụng trả chậm không được khách hàng thanh toán được MB ghi nhận là khoản cho vay bắt buộc và công nợ tương ứng thể hiện nghĩa vụ tài chính của MB phải thanh toán cho bên thụ hưởng và thực hiện nghĩa vụ của MB trong việc bảo lãnh cho khách hàng.

MB thường yêu cầu khách hàng ký quỹ để đảm bảo cho các công cụ tài chính có liên quan đến tín dụng khi cần thiết. Giá trị ký quỹ dao động từ 0% đến 100% giá trị cam kết được cấp, tùy thuộc vào mức độ tin cậy của khách hàng do MB đánh giá.

Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và các cam kết đưa ra chi tiết như sau:

	31/12/2025	31/12/2024
	triệu đồng	triệu đồng
Bảo lãnh vay vốn	1.684.717	238.395
Cam kết giao dịch hối đoái	618.888.427	263.133.210
Cam kết mua ngoại tệ	9.738.358	4.416.403
Cam kết bán ngoại tệ	8.752.345	4.492.239
Cam kết mua giao dịch hoán đổi ngoại tệ	299.830.234	127.747.604
Cam kết bán giao dịch hoán đổi ngoại tệ	300.567.490	126.476.964
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	59.728.018	29.138.440
Bảo lãnh khác	190.317.517	135.649.614
Các cam kết khác	127.878.633	72.142.229

42. Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được

	31/12/2025	31/12/2024
	triệu đồng	triệu đồng
Lãi cho vay chưa thu được	9.045.902	8.878.831
Lãi chứng khoán chưa thu được	9.000	186.922
Phí phải thu chưa thu được	379.483	178.704
	9.434.385	**9.244.457**

43. Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2025	31/12/2024
	triệu đồng	triệu đồng
Nợ gốc của khoản nợ đã xử lý rủi ro đang trong thời gian theo dõi	31.781.257	25.563.790
Nợ lãi của khoản nợ đã xử lý rủi ro đang trong thời gian theo dõi	30.859.268	18.413.364
	62.640.525	**43.977.154**

44. Tài sản và chứng từ khác

	31/12/2025	31/12/2024
	triệu đồng	triệu đồng
Kim loại, đá quý giữ hộ	313.528	48.518
Tài sản khác giữ hộ	153.197.010	129.049.077
Các chứng từ có giá trị khác đang bảo quản	176.787.469	173.763.516
	330.298.007	**302.861.111**

(*) MB chưa xác định được giá trị của các tài sản thuê ngoài để thuyết minh trong báo cáo tài chính do chưa có đủ thông tin và chưa có hướng dẫn về cách xác định giá trị theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do NHNNVN ban hành và các quy định pháp lý có liên quan.

45. Giao dịch với các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường, MB có phát sinh các giao dịch với các bên liên quan. Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Một bên được coi là bên có liên quan với MB nếu:

(a) Trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hay nhiều bên trung gian, bên này:

- kiểm soát hoặc bị kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát chung bởi MB (bao gồm các công ty mẹ, công ty con);
- có vốn góp (sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên) vào MB và do đó có ảnh hưởng đáng kể tới MB;
- có quyền đồng kiểm soát MB.

(b) Bên liên quan là công ty liên doanh, liên kết mà MB là một bên liên doanh, liên kết (sở hữu trên 11% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con);

(c) Bên liên quan có thành viên là nhân sự chính trong Hội đồng Quản trị hoặc Ban Điều hành của MB;

(d) Bên liên quan là thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã nêu trong điểm (a) hoặc (c); hoặc

(e) Bên liên quan là một đơn vị trực tiếp hoặc gián tiếp chịu sự kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể, hoặc có quyền biểu quyết bởi bất kỳ cá nhân nào được đề cập đến trong điểm (c) hoặc (d).

Chi tiết số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm như sau:

	31/12/2025	31/12/2024
	triệu đồng	triệu đồng
	Phải thu (Phải trả)	Phải thu/(Phải trả)
Công ty con chưa được hợp nhất		
Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại		
Các khoản phải thu bán nợ	11.248.396	5.852.543
Cổ đông lớn		
Tiền gửi tại MB	(40.201.646)	(40.239.944)

Chi tiết giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	triệu đồng Giá trị giao dịch	triệu đồng Giá trị giao dịch
Cổ đông lớn		
Chi phí lãi tiền gửi	(1.649.495)	(1.728.013)
Chi trả cổ tức bằng tiền mặt trong năm	(729.772)	(1.062.442)
Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu trong năm	(11.006.904)	-
Tiền đã góp vốn trong năm	-	1.165.007

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội thực hiện chi trả thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát căn cứ theo Nghị quyết số 24/NQ-MB-ĐHCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2025 của Đại hội đồng Cổ đông, theo đó tỷ lệ chi trả thù lao và ngân sách hoạt động là tối đa 1,2% lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng.

Tiền lương của Ban Điều hành và người quản lý khác được chi trả theo Quy chế lương của MB.

Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị và tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác như sau:

		31/12/2025	31/12/2024
		triệu đồng	triệu đồng
1. Thù lao Hội đồng Quản trị	**Chức danh**	**21.382**	**13.618**
Ông Lưu Trung Thái	Chủ tịch	3.692	3.258
Bà Vũ Thị Hải Phượng	Phó Chủ tịch HĐQT	3.307	2.575
Ông Vũ Thành Trung	Phó Chủ tịch HĐQT (Từ ngày 15 tháng 6 năm 2024)	2.542	-
Bà Nguyễn Thị Ngọc	Thành viên HĐQT (Đến ngày 15 tháng 6 năm 2024)	-	1.301
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên HĐQT (Đến ngày 15 tháng 6 năm 2024)	-	1.301
Ông Lê Viết Hải	Thành viên HĐQT	2.308	2.089
Ông Trần Trung Tín	Thành viên HĐQT độc lập (Đến ngày 15 tháng 6 năm 2024)	-	326
Ông Hoàng Văn Sâm	Thành viên HĐQT độc lập	1.411	152
Thù lao trả cho thành viên Hội đồng Quản trị thông qua doanh nghiệp cử người đại diện (5 người)		8.211	2.616
2. Ban Kiểm soát		**9.471**	**7.040**
Bà Lê Thị Lợi	Trưởng Ban Kiểm soát	3.136	2.492
Bà Nguyễn Thị An Bình	Phó Trưởng Ban Kiểm soát	2.873	2.307
Bà Đỗ Thị Tuyết Mai	Thành viên Ban Kiểm soát	1.191	931
Bà Nguyễn Thị Nguyệt Hà	Thành viên Ban Kiểm soát	1.191	479
Ông Đỗ Văn Tiến	Thành viên Ban Kiểm soát (Từ ngày 15 tháng 6 năm 2024)	1.080	443
Ông Đỗ Văn Hưng	Thành viên Ban Kiểm soát (Đến ngày 15 tháng 6 năm 2024)	-	388
3. Tiền lương của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Thành viên Ban Điều hành		**31.904**	**29.015**
Ông Phạm Như Ánh	Tổng Giám đốc	4.114	3.248
Bà Nguyễn Minh Châu	Phó Tổng Giám đốc	3.444	3.044
Ông Trần Minh Đạt	Phó Tổng Giám đốc	3.099	2.618
Bà Phạm Thị Trung Hà	Phó Tổng Giám đốc	3.270	2.941
Ông Hà Trọng Khiêm	Phó Tổng Giám đốc	2.799	2.440
Ông Lê Quốc Minh	Phó Tổng Giám đốc	2.774	2.416
Ông Nguyễn Xuân Học	Phó Tổng Giám đốc	2.028	1.851
Ông Vũ Thành Trung	Thành viên Ban Điều hành (Đến ngày 10 tháng 12 năm 2024)	512	1.817
Bà Nguyễn Thị Ngọc	Thành viên Ban Điều hành	2.836	1.355
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên Ban Điều hành	2.799	1.339
Bà Trần Thị Bảo Quế	Thành viên Ban Điều hành	2.115	1.931
Ông Lê Xuân Vũ	Thành viên Ban Điều hành (Đến ngày 10 tháng 12 năm 2024)	-	2.174
Ông Vũ Hồng Phú	Thành viên Ban Điều hành	2.114	1.841

46. Báo cáo bộ phận

46.1 Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025:

	Tài chính ngân hàng	Chứng khoán – Quản lý quỹ	Bảo hiểm	Khai thác nợ - Quản lý tài sản	Loại trừ/ Phân loại	Tổng cộng
	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng
I. Thu nhập	**209.317.554**	**3.896.638**	**10.872.447**	**1.845.167**	**(104.342.087)**	**121.589.719**
1. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	178.843.629	1.900.290	1.054.039	46.504	(92.756.346)	89.088.116
2. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	8.918.703	1.154.644	9.437.178	1.659.903	(3.108.192)	18.062.236
3. Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác	21.555.222	841.704	381.230	138.760	(8.477.549)	14.439.367
II. Chi phí	**(161.013.533)**	**(2.322.821)**	**(10.266.329)**	**(882.345)**	**100.907.171**	**(73.577.857)**
1. Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự	(130.466.243)	(834.880)	(1.269)	-	93.824.393	(37.477.999)
2. Chi phí khấu hao TSCĐ	(979.302)	(57.497)	(101.535)	(20.881)	-	(1.159.215)
3. Chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh	(29.567.988)	(1.430.444)	(10.163.525)	(861.464)	7.082.778	(34.940.643)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	**48.304.021**	**1.573.817**	**606.118**	**962.822**	**(3.434.916)**	**48.011.862**
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(17.164.781)	(33.152)	20.071	(558)	3.434.916	(13.743.504)
Kết quả kinh doanh bộ phận (trước thuế)	**31.139.240**	**1.540.665**	**626.189**	**962.264**	**-**	**34.268.358**
III. Tài sản	**1.590.458.621**	**31.478.443**	**27.073.013**	**2.250.753**	**(35.496.903)**	**1.615.763.927**
1. Tiền mặt	4.963.484	359	502	1.441	-	4.965.786
2. Tài sản cố định	5.026.150	132.990	397.833	59.574	-	5.616.547
3. Tài sản khác	1.580.468.987	31.345.094	26.674.678	2.189.738	(35.496.903)	1.605.181.594
IV. Nợ phải trả	**1.454.652.920**	**22.819.473**	**22.405.488**	**848.676**	**(26.985.155)**	**1.473.741.402**
1. Nợ phải trả khách hàng bên ngoài	1.429.102.233	19.421.177	-	-	(26.567.489)	1.421.955.921
2. Nợ phải trả nội bộ	2.371.599	131.190	212.578	122.545	-	2.837.912
3. Nợ phải trả khác	23.179.088	3.267.106	22.192.910	726.131	(417.666)	48.947.569

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024:

	Tài chính ngân hàng	Chứng khoán – Quản lý quỹ	Bảo hiểm	Khai thác nợ - Quản lý tài sản	Loại trừ/ Phân loại	Tổng cộng
	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng
I. Thu nhập	**176.660.057**	**3.235.224**	**9.718.743**	**1.582.097**	**(90.073.119)**	**101.123.002**
1. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	140.949.237	1.426.885	916.612	18.904	(74.249.745)	69.061.893
2. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	6.152.383	730.559	8.553.003	1.539.906	(2.373.249)	14.602.602
3. Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác	29.558.437	1.077.780	249.128	23.287	(13.450.125)	17.458.507
II. Chi phí	**(131.864.413)**	**(2.233.199)**	**(9.324.409)**	**(933.426)**	**81.638.417**	**(62.717.030)**
1. Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự	(102.156.275)	(528.174)	(1.629)	-	74.776.404	(27.909.674)
2. Chi phí khấu hao TSCĐ	(1.353.339)	(64.195)	(186.279)	(20.176)	-	(1.623.989)
3. Chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh	(28.354.799)	(1.640.830)	(9.136.501)	(913.250)	6.862.013	(33.183.367)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	**44.795.644**	**1.002.025**	**394.334**	**648.671**	**(8.434.702)**	**38.405.972**
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(18.034.718)	-	23.598	(226)	8.434.702	(9.576.644)
Kết quả kinh doanh bộ phận (trước thuế)	**26.760.926**	**1.002.025**	**417.932**	**648.445**	**-**	**28.829.328**
III. Tài sản	**1.111.192.632**	**22.729.848**	**23.113.662**	**1.950.940**	**(30.186.020)**	**1.128.801.062**
1. Tiền mặt	3.348.007	348	569	242	-	3.349.166
2. Tài sản cố định	4.858.928	166.443	353.749	51.296	-	5.430.416
3. Tài sản khác	1.102.985.697	22.563.057	22.759.344	1.899.402	(30.186.020)	1.120.021.480
IV. Nợ phải trả	**998.651.487**	**15.235.258**	**18.999.635**	**797.055**	**(21.941.954)**	**1.011.741.481**
1. Nợ phải trả khách hàng bên ngoài	981.581.568	14.207.082	(1.050)	-	(21.457.266)	974.330.334
2. Nợ phải trả nội bộ	1.889.521	12.797	119.395	105.049	(62.785)	2.063.977
3. Nợ phải trả khác	15.180.398	1.015.379	18.881.290	692.006	(421.903)	35.347.170

46.2 Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (tiếp theo)

Báo cáo bộ phận theo địa lý cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025:

	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam	Nước ngoài	Loại trừ/ Phân loại	Tổng cộng
	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng
I. Thu nhập	**174.442.496**	**8.000.254**	**41.850.617**	**1.638.439**	**(104.342.087)**	**121.589.719**
1. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	137.268.222	6.922.073	36.114.068	1.540.099	(92.756.346)	89.088.116
2. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	19.017.176	240.256	1.859.189	53.807	(3.108.192)	18.062.236
3. Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác	18.157.098	837.925	3.877.360	44.533	(8.477.549)	14.439.367
II. Chi phí	**(141.371.147)**	**(5.252.944)**	**(26.331.707)**	**(1.529.230)**	**100.907.171**	**(73.577.857)**
1.Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(103.820.743)	(4.264.844)	(22.029.556)	(1.187.249)	93.824.393	(37.477.999)
2. Chi phí khấu hao TSCĐ	(1.062.788)	(14.264)	(39.768)	(42.395)	-	(1.159.215)
3. Chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh	(36.487.616)	(973.836)	(4.262.383)	(299.586)	7.082.778	(34.940.643)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	**33.071.349**	**2.747.310**	**15.518.910**	**109.209**	**(3.434.916)**	**48.011.862**
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(10.073.079)	(627.294)	(6.408.527)	(69.520)	3.434.916	(13.743.504)
Kết quả kinh doanh bộ phận (trước thuế)	**22.998.270**	**2.120.016**	**9.110.383**	**39.689**	**-**	**34.268.358**
III. Tài sản	**1.172.468.605**	**73.486.567**	**391.719.355**	**13.586.303**	**(35.496.903)**	**1.615.763.927**
1. Tiền mặt	2.125.782	765.724	1.941.472	132.808	-	4.965.786
2. Tài sản cố định	4.970.480	78.441	204.175	363.451	-	5.616.547
3. Tài sản khác	1.165.372.343	72.642.402	389.573.708	13.090.044	(35.496.903)	1.605.181.594
IV. Nợ phải trả	**1.032.999.587**	**71.795.670**	**384.462.199**	**11.469.101**	**(26.985.155)**	**1.473.741.402**
1. Nợ phải trả khách hàng bên ngoài	1.121.514.096	60.341.017	255.866.450	10.801.847	(26.567.489)	1.421.955.921
2. Nợ phải trả nội bộ	2.702.667	11.417	125.150	(1.322)	-	2.837.912
3. Nợ phải trả khác	(91.217.176)	11.443.236	128.470.599	668.576	(417.666)	48.947.569

Báo cáo bộ phận theo địa lý cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024:

	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam	Nước ngoài	Loại trừ/ Phân loại	Tổng cộng
	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng
I. Thu nhập	**151.246.693**	**6.036.328**	**32.864.213**	**1.048.881**	**(90.073.113)**	**101.123.002**
1. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	108.369.617	5.172.837	28.842.601	926.583	(74.249.745)	69.061.893
2. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	15.632.563	191.826	1.093.084	58.378	(2.373.249)	14.602.602
3. Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác	27.244.513	671.665	2.928.528	63.920	(13.450.119)	17.458.507
II. Chi phí	**(118.675.262)**	**(3.879.291)**	**(20.845.471)**	**(955.417)**	**81.638.411**	**(62.717.030)**
1. Chi phí lãi	(81.831.010)	(3.073.264)	(17.098.449)	(683.355)	74.776.404	(27.909.674)
2. Chi phí khấu hao TSCĐ	(1.518.182)	(25.197)	(67.012)	(13.598)	-	(1.623.989)
3. Chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh	(35.326.070)	(780.830)	(3.680.010)	(258.464)	6.862.007	(33.183.367)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	**32.571.431**	**2.157.037**	**12.018.742**	**93.464**	**(8.434.702)**	**38.405.972**
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(9.431.852)	(695.981)	(7.815.982)	(67.531)	8.434.702	(9.576.644)
Kết quả kinh doanh bộ phận (trước thuế)	**23.139.579**	**1.461.056**	**4.202.760**	**25.933**	**-**	**28.829.328**
III. Tài sản	**790.548.293**	**55.154.822**	**302.676.568**	**10.607.399**	**(30.186.020)**	**1.128.801.062**
1. Tiền mặt	1.557.600	464.875	1.237.218	89.473	-	3.349.166
2. Tài sản cố định	4.992.950	47.907	153.718	235.841	-	5.430.416
3. Tài sản khác	783.997.743	54.642.040	301.285.632	10.282.085	(30.186.020)	1.120.021.480
IV. Nợ phải trả	**671.599.607**	**53.988.390**	**299.554.504**	**8.540.935**	**(21.941.955)**	**1.011.741.481**
1. Nợ phải trả khách hàng bên ngoài	757.034.413	41.539.109	189.100.043	8.114.037	(21.457.268)	974.330.334
2. Nợ phải trả nội bộ	2.028.615	(11.386)	53.738	55.795	(62.785)	2.063.977
3. Nợ phải trả khác	(87.463.421)	12.460.667	110.400.723	371.103	(421.902)	35.347.170

46.3 Mức độ tập trung theo khu vực địa lý của tài sản, công nợ và các khoản mục ngoại bảng

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025:

	Tổng nợ cho vay khách hàng	Tổng tiền gửi, cho vay tại NHNN và các TCTD khác	Hoạt động mua nợ	Cam kết ngoại bảng	Công cụ tài chính phái sinh	Kinh doanh và đầu tư chứng khoán
	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng
Trong nước	1.074.688.741	248.005.231	2.465.314	378.836.572	328.286.344	230.449.032
Nước ngoài	9.330.629	3.422.017	-	772.313	-	51.179
	1.084.019.370	**251.427.248**	**2.465.314**	**379.608.885**	**328.286.344**	**230.500.211**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024:

	Tổng nợ cho vay khách hàng	Tổng tiền gửi, cho vay tại NHNN và các TCTD khác	Hoạt động mua nợ	Cam kết ngoại bảng	Công cụ tài chính phái sinh	Kinh doanh và đầu tư chứng khoán
	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng
Trong nước	769.363.498	103.884.469	1.041.362	237.168.678	164.538.633	217.995.033
Nước ngoài	7.294.348	2.732.272	-	-	-	57.261
	776.657.846	**106.616.741**	**1.041.362**	**237.168.678**	**164.538.633**	**218.052.294**

47. Chính sách quản lý rủi ro tài chính

Phần này cung cấp thông tin về các rủi ro mà MB có thể gặp phải và mô tả chi tiết các phương pháp mà Ban Điều hành MB sử dụng để kiểm soát rủi ro. Các loại rủi ro tài chính quan trọng nhất mà MB thường gặp phải là rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường.

Định hướng của MB là trở thành một tập đoàn tài chính đa năng. Do vậy, việc sử dụng các công cụ tài chính, bao gồm huy động vốn từ khách hàng (bằng sản phẩm tiền gửi và phát hành giấy tờ có giá) và đầu tư vào các tài sản tài chính có chất lượng cao đã trở thành hoạt động mang tính then chốt giúp MB đạt được mức chênh lệch lãi suất cần thiết. Xét từ khía cạnh quản lý rủi ro, MB cần duy trì cơ cấu danh mục tài sản, công nợ và nguồn vốn (bao gồm các khoản mục nội bảng và ngoại bảng) vì mục tiêu an toàn, giảm thiểu rủi ro trong hoạt động ngân hàng. Bên cạnh đó, MB thực hiện đầu tư vào các chứng khoán hay cấp tín dụng cho các ngân hàng khác. Những rủi ro liên quan đến trao đổi ngoại tệ và thay đổi lãi suất được quản lý thông qua áp dụng hạn mức trạng thái nhằm hạn chế sự tập trung quá mức đồng thời tham gia vào các hoạt động có tác dụng cân bằng lẫn nhau để giảm thiểu rủi ro. MB nắm giữ nhiều tài sản là các công cụ tài chính có chất lượng cao để phòng ngừa rủi ro và đảm bảo khả năng thanh khoản. Thêm vào đó, MB cũng tham gia vào nhiều giao dịch phòng ngừa rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính như các cam kết kỳ hạn ngoại tệ, cam kết hoán đổi ngoại tệ, cam kết hoán đổi chéo tiền tệ lãi suất cho mục đích quản lý rủi ro lãi suất và rủi ro tiền tệ.

Trong quá trình quản lý rủi ro tín dụng, MB đã áp dụng Cẩm nang Tín dụng trong đó ghi chi tiết các chính sách và thủ tục cho vay cũng như các hướng dẫn thực hiện để chuẩn hóa các hoạt động tín dụng của MB. Rủi ro thanh khoản được hạn chế thông qua việc nắm giữ một số lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền dưới dạng tài khoản Nostro ở mức độ hợp lý, các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng khác và các giấy tờ có giá. Các tỷ lệ an toàn có tính đến yếu tố rủi ro cũng được sử dụng để quản lý rủi ro thanh khoản. MB thường tiến hành đánh giá chênh lệch lãi suất, so sánh với các thị trường trong nước và quốc tế để có những điều chỉnh kịp thời. Thêm vào đó, việc áp dụng các quy trình quản lý rủi ro nội bộ cũng trở nên hiệu quả hơn nhờ việc triển khai Hệ thống Quản lý Vốn Tập trung và Hệ thống Thanh toán Tập trung, theo đó toàn bộ các giao dịch vốn và thanh toán của MB đều do Hội sở chính thực hiện. Việc đó cho phép MB giám sát hiệu quả hơn các biến đổi về vốn và giảm các sai sót có thể xảy ra cũng như những thủ tục phức tạp không cần thiết.

48. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro vốn có trong hoạt động kinh doanh của các ngân hàng. Rủi ro tín dụng là khả năng xảy ra tổn thất do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình theo cam kết.

MB đã duy trì một chính sách quản lý rủi ro tín dụng đảm bảo những nguyên tắc cơ bản sau:

- Thiết lập một môi trường quản lý rủi ro tín dụng phù hợp;
- Hoạt động theo một quy trình cấp tín dụng lành mạnh;
- Duy trì một quy trình quản lý, đo lường và giám sát tín dụng phù hợp; và
- Đảm bảo kiểm soát đầy đủ đối với rủi ro tín dụng.

MB tiến hành xét duyệt tín dụng qua nhiều cấp để đảm bảo một khoản tín dụng được xem xét một cách độc lập; đồng thời, việc phê duyệt các khoản vay được thực hiện trên cơ sở hạn mức tín dụng được giao cho từng cấp có thẩm quyền. Bên cạnh đó, mô hình phê duyệt tín dụng của Ngân hàng có sự tham gia của Hội đồng tín dụng để đảm bảo hoạt động phê duyệt tín dụng được tập trung với chất lượng cao nhất.

Ngân hàng đang sử dụng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận như một công cụ quản lý để quản trị rủi ro tín dụng, theo đó mỗi khách hàng được xếp loại ở một mức độ rủi ro. Mức độ rủi ro này có thể được sửa đổi, cập nhật thường xuyên. Dữ liệu và kết quả xếp hạng của khách hàng trên toàn hệ thống được kiểm soát và quản lý tập trung tại Hội sở chính. Đây là cơ sở cho việc cấp tín dụng và cung cấp dịch vụ cho khách hàng cũng như việc trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định.

49. Rủi ro lãi suất

Các hoạt động của MB chịu rủi ro về biến động lãi suất khi các tài sản thu lãi và nợ phải trả chịu lãi đáo hạn tại những thời điểm khác nhau hoặc với những giá trị khác nhau. Một số tài sản không có kỳ hạn cụ thể hoặc rất nhạy cảm với lãi suất và không tương ứng với từng khoản công nợ cụ thể.

Bảng dưới đây trình bày các tài sản và nợ phải trả của MB được phân loại theo thời hạn định lại lãi suất theo hợp đồng hoặc theo ngày đáo hạn tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thời hạn định lại lãi suất thực tế là thời hạn còn lại tính từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm cho tới kỳ định lại lãi suất gần nhất của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời hạn định lại lãi suất của các tài sản và công nợ của MB:

- Tiền mặt, vàng bạc đá quý; góp vốn đầu tư dài hạn và các tài sản có khác (bao gồm tài sản cố định và một số tài sản có khác) được xếp loại khoản mục không bị ảnh hưởng do định lại lãi suất;

- Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được xếp loại tiền gửi thanh toán do đó kỳ hạn định lại lãi suất được xếp loại đến một tháng;

- Thời hạn định lại lãi suất của chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

  - Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng: Thời hạn định lại lãi suất dựa trên thời gian đáo hạn tính từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm;
  - Các khoản mục có lãi suất thả nổi: Thời hạn định lại lãi suất dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất tính từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm;
  - Các chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh là chứng khoán vốn được xếp vào khoản mục không bị ảnh hưởng do định lại lãi suất.

- Thời hạn định lại lãi suất của các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác; các khoản cho vay khách hàng, các khoản ủy thác và nhận ủy thác; nợ Chính phủ và NHNNVN; các khoản tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác; các khoản tiền gửi của khách hàng; các khoản vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro và phát hành giấy tờ có giá được xác định như sau:

  - Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng: Thời hạn định lại lãi suất dựa trên thời gian đáo hạn tính từ ngày kết thúc kỳ kế toán;
  - Các khoản mục có lãi suất thả nổi: Thời hạn định lại lãi suất dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất tính từ ngày kết thúc kỳ kế toán;

- Các khoản nợ khác được xếp vào khoản mục không bị ảnh hưởng do định lại lãi suất.

49. Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày thời hạn định lại lãi suất của tài sản và nợ phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2025:

			Thời hạn định lại lãi suất						
	Quá hạn	Không ảnh hưởng thay đổi lãi suất	Đến 1 tháng	Từ 1 - 3 tháng	Từ 3 - 6 tháng	Từ 6 - 12 tháng	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng
Tài sản									
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	4.965.786	-	-	-	-	-	-	4.965.786
Tiền gửi tại NHNN	-	68.494.426	-	-	-	-	-	-	68.494.426
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	166.159.332	1.943.165	2.748.229	8.773.053	3.309.043	-	182.932.822
Chứng khoán kinh doanh (*)	-	316.928	4.375.694	-	-	-	-	-	4.692.622
Cho vay khách hàng và mua nợ (*)	18.760.143	-	302.220.332	419.365.019	129.683.218	136.984.091	79.187.143	284.738	1.086.484.684
Chứng khoán đầu tư (*)	50.000	-	10.937.610	44.494.443	26.157.043	34.366.222	55.648.293	54.153.978	225.807.589
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	559.624	-	-	-	-	-	-	559.624
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	5.839.360	-	-	-	-	-	-	5.839.360
Tài sản Có khác (*)	70.224	49.532.988	-	-	-	-	-	-	49.603.212
Tổng tài sản (1)	**18.880.367**	**129.709.112**	**483.692.968**	**465.802.627**	**158.588.490**	**180.123.366**	**138.144.479**	**54.438.716**	**1.629.380.125**
Nợ phải trả									
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-	9.709.596	33.245.461	4.519.743	-	-	-	47.474.800
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	182.722.905	29.701.266	14.804.974	2.225.816	18.562.528	-	248.017.489
Tiền gửi của khách hàng	-	-	488.870.849	125.378.267	182.115.797	110.978.431	14.007.355	17.433	921.368.132
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	(113.749)	638.575	74.611	(11.784)	110.854	-	698.507
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	-	-	710.625	1.645.857	310.067	1.242.322	3.962	-	3.912.833
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	5.844.402	28.291.587	19.187.149	44.816.310	70.174.893	18.921.763	187.236.104
Các khoản nợ khác (*)	-	65.031.349	-	-	-	-	-	-	65.031.349
Tổng nợ phải trả (2)	**-**	**65.031.349**	**687.744.628**	**218.901.013**	**221.012.341**	**159.251.095**	**102.859.592**	**18.939.196**	**1.473.739.214**
Mức chênh nhạy cảm với lãi suất nội bảng (3) = (1) – (2)	**18.880.367**	**64.677.763**	**(204.051.660)**	**246.901.614**	**(62.423.851)**	**20.872.271**	**35.284.887**	**35.499.520**	**155.640.911**
Các cam kết ngoại bảng có tác động tới mức độ nhạy cảm với lãi suất của các tài sản và công nợ (ròng) (4)	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
Mức chênh nhạy cảm với lãi suất nội, ngoại bảng (5) = (3) + (4)	**18.880.367**	**64.677.763**	**(204.051.660)**	**246.901.614**	**(62.423.851)**	**20.872.271**	**35.284.887**	**35.499.520**	**155.640.911**

(*) Không bao gồm dự phòng rủi ro

49. Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày thời hạn định lại lãi suất của tài sản và nợ phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2024:

			Thời hạn định lại lãi suất						
	Quá hạn	Không ảnh hưởng thay đổi lãi suất	Đến 1 tháng	Từ 1 - 3 tháng	Từ 3 - 6 tháng	Từ 6 - 12 tháng	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng
Tài sản									
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	3.349.166	-	-	-	-	-	-	3.349.166
Tiền gửi tại NHNN	-	29.825.253	-	-	-	-	-	-	29.825.253
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	64.954.583	3.885.740	2.718.747	2.535.499	2.696.919	-	76.791.488
Chứng khoán kinh doanh (*)	-	212.152	7.719.682	-	-	-	-	-	7.931.834
Cho vay khách hàng và mua nợ (*)	18.894.036	-	251.016.585	282.018.924	97.486.454	85.893.184	41.905.455	484.570	777.699.208
Chứng khoán đầu tư (*)	226.635	-	20.895.655	20.328.109	21.361.341	42.640.018	44.438.056	60.230.646	210.120.460
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	775.670	-	-	-	-	-	-	775.670
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	5.664.531	-	-	-	-	-	-	5.664.531
Tài sản Có khác (*)	291.790	28.900.121	-	-	-	-	-	-	29.191.911
Tổng tài sản (1)	**19.412.461**	**68.726.893**	**344.586.505**	**306.232.773**	**121.566.542**	**131.068.701**	**89.040.430**	**60.715.216**	**1.141.349.521**
Nợ phải trả									
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-	8.156.285	-	-	-	-	-	8.156.285
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	89.519.309	8.597.611	3.590.615	8.462.050	-	-	110.169.585
Tiền gửi của khách hàng	-	-	386.473.392	120.624.054	114.310.515	80.948.040	11.778.306	20.172	714.154.479
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	(193.425)	72.330	91.253	153.387	68.000	-	191.545
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	-	-	540.433	1.411.277	774.781	-	62.249	4.713	2.793.453
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	4.899.998	5.050.569	30.297.714	35.928.347	39.985.764	12.801.641	128.964.033
Các khoản nợ khác (*)	-	47.311.049	-	-	-	-	-	-	47.311.049
Tổng nợ phải trả (2)	**-**	**47.311.049**	**489.395.992**	**135.755.841**	**149.064.878**	**125.491.824**	**51.894.319**	**12.826.526**	**1.011.740.429**
Mức chênh nhạy cảm với lãi suất nội bảng (3) = (1) – (2)	**19.412.461**	**21.415.844**	**(144.809.487)**	**170.476.932**	**(27.498.336)**	**5.576.877**	**37.146.111**	**47.888.690**	**129.609.092**
Các cam kết ngoại bảng có tác động tới mức độ nhạy cảm với lãi suất của các tài sản và công nợ (ròng) (4)	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
Mức chênh nhạy cảm với lãi suất nội, ngoại bảng (5) = (3) + (4)	**19.412.461**	**21.415.844**	**(144.809.487)**	**170.476.932**	**(27.498.336)**	**5.576.877**	**37.146.111**	**47.888.690**	**129.609.092**

(*) Không bao gồm dự phòng rủi ro

50. Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị biến động xuất phát từ biến động tỷ giá. MB được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng Việt Nam. Đồng tiền giao dịch chính của MB cũng là đồng Việt Nam. Các khoản cho vay khách hàng của MB chủ yếu bằng đồng Việt Nam và Đô la Mỹ. Một số tài sản khác của MB bằng ngoại tệ khác ngoài đồng Việt Nam và Đô la Mỹ. MB đã thiết lập hạn mức trạng thái cho từng loại tiền tệ dựa trên hệ thống đánh giá rủi ro nội bộ của MB và các quy định của NHNNVN. Trạng thái đồng tiền được quản lý hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được MB sử dụng để đảm bảo trạng thái đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Phân loại tài sản và công nợ theo loại tiền tệ đã được quy đổi sang VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

	USD được quy đổi	EUR được quy đổi	Ngoại tệ khác được quy đổi	Tổng cộng
	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng
Tài sản				
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	318.803	44.533	59.114	422.450
Tiền gửi tại NHNN	12.384.969	2.426	300.662	12.688.057
Tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác	12.419.829	418.297	1.958.275	14.796.401
Cho vay khách hàng và mua nợ (*)	55.278.609	114.471	1.325.612	56.718.692
Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	51.179	51.179
Góp vốn đầu tư dài hạn (*)	-	2.731	-	2.731
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	347.980	-	15.470	363.450
Tài sản Có khác (*)	1.441.803	558	78.144	1.520.505
Tổng tài sản (1)	**82.191.993**	**583.016**	**3.788.456**	**86.563.465**
Nợ phải trả				
Tiền gửi và vay các TCTD khác	63.554.466	128.715	1.283.482	64.966.663
Tiền gửi của khách hàng	41.580.112	4.962.898	1.280.217	47.823.227
Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	(21.650.296)	(4.457.059)	639.298	(25.468.057)
Các khoản nợ khác (*)	1.825.355	16.490	217.436	2.059.281
Vốn và quỹ khác	28.537	-	-	28.537
Tổng nợ phải trả (2)	**85.338.174**	**651.044**	**3.420.433**	**89.409.651**
Trạng thái tiền tệ nội bảng (3) = (1) – (2)	**(3.146.181)**	**(68.028)**	**368.023**	**(2.846.186)**
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng (4)	**933.477**	**10.831**	**41.706**	**986.014**
Tổng trạng thái (5) = (3) + (4)	**(2.212.704)**	**(57.197)**	**409.729**	**(1.860.172)**

(*) Không bao gồm dự phòng rủi ro

Phân loại tài sản và công nợ theo loại tiền tệ đã được quy đổi sang VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

	USD được quy đổi	EUR được quy đổi	Ngoại tệ khác được quy đổi	Tổng cộng
	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng
Tài sản				
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	256.940	48.988	57.730	363.658
Tiền gửi tại NHNN	2.472.885	2.407	140.486	2.615.778
Tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác	4.690.728	487.551	2.015.671	7.193.950
Cho vay khách hàng và mua nợ (*)	38.586.938	-	1.151.561	39.738.499
Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	57.261	57.261
Góp vốn đầu tư dài hạn (*)	-	2.731	-	2.731
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	231.468	-	4.374	235.842
Tài sản Có khác (*)	2.251.403	107.619	42.294	2.401.316
Tổng tài sản (1)	**48.490.362**	**649.296**	**3.469.377**	**52.609.035**
Nợ phải trả				
Tiền gửi và vay các TCTD khác	18.085.016	127.196	803.897	19.016.109
Tiền gửi của khách hàng	30.145.358	5.030.936	1.067.443	36.243.737
Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	(2.001.169)	(3.142.023)	1.071.786	(4.071.406)
Các khoản nợ khác (*)	2.202.352	14.243	167.702	2.384.297
Vốn và quỹ khác	6.810	-	-	6.810
Tổng nợ phải trả (2)	**48.438.367**	**2.030.352**	**3.110.828**	**53.579.547**
Trạng thái tiền tệ nội bảng (3) = (1) – (2)	***51.995***	***(1.381.056)***	***358.549***	***(970.512)***
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng (4)	***(150.297)***	***26.715***	***47.747***	***(75.835)***
Tổng trạng thái (5) = (3) + (4)	***(98.302)***	***(1.354.341)***	***406.296***	***(1.046.347)***

(*) Không bao gồm dự phòng rủi ro

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN · 2025

51. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản phát sinh trong quá trình MB huy động vốn nói chung và trong quá trình quản lý các trạng thái tiền tệ của MB. Rủi ro thanh khoản bao gồm rủi ro do việc không có khả năng huy động được tài sản theo các thời điểm đáo hạn và lãi suất phù hợp cũng như rủi ro do việc không có khả năng thanh lý được một tài sản với một giá cả hợp lý và trong một khoảng thời gian phù hợp.

Rủi ro thanh khoản được đo lường thông qua việc sử dụng các chỉ số liên quan tới dòng tiền, khả năng huy động vốn, khả năng thanh khoản tài sản của MB. Ngoài ra, MB cũng có các bộ phận chuyên trách cập nhật các thông tin kinh tế trong và ngoài nước có ảnh hưởng trực tiếp tới Sổ kinh doanh (Trading book) và chiến lược kinh doanh của MB cũng như dự báo biến động của các yếu tố thị trường: tỷ giá, lãi suất, giá vàng để có những cảnh báo rủi ro kịp thời. MB cũng xây dựng và áp dụng hệ thống hạn mức, thẩm quyền phán quyết từng cấp dựa trên kết quả đo lường rủi ro cho từng danh mục.

Bảng dưới đây trình bày phân tích tài sản và nợ phải trả của MB theo các nhóm kỳ đáo hạn tương ứng tính theo thời hạn còn lại từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày phải thanh toán. Trong thực tế, kỳ đáo hạn thực tế của tài sản và nợ phải trả có thể khác thời hạn theo hợp đồng theo phụ lục hợp đồng có thể có.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đến hạn của các tài sản và công nợ của MB:

- Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được xếp loại tiền gửi thanh toán, trong đó bao gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc. Số dư của tiền gửi dự trữ bắt buộc phụ thuộc vào thành phần và kỳ hạn của các khoản tiền gửi khách hàng của MB;
- Thời gian đáo hạn của chứng khoán đầu tư là chứng khoán nợ được tính dựa trê ngày đáo hạn của từng loại chứng khoán;
- Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán vốn được xếp vào loại kỳ hạn đến một tháng;
- Thời gian đến hạn của các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD và các khoản cho vay khách hàng được xác định dựa vào ngày đến hạn của hợp đồng. Thời gian đến hạn thực tế có thể thay đổi do các khế ước cho vay được gia hạn. Ngoài ra, các khoản cho vay khách hàng được thể hiện bằng giá trị gốc không bao gồm dự phòng rủi ro;
- Thời gian đến hạn của các khoản góp vốn mua cổ phần, chứng khoán đầu tư là chứng khoán vốn được coi là từ (1) năm đến (5) năm do các khoản đầu tư này không có thời gian đáo hạn xác định;
- Các khoản tiền gửi, tiền vay của các tổ chức tín dụng và các khoản tiền gửi của khách hàng được xác định dựa vào tính chất của các khoản này hoặc thời gian đáo hạn trên hợp đồng. Tiền gửi thanh toán được xác định dựa trên kết quả phân tích mô hình hành vi khách hàng. Thời gian đáo hạn đối với các khoản vay và tiền gửi có kỳ hạn được xác định dựa trên ngày đến hạn theo hợp đồng;
- Thời gian đáo hạn của khoản mục phát hành giấy tờ có giá được tính dựa trên ngày đáo hạn theo hợp đồng của từng loại giấy tờ có giá; và
- Thời gian đến hạn của tài sản cố định được xác định xếp loại vào loại từ một (1) đến năm (5) năm.

51. Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày thời gian đáo hạn của tài sản và nợ phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2025:

	Quá hạn		Trong hạn					
	Trên 3 tháng	Đến 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 12 tháng	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng
Tài sản								
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	4.965.786	-	-	-	-	4.965.786
Tiền gửi tại NHNN	-	-	68.494.426	-	-	-	-	68.494.426
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	166.159.332	1.943.165	11.521.282	3.112.294	196.749	182.932.822
Chứng khoán kinh doanh	-	-	4.692.622	-	-	-	-	4.692.622
Cho vay khách hàng và mua nợ (*)	12.864.704	5.895.439	84.073.019	183.742.991	367.844.841	228.510.230	203.553.460	1.086.484.684
Chứng khoán đầu tư (*)	50.000	-	1.247.983	33.823.614	62.462.672	57.476.906	70.746.414	225.807.589
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	-	-	-	-	559.624	-	559.624
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	5.839.360	-	5.839.360
Tài sản Có khác (*)	70.224	-	46.651.670	159.579	2.396.880	279.242	45.617	49.603.212
Tổng tài sản (1)	**12.984.928**	**5.895.439**	**376.284.838**	**219.669.349**	**444.225.675**	**295.777.656**	**274.542.240**	**1.629.380.125**
Nợ phải trả								
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-	9.709.596	33.245.461	4.519.743	-	-	47.474.800
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	182.722.906	29.701.266	17.030.789	18.562.528	-	248.017.489
Tiền gửi của khách hàng	-	-	218.693.525	125.403.741	293.206.106	284.047.327	17.433	921.368.132
Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	(113.748)	638.575	62.826	110.854	-	698.507
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	-	-	710.625	1.645.857	1.552.389	3.962	-	3.912.833
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	5.278.739	28.293.363	64.453.114	69.288.314	19.922.574	187.236.104
Các khoản nợ khác (*)	-	-	64.563.367	142.904	301.625	20.176	3.277	65.031.349
Tổng nợ phải trả (2)	**-**	**-**	**481.565.010**	**219.071.167**	**381.126.592**	**372.033.161**	**19.943.284**	**1.473.739.214**
Mức chênh thanh khoản ròng (3) = (1) – (2)	**12.984.928**	**5.895.439**	**(105.280.172)**	**598.182**	**63.099.083**	**(76.255.505)**	**254.598.956**	**155.640.911**

(*) Không bao gồm dự phòng rủi ro

51. Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày thời gian đáo hạn của tài sản và nợ phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2024:

	Quá hạn		Trong hạn					
	Trên 3 tháng	Đến 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 12 tháng	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng
Tài sản								
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	3.349.166	-	-	-	-	3.349.166
Tiền gửi tại NHNN	-	-	29.825.253	-	-	-	-	29.825.253
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	64.954.583	3.885.740	5.254.246	2.696.919	-	76.791.488
Chứng khoán kinh doanh	-	-	7.931.834	-	-	-	-	7.931.834
Cho vay khách hàng và mua nợ (*)	11.578.085	7.315.951	43.910.197	121.190.706	291.621.012	152.724.625	149.358.632	777.699.208
Chứng khoán đầu tư (*)	226.635	-	2.003.036	9.611.758	67.504.868	51.717.125	79.057.038	210.120.460
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	-	-	-	-	775.670	-	775.670
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	5.664.531	-	5.664.531
Tài sản Có khác (*)	291.790	-	26.208.728	524.101	1.905.589	254.222	7.481	29.191.911
Tổng tài sản (1)	**12.096.510**	**7.315.951**	**178.182.797**	**135.212.305**	**366.285.715**	**213.833.092**	**228.423.151**	**1.141.349.521**
Nợ phải trả								
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-	8.156.285	-	-	-	-	8.156.285
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	89.519.309	8.597.611	12.052.665	-	-	110.169.585
Tiền gửi của khách hàng	-	-	386.473.392	120.624.054	195.258.555	11.778.306	20.172	714.154.479
Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	(220.132)	59.511	244.640	107.526	-	191.545
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	-	-	540.433	1.411.277	774.781	62.249	4.713	2.793.453
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	4.899.998	5.050.569	66.226.061	39.686.560	13.100.845	128.964.033
Các khoản nợ khác (*)	-	-	46.748.896	50.817	473.467	37.525	344	47.311.049
Tổng nợ phải trả (2)	**-**	**-**	**536.118.181**	**135.793.839**	**275.030.169**	**51.672.166**	**13.126.074**	**1.011.740.429**
Mức chênh thanh khoản ròng (3) = (1) – (2)	**12.096.510**	**7.315.951**	**(357.935.384)**	**(581.534)**	**91.255.546**	**162.160.926**	**215.297.077**	**129.609.092**

(*) Không bao gồm dự phòng rủi ro

52. Cam kết thuê hoạt động

	31/12/2025	31/12/2024
	triệu đồng	triệu đồng
Đến hạn trong 1 năm	166.179	77.697
Đến hạn từ 1 đến 5 năm	1.509.453	1.187.143
Đến hạn sau 5 năm	594.312	473.524
	2.269.944	**1.738.364**

53. Thuyết minh về biến động lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế của MB cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 so với năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 tăng 4.431.714 triệu đồng, tương đương mức tăng 19,31% do các nguyên nhân sau:

Khoản mục biến động lớn	Giá trị
	triệu đồng
Tăng thu nhập lãi thuần	10.457.898
Tăng lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	2.210.432
Giảm lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	(243.242)
Giảm lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	(1.087.638)
Giảm lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	(1.213.012)
Tăng lãi thuần từ hoạt động khác	2.033.654
Tăng thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	121.701
Tăng chi phí hoạt động	(2.673.903)
Tăng chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(4.166.860)
Tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.007.316)
	4.431.714

54. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Cho đến ngày phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2025 có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của MB và yêu cầu phải được điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất của MB.

55. Tỷ giá một số loại ngoại tệ so với VND vào thời điểm cuối kỳ kế toán năm

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
USD	26.290,00	25.450,00
EUR	30.945,00	26.715,00
GBP	35.443,00	32.025,00
JPY	168,88	163,92
CHF	33.195,00	28.340,50
AUD	17.641,00	15.915,50
CAD	19.250,50	17.841,50
SGD	20.505,50	18.808,00
THB	841,86	752,87
SEK	2.879,53	2.324,87

Người lập:

Bà **Lê Thị Huyền Trang**
Giám đốc Trung tâm
Kế toán

Người kiểm soát:

Bà **Đặng Thúy Dung**
Kế toán Trưởng

Bà **Nguyễn Thị Thanh Nga**
Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt:

Ông **Phạm Như Ánh**
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 07 tháng 03 năm 2026

Xác nhận của đại diện theo pháp luật của công ty

Ông **Lưu Trung Thái**
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUÂN ĐỘI (MB)

Địa chỉ: Toà nhà MB, số 18 Lê Văn Lương, Phường Yên Hoà,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Email: info@mbbank.com.vn
Website: www.mbbank.com.vn